



ALPHA & OMEGA

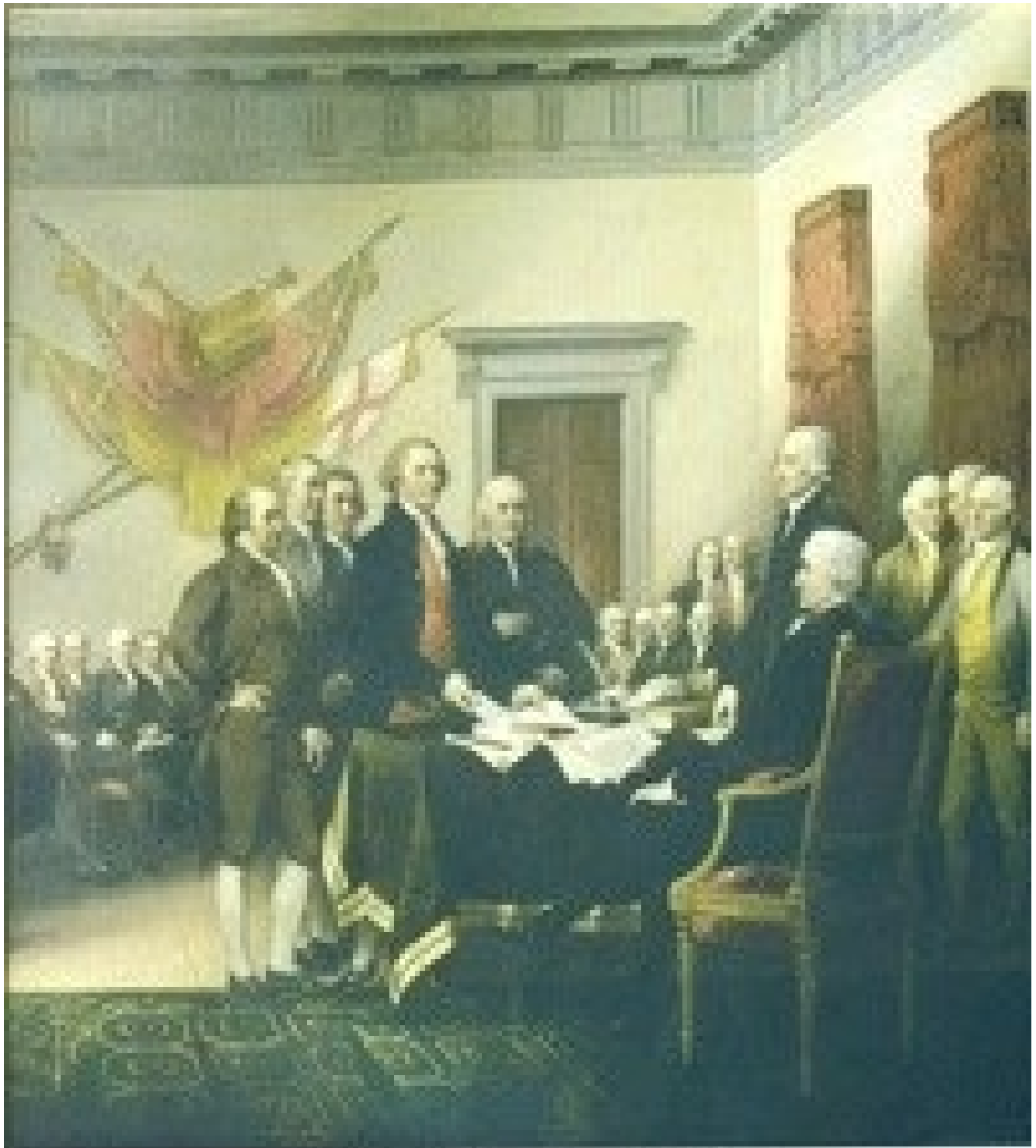


alphabooks®

Hiến pháp Mỹ

ĐƯỢC LÀM RA NHƯ THẾ NÀO?

Nguyễn Cảnh Bình



Hiến pháp Mỹ

ĐƯỢC LÀM RA NHƯ THẾ NÀO?

Nguyễn Cảnh Bình



Table of Contents

[Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Lời mở đầu](#)

[Lời cảm ơn](#)

[Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?](#)

[Phần I: Tóm tắt quá trình xây dựng hiến pháp mỹ](#)

[Phần II: Các cuộc tranh luận tại hội nghị lập hiến](#)

[Phần III: Một số bức thư và tranh luận điển hình về hiến pháp mỹ](#)

[Phần IV: Chân dung những đại biểu tham dự hội nghị lập hiến](#)

[Phụ lục: Hệ thống văn bản hiến pháp mỹ](#)

[Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ](#)

NGUYỄN CẢNH BÌNH Biên soạn

HIẾN PHÁP MỸ ĐƯỢC LÀM RA NHƯ THẾ NÀO?

Bản quyền tiếng Việt © Alpha Books & Nguyễn Cảnh Bình

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Lưu hành trực tuyến: Chuyên trang
Học luật trực tuyến (hocluat.vn)

 fb.com/hocluat.vn

 tailieu@hocluat.vn



Nên chia sẻ để học tập, không nên thương mại hóa

LỜI GIỚI THIỆU

Với tư cách là một người giảng dạy ngành luật Hiến pháp Việt Nam tại Đại học Quốc gia Hà Nội, tôi rất phấn khởi viết lời giới thiệu cuốn sách này của tác giả Nguyễn Cảnh Bình.

Nguyễn Cảnh Bình là một người rất xa lạ với giới Luật học chúng tôi. Anh là một Thạc sĩ khoa học tự nhiên - chuyên ngành hóa học, nhưng rất lạ thay, anh có niềm say mê Hiến pháp - Chính quyền đến lạ lùng, niềm say mê mà ngay cả những người chuyên ngành chúng tôi cũng không thể có được. Dù ở hai lĩnh vực rất khác nhau và có thể nói ở hai thế hệ khác nhau nhưng chúng tôi cùng đến với nhau qua những trang viết về Hiến pháp và những nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Hiến pháp - Chính quyền. Nguyễn Cảnh Bình đã đọc những cuốn sách của tôi viết về Hiến pháp, tự viết thư cho tôi thông qua Nhà xuất bản. Và ngược lại, tôi cũng tự đọc bài báo về James Madison và những người từng soạn thảo bản Hiến pháp Mỹ, bản hiến pháp thành văn đầu tiên của thế giới, dưới cái tên Nguyễn Cảnh Bình rất xa lạ. Sau đây ít lâu, chúng tôi đã gặp nhau. Thật là một sự tâm đầu ý hợp. Vượt qua mọi khác biệt, chúng tôi đã có những cuộc trao đổi khoa học rất bổ ích.

Nội dung cuốn Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào? bao gồm những mẩu chuyện rất hấp dẫn về quá trình soạn thảo Hiến pháp, về những cuộc tranh luận cực kỳ gay go và nan giải trong quá trình soạn thảo bản Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787, những bức thư đầy tính nhân bản và trách nhiệm của những người tham dự Hội nghị lập hiến. Đặc điểm của cuốn sách này là không chỉ trình bày những luận điểm hậu thuẫn cho việc thành lập ra Nhà nước Liên bang với tên gọi Hợp chúng quốc Hoa Kỳ như hiện nay mà cả những luận điểm chống lại sự hình thành này, đó là những điều chúng ta chưa hoặc là rất ít có điều kiện biết đến. Qua những tranh luận đó, dù tán thành hay phản đối thì những lập luận này cũng rất chân thành và đều chung một mong ước thiết lập một quốc gia thịnh vượng và bền vững. Có thể nói bản Hiến pháp Hoa

Kỳ được xây dựng như ngày nay cũng một phần nhờ những chống đối đó, điển hình là Tuyên ngôn Nhân quyền. Do đó, cuốn Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào? có cách tiếp cận về lịch sử lập hiến khá toàn diện, không chỉ góp phần giải thích ý nghĩa của bản Hiến pháp Mỹ mà còn giúp người đọc hiểu được quá trình xây dựng một đạo luật. Với cách tiếp cận như thế, tác giả sẽ có những đóng góp nhất định cho việc tìm hiểu và nghiên cứu về Hiến pháp Hoa Kỳ ở nước ta.

Đây là tác phẩm thứ hai của anh Nguyễn Cảnh Bình về Hiến pháp Hoa Kỳ, sau cuốn sách rất lý thú về Alexander Hamilton, một trong những tác giả rất xuất sắc của tác phẩm Những bài báo Người liên bang (Federalist Papers).

Mặc dù không phải là người được đào tạo cơ bản về kiến thức luật học ở nhà trường, nhưng niềm đam mê và sự ham hiểu biết đã giúp anh vượt qua tất cả. Các tác phẩm của anh về lĩnh vực này rất có giá trị cho việc nghiên cứu về hiến pháp của giới chuyên môn cũng như những người muốn tìm hiểu khác.

Tôi xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

PGS. TS NGUYỄN ĐĂNG DUNG

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

LỜI MỞ ĐẦU

Cuối năm 2000, tôi bắt đầu tập trung nghiên cứu Hiến pháp Mỹ. Lý do thứ nhất là vì bản hiến pháp của nước Mỹ là lâu đời nhất và nổi tiếng nhất với trên 200 năm lịch sử trong khi các bản hiến pháp hiện nay của Pháp, Đức, Nhật, Nga đều là những bản hiến pháp mới mẻ và có thời gian tồn tại chưa lâu. Tôi muốn hiểu tại sao và do đâu nước Mỹ lại có được sự ổn định đó.

Lý do thứ hai là trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước ta ngày 2 tháng Chín năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn những lời nói thật bất hủ của bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ do Thomas Jefferson viết "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã ban cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Chính thế hệ những người đã làm nên cuộc Cách mạng Mỹ đó như Thomas Jefferson và George Washington đã đặt nền tảng cho nhà nước Cộng hòa Mỹ bằng bản hiến pháp này. Tôi muốn tìm hiểu kỹ xem họ đã làm ra bản hiến pháp đó như thế nào và cùng với việc học hỏi bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, chúng ta có thể học hỏi được gì từ quá trình soạn thảo Hiến pháp Mỹ trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng một chính quyền mạnh và hiệu quả.

Trong quá trình nghiên cứu, tôi rất may mắn vì những tài liệu về quá trình soạn thảo và làm ra bản Hiến pháp Mỹ được công khai ở dạng on-line trong thư viện điện tử của Quốc hội Mỹ. Tôi tin rằng không một bản Hiến pháp nào, kể cả những bản Hiến pháp hiện đại được làm ra sau này, lại lưu giữ đầy đủ, chính xác và chi tiết mọi vấn đề liên quan đến việc soạn thảo và phê chuẩn như bản Hiến pháp Mỹ. Tất cả những văn bản viết tay, những cuộc thảo luận, những bức thư của những chính khách đương thời, những bài báo tán thành và phản đối bản Hiến pháp... đều được lưu giữ rất cẩn thận và đầy đủ. Đó là kho tư liệu vô cùng đồ sộ mà nếu in ra có thể lên tới hàng chục nghìn trang. Trong một lượng tài liệu khổng lồ như vậy, tôi chỉ chọn dịch

những phần điển hình nhất trong vài tác phẩm cơ bản là cuốn Elliot's Debate, cuốn Farrand's Record, cuốn The Debates in the Federal Convention of 1787 của Madison và cuốn Federalist Papers. Chi tiết từng bài, hay từng phần, tôi có ghi lại nguồn tư liệu và cố gắng giải thích trước khi vào bản chính để bạn đọc dễ hiểu. Ngoài ra, tôi cũng lược dịch tiêu sử những chính khách Mỹ đã tham gia Hội nghị Lập hiến 1787 để bạn đọc nắm được bản chất quan điểm và những đóng góp của họ cho lịch sử nước Mỹ.

Nhưng bên cạnh sự may mắn, tôi cũng gặp phải khá nhiều khó khăn. Trước hết, những tài liệu này đều được viết bằng văn phong của thế kỷ XVIII nên khá khó đọc, rắc rối, nhiều chỗ viết tắt và có chỗ sử dụng những ngôn ngữ tiếng Latin. Một khó khăn khác là các tác giả tham gia soạn thảo Hiến pháp Mỹ đều có kiến thức rất uyên bác vì họ đọc rất nhiều các tác phẩm lịch sử và luật pháp của thế giới, nên thường viện dẫn những sự kiện và nhân vật lịch sử trong các thành bang Hy Lạp, nền Cộng hòa La Mã cổ đại, nhà nước quân chủ Anh, Pháp, liên bang Phổ, Thụy Sĩ và Hà Lan... Những kiến thức này khá xa lạ, ít được nhắc đến ở Việt Nam và các nguồn tra cứu cũng không phải dễ dàng tìm được. Nhưng bởi trước đây, tôi đã dịch tác phẩm *Giương Danh nhân của Plutarch về lịch sử Hy Lạp cổ đại*, nên những kinh nghiệm thu được cũng góp ích rất nhiều cho việc chú thích.

Về bản dịch, tôi cố gắng dịch sát nghĩa tới đa tới mức có thể, giữ lại một số nét văn phong lịch sử và kiểu cách của thế kỷ XVIII để không làm bản dịch quá hiện đại. Ngoài ra, tôi cũng cố gắng giải thích những sự kiện, những con người và các bối cảnh được đề cập trong các cuốn này. Các nguồn tư liệu sử dụng để tham khảo, chủ yếu, tôi lấy từ bộ từ điển Encarta 2002, cuốn *The Governments of Europe* của Frederic Austin Ogg, cuốn *Europe: from the Renaissance to Waterloo* của Ergang và một số nguồn tra cứu khác, nhưng chắc rằng vẫn không tránh khỏi những sai sót. Ngoài ra, tên các bang của Mỹ được viết tắt như sau: MA: Massachusetts; CT: Connecticut; NY: New York; NJ: New Jersey; PA: Pennsylvania; DE: Delaware; MD: Maryland;

VA: Virginia; NC: Bắc Caroline; SC: Nam Caroline; GA: Georgia; NH: New Hampshire.

Tuy nhiên, do đây là chủ đề khó cùng với việc kinh nghiệm, trình độ kiến thức còn nhiều hạn chế nên không thể tránh khỏi sai sót. Tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý và bổ sung của bạn đọc. Thư xin gửi về địa chỉ binhnc@yahoo.com.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ và động viên của những người bạn tôi trong Nhóm Dịch Trẻ, cảm ơn TS Ngô Đức Mạnh, Vụ Thông tin, Văn phòng Quốc hội và nhất là PGS, TS Nguyễn Đăng Dung đã có những góp ý quý báu về nội dung cuốn sách này. Tôi hy vọng cuốn sách sẽ góp phần mang đến cho bạn đọc những thông tin bổ ích và cần thiết ở một khía cạnh nào đó.

Tháng Mười hai, năm 2002

NGUYỄN CẢNH BÌNH

LỜI CẢM ƠN

Kể từ khi tôi bắt đầu biên soạn cuốn sách này vào cuối năm 2000 đến nay đã hơn 9 năm, đây là lần thứ 3 cuốn sách được tái bản.

Trong lần tái bản này, tôi không bổ sung gì mà chỉ chỉnh sửa một số phần trong nội dung cuốn sách vì tất cả những gì trình bày đã đủ nói lên tinh thần và ý nghĩa của Hiến pháp Mỹ. Có thể suốt 8 năm qua, tôi đã không dành nhiều thời gian để nghiên cứu Hiến pháp Mỹ như giai đoạn trước đây, không có điều kiện để vùi đầu vào những trang viết của Madison, của Hamilton, hay của Jefferson như đã từng mong ước; vẫn chưa dịch được trọn vẹn tác phẩm Người liên bang như dự định...

Nhưng khi nhìn nhận lại ý nghĩa và bài học từ quá trình soạn thảo bản Hiến pháp Mỹ, tôi nhận thấy bản thân bản hiến pháp, dù được soạn sửa tốt đến đâu, cũng không có nhiều giá trị. Bản thân những nguyên tắc, kể cả cấu trúc tam quyền phân lập dù có được trù tính, thiết kế cẩn thận đến đâu cũng không thể phát huy tác dụng. Có một nhân tố khác quan trọng hơn, mang tính quyết định hơn đó là tư duy, là trí tuệ, là tính nhân bản, là tinh thần và tựu chung là tầm vóc của dân tộc, của đất nước đó. Bản Hiến pháp Mỹ từng được áp dụng cho các quốc gia Nam Mỹ từ thế kỷ XVIII như Brazil, Argentina hay gần đây là Philippines trong thế kỷ XIX nhưng đều không mang lại sự thịnh vượng, không đảm bảo sự ổn định... Vì thế, tôi nghĩ bản thân bản hiến pháp không quan trọng, mà quá trình biên soạn và quá trình áp dụng trong thực tiễn mới thực sự giữ vai trò quan trọng.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của đông đảo độc giả, bạn bè và các đồng nghiệp của tôi ở Alpha Books... đã giúp đỡ tôi trong quá trình tái bản cuốn sách này.

Bản thân tôi khi bắt đầu soạn, tôi không nghĩ rằng 9 năm sau, nó vẫn được nhiều độc giả tìm kiếm, vẫn được nhiều người yêu thích và khen ngợi. Vì

vậy, xin coi đây như lời cảm ơn và là món quà gửi tặng những bạn bè, đồng
giả vì đã luôn đồng viên, giúp đỡ và khuyến khích tôi trong suốt quãng
đường dài...

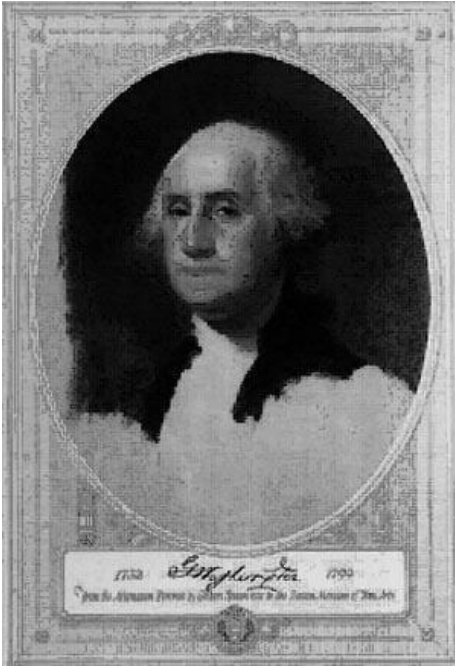
Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 4 năm 2010

NGUYỄN CẢNH BÌNH

Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?





George Washington (1732-1799)

Chủ tịch Hội nghị Lập hiến, Tổng thống đầu tiên của Mỹ (1789-1797)

Phần I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HIẾN PHÁP MỸ

“Liệu có phải cuộc sống quá đáng yêu và hòa bình quá ngọt ngào tới mức phải mua bằng xiềng xích và nô lệ không? Ông Chúa tối cao, hãy đừng bao giờ như vậy. Tôi không biết những người khác sẽ chọn con đường nào. Nhưng với tôi, hãy cho tôi tự do hay là chết”.

Bài phát biểu của Patrick Henry, tại Đại hội tiểu bang Virginia

Ngày 23 tháng Ba năm 1775.

Hội nghị Lập hiến

Thứ Sáu, ngày 25 tháng Năm năm 1787, một lớp đất mới được trải lên con đường rải sỏi phía trước tòa nhà Hạ viện tiểu bang Pennsylvania, trên đường Chestnut, giúp những người đàn ông đang họp bên trong tránh khỏi những

tiếng ồn ào của những chiếc xe ngựa chạy bên ngoài. Lính gác đứng ở cửa ngăn không cho những đám đông tò mò vào bên trong và giữ họ ở một khoảng cách xa.

Đây là những đại biểu tham dự Hội nghị Liên bang, được các tiểu bang cử đến với nhiệm vụ sửa đổi những thiếu sót của chính quyền đương thời. Hội nghị dự định khai mạc từ ngày 14 tháng Năm, nhưng lúc đó chỉ có mặt các đại biểu của tiểu bang Virginia và Pennsylvania, nên buộc phải hoãn lại.

Trong ngày đầu khai mạc Robert Morris, đại biểu tiểu bang Pennsylvania, nhà "tài chính" của cuộc Cách mạng Mỹ, đã mở đầu Hội nghị bằng việc đề cử Tướng George Washington cho chức Chủ tịch Hội nghị Lập hiến. Phiếu bầu hoàn toàn nhất trí. Với sự nghiêm trang và khiêm tốn, vị Tổng tư lệnh đã thể hiện sự bối rối của mình trong việc làm chủ tọa một Hội nghị trang trọng như vậy và xin lỗi nếu có bất kỳ sai sót nào mà ông có thể mắc phải trong quá trình thảo luận kỹ lưỡng này.

Nhiều tháng trước đó, đau ốm vì căn bệnh thấp khớp, chán nản vì cái chết của người anh trai, mãi mê với cuộc sống yên bình ở khu trang trại Mount Vernon và nghi ngờ sự thành công của Hội nghị cũng như nghĩ rằng nhiều nhân vật nổi tiếng sẽ vắng mặt, Washington luôn trì hoãn việc nhận lời mời tham dự. Nhưng rồi bực bội với nguy cơ trong việc trao uy tín của ông cho một cuộc họp mà rồi có thể phải thất bại và khả năng công chúng sẽ đánh giá sự tham dự miễn cưỡng của ông với con mắt hoài nghi, viên tướng cuối cùng đã chấp nhận công việc này. Nhiều đại biểu tham dự cuộc họp, đặc biệt là James Madison, đại biểu trẻ trung mới 36 tuổi của Virginia, cảm thấy rất hài lòng, vì chỉ riêng sự có mặt của viên tướng Tổng tư lệnh Washington, cùng với uy tín to lớn của ông cũng đủ để mang lại một không khí trang nghiêm và bảo đảm sự thành công cho Hội nghị.

Cùng ngày 25 tháng Năm, theo đề nghị của C. Pinckney, Hội nghị cũng bổ nhiệm Thiếu tá William Jackson của tiểu bang Nam Carolina, làm Thư ký,

với nhiệm vụ ghi chép lại mọi ý kiến trong quá trình thảo luận, đồng thời cũng bổ nhiệm một ủy ban gồm Wythe, Hamilton và C. Pinckney có nhiệm vụ soạn thảo những qui tắc cho Hội nghị.

Những buổi họp của Hội nghị được tổ chức kín và không có phóng viên hay khách mời nào được phép tham dự. Mặc dù nhiều thành viên với bản chất ba hoa và lảm lời, thường bị kích động trong các quán rượu hay trên đường phố, thì hầu hết mọi đại biểu đều giữ được bí mật một cách ngạc nhiên. Đối với những người hoài nghi về Hội nghị, việc giữ bí mật đó càng làm tăng mối lo âu của họ. Từ Paris, Thomas Jefferson đã viết cho John Adams: "Tôi cảm thấy tiếc là họ đã bắt đầu các cuộc tranh luận bằng một quyết định thật tồi tệ là đóng chặt miệng lưỡi của tất cả mọi người". Nhưng sau này, đại biểu Luther Martin của tiểu bang Maryland đã phán xét rằng sứ mạng ở Philadelphia cần một môi trường hoàn toàn yên tĩnh.

Mặc dù viên thư ký Hội nghị là Jackson đã ghi chép lại nội dung các cuộc họp, nhưng bản ghi chép đầy đủ nhất lại chính là nhờ công sức của James Madison. Hết ngày này sang ngày khác, người đàn ông đến từ Virginia này đã ngồi ngay hàng đầu tiên của phòng họp, ghi chép lại tất cả các cuộc tranh luận, không để lỡ bất cứ một ngày nào, hoặc một bài phát biểu quan trọng nào. Sau này, Madison kể lại rằng việc tự giam mình trong cái sảnh nóng bức và ngột ngạt đó suốt mùa hè ở Philadelphia suýt nữa đã giết chết ông.

Các điều khoản Hợp bang

Hội nghị Lập hiến được triệu tập trong một bối cảnh được coi là giai đoạn sống còn trong lịch sử nước Mỹ. Những người dân Mỹ vừa trải qua một cuộc chiến tranh dài, cam go và tàn phá, chỉ vừa mới bắt đầu giai đoạn phục hồi kinh tế từ đống đổ nát. Nền kinh tế trong thời kỳ thương mại bình thường với nước Anh và vùng Tây Ấn (các hòn đảo vùng vịnh Caribê) giờ đây bị ảnh hưởng nghiêm trọng do việc tách khỏi Vương quốc Anh. Đó là một nền kinh tế "dị dạng": tiền giấy có ở khắp mọi nơi gây lạm phát kinh khủng. Các bằng

chúng khác cho thấy chủ nghĩa dân túy đang hồi sinh mà ví dụ điển hình là cuộc nổi loạn của một nhóm nông dân trang bị vũ khí. Những kích động chính trị do những khẩu hiệu từ thời chiến như "bình đẳng và quyền của mọi người" đã trở nên không thể kiểm soát được. Tư tưởng phe cánh, bè phái và chủ nghĩa địa phương đang là lời cảnh báo đối với Madison và nhiều người khác. Thái độ thù địch đối với chính quyền mà biểu hiện là sự chống đối thuế khóa có ở tất cả mọi tầng lớp. Trong tâm trí nhiều người, cuộc sống, sự tự do và thịnh vượng không hề được đảm bảo.

Đối mặt với những khó khăn này, chính quyền Mỹ cố gắng vận hành theo Hiến pháp đương thời là Các điều khoản Hợp bang, được phê duyệt năm 1781. Thứ hiến pháp mà Hamilton, chính trị gia xuất sắc thuộc thế hệ thứ hai của cuộc Cách mạng Mỹ, sau này trở thành một trong những kiến trúc sư cho hệ thống chính quyền và kinh tế Mỹ, gọi là "một sự khờ dại". 13 tiểu bang thuộc địa tập hợp trong một thể chế hợp bang lỏng lẻo khi chỉ có một cơ quan chính quyền duy nhất là Quốc hội Hợp bang điều hành mọi vấn đề của đất nước. Chính phủ Hợp bang khi đó không điều hành trực tiếp với người dân mà thông qua trung gian là các chính quyền tiểu bang. Không có nhánh hành pháp, cũng không có tòa án tối cao, cơ quan này hầu như chẳng có chút quyền hành nào và cũng chẳng có ngân sách để hoạt động. Khắp nơi tràn ngập sự lộn xộn, không có một qui định chung về thương mại, thuế khóa và thậm chí, mỗi tiểu bang lại có một loại tiền riêng. Những món nợ chiến tranh lớn đến mức hầu như không thể trả nổi.

Tiền giấy tràn ngập khắp đất nước tạo ra nạn lạm phát kinh khủng tới mức nửa cân chè ở một vài vùng có thể phải mua bằng số tiền lớn là 100 đô la. Tình trạng kinh doanh suy thoái đang lấy đi sinh mệnh của nhiều nông dân và chủ đất nhỏ. Một số buộc phải vào tù vì nợ nần, rất nhiều ruộng đất bị tịch thu hay phải bán để trả thuế. Uy tín nền cộng hòa bị nghi ngờ và công chúng bắt đầu mất niềm tin vào chính quyền. Hiệp ước Hòa bình với Anh bị cả hai phía phớt lờ và hầu như không có hiệu lực. Chính quyền Hợp bang cũng

chẳng có uy tín trong con mắt của các quốc gia châu Âu. Đó là một chính thể cộng hòa đang bị tê liệt và bất kỳ người dân nào cũng có thể suy đoán về một kết cục thảm hại sẽ xảy ra.

Năm 1786, một số nông dân đã nổi dậy chống lại chính quyền. Cầm đầu bởi Daniel Shays, một cựu Đại úy của quân đội Lục địa, một nhóm người trang bị vũ khí, cắm những chiếc lông ngỗng màu xanh lên mũ, ngăn cản tòa án lưu động họp tại Northampton, MA. và đe dọa cướp vũ khí tại kho súng Springfield. Mặc dù quân đội tiểu bang nhanh chóng dập tắt cuộc nổi dậy này nhưng cuộc bạo loạn đó đã buộc nhiều người giàu lo sợ về một tình trạng vô chính phủ đang lấp ló ở chân trời. Được thêm mắm thêm muối hết ngày này sang ngày khác trên các trang báo, cuộc nổi dậy đã làm cho tầng lớp trên ở Mỹ rùng mình run sợ, khi họ hình dung cái đám người hung tợn, ngoài vòng luật pháp đó, sẽ xuất hiện ngay trong những nông dân vô tội.

Tình trạng tồi tệ của liên minh 13 tiểu bang đã thách thức nhiều người Mỹ có tư tưởng cộng hòa về sự cần thiết và cấp bách phải có những cải cách triệt để. Từ trang trại đồng quê Mount Vernon, Washington đã viết cho Madison: "Tại thời điểm hiện nay, sự khôn ngoan, sự hiểu biết và các tấm gương tốt là cần thiết để cứu hệ thống chính trị này khỏi cơn bão đang treo lơ lửng... Tại mỗi tiểu bang đều có những mầm cháy mà chỉ cần một tia lửa cũng có thể làm bùng lên đám lửa".

Còn đối với Hamilton, một trong những người vận động mạnh mẽ nhất cho Hội nghị này, Quốc hội Hợp bang chỉ là một nhóm chính trị gia có tầm nhìn hạn hẹp, những người dễ dàng hy sinh mạng sống của binh lính và tương lai của toàn bộ dân tộc khi lãng phí thời gian trong những cuộc tranh cãi vụn vặt, chứ không phải những nghiên cứu, tranh luận thấu đáo hay suy xét kỹ càng, có tầm nhìn xa, trông rộng trong quá trình hình thành chính sách. Chính quyền tổ chức theo bộ luật này đã từng thể hiện sự yếu kém và thiếu hiệu quả trong thời chiến và đến thời hòa bình, khi những tiểu bang ngày

càng ít phụ thuộc vào nhau, thì liên minh lỏng lẻo của 13 tiểu bang Bắc Mỹ thật sự gặp nguy hiểm. George Washington từng nhận xét rằng các bang chỉ được liên kết với nhau "bằng một sợi dây bằng cát". Điều cực kỳ quan trọng trong tư duy của Hamilton là chính phủ liên bang phải có quyền điều hành vấn đề thương mại, lĩnh vực mà cho đến lúc đó, vẫn nằm trong tay các chính quyền tiểu bang và nhất thiết phải có quyền thu thuế lợi tức để tạo dựng nguồn ngân sách cho sự vận hành của một nhà nước. Ông khẳng định: "... không thể trì hoãn được nữa, chúng ta phải trao thêm quyền lực cho Quốc hội... Chỉ có việc sử dụng một cách hợp lý những nguồn tài nguyên của toàn thể liên minh, dưới sự lãnh đạo của một Hội đồng Tối cao, với những quyền lực và sức mạnh cần thiết mới có thể giải thoát chúng ta khỏi cảnh áp bức và khốn khó như hiện nay, và đưa chúng ta trở thành những người hạnh phúc sau này".

Để giải quyết những trục trặc đó, vào tháng Chín năm 1786, Quốc hội Hợp bang đã tổ chức một cuộc họp các bang tại thành phố Annapolis, bang Maryland, nhằm thảo luận các bất đồng thương mại, nhưng hầu như chẳng mang lại kết quả cụ thể nào. Chỉ có 5 tiểu bang tham dự và các đại biểu cũng chẳng có quyền gì, ngoài việc thảo luận và kiến nghị lên Quốc hội Hợp bang. Tuy nhiên, Hamilton, Madison và một vài đồng nghiệp đồng ý phải làm được một điều gì đó có ý nghĩa. Họ đề nghị Quốc hội triệu tập một Hội nghị mới, nhằm xem xét lại Các điều khoản Hợp bang với sự tham gia của tất cả các tiểu bang. Đối với Madison, đây là một cơ hội tuyệt vời để lật ngược được xu hướng hiện tại của đất nước. Còn với nhiều người, điều quan trọng khi họ tập trung ở Philadelphia là không được thất bại. George Mason, viên điền chủ của trang trại Gunston Hall, tác giả bản Tuyên ngôn Nhân quyền của tiểu bang Virginia, đã viết cho con trai: "Mọi con mắt của nước Mỹ đang hướng về Hội nghị này và niềm trông đợi của họ đã tăng lên rất cao. Ông Chúa Tối cao, cha và những người bạn có thể làm họ hài lòng bằng việc thiết lập một Chính quyền Khôn ngoan và Công bằng".

Cũng thời gian đó, nhiều tờ báo ở Philadelphia đã đăng tải bức thư của một người giấu tên đòi bỏ ý định thành lập một chính quyền chung cho tất cả các tiểu bang. Người này đề nghị chia Hợp chúng quốc thành ba nước cộng hòa riêng biệt: Bắc, Trung và Nam, vĩnh viễn liên minh với nhau vì mục đích phòng thủ chung.

Một khó khăn rất lớn khác của Hội nghị Philadelphia là mục tiêu đề ra chỉ là nhằm sửa đổi và bổ sung những điều cần thiết cho Các điều khoản Hợp bang, chứ không phải xây dựng một bản Hiến pháp hoàn toàn mới. Tuy nhiên, hầu hết các đại biểu đều cho rằng nếu cứ bám vào cái sườn cũ thì sẽ chẳng dẫn đến điều gì cả. Một chính quyền mới và vững chắc chính là điều mà Hội nghị mong muốn và quyết tâm đạt được. Như sau này, Hamilton nhận xét: "những thất bại và trục trặc mà chúng ta trải nghiệm không phải bắt nguồn từ một vài lỗi nhỏ lẻ nào mà do những sai lầm căn bản, có tính nguyên tắc trong việc hình thành chính quyền và không thể sửa đổi nếu không có những thay đổi cơ bản nhất về mô hình chính quyền".

Các đại biểu tham dự Hội nghị

74 đại biểu được các tiểu bang bầu chọn để tham dự Hội nghị, nhưng chỉ có 55 đại biểu thật sự có mặt tại các cuộc họp. Đó là những nhà lãnh đạo hàng đầu của đất nước, những con người thông minh, kiệt xuất và có uy tín lớn lao. Đa số các đại biểu ủng hộ chế độ tiền giấy, hệ thống thuế thấp và mong muốn thiết lập một chính quyền mạnh. Một số đại biểu chỉ tin tưởng vào giai cấp quý tộc, nhưng hầu hết đều tán thành những nguyên tắc dân chủ, dù rất e ngại tính thất thường của dân chúng và sự thái quá của nền dân chủ.

Rhode Island là tiểu bang duy nhất từ chối cử đại biểu tham dự cuộc họp vì cho đó là âm mưu nhằm phá bỏ chính quyền đã được thiết lập. Ngoài ra, Hội nghị cũng gặp phải sự nghi ngờ và chống đối của không ít chính khách hàng đầu. Patrick Henry, một lãnh tụ cuộc Cách mạng Mỹ, đã từ chối tham dự với tuyên bố: "Tôi cảm thấy đây là một sự phản bội". Điều này là do xu

hướng của Hội nghị muốn hình thành một chính quyền tập trung mạnh, nhằm giám sát thẩm quyền của các cơ quan lập pháp tiểu bang, trong khi Henry và nhiều chính trị gia tên tuổi khác lại tin rằng chính quyền tiểu bang sẽ bảo đảm tốt nhất những quyền tự do cá nhân. Vì vậy, ông quyết tâm không góp một chút công sức nào cho Hội nghị.

Một vài nhân vật kiệt xuất khác cũng vắng mặt như Thomas Jefferson , John Adams , John Jay và Thomas Paine . Ngoài Patrick Henry, một số lãnh tụ hàng đầu khác của cuộc Cách mạng Mỹ là Samuel Adams và Richard Henry Lee cũng từ chối tham dự.

Nhưng về tổng thể, đây là cuộc nhóm họp thật sự gây ấn tượng với những con người xuất chúng, những người đã làm nên cuộc Cách mạng Mỹ, và sứ mạng của họ bây giờ là xây dựng một đất nước mới, tốt đẹp hơn. Từ Paris, khi đang là Công sứ Mỹ tại Pháp, Thomas Jefferson đã viết thư cho John Adams, khi đó đang là Công sứ Mỹ tại Anh: "Đó thực sự là cuộc quần tụ những người con của thánh thần".

Nổi bật hơn cả là một cá nhân mà các đức tính và lòng quả cảm của ông tượng trưng cho nền Độc lập Mỹ và cho cả dân tộc Mỹ. Đó là George Washington, Tổng tư lệnh các quân đội thuộc địa trong cuộc chiến tranh với người Anh.

Ngoài Washington, ở đây còn có Benjamin Franklin, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp tiểu bang Pennsylvania, (chức vụ tương đương với Thống đốc ngày nay) và là chủ nhà của Hội nghị. Ông là người nổi tiếng khắp châu Âu và nước Mỹ hơn bất kỳ một cá nhân nào khác cùng thời đại. Đi khắp khiếm do căn bệnh gút, ông già Franklin, khi đó đã 81 tuổi, là người đã làm nhiều nghề như thợ in, bảo vệ cửa hàng, nhà khoa học, viên chức hành chính, nhà triết học, nhà ngoại giao và rất được phụ nữ hâm mộ. Có James Wilson của tiểu bang Pennsylvania, một luật sư tài năng và đam mê đầu cơ đất đai một cách khờ dại, để cuối đời buộc phải trốn chạy từ tiểu bang này sang tiểu bang

khác, để tránh truy tố vì nợ nần. Người đàn ông Scotland này đã mang đến một trí tuệ phi thường, một thiên hướng về những lý thuyết hiến pháp và luật pháp. Có George Mason của tiểu bang Virginia, người sau này được Jefferson gọi là "viên Cato của nước Mỹ mà không có lòng tham lam của người La Mã". Chính George Mason, vào tháng Năm năm 1776, là người soạn thảo Tuyên ngôn Nhân quyền cho tiểu bang Virginia là nền tảng cho Thomas Jefferson soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập Mỹ sau đó hai tháng. Có John Dickinson của tiểu bang Delaware, tác giả Những bức thư của người nông dân và là tác giả chính của Các điều khoản Hợp bang. Có Gouverneur Morris, tiểu bang Pennsylvania, rất thông thạo văn học và ngôn ngữ Pháp, với sự tinh thông và can đảm hợp với trí tuệ kiệt xuất đã góp phần soạn thảo Hiến pháp tiểu bang New York. Ngoài ra, nhiều người khác cũng đóng vai trò quan trọng như Oliver Ellsworth, Edmund Randolph, William Paterson, John Rutledge, Elbridge Gerry, Roger Sherman, Luther Martin, Charles và Charles Cotesworth Pinckneys.

Mặc dù nhiều đại biểu còn rất trẻ, như Hamilton chỉ mới 32 tuổi và Madison - 36 tuổi, Edmund Randolph - 34 tuổi, nhưng hầu hết đều đã học luật và là những chính trị gia xuất sắc. Những kiến thức lý thuyết triết học tuyệt vời về chính quyền của họ được mở rộng bởi các nhà triết gia về chính trị như James Harrington, John Locke, Montesquieu và được tích lũy từ những kinh nghiệm thực tế thu được trong quá trình hoạt động chính trị ở liên bang hay tiểu bang.

Ba mô hình chính quyền: các Phương án Virginia, New Jersey và Hamilton

Sáng thứ Ba, ngày 29 tháng Năm, Edmund Randolph, Thống đốc bang Virginia, mở đầu cuộc tranh luận với bài phát biểu dài, phê phán những điều tồi tệ xảy ra đối với nước Mỹ do những yếu kém của Các điều khoản Hợp bang. Ông nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải tạo dựng một chính quyền quốc gia mạnh. Sau đó, Randolph đề xuất những nét chính về phương án cải tổ

bao gồm 15 điểm, thường được biết dưới cái tên Những giải pháp Randolph, nhưng tên chính thức là Phương án Virginia do ông và những đồng nghiệp cùng tiểu bang, sau những kỳ họp dài tại quán rượu Indian Queen, thống nhất quan điểm trước ngày diễn ra Hội nghị. Nền tảng của mô hình chính quyền này, chủ yếu do James Madison thiết kế, gồm ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mỗi nhánh được cấu trúc để kiểm soát quyền lực của các nhánh kia. Với quyền lực được tập trung cao độ, chính quyền theo mô hình này có thể phủ quyết mọi bộ luật do cơ quan lập pháp tiểu bang ban hành. Về phương án này, Randolph đã thú nhận "[đó] là một liên minh thống nhất, trong đó ý kiến [riêng] của các tiểu bang gần như không được đếm xỉa đến".

Việc đề xuất Phương án Virginia tại thời điểm mở đầu Hội nghị là hành động táo bạo nhưng cực kỳ khôn ngoan và làm nhiều người sửng sốt. Những đại biểu của Virginia hiểu rằng bản kế hoạch đệ trình lên đầu tiên sẽ giành được lợi thế hơn bất kỳ kế hoạch nào sau đó. Những người Virginia đã buộc các cuộc tranh luận phải tiến hành theo các điểm trong mô hình do họ đề ra và theo các khái niệm của họ.

Trong hai tuần tiếp theo, Hội nghị tiến hành thảo luận và sửa chữa các điểm đề xuất trong Phương án Virginia. Ngày 13 tháng Sáu, văn bản sửa đổi được đệ trình lên Hội nghị để tất cả các đại biểu thảo luận. 15 đề xuất ban đầu trong Phương án Virginia đã trở thành nền tảng cho bản báo cáo 19 điểm về mô hình chính quyền quốc gia, bao gồm ba nhánh. Nhánh lập pháp, tức Quốc hội Liên bang, sẽ bao gồm hai viện được chọn theo qui mô dân số. Việc thiết lập hai viện là nhằm đại diện cho những lợi ích khác nhau và để quá trình làm luật tỉ mỉ và kỹ lưỡng hơn. Hạ nghị viện do người dân trực tiếp bầu, còn các thành viên của Thượng nghị viện lại được chính Hạ nghị viện lựa chọn. Nhánh hành pháp, tức là Tổng thống, sẽ được cả hai viện bầu chọn. Mô hình bộ máy tư pháp quốc gia cũng được phác thảo, bao gồm Tòa án Tối cao và tòa án các cấp sẽ do hai cơ quan lập pháp bầu chọn.

Có một giai thoại rất thú vị kể rằng sau khi Hội nghị Lập hiến kết thúc, khi Thomas Jefferson từ Pháp trở về, trong một bữa ăn tối đã hỏi Washington là tại sao ông bằng lòng có một viện thứ hai trong Quốc hội, tức là Thượng viện. Khi đó, thấy Thomas Jefferson đang rót cà phê từ chiếc tách vào đĩa, Washington liền hỏi: "Thế tại sao Ngài lại đổ cà phê vào đĩa như vậy?"; Jefferson trả lời: "Để làm cho cà phê nguội đi". Washington mỉm cười "Điều đó cũng giống như việc chúng ta đổ cơ quan lập pháp ấy vào chiếc đĩa Thượng viện để nó nguội bớt đi!".

Vấn đề mấu chốt nhất được Gouverneur Morris trình bày rất súc tích ngày 30 tháng Năm là sự khác biệt giữa mô hình chính quyền của một liên bang và chính quyền của một quốc gia mà "chính quyền liên bang chỉ thuần túy như một hiệp ước được thiết lập dựa trên sự cam kết tốt đẹp của các bên. Còn chính quyền quốc gia điều hành một cách toàn diện và mang tính cưỡng ép". Morris ủng hộ mô hình chính quyền quốc gia với một quyền lực tuyệt đối, có khả năng thực thi mọi thẩm quyền cần thiết chứ không chỉ cái thứ chính quyền mờ nhạt, phân rã và thiếu hiệu quả như chính quyền Hợp bang đương thời.

Quan điểm quốc gia chủ nghĩa này đã làm điên đầu nhiều đại biểu khác. Họ e sợ về khả năng một chính quyền trung ương mạnh sẽ nuốt chửng chủ quyền của các tiểu bang, đặc biệt là các bang nhỏ. Ngày 14 tháng Sáu, đại biểu tiểu bang New Jersey là William Paterson đã yêu cầu Hội nghị dừng họp một ngày vì ông và các đại biểu từ những bang nhỏ muốn có thêm thời gian để hoàn thành kế hoạch của họ về một mô hình chính quyền khác với Phương án Virginia. Ngày hôm sau, Các giải pháp của Paterson, hay còn được gọi là Phương án New Jersey, được đặt lên bàn Hội nghị.

Lo sợ về một chính quyền quốc gia mạnh, Paterson đề xuất giải pháp bao gồm 9 điểm, kêu gọi tổ chức một cơ quan lập pháp duy nhất. Trong đó, tất cả các bang đều có phiếu bầu bình đẳng. Thay cho việc đề xuất một mô hình

chính quyền quốc gia mới, phương án của Paterson thực chất chỉ là một loạt những sửa đổi đối với Các điều khoản Hợp bang.

Các đại biểu từ các bang nhỏ đều tập hợp quanh phương án này. Đồng lòng chống lại các mưu đồ nhằm ném các bang nhỏ vào "mớ hồ lớn", Paterson đã đề nghị một mô hình nhà nước mà "sự liên kết của các tiểu bang chúng ta chỉ thuần túy là một Liên minh của các quốc gia". Phương án New Jersey kêu gọi chỉ thông qua các điều khoản cho phép Quốc hội có thêm quyền hạn trong việc tăng nguồn thu và điều hành vấn đề thương mại. Giải pháp này cũng đảm bảo các đạo luật của Quốc hội và các hiệp ước được thông qua sẽ là luật tối cao của các tiểu bang.

Trong suốt ba ngày, Hội nghị tranh luận về những đề xuất của Paterson và cuối cùng đã bỏ phiếu bác bỏ. Với sự thất bại của Phương án New Jersey, Hội nghị nghiêng về hướng xây dựng một chính quyền trung ương mạnh, làm nhiều đại biểu của các bang nhỏ rất bất bình. Nhưng việc bác bỏ Phương án New Jersey không dập tắt được nỗ lực của các bang nhỏ. Trong quá trình thảo luận một tháng sau đó, 15 đề xuất của Phương án Virginia đã được xem xét từng điểm một và với sự chấp thuận Thỏa hiệp lớn vào ngày 16 tháng Bảy sau đó, các bang nhỏ cũng đạt được sự cân bằng lá phiếu tại một viện của cơ quan lập pháp: Thượng viện.

Ngày 18 tháng Sáu, Alexander Hamilton đệ trình mô hình chính quyền lý tưởng của riêng ông. Tuy uyên bác và lịch lãm, nhưng bài phát biểu dài tới 5 giờ đồng hồ của ông sau đó lại thất bại. Cho rằng chính quyền Anh là "tốt nhất trên thế giới", Hamilton đề xuất một mô hình chính quyền tương tự: một Tổng thống phục vụ suốt đời nếu có tư cách đạo đức tốt, có quyền phủ quyết tất cả các đạo luật; một Thượng viện với các thành viên phục vụ suốt đời và cơ quan lập pháp có quyền thông qua "bất kỳ đạo luật nào". Nhiều đại biểu rất bất bình với kế hoạch này vì coi đó sẽ dẫn tới một chính thể quân chủ lập hiến, một thứ Vua do dân bầu ra. Tuy không thành công với phương

án của mình, nhưng khi Hội nghị kết thúc, người New York uyên thâm này đã trở thành người bảo vệ hăng hái nhất cho bản Hiến pháp mới theo mô hình Virginia. Những người dân Mỹ vừa từ bỏ chế độ quân chủ Anh, nên chẳng thích thú gì một mô hình tương tự, nhưng một số thành viên của Hội nghị thật sự trông đợi đất nước đi theo hướng này. Đại biểu Hugh Williamson của tiểu bang Bắc Carolina, một bác sĩ phẫu thuật giàu có, đã tuyên bố "khá chắc chắn rằng lúc này hay lúc khác chúng ta đều cần phải có Vua". Các tờ báo xuất hiện vào mùa hè năm 1787 cũng đồn đại về một phương án đang được xây dựng nhằm mời con trai thứ hai của Vua George III là Frederick, Công tước xứ York, một giáo sĩ thế tục ở Osnaburgh, Phổ, về làm "Vua của Hợp chúng quốc".

Thỏa hiệp lớn

Đến cuối tháng Sáu, cuộc tranh luận giữa các bang lớn và các bang nhỏ về vấn đề đại diện tại cơ quan lập pháp thứ nhất ngày càng gay gắt. Các đại biểu của Virginia và các bang lớn khác khăng khăng yêu cầu số lượng đại biểu trong Quốc hội phải được chọn căn cứ theo số dân, còn những đại biểu của các bang nhỏ nhất định đòi quyền đại diện bình đẳng mà họ đã có như qui định của Các điều khoản Hợp bang.

Ngày 29 tháng Sáu, đại biểu của các tiểu bang nhỏ đã thua trong cuộc bỏ phiếu về quyền đại diện tại Hạ viện. Hội nghị chấp thuận một giải pháp xác nhận số dân là điều kiện cơ bản để xác định quyền đại diện tại viện này, như vậy là ưu tiên các bang lớn. Đối với đề nghị của các bang nhỏ rằng các tiểu bang phải có quyền đại diện ngang nhau ở Thượng viện, việc bỏ phiếu đã dẫn đến một kết quả hòa mà không bên nào giành được đa số phiếu. Khi đại biểu của các bang lớn không sẵn lòng thỏa hiệp về vấn đề này, Hội nghị trở nên cực kỳ căng thẳng tới mức một số đại biểu cho rằng Hội nghị "đang ở bên bờ miệng vực của sự giải tán và sự đồng lòng của Hội nghị này chỉ như ngàn cân treo sợi tóc". Thậm chí Franklin còn đề nghị Hội nghị nên mời các

mục sư tới làm lễ mỗi sáng để cầu nguyện Thượng đế ban ơn và soi sáng cho cuộc thảo luận, nhưng có đại biểu lại cho rằng Hội nghị cũng chẳng có tiền để trả cho việc này.

Ngày 10 tháng Bảy, quá tức giận vì Hội nghị hoàn toàn ở thế bế tắc, George Washington đã phải thốt lên "cần phải làm một điều gì đó" và gọi những người chống đối một chính quyền trung ương mạnh là "những chính trị gia thiên cận, hẹp hòi, chịu ảnh hưởng của quan điểm địa phương chủ nghĩa". Luther Martin, đại biểu bang Maryland, một người mà có lẽ Washington cho là có đầu óc "thiên cận", lại nghĩ khác. Dù bản tính nóng nảy, nhưng Martin là nhà hùng biện có hiệu quả nhất của các bang nhỏ. Người đàn ông Maryland này nhảy ngay vào cuộc tranh cãi về vấn đề đại diện và tuyên bố: "Các tiểu bang phải có quyền bình đẳng về đại diện. Đối với chúng ta, điều này được đảm bảo bởi Các điều khoản Hợp bang; và ngay lúc này đây, chúng ta đang được hưởng đặc ân đó". Đúng thế, Hội nghị Lập hiến được tổ chức hoàn toàn phù hợp với qui định bình đẳng giữa các bang theo Các điều khoản Hợp bang .

Cuộc tranh cãi phức tạp trong Hội nghị càng căng thẳng thêm vì mâu thuẫn giữa các bang miền Bắc với các bang miền Nam về phương pháp tính nô lệ để xác định thuế và quyền đại diện. Vào thời gian đó, chế độ sở hữu nô lệ đã được xóa bỏ ở các bang miền Bắc nhưng vẫn còn tồn tại ở hầu hết các bang miền Nam. Ngày 12 tháng Bảy, Oliver Ellsworth đề xuất quyền đại diện tại Hạ viện sẽ dựa trên cơ sở số người da trắng tự do cộng với ba phần năm "những người còn lại", một uyển ngữ chỉ nô lệ. Trong tuần tiếp theo, cuối cùng các thành viên dự Hội nghị cũng đạt được thỏa hiệp. Họ đồng ý rằng thuế thu trực tiếp sẽ được xác định theo quyền đại diện, còn quyền đại diện tại Hạ viện sẽ dựa trên tổng số người da trắng và ba phần năm "những người khác". Nhờ thỏa hiệp này và với nhận thức rằng những thỏa hiệp như vậy là cần thiết để tránh sự tan vỡ hoàn toàn của Hội nghị, các thành viên sau đó chấp thuận việc các tiểu bang có quyền đại diện bình đẳng tại Thượng viện.

Như Roger Sherman đã nói, mong ước của mọi đại biểu là "một mô hình chung nào đó của chính quyền cần phải được thiết lập". Với việc thu xếp ôn hòa cuộc khủng hoảng về quyền đại diện, Hội nghị đã hài lòng như thế những vấn đề phức tạp khác cũng đã được giải quyết.

Trong những ngày tiếp theo, không khí ở "Thành phố của tình bằng hữu" (Brotherly Love), tên gọi bóng bẩy của Philadelphia, dù vẫn ngọt ngào và oi bức, nhưng đã có hương vị trong trẻo của sự hòa giải. Bây giờ, Hội nghị mong muốn ít ra thì cũng phải có một cái gì đó trên giấy. Những đề xuất trong Phương án Virginia được Hội nghị xem xét và thảo luận từng điểm một cho tới khi hoàn tất vào ngày 26 tháng Bảy. Cùng ngày, các đại biểu quyết định cử ra Ủy ban chi tiết có nhiệm vụ xây dựng một bản dự thảo Hiến pháp, bao gồm 5 người: Nathaniel Gorham (Massachusetts), Edmund Randolph (Virginia), James Wilson (Pennsylvania), Oliver Ellsworth (Connecticut) và John Rutledge (Nam Carolina) là Chủ tịch Ủy ban. Họ có nhiệm vụ lập báo cáo về 15 điểm của Phương án Virginia, có sửa đổi, kết hợp những điểm của Phương án New Jersey và những đề xuất của Pinckney. Trong số họ, Edmund Randolph, tác giả của Phương án Virginia, được chọn để phác thảo những nét chính yếu cho bản Hiến pháp. Lúc này các đại biểu khác bỏ phiếu tự cho phép mình có một kỳ nghỉ 10 ngày.

Trong những ngày nghỉ này, Gouverneur Morris và George Washington cùng cưỡi ngựa chạy qua vùng đất ở Thung lũng Forge, tiểu bang Pennsylvania, nơi 10 năm trước đó từng là Tổng hành dinh của quân đội các thuộc địa. Trong khi Morris mải mê tìm những chú cá hồi thì Washington lại trầm ngâm nhìn những bụi cây, nơi trước đây đội quân của ông phải chịu đựng mùa đông buốt giá năm 1777-1778. Những ngày tháng ở thung lũng Forge đó là thời kỳ suy sụp tệ hại nhất đối với quân đội thuộc địa của Washington, nhưng đó là thời điểm mang tính bước ngoặt của cuộc chiến. Kể từ ngày đó, nước Mỹ đã đi được một chặng đường dài.

Bản phác thảo đầu tiên

Thứ Hai, ngày 6 tháng Tám năm 1787, Hội nghị nhóm họp lại sau kỳ nghỉ và nhận được bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên do Ủy ban chi tiết đệ trình. Đây là bản được trình bày rất sáng sủa và hơn nữa, còn bổ sung thêm một số điều như: "Quốc hội không được ban hành bất cứ loại thuế hay phí nào đối với bất kỳ loại hàng hóa nào từ bất kỳ tiểu bang nào và tất cả các tiểu bang đều phải chấp thuận sự di cư và định cư của bất kỳ người dân nào từ tiểu bang này sang tiểu bang khác". Bản dự thảo với 23 điểm đánh theo số thứ tự La Mã được John Rutledge, Chủ tịch Ủy ban, trao cho từng đại biểu, bao gồm 7 trang chữ to dễ đọc, có lề rộng để các đại biểu có những ghi chú cần thiết. Từ bản thảo này sẽ hình thành bản Hiến pháp chính thức sau đó 5 tuần.

Hội nghị dự định hoãn lại hai ngày để các đại biểu có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng nhưng bị bác bỏ. Các đại biểu chỉ nghỉ ngày hôm đó và hôm sau lại tiếp tục họp. Khi các thành viên bắt đầu xem xét từng điều khoản, thì sự sẵn lòng thỏa hiệp trước đó lập tức biến mất. Vấn đề gây tranh cãi mạnh mẽ nhất là các qui định về thương mại. Các tiểu bang miền Nam, nơi xuất khẩu các sản phẩm thô, gạo, thuốc nhuộm và thuốc lá, lo sợ Quốc hội do các tiểu bang vùng New England (các bang miền Bắc) chiếm đa số có thể thông qua thuế xuất khẩu và sẽ phá hỏng nền kinh tế của họ. Đại biểu C.C.Pinckney tuyên bố rằng nếu Quốc hội có quyền lực áp đặt các qui định này, thì các tiểu bang miền Nam sẽ chẳng làm được gì, ngoài việc đứng nhìn các bang miền Bắc.

Ngày 21 tháng Tám, cuộc tranh cãi về thương mại đã dẫn đến một vấn đề nóng bỏng khác: nô lệ. Khi đại biểu Luther Martin của tiểu bang Maryland đề xuất một biểu thuế đối với việc nhập khẩu nô lệ, ngay lập tức, Hội nghị rơi vào một cuộc tranh cãi rất căng thẳng về thể chế nô lệ, về tính đạo đức của vấn đề này và về mối quan hệ kinh tế đối với chính phủ mới. Đại biểu John Rutledge của tiểu bang Nam Carolina cho rằng tình trạng nô lệ chẳng liên quan gì đến đạo đức, và tuyên bố "Chỉ riêng lợi ích mới là nguyên tắc

điều hành các tiểu bang". Đại biểu Sherman của tiểu bang Connecticut ủng hộ việc từ bỏ vấn đề nhạy cảm này trước khi nó gây nguy hiểm cho Hội nghị. Đại biểu George Mason của tiểu bang Virginia thể hiện mối lo ngại đối với việc nhập khẩu không hạn chế nô lệ, nhưng sau đó đã nói rằng ông cũng ủng hộ việc liên bang bảo vệ quyền sở hữu đối với các nô lệ đã có hiện nay.

Cái vấn đề lằng nhằng về khả năng can thiệp của liên bang trong việc buôn bán nô lệ mà Sherman và các đại biểu khác lo sợ sẽ gây chia rẽ mãi mãi giữa các đại biểu của các bang miền Nam với các bang miền Bắc đã được thu xếp ổn thỏa trong "một sự mặc cả", như câu ví von của Mason. Để đổi lấy sự ủng hộ của các bang vùng New England cho việc tiếp tục nhập khẩu nô lệ trong vòng 20 năm, các bang miền Nam đã chấp nhận một điều khoản qui định rằng để phê chuẩn các dự luật về thương mại và hàng hải chỉ cần sự chấp thuận của đa số quá bán các phiếu tại Nghị viện. Đó là thuận lợi lớn đối với các bang miền Bắc bởi các đạo luật liên quan đến hàng hải và thương mại, những thế mạnh của miền Bắc, sẽ khó lòng được phê chuẩn nếu Hiến pháp đòi hỏi phải đủ đa số phiếu tuyệt đối, tức là trên 2/3 phiếu bầu.

Sự thỏa hiệp này là một đòn chí mạng vào những người đòi bãi bỏ chế độ nô lệ. Sau này, khi kết quả của Hội nghị được công bố, những người đã đấu tranh không mệt mỏi đòi bãi bỏ chế độ nô lệ trên toàn quốc cảm thấy cực kỳ thất vọng. Họ coi Hội nghị đã phản bội lại những nguyên tắc tự do cơ bản nhất của con người từng được hét thây dân chúng hân hoan trong Tuyên ngôn Độc lập 11 năm trước đó. Nhiều người coi bản Hiến pháp này như một thứ văn bản đáng đem đốt đi.

Vấn đề Tuyên ngôn Nhân quyền có nên đưa vào Hiến pháp không cũng gây tranh cãi kịch liệt. Ngày 31 tháng Tám, George Mason, người trước đó ba tháng đã viết cho con trai đầy hy vọng về "một công việc kỳ vĩ và lớn lao đang ở ngay trước mắt cha", giờ đây, trong một tâm trạng cực kỳ mệt mỏi và thất vọng, đã buộc phải kêu lên đầy cay đắng rằng "cha thà chặt cánh tay

phải của cha còn hơn là ký vào bản Hiến pháp này". Mason cảm thấy cực kỳ thất vọng, khi Hội nghị đang đổ hết trách nhiệm gánh vác đất nước cho một chính quyền trung ương khờ khạo, rất dễ dẫn cả nước Mỹ đến sự sụp đổ.

Lo ngại Tuyên ngôn Nhân quyền đảm bảo tự do cá nhân không thể trở thành một phần của bản Hiến pháp, Mason kêu gọi tổ chức một Hội nghị khác xem xét lại toàn bộ việc hình thành một chính quyền mới. Mặc dù sự vận động của Mason đã bị Hội nghị bỏ phiếu hoàn toàn bác bỏ nhưng những người chống đối Hiến pháp vẫn không từ bỏ ý tưởng về một Hội nghị mới. Trong suốt hai năm sau đó, đề nghị này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhưng không đi đến kết quả nào.

Tới những ngày họp cuối cùng, một trong những vấn đề vướng mắc còn lại vẫn chưa được giải quyết là phương pháp lựa chọn người đứng đầu cơ quan hành pháp, tức là Tổng thống. Một loạt các đề nghị được đưa ra xem xét như việc bầu cử trực tiếp bởi người dân, bởi cơ quan lập pháp của tiểu bang, bởi thống đốc các tiểu bang và bởi cơ quan lập pháp liên bang. Giải pháp cuối cùng được chấp nhận là một cử tri đoàn, một sự thỏa hiệp có vẻ kỳ quặc và lạ lùng, nhưng lại là một thủ đoạn chính trị tuyệt vời khôn ngoan. Các bang lớn đông dân có sức mạnh nhờ số lượng các đại biểu đông đảo; cơ quan lập pháp tiểu bang có quyền chọn lựa các đại cử tri; còn Hạ viện có quyền quyết định Tổng thống trong trường hợp không có ứng cử viên nào chiếm đa số phiếu. Sau đó, Mason đã dự đoán là cứ 20 lần bầu chọn Tổng thống thì có lẽ tới 19 lần Hạ viện sẽ phải bỏ phiếu quyết định cuối cùng.

Ký kết bản Hiến pháp

Trong những ngày đầu tháng Chín, khi các đại biểu đã kiệt sức, chỉ muốn trở về nhà, thỏa hiệp trở nên dễ dàng hơn. Ngày 8 tháng Chín, Hội nghị bổ nhiệm Ủy ban Văn phong và Bố cục, gồm 5 người với nhiệm vụ "chỉnh sửa lại văn phong và sắp xếp lại các điều khoản đã được chấp thuận sau các cuộc tranh luận căng thẳng tại Hội nghị". Các thành viên của Ủy ban này là:

Alexander Hamilton, tiểu bang New York; William Samuel Johnson, tiểu bang Connecticut; Rufus King, tiểu bang Massachusetts; James Madison, tiểu bang Virginia và Gouverneur Morris, tiểu bang Pennsylvania.

Gouverneur Morris là kiến trúc sư trưởng của công trình này. Là nhà hùng biện xuất sắc nhất Hội nghị, với giọng văn hùng hồn, mạch lạc, ông được các thành viên khác hoàn toàn nhất trí chọn làm người chấp bút cho văn bản quan trọng này. Một năm sau, ông tự hào viết cho Timothy Pickering: "[Bản Hiến pháp đó] được viết bằng chính những ngón tay đang viết bức thư này". Ngày 12 tháng Chín, bản Hiến pháp được trình lên Hội nghị và các đại biểu lần lượt xem xét từng điểm. Mặc dù các phiếu sát sao nhau trên nhiều điều khoản nhưng dù sao công trình nhọc nhằn trong mùa hè lịch sử năm 1787 cuối cùng cũng đã đạt đến mục tiêu.

Ngày 15 tháng Chín, trước lần bỏ phiếu cuối cùng, dù là người đầu tiên đưa ra đề xuất về mô hình chính quyền, nhưng Edmund Randolph lại từ chối ký. Ông tuyên bố không thể ký vào văn bản này nếu Hội nghị phê chuẩn của các tiểu bang không có quyền đề xuất các điều sửa đổi bổ sung. Nhưng Madison và những người ủng hộ quyết định rằng các hội nghị phê chuẩn của tiểu bang hoặc là thông qua, hoặc là bác bỏ toàn bộ chứ không được quyền sửa chữa hay thêm bớt bất cứ điều gì. Họ cho rằng nếu các tiểu bang có quyền đề xuất những sửa đổi bổ sung sẽ rất lộn xộn, có thể sẽ phá hỏng những ý đồ thiết kế hoàn hảo của Hội nghị. Ngoài ra, cách thức phê chuẩn những kiến nghị đó cũng gây ra nhiều rắc rối, thậm chí có thể phải triệu tập một Hội nghị nữa mà có thể sẽ chẳng đi tới đâu vì cũng như tại Hội nghị này, các ý kiến sẽ rất đa dạng và trái ngược.

George Mason cũng rất bất bình khi Hội nghị bỏ phiếu cho phép Quốc hội có quyền ban hành những đạo luật về giao thương đường thủy bởi điều đó chỉ làm giàu cho các thương gia miền Bắc của New York, Philadelphia và Boston. Hơn nữa, bản Hiến pháp vừa hoàn thành có một thiếu sót rất lớn, đó

là không có Tuyên ngôn Nhân quyền để đảm bảo các quyền tự do cho dân chúng. Các đại biểu khác lấy lý do rằng không thể liệt kê đầy đủ các quyền này. Đại biểu Gerry của tiểu bang Massachusetts cũng tuyên bố không ký bởi các lý do: Thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ quá dài và lại có quyền được tái cử; Hạ nghị viện có quyền không công bố một phần các hoạt động của mình nếu coi đó là bí mật; Quốc hội có quyền tự do định đoạt tiền lương của chính mình. Những đề xuất này cũng được George Mason ủng hộ, nhưng bị Hội nghị bác bỏ. Vì thế, ba quý ngài cô lập này dứt khoát từ chối ký vào văn bản này.

Đến 6 giờ chiều, sau bảy tiếng đồng hồ thảo luận không nghỉ, cuối cùng cuộc biểu quyết đã trở nên nhanh gọn và đơn giản. Khi các tiểu bang được yêu cầu biểu quyết đối với bản Hiến pháp, từ mọi đoàn đại biểu đều vang lên "Aye" (Chấp thuận).

Ngày 17 tháng Chín, các đại biểu gặp nhau lần cuối cùng, Charles Pinckney nói: "những lời tuyên bố của các vị đại biểu đáng kính vào thời điểm sắp kết thúc một cuộc họp quan trọng như thế này đã khiến những giờ phút này có ý nghĩa đặc biệt trang nghiêm". Ông già Franklin đáng kính đã viết sẵn một bài phát biểu dài và nhờ người đồng nghiệp James Wilson đọc giùm. Với những lời lẽ được coi là chân thành và xúc động nhất trong tất cả các bài phát biểu tại Hội nghị, Franklin cầu xin sự thống nhất đối với bản Hiến pháp. Ông viết:

"Tôi thừa nhận rằng lúc này có nhiều điểm trong bản Hiến pháp tôi không thể chấp nhận, nhưng tôi không chắc rằng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận nó. Tôi đã sống đủ lâu để hiểu rằng chúng ta không nên dựa quá nhiều vào sự phán xét của chính bản thân mình. Tôi thường thấy mình sai lầm ngay tại những điều ưng ý nhất. Khi tôi càng nhiều tuổi, tôi càng nghi ngờ sự phán xét của chính mình và quan tâm chú ý hơn đến những nhận xét của người khác.

...Với những suy nghĩ đó, thưa Ngài Chủ tịch, tôi đồng ý với bản Hiến pháp này với mọi lỗi lầm của nó, nếu có, bởi tôi nghĩ rằng chúng ta cần một chính quyền chung... Tôi cũng nghi ngờ rằng không một Hội nghị nào có thể làm ra được một bản Hiến pháp tốt đẹp hơn. Thưa Ngài, tôi nghĩ bản Hiến pháp này cũng làm những kẻ thù của chúng ta ngạc nhiên, những kẻ đang tin tưởng trông chờ rằng chúng ta cũng giống như những người xây dựng Tháp Babel; rằng các tiểu bang của chúng ta đang ở bên bờ miệng vực của sự tan rã, gặp nhau tại đây chỉ để cắt cổ họng của người khác."

Cuối bài phát biểu, ông mong ước "mọi Quý Ngài tham dự Hội nghị này, những người vẫn còn những bất đồng về bản Hiến pháp, theo gương tôi, nhân lúc này, hãy nghi ngờ một chút về tính không thể nhầm lẫn của chính mình và thể hiện sự đồng lòng chân thành nhất bằng cách đặt chữ ký của mình vào văn kiện này".

Gouverneur Morris cũng đứng dậy tuyên bố rằng mình cũng có nhiều điều không hài lòng với bản Hiến pháp. Nhưng vì cho rằng bản Hiến pháp này là hoàn hảo nhất có thể đạt được, nên ông chấp thuận văn bản này dù nó còn một số lỗi lầm. Ông cũng giải thích thêm rằng việc các đại diện ký tên vào bản Hiến pháp chỉ có nghĩa là tất cả các tiểu bang đều đồng lòng, chứ không phải là tất cả các đại biểu đều đồng lòng.

Dù rất ít nói trong suốt thời gian hội họp và vắng mặt trong hơn nửa thời gian Hội nghị, thậm chí bản thân những đề xuất của ông bị bác bỏ, nhưng trong bài phát biểu cuối cùng, Hamilton cũng kêu gọi các đại biểu ký vào bản Hiến pháp. Ông nói: "bản Hiến pháp này có thể mang lại sự hỗn loạn vô chính phủ. Nhưng mặt khác, nếu xem xét một cách tỉ mỉ, nó cũng có thể đem lại nhiều điều tốt đẹp. Đây là lúc dân chúng đang sốt sắng ủng hộ Hội nghị, nhưng sự sốt sắng đó có thể giảm bớt, nếu một vài đại biểu quan trọng từ chối ký vào văn bản này".

Đại biểu Williamson của Bắc Carolina đưa ra đề nghị là các đại biểu chỉ ký

vào bức thư gửi Quốc hội Hợp bang mà thôi, nhưng C. C. Pinckney tuyên bố là ông không muốn có một thái độ mập mờ. Ông nghĩ tốt hơn hết là tất cả các đại biểu nên ký vào văn bản này để chứng tỏ sự ủng hộ của mình và ông nguyện sẽ hành động đúng như ông nói. Như vậy, trừ Mason, Gerry và Randolph từ chối ký tên và nhiều người khác đã bỏ ra về, 39 đại biểu còn lại trong sảnh họp lần lượt đặt chữ ký chính thức vào bản Hiến pháp và Hội nghị kết thúc vào 4 giờ chiều ngày 17 tháng Chín.

Kiệt sức vì nhiều tuần lễ làm việc với áp lực căng thẳng nhưng hài lòng với công trình của mình, các đại biểu đã chung nhau một bữa tiệc chia tay tại "Quán rượu Thành phố" (City Tavern). Cách đó hai dãy nhà, trên đường Market, hai thợ in John Dunlap và David Claypoole làm việc suốt đêm để in văn bản Hiến pháp dài 6 trang. Những bản in này sẽ xuất hiện trên mọi tờ báo ở Philadelphia vào buổi sáng hôm sau và rồi sau đó được in lại trên mọi tờ báo của 13 tiểu bang. Giờ đây, cuộc tranh luận về mô hình chính quyền mới đã được đưa lên một diễn đàn rộng hơn nhiều.

Ngày 20 tháng Chín năm 1787, bản Hiến pháp cùng bức thư do Chủ tịch Hội nghị George Washington viết đã được gửi lên Quốc hội Hợp bang. Sau một vài ngày tranh luận, Quốc hội liền gửi bản Hiến pháp này cho các tiểu bang để họ tự quyết định việc phê chuẩn theo như những gì mà các đại biểu đề nghị và tuyên bố ngay khi có đủ 9 trong tổng số 13 tiểu bang thông qua, một chính quyền mới như bản Hiến pháp qui định sẽ được thành lập.

Tác phẩm Người Liên bang

Ký tên vào bản Hiến pháp, các đại biểu cũng không tin tưởng chắc chắn rằng bản Hiến pháp do họ soạn thảo sẽ được các tiểu bang thông qua. Ngay bản thân Washington cũng từng viết trong nhật ký rằng ông không tin bản Hiến pháp này có thể tồn tại được quá 20 năm. Nhưng Hamilton, sau này trở thành Bộ trưởng Tài chính đầu tiên của chính quyền Liên bang, lại có những đánh giá khác về khả năng thông qua Hiến pháp. Ông rất lạc quan tin tưởng bản

Hiến pháp sẽ được thông qua nhờ uy tín lớn lao của Washington, nhờ sự ủng hộ của tầng lớp giàu có và niềm tin của nhiều người dân Mỹ rằng Các điều khoản Hợp bang không đáp ứng đầy đủ với yêu cầu cấp thiết của đất nước. Hamilton dự đoán rằng nếu Hiến pháp không được chấp nhận thì một cuộc nội chiến sẽ xảy ra, nhưng nếu nó được phê chuẩn thì Washington sẽ trở thành Tổng thống.

Cũng giống như tại Hội nghị, các chính trị gia và dân chúng trên khắp cả nước cũng chia thành hai phe: phe chống bản Hiến pháp, chống chế độ Liên bang và phe ủng hộ bản Hiến pháp, ủng hộ chế độ Liên bang. Quan điểm của những những người ủng hộ cũng như chống đối Hiến pháp được in đi in lại trên tất cả các tờ báo trong cả nước.

Với diện tích lớn, sự giàu có, nhiều ảnh hưởng và là tiểu bang đầu tiên triệu tập Hội nghị thông qua Hiến pháp, nên Pennsylvania nhận được sự quan tâm đặc biệt của cả nước. Tâm trạng những người tán thành và chống đối tại đây cũng rất căng thẳng. Ngày 29 tháng Chín, khi Quốc hội Pennsylvania - nơi phe Liên bang chiếm đa số nhóm họp để quyết định triệu tập một Hội nghị phê chuẩn, nhưng vẫn chưa hội đủ số lượng đại biểu cần thiết, một đám đông dân chúng Philadelphia - những người ủng hộ bản Hiến pháp - đã lôi hai người thuộc phe chống Liên bang từ nhà của họ đến trụ sở Hạ viện tiểu bang và buộc họ phải ngồi lại trong khi Quốc hội tiểu bang bỏ phiếu. Đó là một ví dụ kỳ lạ về nền dân chủ đại diện!

Ngày 5 tháng Mười, một người chống liên bang tên là Samuel Bryan đã công bố bài viết đầu tiên của mình trong loạt bài với tiêu đề "Centinel" trong tờ báo Independent Gazetteer ở Philadelphia. Được in lại trong những tờ báo khác, những bài viết này công kích mạnh mẽ quyền lực tối cao của chính quyền trung ương, sự chiếm đoạt chủ quyền của tiểu bang và sự thiếu vắng một Tuyên ngôn Nhân quyền để đảm bảo các quyền tự do cá nhân, tự do ngôn luận và tự do tôn giáo. Bryan tuyên bố: "Nước Mỹ đang tan chảy"

thành một đế chế chuyên quyền và độc đoán của những quý tộc dòng dõi. Bryan thể hiện nỗi sợ hãi của những người chống chủ nghĩa liên bang rằng chính quyền mới sẽ bị những gia đình danh giá và giàu có lũng đoạn. Bryan tin là những người dân thường đang gặp nguy hiểm vì phải khuất phục ý muốn của một chính quyền có rất nhiều quyền hành, nhưng quá xa xôi và không thể tiếp cận. Ông tin rằng người dân Mỹ phải tiến hành một cuộc chiến tranh chống lại chính quyền này như cuộc chiến tranh chống lại nền quân chủ Anh một vài năm trước đó.

Ngày hôm sau, James Wilson, một luật gia xuất chúng, từng tham gia soạn thảo Hiến pháp, hùng hồn đọc một bài phát biểu bảo vệ Hiến pháp trước một đám đông lớn tập trung ở trước công Hạ viện tiểu bang. James Wilson ca ngợi chính quyền mới như là "một chính quyền tốt nhất từng xuất hiện trên thế giới". Quan điểm của người Scotland này đã thắng thế. Dẫn đầu bởi Wilson, Hội nghị của Pennsylvania, nơi phe Liên bang chiếm đa số, đã tiến hành bỏ phiếu ngày 12 tháng Mười hai với tỷ lệ thắng khá cao là 46 phiếu thuận so với 23 phiếu chống.

Việc bỏ phiếu thông qua Hiến pháp mới ở Pennsylvania đã không chấm dứt sự thù hận và cay đắng. Franklin tuyên bố rằng những bài báo thô bỉ đăng trên báo chí đã đưa ra cảm tưởng cả Pennsylvania "đầy rẫy những kẻ xấu xa nhất, đều giả nhất và là những kẻ vô lại suốt ngày cãi cọ". Ngày 26 tháng Mười hai, tại Carlisle, một thị trấn nhỏ gần thủ phủ Harrisburg của Pennsylvania, những người bạo động chống liên bang đã phá hoại lễ kỷ niệm của những người phe Liên bang, rồi treo cổ hình nộm của Wilson và Thomas McKean, Chánh án tòa án Pennsylvania, những lãnh tụ phe Liên bang tại đây. Họ cũng vút vào lửa một bản dự thảo Hiến pháp chép tay và ném bị thương một vài người phe Liên bang.

Cuộc luận chiến lan tràn khắp lãnh thổ 13 tiểu bang, từ mùa thu qua mùa đông, từ mùa xuân sang mùa hạ. Phe chống đối bao gồm một vài nhân vật có

ảnh hưởng trong Hội nghị và một số chính trị gia ở các tiểu bang, e sợ việc thiết lập chính quyền trung ương sẽ cướp mất quyền lực của họ. Ngoài ra, nhiều người dân cũng có ác cảm với chính sách thuế khoá. Họ nghi ngờ một chính quyền được tập trung hóa sẽ phá hỏng những lợi ích địa phương. Những người vay nợ cũng sợ hãi chính quyền mới sẽ nuôi dưỡng và làm giàu các chủ nợ.

Tại New York, bản Hiến pháp bị công kích trên báo bởi một loạt những bài luận được ký tên "Cato". Nguy cơ một liên minh bao gồm tất cả các tiểu bang không được thiết lập làm nhiều lãnh tụ phe Liên bang lo lắng, trong số đó có Hamilton. Ông hoàn toàn hiểu rằng để một nhà nước liên bang vững mạnh được thành lập, thì điều cực kỳ quan trọng là tiểu bang New York phải chấp nhận bản Hiến pháp và tham gia liên bang. Thậm chí ông tin rằng dù cho tất cả các tiểu bang khác phê chuẩn thì với qui mô dân số, vị trí địa lý và ảnh hưởng lớn lao của mình, sự từ chối của New York cũng sẽ phá hỏng quá trình hình thành Liên bang. Nếu Hợp chúng quốc được thành lập mà không có New York tham gia thì Liên bang khó có thể vững mạnh, thậm chí khó lòng tồn tại. Nguy cơ trên mảnh đất bên bờ Đại Tây Dương tồn tại nhiều nhà nước riêng biệt có thể dẫn tới cuộc nội chiến nếu mỗi quốc gia đi theo một hướng phát triển riêng.

Chính vì thế, ngay sau khi từ Philadelphia trở về, Hamilton đã lập kế hoạch hành động để đảm bảo bản Hiến pháp được thông qua. Nhằm mục đích này, ông đã bắt đầu viết những bài luận đầu tiên phân tích một cách có hệ thống những ưu điểm của bản Hiến pháp mới, đồng thời đưa ra những mối hiểm họa nếu bản Hiến pháp này không được chấp nhận. Hamilton đề nghị Madison và John Jay cùng tham gia dự án này. James Madison, "kiến trúc sư trưởng" của bản Hiến pháp, cũng nhận thức được vai trò quan trọng của New York trong việc thiết lập chính quyền liên bang. Để lại tiểu bang quê nhà Virginia lúc này đã an toàn trong tầm kiểm soát của Washington, ông sang New York theo lời mời của Hamilton.

Với sự hợp tác của hai bộ óc thông minh và xuất chúng nhất thế hệ đó, Hamilton và Madison đã hoàn thành tác phẩm chính trị đầu tiên và có giá trị vĩnh hằng đối với nước Mỹ . Tổng cộng có 85 bài luận văn Người Liên bang (Federalist Papers) được xuất bản trong khoảng thời gian từ ngày 27 tháng Mười năm 1787 đến ngày 28 tháng Năm năm 1788. Những bài luận văn này xuất hiện trên những tờ báo lớn nhất của New York và rồi được in lại trong nhiều tờ báo khác trong cả nước Mỹ. Sau này, tên của những bài luận văn này cũng trở thành tên gọi phong trào ủng hộ Hiến pháp và là tên của chính đảng do Hamilton lập ra, Đảng Liên bang .

Những bài luận văn Người Liên bang đã giải thích Hiến pháp một cách chi tiết và biện minh cho những ưu việt của một thể chế sẽ được xây dựng. Sau này, Thomas Jefferson ca ngợi cuốn Người Liên bang là "lời bình luận hay nhất về những nguyên tắc của chính quyền từng được viết ra". Washington khen Hamilton và Madison rằng họ đã "đem nguồn ánh sáng mới vào khoa học chính quyền. Đã có sự bàn luận đầy đủ, công bằng về nhân quyền và những lời giải thích rõ ràng, mạnh mẽ đó nhất định sẽ để lại ấn tượng lâu dài". Triết gia Anh John Stuart Mill của thế kỷ XIX cũng cho rằng tác phẩm Người Liên bang là "luận thuyết bổ ích nhất mà chúng ta hiểu về chính quyền liên bang". Chính trị gia người Pháp, nhà bình luận sắc sảo, Alexis de Tocqueville, tác giả cuốn sách nổi tiếng Bàn về nền Dân chủ Mỹ (1860) viết: "Đó là cuốn sách tuyệt vời và có lẽ gần gũi và cần thiết nhất đối với các chính khách của tất cả các nước". Trong thế kỷ XX, những sử gia, những nhà luật học và các nhà khoa học chính trị đều đồng ý rằng cuốn Người Liên bang là tác phẩm khoa học chính trị quan trọng nhất bàn về chính quyền từng được viết ra tại Mỹ. Tầm vóc lớn lao của tác phẩm này được so sánh với cuốn Nền Cộng hòa (Republic) của Plato , Khoa học chính trị (Politics) của Aristotle và Uy quyền tối cao (Leviathan) của Hobbes .

Trái ngược với lòng quyết tâm và khả năng lãnh đạo của những người ủng hộ Liên bang, phe đối lập hầu như không đoàn kết được. Madison đã viết về

những người chống Liên bang ở Massachusetts: "Tại đây không có một cá nhân riêng biệt nào có khả năng thống nhất ý muốn của họ hoặc chỉ đạo các biện pháp của họ... mà họ cũng chẳng có kế hoạch nào cả". Phe chống Liên bang tấn công lung tung ở khắp các lĩnh vực: thiếu một Tuyên ngôn nhân quyền; phân biệt đối xử đối với các tiểu bang miền Nam trong các đạo luật về hàng hải; chính sách thuế trực tiếp; sự mất mát chủ quyền của tiểu bang... và coi bản Hiến pháp này là công trình của những chính trị gia quý tộc nhằm bảo vệ lợi ích của tầng lớp này. Tại Massachusetts, một người tuyên bố: "Những luật sư đó và những người có học thức, có tiền bạc làm cho những người nghèo, mù chữ phải ngậm đắng nuốt cay... Họ sẽ nuốt chửng tất cả chúng ta như con thủy quái nuốt chửng dân thường nhỏ bé. Đúng thế, như cá mập ăn thịt người!". Một số bài báo, do những người chống liên bang viết, đưa ra những dự đoán kỳ khôi về những điều rùng rợn có thể xảy ra dưới Hiến pháp mới, như việc những kẻ ngoại giáo và những kẻ thần luận sẽ kiểm soát chính quyền hay để điều tra các tội ác liên bang, người ta sẽ sử dụng cực hình, hoặc thậm chí cả việc Đức Giáo hoàng sẽ được bầu chọn làm Tổng thống.

Tuy nhiên, một vài lý lẽ chống liên bang là có cơ sở xác thực, như tuyên bố rằng lãnh thổ của 13 tiểu bang là quá rộng lớn đối với một chính quyền cộng hòa đại diện. Phe chống liên bang cho rằng không thể thiết lập chế độ cộng hòa trong một lãnh thổ quá mênh mông như thế. Khi đó, chính quyền không thể là những người đại diện cho dân chúng mà sẽ bị những kẻ giàu có thao túng, sẽ chèn ép người nghèo và giai cấp lao động. James Madison lật ngược quan điểm này và nhấn mạnh rằng bản thân sự bao la của quốc gia sẽ là một lý do mạnh mẽ để ủng hộ một nền cộng hòa. Tuyên bố rằng một nước cộng hòa rộng lớn sẽ làm đối trọng những nhóm người có quan điểm chính trị khác nhau tranh giành quyền lực, Madison viết: "Xã hội càng nhỏ thì sự khác biệt của các đảng phái và những lợi ích cấu thành lại càng ít. Các khác biệt đảng phái và lợi ích càng ít thì một đa số trong cùng đảng càng dễ hình thành và họ càng dễ dàng xây dựng và thực thi âm mưu và sự đàn áp của

họ". Madison tranh luận rằng việc mở rộng phạm vi của nền cộng hòa sẽ làm giảm nguy cơ bị các bè phái hay các phe cánh riêng rẽ gây ảnh hưởng.

Như tuyên bố nổi tiếng nhất của James Madison trong bài luận văn Người Liên bang số 10: "Nhưng chính phủ là gì nếu không phải là biểu hiện lớn lao nhất của bản chất loài người?". Đó chính là nguyên lý căn bản nhất mà họ sử dụng để bảo vệ thể chế chính quyền Liên bang.

Quá trình phê chuẩn Hiến pháp

Đến ngày 9 tháng Giêng năm 1788, 5 trong số 9 tiểu bang cần thiết theo qui định đã chấp thuận Hiến pháp là Delaware (phê chuẩn ngày 7 tháng Mười hai), Pennsylvania (ngày 12 tháng Mười hai), New Jersey (ngày 18 tháng Mười hai), Georgia (ngày 2 tháng Giêng năm 1788) và Connecticut (ngày 9 tháng Giêng). Nhưng các tiểu bang chủ chốt như Massachusetts, New York và Virginia vẫn không chắc chắn về quyết định cuối cùng.

Trong suốt tháng Giêng năm 1788, phong trào chống Chủ nghĩa Liên bang ở Massachusetts do Samuel Adams lãnh đạo khăng khăng đòi chỉ thông qua bản Hiến pháp mới nếu các quyền tự do cá nhân được đảm bảo. Ngày 6 tháng Hai năm 1788, với việc những người liên bang đồng ý đưa ra một danh mục các tu chính án vào Tuyên ngôn Nhân quyền để bổ sung vào Hiến pháp, tiểu bang Massachusetts mới đồng ý thông qua với 187 phiếu thuận và 168 phiếu chống. Nhà lãnh đạo cách mạng lão thành John Hancock, Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Massachusetts do không thể quyết định chính kiến của mình đối với bản Hiến pháp đã giả vờ vắng mặt với lý do bị ốm. Nhưng sau đó, bị những người Liên bang dụ dỗ về triển vọng trở thành phó tổng thống và thậm chí là Tổng thống nên Hancock, người bị Madison nhận xét là "một kẻ háo danh", đột nhiên thay đổi quan điểm vào phút chót. Mặc dù bây giờ Massachusetts đã an toàn cho phe Liên bang thì việc đề xuất Tuyên ngôn Nhân quyền cũng là một chiến thắng lớn lao của phe chống Liên bang. Sau đó, những bang còn lại cũng đòi hỏi các điều kiện tương tự.

Khi Hội nghị phê chuẩn của New Hampshire đang diễn ra nhưng bị sức ép của phe chống Liên bang buộc phải dừng lại, thì phe Liên bang cảm thấy một thất bại sắp đến gần. Đến ngày 24 tháng Ba, khi tiểu bang Rhode Island bác bỏ bản Hiến pháp trong một cuộc trưng cầu dân ý với số phiếu quá áp đảo là 10 trên 1 thì những lãnh tụ phe Liên bang bắt đầu lo sợ thực sự. Trong khi mong đợi kết quả từ Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang Maryland, Madison đã viết cho Washington: "Sự khác biệt thậm chí chỉ giữa sự trì hoãn và sự phê chuẩn ở Maryland cũng có thể mang lại lợi thế sống còn đối với những người chống đối bản Hiến pháp". Madison có một vài lý do để lo lắng. Nhưng cuộc bỏ phiếu cuối cùng ngày 28 tháng Tư của tiểu bang Maryland cho kết quả tốt như ông mong đợi với 63 phiếu thuận và 11 phiếu chống. Tại Baltimore, một cuộc diễu hành khổng lồ được tổ chức để mừng chiến thắng của phe Liên bang. Một con tàu dài được đặt tên là "Con tàu Liên bang" được hạ thủy tại cảng Baltimore, rồi chạy dọc con sông Potomac về vùng đất Mount Vernon, quê hương Washington.

Ngày 21 tháng Sáu, Hội nghị phê chuẩn của New Hampshire nhóm họp lại đã chấp thuận bản Hiến pháp với một đa số nhỏ nhoi, 57 phiếu thuận và 46 phiếu chống, kèm theo những tu chính án. Với việc tiểu bang Nam Carolina đã chấp thuận Hiến pháp ngày 23 tháng Năm, New Hampshire đã trở thành tiểu bang thứ 9 thông qua bản Hiến pháp, đúng như yêu cầu đề ra. Ngày 2 tháng Bảy năm 1788, sau khi nhận được thông báo về việc phê chuẩn Hiến pháp của New Hampshire, Quốc hội Lục địa, khi đó đang nhóm họp ở New York, đã quyết định bổ nhiệm một Ủy ban "để đưa tất cả những gì Hiến pháp tuyên bố vào hành động thực tiễn". Ngày 2 tháng Sáu năm 1788, Hội nghị phê chuẩn của Virginia được tổ chức với sự có mặt của nhiều chính khách hàng đầu của đất nước. Sau nhiều ngày họp căng thẳng, tới ngày 25 tháng Sáu, phe Liên bang do Madison lãnh đạo đã vượt qua sự chống đối của Patrick Henry, George Mason và Henry Lee. Virginia chính thức phê chuẩn bản Hiến pháp mới với 89 phiếu thuận và 75 phiếu chống, nhưng cũng đòi hỏi hàng loạt những tu chính án. Điều đó khiến phe chống Liên bang tại New

York bắt đầu dao động.

Ngày 26 tháng Bảy năm 1788, sau rất nhiều tranh cãi, nhưng được sự phê chuẩn của Virginia cô vũ và những nỗ lực không mệt mỏi của Hamilton, Hội nghị tiểu bang New York đã phê chuẩn Hiến pháp mới với số phiếu rất sát sao là 30 phiếu thuận và 27 phiếu chống, nhưng kèm theo điều kiện phải bao gồm Tuyên ngôn Nhân quyền. Tuy nhiên, sự vượt trội của phe Liên bang ở cả hai bang chủ chốt này là rất sát sao. Hamilton phỏng đoán đa số dân chúng ở New York thực sự chống lại Hiến pháp và có thể đa số dân chúng trong toàn quốc cũng chống lại văn kiện này. Chỉ những lời cam kết và các tu chính án mới đảm bảo chiến thắng cho phe Liên bang.

Ngày 31 tháng Bảy năm 1788, Bắc Caroline là tiểu bang cuối cùng, trừ Rhode Island, phê chuẩn Hiến pháp với 183 phiếu thuận và 84 phiếu chống. Ngày 4 tháng Ba năm 1789, Quốc hội Liên bang họp phiên đầu tiên tại thành phố New York bỏ phiếu hoàn toàn nhất trí bầu George Washington làm Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ. Ngày 30 tháng Tư năm 1789, Washington chính thức tuyên thệ nhậm chức. Sau đó, Quốc hội lần lượt thông qua các đạo luật thiết lập Bộ Ngoại giao, Bộ Chiến tranh và Bộ Tài chính.

Tới năm 1790, nhận thấy không thể có một chỗ đứng cho một bang nhỏ và quá yếu, bị một thể chế cộng hòa vững mạnh bao bọc, tiểu bang Rhode Island cũng chính thức phê chuẩn bản Hiến pháp và gia nhập Hợp chúng quốc. Thế là ước mong về một chính quyền vững mạnh của rất nhiều người Mỹ cuối cùng đã trở thành hiện thực.

Tuyên ngôn Nhân quyền (The Bill of Rights)

Việc đòi hỏi phải có một tuyên ngôn nhân quyền là vũ khí mạnh mẽ nhất của những người chống chế độ Liên bang. Patrick Henry là một trong những người chỉ trích bản Hiến pháp kịch liệt nhất khi liệt kê những điểm không rõ

ràng và việc thiếu vắng những công cụ bảo vệ cần thiết chống lại sự chuyên chế của chính quyền. Trong Hội nghị phê chuẩn của Virginia, ông nhạo báng chủ trương cân bằng và đối trọng của phe Liên bang rằng "Những trò cân bằng và đối trọng giả tạo và hào nhoáng kia, cái trò bước đi trên dây đầy mạo hiểm, những vụ huyên náo âm ỉ, những toan tính kỳ quặc về kiểm soát và đối trọng đó để làm gì?". Phe chống liên bang đòi hỏi một bản Hiến pháp cô đọng hơn, chắc chắn hơn, nêu bật được quyền của dân chúng và những giới hạn quyền lực của chính quyền. Richard Henry Lee cũng thất vọng về sự thiếu vắng những điều khoản bảo vệ "những quyền thiết yếu của con người mà không có tự do thì không thể tồn tại". Lee tranh cãi rằng việc chuyển một chính quyền cũ thành chính quyền mới mà thiếu một tuyên ngôn nhân quyền như vậy thì chỉ là việc "tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa".

Dù rất nhiều chính khách đương thời cũng cho rằng những quyền cơ bản của con người cần phải được bảo đảm trong Hiến pháp, thì ngược lại, Wilson và Madison, những lãnh tụ phe Liên bang lại khăng khăng giữ quan điểm rằng một tuyên ngôn nhân quyền là không cần thiết, vì mọi quyền lực không được trao cho chính quyền đều thuộc về dân chúng. Sau này, ngay cả Thomas Jefferson cũng viết cho Madison rằng: "Tuyên ngôn nhân quyền là điều mà dân chúng thường dùng để chống lại tất cả các chính quyền trên trái đất".

Mùa thu năm 1788, Madison bắt đầu tin rằng Tuyên ngôn Nhân quyền không chỉ cần thiết để có Hiến pháp được thông qua mà sẽ có nhiều tác dụng tốt khác. Ngày 17 tháng Mười, ông cho rằng "những châm ngôn cơ bản về chính quyền tự do là một nền tảng tốt để khơi dậy ý thức của cộng đồng" chống lại sự đàn áp tiềm tàng và sẽ "cân bằng được những nhu cầu lợi ích và tình cảm của dân chúng".

Sự ủng hộ của Madison đối với Tuyên ngôn Nhân quyền chính là điều cực kỳ quan trọng. Với tư cách là Hạ nghị sĩ của Virginia tại Quốc hội Liên bang khóa đầu tiên, tổ chức theo Hiến pháp mới, ông làm việc không mệt mỏi để

thuyết phục Hạ viện tiến hành những bổ sung cần thiết cho bản Hiến pháp. Trong những tháng đầu tiên ở Quốc hội, Madison đã vận động và xây dựng 17 tu chính án. Danh sách sau đó được thu gọn lại thành 12 điều để trình lên Thượng viện. Ngày 2 tháng Mười năm 1789, sau khi đã được Quốc hội Mỹ thông qua trong tháng Chín, Tổng thống Washington gửi cho các tiểu bang các bản sao của 12 tu chính án này. Ngày 15 tháng Mười hai năm 1791, ba phần tư các bang đã thông qua 10 trong số 12 tu chính án đó mà sau này rất quen thuộc với người dân Mỹ như là Tuyên ngôn Nhân quyền (Bills of Rights) .

Giá trị vĩnh hằng của bản Hiến pháp

Bản Hiến pháp Mỹ năm 1787 đã mang đến cho thế giới một ví dụ đầu tiên về một thể chế cộng hòa liên bang rộng lớn được thành lập trên nguyên tắc đại diện. Mặc dù đây không phải là mô hình đầu tiên được thành lập trên nguyên tắc dân chủ, nhưng bản Hiến pháp này đã xây dựng nền tảng cho một chính quyền dân chủ cộng hòa lớn nhất trên thế giới. Bất chấp cuộc nội chiến vĩ đại, bất chấp hai cuộc chiến tranh thế giới, bản Hiến pháp này vẫn đứng vững qua thử thách của thời gian và các biến động. Như Tổng thống Lincoln, người giải phóng chế độ nô lệ ở Mỹ, đã nói: "Những người cha của chúng ta đã mang đến lục địa này một quốc gia mới, công nhận sự tự do và cống hiến cho một mục tiêu cao cả rằng tất cả mọi người được sinh ra đều bình đẳng. Sự thành công của Hội nghị ở Philadelphia chính là việc thiết lập một bản Hiến pháp để "hình thành một liên minh hoàn hảo hơn, thiết lập sự công bằng, đảm bảo một sự an toàn chung, thúc đẩy sự thịnh vượng chung và bảo đảm tự do cho chính chúng ta và cho sự thịnh vượng của chúng ta".

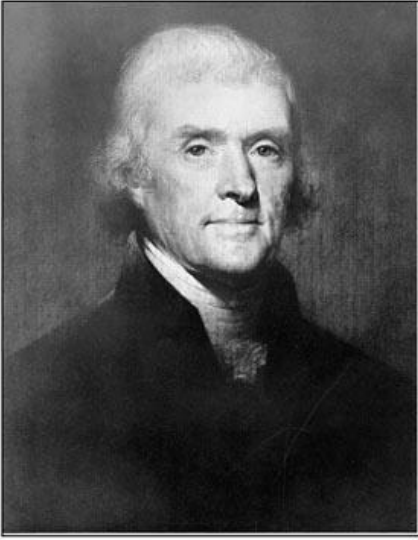
Năm 1788, Benjamin Franklin nói với một phóng viên Pháp rằng mô hình chính quyền mới cũng giống như trò chơi súc sắc, quá nhiều người tham dự với các ý kiến, sở thích và lợi ích rất đa dạng sẽ không thể mang lại kết quả mà không gây tranh cãi. Sau đó, Franklin đã viết thư cho những người bạn ở

châu Âu: "Tôi gửi tới các bạn bản dự thảo Hiến pháp liên bang mới cho các vùng đất của nước Mỹ... Nếu chúng tôi thành công, tôi không hiểu tại sao ở châu Âu, các bạn không thành lập một liên minh bao gồm tất cả các quốc gia và các vương quốc khác nhau...". 200 năm sau, một Liên minh châu Âu được hình thành với 15 quốc gia và rồi đây sẽ là một liên bang của 25 quốc gia như ý tưởng của Benjamin Franklin và cũng là mơ ước đã thành hiện thực của rất nhiều người dân châu Âu không phải bởi máu và bạo lực, mà bằng niềm tin, trí tuệ và sự đồng lòng của hết thảy mọi người.

Madison từng viết cho Jefferson rằng sự gắn kết những mối quan tâm trái ngược nhau này thật sự là "một nhiệm vụ khó khăn hơn cả việc thuyết phục những người không hề liên quan gì để họ thực hiện nó". Khi các đại biểu rời Philadelphia lúc kết thúc Hội nghị, nếu có thì cũng chỉ rất ít người tin tưởng vào sự tốt đẹp và sự tồn tại vĩnh hằng của bản Hiến pháp mà họ vừa soạn thảo. Họ cũng không biết rằng rồi đây, họ sẽ là những nhân vật chính tham gia tích cực vào việc xây dựng một chính quyền mới.

Vào cuối đời, James Madison, người cuối cùng trong số 55 người tham gia Hội nghị này còn sống, đã viết nguệch ngoạc trong một bức thư mà chưa bao giờ được gửi đi. Trong đó, ông tuyên bố không có chính quyền nào là hoàn hảo và "đây chính là mô hình ít khiếm khuyết nhất và do vậy sẽ là chính quyền tốt nhất".

Nhiều sử gia Mỹ gọi thành công mà Hội nghị Lập hiến đã làm là "Điều kỳ diệu ở Philadelphia" và ngày nay, bản Hiến pháp Mỹ cùng với Tuyên ngôn Độc lập được lưu giữ trang nghiêm và cẩn thận tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia Mỹ như những tài sản quý báu nhất của nhân dân Mỹ.



Thomas Jefferson (1743-1826)

Phần II: CÁC CUỘC TRANH LUẬN TẠI HỘI NGHỊ LẬP HIẾN

Trong khi các đại biểu cuối cùng đang lần lượt ký tên vào bản Hiến pháp thì đại biểu đáng kính nhất là Franklin chỉ tay vào hình mặt trời sau lưng ghế Chủ tịch Hội nghị, nói với một vài đại biểu đứng gần đó rằng những họa sĩ vẽ nó khó phân biệt được đó là cảnh mặt trời đang mọc hay đang lặn. Ông nói, trong cuộc họp này, ông thường nhìn vào hình mặt trời với những niềm hy vọng đan xen những nỗi sợ hãi và ông không thể nói được đó là cảnh mặt trời đang mọc hay đang lặn. Nhưng giờ đây, cuối cùng, ông đã cảm thấy hạnh phúc, vì biết chắc rằng đó là cảnh mặt trời đang mọc, chứ không phải đang lặn.

Ghi chép của Madison tại Hội nghị Lập hiến

Ngày 17 tháng Chín năm 1787

Hội nghị Lập hiến tiến hành theo hình thức thảo luận lần lượt từng điều khoản và từng mô hình chính quyền do các đại biểu đề trình. James Madison được coi là tác giả chính của bản Hiến pháp, như sau này nhiều người gọi

ông là "Cha đẻ bản Hiến pháp Mỹ". Không chỉ tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận và đề xuất những giải pháp, Madison còn là người duy nhất không bỏ sót một buổi họp nào và ghi chép lại đầy đủ những cuộc tranh luận tại Hội nghị. Ngoài bản ghi chép của Madison, còn có các bản chép tay của Rufus King, của Robert Yates và cả Biên bản chính thức của Hội nghị Lập hiến do Thư ký Jackson ghi lại. Nhưng bản ghi chép của Madison đầy đủ hơn bất cứ một bản ghi chép nào, kể cả biên bản của Hội nghị vì Jackson chỉ chép lại những ý kiến đề xuất của các đại biểu, sơ lược nội dung các cuộc tranh luận và kết quả bỏ phiếu cuối cùng.

Tới năm 1840, tức là 53 năm sau khi Hội nghị Lập hiến kết thúc và sau khi Madison mất được 4 năm, theo di chúc của ông, bản ghi chép này mới được công bố với tiêu đề "Những cuộc tranh luận tại Hội nghị Liên bang năm 1787". Có thể vì ông phải thực hiện đúng qui định của Hội nghị là cấm không công bố bất cứ thông tin nào về quá trình hội họp mà bản thân ông bị ràng buộc. Chỉ sau khi tất cả các đại biểu tham dự Hội nghị qua đời, thì Madison mới quyết định cho công bố văn kiện này.

Những cuộc thảo luận này có thể kéo dài một ngày hoặc lâu hơn, thảo luận về từng điểm trong mô hình chính quyền. Mỗi điểm của chính quyền, sau khi thảo luận xong, theo qui định của Ủy ban Điều lệ, Hội nghị sẽ tiến hành bỏ phiếu với mỗi bang có một phiếu bầu. Một điều khoản được phê chuẩn khi nhận được sự tán thành của đa số các bang có mặt tại Hội nghị, nhưng sẽ không có giá trị nếu không đủ 7 tiểu bang có mặt. Trong những lập luận rất sắc sảo này, đôi khi các đại biểu cũng đầy mâu thuẫn về những khía cạnh của chính quyền.

Bản viết tay nguyên gốc của Madison đầy những nét gạch xóa và những chỗ viết tắt vì ông ghi chép vội vàng trong quá trình thảo luận hoặc ngay sau buổi họp. Đối với những người muốn nghiên cứu tìm hiểu quá trình soạn thảo Hiến pháp Mỹ, đây là bản ghi chép có giá trị nhất. Thực tế, rất khó chọn

lọc các phần cần trích dịch vì thực sự tất cả những bài phát biểu đều rất có giá trị, nhưng do điều kiện có hạn, tôi chỉ chọn dịch khoảng trên 30 nội dung thảo luận, theo tôi là cần thiết và quan trọng nhất. Trong quá trình dịch, tôi cố gắng bám sát và dịch đầy đủ theo bản ghi chép của James Madison.

Phương án Virginia Ngày 29 tháng Năm

Ngay ngày đầu tiên khai mạc Hội nghị, Edmund Randolph, Thống đốc đương nhiệm của Virginia, được sự ủy quyền của những đại biểu Virginia, đã trình bày những đề xuất về mô hình nhà nước liên bang với ba nhánh quyền lực riêng biệt. Mô hình này thể hiện đòi hỏi của các bang lớn, muốn chiếm ưu thế tại cả hai viện của Quốc hội. Những nét chính trong Phương án Virginia trở thành nền tảng chủ yếu cho các cuộc tranh luận sau này và là nền tảng cho mô hình nhà nước Liên bang Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Mô hình này được các đại biểu Virginia xây dựng, trong đó có sự đóng góp chủ yếu của Madison. Các đại biểu của Virginia không chỉ có công lớn trong việc thiết lập Hiến pháp mà còn giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính phủ Mỹ.

Ngài Randolph mở đầu quá trình thảo luận. Ông cảm thấy bối rối vì công việc này lại được trao cho ông, chứ không phải những người khác, những người lớn tuổi hơn và có kinh nghiệm chính trị nhiều hơn, để bắt đầu một công việc trọng đại mà lẽ ra là bổn phận của họ. Nhưng do Hội nghị này được tiểu bang Virginia khởi xướng và các đồng nghiệp của ông đề xuất một số kiến nghị nên họ đã trông đợi và giao nhiệm vụ này cho ông.

Sau đó, ông trình bày những nguy cơ và khó khăn trong cuộc khủng hoảng hiện nay và sự cần thiết phải ngăn chặn sự sụp đổ của nước Mỹ.

Ông nhận thấy rằng để sửa đổi hệ thống Hợp bang cần phải nghiên cứu sâu vào các đặc tính cần thiết phải có của một chính quyền Liên bang; nghiên cứu những khiếm khuyết của hệ thống Hợp bang hiện nay; chỉ ra những mối

hiềm họa và tìm giải pháp thích đáng cho các vấn đề này.

I. Một chính quyền Liên bang phải đảm bảo:

- chống lại sự xâm lược của nước ngoài;
- chống lại những bất đồng gây chia rẽ giữa các thành viên của Liên bang, hay sự nổi loạn của một tiểu bang nào đó;
- mang lại nhiều điều tốt đẹp cho các tiểu bang, điều mà hiện nay Hợp bang không thể làm được và các tiểu bang cũng không thể có được nếu tồn tại riêng biệt;
- có thể tự bảo vệ Liên bang chống lại bất kỳ sự tấn công nào;
- sẽ là luật tối cao đối với mọi Hiến pháp của các tiểu bang.

II. Trong khi phân tích những khiếm khuyết của hợp bang thì ông cũng thể hiện lòng kính trọng đối với những người đã soạn thảo ra bản Các điều khoản Hợp bang và cho rằng họ đã làm được những điều mà những người yêu nước có thể làm được trong thời kỳ sơ khai đó của đất nước, khi những vấn đề về Hiến pháp và những sự kém hiệu quả của hợp bang chưa nảy sinh, cũng như không có tranh chấp thương mại nào, cũng như chưa có cuộc nổi loạn nào như vừa xảy ra ở tiểu bang Massachusetts ; vấn đề nợ nước ngoài chưa trở nên cấp bách; sự mất giá của tiền giấy chưa được dự báo trước; các Hiệp ước chưa bị vi phạm và các mối hiềm khích về biên giới và chủ quyền giữa các tiểu bang đều không gây ra những vấn đề trầm trọng nào.

Sau đó, ông tiến hành liệt kê những khiếm khuyết này:

1. Hợp bang không thể bảo đảm chống lại sự xâm lược của nước ngoài. Quốc hội Lục địa cũng không có quyền ngăn chặn hay tiến hành chiến tranh. Về điều này, ông trích dẫn nhiều ví dụ. Hầu hết cho thấy các Hiệp ước hay

các luật pháp của đất nước đều bị vi phạm và cần phải bị trừng phạt. Một số tiểu bang có thể gây ra các cuộc chiến tranh không kiểm soát được. Không thể có đội quân nào thích hợp cho việc bảo vệ trong những trường hợp đó. Chỉ có thể tuyển quân, nhưng điều này không thể thực hiện được nếu không có tiền.

2. Chính quyền Liên bang không thể kiểm soát được những tranh cãi giữa các bang, cũng không thể kiểm soát được bất kỳ cuộc nổi loạn nào tại các tiểu bang, cũng không có quyền hợp hiến hay bất kỳ biện pháp nào để can thiệp khi khẩn cấp.

3. Hợp chúng quốc có thể giành được nhiều thuận lợi cho liên bang mà sẽ không thể đạt được nếu căn cứ theo bản Các điều khoản Hợp bang như hành động trả đũa đối với trừng phạt, hay hạn chế thương mại của các quốc gia khác...

4. Chính quyền Liên bang không thể tự bảo vệ chống lại sự xâm phạm của các tiểu bang.

5. Đó không phải là một bộ luật tối thượng đối với các Hiến pháp tiểu bang...

III. Tiếp theo ông xem xét tình trạng nguy hiểm chung của đất nước mà nhiều người ủng hộ chính quyền của nước Mỹ đã nói về nguy cơ một tình trạng vô chính phủ có thể xuất hiện do sự lỏng lẻo của chính quyền ở khắp mọi nơi và nhiều đánh giá khác.

IV. Sau đó, ông tiến hành đề xuất giải pháp với nền tảng là các nguyên tắc cộng hòa và liệt kê từng điểm một:

Kiến nghị rằng Các điều khoản Hợp bang cần phải được sửa đổi và mở rộng để đáp ứng những mục tiêu đã nêu ra bao gồm "sự bảo vệ chung, an toàn, tự do và sự thịnh vượng trên toàn quốc".

Kiến nghị rằng theo đó, quyền phê chuẩn các bộ luật tại cơ quan lập pháp quốc gia phải căn cứ vào tỷ lệ đóng góp tiền bạc, hay căn cứ theo số lượng các công dân tự do, tùy trường hợp nguyên tắc này hay nguyên tắc kia phù hợp hơn.

Kiến nghị rằng cơ quan lập pháp quốc gia phải bao gồm hai viện [Hạ viện và Thượng viện].

Kiến nghị rằng các thành viên viện thứ nhất trong cơ quan lập pháp quốc gia [Hạ viện] phải do dân chúng các tiểu bang bầu chọn, với nhiệm kỳ hạn định và phải đạt một độ tuổi nhất định; sẽ nhận một khoản trợ cấp đền bù cho thời gian công hiến của họ; không được làm việc cho bất kỳ một cơ quan nào khác của tiểu bang, hay của liên bang trong suốt nhiệm kỳ phục vụ và cả một thời gian nhất định sau khi mãn nhiệm, ngoại trừ những cơ quan đặc biệt thực hiện quyền và chức năng của Viện này; có thể bị bãi miễn và không được bầu chọn lại trong một khoảng thời gian nào đó sau khi mãn nhiệm.

Kiến nghị rằng các thành viên của Thượng viện phải được những đại biểu của Hạ viện lựa chọn trong số những ứng cử viên do các cơ quan lập pháp tiểu bang đề cử; phải đạt một độ tuổi nhất định; với nhiệm kỳ thích hợp để đảm bảo sự độc lập của họ; sẽ nhận một khoản trợ cấp đền bù thời gian công hiến cho công chúng; nhưng không được làm việc cho bất kỳ một cơ quan nào của các tiểu bang, hay của liên bang, trừ những những cơ quan đặc biệt thực hiện những nhiệm vụ của Viện này, trong suốt nhiệm kỳ phục vụ và cả một thời gian nhất định sau khi mãn nhiệm.

Kiến nghị rằng mỗi Viện đại biểu đều có quyền khởi thảo các dự luật. Cơ quan lập pháp quốc gia phải được trao những quyền lập pháp do Quốc hội Hợp bang hiện nay đang giữ theo qui định của Các điều khoản Hợp bang và có quyền lập pháp trong mọi trường hợp các tiểu bang không đủ thẩm quyền, hay khi sự hòa thuận và thống nhất của đất nước bị các cơ quan lập pháp tiểu bang phá hoại; có quyền phủ quyết mọi đạo luật của tất cả các tiểu bang nếu

theo sự phán xét của cơ quan lập pháp quốc gia là vi phạm các điều luật của Liên bang; có quyền tổ chức một đội quân của Liên bang để tấn công bất kỳ tiểu bang nào không thực hiện bổn phận của mình theo như Hiến pháp qui định.

Kiến nghị rằng cần phải thiết lập cơ quan hành pháp quốc gia, do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn, với một nhiệm kỳ nhất định; tại những thời điểm nhất định, được nhận các khoản tiền không tăng cũng không giảm, là khoản thù lao cho công việc đảm nhiệm và không được bầu chọn lại lần hai. Ngoài thẩm quyền chung điều hành các bộ luật của quốc gia, cơ quan này cũng được trao thêm các quyền hành pháp, hiện do Quốc hội Hợp bang nắm giữ.

Kiến nghị rằng người đứng đầu bộ máy hành pháp và một số lượng thích hợp các thẩm phán liên bang lập ra Hội đồng Thẩm định có quyền phê chuẩn mọi đạo luật, do Quốc hội Liên bang ban hành, trước khi các bộ luật này có hiệu lực; có quyền phê chuẩn sự phủ quyết của Quốc hội Liên bang đối với mọi đạo luật của tiểu bang. Quyền bác bỏ của Hội đồng này được coi như quyền phủ quyết, trừ phi các dự luật này lại được Quốc hội Liên bang thông qua một lần nữa, hay các dự luật tiểu bang lại một lần nữa bị các thành viên của cả hai Viện phủ quyết.

Kiến nghị rằng phải thiết lập bộ máy tư pháp quốc gia, bao gồm một hay nhiều tòa án tối cao và các tòa án cấp thấp hơn, do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn. Các viên thẩm phán này được giữ chức vụ suốt đời nếu có tư cách đạo đức tốt và tại những thời điểm qui định, được nhận các khoản tiền không tăng và không giảm trong suốt nhiệm kỳ phục vụ, để đền bù cho công việc của họ. Các tòa án cấp thấp hơn có quyền nghe và phán quyết sơ thẩm, còn các tòa án tối cao nghe và phán quyết phúc thẩm đối với mọi hành động tội phạm nghiêm trọng, hay xảy ra tại hải phận quốc tế, hoặc bị kẻ thù bắt, những vụ xét xử công dân nước ngoài, hay công dân của các tiểu bang khác,

những vụ liên quan đến việc thu thuế quốc gia, những vụ luận tội bất kỳ viên chức chính quyền nào, và những vụ liên quan đến chiến tranh, hòa bình, hay sự thống nhất của đất nước.

Kiến nghị rằng những điều khoản này phải được các chính quyền tiểu bang, hay chính quyền của một vùng đất trong phạm vi lãnh thổ của Hợp chúng quốc, phê chuẩn hợp pháp với sự ưng thuận của đa số đại biểu trong cơ quan lập pháp quốc gia.

Kiến nghị rằng chính quyền Hợp chúng quốc phải đảm bảo mọi tiểu bang đều có chính quyền cộng hòa và đảm bảo lãnh thổ của mỗi tiểu bang, ngoại trừ các vùng đất mà chính quyền tiểu bang tự nguyện trao nộp cho chính quyền liên bang.

Kiến nghị rằng Quốc hội Hợp bang, với các thẩm quyền và đặc ân của họ, vẫn tiếp tục làm việc cho tới một ngày nhất định, sau khi việc sửa đổi các điều khoản trong Hiến pháp Liên bang được chấp thuận, để hoàn thành mọi nhiệm vụ của mình.

Kiến nghị rằng các sửa đổi và bổ sung cho Các điều khoản của Liên bang có thể làm ra bất cứ khi nào thấy cần thiết mà không cần sự chấp thuận của Quốc hội Liên bang .

Kiến nghị rằng các viên chức nắm giữ quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp của tiểu bang phải tuyên thệ bảo vệ và tuân thủ Hiến pháp Liên bang.

Kiến nghị rằng sau khi có sự phê chuẩn của Quốc hội Liên bang, các tu chính án sẽ được đệ trình lên một Hội nghị các đại biểu do dân chúng chọn ra trong số những người được các cơ quan lập pháp tiểu bang đề xuất, để xem xét và quyết định.

Ông kêu gọi đừng bỏ lỡ cơ hội hiện nay để cải thiện hòa bình, ổn định, thống nhất, hạnh phúc và tự do của nước Mỹ.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Tranh luận về cách thức bầu chọn Hạ nghị sĩ Ngày 31 tháng Năm và ngày 6 tháng Sáu

Sau khi Randolph trình bày Phương án Virginia, Hội nghị bắt đầu tiến hành thảo luận từng điểm một và sửa đổi, bổ sung những điểm mới. Ngày 31 tháng Năm và ngày 6 tháng Sáu, Hội nghị bắt đầu thảo luận đến các điểm về quyền đại diện của các tiểu bang tại Quốc hội và cách thức bầu chọn người đại diện. Đây là một điểm sửa đổi mấu chốt nhất trong các đề xuất của Randolph so với Các điều khoản Hợp bang trước đó. Đề xuất của Randolph là việc đại diện tại Hạ viện phải căn cứ vào số dân. Các bang đông dân phải có nhiều đại diện hơn. Về cơ bản, các đại biểu đều đồng ý việc đại diện theo qui mô dân số, nhưng lại bất đồng về cách thức bầu chọn bởi dường như không có cách thức nào hoàn toàn tốt đẹp. Hàng loạt các cách bầu cử được trình bày và cuối cùng, Hội nghị đồng ý rằng Hạ viện sẽ do dân chúng trực tiếp bầu chọn. Trong cuộc tranh luận này, các lập luận của Madison là đặc biệt có giá trị và sau này, được ông sử dụng trong tác phẩm Người Liên bang.

Hội nghị tiếp tục xem xét các đề xuất của Ngài Randolph.

Đề xuất thứ ba: "Kiến nghị rằng cơ quan lập pháp quốc gia phải bao gồm hai Viện" được hoàn toàn nhất trí và không ai phản đối.

Đề xuất thứ tư: phần đầu qui định "các thành viên viện thứ nhất trong cơ quan lập pháp quốc gia phải do dân chúng các tiểu bang bầu chọn" được đưa ra Hội nghị thảo luận.

Ngài SHERMAN: Phản đối việc người dân bầu chọn. Ông khẳng định việc này phải do cơ quan lập pháp các tiểu bang bầu chọn. Những người dân thường hiểu biết quá ít về chính quyền. Họ không đủ thông tin nên thường

xuyên nhằm lẫn.

Ngài GERRY: Những điều xấu xa mà chúng ta vừa trải qua đều bắt nguồn từ việc lạm dụng quyền dân chủ. Công chúng không những không chọn ra những người có tư cách mà lại ủng hộ những kẻ bịp bợm, giả danh yêu nước. Thực tế ở Massachusetts cho thấy dân chúng thường xuyên bị nhằm lẫn do những mưu mô thâm độc và những bài báo giả dối từ những kẻ xảo quyệt lưu hành, điều mà không ai có thể chống lại được. Mỗi tai họa chính yếu xuất phát từ sự tham nhũng của những kẻ làm việc trong chính quyền. Dường như thứ dân chủ giả dạng sẽ bóp chết những người làm việc cho nền cộng hòa. Ví dụ như những lời la ó khắp Massachusetts chống đối và đòi giảm lương của Thống đốc, dù điều này được chính Hiến pháp bảo vệ. Ông khẳng định ông đã là một người cộng hòa và sẽ còn là một người cộng hòa, nhưng kinh nghiệm đã dạy ông về những mối nguy hiểm của tư tưởng bình đẳng cào bằng.

Ngài MASON: Mạnh mẽ đấu tranh bảo vệ quyền bầu cử Hạ viện của toàn bộ dân chúng bởi đó là đặc ân cao cả về nguyên tắc dân chủ của chính quyền. Có thể nói rằng đó chính là "Viện bình dân" của Hợp chúng quốc. Phải hiểu và thông cảm với mọi tầng lớp trong xã hội. Do vậy, việc bầu chọn không thể chỉ được một số tầng lớp khác biệt nào đó của xã hội thực hiện mà phải do mọi thành phần, mọi địa phương trong nền cộng hòa bầu chọn. Nhiều ví dụ, điển hình là ở Virginia, những khác biệt về quan điểm và lợi ích nảy sinh từ những khác biệt về tầng lớp, tập quán... Ông đồng ý rằng nền dân chủ ở Mỹ hơi thái quá, nhưng cũng e ngại rằng liên bang sẽ rơi vào một tình thế hoàn toàn đối lập. Chúng ta cần phải tôn trọng quyền của mọi tầng lớp trong xã hội. Ông lo ngại các tầng lớp trên sẽ thờ ơ và lãnh đạm đối với các vấn đề nhân đạo và bình đẳng. Tuy nhiên, không chỉ có thế mà chắc chắn sau một thời gian, hoàn cảnh sống và địa vị của các tầng lớp dưới sẽ được cải thiện, khi tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội trở nên giàu có hơn. Chúng ta phải xóa bỏ mọi động cơ ích kỷ và những đặc ân quý tộc để chấp nhận chính sách

đảm bảo quyền và hạnh phúc cho những tầng lớp thấp kém nhất cũng không kém những tầng lớp cao quý nhất trong xã hội.

Ngài WILSON: Kiên quyết đòi trao cho toàn thể dân chúng quyền bầu chọn trực tiếp Viện đồng đại biểu nhất của cơ quan lập pháp [tức là Hạ viện] và muốn việc bầu chọn này được mở rộng tới mức có thể. Không có chính quyền nào có thể tồn tại lâu dài, nếu thiếu niềm tin của dân chúng. Trong một chính quyền cộng hòa, thì niềm tin này lại đặc biệt cần thiết. Việc tăng quyền lực cho các cơ quan lập pháp tiểu bang khi cho phép họ bầu chọn cơ quan lập pháp Quốc gia là sai lầm. Mọi dính líu giữa các chính quyền địa phương và trung ương phải càng giảm tới đa càng tốt. Thực tế cho thấy sự chống đối của các tiểu bang `đối với liên bang chủ yếu phát sinh từ chính các viên chức chính quyền tiểu bang hơn là từ phía dân chúng.

Ngài MADISON: Coi việc bầu cử của toàn thể dân chúng đối với một viện của nhánh lập pháp là điều sống còn cho mọi mô hình chính quyền tự do. Tại một số tiểu bang, cơ quan lập pháp bao gồm những đại biểu do các đại cử tri chọn ra. Vì thế, nếu Hạ viện do cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn, Thượng viện được Hạ viện bầu, bộ máy hành pháp [tức là Tổng thống] sẽ được cả Thượng viện và Hạ viện kết hợp lại lựa chọn, và hơn nữa còn những chức vụ khác lại do nhánh hành pháp bổ nhiệm thì dân chúng sẽ hoàn toàn mất quyền. Do vậy, sự cảm thông cần thiết giữa dân chúng và các nghị sĩ, các viên chức chính quyền hầu như chẳng còn. Ông cũng tán thành chính sách "tinh chế" việc bổ nhiệm bởi một lần bầu chọn tiếp nữa của dân chúng, nhưng cho rằng cách này đã đi quá xa. Ông muốn cách thức này chỉ áp dụng cho việc bầu chọn các thành viên của Thượng viện, của bộ máy hành pháp và các cơ quan tư pháp. Một công trình vĩ đại sẽ được xây dựng ổn định và bền vững hơn nếu nó dựa trên nền tảng vững chắc là dân chúng hơn là thuần túy dựa vào các cơ quan lập pháp tiểu bang.

Ngài GERRY: Không muốn cho dân chúng có quyền bầu cử. Những đặc ân

của Hiến pháp nước Anh thường là sai lầm khi áp dụng cho thực tế Hợp chúng quốc vì đây là một môi trường hoàn toàn khác. Kinh nghiệm cũng chỉ ra rằng các nghị sĩ tiểu bang được dân chúng bầu chọn trực tiếp không phải lúc nào cũng được dân chúng tin tưởng. Tuy nhiên, ông không phản đối quyền bầu cử của dân chúng nếu có nhiều công dân có địa vị, có tên tuổi sẵn lòng tham gia vào trong danh sách những người ứng cử. Dân chúng nên đề cử một số lượng đại biểu nhất định nào đó và từ số này, các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ chọn ra những đại biểu cuối cùng.

Ngài BUTTLER: Mô hình để dân chúng bầu cử trực tiếp là không thực tế.

Kết quả bỏ phiếu về việc dân chúng trực tiếp bầu chọn Hạ Viện:

MA: đồng ý; CT: không quyết định; NY: đồng ý; NJ: phản đối; PA: đồng ý; DE: không quyết định; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: phản đối; GA: đồng ý.

...

Ngày 6 tháng Sáu

Ngài PINKNEY: Căn cứ vào những ghi chép và qui định của Hội nghị, đề xuất "Hạ viện phải do các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn, chứ không phải do dân chúng". Trong trường hợp này, dân chúng không thể là những người chọn lựa thích hợp. Hơn nữa, nghị viện các tiểu bang sẽ khó lòng ủng hộ việc phê chuẩn mô hình chính quyền mới nếu họ không có quyền thiết lập nó.

Ngài RUTLIDGE: Ủng hộ ý kiến này.

Ngài GERRY: Rất nhiều điều sẽ phụ thuộc vào phương pháp bầu cử. Tại nước Anh, công chúng có thể bị mất quyền tự do vì chỉ có một tỷ lệ nhỏ dân chúng mới có quyền bầu cử. Mối nguy hiểm của chúng ta nảy sinh từ thái cực ngược lại. Như ở Massachusetts, những kẻ tồi tệ nhất, tầm thường nhất

lại được bầu vào cơ quan lập pháp. Nhiều thành viên của cơ quan này mới đây đã bị kết án vì liên quan đến những tội lỗi xấu xa. Những kẻ hèn hạ, xấu xa, thấp kém... dùng những ý kiến bản thủ của chúng chống lại những người vượt trội về kinh nghiệm và đạo đức. Ông không muốn sa vào hai thái cực đối lập này. Nguyên tắc của ông là chống lại chế độ quân chủ và chống lại chính quyền do tầng lớp quý tộc điều hành. Phải trao vào tay dân chúng quyền tham gia thiết lập một nhánh của chính quyền để truyền cho chính quyền niềm tin cần thiết. Nhưng mặt khác, ông muốn sửa đổi mô hình bầu cử này để đảm bảo chọn lựa được những người có phẩm chất và năng lực xứng đáng. Ý kiến của ông là dân chúng trong các quận bầu cử sẽ đề cử một số đại biểu, còn các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ chọn lựa Hạ nghị sĩ trong số các ứng cử viên này.

Ngài WILSON: Mong ước có một chính quyền mạnh, nhưng muốn những quyền hạn mạnh mẽ này phải xuất phát từ những thẩm quyền lập hiến hợp pháp. Chính phủ không chỉ sở hữu những quyền lực to lớn đó mà còn phải thể hiện được ý muốn và tâm trạng của đa số dân chúng. Viện đại diện này sẽ phải là nơi thể hiện chính xác nhất ý nguyện đó của toàn xã hội.

Những người đại diện cần thiết được chọn ra vì lẽ toàn thể dân chúng không thể hợp tác với nhau được. Ông cho rằng sự chống đối sẽ xuất phát từ các chính quyền tiểu bang chứ không phải từ dân chúng. Các viên chức tiểu bang sẽ là những người bị mất quyền lực. Dân chúng sẽ gắn bó với chính quyền quốc gia hơn là chính quyền các tiểu bang, vì chính quyền liên bang quan trọng hơn và thỏa mãn lòng kiêu hãnh của họ. Nếu việc bầu cử tiến hành trong các quận lớn, thì không hề có mối nguy hiểm nào bởi các cuộc bầu cử gian trá. Các cuộc bầu cử tồi tệ xuất phát từ những quận nhỏ khi tạo ra cơ hội cho những kẻ xoàng xĩnh dùng mưu đồ để trúng cử.

Ngài SHERMAN: Nếu xóa bỏ chính quyền tiểu bang thì các cuộc bầu cử phải thuộc về dân chúng. Nếu chính quyền các tiểu bang vẫn tiếp tục tồn tại

thì cần thiết phải duy trì sự hài hòa giữa chính quyền quốc gia và các chính quyền tiểu bang, cho nên chính quyền quốc gia phải do chính quyền tiểu bang bầu chọn. Quyền tham dự việc điều hành đất nước của dân chúng sẽ được bảo đảm một cách hiệu quả bởi họ có quyền bầu ra cơ quan lập pháp tiểu bang.

Liên bang có những mục đích sau:

1. Bảo vệ đất nước chống lại các mối nguy hiểm ngoại bang.
2. Sử dụng vũ lực chống lại những tranh chấp bên trong.
3. Ký kết các hiệp ước với nước ngoài.
4. Điều hành vấn đề thương mại với nước ngoài và thu thuế.

Đây là những mục tiêu làm cho sự thành lập Liên bang là cần thiết. Đối với các vấn đề dân sự và hình sự, thì chính quyền tiểu bang sẽ kiểm soát tốt hơn. Dân chúng thường hạnh phúc ở các tiểu bang nhỏ hơn là ở các bang lớn. Nhưng các tiểu bang quá nhỏ như Rhode Island lại là nơi rất dễ xuất hiện những phe phái. Một số tiểu bang khác lại quá lớn nên quyền lực của chính phủ không thể lan khắp mọi vùng được. Ông tán thành việc trao cho chính quyền quốc gia quyền hành pháp và lập pháp trong một số lĩnh vực nhất định.

Đại tá MASON: Trong Hợp bang hiện nay, Quốc hội đại diện cho các bang chứ không đại diện cho người dân. Những đạo luật của Quốc hội là áp dụng đối với các chính quyền tiểu bang chứ không trực tiếp với dân chúng. Điều này phải được thay đổi trong chính quyền mới. Dân chúng có quyền được đại diện, nên họ phải được quyền chọn các đại diện cho họ, tức là các Hạ nghị sĩ. Những người đại diện là rất cần thiết vì chỉ họ mới cảm thông được với dân chúng, mới suy nghĩ như dân chúng suy nghĩ, mới cảm nhận được những điều dân chúng cảm nhận. Điều này cho thấy các Hạ nghị sĩ phải

được chính những người dân bầu ra. Rất nhiều điều đã được viện dẫn để phản đối các cuộc bầu cử dân chủ và dù nhiều điều có lý, nhưng cũng phải thấy rằng không có chính quyền nào là thoát khỏi sai lầm và trục trặc cả.

Trong nhiều trường hợp, các chính quyền cộng hòa không thể thoát khỏi những cuộc bầu cử tồi tệ, nhưng cần so sánh những điều này với các thuận lợi [của mô hình chính quyền được đề nghị] để ủng hộ quyền của dân chúng, ủng hộ bản chất tự nhiên của loài người. Nếu dân chúng được chia vào các quận bầu cử lớn, thì những cuộc bầu cử của họ sẽ có khả năng tốt đẹp hơn [những cuộc bầu cử] được cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành. Tiền giấy bị cơ quan lập pháp ngăn cấm, trong khi dân chúng lại đòi hỏi. Điều đó cho thấy các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ không muốn trao cho cơ quan lập pháp quốc gia quyền bảo vệ những vấn đề này nếu tiểu bang có quyền bầu chọn.

Ngài MADISON: Việc dân chúng trực tiếp bầu chọn một viện của cơ quan lập pháp rõ ràng là nguyên tắc không thể thiếu của một chính quyền tự do. Mô hình này, khi có những qui định thích đáng, sẽ tạo thuận lợi để chọn được những đại biểu tốt, đồng thời tránh được ảnh hưởng quá lớn của chính quyền tiểu bang trong chính quyền liên bang. Ông không đồng ý khi Ngài Sherman cho rằng những mục tiêu được đề cập trên đây là những mục tiêu cơ bản của một chính quyền quốc gia. Đó là những mục tiêu quan trọng và rất cần thiết, nhưng quyền của dân chúng nhất thiết phải được đảm bảo một cách hiệu quả hơn và công lý phải được thi hành chắc chắn hơn. Nếu đi ngược lại những nguyên tắc đó thì Hội nghị này sẽ chẳng mang lại được điều gì ngoài việc gây ra những tội lỗi mới. Nếu quyền của công dân bị lạm dụng như đã xảy ra ở một số tiểu bang thì sự tự do của nền cộng hòa có thể tồn tại lâu dài không?

Ngài Sherman cho rằng tại các bang rất nhỏ, nạn phe phái, bè cánh và sự đàn áp sẽ thịnh hành, thì liệu có thể nói ngược lại rằng bất cứ ở đâu có những tội

lỗi này đều là những tiểu bang quá nhỏ bé không? Nếu ở các tiểu bang lớn nhất, những nguy cơ này đều ở mức độ nhỏ hơn các bang nhỏ, thì sao chúng ta không mở rộng vùng đất này đến mức bản chất của chính quyền có thể chấp nhận được. Đây chỉ là một cách bảo vệ chống lại những bất lợi mà nền dân chủ thường gây ra trong xã hội.

Xã hội văn minh nào cũng đều chia thành những phe phái, những tầng lớp và những lợi ích khác nhau, tất yếu phải bao gồm người giàu và người nghèo, những chủ nợ và con nợ, những lợi ích nông nghiệp, thương mại hay sản xuất, những công dân cư trú ở vùng này, hay vùng kia, những người ủng hộ chính trị gia này hay chính trị gia kia, những con chiên theo tôn giáo này hay tôn giáo khác. Trong mọi trường hợp khi đa số thống nhất cùng một mục đích hay tâm trạng chung thì quyền của thiểu số sẽ bị nguy hiểm.

Vậy đâu là động cơ kiềm chế những nguy cơ này? Nghiên cứu cẩn thận vấn đề này sẽ cho thấy sự trung thực là chính sách tốt nhất, nhưng kinh nghiệm cho thấy điều này ít được các tổ chức cũng như các cá nhân coi trọng...

Lương tâm, sự ràng buộc duy nhất còn lại, thì không giống nhau ở các cá nhân: đa số hầu như có rất ít lương tâm. Bên cạnh đó, bản thân tôn giáo cũng có thể trở thành động cơ cho sự ngược đãi, hay chèn ép. Những điều này đã được lịch sử của tất cả các quốc gia cổ đại cũng như hiện đại chứng minh. Ở Hy Lạp và La Mã, người giàu và người nghèo, con nợ và chủ nợ, cũng như quý tộc và bình dân, thường đàn áp nhau một cách không thương tiếc.

Nguồn gốc của những áp bức này là mối quan hệ giữa các thành phố mẹ như Roma, Athens và Carthage với các tỉnh lệ thuộc vào họ. Các thành phố mẹ nắm giữ quyền lực, còn những tỉnh lệ thuộc bị chia tách để dễ kiểm soát. Tại sao nước Mỹ phải lo sợ sự bất công của Nghị viện Anh? Bởi nước Anh có lợi ích khác với nước Mỹ nên nếu chúng ta chấp nhận những phán quyết đó, thì nước Anh sẽ giành được lợi lộc trong khi nước Mỹ phải gánh chịu phần thua thiệt.

Chúng ta đã thấy là chỉ sự khác biệt về màu da, ngay cả trong thời kỳ khai sáng, cũng gây ra sự đàn áp và bóc lột tồi tệ nhất giữa con người với con người. Vậy đâu là nguồn gốc của những luật pháp bất công đó mà bản thân chúng ta từng lên án? Không phải là vì lợi ích của đa số sao? Các con nợ thường lừa gạt chủ nợ. Lợi ích nông nghiệp thường phá hỏng những lợi ích thương mại. Những người sở hữu một loại tài sản nào đó thường muốn đánh thuế cao đối với những người sở hữu các loại tài sản khác.

Bài học mà chúng ta rút ra được là nơi nào đa số thống nhất một mục đích chung và có cơ hội, thì quyền của thiểu số sẽ không được bảo đảm. Trong chính quyền cộng hòa, đa số nếu thống nhất, luôn luôn có cơ hội chèn ép thiểu số. Giải pháp duy nhất là mở rộng lãnh thổ để xã hội chia thành rất nhiều những phe phái và lợi ích khác nhau và tại cùng một thời điểm, đa số không thể tập hợp lại để có một lợi ích chung khác biệt với lợi ích của toàn thể, hay của thiểu số. Dù trong trường hợp họ có chung một lợi ích như vậy thì họ cũng không thể tập hợp thống nhất để theo đuổi lợi ích này. Bôn phần của chúng ta phải thực hiện giải pháp này và với quan điểm đó xây dựng mô hình Nhà nước Cộng hòa với mức độ và hình thức sao cho kiểm soát được mọi tội ác mà chúng ta từng chứng kiến.

Ngài DICKINSON: Cho rằng nhất thiết một Viện của cơ quan lập pháp phải do dân chúng bầu cử trực tiếp. Khi đó, nhánh kia sẽ được các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn lựa. Sự kết hợp giữa các chính quyền tiểu bang với chính quyền quốc gia, về mặt chính trị, là không thể tránh khỏi. Để bầu chọn Thượng viện, chúng ta cần tiến hành thông qua một cách thức "tinh tế" và "chặt lọc", tương tự như cách bầu chọn Viện quý tộc ở Anh. Ông nhắc lại những lời tán dương nồng nhiệt đối với thể chế nước Anh. Ông ủng hộ một chính quyền quốc gia mạnh, nhưng phải cho phép các tiểu bang có quyền lực trong hệ thống này. Việc các tiểu bang chống đối sự hình thành chính quyền liên bang sẽ được ngăn ngừa bằng cách trao cho Thượng viện thẩm quyền vĩnh viễn và không thể xâm phạm trong thời hạn ba, năm hay bảy năm.

Được độc lập như vậy, họ sẽ phát biểu và quyết định tự do hơn.

Ngài READ: Có quá nhiều điều đang phản bội lại chính quyền tiểu bang nhưng chúng ta phải tiếp tục duy trì sự tồn tại của chính quyền tiểu bang. Một chính quyền quốc gia sẽ nhanh chóng "nuốt chửng" họ nên chính quyền tiểu bang chỉ còn là một cơ quan thuận tuý lựa chọn Thượng nghị sĩ Liên bang. Ông phản đối việc sửa chữa chấp vá hệ thống liên minh cũ vì điều đó cũng chỉ như việc may bộ quần áo mới bằng những mảnh vải cũ. Hợp bang chỉ được xây dựng trên những nguyên tắc tạm thời, không thể kéo dài, không thể sửa chữa. Nếu chúng ta không thiết lập một chính quyền tốt trên những nguyên tắc mới, chúng ta sẽ sụp đổ hoặc là lại phải làm lại từ đầu. Mọi ác cảm đối với chính quyền liên bang đang có trong suy nghĩ của những viên chức tiểu bang.

Ngài PIERCE: Ủng hộ việc Hạ viện do người dân trực tiếp bầu chọn, còn Thượng viện do các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn. Với mô hình này, công dân các tiểu bang vừa có quyền đại diện cá nhân, vừa có quyền đại diện tập thể.

Tướng PINKNEY: Mong muốn có một cơ quan lập pháp quốc gia tốt, nhưng đồng thời vẫn phải giữ lại quyền hạn đáng kể cho các tiểu bang. Việc để dân chúng, những người sống rải rác trong nhiều bang, đặc biệt là tại bang Nam Carolina, bầu cử bất kỳ Viện nào là hoàn toàn không thực tế. Ông không cho rằng việc dân chúng bầu chọn sẽ là cách bảo vệ tốt hơn các cơ quan lập pháp tiểu bang trong việc chống lại những mưu mô toan tính xấu xa. Đa số dân chúng ở bang Nam Carolina hoàn toàn ủng hộ tiền giấy như là một hình thức trao đổi hợp pháp, nhưng Nghị viện lại bác bỏ. Lý do là vì một số thành viên cơ quan lập pháp lo ngại và không dám bênh vực. Quốc hội tiểu bang sẽ ghen tị và hiềm khích đối với chính quyền quốc gia nếu họ không được tham gia. Vì thế, ý tưởng loại bỏ các cơ quan lập pháp này sẽ không bao giờ được hoan nghênh.

Ngài WILSON: Không có sự bất tương hợp nào giữa các chính quyền tiểu bang và liên bang, miễn là chính quyền tiểu bang vẫn được giữ lại để thực hiện những mục đích ở địa phương và cũng không thể bị chính quyền Liên bang nuốt chửng được. Trong mọi hệ thống chính quyền cổ xưa và hiện đại thì điều ngược lại mới xảy ra. Chính quyền trung ương sẽ dần dần bị sự tiếm quyền của những quốc gia thành viên phá hỏng.

Đề xuất của Ngài Pinkney rằng cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn Hạ viện bị Hội nghị bỏ phiếu bác bỏ: MA: phản đối; CT: tán thành; NY: phản đối; NJ: tán thành; PA: phản đối; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: phản đối; NC: phản đối; SC: tán thành; GA: phản đối.

Tranh luận về bộ máy hành pháp *Ngày 1 tháng Sáu và ngày 4 tháng Sáu*

Cuộc họp này lại tiếp tục thảo luận về đề xuất của Randolph về nhánh hành pháp. Mọi đại biểu đều tán thành mô hình phân chia quyền lực nhằm kiểm soát và đối trọng lẫn nhau giữa các nhánh chính quyền. Dù đều thống nhất quan điểm thiết lập một cơ quan tối cao có nhiệm vụ thực thi mọi đạo luật của Quốc hội, nhưng các đại biểu lại bất đồng về cách thức bầu chọn và mô hình của nhánh chính quyền này. Trên thực tế, cơ quan hành pháp là một điểm rất quan trọng và gây nhiều tranh cãi. Thậm chí, có đại biểu lại đề xuất mô hình "tam đầu chế" hoặc một Hội đồng Tổng thống với số lượng không cố định. Nhiều đại biểu lo sợ việc nhánh hành pháp chỉ gồm một người sẽ dẫn tới thể chế độc tài.

Từ ngày 1 đến ngày 4 tháng Sáu, các đại biểu đã thảo luận sơ bộ về cách thức và nhiệm kỳ của Tổng thống, nhưng tới cuối tháng Tám, vấn đề này lại được đưa ra bàn. Vấn đề bầu chọn, nhiệm kỳ và quyền lực của Tổng thống là một trong những chủ đề quan trọng nhất và được tranh luận kỹ lưỡng nhất tại Hội nghị.

Hội nghị tiếp tục xem xét đề xuất thứ bảy của Ngài Randolph. "thiết lập một

cơ quan hành pháp quốc gia, do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn, với một nhiệm kỳ nhất định, không được bầu chọn lần thứ hai, để nắm giữ các quyền hành pháp của Quốc hội".

Ngài PICKNEY: Ủng hộ một chính quyền mạnh, nhưng lo sợ các quyền hành pháp của Quốc hội Hợp bang hiện nay về chiến tranh và hòa bình mà trao cho nhánh hành pháp, thì chính quyền có thể biến thành chế độ quân chủ, một dạng tồi tệ nhất nếu chỉ do một người điều hành.

Ngài WILSON: Cho rằng quyền lực hành pháp cần phải được trao vào tay một người.

Ngài C. PICKNEY: Ủng hộ quan điểm này và muốn bản Hiến pháp viết: "thiết lập nhánh hành pháp quốc gia do một người điều hành".

Học giả FRANKLIN: Đề nghị tạm dừng các tranh luận vì đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng nên muốn tất cả các đại biểu đều trình bày ý kiến của mình trước khi tiến hành biểu quyết.

Ngài RUTLEDGE: Chỉ trích sự e ngại của các đại biểu trong việc trình bày quan điểm của họ về vấn đề này cũng như các vấn đề khác. Ông nói rằng cứ như thế các đại biểu tự cho phép mình rút khỏi các cuộc tranh luận và không trình bày thẳng thắn các quan điểm của mình, điều mà bất cứ trường hợp nào ông cũng không bao giờ làm.

Ông ủng hộ việc trao quyền hành pháp cho một người duy nhất, nhưng ông không tán thành việc trao cho ông ta quyền tuyên bố chiến tranh và hòa bình. Một người điều hành sẽ có được trách nhiệm lớn lao nhất và điều hành công việc cộng đồng một cách tốt nhất.

Ngài SHERMAN: Coi Hội đồng hành pháp tối cao không khác gì cơ quan thực thi mọi ý muốn của Quốc hội, nên một hay nhiều người đều phải do Quốc hội bổ nhiệm và là những người được Quốc hội tin cậy, vì chỉ có Quốc

hội mới nhận thức và thể hiện được ý muốn tối cao của dân chúng.

Các nghị sĩ cũng là các quan tòa tốt nhất trong việc phát xét cách điều hành của chính quyền, nên ông cho rằng số lượng người trong nhánh hành pháp không nên cố định mà có thể thay đổi tùy theo nhu cầu công việc và hoàn toàn do Quốc hội tự do bổ nhiệm.

Ngài WILSON: Tán thành việc trao quyền hành cho một người duy nhất, bởi một người sẽ có trách nhiệm cao nhất và có nhiều quyền hành nhất. Ông không coi các đặc quyền của Vua Anh là hình mẫu đúng đắn và thích hợp cho việc xác định quyền lực hành pháp. Một số đặc quyền này bản chất thuộc về Quốc hội, bao gồm các quyền về chiến tranh và hòa bình. Ông thừa nhận những quyền phải được trao cho nhánh hành pháp là các quyền thi hành luật pháp, quyền bổ nhiệm viên chức chính phủ, những quyền này sẽ không thích hợp nếu trao cho Quốc hội.

Ngài GERRY: Tán thành mô hình Hội đồng hành pháp, bao gồm nhiều người để có thêm sức mạnh và tăng thêm lòng tin của công chúng.

Ngài RANDOLPH: Chống đối kịch liệt sự đơn nhất trong chính quyền hành pháp vì coi đó là mầm mống của nền quân chủ. Ông cho rằng không có lý do nào để noi theo mô hình chính quyền Vương quốc Anh. Tuy nhiên, ông không định phê phán mô hình tuyệt vời này. Nhưng nếu các đại biểu khác dự định áp dụng mô hình đó, thì ông không biết có nên phản đối hay không. Nhưng những đặc tính đã định hình của người Mỹ đòi hỏi một mô hình chính quyền hoàn toàn khác. Ông không hiểu được tại sao những điều thiết yếu nhất về nhánh hành pháp: sự mạnh mẽ, sự khấn trương và trách nhiệm lại không thể tìm thấy trong một nhóm gồm ba người như là đối với một người. Nhánh hành pháp phải đảm bảo tính độc lập và để đảm bảo sự độc lập thì cơ quan này phải gồm nhiều hơn một người.

Ngài WILSON: Cho rằng nhánh hành pháp một người không phải là mầm

móng của nền quân chủ mà thực ra là cách bảo vệ tốt nhất chống lại nền độc tài. Ông không coi mô hình chính quyền Anh là phù hợp với tình hình nước Mỹ hiện nay. Lãnh thổ nước Mỹ quá rộng lớn và phong tục tập quán đã quá cộng hòa, nên không có gì khác ngoài một nền cộng hòa liên bang vĩ đại mới thích hợp.

Ý kiến về một nền hành pháp nhất thể, quyền lực trao cho một người như Ngài Wilson đề nghị tạm thời bị hoãn lại. Hội nghị dường như chưa được sẵn sàng quyết định vấn đề này, nhưng hoàn toàn nhất trí với điều khoản "phải thiết lập một cơ quan hành pháp quốc gia".

Ngài MADISON: Trước khi quyết định nhánh hành pháp sẽ gồm một hay nhiều người, tốt hơn nên thảo luận về phạm vi quyền lực của cơ quan này, những quyền tất nhiên thuộc về hành pháp thì phải trao cho nó. Dù được một người hay nhiều người điều hành, việc xác định phạm vi quyền lực sẽ góp phần quyết định rằng liệu việc trao mọi quyền đó vào tay một người duy nhất có an toàn không. Vì điều khoản này chủ yếu liên quan đến quyền lực của nhánh hành pháp nên sau câu "phải thiết lập một cơ quan hành pháp quốc gia", cần bổ sung "với quyền thi hành các bộ luật quốc gia, bổ nhiệm các viên chức chính phủ và trong các trường hợp không thuộc phạm vi quyền lực của nhánh tư pháp và lập pháp, hoặc đôi lúc được cơ quan Lập pháp ủy nhiệm các quyền lực khác".

Câu "không thuộc phạm vi quyền lực tự nhiên của nhánh tư pháp và lập pháp" nên đưa thêm vào theo đề nghị của Tướng Pinkney, bởi ông sợ nhánh hành pháp sẽ giành cả những quyền lực không chính đáng khác.

Ngài WILSON: Tán thành ý kiến này.

Ngài PINKNEY: Đề nghị bỏ đoạn cuối cùng "để thi hành những quyền không thuộc về nhánh lập pháp và tư pháp, hay các quyền khác khi được ủy nhiệm" trong điều khoản này. Câu này không cần thiết vì đối tượng của qui

định này đã nằm trong tuyên bố "có quyền thi hành mọi đạo luật quốc gia".

Ngài RANDOLPH: Ủng hộ ý kiến này.

Ngài MADISON: Không biết chắc liệu những câu chữ này có thật sự cần thiết hay không, hay thậm chí cả những từ trước đó như "bổ nhiệm các viên chức chính phủ...". Toàn bộ những điều này có thể đã bao gồm trong vế đầu tiên của điều khoản này. Nhưng ông cũng không thấy sự bất lợi hay phiền phức nào trong việc giữ lại đoạn này. Trong các trường hợp cần thiết, việc ghi cụ thể như vậy sẽ tránh được những mập mờ và hiểu nhầm.

Tiếp theo đề nghị của Ngài Pinkney, Hội nghị bỏ phiếu bất phân thắng bại về đề xuất do Ngài Madison đặt ra, nhưng những đề xuất của Ngài Pinkney thì bị bác bỏ với các phiếu của Connecticut, New York, New Jersey, Pennsylvania, Delaware, Bắc Caroline và Georgia so với các phiếu tán thành của Massachusetts, Virginia và Nam Carolina, còn đoạn đầu tiên của điều khoản này thì hoàn toàn nhất trí với sự chấp thuận của tất cả các tiểu bang, trừ Connecticut bỏ phiếu hòa.

Tiếp đó, phần còn lại của đề xuất thứ bảy, phần liên quan đến hình thức bầu chọn và nhiệm kỳ của nhánh hành pháp, được đem ra xem xét.

Ngài WILSON: Nói rằng ông không muốn tuyên bố mô hình bầu chọn mà ông muốn vì hiểu rằng điều đó có thể quá hão huyền. Tuy nhiên, ít nhất ông cũng nói rằng về mặt lý thuyết, ông ủng hộ việc dân chúng bầu cử trực tiếp. Những kinh nghiệm, đặc biệt là tại New York và Massachusetts cho thấy việc bầu chọn người điều hành tối cao bởi tất cả dân chúng là một mô hình thành công và thích hợp. Những người được chọn lựa theo mô hình này là những người có phẩm chất và tư cách cao quý, nổi tiếng và dân chúng đều biết tiếng.

Ngài SHERMAN: Ủng hộ việc cơ quan lập pháp sẽ bổ nhiệm Tổng thống và

muốn việc bầu chọn này hoàn toàn chỉ phụ thuộc vào cơ quan đó mà thôi, bởi nhánh hành pháp là cơ quan thực thi mọi ý muốn của nhánh lập pháp. Sự độc lập của cơ quan hành pháp với nhánh lập pháp, về bản chất, theo ông, chính là sự độc tài.

Ngài WILSON: Đề xuất rằng nhiệm kỳ của nhánh hành pháp nên là 3 năm vì ông nghĩ với một nhiệm kỳ ngắn như vậy sẽ thích hợp với việc được tái cử.

Ngài PINKNEY: Đề xuất nhiệm kỳ 7 năm.

Ngài SHERMAN: Ủng hộ nhiệm kỳ 3 năm và phản đối quan điểm luân phiên vì như vậy sẽ loại bỏ những người có năng lực nhất trong việc điều hành nhánh hành pháp.

Ngài MASON: Tán thành một nhiệm kỳ ít nhất là 7 năm và ngăn cấm sự tái cử, sẽ là biện pháp tốt nhất, vừa để ngăn chặn những đánh giá sai lệch của cơ quan lập pháp đối với những người không có tài năng, cũng như loại bỏ khả năng người điều hành này mưu mô thông đồng với Quốc hội tìm cách được tái cử.

Ngài BEDFORD: Kịch liệt phản đối nhiệm kỳ dài tới 7 năm. Ông cầu xin Hội nghị xem xét lại tình hình đất nước hiện nay, nếu Nhà hành pháp tối cao này sẽ điều hành đất nước trong một giai đoạn quá dài như vậy thì sẽ khó bị loại bỏ dù ông ta không đủ năng lực điều hành, hoặc chúng ta sẽ không thể kiểm soát được ông ta ngay sau khi ông ta vừa được bổ nhiệm. Ông cho rằng việc luận tội sẽ không thể thích hợp với trường hợp này, vì việc luận tội chỉ có thể tiến hành đối với hành động lạm quyền chứ không thể áp dụng cho việc thiếu năng lực. Ông ủng hộ nhiệm kỳ 3 năm và không thể bầu lại sau một thời gian 9 năm, tức là 3 nhiệm kỳ.

Kết quả bỏ phiếu về vấn đề nhiệm kỳ 7 năm:

MA: chia rẽ; CT phản đối; NY: tán thành; NJ: tán thành; PA: tán thành; DE:

tán thành; VA: tán thành; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối.

Tiếp theo, Hội nghị thảo luận về hình thức bầu chọn nhánh hành pháp.

Ngài WILSON: Ông ủng hộ việc bầu chọn bởi dân chúng. Ông mong muốn không chỉ cả hai viện của Quốc hội đều do dân chúng bầu chọn, không có sự can thiệp của các cơ quan lập pháp tiểu bang mà cả các nhánh hành pháp tiểu bang, để họ hoàn toàn độc lập với nhau và độc lập với các tiểu bang.

Đại tá MASON: Ủng hộ ý kiến này, nhưng nghĩ rằng điều đó không thực tế. Dầu sao, ông cũng mong ước Ngài Wilson có thêm thời gian tìm ra được mô hình thích hợp cho riêng mình và như vậy mệnh đề "sẽ được bầu chọn bởi cơ quan Lập pháp Quốc gia" cần phải hoãn lại

Ngài RUTLIDGE: Đề xuất chỉ nên cho Thượng viện bầu chọn nhánh hành pháp mà thôi.

Hội nghị dừng họp tại đây.

...

Ngày 4 tháng Sáu

Theo đề xuất của Ngài Pinkney và Ngài Wilson, "nhánh hành pháp do một người điều hành" được đưa ra thảo luận.

Ngài WILSON: Ủng hộ quan điểm này. Dù quý ngài từ Virginia [Ngài Randolph] phản đối, nhưng những lập luận đó không thuyết phục và không đủ để bác bỏ mô hình này. Ông cũng không thấy bằng chứng nào được viện dẫn về sự cảm thông của dân chúng đối với nhánh hành pháp gồm nhiều hơn một người. Ngược lại, ông tin rằng không hề có sự cảm thông đó. Mọi người đều biết là một người hành pháp không có nghĩa ông ta là ông vua. Một điều có ý nghĩa quan trọng liên quan đến ông ta. 13 tiểu bang có thể ít thống nhất

ý kiến về các vấn đề khác, nhưng sẽ hoàn toàn nhất trí về việc một người điều hành cơ quan hành pháp. Ý tưởng "ba đầu" sẽ không được ủng hộ. Mức độ quyền lực của ba người đó là khác nhau và sẽ không có những người biết cách hợp tác. Ngoài những lý do đưa ra trước đây ủng hộ sự đơn nhất, ông muốn đưa ra những lý do khác.

Sự ổn định của chính quyền cũng không kém phần quan trọng so với sức mạnh của nó mà điều này chỉ có thể có nếu là một người. Nếu ba người có quyền lực ngang bằng nhau, ông không thấy gì khác ngoài sự mất kiểm soát, liên tục xung đột, mâu thuẫn, không những chỉ cản trở việc điều hành mà còn làm rối rắm thêm các nhánh chính quyền khác, cả với chính quyền các tiểu bang và dân chúng. Nếu quyền lực của các thành viên không tương đương nhau, thì nguyên tắc đối trọng nhằm phản đối sự đơn nhất của nhánh hành pháp hoàn toàn trở nên vô nghĩa. Nếu quyền lực cân bằng, việc bầu chọn số lẻ người cũng không phải là giải pháp. Ở tòa án, luôn luôn chỉ có hai phe trong mọi vụ kiện. Trong cơ quan hành pháp và lập pháp, các vấn đề thường có nhiều phe. Do vậy, mỗi thành viên có thể có ý kiến riêng nên ba người cũng chẳng thể nhất trí được việc gì.

Đại tá MASON: Những thuận lợi chính ủng hộ sự đơn nhất trong bộ máy hành pháp đó là Bí mật, Nhanh chóng, Mạnh mẽ. Đó cũng là những ưu việt của chính quyền này, đặc biệt trong thời gian chiến tranh. Ông hoàn toàn thừa nhận đó là những thuận lợi chủ yếu và quan trọng, nhưng những nền quân chủ cũng có tất cả những ưu điểm này. Một điều không thể chối cãi là những điểm này trong chế độ quân chủ còn ở mức độ lớn hơn nhiều so với chế độ cộng hòa.

Suy ngẫm một chút, chúng ta nghi ngờ rằng đây chỉ là những thuận lợi về mặt lý thuyết hơn là thực tế và buộc chúng ta phải xem xét rằng đó không phải là những nguyên tắc chủ yếu của chính quyền cộng hòa. Nhiều bằng chứng cho thấy: tính ưu việt này từng bị chế giễu, coi thường và phá nát. Đó

là cái giá mà hầu hết các chế độ quân chủ phải trả, và những nền cộng hòa cũng tương tự như vậy.

Tình yêu, thiện ý và sự quynh luyen của dân chúng với các bộ luật, với sự tự do và với đất nước là điều không thể đánh bại. Mọi người dân, ngay lập tức, đều có thể trở thành một người lính khi nhận thức và hiểu rằng mình chiến đấu không phải vì bảo vệ quyền lợi của một hoàng gia nào cả, không phải vì triều đình mà vì chính bản thân gia đình mình. Một sự thật hiển nhiên rằng vì chính mồ mả tổ tiên và gia đình, thì dù già hay trẻ đều thể hiện một tinh thần kỳ diệu. Đó chính là nguyên nhân khiến chiến binh các thành bang Hy Lạp bé nhỏ ở thời kỳ cổ đại đương đầu và liên tục đánh bại các đế chế quân chủ Ba Tư. Đó cũng chính là động lực giúp các tiểu quốc Hà Lan chống lại những đội quân dày dặn kinh nghiệm trận mạc trong suốt cuộc chiến tranh 30 năm với Tây Ban Nha, vương triều mạnh nhất ở châu Âu thời đó và cuối cùng đã chiến thắng. Cũng chính điều đó đã duy trì tự do và độc lập của các tiểu quốc Thụy Sĩ, đưa các tiểu quốc này trở thành những quốc gia hùng mạnh nhất. Trong giai đoạn nguy ngập nhất của nước Mỹ, khi cuộc chiến tranh vừa qua mới chỉ bắt đầu, không có vũ khí, không có binh sĩ, không có thương mại, không có tiền và thiếu mọi nguồn lực, thì ai là người mang lại thắng lợi? Đó không phải là một nguyên tắc chủ yếu chăng?

Chúng ta vẫn chưa thể xác định những quyền lực sẽ trao cho nhánh hành pháp và dù một số đại biểu ôn hòa có thể suy tính và tranh luận về chủ đề này, ông vẫn tin rằng khuynh hướng chung là ủng hộ một chính quyền mạnh vì coi chính quyền mạnh là cần thiết. Nếu các quyền lực mạnh và mở rộng này được trao cho bộ máy hành pháp, nhưng cơ quan này chỉ có một người, thì tất nhiên chính quyền này sẽ suy thoái thành một chế độ quân chủ: một chính quyền đi ngược lại ý muốn của công chúng, thậm chí sẽ bác bỏ bất cứ ý muốn nào của công chúng. Như vậy, có thể coi cuộc nhóm họp của chúng ta lúc này là một trong những nguyên nhân phá vỡ chính quyền liên bang. Liệu chúng ta có nhận thấy những mối nguy hiểm do sự trì hoãn, chần chừ

giữa thời điểm giải thể Quốc hội Hợp bang và việc chấp thuận một hệ thống chính quyền mới không? Ông lo sợ cái khoảng thời gian gián đoạn này. Nếu năm đầu tiên [của chính quyền mới này] không mang lại được kết quả tốt đẹp nào thì những hậu quả có thể rất khủng khiếp. Nếu những vùng đất khác nhau của các tiểu bang không được tham dự một cách bình đẳng trong chính quyền liên bang mới này, thì đâu sẽ là cách đảm bảo tốt nhất sự bình đẳng về lợi ích của họ? Nếu một cuộc nổi dậy, một vụ phiến loạn, hay một cuộc xâm lược xảy ra ở New Hampshire, trong khi nguyên thủ quốc gia duy nhất lại là công dân của Georgia thì dân chúng của New Hampshire sẽ nghĩ gì, nếu có bất kỳ sự trì hoãn nào trong việc bảo vệ họ và ngược lại?

Nếu quyền lực hành pháp được trao cho ba người, một người được chọn từ miền Bắc, một từ miền Trung và một từ miền Nam, thì điều này sẽ mang lại sự yên bình, an toàn trong suy nghĩ của dân chúng và thuyết phục họ rằng chính quyền sẽ có những mối quan tâm tương xứng với những điều họ lo ngại. Liệu ba người được chọn này không mang cùng với họ vào chính quyền một kiến thức mở rộng hơn, hoàn hảo hơn về Liên minh vĩ đại này chẳng? Một mô hình bổ nhiệm như vậy không phải là phương pháp có hiệu quả nhất nhằm ngăn chặn những âm mưu và sự thông đồng giữa cơ quan lập pháp và ứng cử viên cho chức vụ này, đặc biệt là với những người cùng tiểu bang đang nhắm nhe những chiếc ghế của chính quyền liên bang, những người có những cơ hội lớn nhất và sự cảm dỗ lớn nhất chẳng? Liệu đây không phải là biện pháp hiệu quả nhất để kiểm soát và chống lại những mưu đồ nguy hiểm và những kẻ đầy tham vọng, và sẽ bảo đảm tốt nhất cho sự ổn định và bền vững của chính quyền chúng ta trên những nguyên tắc vô giá về sự tự do?

Đó chính là những lý lẽ của ông ủng hộ một bộ máy hành pháp gồm ba người hơn là một người duy nhất.

Ngài SHERMAN: Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng và cần phải xem

xét kỹ lưỡng trước khi quyết định. Ngài Wilson cho rằng ở mọi tiểu bang, quyền lực đều được trao vào tay một người đứng đầu là Thống đốc. Ông đồng ý điều đó và cũng muốn áp dụng mô hình này cho chính quyền liên bang. Nhưng cần nhớ rằng tất cả các tiểu bang đều có một Hội đồng Cố vấn. Thiếu cơ quan này, Thống đốc không thể tùy tiện hành động. Nên cần phải thiết lập một Hội đồng như vậy để bản Hiến pháp được dân chúng chấp nhận. Thậm chí ở Anh, Nhà Vua cũng có một Hội đồng và dù ông ta tự bổ nhiệm các quan chức ở cơ quan này thì lời khuyên của nó cũng có trọng lượng với ông ta và cơ quan này cũng được dân chúng tin tưởng.

Ngài WILLIAMSON: Hỏi Ngài WILSON có muốn bổ sung thêm một Hội đồng Cố vấn không?

Ngài WILSON: Trả lời là không cần Hội đồng Cố vấn, vì cơ quan này chỉ mang tính hình thức và thường không hiệu quả.

Ngài GERRY: Rất lúng túng khi đánh giá về mô hình Hội đồng hành pháp tối cao gồm ba người. Điều này sẽ vô cùng bất lợi trong nhiều trường hợp, đặc biệt là các hoạt động quân sự, liên quan đến quân đội, hay hải quân. Nó sẽ là vị Thống chế với ba đầu [ý nói khó hoạt động].

Đối với vấn đề một nền hành pháp nhất thể, quyền lực chỉ trao cho một người được gọi là Tổng thống kết quả phiếu bầu như sau:

MA: tán thành; CT: tán thành; NY: phản đối; PA: tán thành; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: tán thành; GA: tán thành.

Tranh luận về cách bầu chọn Thượng nghị sĩ Ngày 7 tháng Sáu

Nhiệm kỳ và cách thức bầu chọn Thượng viện cũng là một điểm quan trọng được các đại biểu thảo luận rất kỹ càng. Hàng loạt cách thức bầu chọn được đưa ra, nhưng việc qui định tỷ lệ đại diện tại Thượng viện căn cứ vào qui mô dân số đã làm các bang nhỏ rất lo sợ. Cuộc họp ngày 7 tháng Sáu chỉ thảo

luận về cách thức bầu chọn Thượng nghị sĩ, nhưng vấn đề này không chấm dứt trong ngày hôm đó mà còn kéo dài và là một trong những điểm gây tranh cãi nhất trong suốt thời gian Hội nghị.

Điều khoản Hạ viện sẽ bầu chọn Thượng viện, do Ngài Randolph đề xuất, được đưa ra xem xét.

Ngài DICKENSON: Đề nghị "các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ bầu chọn thành viên của Thượng viện".

Ngài SHERMAN: Tán thành ý kiến này, vì như vậy, các tiểu bang sẽ ủng hộ chính quyền quốc gia và sự hài hòa giữa hai hệ thống chính quyền Liên bang và tiểu bang sẽ được duy trì. Ông cũng đề nghị hai hệ thống chính quyền này phải có các hệ thống tư pháp tách biệt, nhưng các cơ quan tư pháp phải ủng hộ lẫn nhau vì những lợi ích chung.

Ngài PINCKNEY: Nếu các tiểu bang nhỏ được phép có một Thượng nghị sĩ, [và số lượng Thượng nghị sĩ tỷ lệ với số dân], thì số thành viên Thượng viện có lẽ sẽ rất lớn, ít nhất là 80 người.

Ngài DICKINSON: Trình bày hai lý do cho quan điểm của ông.

(1) Chính quyền tiểu bang sẽ chọn ra những Thượng nghị sĩ giỏi và có năng lực tốt hơn nếu để dân chúng chọn;

(2) Ông mong muốn Thượng nghị viện sẽ bao gồm những cá nhân xuất chúng nhất, cả về phẩm chất và trí tuệ, và càng vững mạnh càng tốt như Viện quý tộc của nước Anh. Để tìm được những con người như vậy, nên để các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn ra, hơn là bất kỳ phương pháp nào khác. Ông không lo ngại và phản đối số lượng lớn Thượng nghị sĩ và cho rằng số lượng này sẽ trong khoảng 80 đến 160. Thượng viện với số lượng nghị sĩ quá ít sẽ không đủ sức mạnh đối trọng với Hạ viện. Cơ quan lập pháp đại diện cho đông đảo quần chúng, thì cũng phải có một số lượng đông đảo thích

hợp.

Ngài WILLIAMSON: Ủng hộ một số lượng nhỏ các Thượng nghị sĩ, nhưng muốn mỗi bang phải có ít nhất một người. Ông cho rằng con số 25 Thượng nghị sĩ là thích hợp nhất. Sự khác biệt về cách thức bầu chọn đại biểu của hai Viện cũng sẽ có tác dụng kiểm soát lẫn nhau.

Ngài BUTLER: Băn khoăn về tỷ lệ đại diện, nên chưa thể trình bày quan điểm của mình.

Ngài WILSON: Nếu mục đích của những người có mặt tại Hội nghị này là để thiết lập một chính quyền quốc gia, chính quyền đó phải bắt nguồn từ đông đảo nhân dân. Nếu một Viện được các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn, còn Viện kia lại do người dân trực tiếp bầu ra thì hai Viện này sẽ dựa trên hai nền tảng khác nhau và tất yếu sẽ phát sinh mâu thuẫn. Ông mong muốn Thượng viện cũng phải do nhân dân trực tiếp bầu ra như Hạ viện. Dân chúng sẽ được chia vào những khu vực bầu cử phù hợp với mục đích này và ông ủng hộ quan điểm của đại biểu Dickinson, hoãn lại vấn đề quan trọng này.

Ngài MORRIS: Tán thành ý kiến đó.

Ngài READ: Đề xuất rằng: "Thượng nghị sĩ sẽ do Nhà hành pháp tối cao của liên bang [tức là Tổng thống] bổ nhiệm trong số những người được các cơ quan lập pháp tiểu bang đề cử"... Nhưng quan điểm này không được ai ủng hộ.

Ngài MADISON: Nếu quan điểm của Ngài Dickinson được chấp nhận [quan điểm cơ quan lập pháp tiểu bang chọn Thượng nghị sĩ] thì chúng ta sẽ hoặc phải từ bỏ lý thuyết đại diện theo tỷ lệ, hoặc phải chấp nhận rằng Thượng viện sẽ rất đông. Hướng thứ nhất là không thể chấp nhận được, vì điều này rõ ràng không công bằng. Hướng thứ hai cũng không hợp lý. Mục đích của

Thượng viện là để các quá trình lập pháp trở nên chín chắn và thận trọng hơn, có hệ thống và sáng suốt hơn Hạ viện.

Ông không đồng ý với quan điểm của Dickinson cho rằng việc tăng số lượng đại biểu sẽ tăng thêm quyền lực và sức mạnh của cơ quan này. Ngược lại, sức mạnh của cơ quan này tỷ lệ nghịch với số lượng các đại biểu. Cần phải xem xét ví dụ điển hình về mô hình Quan bảo dân của La Mã . Họ đánh mất ảnh hưởng và quyền lực của mình khi có thêm thành viên. Nguyên nhân của việc này rất rõ ràng: họ được bổ nhiệm để đảm bảo những quyền lợi và thực thi đòi hỏi của dân chúng La Mã, bởi dân chúng quá đông, không thể phối hợp hành động được. Nhưng ngay lập tức, chính họ lại chia thành các phe phái để trở thành con mồi của giới quý tộc. Dân chúng càng đông thì càng có nhiều đại biểu. Họ càng trở nên không kiên định và dễ bị chia rẽ ngay chính trong nội bộ hoặc là càng trở nên ngờ nghệch trước những mưu mô của các phe phái đối lập, tất yếu không thể thực hiện được bốn phận của mình. Nếu sức mạnh và uy quyền của một nhóm người phụ thuộc vào phẩm chất của từng cá nhân thì số lượng càng đông, uy quyền càng lớn. Nhưng khi các thẩm quyền chính trị được trao cho họ, số lượng càng ít thì sức mạnh càng lớn. Cần nghiên cứu những xem xét này để áp dụng cho Thượng viện.

Ngài GERRY: Đã có bốn mô hình chọn lựa Thượng nghị sĩ được nêu ra.

1. Bởi Hạ viện, nhưng điều này sẽ tạo ra sự phụ thuộc [của Thượng viện đối với Hạ viện] đi ngược lại mục đích cần đạt đến [là sự độc lập giữa hai viện].
2. Bởi nhánh hành pháp Liên bang. Điều này có thể dẫn đến nền quân chủ mà một số đại biểu đã lo ngại.
3. Bởi người dân. Dân chúng có hai mối quan tâm chính, nông nghiệp và thương mại, bao gồm cả những người đang nắm giữ cổ phiếu. Nếu cả hai Viện đều do dân chúng bầu ra, lợi ích thương mại có thể không được đảm bảo bởi đa số dân chúng chỉ quan tâm lệch lạc đến những lợi ích nông

nghiệp mà quên đi những lợi ích khác, thậm chí các lợi ích khác còn bị xóa bỏ.

4. Bởi các cơ quan lập pháp tiểu bang. Quá trình bầu chọn này được tiến hành bởi một cơ quan rất am hiểu, do vậy, những lợi ích thương mại cũng được đảm bảo chứ không chỉ các lợi ích nông nghiệp và không có lợi ích nào bị chèn ép quá mức. Không một chính quyền tự do nào có thể tồn tại lâu dài, nếu lợi ích của bất kỳ tầng lớp dân chúng nào bị chèn ép. Do vậy, ông ủng hộ việc bầu chọn Thượng nghị sĩ theo cách này.

Ngài DICKINSON: Việc duy trì chính quyền tiểu bang ở một mức độ nhất định là không thể thiếu được. Điều này sẽ tạo ra sự xung đột giữa những quyền lực khác nhau, nhưng cũng là một sự kiểm soát cần thiết vì chúng có tác dụng kiểm tra lẫn nhau. Cố gắng giảm bớt thẩm quyền tiểu bang bằng cách biến cơ quan này thành các hội đồng đại biểu thuần túy cũng không thể được bởi điều này sẽ dẫn đến sự suy tàn. Ông so sánh hệ thống quốc gia được đề xuất với hệ mặt trời, trong đó, các tiểu bang là các hành tinh chuyển động tự do trong quỹ đạo thích hợp cho mình. Ngài Wilson của Pennsylvania mong muốn hủy bỏ các quỹ đạo này. Nếu chính quyền các tiểu bang bị loại khỏi mọi công việc quốc gia thì chính quyền quốc gia sẽ đi theo hướng như chính quyền các tiểu bang hiện nay và rồi cũng sẽ gặp phải tất cả những sai lầm tương tự.

Việc cải cách là nhằm thống nhất 13 dòng suối nhỏ vào một con sông lớn để chúng cùng chảy theo một hướng, để không gây cản trở lẫn nhau. Tuy nhiên, ông tán thành quan điểm cho rằng Thượng viện phải bao gồm nhiều đại biểu, vì khi đó ảnh hưởng của họ cũng sẽ tăng lên nhờ dòng dõi và các yếu tố khác. Ông không đồng ý rằng Quan Hộ dân La Mã bị mất quyền lực khi tăng thêm người và giải thích nguyên nhân vấn đề này. Nếu lập luận của Ngài Madison là đúng, thì số lượng Thượng nghị sĩ cần phải giảm xuống dưới 10, con số lớn nhất của các quan hộ dân La Mã.

Ngài WILSON: Cách thức chọn lựa Thượng nghị sĩ chắc chắn gặp phải nhiều khó khăn và ngò vực, nhưng chúng ta cần phải vượt qua. Mô hình chính quyền nước Anh không thể là hình mẫu của nước Mỹ vì sự khác biệt về cách sống, luật pháp, chế độ con trưởng thừa kế bị bãi bỏ và tính cách của toàn thể công chúng. Ông không cho rằng tồn tại nguy cơ chính quyền quốc gia sẽ nuốt chửng chính quyền các tiểu bang. Ngược lại, ông muốn chính quyền quốc gia không bị chính quyền các tiểu bang thôn tính.

Ông đồng ý với ý kiến của Ngài Dickinson cho rằng không nên loại bỏ những hành tinh cũng như những quỹ đạo của nó. Tuy nhiên, ông cũng không tin rằng các hành tinh này sẽ sưởi ấm hay chiếu sáng Mặt trời. Trong phạm vi quỹ đạo đích thực của mình, chính quyền tiểu bang phải chấp nhận hoạt động vì những mục tiêu ít quan trọng hơn [những mục tiêu của địa phương]. Với mục đích này, sự tồn tại của các chính quyền tiểu bang là cần thiết, bởi chính quyền Liên bang không thể điều hành hết phạm vi quá rộng lớn của nền Cộng hòa.

Ông không thể hiểu được tại sao Thượng viện, nếu do các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn, sẽ ít quan tâm đến những lợi ích nông nghiệp hơn nếu do chính dân chúng bầu chọn. Nếu các cơ quan lập pháp này, như bị chỉ trích hiện nay, hy sinh lợi ích thương mại vì lợi ích nông nghiệp thì tại sao lại trông đợi họ sẽ ủng hộ lợi ích nông nghiệp nếu điều này đi ngược lại quan điểm và lợi ích của chính họ. Ông ủng hộ việc bầu cử bởi dân chúng trong các quận lớn, vì cách này sẽ chọn được những người xứng đáng nhất về trí tuệ cũng như nhân cách. Còn việc chia nhỏ các quận bầu cử chỉ làm cho các cử tri bỏ phiếu dễ dàng hơn mà thôi. [vì dân chúng không phải đi quá xa để bỏ phiếu-ND]

Ngài MADISON: Cho rằng uy tín và truyền thống gia đình trong Thượng viện, như mong muốn của Ngài Dickinson, nếu thông qua cuộc bầu cử do cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành, sẽ mạnh hơn là bất cứ cách thức bầu cử

nào khác. Câu hỏi thật sự đặt ra là cách thức nào sẽ mang lại sự lựa chọn tốt nhất? Nếu một cuộc bầu cử của dân chúng, hay thông qua một hình thức nào đó, không phải do các cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành, hứa hẹn chọn được những người trung thực và công bằng thì việc các cơ quan lập pháp tiểu bang bỏ nhiệm các Thượng nghị sĩ chắc chắn là không cần thiết.

Thượng viện do cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn không chắc chắn tốt hơn nếu do dân chúng bầu chọn. Những sai lầm lớn nhất bị chỉ trích là vấn đề tiền giấy mà các cơ quan lập pháp tiểu bang bác bỏ, bất chấp sự khẩn nài của dân chúng nên đôi khi, dân chúng không biết phản đối thế nào. Khi đó, với việc kiểm soát ý muốn của cơ quan lập pháp quốc gia, dân chúng sẽ có ảnh hưởng trong việc thúc đẩy chương trình tiền giấy.

Thật vô lý khi cho rằng cơ quan lập pháp quốc gia, nếu không có sự kiểm soát thích hợp, sẽ đi theo vết xe đổ của các cơ quan lập pháp tiểu bang. Cũng rất vô lý khi cho rằng cơ quan lập pháp tiểu bang là sự kiểm soát thích hợp duy nhất đối với Quốc hội Liên bang.

Ngài SHERMAN: Phản đối việc dân chúng trong các khu vực bầu cử có quyền bầu chọn vì không thể chọn được những cá nhân xuất sắc như các cơ quan lập pháp tiểu bang. Ngài GERRY: Nhấn mạnh rằng các lợi ích thương mại và tài chính đặt trong tay các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ an toàn hơn nếu đặt trong tay dân chúng. Đức hạnh và tư cách cao quý của các nghị sĩ sẽ kiểm soát cơ quan này tránh khỏi những bất công trong việc bầu cử. Công chúng ủng hộ tiền giấy, trong khi các cơ quan lập pháp chống lại. Tại Massachusetts, đại hội đại biểu của các quận đã tuyên bố ước muốn xóa bỏ mọi thứ tiền giấy mất giá trị đó. Ngoài ra, cơ quan lập pháp một số tiểu bang đều bao gồm hai viện, trong đó một viện có vẻ quý phái hơn và cho đến nay, các quyết định của viện này thường sáng suốt hơn.

Ông cho rằng có ba lý do chính phản đối việc bầu cử trong các quận bầu cử :

(1) Điều đó không thực tế. Dân chúng không thể tập trung về một nơi cho mục đích này và dù tập trung về một nơi thì cũng không thể tránh được vô số những vụ gian lận.

(2) Các tiểu bang nhỏ, dù kết hợp với một bang lớn hình thành một phần của quận bầu cử, hay kết hợp với một phần lãnh thổ của một bang lớn, sẽ không có cơ hội bầu chọn những công dân ưu tú của tiểu bang mình.

(3) Sẽ xuất hiện những mối bất hòa giữa các vùng lãnh thổ khác nhau trong cùng một quận.

Ngài PICKNEY: Vì Thượng viện phải là một cơ quan ổn định và độc lập nên các thành viên của cơ quan này phải được các cơ quan lập pháp tiểu bang bổ nhiệm. Mô hình này sẽ tránh được sự kinh dịch và bất đồng nếu thiết lập các quận bầu cử. Ông ủng hộ việc chia các tiểu bang thành ba loại, căn cứ theo diện tích đất đai, cho phép nhóm thứ nhất có ba Thượng nghị sĩ, nhóm thứ hai có hai Thượng nghị sĩ và nhóm thứ ba có một Thượng nghị sĩ.

Đại tá MASON: Bất kể mức độ quyền lực nào trao cho chính quyền liên bang, thì một phần nhất định phải giữ lại cho các tiểu bang. Nếu có một quyền lực quá lớn bao trùm khắp mọi lĩnh vực và lãnh thổ của nước Mỹ thì không thể có một quyền lực nào khác đủ sức đối trọng với nó. Các nghị viện tiểu bang cũng phải có một số biện pháp tự bảo vệ mình chống lại sự xâm phạm của chính quyền quốc gia. Chúng ta cố gắng tìm những biện pháp và quyền lực cần thiết để mọi nhánh quyền lực của chính quyền liên bang đều có thể tự bảo vệ mình. Nhưng tại sao chúng ta lại không làm điều đó đối với các chính quyền tiểu bang? Liệu chúng ta có thể lập ra những biện pháp nào tốt hơn để chính quyền các tiểu bang được tham gia vào việc hình thành chính quyền liên bang. Không nghi ngờ gì nữa, mối nguy hiểm đều xuất hiện từ cả hai phía [liên bang và tiểu bang]. Nhưng chúng ta mới chỉ chứng kiến những sai trái và lỗi lầm phát sinh từ phía chính quyền tiểu bang và những điều này vẫn đang tồn tại. Ví dụ về Quốc hội Hợp bang không thể áp dụng

cho trường hợp này, vì Quốc hội Hợp bang hiện nay không có những quyền lực như chính quyền quốc gia sẽ có sau này.

Kết quả bỏ phiếu về đề xuất bổ nhiệm Thượng viện Liên bang các cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành theo đề nghị của Ngài Dickinson:

MA: tán thành ; CT: tán thành; NY: tán thành; PA: tán thành; DE: tán thành; MD: tán thành; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: tán thành; GA: tán thành. (Tất cả các bang đều đồng ý).

Hội nghị dừng họp tại đây.

Phương án New Jersey Ngày 15 tháng Sáu

Ngày 14 tháng Sáu, khi một số đề xuất chủ yếu về mô hình chính quyền Liên bang của Randolph đã được Hội nghị thảo luận và nói chung tán thành một chính quyền quốc gia mạnh, với quyền lực hầu hết nằm trong tay các bang lớn, đã khiến các đại biểu của các bang nhỏ rất bất bình. Đại biểu William Paterson của New Jersey đề nghị hoãn cuộc họp lại một ngày để đại biểu các tiểu bang nhỏ có thời gian chuẩn bị kế hoạch của riêng họ. Một ngày sau, ngày 15 tháng Sáu, Paterson đệ trình một mô hình chính quyền do các bang nhỏ soạn thảo. Về thực chất, mô hình này không khác gì việc sửa đổi một vài điểm của Các điều khoản Hợp bang, nhằm mục đích duy trì chủ quyền của các bang nhỏ. Đó chỉ là một liên minh thuần túy giữa các quốc gia có chủ quyền độc lập.

Mặc dù bị bác bỏ, nhưng một số đề xuất trong mô hình này sau đó được chấp nhận và được đưa vào bản Hiến pháp.

Ngài PATERSON: Đệ trình bản kế hoạch mà nhiều đại biểu muốn thay thế cho các đề xuất của Ngài Randolph. Sau một số thảo luận ngắn, mọi người đều nhất trí đưa cả hai mô hình này ra toàn Hội nghị xem xét.

Các đề nghị của tiểu bang New Jersey do William Paterson trình bày như sau:

Kiến nghị rằng Các điều khoản Hợp bang cần phải sửa đổi, hiệu chỉnh và mở rộng để xây dựng được một bản Hiến pháp Liên bang tương xứng với những nhu cầu cấp bách của chính quyền hiện nay và sự tồn tại của liên minh.

Kiến nghị rằng ngoài những quyền đã trao theo Các điều khoản Hợp bang, Quốc hội Hợp bang sẽ được trao thêm quyền ban hành các đạo luật để thiết lập ngân sách quốc gia bằng việc áp đặt một hay nhiều mức thuế đối với các loại hàng hóa, với việc buôn bán với nước ngoài, với các hàng hóa được sản xuất trong nước, với việc nhập khẩu vào bất kỳ vùng nào trên nước Mỹ, bởi các con tem và bởi bưu phí trên mọi bức thư hay hàng hóa bưu kiện được gửi qua sở bưu điện. Những khoản tiền thu được này sẽ được sử dụng cho các mục đích liên bang nếu Quốc hội cho là đúng đắn và cần thiết. Quốc hội có quyền ban hành các qui định và luật lệ đối với việc thu thuế này. Và đôi lúc, Quốc hội có quyền tiến hành những thay đổi và bổ sung [những điều luật này] theo cách thức mà Quốc hội cho là cần thiết; có quyền thông qua các đạo luật điều hành vấn đề thương mại và buôn bán với các quốc gia khác cũng như giữa các tiểu bang với nhau; có quyền thi hành mọi sự trừng phạt, hay ấn định các khoản tiền phạt mà các tiểu bang phải chịu khi làm trái các điều luật này. Các tòa án luật dân sự tiểu bang có quyền tài phán sơ thẩm mọi vi phạm đối với các qui định và điều luật liên bang. Tuy nhiên, trong mọi vụ kiện này, quyền phúc thẩm sẽ trao cho Tòa án Liên bang.

Kiến nghị rằng bất cứ khi nào cần sự đóng góp thì thay cho những qui định của Các điều khoản Hợp bang, Quốc hội Liên bang có thẩm quyền qui định những khoản đóng góp này, căn cứ theo số lượng những người da trắng, những công dân tự do khác ở mọi lứa tuổi, giới tính và tầng lớp, bao gồm cả những người từng là nô lệ và 3/5 những người còn lại [ám chỉ các nô lệ-ND], ngoại trừ những người da đỏ không đóng thuế. Nếu những đòi hỏi này không

được tuân thủ trong một thời hạn được chỉ ra, Quốc hội có quyền đặt ra và thông qua những đạo luật cưỡng ép các tiểu bang không tuân thủ phải thực hiện; miễn là không có quyền lực nào trong số này được, thì hành mà không được sự chấp thuận của ít nhất..... bang và có thể thay đổi khi số lượng các bang của liên minh tăng lên, hay giảm đi.

Kiến nghị rằng Quốc hội Liên minh có quyền chọn lựa bộ máy hành pháp quốc gia bao gồm..... người, giữ chức vụ trong nhiệm kỳ..... năm, nhận chính xác một lượng tiền nhất định, tại những thời điểm nhất định, bồi thường cho công việc của họ. Khoản tiền này sẽ không tăng, cũng không giảm, được thanh toán từ nguồn ngân sách của liên bang. Họ không được giữ chức vụ nào, hay sự bổ nhiệm nào khác, trong thời gian họ vẫn còn đang tại chức và..... năm sau đó; không được bổ nhiệm lần hai; có thể bị Quốc hội sa thải, nếu có đa số phiếu thuận của những Thống đốc tiểu bang. Cơ quan hành pháp này, ngoài quyền điều hành các đạo luật liên bang, sẽ có quyền bổ nhiệm các quan chức liên bang để chỉ đạo cho mọi hoạt động quân sự. Nhưng không ai trong số những người điều hành chính quyền liên bang được giữ chức vụ chỉ huy bất kỳ đội quân nào, không được giữ bất kỳ chức vụ nào, bao gồm chức Thống chế hay bất kỳ chức vụ quân sự nào khác.

Kiến nghị rằng một bộ máy tư pháp liên bang sẽ được thành lập, bao gồm một Tòa án tối cao với các thẩm phán do cơ quan hành pháp liên bang bổ nhiệm, giữ chức vụ suốt đời miễn là có tư cách đạo đức tốt, nhận chính xác một mức lương tại thời điểm nhất định, không tăng không giảm để bồi thường cho việc phục vụ công chúng. Bộ máy tư pháp sẽ có quyền tài phán sơ thẩm trong mọi vụ luận tội các viên chức liên bang, hay liên quan đến các đại sứ, hay các vụ bắt giữ kẻ thù, cướp bóc và trọng tội trên vùng biển quốc tế, hay liên quan đến người nước ngoài, hình thành bất kỳ Hiệp ước nào, hay bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong lĩnh vực thương mại và thu thuế liên bang. Không thẩm phán nào, trong thời kỳ đương chức, lại được giữ bất kỳ chức vụ nào khác trong thời gian đương chức và năm sau khi mãn nhiệm.

Kiến nghị rằng mọi đạo luật của liên bang sẽ do Quốc hội Hợp bang phê chuẩn căn cứ theo quyền hạn mà bộ luật Các điều khoản Hợp bang trao cho họ. Mọi hiệp ước được làm và thông qua dưới thẩm quyền của Hợp chúng quốc sẽ là các bộ luật tối thượng cho mọi tiểu bang, nếu các bộ luật hay Hiệp ước này liên quan đến các tiểu bang đó hay công dân của họ. Do vậy, bộ máy tư pháp tiểu bang bị ràng buộc trong bất kỳ quyết định nào. Bất cứ điều gì trong các bộ luật tiểu bang, nếu mâu thuẫn [với luật liên bang] sẽ là vô hiệu. Nếu bất kỳ tiểu bang nào, hay bất kỳ viên chức nào của tiểu bang chống đối, hay ngăn chặn việc thi hành các bộ luật, hay Hiệp ước liên bang, thì chính quyền liên bang có quyền dùng hết sức mạnh của liên bang, với mức độ cần thiết, để buộc tiểu bang này tuân thủ các đạo luật đó, hay các Hiệp ước đó.

Kiến nghị rằng những tiểu bang mới muốn gia nhập liên bang phải được chấp thuận bằng điều luật.

Kiến nghị rằng luật nhập quốc tịch phải giống nhau ở mọi tiểu bang.

Kiến nghị rằng công dân của một tiểu bang phạm tội ở một tiểu bang khác trong liên bang, sẽ phải bị coi là phạm cùng tội đó tại tiểu bang này, bởi chính công dân của tiểu bang này.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Tranh luận về Phương án New Jersey Ngày 16 tháng Sáu

Những đề xuất của Paterson đã gây rất nhiều tranh cãi. Mặc dù nhận thức được sự cấp thiết phải thiết lập một chính quyền quốc gia mạnh, nhưng nhiều đại biểu lo sợ điều đó vượt quá thẩm quyền của họ. Những đặc điểm trong cả hai mô hình đều được đưa ra xem xét và so sánh. Cuối cùng, sau những tranh luận kỹ càng, Hội nghị đã bỏ phiếu bác bỏ mô hình của Paterson mà quay về tìm cách sửa chữa những đặc điểm trong mô hình

Virginia. Trong buổi thảo luận này, đại biểu Wilson đã thể hiện một kiến thức và trí tuệ về nhà nước đặc biệt xuất sắc để bênh vực mô hình chính quyền liên bang mạnh. Nhưng đại biểu Lansing của tiểu bang New York và Paterson kiên quyết đấu tranh đòi giữ lại quyền của tiểu bang. Sau này, quyền của tiểu bang là một trong những nguyên nhân chủ yếu hình thành các đảng phái chính trị ở Mỹ.

Ngài LANSING: Tiến hành so sánh điểm đầu tiên trong mỗi phương án mà ông ta coi là có nguyên tắc cơ bản trái ngược nhau. Ngài Paterson đòi duy trì chủ quyền của các tiểu bang, còn Ngài Randolph thì đòi xóa bỏ. Phương án của Ngài Randolph đòi quyền phủ quyết mọi đạo luật của các tiểu bang, còn phương án của Ngài Paterson chỉ là sự mở rộng thẩm quyền của chính quyền trung ương.

Phương án của Ngài Randolph, nói ngắn gọn, là thu hết mọi quyền của tiểu bang trừ những quyền điều hành các vấn đề địa phương, vào tay chính quyền trung ương. Bản thân ông ủng hộ phương án của Ngài Paterson, vì có hai lý do chủ yếu chống lại phương án của Ngài Randolph:

(1) Hội nghị này chỉ có quyền thảo luận và đề xuất những sửa đổi đối với Các điều khoản Hợp bang;

(2) Những kiến nghị của Ngài Randolph là không thể chấp nhận được.

1. Ông kiên quyết cho rằng quyền lực của Hội nghị này bị hạn chế chỉ là đưa ra các sửa đổi cho chính quyền Hợp bang, nhằm mục đích xây dựng nền tảng cho nhà nước Hợp bang. Quyết định của Quốc hội và của các tiểu bang bổ nhiệm các đại biểu tham dự Hội nghị này đã chứng tỏ điều đó. Vì vậy, quyền lực của Hội nghị chỉ là giới hạn trong việc sửa chữa Các điều khoản Hợp bang, nên không cần thiết và không đúng đắn nếu đi quá xa. Ông tin chắc rằng đây là quan điểm của tiểu bang ông. Tiểu bang New York sẽ không bao giờ tán thành việc cử đại biểu tham dự Hội nghị này, nếu biết Hội nghị sẽ

quay sang hướng thảo luận việc hợp nhất các tiểu bang vào một chính quyền quốc gia mạnh.

2. Liệu các tiểu bang có chấp nhận và phê chuẩn một kế hoạch mà họ chưa bao giờ cho phép chúng ta thẩm quyền đề xuất không nếu mô hình đó đi quá xa điều mà họ cho là thích hợp? Chúng ta đã chứng kiến hàng loạt các đạo luật liên quan đến việc thu thuế để thiết lập ngân sách, do Quốc hội Hợp bang đề xuất năm 1783, đã không được thông qua. Đó là những quyền không được Các điều khoản Hợp bang cho phép và là quan điểm chung của các tiểu bang. Như vậy, liệu sự thay đổi lớn lao như vừa được đề xuất có thể được thi hành không? Chỉ dựa vào quan điểm và tâm trạng của dân chúng sẽ tán thành mô hình này là điều hoàn toàn không chắc chắn. Chúng ta chỉ biết tâm trạng và suy nghĩ của dân chúng lúc này mà thôi. Sẽ là vô ích, nếu đề xuất kế hoạch không phù hợp với quan điểm của họ. Các tiểu bang sẽ không bao giờ đủ niềm tin vào chính quyền quốc gia để trao cho họ quyền phủ quyết mọi đạo luật do tiểu bang ban hành. Mô hình đó hoàn toàn mới lạ và là ảo tưởng. Trong mô hình đó, không có điều nào phù hợp. Mọi quyền lực của Quốc hội đều xuất phát từ nhân dân, nên mọi sự thay đổi và bổ sung các quyền này cũng phải do chính nhân dân đồng ý.

Ngài PATERSON:

Ông ủng hộ phương án của ông vì phương án này phù hợp với:

1. Phạm vi thẩm quyền của Hội nghị.
2. Tâm trạng của dân chúng.

Nếu mô hình Hợp bang là sai lầm nghiêm trọng, thì các đại biểu cần trở lại tiểu bang quê nhà để xin thêm quyền lực, chứ không tự cho phép mình có những thẩm quyền đó. Ông đến đây để nói ra không chỉ những suy nghĩ cá nhân mà cả tâm trạng của những người cử ông đến. Mục tiêu của chúng ta

không phải là tìm ra mô hình chính quyền nào là tốt nhất mà là nghiên cứu đề xuất mô hình để những người ủy nhiệm cho chúng ta chấp thuận.

Nếu chúng ta tranh luận rằng giả sử Hợp bang hiện nay không tồn tại, thì một điều không thể chối cãi là mọi tiểu bang đều có chủ quyền bình đẳng. Điều này cần được bảo đảm trước khi thảo luận các điều khoản khác. Nếu quyền đại diện theo tỷ lệ dân số là đúng, tại sao chúng ta không bỏ phiếu theo tỷ lệ đó ngay ở đây? Nếu chúng ta tranh luận về một liên bang chặt chẽ thực sự tồn tại và tìm cách thảo luận các điều khoản liên bang, chúng ta sẽ thấy quyền bình đẳng là nền tảng của mô hình liên bang này.

Ông đọc lại điều 5 của Các điều khoản Hợp bang, điều khoản trao cho mỗi bang một phiếu bầu và điều 13 tuyên bố “không có bất cứ thay đổi nào nếu không được tất cả các tiểu bang chấp thuận”. Đó là bản chất của mọi Hiệp ước.

Nếu điều gì chỉ được thực hiện khi hoàn toàn nhất trí thì khi không được hoàn toàn nhất trí, cũng không thể được thực hiện. Ngài Wilson cũng nhận thấy là các tiểu bang lớn phải chấp thuận điểm này, không phải vì điều này đúng mà vì bối cảnh cấp bách lúc đó đòi hỏi sự nhượng bộ. Đúng là như vậy. Đó có phải là lý do để thu lại những điều đã trao không? Liệu người tặng quà nào dám lấy lại món quà đã tặng mà không cần sự chấp thuận của người được tặng không?

Học thuyết đó [học thuyết về nhà nước trung ương mạnh-ND] có lẽ phù hợp, nhưng đó là một học thuyết hy sinh các tiểu bang nhỏ. Các bang lớn nhanh chóng chấp thuận liên minh, trong khi các bang nhỏ chấp nhận một cách chậm chạp và miễn cưỡng. New Jersey và Maryland là hai tiểu bang cuối cùng phê chuẩn Các điều khoản Hợp bang. New Jersey phản đối việc trao quyền điều hành thương mại cho Quốc hội, còn cả hai tiểu bang đó đều phản đối việc trao quyền sở hữu các vùng đất hoang vu, chưa được khai phá và không thuộc quyền của tiểu bang nào, cho chính quyền Hợp bang vì lợi ích

của cả liên minh.

Nếu chủ quyền của các tiểu bang được duy trì, thì những đại diện tại Quốc hội Hợp bang phải do các tiểu bang bầu chọn, chứ không phải do dân chúng. Chúng ta không có quyền thay đổi ý tưởng bình đẳng giữa các tiểu bang. Cách thức duy nhất để xử lý khó khăn này là ném tất cả các tiểu bang vào một mớ hồ lộn, nhưng điều này là không thể làm được và cũng không thể làm như vậy được. Cứ thử xem, chúng ta sẽ thấy liệu các công dân Massachusetts, Pennsylvania và Virginia có chấp thuận mô hình này không? Lý do phản đối là sự cưỡng ép này không thể thực hiện được. Nhưng liệu những kế hoạch khác thì sao? Hiệu quả của kế hoạch này tùy thuộc vào phạm vi quyền hạn có được chứ không phụ thuộc vào việc các tiểu bang, hay dân chúng có quyền bầu chọn. Theo kế hoạch của ông, các cá nhân sẽ trực tiếp bầu chọn người đại diện, cũng giống như kế hoạch của Ngài Randolph.

Kế hoạch của ông cũng tạo ra một bộ máy hành pháp và tư pháp riêng biệt. Sự cần thiết phải có hai viện trong cơ quan lập pháp là vì mục đích kiểm soát, nhưng sự cần trọng đó không cần thiết áp dụng cho trường hợp này. Trong phạm vi tiểu bang, nơi những tranh chấp phe phái rất mạnh, thì việc kiểm soát như vậy là cần thiết. Nhưng trong một cơ quan như Quốc hội thì ít cần thiết hơn. Ngoài ra, các đoàn đại biểu của các tiểu bang khác nhau đã kiểm soát lẫn nhau. Hay là vì dân chúng chỉ trích Quốc hội Hợp bang? Không, điều họ muốn là Quốc hội có thêm quyền hạn. Nếu các quyền hạn như được đề nghị chưa đủ thì dân chúng sẵn sàng trao thêm quyền cho họ. Với quyền hạn thích đáng, Quốc hội Hợp bang sẽ hoạt động hiệu quả hơn, mạnh mẽ hơn và hiểu biết hơn cơ quan lập pháp quốc gia như trong Phương án Virginia. Quốc hội Hợp bang cũng sẽ ít người hơn và được chọn lọc tốt hơn nhờ cách thức bầu cử này.

Phương án của Ngài Randolph vô cùng tốn kém. Nếu cho phép mỗi tiểu bang Georgia và Delaware có hai đại biểu trong Hạ viện thì tổng số đại biểu

có thể lên tới 180. Và cứ giả sử nhánh kia - Thượng viện có một nửa số đó, thì tổng cộng sẽ có 270 đại biểu. Ít nhất là một năm một lần, các đại biểu này, từ trung tâm của liên minh cũng như những vùng xa xôi nhất của nền Cộng hòa, phải đến tập trung hội họp. Trong giai đoạn tài chính khó khăn như hiện nay, thì một thể chế tốn kém như vậy liệu có là một suy nghĩ nghiêm túc không? Việc tăng thêm quyền hạn của Quốc hội sẽ tiết kiệm được phần lớn số chi phí này, trong khi vẫn đáp ứng mọi mục đích đề ra.

Ngài WILSON tiến hành so sánh các điểm cơ bản của hai Phương án. Các điểm so sánh là:

1. Phương án Virginia có hai viện và ở một mức độ nào đó thì có tới ba viện trong bộ máy lập pháp, còn Phương án New Jersey chỉ có một viện duy nhất.
2. Sự đại diện của dân chúng là nền tảng trong Phương án Virginia, còn nền tảng của Phương án New Jersey là cơ quan lập pháp tiểu bang.
3. Trong Phương án Virginia, cơ quan lập pháp đại diện theo tỷ lệ dân số, còn Phương án New Jersey là đại diện bình đẳng của tất cả các tiểu bang.
4. Trong Phương án Virginia, một bộ máy hành pháp tối cao đứng đầu chính quyền, còn Phương án New Jersey thì do một nhóm cá nhân lãnh đạo.
5. Trong Phương án Virginia, đa số dân chúng sẽ luôn chiếm ưu thế, còn trong phương án kia, thiểu số sẽ chiếm ưu thế.
6. Trong Phương án Virginia, cơ quan lập pháp quốc gia ban hành các bộ luật trong mọi trường hợp các tiểu bang riêng rẽ không thể thực hiện được. Trong phương án kia, Quốc hội chỉ được bổ sung thêm quyền lực trong một số trường hợp nhất định mà thôi.
7. Trong Phương án Virginia, liên bang có quyền phủ quyết mọi đạo luật của

các tiểu bang còn trong Phương án New Jersey là việc cưỡng ép thi hành bằng sức mạnh.

8. Trong Phương án Virginia, Tổng thống có thể bị cách chức, nếu bị kết án và luận tội, còn trong Phương án New Jersey thì sẽ bị thay thế bởi sự đồng ý của đa số các Thống đốc tiểu bang.

9. Phương án Virginia cho phép quyền phê duyệt luật, còn Phương án New Jersey thì không có điều khoản này.

10. Phương án Virginia thiết lập các tòa án cấp dưới, còn Phương án New Jersey thì không nêu ra.

11. Trong Phương án Virginia, quyền xét xử của các tòa án quốc gia được mở rộng; còn Phương án New Jersey chỉ cho phép sự kháng án.

12. Trong Phương án Virginia, quyền xét xử [của tòa án] được mở rộng trong mọi trường hợp liên quan đến hòa bình và sự hài hòa của quốc gia, còn trong Phương án New Jersey, tòa án chỉ có quyền lực trong một số ít trường hợp phát sinh mà thôi.

13. Cuối cùng, trong Phương án Virginia chính dân chúng thông qua Hiến pháp, còn trong Phương án New Jersey thì chỉ cần sự chấp thuận của các cơ quan lập pháp tiểu bang căn cứ theo điều 13 bộ luật Các điều khoản Hợp bang.

Bản thân ông thừa nhận rằng Hội nghị này không được trao thẩm quyền phán quyết, nhưng được tự do đề nghị bất cứ điều gì. Còn bản thân ông trung lập, không thiên về một phương án nào.

Về tâm trạng của dân chúng, ông nghĩ là rất khó để biết được chính xác. Tâm trạng của một nhóm nhỏ dân chúng thường bị một số đại biểu nhầm lẫn là quan điểm của toàn thể dân chúng. Ông không tin dân chúng tôn sùng chính

quyền và các chủ quyền tiểu bang, còn chính quyền quốc gia cũng không đáng ghét đối với họ, như một số đại biểu nhận xét. Tại sao chính quyền quốc gia sẽ ít được kính trọng hơn? Vì ít giá trị hơn chăng? Hay vì công dân ít được tự do hơn hay ít được bảo vệ hơn? Hay công dân của tiểu bang Delaware sẽ bị giảm giá trị nếu trở thành công dân của Hợp chúng quốc?

Hiện nay, dân chúng trông đợi điều gì để giảm bớt những sai lầm và khó khăn họ đang phải gánh chịu? Từ sự cải cách bên trong bộ máy chính quyền từng tiểu bang chăng? Không, mà là từ những Hội đồng quốc gia. Đó là nơi dân chúng mong đợi sẽ có những thay đổi. Vì những lý do như vậy, ông không hề lo ngại dân chúng sẽ không ủng hộ việc xây dựng một chính quyền quốc gia mạnh. Vì thế, Phương án của Ngài Randolph nên được gửi cho dân chúng phê chuẩn, chứ không nên gửi tới các cơ quan lập pháp tiểu bang.

Đối với điểm so sánh đầu tiên giữa hai phương án, ông lo ngại về một số quyền lực mở rộng của liên bang, ông cảm thấy miễn cưỡng phải chấp thuận việc trao các quyền này cho Quốc hội vì hai lý do: (1) Quốc hội là bộ máy lập pháp nhưng lại không đại diện cho dân chúng; (2) Quốc hội Hợp bang là một nghị viện đơn nhất.

(1) Ông không muốn nhắc lại những điều ông đã phát biểu về nguyên tắc đại diện trong chính thể cộng hòa mà chỉ muốn nhắc lại rằng nếu cơ quan này không được đại diện một cách bình đẳng, thì đó sẽ là một chất độc phá hỏng mọi cơ quan của chính quyền. Tại Vương quốc Anh, chất độc này gây rất nhiều tai hại. Việc đảm bảo quyền của cá nhân hoàn toàn phụ thuộc vào sự trong sạch của các tòa án. Còn các thẩm phán không được bổ nhiệm mà cũng chẳng được một Nghị viện để bị mua chuộc trả lương. Tự do chính trị tại đất nước này, do quyền đại diện không bình đẳng, bị phó mặc cho những người cai trị.

Ông không định ám chỉ điều xấu xa nào giữa nước Anh với tình hình nước Mỹ hiện nay. Nhưng một bài học mà chúng ta không thể bỏ qua, đó là những

cơ quan nhỏ nhất của Vương quốc Anh đều nổi tiếng là những cơ quan tham nhũng và thối nát nhất. Ảnh hưởng của các cơ quan có ít người sẽ mạnh hơn các cơ quan đông người. Ngài Chesterfield đã từng nhận xét rằng một tỉnh nhỏ chứ không phải cả quốc gia Hà Lan đã bị người Pháp dụ dỗ. Nhiều đại biểu cũng biết điều này. Ông cho là việc nhập khẩu, vấn đề bị lo ngại nhiều nhất, sẽ không bị bất cứ bang lớn nào trong Liên minh phá hoại.

(2) Quốc hội Hợp bang là một Viện đơn nhất. Chế độ chuyên quyền xuất hiện trong lịch sử loài người ở những hình thức khác nhau. Đôi khi ở chính quyền hành pháp, đôi khi ở dạng độc tài quân sự. Nhưng liệu một nghị viện độc tài có gây nguy hiểm nào không? Lý thuyết và cả thực tiễn đều chứng minh điều đó. Nếu thẩm quyền của Quốc hội không được kiểm chế, thì không thể có tự do hay ổn định. Nhưng chỉ có thể kiểm chế bằng cách phân chia chính cơ quan này thành những viện độc lập và tách biệt. Một viện duy nhất sẽ không thể kiểm soát hiệu quả sự trong sạch và ý thức của những thành viên của chính viện này.

Một điểm quan trọng khác là sự so sánh này cho thấy sự ủng hộ đối với Phương án Virginia được Ủy ban Tổng thể đệ trình. Phương án này trao quyền hành pháp cho một người tối cao duy nhất. Phương án New Jersey thì trao cho một nhóm người. Để kiểm soát thẩm quyền của bộ máy lập pháp cần phải phân chia cơ quan này, nhưng để kiểm soát bộ máy hành pháp, thì cơ quan này phải thống nhất. Một người sẽ chịu trách nhiệm hơn là ba người. Ba người sẽ luôn ganh đua và tranh giành nhau để rồi cuối cùng, sẽ có một người chiếm ưu thế và lấn át hai người kia. Trong chế độ Tam hùng của Đế chế La Mã, Caesar và sau đó là Augustus là minh chứng cho sự thật này. Những nhà vua của Sparta, và các quan Chấp chính tối cao của La Mã chia bè phái trong khi chiếm giữ quyền tối cao. Đây là những điều mà ông trải trở nhiều ngày. Số phận của rất nhiều người phụ thuộc vào quyết định của chúng ta.

Ngài PINKNEY: Thừa nhận rằng rất nhiều điều phụ thuộc vào vấn đề này. Nếu cho New Jersey một lá phiếu bình đẳng, tiểu bang này sẽ không do dự trong việc ủng hộ chính quyền Liên bang. Ông nghĩ Hội nghị có đủ thẩm quyền đưa ra bất cứ đề xuất nào nếu thấy cần thiết để cứu chữa những tai họa và sai lầm hiện nay. Đó là lý do tổ chức Hội nghị này.

Ngài RANDOLPH: Không quá lo lắng về phạm vi quyền lực của Hội nghị. Khi nền Cộng hòa bị đe dọa, thì cần phải đề nghị bất cứ điều gì thấy cần thiết. Ông chỉ trích những yếu kém của chính quyền Hợp bang và mối nguy hiểm của việc trì hoãn những cải cách quan trọng... Bản thân ông sẽ không bao giờ do dự hay chần chừ trước những gì ông cảm thấy cần thiết. Thời điểm hiện nay là thích hợp và có lẽ sẽ là thời điểm cuối cùng cho công việc này.

Vấn đề thật sự là liệu chúng ta sẽ theo đuổi liên minh, hay đề xuất một mô hình quốc gia hoàn toàn mới mẻ? Sự thiếu hiệu quả của mô hình liên minh rõ ràng bị phơi bày trước những thách thức mới đây. Nhưng có hai mô hình đáp ứng yêu cầu của một chính quyền chung: (1) Bởi sự ép buộc như phương án Ngài Paterson đề xuất; và (2) Bởi một quá trình lập pháp thực sự như trong phương án kia. Sự ép buộc theo ông là không thể thực hiện được vì phải trả giá quá lớn và quá tàn nhẫn với người dân.

Dường như điều này sẽ nuôi dưỡng những công cụ gây tội ác và bạo lực trên mảnh đất này và tiếp theo, sẽ nuôi dưỡng những tham vọng xấu xa trong một số người. Do vậy, chúng ta thấy cần thiết phải lập ra một cơ quan lập pháp quốc gia để giải quyết những vấn đề mà Quốc hội Hợp bang hiện nay không đáp ứng được. Việc trao mọi quyền lực cho một cơ quan duy nhất có nghĩa là pha trộn bộ máy lập pháp với hành pháp. Điều này đi ngược lại mục đích đã được công nhận của cơ quan này. Nếu Liên minh của chúng ta chỉ muốn trao những quyền hạn an toàn cho Quốc hội thì cơ quan này không đủ khả năng điều hành đất nước. Hơn nữa, Quốc hội Hợp bang lại không phải do

dân chúng trực tiếp bầu ra mà do các cơ quan lập pháp tiểu bang. Các cơ quan này vẫn giữ quyền triệu hồi các đại biểu nên Quốc hội Hợp bang sẽ không có ý chí của chính mình mà chỉ thuần túy là một cơ quan ngoại giao, luôn luôn tuân theo sự sai khiến của các tiểu bang, nơi luôn chiếm đoạt và vi phạm thẩm quyền liên bang.

Lúc này hay lúc khác, một điều khoản thống nhất giữa các tiểu bang, như trong lĩnh vực thương mại, nhập quốc tịch, dập tắt những cuộc bạo loạn... nhất định phải được lập ra vì những lợi ích chung. Các quyền lực này không thể được trao cho một cơ quan duy nhất và không tương xứng về khía cạnh quyền đại diện, được bầu chọn theo mô hình hiện nay, không giành được niềm tin, thậm chí còn ngược lại. Kinh nghiệm bản thân ông cho thấy sự mất niềm tin đó có nguồn gốc sâu xa. Ông cầu khẩn mọi đại biểu xem xét kỹ lưỡng vấn đề đó, bởi thời điểm hiện nay là khoảnh khắc cuối cùng để thiết lập một chính quyền tốt đẹp. Nếu cuộc thử nghiệm này thất bại, dân chúng sẽ hoàn toàn mất hết hy vọng.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Phương án xây dựng nhà nước quốc gia của Hamilton Ngày 18 tháng Sáu

Sau khi hai Phương án Virginia và New Jersey được trình bày, Hamilton, khi đó mới 32 tuổi, là người đã cùng với Madison đề xuất tổ chức Hội nghị Lập hiến, đã trình bày một mô hình chính quyền quốc gia mạnh, xóa bỏ mọi chủ quyền của các tiểu bang và biến những tiểu bang này như những tỉnh lệ thuộc hoàn toàn vào chính quyền trung ương. Ý định của Hamilton là thống nhất tất cả 13 tiểu bang riêng rẽ vào một “Nhà nước hùng mạnh duy nhất”, bởi ông lo sợ không một chính quyền nào khác có thể kiểm soát được một lãnh thổ rộng lớn như nước Mỹ. Hamilton đặc biệt ca ngợi mô hình chính quyền Anh là "chính quyền tốt nhất trên thế giới".

Mặc dù những điều ông đề xuất không được ai hưởng ứng, nhưng sau này,

Hamilton đã mạnh mẽ bênh vực bản Hiến pháp mới. Với những đóng góp to lớn của mình, ông được coi là một trong những kiến trúc sư, không chỉ của bản Hiến pháp Mỹ mà còn của hệ thống tòa án, hệ thống chính quyền và nền kinh tế - tài chính Mỹ. Những nguyên lý Hamilton trình bày tại Hội nghị sau này đã được ông áp dụng trong thời kỳ làm Bộ trưởng Tài chính, đặc biệt là các chương trình về khoản nợ, ngân hàng trung ương và các hoạt động tài chính, kinh tế khác. Cho đến ngày nay, những lập luận của Hamilton đã được thực tế chứng minh khi chính quyền liên bang Mỹ trở nên rất mạnh, hầu như lấn át mọi chính quyền tiểu bang.

Ngài HAMILTON: Đã giữ im lặng cho tới tận lúc này, một phần vì kính trọng các đại biểu khác có uy tín và tuổi tác lớn hơn đã làm ông không muốn trình bày những quan điểm khác với họ và một phần vì tình thế khó xử đối với tiểu bang của ông và tâm trạng của tiểu bang này đã được các đồng nghiệp cùng tiểu bang trình bày, dù ông không chấp nhận quan điểm đó.

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng đang xảy ra tại Hội nghị trầm trọng đến mức không cho phép bất kỳ sự đắn đo, cân nhắc, lưỡng lự nào. Bản phận của mọi đại biểu là phải đóng góp công sức và mọi nỗ lực, vì sự an toàn và hạnh phúc của toàn xã hội.

Do vậy, ông buộc phải tuyên bố rằng ông không tán thành bất cứ mô hình nào trong số hai phương án đã được đệ trình. Ông đặc biệt phản đối Phương án New Jersey vì tin rằng nếu tiếp tục duy trì chủ quyền của các tiểu bang, thì không một sự sửa đổi nào đối với Hợp bang nào có thể đáp ứng được mục tiêu của Hội nghị này. Mặt khác, ông thừa nhận rất lo ngại bởi với lãnh thổ quá rộng lớn như nước Mỹ, khó lòng có thể trông đợi những điều tốt lành bằng việc thiết lập một chính quyền trung ương. Những mối nghi ngờ về phạm vi quyền hạn của Hội nghị này xuất hiện do khác biệt quan điểm và từ những lập luận quá xảo quyệt. Ông cho rằng chính quyền liên bang là cách thức hợp nhất các cộng đồng độc lập vào một nhà nước duy nhất.

Những mô hình liên minh khác nhau sẽ có phạm vi quyền hạn khác nhau và thi hành các quyền này theo các cách khác nhau. Trong một số quốc gia, quyền hạn được thi hành đối với các nhóm dân chúng, còn trong trường hợp khác lại điều hành trực tiếp các cá nhân, như Nghị viện Đức và ngay trong bản thân chính quyền chúng ta đối với những trường hợp phạm tội như cướp biển... Do vậy, phải trao cho chính quyền quốc gia những quyền lực tương xứng với lãnh thổ rộng lớn này. Phương án New Jersey đề xuất những điểm quá xa lạ với mô hình liên bang, bởi mô hình này, về thực chất, chỉ là sự điều hành đối với cá nhân các tiểu bang. Ông tán thành hơn đối với các đề xuất của Ngài Randolph và cho rằng chúng ta đang mắc nợ đất nước. Trong giai đoạn cấp thiết này, chúng ta phải làm bất cứ điều gì nếu thấy cần thiết để mang lại hạnh phúc của dân chúng. Các tiểu bang cử chúng ta đến đây để tìm giải pháp cho tình thế khẩn cấp của liên minh. Việc đề xuất hay dựa vào bất cứ mô hình nào đều không đáp ứng được nhu cầu cấp thiết này, bởi vì phạm vi quyền hạn của chúng ta không rõ ràng là lãng phí công sức chứ không thể đạt được mục tiêu đề ra. Có quý ngài nói rằng các tiểu bang sẽ không phê chuẩn bất kỳ sự thay đổi và sửa chữa nào không nằm trong phạm vi quyền hạn của Các điều khoản Hợp bang. Nhưng chính bản thân các cơ quan lập pháp tiểu bang cũng không đủ thẩm quyền hợp hiến tương xứng với quyền của dân chúng về vấn đề này. Thượng viện New York đề xuất một điều khoản rằng không có quyết định nào của Hội nghị này được thông qua nếu không gửi cho dân chúng phê chuẩn. Nhưng đề xuất này bị bác bỏ chỉ bởi một phiếu duy nhất. Lý do bác bỏ là dự luật này có thể gây ra những ràng buộc bất lợi cho tiểu bang này.

Vấn đề lớn đặt ra là chúng ta sẽ làm gì để mang lại sự thịnh vượng cho đất nước. Trước hết, ông muốn so sánh hai phương án này để chỉ ra thiếu sót của cả hai mô hình. Từ đó, đưa ra những thay đổi, để xây dựng một quốc gia có hiệu quả.

Một chính quyền như vậy phải được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ

bản sau:

1. Phải có một lợi ích bền vững và tích cực ủng hộ chính quyền. Các động cơ hậu thuẫn cho chính quyền liên bang không tồn tại trong các tiểu bang bởi họ không có tinh thần hợp tác ở mức độ cao. Họ thường xuyên theo đuổi những lợi ích riêng rẽ và đi ngược lại lợi ích của toàn thể. Các tiểu bang đang gánh chịu những khoản nợ riêng nên có những kế hoạch tài chính riêng. Tất cả những điều này thường mâu thuẫn và phá hỏng qui định và kế hoạch của Quốc hội Hợp bang.

2. Lòng đam mê quyền lực. Con người bao giờ cũng ham mê quyền lực. Các tiểu bang có xu hướng muốn giành lại những quyền lực mà họ đã trao, hoặc muốn có ảnh hưởng đối với những kế hoạch của liên bang. Tất cả mọi người đều biết rằng vì tham vọng cá nhân mà những kẻ mị dân đều căm ghét sự kiểm soát của chính quyền trung ương. Mọi người cũng biết rằng dân chúng không lo sợ về việc giải tán chính quyền trung ương như sự giải tán các chính quyền địa phương. Sự giải tán chính quyền địa phương thật sự là tai họa, bởi chính quyền trung ương vẫn muốn duy trì chính quyền địa phương ở một mức độ nào đó. Hãy xem xét một tiểu bang như Virginia, trong một vài năm tới sẽ thế nào? Về qui mô và diện tích, tiểu bang này có thể được so sánh với một quốc gia lớn ở châu Âu. Bản thân tiểu bang này quá tự mãn và kiêu ngạo về vai trò quan trọng của mình trong liên minh.

3. Thói quen và sự gắn bó của dân chúng. Toàn bộ sức mạnh của mối quan hệ này nằm trong tay các chính quyền tiểu bang. Dân chúng chỉ nhìn thấy chủ quyền của tiểu bang, bởi họ chỉ nhận được sự bảo vệ của tiểu bang. Chính quyền tiểu bang là nơi thi hành công lý. Mọi đạo luật và hành động của tiểu bang sẽ làm cho dân chúng cảm thấy gần gũi và quen thuộc với chính quyền tiểu bang.

4. Sức mạnh và vũ lực. Vũ lực có thể được hiểu là sự cưỡng ép của các đạo luật, hay của quân đội. Quốc hội không có quyền ban hành đạo luật nào,

ngoại trừ một số trường hợp ít ỏi. Trong các tiểu bang, hầu hết các trường hợp, sự cưỡng ép này là rất có hiệu quả dù không hoàn toàn đủ. Quân đội, với một qui mô nào đó, là cần thiết cho mọi cộng đồng dân cư lớn. Tiểu bang Massachusetts nhận thức được sự cần thiết của quân đội nên đang tìm cách ban hành đạo luật thiết lập nó. Nhưng liệu đội quân này sẽ được thi hành thế nào, nếu chỉ một số tiểu bang nào đó thiết lập ra? Điều này là không thể thực hiện được bởi chỉ gây ra chiến tranh giữa các bang. Các đội quân ngoại quốc cũng sẽ không bàng quan đứng nhìn. Họ sẽ can thiệp, sẽ gây ra những rắc rối và chắc chắn sẽ tìm cách chia rẽ liên minh chúng ta.

5. Những tác động khác. Ông không ám chỉ sự hối lộ, nhưng những đặc ân mà chức vụ và lương bổng sẽ tạo ra sự gắn bó đôi với chính quyền. Nhưng hầu như mọi vấn đề này đều thuộc phía các chính quyền tiểu bang và sẽ tiếp tục tồn tại cho tới khi còn các tiểu bang. Mọi cảm xúc như chúng ta đã thấy, về tính háms lợi, về tham vọng, những lợi ích sẽ tác động và sai khiến mọi cá nhân, mọi cơ quan, đều rơi vào "dòng chảy" các tiểu bang chứ không chảy chung trong "dòng sông" chính quyền trung ương. Do đó, nói chung, chính quyền tiểu bang luôn thắng thế so với chính quyền trung ương và sẽ làm cho bất kỳ hợp bang nào cũng trở nên bất ổn.

Trong trường hợp này, lý thuyết hoàn toàn được thực tế chứng minh. Hội đồng đại nghị của Hy Lạp cổ đại có thẩm quyền rộng lớn vì những mục đích chung, đặc biệt là quyền sử dụng quân đội trừng phạt những thành viên sai trái. Vậy hậu quả tiếp theo sẽ là gì? Những hành động đó là dấu hiệu cho chiến tranh. Cuộc chiến tranh Phocis là ví dụ điển hình. Vua Philip lợi dụng mối hiềm khích để gây chia rẽ nội bộ giữa các thành bang Hy Lạp, để rồi đánh bại họ và cướp đi mọi tài sản. Một bài học khác là Liên minh Phổ. Vua Charlemagne có uy quyền vô cùng to lớn, nhưng những lãnh chúa đã tìm cách giành quyền kiểm soát, làm uy quyền của đế chế La Mã chỉ còn là hình thức... Những ví dụ khác cũng chứng tỏ sự thật này. Các tổng của Thụy Sĩ không muốn thống nhất thành bất cứ liên minh nào, nên nhiều cuộc chiến

tranh giữa các tổng đã nổ ra. Vậy những lỗi lầm này có thể tránh được bằng cách nào? Chỉ bằng cách trao vào tay chính quyền trung ương một thẩm quyền đủ mạnh để lôi cuốn mọi tâm trạng và các động cơ bền vững nói ở trên về phía mình.

Liệu mô hình New Jersey có mang lại hiệu quả này không? Liệu mô hình này có đưa ra giải pháp nào không? Không có giải pháp nào mà hoàn toàn ngược lại bởi mô hình này rất nhiều khiếm khuyết. Những khiếm khuyết trong một số điều khoản của mô hình này sẽ phá hỏng mọi tính hiệu quả của các điều khoản khác. Mô hình này cho Quốc hội quyền thu thuế, nhưng qui định này cũng không đủ hiệu lực. Sự bình đẳng chỉ có thể đạt được bởi sự cưỡng buộc, nhưng kinh nghiệm đã chứng tỏ rằng điều này không thể thực hiện được. Nếu các tiểu bang xem xét kỹ lưỡng mô hình này, họ cũng sẽ xem xét kỹ lưỡng mục đích của việc đóng góp, còn việc đóng nộp, hay không đóng nộp, là tùy theo việc họ có chấp thuận nó hay không.

Một tiểu bang không đóng góp sẽ khiến các bang khác cũng làm theo. Hạn mức đóng góp, về bản chất, là một điều khó có thể qui định công bằng và do vậy, sẽ gây nhiều bất công. Các Ngài sẽ căn cứ vào tiêu chuẩn nào để qui định hạn mức này? Dựa trên cơ sở đất đai là sai lầm. Hãy so sánh Hà Lan với nước Nga, so sánh Pháp, hay Anh với các quốc gia khác ở châu Âu, so sánh Pennsylvania với Bắc Carolina về tiềm lực tài chính và về giá trị tương đối của đất đai để thấy việc sử dụng đất đai làm tiêu chuẩn đánh giá là hoàn toàn sai lầm. Hay lấy số dân làm cơ sở so sánh giữa các quốc gia khác nhau, các Ngài cũng sẽ thấy là không công bằng. Trình độ sản xuất và sự phát triển khác nhau của ở các quốc gia này làm cho sự đánh giá giàu nghèo trở nên không chính xác. Rất nhiều điều phụ thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá này. Connecticut, New Jersey và Bắc Carolina không có nền thương mại phát triển, nên không thể gánh chịu một hạn mức đóng góp theo giá trị đất đai như các bang thương mại khác. Họ sẽ không thể thực hiện được bổn phận của mình nên các bang khác sẽ bắt chước họ và Liên minh của chúng ta buộc

phải giải tán.

Vậy liệu ngân sách của liên minh thu được bằng cách nào? Nhờ việc đánh thuế vào các mặt hàng thương mại, hay xuất nhập khẩu chẳng? Cách đó cũng không công bằng. Trong mô hình này tồn tại một mầm mống phá hoại. Đó là sự bình đẳng phiếu bầu chỉ để làm hài lòng các bang nhỏ. Nhưng Virginia và các bang lớn không thể chấp nhận điều này. Và dù có chấp nhận thì các bang lớn cũng không thể tuân thủ mãi qui định này được, bởi điều đó đi ngược lại mọi nguyên tắc công bằng và không phù hợp với lòng người.

Những nguyên tắc sai trái trong một chính quyền, dù nhỏ bé, nhưng dần dần trong quá trình hoạt động, chúng sẽ phá hỏng chính quyền. Nhiều người nghi ngờ liệu Quốc hội Hợp bang hiện nay có quyền tổ chức và duy trì hạm đội và quân đội trong thời bình không? Ông nghĩ là không. Mô hình của Ngài Paterson không đưa ra giải pháp cho vấn đề này. Nếu chỉ trao các quyền hạn chế như vậy thì Quốc hội sẽ không bao giờ là một tổ chức vận hành đúng đắn và có hiệu quả. Đại biểu Quốc hội, do các bang chọn lựa và có thể bị triệu hồi, sẽ chỉ đại diện cho các lợi ích cục bộ địa phương. Nhưng để cơ quan đó hoạt động có hiệu quả, thì dần dần họ phải chiếm đoạt thêm các quyền khác để rồi cuối cùng, một thể chế độc tài sẽ được thiết lập. Thậm chí quyền liên bang muốn duy trì sự tồn tại của liên bang sẽ phải nuốt chửng mọi quyền của tiểu bang. Nếu không, các tiểu bang sẽ chiếm lấy các quyền này của liên bang.

Việc trao những quyền lực đó cho một cơ quan như Quốc hội Hợp bang là đi ngược lại những nguyên tắc của một chính quyền tốt. Hai chủ quyền không thể cùng tồn tại trong cùng một giới hạn. Trao những quyền đó cho Quốc hội, cuối cùng, sẽ dẫn tới một chính quyền tồi hoặc sẽ không có chính quyền nào tồn tại. Phương án New Jersey, do vậy, sẽ không thực thi được. Đến khi đó, chúng ta phải làm gì? Ông không biết phải làm gì cả. Qui mô quá rộng lớn của quốc gia làm ông nản lòng.

Chi phí cho chính quyền trung ương cũng rất tốn kém, trừ phi các tiểu bang giảm bớt chi tiêu của mình. Nếu chính quyền tiểu bang không tồn tại, ông tin rằng việc một chính quyền trung ương thay thế sẽ thiết lập được một nền kinh tế vĩ đại. Ông không muốn làm chần chệ ý kiến của dân chúng với việc đề xuất một mô hình như vậy, nhưng mặt khác, ông không thấy lý do gì để từ chối mô hình đó. Chính quyền tiểu bang là không cần thiết, vì bất kỳ mục tiêu thương mại, đánh thuế, hay nông nghiệp nào. Nhưng ông hiểu rằng các thẩm quyền phụ là cần thiết. Đó là các tòa án quận, các cơ quan điều hành những vấn đề địa phương. Nhưng theo nguyên tắc kẻ có lợi phải chịu trách nhiệm về việc đã làm, nên các chính quyền tiểu bang sẽ phải là nơi gánh chịu những chi phí tốn kém đó.

Khó khăn duy nhất là việc tập trung tất cả các đại biểu từ khắp mọi miền đất nước về trung tâm của liên bang. Điều gì có thể lôi kéo các đại biểu về trung tâm đất nước? Lương bổng cho các Hạ nghị sĩ chỉ là “cái mồi câu” cho những kẻ mị dân tầm thường. Ông nghĩ ba đô la, hay chừng đó là tối đa. Ông e sợ Thượng viện cũng vậy, sẽ do những nhà buôn chiếm giữ, những kẻ thêm muốn các chức vụ của chính quyền. Suy nghĩ đó làm ông hầu như tuyệt vọng về khả năng một Nhà nước Cộng hòa có thể được thiết lập trong một phạm vi lãnh thổ rộng lớn như Hợp bang hiện nay. Nhưng ông cũng thấy là đại đột nếu không đề xuất mô hình khác.

Về ý kiến cá nhân, ông không hề đắn đo mà tuyên bố rằng chính quyền Anh là tốt nhất trên thế giới. Nhận xét này cũng được nhiều quý ngài khôn ngoan và hiểu biết tán thành. Ông cũng rất nghi ngờ bất cứ mô hình nào khác được đề xuất cho nước Mỹ. Ông hy vọng các quý ngài ở đây cùng chia sẻ quan điểm đó và cầu xin những người khác hãy thay đổi quan điểm về vấn đề này.

[Khi thành lập liên minh năm 1781], nhiều người từng nghĩ rằng những quyền lực rộng lớn trao cho Quốc hội Hợp bang đủ để đáp ứng được mục

đích của Liên minh. Nhưng đến lúc này, mọi người đều nhìn ra sai sót trong mô hình đó. Ông nhận thấy những đại biểu kiên trì theo chủ nghĩa cộng hòa cũng lớn tiếng như bất kỳ người nào khác trong việc tố cáo những thói xấu xa và đồi bại của nền dân chủ. Sự thay đổi này trong suy nghĩ của dân chúng làm ông tiên đoán rằng đến một lúc nào đó, những người khác cũng như ông sẽ cùng nhau ca ngợi bản Hiến pháp Anh như những lời Ngài Neckar nhận xét: đó là chính quyền duy nhất trên thế giới "thống nhất được sức mạnh của dân chúng với sự an toàn cá nhân".

Mọi xã hội, nơi ngành kinh doanh được khuyến khích phát triển, sẽ luôn luôn chia thành phe thiểu số và phe đa số. Do đó, các lợi ích riêng rẽ sẽ phát sinh, sẽ có những con nợ và chủ nợ... Đa số, khi được trao mọi quyền lực, sẽ đàn áp thiểu số. Vì thế, cả hai phe đều phải có quyền tự bảo vệ mình chống lại phe kia. Vì thiếu sự kiểm soát này, chúng ta không thể ban hành tiền giấy và các qui định về lãi suất... Để có những điều chỉnh đúng đắn, nước Anh đã lập ra thể chế tuyệt vời cho họ. Viện quý tộc là một thể chế cao quý và được kính trọng nhất. Nhờ tài sản lớn lao và trung thành với lợi ích quốc gia, Viện quý tộc trở thành một rào cản vững chắc ngăn cản mọi cải cách độc hại, dù là do Vua hay tầng lớp bình dân cố gắng đề ra. Một Thượng viện tạm thời, với nhiệm kỳ ngắn, không thể đủ vững chắc để đáp ứng mục đích này. Thượng viện Maryland dù rất mạnh nhưng vẫn không thể trở thành một cơ quan kiểm chế hiệu quả. Nếu dân chúng đồng lòng và thật sự mong muốn ban hành tiền giấy, họ sẽ đạt được mục đích này. Sự đồng thuận đó của dân chúng là một bằng chứng cho thấy sự cần thiết của một Thượng viện vững chắc.

Những đánh giá khác nhau về tình cảm và tâm trạng của con người làm cho các Ngài không thống nhất ý kiến về những kiểm soát cần thiết. Họ cho là 7 năm là một thời gian hợp lý để Thượng viện đạt sự vững vàng tương xứng, không bị bạo lực và rối loạn của tư tưởng dân chủ thái quá kích động.

Khi tâm trạng của hết thảy dân chúng hòa nhập với nhau, họ sẽ bùng lên như

một ngọn lửa hoang dại và trở nên không thể kiểm soát được. Ông kêu gọi các quý ngài vùng New England cần cân nhắc kỹ càng, dù thực tế của các tiểu bang này chưa chứng kiến điều đó. Còn đối với nhánh hành pháp, dường như phải chấp nhận rằng không thể thiết lập được một bộ máy hành pháp tốt đẹp nào trên các nguyên tắc cộng hòa. Vấn đề đặt ra là liệu có thể thiết lập một chính quyền tốt mà không cần bộ máy hành pháp tốt được không? Mô hình của nước Anh là mô hình duy nhất làm được điều này. Lợi ích từ việc truyền ngôi Vua được kết hợp với lợi ích của cả đất nước. Bổng lộc cá nhân của Nhà Vua Anh lớn tới mức ngoại bang không thể mua chuộc hoặc hối lộ được ông ta. Đồng thời, quyền lực của Vua đủ độc lập và được kiểm soát hiệu quả sẽ đáp ứng những đòi hỏi của nhánh hành pháp trong các vấn đề đối nội.

Một trong những điểm yếu của chính quyền cộng hòa, đó là rất dễ bị ngoại bang mua chuộc và lôi kéo. Những kẻ có tư cách tầm thường, khi giành được quyền lực lớn lao, sẽ rất dễ trở thành công cụ để ngoại bang can thiệp và lợi dụng. Thụy Điển là một ví dụ điển hình. Những cuộc nổi loạn vừa qua ở Thụy Điển đều có sự can thiệp của Anh và Pháp. Vậy từ những quan sát trên có thể rút ra được những gì? Đó là chúng ta phải đạt được một sự bền vững và ổn định tới mức những nguyên tắc cộng hòa chấp nhận được. Hãy để một Viện của Quốc hội giữ chức vụ với nhiệm kỳ suốt đời, hay ít nhất trong thời gian có tư cách tốt. Hãy để bộ máy hành pháp được làm việc suốt đời. Ông chất vấn rằng liệu nhiệm kỳ bảy năm có đủ để các Thượng nghị sĩ hy sinh những lợi ích cá nhân để được dân chúng tin tưởng không? Liệu nhiệm kỳ đó có thu hút được những cá nhân xuất sắc nhất, sẵn lòng làm việc cho đất nước không? Chúng ta cần một Thượng viện có một ý chí vững chắc, có một lợi ích to lớn, để đáp ứng những đòi hỏi đề ra.

Nhưng dân chúng sẽ nghi ngờ rằng liệu đó có phải là một chính quyền Cộng hòa không? Nếu nguyên thủ quốc gia và các quan chức chính quyền được dân chúng bầu chọn, hay một quá trình bầu chọn xuất phát từ nhân dân, thì

đó là nền Cộng hòa. Nhưng ông cho rằng bộ máy hành pháp như Ngài Randolph đề xuất, trên thực tế, vẫn có quá ít quyền lực và sự độc lập cần thiết. Với nhiệm kỳ bảy năm, Tổng thống sẽ là người có tham vọng, sẽ tìm cách xây dựng bè lũ chân tay. Vì tham vọng đi cùng với quyền lực, nên trong trường hợp chiến tranh, ông ta sẽ tự ban cho mình những đặc ân để lảng tránh hay từ chối bàn giao quyền lực. Một Tổng thống với nhiệm kỳ suốt đời sẽ không tìm cách sao nhãng sự chính trực của mình và do vậy, sẽ giữ quyền lực một cách an toàn nhất.

Có Ngài phản đối rằng một Tổng thống như vậy rất có thể trở thành một thể chế quân chủ được bầu ra và sẽ tạo ra một chính quyền lộn xộn. Nhưng quân chủ là một khái niệm không rõ ràng, cả về phạm vi quyền lực hay thời hạn nhiệm kỳ. Nếu một quan chấp chính tối cao như ông đề xuất trở thành một nền quân chủ suốt đời, thì mô hình, theo Phương án Virginia, cũng sẽ là một dạng quân chủ độc tài trong bảy năm. Các nhà luật pháp sáng suốt đã từng nhận xét rằng các chế độ quân chủ do bầu cử sẽ là mô hình tốt nhất nếu kiểm soát được những rối loạn, lộn xộn gây ra do tham vọng và mưu mô của những người tranh cử. Những rối loạn đó không phải là không thể tránh được. Đặc điểm này của chính thể quân chủ do bầu chọn chỉ xảy ra trong một số trường hợp nhất định, chứ không phải là đặc điểm phổ biến của mọi chính quyền dạng này.

Ở La Mã, các Hoàng đế do quân đội bầu chọn. Ở Ba Lan, việc bầu chọn được các nhà quý tộc chủ chốt kinh địch nhau tiến hành. Các nhà quý tộc này có quân đội riêng nên sẽ gây ra những rối loạn. Tại Đế chế Đức, việc bổ nhiệm là do các đại cử tri và các quý tộc. Họ đều có động cơ, có thủ đoạn và quân đội, để lập ra những phe đảng và những mưu đồ xấu xa. Liệu chúng ta có thể tìm ra được mô hình nào phù hợp để bảo vệ cả cộng đồng và chống lại bất cứ tác hại xấu xa nào không?

Ông có một mô hình chính quyền, theo ông, phù hợp hơn hai phương án

đang được nghiên cứu. Đề xuất của ông có thể sẽ vượt quá sự hình dung của nhiều đại biểu. Nhưng liệu dân chúng có chấp nhận một kế hoạch như ông đề xuất không? Hoặc dân chúng có chấp nhận các phương án khác đang được thảo luận không? Hiện nay, họ chẳng chấp nhận mô hình nào cả. Nhưng liên minh đang tan rã, thậm chí có lẽ là tan rã rồi. Những sai trái và tội lỗi đang hoành hành ở mọi tiểu bang sẽ nhanh chóng cho dân chúng biết thế nào là sự ảo tưởng thái quá về nền dân chủ. Nhưng ông thấy một sự biến chuyển lớn lao đã và vẫn đang diễn ra trong tâm trí của hết thảy mọi người dân.

Dân chúng sớm hay muộn cũng phải từ bỏ những định kiến sai lầm. Dù có bất cứ điều gì xảy ra thì bản thân họ sẽ không thể hài lòng với kế hoạch của Ngài Randolph đưa ra mà sẵn sàng tiến xa tới mức có thể...

Sau đó, Ngài Hamilton đọc phác thảo của ông như sau:

I. Quyền lập pháp tối cao của Hợp chúng quốc được trao cho hai Viện. Viện thứ nhất được gọi là Hội đồng Lập pháp (Assembly), Viện kia được gọi là Thượng viện (Senate), để cùng nhau hình thành cơ quan lập pháp của Hợp chúng quốc, có quyền thông qua bất cứ đạo luật nào và có quyền phủ quyết như được trình bày sau đây.

II. Hội đồng Lập pháp sẽ do dân chúng bầu với nhiệm kỳ ba năm.

III. Thượng viện bao gồm những người được bầu chọn và làm việc suốt đời nếu có tư cách tốt. Việc bầu chọn này do những đại cử tri bầu ra. Các đại cử tri lại được nhân dân bầu ra. Để thực hiện việc bầu chọn, các tiểu bang sẽ được chia thành các quận bầu cử. Khi bất kỳ Thượng nghị sĩ nào chết, bị sa thải, hay từ chức thì ghế của ông ta sẽ được thay thế bởi một cuộc bầu cử tại chính quận mà ông ta được bầu chọn.

IV. Quyền hành pháp tối cao của Hợp chúng quốc được trao cho một viên

Thống sứ (Governour), có nhiệm kỳ suốt đời nếu có tư cách đạo đức tốt. Việc bầu chọn sẽ do những đại cử tri tiến hành. Các đại cử tri này lại được dân chúng bầu ra tại các quận bầu cử như trên đã trình bày. Thẩm quyền và chức năng của bộ máy hành pháp như sau: có quyền phủ quyết mọi đạo luật đã được thông qua; quyền điều hành mọi đạo luật đã được phê chuẩn; quyền điều hành chiến tranh khi được cơ quan lập pháp cho phép; quyền ký kết mọi Hiệp ước với sự tư vấn và phê chuẩn của Thượng viện; có toàn quyền bổ nhiệm các viên chức đứng đầu các bộ Tài chính, Chiến tranh, Ngoại giao; quyền đề cử mọi viên chức khác (bao gồm các đại sứ tại nước ngoài) để Thượng viện phê chuẩn; có quyền ân xá mọi tội lỗi, trừ tội phản quốc. Ông ta không được thi hành quyền này nếu không được phép của Thượng viện.

V. Trong trường hợp Thống sứ chết, từ chức, hay bị cách chức, mọi quyền hành của ông ta được trao cho Chủ tịch Thượng viện cho đến khi bầu ra một viên Thống sứ khác thay thế.

VI. Chỉ Thượng viện mới có quyền tuyên bố chiến tranh; quyền tư vấn và ký kết Hiệp ước; quyền chấp thuận, hay bác bỏ mọi sự bổ nhiệm quan chức của các Bộ Tài chính, Chiến tranh và Ngoại giao.

VII. Thẩm quyền của Tối cao Pháp viện được trao cho các thẩm phán giữ chức vụ suốt đời nếu có tư cách đạo đức tốt, được trả lương tương xứng và không thay đổi. Tòa án này có quyền xét xử sơ thẩm mọi trường hợp bắt giữ và quyền xét xử phúc thẩm mọi trường hợp liên quan đến ngân sách, thuế khóa của chính quyền Liên bang, hay liên quan đến công dân nước ngoài.

VIII. Cơ quan lập pháp liên bang có quyền thiết lập các tòa án ở tiểu bang để phán xét các vụ kiện thông thường.

IX. Thống sứ, Thượng nghị sĩ và mọi viên chức của Hợp chúng quốc có thể bị luận tội vì tư cách sai trái hay tham nhũng. Ngay khi bị kết tội, ông ta sẽ bị sa thải và không thể nắm giữ bất kỳ chức vụ nào liên quan đến niềm tin và

tiền bạc. Mọi vụ luận tội sẽ được xét xử bởi một tòa án bao gồm Chánh án hay thẩm phán của các Tòa án cao cấp của mỗi tiểu bang, miễn là những thẩm phán đó giữ chức vụ suốt đời nếu có tư cách đạo đức tốt và có lương không thay đổi.

X. Mọi đạo luật tiểu bang, nếu trái với Hiến pháp hay luật pháp của Hợp chúng quốc, đều không có hiệu lực. Để ngăn chặn việc thông qua những bộ luật này, chính quyền Liên bang sẽ bổ nhiệm một viên Thống đốc (Governour), hay viên Chủ tịch Tiểu bang (President of State) có quyền phủ quyết các đạo luật sắp được ban hành tại tiểu bang đó .

XI. Không tiểu bang nào có quyền thiết lập bất kỳ đội quân hay hạm đội nào. Quân đội của mọi tiểu bang đều đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp và duy nhất của chính quyền Hợp chúng quốc. Các sĩ quan và tướng lĩnh quân đội sẽ được chính quyền Liên bang bổ nhiệm và phong chức.

Mỗi điều khoản đưa ra đều được Hamilton giải thích cụ thể theo những nguyên tắc đã nói ở trên.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Những lập luận của Madison phản đối Phương án New Jersey Ngày 19 tháng Sáu

Ngày 19 tháng Sáu, Madison đã có một bài phát biểu dài phản đối mọi đề xuất của Paterson. Với những lập luận rất chặt chẽ, ông đã viện dẫn rất nhiều ví dụ về lịch sử những Liên bang của châu Âu, để chứng minh sự cần thiết phải xây dựng một liên bang duy nhất. Trong đó, các tiểu bang phải đại diện theo qui mô dân số. Đó là con đường duy nhất để duy trì sự ổn định và thịnh vượng của 13 tiểu bang Bắc Mỹ. Chính nhờ những lập luận sắc bén của ông mà Hội nghị đã đồng ý sử dụng Phương án Virginia làm nền tảng cơ bản cho mô hình chính quyền liên bang. Sau này, những lập luận đó lại được

Madison sử dụng trong các bài luận văn Người Liên bang.

Ngài MADISON: Nhiều đại biểu gây áp lực vì cho rằng Hội nghị này không được trao đủ quyền lực cần thiết để đề xuất bất cứ mô hình nào khác ngoài mô hình liên bang. Ngoài những điều đã được các đại biểu khác trình bày, ông muốn bổ sung thêm rằng không có một kế hoạch liên bang nào như vậy đáp ứng được đòi hỏi cấp bách hiện nay. Một đặc điểm trong chính quyền liên bang là quyền lực không áp đặt trên các cá nhân mà là áp đặt trên tập thể, trên các tiểu bang. Nhưng trong một số trường hợp, như những vụ cướp biển, chiếm đoạt tài sản trên biển, theo Các điều khoản Hợp bang hiện nay và trong nhiều trường hợp được mở rộng như Ngài Paterson đề nghị, là điều hành trực tiếp đối với các cá nhân. Một đặc điểm khác là chính quyền liên bang không phải trực tiếp do dân chúng mà do các chính quyền tiểu bang chọn ra. Nhưng đại biểu Quốc hội Hợp bang của Connecticut và Rhode Island lại được chọn do dân chúng, chứ không phải do cơ quan lập pháp. Phương án của Ngài Paterson không dự định thay đổi điều này.

Ngài Paterson cũng viện lý lẽ rằng Hợp bang được toàn thể chấp thuận, thì khi muốn giải tán cũng phải được toàn thể chấp nhận. Đó có phải là bản chất của mọi Hiệp ước hay không? Lập luận này có phải được rút ra từ những điều khoản đặc biệt trong Các điều khoản Hợp bang không? Nếu chúng ta coi liên minh Hợp bang như một bản kế ước cơ bản, để nhờ đó, các cá nhân thiết lập nên xã hội, thì ít nhất Hợp bang phải là sự đồng lòng của mọi thành viên. Nhưng không thể nói rằng sự hủy bỏ bản kế ước này không thể có hiệu lực nếu không được tất cả các bên đồng lòng nhất trí. Việc một nhóm công dân trong xã hội vi phạm các qui định cơ bản chắc chắn sẽ giải phóng những công dân khác khỏi nghĩa vụ thực hiện bản kế ước đó. Nếu bất cứ bên nào vi phạm bất cứ điều khoản nào nhưng lại không cho phép những bên còn lại được tự do là vì điều ngược lại đã được ngầm hiểu ngay trong bản kế ước. Đặc biệt là có những điều luật của bản Hiệp ước trao quyền cho đa số bắt buộc toàn thể phải tuân theo trong mọi trường hợp. Trường hợp sau

chỉ ra rằng chúng ta không thể coi liên minh Hợp bang như một bản khế ước xã hội giữa các cá nhân. Nếu vậy, đa số có quyền ràng buộc tất cả, thậm chí có thể hình thành một bản hiến pháp mới cho tất cả mọi người, điều mà Ngài Paterson sẽ khó lòng chấp nhận.

Nếu chúng ta xem xét liên minh không phải như một khế ước xã hội của những cá nhân riêng rẽ mà là sự thỏa thuận của các chính quyền tiểu bang, thì điều gì có thể rút ra được từ những thỏa thuận này? Rõ ràng là căn cứ theo những điều qui định về luật của các quốc gia, sự vi phạm bất cứ điều khoản nào, bởi bất kỳ bên nào, sẽ cho phép những bên còn lại được hoàn toàn tự do. Coi như toàn bộ thỏa thuận này được hủy bỏ, trừ phi họ chọn một cách thức khác cưỡng ép bên vi phạm phải thay đổi. Điều này đặc biệt được minh chứng trong các Hiệp ước liên minh trong chiến tranh. Khi một bên vi phạm thì bản Hiệp ước đó coi như không còn có hiệu lực. Nhưng bản Các điều khoản Hợp bang lại không có qui định nào cho phép việc sử dụng vũ lực để cưỡng buộc thành viên chống đối phải tuân thủ luật pháp.

Ông nhận thấy Các điều khoản Hợp bang bị vi phạm rất nhiều và rất rõ ràng, đặc biệt là hành động của New Jersey, khi bang này khước từ tuân thủ những qui định hợp hiến của Quốc hội, công khai hủy bỏ phiếu bầu của mình và từ chối thông qua bất cứ đạo luật nào.

Ông không muốn đưa ra những can thiệp thô bạo với những nhận xét này. Tuy nhiên, ông nghĩ bản chất thật sự của Hợp bang cần phải được nghiên cứu kỹ càng và ông không hề băn khoăn về việc cần củng cố nền tảng cho chính quyền. Sau khi xem xét phương án của Ngài Paterson, ông tuyên bố rằng một mô hình tốt đẹp phải đạt được hai mục tiêu:

(1) Duy trì Liên minh.

(2) Cho phép chính quyền xử lý những vi phạm của các tiểu bang.

Chúng ta cần xem xét mô hình của Ngài Paterson để kết luận: liệu phương án này có đáp ứng các đòi hỏi nêu trên không?

1. Liệu Phương án này có ngăn chặn được những vi phạm luật pháp và các Hiệp ước không? Nếu không ngăn chặn được, thì chắc chắn sẽ dẫn chúng ta tới thảm họa chiến tranh với ngoại bang. Xu hướng vi phạm của các tiểu bang thể hiện ở nhiều ví dụ. Báo cáo mới đây của Quốc hội cho thấy tất cả các quốc gia khác đều vi phạm các Hiệp ước đã được ký kết với chúng ta. Cho đến nay, chúng ta chỉ cam chịu, nhưng đó không thể là giải pháp lâu dài. Mỗi quan hệ trực tiếp với các quốc gia hùng mạnh khác cũng là một tai họa lớn nhất cho cả nước. Do vậy, cần đảm bảo rằng không vùng đất nào có quyền gây tai họa này cho cả nước, nhưng liên minh Hợp bang hiện nay không có khả năng xử lý những sai trái này một cách hiệu quả. Những đề nghị sửa đổi cũng không đáp ứng được yêu cầu này khi để các tiểu bang không hề được kiểm soát.

2. Liệu phương án này có ngăn chặn được việc các tiểu bang chiếm đoạt quyền của liên bang không? Chúng ta đều biết mọi liên minh cộng hòa cổ xưa cũng như hiện đại đều có xu hướng tiếm quyền. Các điều khoản Hợp bang đã qui định rằng việc quan hệ với người Da đỏ là thuộc quyền hạn của Quốc hội, nhưng nhiều tiểu bang đã ký kết những Hiệp ước riêng rẽ, hay gây chiến với họ. Hiến pháp cũng không cho phép hai hay nhiều tiểu bang được quyền ký kết bất kỳ Hiệp ước nào với nhau nếu không được Quốc hội chấp thuận. Nhưng Virginia và Maryland là một ví dụ, Pennsylvania và New Jersey là một ví dụ khác. Các bang này đều đàm phán những Hiệp ước mà chưa hề có tiền lệ hay có lời biện bạch sau đó. Cũng không tiểu bang nào có quyền tổ chức quân đội trong thời bình nếu không được Quốc hội chấp thuận. Qui định này đòi hỏi có sự tuân thủ nghiêm ngặt nhất. Nhưng Massachusetts, tiểu bang mạnh nhất của liên bang, thì không tuân thủ khi họ thành lập một đội quân riêng. Ngay lúc này, tiểu bang đó đang thành lập một đội quân mà chẳng đoái hoài đến việc báo cáo cho Quốc hội.

Nếu như chúng ta xem xét các thể chế hợp bang hay các liên minh khác, chúng ta sẽ thấy các thành viên trong những liên minh này đều có khuynh hướng vi phạm thẩm quyền của liên minh. Sau đó, ông phân tích các Nhà nước Liên bang Hy Lạp cổ đại và các Hợp bang Thụy Sĩ, Đức và Bỉ, tìm xem những điểm tương đồng đối với Hợp chúng quốc về mặt thể chế và thẩm quyền liên minh, để thấy việc vi phạm thẩm quyền đều dẫn các liên bang này tới sự hỗn loạn và rồi sụp đổ. Ông thấy kế hoạch của Ngài Paterson không kiểm soát các tiểu bang trong công việc phòng thủ chung mà đó phải là đặc quyền của liên bang. Trong đó, hai điều khoản có thiếu sót rất nghiêm trọng.

1. Hiến pháp được phê chuẩn không phải do dân chúng mà do các cơ quan lập pháp tiểu bang. Do đó, bản Hiến pháp không thể trở thành các điều luật tối thượng cho tất cả các tiểu bang.
2. Bản Hiến pháp đó chỉ trao cho tòa án liên bang quyền phúc thẩm, nhưng chỉ trong một số vụ nhất định. Sự thiếu vắng điều khoản này có thể dẫn tới mối nguy hiểm về sự tha tội quá mức trong các tòa án tiểu bang. Và sau việc tha tội như vậy thì liệu còn phúc thẩm được điều gì nữa? Ngoài ra, ở hầu hết nếu không nói là tất cả các tiểu bang, các bản Hiến pháp tiểu bang đều cho phép các cơ quan hành pháp có quyền ân xá. Vậy quyền này sẽ được thu lại thế nào nếu bản Hiến pháp chỉ do các cơ quan lập pháp thông qua?
3. Liệu mô hình đó có ngăn chặn được sự vi phạm giữa các tiểu bang không? Chúng ta đã chứng kiến quá nhiều các ví dụ như vậy. Luật pháp của Virginia và Maryland đều ưu ái dân chúng tiểu bang mình hơn dân chúng các tiểu bang khác trong các vụ kiện trong khi Các điều khoản Hợp bang qui định rằng mọi quyền và đặc ân của tất cả dân chúng là như nhau. Ông coi việc ban hành tiền giấy và các đạo luật tương tự là những hành động phạm pháp. Các tiểu bang đối với nhau vừa là con nợ và chủ nợ. Như vậy, các tiểu bang "chủ nợ" sẽ phải chịu tổn hại khi các tiểu bang "con nợ" ban hành tiền giấy.

Chúng ta đã chứng kiến những hành động trả đũa và gây hấn về lĩnh vực này đe dọa không chỉ sự hài hòa thống nhất mà còn đe dọa sự yên bình của liên minh. Phương án của Ngài Paterson không cho Quốc hội Hợp bang quyền phủ quyết các bộ luật tiểu bang mà để họ tự do không bị kiểm soát thi hành những kế hoạch sai trái nhằm chống lại nhau.

4. Liệu mô hình này có đảm bảo được sự bình yên của các tiểu bang không? Những vụ rối loạn ở Massachusetts đã cảnh báo mọi tiểu bang khác về mối nguy hiểm mà họ có thể phải gánh chịu. Nhưng kế hoạch của Ngài Paterson không có những điều khoản cho phép liên minh có giải pháp đối phó với những vấn đề này. Căn cứ theo lý thuyết về nền Cộng hòa, lẽ phải, quyền lực và sức mạnh phải thuộc về đa số và phải do đa số nắm giữ. Nhưng thực tế và kinh nghiệm cho thấy đôi khi thiểu số có thể đánh bại đa số: (1) Nếu như thiểu số ngẫu nhiên có đủ mọi kỹ năng và trình độ quân sự điều luyện, chiếm giữ những nguồn tài nguyên và tiền bạc lớn, thì 1/3 có thể chiến thắng 2/3 còn lại. (2) 1/3 những người có quyền bầu chọn người lãnh đạo có thể trở thành đa số bằng cách cho phép những người nghèo, những người không đủ tài sản và những người chỉ muốn nổi loạn chứ không muốn thiết lập chính quyền được quyền bỏ phiếu. (3) Những nơi có nô lệ thì lý thuyết cộng hòa càng trở nên sai lầm.

5. Liệu mô hình đó có đảm bảo thiết lập nền hành pháp và lập pháp tốt ngay trong các tiểu bang không? Khi những tội ác và sai trái dần dần phát triển, phá hỏng hệ thống chính trị liên minh và tất yếu, cũng sẽ phá hỏng chính quyền tiểu bang. Do từng tiểu bang riêng biệt đều tác động gián tiếp đến tổng thể nên đó là một lý do quan trọng để tin rằng các tiểu bang đều cảm nhận được sức ép mà họ phải chịu đựng, và đó là động cơ thúc đẩy việc tổ chức Hội nghị này. Về điểm này, ông tiến hành liệt kê hàng loạt những sai trái và các vi phạm: (1). Các tiểu bang thông qua vô số các bộ luật sai trái. (2). Các bộ luật này thất thường, dễ thay đổi. (3). Các bộ luật này không công bằng. (4). Những bộ luật này chẳng được thi hành nghiêm chỉnh. Vì

Phương án của Ngài Paterson không mang lại giải pháp cho những sai trái cực kỳ nguy hiểm này, nên cũng không mang lại câu trả lời tương xứng cho nhu cầu cấp thiết hiện nay của đất nước.

6. Liệu mô hình đó có đảm bảo sự an toàn cho liên minh chống lại các thế lực ngoại bang tìm cách lôi kéo và gây ảnh hưởng đến các thành viên của liên minh không? Những điều đó tất yếu sẽ xảy ra. Những âm mưu xuất hiện trong số các Nhà nước Hợp bang Hy Lạp cổ đại là bài học cho ngày nay. Đầu tiên là những xúi giục do vua Ba Tư gây ra và sau đó là tai họa khủng khiếp do vua Philip của Macedonia gây ra. Còn các thành bang của liên minh Achaean, lúc đầu bị Macedonia và sau đó bị La Mã tìm cách chia rẽ. Các tông của Thụy Sĩ bị Áo, Pháp và các quốc gia láng giềng can thiệp. Các vương quốc của đế chế Phổ bị Pháp, Đức, Anh, Tây Ban Nha và cả Nga tìm cách chia rẽ. Còn trong Liên bang Bỉ, mọi quốc gia láng giềng đều tìm cách can thiệp. Kế hoạch của Ngài Paterson không trao cho chính quyền trung ương quyền phủ quyết bất kỳ ý muốn nào của các tiểu bang nên sẽ chỉ mở rộng cánh cửa cho những âm mưu xấu xa và nguy hiểm giữa chính chúng ta mà thôi.

7. Ông cầu xin các bang nhỏ đang tán thành kế hoạch của Ngài Paterson nên xem lại tình huống họ sẽ phải đương đầu. Trước tiên, họ vẫn phải gánh chịu những chi phí để duy trì các đại biểu tại Quốc hội. Nếu họ muốn giảm bớt những chi tiêu cho các đại biểu của mình, thì có thể họ sẽ mắc phải những sai lầm khác. Những ghi chép của Quốc hội cho thấy các công việc của Quốc hội thường xuyên bị trì hoãn do quá nhiều đại biểu vắng mặt. Các tiểu bang thường vắng mặt lại không phải là các bang lớn. Ông nhắc Hội nghị cần tính đến hậu quả sẽ xảy ra nếu các bang nhỏ vẫn phải chịu toàn bộ các chi phí để duy trì sự đại diện tại Quốc hội. Trong giai đoạn chiến tranh, một đại biểu của Delaware trước khi ký Các điều khoản Hợp bang, đại biểu duy nhất của tiểu bang này, lại là công dân của Pennsylvania. Vào thời gian khác, cũng tiểu bang Delaware có ba đại biểu, nhưng hai người là công dân của

Pennsylvania, còn người thứ ba lại là công dân của New Jersey. Việc bầu chọn những đại biểu này nhằm giảm nhẹ chi phí của tiểu bang đó. Nhưng bất kể vì lý do gì, thì phiếu bầu của tiểu bang này cũng bị nghi ngờ và ảnh hưởng của tiểu bang khác sẽ tăng lên.

Vấn đề thứ hai là sự cưỡng ép, hiệu quả của phương án Ngài Paterson đề xuất tùy thuộc vào điều này, sẽ chỉ sử dụng đối với chính họ [các tiểu bang nhỏ-ND] mà thôi. Không thể cưỡng ép được các bang lớn, còn các bang nhỏ, nếu bị cưỡng ép, sẽ muốn trả thù. Ông minh họa vấn đề này bằng lịch sử Nhà nước Hợp bang Hy Lạp cổ đại và Đế chế Phổ. "Cái mạng nhện" đó chỉ làm kẻ yếu thêm rối rắm và là sự mua vui cho kẻ mạnh!

8. Các đại biểu của các bang nhỏ cũng cần xem xét tương lai cho chính mình nếu ngoan cố theo đuổi một kế hoạch không thể chấp nhận được và chỉ càng ngăn cản việc chấp thuận các mô hình khác. Kế hoạch này chỉ mang lại tai họa mà thôi. Cần phải trừ tính những điều có thể xảy ra và tìm ra giải pháp trước khi chấp nhận nó. Nếu liên minh các tiểu bang bị giải tán, thì họ có thể chọn lựa một trong hai giải pháp. Các tiểu bang có thể duy trì sự độc lập của mình, hoặc tham gia vào một hay hai hợp bang nhỏ sẽ hình thành. Nếu trường hợp thứ nhất xảy ra, liệu các tiểu bang riêng rẽ có thể chống lại những tham vọng và sức mạnh của các bang lớn láng giềng như họ được hưởng dưới một chính quyền trung ương lan tỏa sức mạnh của mình tới khắp mọi vùng trên vương quốc này và quan tâm bình đẳng đối với việc bảo vệ mọi vùng lãnh thổ chống lại sự xâm chiếm của ngoại bang hay không? Trong trường hợp thứ hai, liệu các bang nhỏ có thể trông đợi các bang lớn láng giềng sẽ liên minh với họ theo nguyên tắc bình đẳng, và trao cho mỗi thành viên một lá phiếu bình đẳng không? Hay họ muốn bị mất ít quyền hơn như trong mô hình của Ngài Randolph?

Khó khăn lớn nhất nằm ở vấn đề đại diện. Nếu điều này được giải quyết, thì mọi vấn đề khác đều có thể vượt qua được. Hai quý ngài từ New Jersey

(Ngài Brearly và Ngài Paterson) đều đồng ý rằng nếu cho Virginia, có diện tích lớn gấp nhiều lần Delaware, lại có lá phiếu bình đẳng với nhau là không công bằng. Nhưng họ lại cho rằng Delaware sẽ không an toàn nếu cho phép Virginia có nhiều lá phiếu hơn của Delaware. Đề xuất của họ là ném mọi tiểu bang vào một “mớ hồ lộn”, rồi phân chia thành 13 phần bằng nhau. Liệu mô hình như vậy có thực tế không? Sự khác biệt giữa các qui định về tài sản, về phong tục, lối sống và quan điểm không đồng nhất tại các tiểu bang khác nhau làm cho kế hoạch này không thể thực thi được.

Dù là với quyền lực tối cao của một trong những nhà vua ở châu Âu như Vua nước Pháp, với sự cố vấn khôn ngoan của một trong những viên Thượng thư yêu nước và có học hành nhất như Ngài Neckar, thì ở bất cứ thời đại nào cũng không thể tạo ra sự bình đẳng trong những lãnh thổ quá khác biệt về phong tục và tập quán. Nhưng việc chấp nhận một sự pha trộn chung và phân chia lại các tiểu bang là hoàn toàn có thể và mỗi nguy hiểm mà các bang nhỏ lo sợ, từ việc đại diện theo tỷ lệ, là có thực. Một liên minh tự nguyện và đặc biệt của các tiểu bang này với các tiểu bang láng giềng sẽ thuận lợi hơn cho cả cộng đồng và mang lại sự an toàn hơn cho chính họ. Nếu New Jersey hay Delaware nghĩ rằng sự bình đẳng giữa các tiểu bang sẽ mang lại thuận lợi cho họ và coi đó là điều kiện thiết yếu để thiết lập liên minh với các tiểu bang láng giềng thì tại sao mục đích này không thể đạt được nếu Hiến pháp cho phép họ tự do hình thành bất cứ liên minh nào họ muốn? Tại sao họ lại muốn nhất định phải thiết lập liên minh bao gồm tất cả các tiểu bang, khi điều này vô cùng khó khăn, và nhiều tiểu bang khác chẳng dễ dàng chấp nhận, trong khi họ vẫn phải gánh chịu những gánh nặng tài chính? Triển vọng nhiều tiểu bang mới ở miền Tây sẽ tham gia liên minh là một xem xét quan trọng khác. Họ sẽ tham gia liên minh nhưng sẽ có rất ít cư dân. Nếu họ có quyền bỏ phiếu theo tỷ lệ dân số, mọi việc sẽ đúng đắn và an toàn. Nhưng nếu họ có lá phiếu bình đẳng thì một thiểu số nhỏ chưa từng có, khi chống đối, sẽ chiến thắng tất cả các tiểu bang khác.

Toàn thể Hội nghị đều chấp thuận không xem xét kế hoạch của Ngài Paterson, trừ tiểu bang New York và New Jersey.

Cuộc bỏ phiếu về đề xuất sử dụng kế hoạch của Ngài Randolph làm nền tảng cho Hội nghị:

MA: đồng ý; CT đồng ý; NY: không; NJ: không; PA: đồng ý; DE: không; MD: không quyết định; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý.

Tranh luận về chủ quyền liên bang và nhiệm kỳ của Hạ nghị sĩ Ngày 21 tháng Sáu

Ngày 21 tháng Sáu, các đại biểu đã tranh luận về việc duy trì hay xóa bỏ chính quyền tiểu bang và nhiệm kỳ của Hạ nghị sĩ. Nói chung, hầu hết các đại biểu đều mong muốn duy trì chính quyền tiểu bang để kiểm soát và điều hành những vấn đề địa phương. Còn đối với Hạ viện, những phân tích về thời gian nhiệm kỳ của Hạ nghị sĩ là rất cụ thể và sâu sắc. Các đại biểu đã phân tích mọi khía cạnh của việc bầu cử Hạ nghị sĩ và tình hình nước Mỹ để xác định nhiệm kỳ thích hợp nhất, vừa đảm bảo hiệu quả của Hạ viện, vừa đảm bảo các cuộc bầu cử được tiến hành thuận lợi và ít tốn kém.

Bác sĩ JOHNSON: Việc so sánh hai phương án đề xuất của Virginia và New Jersey cho thấy Phương án New Jersey được tính toán để duy trì quyền lợi riêng rẽ của các tiểu bang. Phương án của Virginia không định xóa bỏ chính quyền các tiểu bang, nhưng có lẽ là đi theo hướng này. Chỉ riêng Đại tá Hamilton, với việc chỉ trích Phương án New Jersey, đã mạnh mẽ tranh luận và kiên quyết đòi xóa bỏ chính quyền tiểu bang. Ngài Wilson và một đại biểu từ Virginia [Ngài Madison], cũng phản đối Phương án New Jersey ở mức độ khác nhau. Họ muốn các tiểu bang vẫn giữ một phạm vi quyền lực nhất định, dù chỉ là những quyền không quan trọng. Tuy nhiên, họ không chỉ ra những quyền này bao gồm những quyền gì để bảo đảm các tiểu bang không thể chống lại thẩm quyền liên bang.

Nếu những quyền dành cho các tiểu bang đó chỉ để làm hài lòng những người ủng hộ mô hình New Jersey rằng các tiểu bang riêng rẽ sẽ không bị nguy hiểm thì nhiều lập luận của họ, không nghi ngờ gì nữa, cần phải loại bỏ. Ông muốn xem xét kỹ lưỡng liệu các tiểu bang, như trong trường hợp đề xuất, ít nhất vẫn duy trì được một mức độ quyền lực nào đó thì những quyền này có được đảm bảo không nếu không cho họ tham gia một cách hiệu quả vào chính quyền trung ương và không trao cho họ một lá phiếu bình đẳng trong các hội đồng liên bang để tự bảo vệ mình.

Ngài WILSON: Tâm quan trọng của vấn đề này buộc ông dù chưa được chuẩn bị nhưng cũng phải nỗ lực trình bày nhằm giải quyết những khó khăn đặt ra. Có Ngài sẽ hỏi rằng liệu chính quyền liên bang và tiểu bang có thể hòa thuận với nhau được không và liệu tiểu bang sẽ được đảm bảo thế nào để chống lại chính quyền liên bang? Nhưng tại sao không hỏi ngược lại rằng liệu chính quyền liên bang có được bảo đảm chống lại các tiểu bang hay không? Nói chung, cần chấp nhận rằng sự ghen tị và hiềm khích sẽ xuất hiện giữa chính quyền liên bang và tiểu bang. Như kế hoạch hiện nay, dù ông không đồng ý như vậy, cho phép cơ quan lập pháp tiểu bang chọn một Viện của Quốc hội Liên bang là Thượng viện. Do đó, việc tham gia vào chính quyền liên bang này sẽ giúp các cơ quan lập pháp tiểu bang có cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình. Liệu có cần thiết lập một qui định tương hỗ, như trao cho chính quyền liên bang quyền tự bảo vệ, bằng việc được bổ nhiệm một nhánh nào đó của chính quyền tiểu bang không? Nếu sự đảm bảo này là cần thiết ở một phía thì phía kia cũng đòi hỏi như vậy. Nhưng khi xem xét quan điểm này kỹ lưỡng hơn, ông thấy không có mối nguy hiểm nào từ chính quyền liên bang đối với các tiểu bang. Việc các bang lớn kết hợp với nhau sẽ cảnh báo các bang còn lại và ý đồ đó sẽ bị ngăn chặn. Nhưng không có nguy cơ nào về một ý đồ như vậy bởi nói chung, các tiểu bang đều có những lợi ích giống nhau.

Trong trường hợp bất kỳ đề xuất nào của cơ quan lập pháp quốc gia vi phạm

chủ quyền của tiểu bang, ông thừa nhận rằng ngay lập tức, sự cảnh báo sẽ xuất hiện tại chính cơ quan lập pháp quốc gia. Ý định đó sẽ truyền xuống các cơ quan lập pháp tiểu bang và cuối cùng sẽ lan rộng ra dân chúng. Chính quyền Liên bang vẫn sẵn sàng duy trì quyền của các tiểu bang để các tiểu bang duy trì quyền của các cá nhân. Mọi thành viên của liên bang đều có những lợi ích chung. Trong chính quyền liên bang, việc những nghị sĩ đại diện cho lợi ích của dân chúng tiểu bang vẫn sẽ cho phép các tiểu bang duy trì những quyền mà dân chúng mong muốn họ nắm giữ. Do đó, ông không hề phát hiện thấy bất cứ mối nguy hiểm nào về khía cạnh này như những quý ngài khác lo ngại. Ngược lại, ông thừa nhận rằng bất kể mọi sự cẩn trọng, chính quyền liên bang sẽ thường xuyên phải gánh chịu mối đe dọa chiếm quyền từ phía các tiểu bang.

Ngài MADISON: Cho rằng: (1) Ít có mối đe dọa từ phía chính quyền liên bang như từ phía chính quyền tiểu bang. (2) Tác hại của sự vi phạm nếu do liên bang gây ra sẽ ít nguy hiểm hơn nếu do tiểu bang gây ra.

1. Mọi mô hình hợp bang khác đều có xu hướng trở thành một xã hội vô tổ chức hơn là trở thành một nền độc tài, các thành viên thường bất tuân lệnh chính quyền trung ương hơn là sự lạm quyền từ phía trung ương. Kinh nghiệm của riêng chúng ta cũng chứng tỏ điều này. Nhưng những thay đổi đề xuất về nguyên tắc và hình thức của liên minh sẽ làm thay đổi xu hướng này. Các chính quyền trung ương cần có quyền lực mạnh thực sự và phải có ít nhất một Viện lập pháp do dân chúng bầu ra chứ không phải do các chính quyền tiểu bang. Để hiểu toàn bộ lập luận phản đối này, hãy xem xét rằng giả sử quyền lực vô hạn được trao cho cơ quan lập pháp liên bang, còn các tiểu bang trở thành một tổ chức phụ thuộc vào cơ quan lập pháp liên bang. Tại sao điều này lại buộc chính quyền liên bang phải giành mọi quyền lực của tiểu bang, nếu sự tồn tại của chính quyền tiểu bang là có lợi và đó là mong ước của dân chúng? Tại một số tiểu bang, đặc biệt là tại Connecticut, mọi thị trấn đều hợp tác với nhau và đều có quyền hạn nhất định. Vậy tại sao

các đại biểu của các thị trấn tại cơ quan lập pháp tiểu bang lại cố gắng cướp đoạt quyền của thị trấn? Nếu chính quyền địa phương có lợi cho dân chúng, họ sẽ gắn bó với nó. Còn những đại diện do họ chọn lựa sẽ phải gắn bó với quyền và lợi ích của cử tri. Mỗi quan hệ giữa chính quyền liên bang và tiểu bang cũng tương tự như vậy.

2. Những sự phòng vệ nhằm chống lại sự lạm quyền của chính quyền tiểu bang đối với liên bang là cần thiết hơn hướng ngược lại. Lý do chủ yếu phản đối việc xóa bỏ chính quyền tiểu bang là vì chính quyền liên bang không thể chăm lo mọi điều nhỏ nhặt thuộc quyền hạn của địa phương. Điều đó không có nghĩa là chống lại sự lạm quyền của trung ương mà chống lại việc không thể áp dụng hoàn hảo nguyên tắc này trên một đất nước quá rộng lớn như Hợp chúng quốc với quá nhiều vấn đề cần quan tâm. Nếu chính quyền liên bang không thể kiểm soát được mọi vấn đề trên một lãnh thổ rộng lớn như vậy, thì lợi ích của chính quyền liên bang cùng với lợi ích của dân chúng đòi hỏi phải duy trì các chính quyền địa phương.

Nếu chính quyền trung ương đủ khả năng kiểm soát được mọi lĩnh vực mà không cần đến các chính quyền tiểu bang, thì dân chúng một Nhà nước Cộng hòa vĩ đại sẽ chẳng mất tự do như tự do họ được hưởng với tư cách là công dân của 13 nước cộng hòa nhỏ. Một công dân của Delaware không được tự do như công dân của Virginia chẳng? Hay họ sẽ mất bớt tự do nếu là công dân Hợp chúng quốc chẳng? Do đó, khuynh hướng của chính quyền liên bang thôn tính các chính quyền tiểu bang sẽ không dẫn tới hậu quả tai hại. Hãy xem xét quan điểm ngược lại, khi chính quyền tiểu bang có khuynh hướng vi phạm sự độc lập của chính quyền liên bang. Những hậu quả tảm tối đó không cần phải nói ra.

Hãy hình dung ra những tai họa này. Đó chính là lý do buộc chúng ta đang phải thảo luận tại đây, để tìm ra giải pháp để ngăn chặn tai họa đó. Đó cũng là một nhiệm vụ rất khó khăn.

Đề xuất thứ ba trong Phương án của Randolph được đưa ra xem xét. [đề xuất về cách thức bầu chọn Hạ viện].

Tướng PINKNEY: Đề xuất viết rằng: "Viện thứ nhất, thay vì do dân chúng bầu trực tiếp, sẽ được bầu chọn theo một cách thức do Nghị viện tiểu bang đó quyết định".

Ông cho rằng: 1. Sự tự do này sẽ làm các tiểu bang hài lòng hơn vì các Nghị viện tiểu bang sẽ tìm ra cách thức phù hợp với ý kiến của dân chúng. 2. Điều này sẽ tránh được ảnh hưởng thái quá của các quận lớn thường thắng thế nếu các cuộc bầu cử được tiến hành theo quận như nhiều đại biểu đề xuất. 3. Những cuộc bầu cử gây tranh cãi, nếu để cho Quốc hội Liên bang quyết định, sẽ rất tốn kém, nhất là ở những vùng xa xôi của nước cộng hòa.

Ngài L. MARTIN: Tán thành đề xuất này.

Đại tá HAMILTON: Coi đề xuất này là định chuyển quyền bầu chọn của dân chúng cho các cơ quan lập pháp tiểu bang nên trên thực tế sẽ phá hỏng mô hình này. Điều đó chỉ làm tăng ảnh hưởng của các Nghị viện tiểu bang mà khó có thể tìm được giải pháp ngăn ngừa hiệu quả. Mọi người đều nhận thức được nguy cơ này. Nếu chính quyền liên bang muốn duy trì sự tồn tại của mình, thì các chính quyền tiểu bang sẽ phải dần dần suy yếu và có thể mất đi. Do đó, không thể đưa vào bản Hiến pháp một điều khoản sai trái.

Ngài MASON: Đòi tiếp tục duy trì quyền bầu cử của dân chúng. Bất kể nguyên tắc dân chủ có gây bất lợi nào đi nữa, thì đó vẫn là sự bảo đảm duy nhất quyền của dân chúng.

Ngài SHERMAN: Cho rằng việc bầu chọn do cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành sẽ là tốt nhất, nhưng đồng ý với kế hoạch hiện nay [do dân chúng bầu chọn].

Ngài RUTLIDGE: Không nghĩ rằng có sự khác biệt quá mức giữa việc bầu

cử trực tiếp và gián tiếp của dân chúng. Điều đó giống như việc tự mình làm và người khác làm. Một cuộc bầu cử của cơ quan lập pháp thường sẽ tinh lọc, lựa chọn và sẽ phù hợp với tâm trạng của cả cộng đồng, tốt hơn là do dân chúng trực tiếp bầu. Nếu chính Hội nghị này do dân chúng, chứ không phải các cơ quan lập pháp chọn ra, thì khó lòng tìm được các cá nhân có phẩm chất và tư cách đứng đắn. Các đại biểu do Quốc hội bầu chọn sẽ là những người chân chính và khôn ngoan hơn nếu do dân chúng bầu.

Ngài WILSON: Coi việc dân chúng bầu cử không chỉ là một hòn đá tảng then chốt mà còn là nền tảng cho cả công trình. Sự khác biệt giữa việc dân chúng bầu chọn trực tiếp và gián tiếp là rất lớn và đặc biệt có ý nghĩa, vì các cơ quan lập pháp tiểu bang hiện nay không đại diện cho ý muốn của dân chúng mà thường là chống lại chính quyền liên bang và có thể chống lại chính dân chúng.

Ngài KING: Mở rộng quan điểm này. Ông cho rằng các cơ quan lập pháp thường bầu chọn những đại biểu qui lụy ý muốn của mình và đi ngược lại lợi ích của toàn thể dân chúng. Thậm chí, họ có thể "sáng chế" ra được một cách bầu cử để đáp ứng mục đích này. Ông kể ra hàng loạt ví dụ, trong đó, ý muốn của các tiểu bang mâu thuẫn với chính quyền liên bang, đặc biệt là sự cạnh tranh trong việc vay tiền giữa hợp bang và tiểu bang.

Tướng PINKNEY: Cho rằng chính quyền tiểu bang sẽ là một bộ phận của chính quyền liên bang. Nếu hủy bỏ chính quyền tiểu bang hoặc giảm bớt quyền lực của tiểu bang, Nam Carolina và các tiểu bang khác sẽ chẳng là gì ngoài việc phục vụ lợi ích của chính quyền liên bang.

Về đề xuất của Tướng Pinkney rằng “Viện thứ nhất, thay vì do dân chúng bầu trực tiếp, sẽ được bầu chọn theo một cách thức, do Nghị viện tiểu bang đó quyết định”:

MA: phản đối; CT tán thành; NY: phản đối; NJ: tán thành; PA: phản đối;

DE: tán thành; MD: không quyết định; VA: phản đối; NC: phản đối; SC: tán thành; GA: phản đối.

Về đề xuất Hạ viện sẽ do dân chúng bầu chọn: MA: tán thành; CT: tán thành; NY: tán thành; NJ: phản đối; PA: tán thành; DE: tán thành; MD: không quyết định; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: tán thành; GA: tán thành.

Đề xuất "Hạ viện sẽ có nhiệm kỳ ba năm" được đưa ra xem xét.

Ngài RANDOLPH: Muốn gạch bỏ chữ "ba năm" và thay bằng "hai năm". Ông cho rằng nhiều cuộc bầu chọn nhiệm kỳ hằng năm là nguồn gốc nhiều sai trái lớn ở nhiều tiểu bang, nhưng đó là do thiếu vắng sự kiểm soát cẩn thiết chống lại sự can thiệp thái quá của công chúng. Nhưng nhiệm kỳ ba năm sẽ rất tai hại. Ông tán thành một nhiệm kỳ hằng năm hơn là hai năm, nhưng do lãnh thổ quá lớn của Hợp chúng quốc, nên những đại biểu từ những miền xa xôi nhất của đất nước khó có thể tập trung về trung tâm để hội họp. Dân chúng cảm thấy gằn gỏi và gấn bó với các cuộc bầu cử thường xuyên. Mọi bản Hiến pháp của các tiểu bang, ngoại trừ Nam Carolina, đều qui định các cuộc bầu cử thường niên.

Ngài DICKENSON: Ý tưởng về các cuộc bầu cử thường niên vay mượn từ thói quen tập quán xa xưa của nước Anh, một quốc gia nhỏ bé hơn đất nước của chúng ta rất nhiều. Ông nghĩ rằng việc bầu chọn hai năm một lần cũng là bất tiện và tán thành nhiệm kỳ ba năm để ngăn chặn những khó khăn của việc thay phiên toàn bộ các đại biểu vào cùng một thời điểm. Ông đề xuất sự quay vòng, một cuộc bầu cử thường niên cho 1/3 số Hạ nghị sĩ.

Ngài ELSEWORTH: Phản đối nhiệm kỳ ba năm. Ông cho rằng nhiệm kỳ một năm tốt hơn là hai năm. Dân chúng mong chờ và gấn bó với các cuộc bầu cử hằng năm vì điều đó sẽ thiết lập một Hạ viện an toàn hơn.

Ngài STRONG: Tán thành ý kiến này.

Ngài WILSON: Cho rằng Hạ viện thực chất là đại diện cho toàn thể dân chúng nên ủng hộ nhiệm kỳ một năm. Các cuộc bầu cử thường niên sẽ gần gũi với dân chúng và làm dân chúng hài lòng. Điều đó cũng chẳng bất tiện và khó khăn cho dân chúng các tiểu bang hơn các cuộc bầu cử ba năm. Bởi dân chúng ở tất cả mọi nơi đều có các cuộc bầu cử hằng năm để chọn ra Nghị viện tiểu bang, nên sẽ kết hợp luôn với việc bầu chọn người đại diện ở liên bang. Ông không nghĩ rằng Quốc hội Liên bang cần phải thường xuyên hội họp mà có thể chỉ cần 1/2 năm hoặc 1/4 năm là đủ.

Ngài MADISON: Cho rằng cuộc bầu cử hằng năm là vô cùng bất lợi và các cuộc bầu cử hai năm cũng vậy. Không phải bất lợi cho các cử tri mà cho những người đại diện. Họ khó có thể đi 7 hay 800 dặm từ những vùng xa xôi của đất nước và có thể không được hoàn trả chi phí này. Hơn nữa, không ai trong số những người muốn được bầu lại nghĩ rằng sự vắng mặt của họ tại Hạ viện không ảnh hưởng đến việc tái cử sau này. Các đại biểu của Quốc hội Hợp bang thường vắng mặt đã phải chịu nỗi thất vọng [không được tái cử]. Nhưng do cuộc bầu cử này sẽ do chính dân chúng tiến hành, những người rất khát khe với các ứng cử viên và thường rất nhạy cảm với sự có mặt của địch thủ, nên thường thì các đại biểu từ những tiểu bang xa xôi nhất đều phải đi đi, về về, khi các cuộc bầu cử diễn ra. Ngoài ra, các thành viên mới được bầu phải dành nhiều thời gian để tìm hiểu tình hình thực tế tại tiểu bang đó, bởi nếu không làm như vậy, họ sẽ không được dân chúng tin tưởng và bầu chọn.

Ngài SHERMAN: Tán thành cuộc bầu cử hằng năm hơn, nhưng cũng sẽ chấp nhận nhiệm kỳ hai năm. Ông nghĩ rằng các đại biểu sẽ phải trở về quê nhà để hòa đồng với dân chúng. Nếu muốn tiếp tục giữ ghế tại chính quyền, họ phải tiếp tục hiểu biết và gần gũi với quê hương họ.

Đại tá MASON: Các tiểu bang có vị trí địa lý rất khác biệt, nên cần một qui định phù hợp để họ trở nên tương đồng và bình đẳng tới mức có thể. Trong

các cuộc bầu cử thường niên, các tiểu bang miền Trung sẽ có lợi nhất so với các bang ở xa xôi nên ông muốn nhiệm kỳ hai năm. Cuộc bầu cử này nên xảy ra đồng thời với các cuộc bầu chọn định kỳ ở Nam Carolina cũng như các tiểu bang khác.

Đại tá HAMILTON: Ủng hộ nhiệm kỳ ba năm. Với nhiệm kỳ này, các đại biểu sẽ không quá phụ thuộc mà cũng không quá độc lập với tâm trạng của dân chúng. Viện Bình dân ở Anh được bầu với nhiệm kỳ bảy năm, nhưng tính dân chủ trong bản Hiến pháp vẫn không giảm đi. Các cuộc bầu cử quá thường xuyên sẽ làm cho dân chúng bớt quan tâm đến các đại biểu và làm cho các mưu mô xấu xa, bản thủ dễ thành công hơn. Những mưu đồ đó đều xuất hiện ở mọi tiểu bang. Vì thế, Virginia đã phải ban hành những qui định chặt chẽ để buộc dân chúng phải đi bầu cử.

Về vấn đề gạch bỏ chữ "ba năm" và thay bằng nhiệm kỳ "hai năm": MA: tán thành; CT đồng ý; NY: phản đối; NJ: chia rẽ; PA: tán thành; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: tán thành; GA: tán thành.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Tuy nhiên, sau này, khi tiến hành thảo luận chi tiết từng điều khoản của Hiến pháp, thì với sự điều chỉnh của các nhánh chính quyền khác, Hội nghị lại bỏ phiếu qui định nhiệm kỳ của Hạ viện là hai năm.

Tranh luận về nhiệm kỳ của Thượng nghị sĩ Ngày 26 tháng Sáu

Trong ngày 26 tháng Sáu, Hội nghị tiến hành xem xét thời hạn nhiệm kỳ của Thượng viện. Để một chính quyền trở nên vững vàng, tránh ban hành những đạo luật quá vội vàng, thì Thượng viện phải là một cơ quan bền vững và kiên định. Vì thế, vai trò của Thượng viện trong nền chính trị Mỹ là rất quan trọng. Các đại biểu đã phân tích rất kỹ lưỡng và chi tiết mọi khía cạnh về nhiệm kỳ của Thượng viện. Trong đó, những lập luận của Madison là rất sắc

sảo và chính xác, trong đó, ông tiếp tục lặp lại lập luận về mâu thuẫn giữa các tầng lớp trong xã hội. Ngoài ra, Ghorum và Wilson cũng có đóng góp lớn với đề xuất quay vòng bầu chọn 1/3 Thượng nghị sĩ nhằm tạo ra sự đối trọng ngay giữa những Thượng nghị sĩ với nhau.

Điều khoản qui định nhiệm kỳ của Thượng viện được đưa ra xem xét.

Ngài GHORUM: Đề xuất nhiệm kỳ sáu năm, cứ hai năm lại một lần bầu chọn lại 1/3 số đại biểu.

Ngài WILSON: Ủng hộ ý kiến này.

Tướng PINKNEY: Phản đối nhiệm kỳ sáu năm mà muốn có nhiệm kỳ bốn năm. Ông nói rằng các tiểu bang có những lợi ích khác nhau. Những bang miền Nam và đặc biệt là Nam Caroline rất khác so với các bang miền Bắc. Nếu các Thượng nghị sĩ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ quá lâu, họ sẽ sống tại tiểu bang, nơi họ thi hành phận sự của mình và chẳng còn mấy thời gian làm người đại diện cho tiểu bang đã bầu chọn họ.

Ngài READ: Đề xuất nhiệm kỳ chín năm. Điều này lại rất thuận lợi vì cứ ba năm lại quay vòng 1/3 đại biểu. Dù ông tán thành nhất là nhiệm kỳ "suốt đời nếu có tư cách tốt", nhưng chẳng mấy người ủng hộ ý định này. Vì thế, ông sẵn lòng tán thành nhiệm kỳ dài nhất tới mức có thể.

Ngài BROOME: Ủng hộ quan điểm này.

Ngài MADISON: Để phán quyết chọn nhiệm kỳ dài bao lâu, cần phải xem xét Thượng viện được lập ra nhằm mục đích gì. Thứ nhất, để bảo vệ dân chúng chống lại những người cai trị. Thứ hai, để bảo vệ dân chúng chống lại những tâm trạng và quan điểm nhất thời mà chính bản thân họ có thể rơi vào. Với kinh nghiệm từ các quốc gia khác trước đây, dân chúng sẽ suy nghĩ thận trọng về mô hình chính quyền nào sẽ bảo đảm tốt nhất hạnh phúc của họ, và hiểu rằng có những điều chỉnh ban đầu mang lại hạnh phúc cho cộng đồng,

nhưng sau này có thể phản bội niềm tin của họ. Để chống lại nguy cơ này, sự thận trọng cần thiết là phải phân chia sự phó thác của dân chúng vào các Viện khác nhau để các cơ quan này theo dõi và giám sát lẫn nhau. Nhờ đó, dân chúng sẽ được hưởng sự cai trị khôn ngoan trong mọi cơ quan của chính quyền. Mọi quyền lực dễ bị lạm dụng cần phải được tiến hành thông qua những người khác nhau, người này sẽ kiểm tra người kia.

Tiếp theo, một lúc nào đó, chính dân chúng cũng có thể mắc phải những nhầm lẫn nhất thời vì sự thiếu hụt các thông tin chính xác và cần thiết về lợi ích của họ. Cũng tương tự như vậy, những người đại diện được chọn lựa với một nhiệm kỳ ngắn để điều hành một số công việc chung cũng có thể mắc sai lầm. Nhận xét này cho thấy chính quyền phải được thiết lập sao cho ít nhất một nhánh chính quyền phải có cơ hội hiểu biết đầy đủ về mọi lợi ích của dân chúng. Một nhận xét khác là dân chúng và một số người đại diện cho họ đôi khi cũng mắc sai lầm vì những tình cảm và quan điểm không vững vàng. Một lá chắn cần thiết chống lại nguy cơ này là phải chọn ra được những công dân khôn ngoan, với một số lượng nhất định. Nhờ sự kiên định của mình, họ sẽ can thiệp và kiềm chế sự bốc đồng thái quá trong chính quyền. Cuối cùng, dân chúng cũng muốn mô hình chính quyền đảm bảo mọi lợi ích khác nhau của con người bởi đa số, vì lợi ích của mình, có thể đột nhiên chèn ép và gây bất công đối với thiểu số.

Trong mọi xã hội văn minh, tất yếu, dân chúng đều phân chia thành những tầng lớp khác nhau với những lợi ích, hoặc ủng hộ những lợi ích khác nhau. Có những con nợ và chủ nợ, những nông dân, nhà buôn và những người sản xuất. Đặc biệt là sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo. Một sự thật hiển nhiên đã được Ngài Pinkney nhận xét rằng sự khác biệt giữa chúng ta không mang tính cha truyền con nối về tầng lớp, nguồn gốc cho mọi xung đột trong các chính quyền cổ xưa, cũng như các nhà nước hiện đại của châu Âu. Chúng ta cũng không phải là những người vô cùng giàu có hay vô cùng nghèo hèn mà đó là đặc điểm chung của những quốc gia châu Âu. Nhưng

hiện nay, chúng ta cũng không phải là một xã hội đồng nhất, nơi mọi người có chung lợi ích và tâm trạng. Trong việc xây dựng một nhà nước mà chúng ta mong ước sẽ tồn tại mãi mãi, chúng ta không nên phớt lờ những thay đổi mà thời đại sẽ tạo ra. Dân số tất yếu sẽ phải tăng lên và số lượng những người nghèo khổ cũng sẽ tăng lên. Những người đó sẽ âm thầm khát khao sự bình đẳng hơn về hạnh phúc và tài sản. Có thể sẽ đến lúc nào đó, số người nghèo khổ sẽ rất đông đảo.

Căn cứ theo luật bỏ phiếu bình đẳng, quyền lực sẽ rơi vào tay những người nghèo này. Trên đất nước này chưa có những cuộc nổi dậy của nông dân, song những dấu hiệu về tư tưởng cào bằng như chúng ta đều biết, đôi khi đã xuất hiện tại một số vùng. Đó là những dấu hiệu cảnh báo về mối nguy hiểm trong tương lai. Vậy cần đề phòng và ngăn chặn nguy cơ này thế nào trên những nguyên tắc cộng hoà? Liệu mối nguy hiểm này trong mọi trường hợp xung đột lợi ích sẽ khiến lợi ích của thiểu số bị chà đạp, sẽ được ngăn chặn thế nào?

Một trong những biện pháp này là phải thiết lập một cơ quan trong chính quyền có đủ sự khôn ngoan và đức hạnh, để trợ giúp trong những trường hợp nguy cấp đó và cần phải trao cho cơ quan này một sức mạnh công lý vượt trội. Những mục đích đó của Thượng viện làm ông nghĩ rằng phải cho viện này một nhiệm kỳ dài đáng kể. Ông không cho rằng nhiệm kỳ chín năm lại gây ra bất cứ nguy hiểm nào. Để đáp ứng những mục đích ông đã nêu ra, ông cho là Thượng viện cần phải có một nhiệm kỳ dài, nhưng không phải là nhiệm kỳ suốt đời, để những kẻ có tư cách tầm thường không thể được tái cử.

Ông thấy rằng chúng ta nhất thiết phải suy nghĩ kỹ càng về mô hình chính quyền mà trong quá trình vận hành, nó sẽ quyết định số phận của một Nhà nước Cộng hòa, nên chúng ta không chỉ thiết lập những bảo đảm cần thiết để duy trì tự do mà còn phải đặc biệt cẩn trọng thiết lập các biện pháp cần thiết

để kiểm soát sự tự do, điều mà kinh nghiệm đã chỉ cho chúng ta thấy.

Ngài SHERMAN: Chính quyền được lập ra cho những người sống trong đó. Vì thế, nó phải được thiết lập để đảm bảo tự do của họ. Nếu có một chính quyền tồi tệ, thì nó càng kéo dài sẽ càng gây tai hại. Do vậy, những cuộc bầu cử thường xuyên với nhiệm kỳ ngắn là cần thiết để duy trì và đảm bảo tư cách đạo đức tốt của những người cai trị. Họ cũng muốn duy trì sự tồn tại lâu dài của chính quyền này bằng cách giữ tư cách đạo đức tốt, bởi việc này sẽ đảm bảo họ được tái cử.

Tại Connecticut, các cuộc bầu cử tiến hành rất thường xuyên, nhưng cực kỳ ổn định và thống nhất, cho đến giờ đã kéo dài hơn 130 năm. Ông cũng mong ước điều khoản đảm bảo sự ổn định và khôn ngoan của chính quyền này sẽ được Hội nghị chấp nhận. Bốn hay sáu năm đều phù hợp và vì vậy, ông sẽ đồng ý với bất kỳ nhiệm kỳ nào.

Ngài READ: Muốn các bang nhỏ xem xét kỹ lợi ích của chính mình bởi những khác biệt giữa các tiểu bang là rất lớn. Thượng nghị viện cần phải được thiết lập để đại diện cho ý chí và quan điểm của toàn thể công dân.

Ngài HAMILTON: Không muốn đi sâu vào từng chi tiết cụ thể của vấn đề này. Ông đồng ý với Ngài Madison khi cho rằng bây giờ là lúc chúng ta phải quyết định số phận của chính quyền cộng hòa. Nếu chúng ta không thiết lập một chính quyền ổn định và khôn ngoan, nó sẽ sớm suy đồi và tự biến mất khỏi chúng ta, mãi mãi suy đồi và biến mất khỏi loài người. Bản thân ông không tán thành Nhà nước Cộng hòa, nhưng muốn trình bày những nhận xét của ông cho những người ủng hộ mô hình đó, để họ biện minh và ủng hộ chính quyền này tới mức có thể. Ông cũng là người đấu tranh cho tự do như bất kỳ quý ngài nào khác và tin rằng ông sẵn lòng hy sinh vì tự do, dù ông không đồng tình với mô hình có thể là hợp lý nhất này.

Ông cũng đồng ý với các ý kiến chung của Ngài Madison về vấn đề này và

nhiều quý ngài khác sẽ tán thành điều đó. Một sự thật hiển nhiên là không thể tồn tại sự bình đẳng về tài sản. Sự bất bình đẳng này sẽ còn tồn tại cho tới khi còn có tự do, bởi đó là kết quả tất yếu từ chính bản thân sự tự do. Sự bất bình đẳng về sở hữu tài sản là sự khác biệt cơ bản và lớn lao nhất trong xã hội. Khi quyền lực của Quan hộ dân ở La Mã làm cân bằng ranh giới giữa tầng lớp quý tộc và bình dân, thì điều gì sẽ xảy ra? Khi đó, sẽ xuất hiện sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo .

... Việc điều hành tiểu bang Connecticut rất đơn giản vì chỉ liên quan đến các công việc vặt vãnh. Mới đây, chính quyền Connecticut đã hoàn toàn nhượng bộ dân chúng và trên thực tế đã hoãn lại mọi hoạt động bình thường nhằm ngăn chặn những rối loạn xảy ra ở khắp tiểu bang. Ông chất vấn Ngài Sherman: liệu tiểu bang này, hiện nay, có dám đánh và thu thuế của dân chúng không? Chính vì những lý do đó, nên các cuộc bầu cử dù tiến hành thường xuyên thì tiểu bang này vẫn ổn định.

Ngài GERRY: Muốn mọi người thống nhất ý kiến về một chính quyền bền vững. Tất cả mọi người đều có chung mục đích nhưng khác biệt lớn về các biện pháp thi hành. Ông nghĩ rằng cần cẩn thận xem xét một trường hợp. Chỉ có khoảng 1/1000 những đồng bào của chúng ta không chống lại xu hướng thiết lập nền quân chủ. Vậy liệu dân chúng có chấp thuận một mô hình theo hướng quân chủ không? Hội nghị này cần đặc biệt cẩn trọng khi gửi bất cứ thông tin nào cho dân chúng. Bất cứ kế hoạch nào được đề xuất tại đây, được nhiều đại biểu đáng kính hoan nghênh, tất yếu, kế hoạch đó cũng sẽ được dân chúng chấp thuận. Nhưng nếu một kế hoạch gây ra chống đối căng thẳng, có thể dễ dàng nhận thấy rằng sự bất bình và rối loạn tất yếu sẽ xảy ra.

Thậm chí, chúng ta sẽ trở thành con mồi cho các thế lực ngoại bang. Ông không phản đối quan điểm của Ngài Madison cho rằng đa số sẽ vi phạm công lý khi họ có chung lợi ích để làm việc đó. Nhưng ông không nghĩ rằng

mối nguy cơ đó lại có thể xảy ra trên đất nước này. Hoàn cảnh và tình trạng của chúng ta rất khác biệt với nước Anh. Một lãnh thổ vô cùng rộng lớn, chia thành nhiều vùng đất định cư, sẽ còn kéo dài tình trạng khác biệt. Bất chấp một số dấu hiệu bất bình đã xuất hiện trong nhiều cộng đồng thì chúng không lớn quá mức đến nỗi dập tắt mọi hy vọng của chúng ta trong việc thiết lập một chính quyền mới, công bằng và khôn ngoan. Ông cũng cho rằng những cuộc bầu cử quá thường xuyên sẽ phát sinh nhiều sai trái và tội lỗi, nên đồng ý trao cho Thượng viện nhiệm kỳ bốn hoặc năm năm. Một nhiệm kỳ dài hơn có thể sẽ không được chấp nhận. Dân chúng sẽ không bao giờ phê chuẩn mô hình đó.

Ngài WILSON: Không muốn nhắc lại những điều mà các quý ngài khác đã trình bày, song chỉ muốn nói đến những điều chưa được đề cập ở đây. Mọi quốc gia cần được xem xét trong hai mối quan hệ:

1. Với chính những công dân của mình.
2. Với các quốc gia khác.

Do đó, một quốc gia không chỉ có nguy cơ rơi vào sự độc tài hay vô chính phủ mà còn phải tránh chiến tranh và giành được những Hiệp ước với ngoại quốc. Do vậy, Thượng viện phải là nơi nắm giữ những quyền lực liên quan đến vấn đề đối ngoại. Vì thế, cơ quan này phải được kính trọng trong con mắt của các quốc gia nước ngoài. Lý do thực sự cho việc nước Anh không muốn ký một Hiệp ước thương mại với chúng ta như hiện nay là bởi vì họ không tin vào sự ổn định và hiệu quả của chính quyền chúng ta. Nhiệm kỳ chín năm, sẽ đảm bảo những yêu cầu ổn định đó và sẽ làm cho chính quyền chúng ta có được lợi thế này của nền quân chủ. Trong một nền quân chủ, rất nhiều điều tùy thuộc vào tính khí của một ông vua. Nhưng trong một Thượng viện gồm nhiều đại biểu, tính cách cá nhân sẽ bị mất đi. Còn một điều khác nữa. Sự chống đối của dân chúng đối với việc bổ nhiệm bất cứ cơ quan nào có nhiệm kỳ dài như vậy là vì cơ quan này có thể dần dần chiếm

quyền để có nhiệm kỳ suốt đời, và rồi sẽ trở thành một thứ cha truyền, con nối. Một giải pháp thích hợp cho vấn đề này là cứ 3 năm sẽ bầu lại 1/3 Thượng viện. Như vậy, sẽ luôn luôn có ba nhóm đại biểu, giữ chức vụ của mình với các nhiệm kỳ khác nhau, sẽ hành động với những quan điểm và tâm trạng khác nhau.

Về vấn đề chín năm, cứ ba năm lại bầu lại 1/3:

MA: phản đối; CT phản đối; NY: phản đối; NJ: phản đối; PA: tán thành; DE: tán thành; MD: phản đối; VA: tán thành; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (8 bang phản đối, 3 bang tán thành)

Về vấn đề nhiệm kỳ sáu năm, cứ hai năm bầu lại 1/3:

MA: tán thành; CT: tán thành; NY: phản đối; NJ: phản đối; PA: tán thành; DE: tán thành; MD: tán thành; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: phản đối; GA: phản đối. (7 bang tán thành, 3 bang phản đối).

Tranh luận về sự bình đẳng của các tiểu bang tại Quốc hội Từ ngày 28 tháng Sáu đến ngày 2 tháng Bảy

Quyền đại diện là vấn đề rất nan giải trong quá trình thảo luận bởi mẫu thuẫn quá lớn giữa các bang lớn và nhỏ. Đây là điểm gây bất đồng lớn nhất và là cuộc tranh luận căng thẳng nhất tại Hội nghị. Trong khi các bang lớn khẳng định đòi đại diện theo dân số, thì các bang nhỏ lại đòi sự bình đẳng. Hội nghị Lập hiến đã thảo luận về vấn đề quyền đại diện từ ngày 27 tháng Sáu đến tận ngày 2 tháng Bảy, nhưng cũng chưa dứt điểm hoàn toàn. Vì sự bất đồng này mà Hội nghị gần như đứng trước ngưỡng cửa tan rã, buộc các đại biểu phải đề xuất một Ủy ban hòa giải. Nhận thấy những cuộc tranh luận này rất quan trọng trong Hội nghị Lập hiến, nên tôi chọn giới thiệu khá đầy đủ, dù không phải toàn bộ.

Ngày 28 tháng Sáu: Điều khoản thứ 6 "quyền bỏ phiếu tại Hạ viện sẽ căn cứ

vào số dân" được đưa ra thảo luận.

Ngài L. MARTIN: Lại tiếp tục bài phát biểu đang bỏ dở hôm qua, kiên quyết khẳng định rằng chính quyền liên bang được hình thành là vì các tiểu bang, chứ không phải vì cá nhân dân chúng. Vì thế, nếu các tiểu bang đại diện theo tỷ lệ dân số, thì dù những đại biểu này được cơ quan lập pháp tiểu bang hay dân chúng bầu chọn, cũng chẳng khác gì nhau. Các bang nhỏ sẽ bị nô lệ hóa và phụ thuộc vào các bang lớn. Nếu các bang lớn có cùng lợi ích như các bang nhỏ, việc cho mọi tiểu bang quyền bỏ phiếu bình đẳng sẽ chẳng gây mỗi nguy hiểm nào. Họ sẽ không làm tổn hại bản thân mình và nếu không làm hại chính mình, thì cũng không làm hại các bang lớn. Nhưng nếu những lợi ích đó trái ngược nhau thì sự bất bình đẳng về quyền bỏ phiếu sẽ gây nguy hiểm cho các bang nhỏ.

Như vậy, việc đề xuất bất cứ kế hoạch nào xúc phạm các bang nhỏ đều vô ích, vì chắc chắn viên chức chính quyền các bang nhỏ sẽ sử dụng ảnh hưởng của mình để ngăn cản dân chúng chấp thuận mô hình này. Hiện nay, các bang lớn, nhưng quyền bỏ phiếu lại không tương xứng với qui mô to lớn của mình, chỉ có cách chèn ép các bang nhỏ nhờ sức mạnh trong lá phiếu của họ. Nếu Liên minh giải tán thì các bang nhỏ chẳng có gì phải e sợ sức mạnh của các bang lớn. Nếu ba bang lớn nhất liên minh với nhau thì 10 bang nhỏ còn lại cũng sẽ làm như vậy. Ông thà ủng hộ mô hình nhiều hợp bang nhỏ, còn hơn tán thành một Nhà nước Liên bang bỏ phiếu theo số dân như thế này.

Ngài LANSING và Ngài DAYTON: Đề nghị viết rằng: "quyền bỏ phiếu tại Hạ viện sẽ căn cứ vào qui định đã được Các điều khoản Hợp bang thiết lập".

Ngài DAYTON: Lo ngại rằng vấn đề này sẽ không thể giải quyết cho tới tận ngày mai.

Ngài WILLIAMSON: Nghĩ rằng nếu chính trị giống như toán học, thì sẽ

chia lại các tiểu bang thành những lãnh thổ bằng nhau để họ sẽ có quyền hạn như nhau. Ông không thể hình dung được các bang nhỏ sẽ bị thiệt hại thế nào nếu qui định quyền bầu cử theo số dân. Mọi đại biểu cần nỗ lực hết sức để tìm giải pháp cho vấn đề này. Nếu các bang nhỏ giành được đa số phiếu, họ đều muốn chất mọi gánh nặng nợ nần trên đôi vai của họ sang đôi vai của những bang lớn. Các đại biểu nên nhớ rằng rồi đây sẽ có thêm những tiểu bang mới ở miền Tây gia nhập liên minh. Đó sẽ là những bang nhỏ và là những bang nghèo. Họ sẽ không thể thanh toán các khoản thuế đóng góp theo qui mô dân số được. Khoảng cách xa xôi của họ với thị trường làm cho hàng hóa của họ trở nên rẻ mạt. Do vậy, họ sẽ kết hợp lại với nhau đặt ra những khoản thuế thương mại và các khoản chi phí lớn nhất lên vai các tiểu bang cũ.

Ngài MADISON: Sẵn sàng tán thành bất cứ giải pháp nào không đi ngược lại những nguyên tắc cơ bản [các nguyên tắc cộng hòa và dân chủ-ND], nhưng giải quyết được mọi trở ngại về quyền đại diện. Nhưng ông không tin việc đòi hỏi quyền đại diện bình đẳng đó là công bằng và cũng chẳng phải vì sự cần thiết đảm bảo an toàn cho các bang nhỏ chống lại các bang lớn. Bản thân các Ngài Breerly và Paterson cũng thừa nhận rằng đòi hỏi đó là không công bằng. Sự nguy hiểm rút ra từ sự bình đẳng của các chủ quyền tiểu bang trong việc hình thành những thỏa ước là việc nhằm lẫn giữa những Hiệp ước, qui định bốn phần của các bên phải thực hiện với một thỏa thuận thiết lập uy quyền tối cao cho tất cả các bên để ban hành luật lệ cho họ.

Nếu Pháp, Tây Ban Nha và Anh ký kết một hiệp định thương mại với Công quốc Monaco, hay với những vương quốc nhỏ nhất ở châu Âu, họ sẽ không do dự đối xử bình đẳng với các vương quốc này. Nhưng việc thiết lập những hội đồng gồm những đại biểu để thu thuế, phát hành tiền, thiết lập quân đội, qui định giá trị của tiền bạc... có thể làm như vậy không? Liệu 30 hay 40 triệu người sẽ trao nộp tài sản của họ vào tay của vài ngàn người chăng? Nếu họ làm như vậy là vì họ tin vào sức mạnh và uy quyền vượt trội của mình [so

với các tiểu quốc bé nhỏ kia], chứ không phải do nỗi sợ hãi tính ích kỷ và háms lợi của những người đồng bào muốn cướp đoạt tài sản của họ.

Tại sao các quận của cùng một tiểu bang lại đại diện theo qui mô dân số? Liệu có phải vì những người đại diện này là được bầu chọn trực tiếp từ dân chúng chăng? Vậy thì việc đại diện tại cơ quan lập pháp liên bang cũng phải như vậy, vì các bang lớn phải gánh chịu nhiều đóng góp hơn các bang nhỏ.

...

Không cần thiết phải có những đảm bảo cho các bang nhỏ chống lại các bang lớn. Liệu các bang lớn sẽ hợp sức với nhau như các Ngài lo sợ chăng? Động cơ hợp tác của các bang lớn như Virginia, Massachusetts và Pennsylvania là phải có một lợi ích chung khác với lợi ích của các bang nhỏ khác, hay lợi ích đó chỉ thuần túy xuất phát từ sự tương đồng về lãnh thổ rộng lớn? Liệu có bất kỳ lợi ích chung nào tồn tại giữa các bang lớn không? Về vị trí, họ không thể khác biệt nhau hơn được nữa. Về cách sống và phong tục tập quán, tôn giáo và các yếu tố khác, đôi khi sinh ra sự tương hợp và tình cảm giữa những cộng đồng khác nhau, nhưng các bang lớn này cũng chẳng giống nhau hơn các bang nhỏ khác.

Về các hàng hóa sản xuất trong liên minh, thì ba tiểu bang này cũng khác nhau như bất cứ ba tiểu bang nào khác. Hàng hóa của Massachusetts là cá, của Pennsylvania là bột mì, của Virginia là thuốc lá. Liệu các bang lớn sẽ kết hợp với nhau như thế nào từ hoàn cảnh này? Kinh nghiệm cho thấy không có mối nguy hiểm nào như vậy cả. Các ghi chép của Quốc hội Hợp bang chứng tỏ rằng chưa bao giờ, ba tiểu bang này hợp tác bỏ phiếu riêng rẽ về cùng một vấn đề. Các quận khác nhau của cùng một tiểu bang, tương đồng về qui mô, nhưng khác nhau về điều kiện địa lý và sản xuất, cũng chưa bao giờ đi theo hướng kết hợp như vậy.

Thực tiễn đã dạy một bài học ngược lại. Những cá nhân xuất chúng và có

quyền thế trong xã hội thường đối địch và hiềm khích hơn là liên minh với nhau. Lịch sử các quốc gia độc lập, ưu việt hơn các nước láng giềng, cũng khẳng định nhận xét này. Carthage và La Mã đánh nhau để rồi Carthage bị chia cắt thành những mảnh nhỏ, chứ không thống nhất sức mạnh để ăn sống, nuốt tươi những quốc gia yếu hơn. Nghị viện Áo và Pháp nuôi mối thù địch trong suốt thời gian họ là những cường quốc ở châu Âu. Sau đó, Anh và Pháp trở thành cường quốc và cũng thù địch nhau. Nền độc lập và tự do của chúng ta giành được chính là nhờ sự đối địch này. Một liên minh giữa các cường quốc đó sẽ thực sự là mối hiểm họa chí tử đối với chúng ta.

Trong những thành viên chủ chốt của các Hợp bang cổ xưa và hiện đại, chúng ta cũng tìm thấy cùng hiện tượng và cùng động cơ đó. Sự tranh chấp chứ không phải đoàn kết giữa Sparta, Athens và Thebes, là mối tai họa cho các thành bang nhỏ hơn trong Liên minh Amphyctionic. Sự tranh chấp chứ không phải hợp tác giữa Phổ và Áo đã tàn phá Đế chế Đức. Liệu các bang lớn, nếu tồn tại riêng rẽ, có nguy hiểm đối với các nước láng giềng nhỏ bé không? Về giả thiết này, các nước nhỏ chắc hẳn phải mong ước một chính quyền chung đối xử với họ bình đẳng như các nước lớn.

Thế chế càng lỏng lẻo thì các nước lớn càng tự do chèn ép và áp đặt các nước nhỏ bằng ưu thế quân đội của mình. Về điểm này, kinh nghiệm lại là con đường chỉ dẫn cho chúng ta. Đây là tình thế của kẻ yếu so với kẻ mạnh trong những giai đoạn văn minh của loài người, nơi chính quyền không thể kiểm soát hiệu quả những bạo lực cá nhân? Giai đoạn Heroic của thế giới Hy Lạp cổ đại, thời kỳ phong kiến trung cổ lộn xộn ở châu Âu, tình trạng mạn rợ của dân Da Đỏ đang tồn tại ở nước Mỹ, đã trả lời câu hỏi này. Đây là vị thế của những quốc gia nhỏ trong một liên minh vĩ đại của các quốc gia độc lập, nơi những kẻ mạnh chẳng chịu sự kiểm soát nào ngoài những qui định mang tính hình thức của luật pháp giữa các quốc gia? Rõ ràng là những nước càng yếu sẽ càng phải chịu nhiều nguy hiểm. Nhưng vẫn còn nhiều ví dụ về điểm này. Đây là vị thế của những kẻ yếu hơn trong Liên minh Amphyctionic của nhà nước Hy Lạp cổ đại?

Plutarch trong câu chuyện về cuộc đời của Themistocles đã kể cho chúng ta nghe điều thường xảy ra là các thành phố mạnh nhất tấn công và làm các thành phố nhỏ kinh sợ và việc xét xử chỉ ưu đãi những kẻ mạnh. Đây là vị thế của các nước nhỏ trong Hợp bang Đức? Chúng ta đều biết họ giẫm đạp và chèn ép nhau quá mức, và họ chỉ an toàn nếu tấn công nhau.

Một số tiểu quốc phải chấp nhận chịu sự sai khiến và chèn ép từ các tiểu quốc láng giềng mạnh hơn. Một số khác lại tìm cách liên minh với các quốc gia khác. Một quốc gia sẽ thế nào, nếu tham gia một liên minh lỏng lẻo như Liên minh Hà Lan? Vương quốc Hà Lan chiếm khoảng một nửa dân số, đóng góp khoảng một nửa số tiền bạc và nhờ ảnh hưởng của mình, gián tiếp điều hành toàn bộ hoạt động của Liên minh Hà Lan.

Tóm lại, chúng ta chỉ có hai thái cực phải chọn lựa, một là một sự tách biệt hoàn toàn và hai là sự hợp tác hoàn toàn của 13 tiểu bang. Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta sẽ trở thành các quốc gia độc lập chẳng tuân theo luật nào ngoài các đạo luật giữa các quốc gia với nhau. Thứ hai, và là giải pháp cuối

cùng, chúng ta chỉ là những quận, huyện của một Nhà nước Cộng hòa duy nhất, cùng chịu một pháp luật chung. Trong trường hợp thứ nhất, các bang nhỏ phải sợ mọi điều từ các bang lớn. Trong trường hợp sau, họ chẳng có gì phải lo ngại cả.

Vì thế, giải pháp thực sự của các bang nhỏ là thúc đẩy những nguyên lý này để hình thành một chính quyền phù hợp nhất đối với các bang. Hơn nữa, nếu chính quyền trung ương yếu kém, các bang nhỏ sẽ mất niềm tin vào sự tồn tại của liên bang và biết rằng vai trò, tầm quan trọng và sự an toàn của mình đều tùy thuộc vào qui mô và sức mạnh của chính họ. Vì thế, họ sẽ chẳng bao giờ chấp nhận sự giải tán. Bằng việc trao cho chính quyền trung ương những quyền hạn cần thiết và lâu dài, các Ngài sẽ loại bỏ nguy cơ này. Mong ước của các bang nhỏ hiện nay là sự chia rẽ của các bang lớn và sự hợp nhất của các bang nhỏ dần dần sẽ xảy ra, nhưng thời điểm mang lại sự bình đẳng giữa các tiểu bang có thể sẽ không bao giờ đạt được.

...

Ngài SHERMAN: Vấn đề không phải là con người có những quyền tự nhiên nào mà là những quyền đó được xã hội bảo đảm như thế nào. Nếu một số người chấp nhận trao nộp một số quyền nhiều hơn những người khác để đạt được mục đích thì không cần phải tranh cãi làm gì.

Nhưng nếu tất cả mọi người đều đòi sự bình đẳng, thì chắc chắn sẽ gây nguy hiểm cho quyền của một số người. Người giàu cũng tham gia vào xã hội cùng với người nghèo, nhưng họ phải trao nộp nhiều hơn người nghèo dù với một lá phiếu bình đẳng, người giàu vẫn được an toàn. Nhưng nếu người giàu lại có nhiều lá phiếu hơn người nghèo, căn cứ vào tài sản của mình, thì ngay lập tức, số phận và quyền lợi của người nghèo sẽ bị nguy hiểm. Đó là quan điểm chủ đạo để hình thành nên Các điều khoản Hợp bang.

Khi cuộc tranh luận về vấn đề đại diện trở nên rất căng thẳng mà không đi

đến sự nhất trí nào, Hội nghị dường như đứng trước thế bế tắc và tan vỡ. Franklin, người đại biểu cao tuổi nhất, nhà học giả uyên thâm nhất nước Mỹ, đã viết một bức thư dài với phong cách rất đặc trưng của ông, bằng những lời lẽ triết lý cao xa, viện dẫn đến Thượng đế để soi sáng cho quá trình thảo luận. Ông viết:

Thưa Ngài Chủ tịch Hội nghị,

Trong suốt bốn, năm tuần qua, những gì chúng ta thu được là rất ít ỏi. Chúng ta tiếp tục tranh cãi và hầu như bất đồng ý kiến về mọi vấn đề. Số người tán thành những vấn đề vừa đưa ra cũng bằng số người chống lại. Đó là minh chứng xác đáng rằng trí thông minh của con người không thể hoàn hảo. Chúng ta đều thấy bản thân mình thiếu khôn ngoan và thiếu kiến thức chính trị, bởi chúng ta đang lần mò tìm kiếm nó. Chúng ta đã lần trở lại lịch sử của những mô hình chính quyền cổ xưa, rồi khảo sát mô hình các Nhà nước Cộng hòa, nhưng ngay khi vừa được thiết lập đã chứa đựng trong lòng những mầm mống của sự tan rã. Rồi chúng ta lại xem xét mọi nhà nước hiện đại ở châu Âu, nhưng chẳng thấy mô hình nào phù hợp với hoàn cảnh của chúng ta.

Tình trạng hiện nay của Hội nghị là dò dẫm trong bóng tối để kiếm tìm chân lý chính trị, nhưng hầu như không đủ khả năng nhận ra nó. Thưa các Ngài, tại sao từ trước tới nay, chúng ta không nghĩ tới việc thành kính cầu khẩn Thượng đế soi sáng cho chúng ta? Vào buổi đầu của cuộc chiến tranh với người Anh, khi chúng ta lo lắng về những hiểm nguy, hàng ngày, trong căn phòng này, chúng ta đều cầu nguyện Thượng đế phù hộ cho chúng ta. Những lời cầu nguyện của chúng ta đã được Thượng đế nghe thấy và rồi chúng ta được ban ơn.

Chính nhờ sự ban ơn của Thượng đế mà hôm nay, chúng ta mới có cơ hội gặp nhau trong cảnh thanh bình để tìm kiếm những biện pháp thiết lập một chính quyền, để mang lại hạnh phúc cho tương lai và con cháu chúng ta.

Chẳng lẽ bây giờ, chúng ta lại lãng quên Thượng đế hay sao? Hay chúng ta không cần đến sự cứu giúp của Thượng đế nữa?

Thưa các Ngài, tôi đã sống đủ lâu và càng ngày tôi càng tin vào sự thật rằng Thượng đế cai quản mọi hoạt động của con người. Nếu một con chim sẽ không rơi xuống đất nếu không có ý muốn của Thượng đế thì một đế chế không thể vững mạnh nếu không được Người cứu giúp.

Tôi tin rằng nếu không có sự phù hộ của Thượng đế thì việc chúng ta xây dựng một ngôi nhà chính trị chẳng khác gì những người xây dựng tháp Babel. Chúng ta sẽ chia rẽ bởi những lợi ích địa phương nhỏ mọn. Kế hoạch của chúng ta hỗn loạn, còn bản thân chúng ta sẽ bị những thế hệ mai sau khinh thường. Rồi còn gì tồi tệ hơn được nữa? Kể từ đây, loài người sẽ bất hạnh và tuyệt vọng vì không thể thiết lập được một chính quyền bằng chính sự khôn ngoan và kiến thức của loài người mà buộc phải phó mặc cho sự may rủi, cho chiến tranh và cho bạo lực.

Chính vì những lý do đó, tôi cầu xin rằng từ giờ trở đi, chúng ta hãy cầu nguyện Thượng đế ban phước lành cho chúng ta, ban phước lành cho những cuộc thảo luận của chúng ta. Vào mỗi buổi sáng, tại căn phòng này, sẽ có một hay nhiều vị mục sư của thành phố tới cầu nguyện...

Ngài SHERMAN: Tán thành ý kiến này.

Ngài HAMILTON và nhiều đại biểu khác lo sợ rằng lẽ ra điều này cần bắt đầu ngay khi Hội nghị khai mạc, còn bây giờ đã quá muộn. Nếu bây giờ tiến hành thì thứ nhất, sẽ gây ra những lời chỉ trích và thứ hai, sẽ làm cho dân chúng nghĩ rằng Hội nghị đang bế tắc và bất đồng nên mới phải tiến hành cầu nguyện...

Ngài WILLIAMSON: Chúng ta không nên nhàm lẩn về nguyên nhân thực sự của tình trạng bế tắc này. Hơn nữa, Hội nghị không có tiền đề thuê mục

sự tới cầu nguyện.

...

Ngày 29 tháng Sáu:

Ngài JOHNSON: Sự tranh cãi sẽ không bao giờ chấm dứt khi các quý ngài khác nhau về nền tảng tranh luận. Một mặt, nhiều người coi các tiểu bang như các quận cấu thành nên một xã hội chính trị, nhưng nhiều người khác coi đó như những xã hội chính trị độc lập. Sự thật là các tiểu bang không thể tồn tại như những xã hội chính trị độc lập và một chính quyền cần phải được thiết lập căn cứ vào năng lực chính trị của họ, cũng như bởi các cá nhân cấu thành nên các xã hội đó. Nếu các tiểu bang muốn tự tồn tại thì cần phải tìm kiếm sức mạnh nào đó để tự bảo vệ mình. Ý tưởng của Đại tá Mason đã đề cập cội rễ của vấn đề này. Ngoài việc các tầng lớp quý tộc và các tầng lớp khác chính là biện pháp tự bảo vệ mình, các tiểu bang còn có lợi ích của riêng mình và đó cũng là một biện pháp để tự vệ. Trong một số khía cạnh, các tiểu bang có thể được đánh giá bằng năng lực chính trị, còn ở một số khía cạnh khác, có thể coi họ như tập hợp những cộng đồng dân cư. Hai ý tưởng này gắn bó với hai mặt khác nhau chứ không chống đối nhau. Vì thế, chúng cần phải được kết hợp để một viện sẽ đại diện theo qui mô dân số, còn một viện sẽ đại diện theo tiểu bang.

Ngài GHORUM: Các tiểu bang trong Hợp bang hiện nay, hiển nhiên có quyền từ chối gia nhập một liên minh vững chắc, hay có quyền từ chối tham gia bất cứ hệ thống mới nào. Nhưng ông muốn các bang nhỏ, những bang phản đối mạnh mẽ nhất, xem xét lại điều gì nên từ bỏ, chính họ hay những bang lớn. Sự tan vỡ của liên minh chắc chắn mang lại sự bất hạnh cho tất cả các bang và các bang lớn chắc chắn cũng không thể tự lo liệu cho mình mà phải hợp tác với các bang khác.

Do vậy, những bang nhỏ rất quan tâm đến việc thiết lập một hệ thống chung

để duy trì trật tự. Cũng như trong một tập hợp những cá nhân gồm những người yếu và người mạnh, thì người yếu là người cần sự bảo vệ của luật pháp và chính quyền nhất, điều này cũng giống như với các bang nhỏ và bang lớn. Điều gì sẽ xảy ra cho Delaware nếu liên minh tan rã? Liệu tiểu bang này có dám phó mặc hoàn toàn số phận mình trong tay Pennsylvania không? Tiểu bang này không thể tìm thấy sự an toàn và thịnh vượng cho mình trong một liên minh với Pennsylvania, vì điều này sẽ làm Pennsylvania giành mọi quyền lực đè chèn ép Delaware.

Để tránh mọi sự nguy hiểm, không gì tốt đẹp bằng việc hình thành một quốc gia chung. Ban đầu, tiểu bang Massachusetts là sự kết hợp của ba thuộc địa: vùng đất Massachusetts cổ ngày xưa, tỉnh Plymouth và tỉnh Mayne. Vì nhận thức được những mối nguy hiểm đó, nên sự hợp tác tất yếu sẽ xảy ra. Mọi vùng đất đều an toàn và hài lòng và đến nay, mọi sự khác biệt đều bị quên lãng. Điều này cũng giống như Connecticut và New Haven. Sự kết hợp trong một quốc gia sẽ mang lại nhiều điều tốt lành và làm mọi bên tham gia hài lòng.

Cũng như vậy, tiểu bang New Jersey được thành lập từ hai xã hội khác biệt. Nếu liên minh các tiểu bang tan rã, số phận của New Jersey sẽ tồi tệ nhất vì bang này không hề có nền thương mại với nước ngoài. Pennsylvania và New York sẽ tiếp tục áp đặt mức thuế lên các hàng hóa nhập vào lãnh thổ của mình. Về tổng thể, ông tin rằng liên minh các tiểu bang là cần thiết để đảm bảo hạnh phúc của dân chúng và một chính quyền liên bang mạnh là cần thiết cho liên minh này.

Ngài ELSWORTH: Không thất vọng về sự bế tắc đang diễn ra. Ông vẫn tin rằng Hội nghị sẽ tìm được một mô hình chính quyền tốt đẹp và mô hình này sẽ được chấp thuận.

Ngài READ: Không phản đối nếu đó là một chính quyền quốc gia, nhưng mô hình này pha trộn quá nhiều đặc điểm liên bang. Các bang nhỏ không có

gì phải lo sợ cả. Chính các bang lớn nhận thức được sự cần thiết của sức mạnh nên mới mong ước có một chính quyền trung ương, đáp ứng được những điều họ cần. Massachusetts đang thể hiện những điểm yếu của mình và ông tin rằng Delaware không gì đáng phải lo sợ cả. Delaware đang được hưởng sự thanh bình và điều này vẫn được tiếp tục bảo đảm. Ông không ích kỷ đến mức không muốn một chính quyền chung, nhưng để đạt được chính quyền chung ấy, các tiểu bang cần phải hợp tác. Nếu họ không làm như vậy, đại diện các bang lớn sẽ hợp sức với nhau trong tất cả mọi việc để chọn ra nhánh hành pháp và sẽ phản bội lại mọi điều đã cam kết. Sự ghen tị và hiềm khích là không tránh khỏi nếu các tiểu bang vẫn tiếp tục tồn tại riêng rẽ. Chúng cần phải được dẹp bỏ. Các vùng đất chưa được ban cấp đang bị một số tiểu bang chiếm đoạt cần phải được trao nộp cho chính quyền trung ương. Ông tán thành kế hoạch của Ngài Hamilton và muốn mô hình đó sẽ được thảo luận thay thế mô hình hiện nay.

Ngài MADISON: Đồng ý với Bác sĩ Johnson rằng cần phải lưu ý đến bản chất pha trộn của chính quyền, nhưng có quá nhiều phản đối nếu coi tiểu bang như là những xã hội chính trị. Những hợp tác nhỏ nhất, với phạm vi hạn chế nhất, dần dần sẽ trở thành sự hợp tác của toàn thể để chế với đầy đủ các quyền hạn. Ông chỉ ra những giới hạn về chủ quyền của các tiểu bang, như việc các đạo luật của họ hiện nay chỉ là phụ trợ cho những bộ luật tối thượng của quốc gia, tương tự như các luật thứ yếu của địa phương với Hiến pháp tiểu bang họ. Theo mô hình chính quyền đề xuất, quyền lực của các tiểu bang sẽ phải bớt giảm nhiều. Theo quan điểm của các đại biểu, chính quyền trung ương cần có thẩm quyền lớn hơn cả quyền hạn của Nghị viện Anh, trong khi các tiểu bang vẫn chỉ là các thuộc địa của Đế chế Anh. Đặc biệt là không cần sự chấp thuận của các chính quyền tiểu bang nhưng chính quyền trung ương vẫn có thẩm quyền áp đặt thuế khóa trực tiếp lên dân chúng các tiểu bang.

Do vậy, mọi bất bình đẳng từng gây ra mọi sai trái và tội lỗi dưới chính thể

đại diện bất công của nước Anh sẽ bị xóa bỏ và một xã hội bình đẳng sẽ được thiết lập.

Ông khẩn khoản nài xin đại biểu các bang nhỏ từ bỏ nguyên tắc rõ ràng là bất công này, vì mô hình chính quyền đó sẽ không bao giờ được chấp nhận. Thậm chí, dù được chấp nhận, cũng chắc chắn sẽ phá hỏng liên minh mà chúng ta đang mong ước là sẽ tồn tại mãi mãi. Ông cầu xin họ hãy cân nhắc kỹ lưỡng về hậu quả sẽ xảy ra nếu Hợp bang sẽ tan rã.

Hãy để mỗi tiểu bang bảo vệ bản thân bằng năng lực của mình. Khi đó, các bang nhỏ sẽ phải lo sợ ngoại bang ở châu Âu và các tiểu bang láng giềng. Tình cảnh suy tàn đó của mọi tiểu bang lớn cũng như bé đó sẽ nhanh chóng trở thành lời kêu gọi mạnh mẽ đòi thiết lập một chính quyền chung. Nỗi sợ hãi lớn nhất của ông là chính quyền, khi đó, với quá nhiều quyền lực, sẽ không chỉ gây nguy hiểm cho các bang nhỏ mà còn thực sự đe dọa tự do của mọi người dân. Chính những nguyên nhân đó đã làm cho Cựu lục địa [châu Âu] trở thành bãi chiến trường của những cuộc chiến tranh liên miên, và cướp đi tự do trên mảnh đất này. Những hậu quả tương tự sẽ nhanh chóng xuất hiện ngay trên mảnh đất này. Sự yếu kém, nhu nhược và ghen tị của các bang nhỏ sẽ nhanh chóng buộc họ phải lập ra những đội quân thường trực để chống lại những mối nguy hiểm từ các tiểu bang láng giềng hùng mạnh. Các tiểu bang lân cận cũng buộc phải làm theo và rồi tất cả các bang đều như vậy.

Trong thời chiến, nhánh hành pháp tối cao thường được trao toàn quyền quyết định. Nỗi ám ảnh và lo sợ chiến tranh buộc cơ quan này phải mở rộng và trở nên rất đông đảo. Đội quân thường trực và nhánh hành pháp ngày càng nhiều quyền lực sẽ không còn là người bảo trợ cho tự do nữa. Những phương tiện được sử dụng để chống lại các thế lực ngoại bang cũng là những công cụ cho những kẻ độc tài trong nước chèn ép dân chúng. Ở La Mã, đội quân thường trực để ngăn chặn những bạo động lại thường là nguyên nhân

gây ra chiến tranh. Trên khắp châu Âu, các đội quân núp dưới danh nghĩa phòng vệ đã biến dân chúng thành nô lệ. Có thể nghi ngờ rằng liệu một chính quyền tốt nhất của một cường quốc ở châu Âu, trong hoàn cảnh không có mối nguy cơ nào từ ngoại bang buộc dân chúng phải qui thuận, có thể tự bảo vệ được mình không? Sự biệt lập của hòn đảo Anh quốc là nguyên nhân chủ yếu làm cho quốc gia này tránh khỏi được số phận chung của cả châu Âu. Vì nhu cầu phòng thủ của nước Anh không lớn, nên dân chúng chỉ chấp nhận một đội quân có qui mô nào đó cho mục đích phòng vệ, nhưng không thể đủ sức mạnh để đàn áp dân chúng trong nước. Cần hiểu rõ hậu quả nếu các tiểu bang trở nên độc lập hay gia nhập vào các liên minh nhỏ lẻ nào đó. Cả hai con đường này đều đáng bị lên án. Những ai dù tán thành bất cứ cách nào cũng sẽ không được tổ quốc tha thứ và cũng không thể tự tha thứ cho chính bản thân mình.

Ngài HAMILTON: Các cá nhân cấu thành nên những xã hội chính trị sẽ thay đổi quyền của họ theo các cách khác nhau, tùy thuộc vào quyền bỏ phiếu. Những ví dụ như vậy có thể tìm thấy ở tất cả các tiểu bang. Trong mọi tiểu bang, một số cá nhân bị cướp đoạt các quyền này vì không đáp ứng đủ những đòi hỏi cần thiết về tài sản. Tại một số tiểu bang, quyền bỏ phiếu chỉ áp dụng hạn chế đối với một số người, còn những người khác không có quyền này. Cần phải có một số tài sản nào đó mới được quyền bầu chọn thành viên của một Viện và để bầu chọn thành viên của Viện kia, thì cần mức độ tài sản lớn hơn. Nhưng các tiểu bang là tập hợp của các cá nhân. Vì thế, điều chúng ta cần tôn trọng nhất là quyền của các cá nhân. Thật là phi lý và ngớ ngẩn nếu hy sinh quyền của cá nhân vì quyền của tiểu bang.

Người ta nói rằng nếu các bang nhỏ từ bỏ quyền bình đẳng của mình, thì cũng sẽ từ bỏ luôn sự tự do của chính họ. Nhưng đây là cuộc tranh luận về quyền lực chứ không phải tranh luận về tự do. Liệu dân chúng của các bang nhỏ ít tự do hơn dân chúng ở các bang lớn chẳng? Tiểu bang Delaware có 40,000 người sẽ mất quyền lực nếu tiểu bang này chỉ có số đại biểu bằng

1/10 của tiểu bang Pennsylvania có 400.000 dân. Nhưng như vậy, dân chúng của Delaware sẽ bớt tự do hơn nếu mỗi công dân ở đây có quyền bỏ phiếu bình đẳng với một công dân của Pennsylvania chẳng?

Dân chúng trong cùng một tiểu bang thường có chung quan điểm và những gắn bó. Những nguyên tắc này đều ảnh hưởng đến hoạt động chung của xã hội. Tuy nhiên, việc qui định thêm một số biện pháp cần trọng có thể sẽ loại trừ khó khăn này và sẽ không gây ra sự bất lợi đáng kể nào, vì nỗi lo sợ việc các tiểu bang có ảnh hưởng nhất kết hợp với nhau là không có cơ sở. Sự khác biệt đáng kể về lợi ích giữa các tiểu bang thương mại và phi thương mại sẽ làm các bang lớn chia rẽ chứ không làm họ thống nhất. Không có sự bất lợi nào đáng kể do việc phân chia tiểu bang New York thành những quận khác nhau với những lợi ích khác nhau. Mỗi nguy cơ nghiêm trọng nhất nếu liên minh tan rã là ngay lập tức, các liên minh với những quốc gia thù địch ở châu Âu sẽ được thành lập tại đây. Bản thân những liên minh này sẽ gây rối loạn trên vùng đất này và làm chúng ta chia rẽ thành các phe phái luôn luôn xung đột nhau. Sẽ có những vùng đất chịu ảnh hưởng của ngoại bang và chắc chắn sẽ xung đột với chúng ta.

Mối lo âu lớn nhất đối với số phận của chúng ta là sự phản bội của những người đại diện. Sự kính trọng trong con mắt của ngoại quốc không phải là mục đích chúng ta cần đạt đến mà mục đích của chính quyền cộng hòa là sự bình yên và thịnh vượng trong nước. Nhưng không một chính quyền nào có thể mang lại sự bình yên và thịnh vượng trong nước mà lại không đạt được sự ổn định và sức mạnh trong nước. Đó là những điều khiến các quốc gia khác phải kính trọng chúng ta.

Lúc này là một thời điểm quyết định cho việc hình thành một chính quyền như vậy. Sẽ rất mạo hiểm nếu chúng ta tin vào những sửa đổi sau này. Cho đến bây giờ, chúng ta vẫn duy trì được mô hình liên minh nhưng rất yếu ớt. Từ nay về sau, những động cơ duy trì liên minh sẽ trở nên mỏng manh hơn

và gặp nhiều khó khăn hơn. Việc chúng ta đang có mặt ở đây, tự do phân tích và thảo luận kỹ càng về tương lai của liên minh, đã là một việc kỳ diệu. Nhưng thật điên rồ, nếu tin vào những điều kỳ diệu sẽ xảy ra trong tương lai, vì hàng ngàn chuyện có thể xảy ra và cản trở mục tiêu này.

...

Cuộc bỏ phiếu về điều khoản qui định "quyền bỏ phiếu của Hạ viện sẽ không căn cứ vào qui định của Các điều khoản Hợp bang":

MA: tán thành; CT: phản đối; NY: phản đối; NJ: phản đối; PA: tán thành; DE: phản đối; MD: không quyết định; VA: tán thành; NC: tán thành; SC: tán thành; GA: tán thành. (6 tiểu bang tán thành, 4 tiểu bang phản đối, và một tiểu bang không quyết định).

Ngài ELLSWORTH: Đề xuất quyền bỏ phiếu tại Thượng viện cũng được qui định giống như Các điều khoản Hợp bang [quyền bỏ phiếu bình đẳng] và hy vọng sẽ đạt được thỏa hiệp cho Thượng viện.

Chúng ta vừa mang tính quốc gia, vừa mang tính liên bang. Quyền đại diện tỷ lệ tại Hạ viện là phù hợp với nguyên tắc quốc gia sẽ đảm bảo các bang lớn chiếm ưu thế so với các bang nhỏ. Vì thế, quyền bình đẳng theo hướng liên bang là cần thiết để đảm bảo cho các bang nhỏ chống lại sự cai trị và chèn ép của các bang lớn. Ông tin rằng đây sẽ là nền tảng chung cho sự thỏa hiệp vì không thấy giải pháp nào khác ngoài hướng này. Nếu không đạt được thỏa hiệp, Hội nghị này không chỉ vô ích mà còn tồi tệ hơn thế. Đối với các bang miền Đông, ông tin rằng Massachusetts là tiểu bang duy nhất chấp nhận việc coi các tiểu bang như những xã hội chính trị bình đẳng, chấp nhận sự bình đẳng tại cả hai Viện. Nhưng nhiều bang khác sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro hơn là từ bỏ quyền lực đó.

Nỗ lực xóa sự bình đẳng ngay lập tức sẽ chia lãnh thổ nước Mỹ chúng ta

thành hai miền. Các bang lớn sẽ không chấp nhận sự bình đẳng về quyền bỏ phiếu, nên sẽ tìm cách duy trì ưu thế của mình. Nhận xét của Ngài Madison rằng Vương quốc Hà Lan không thể chấp nhận sự bình đẳng trong Liên minh Hà Lan, và vì tầm vóc của mình, nên vương quốc này thống trị tuyệt đối mọi hoạt động của liên minh. Quyền tự vệ là thiết yếu đối với các quốc gia nhỏ. Tạo hóa đã cho những loài nhỏ bé đặc tính này và ông không bao giờ chấp nhận rằng không có mối nguy hiểm nào từ sự kết hợp của các bang lớn. Họ cũng giống như con người tìm cách phát huy mặt mạnh của mình để chiếm ưu thế. Mối nguy hiểm này sẽ lớn hơn, nếu các bang lớn tiếp giáp nhau và có chung một lợi ích nào đó. Sự tự vệ của càng nhiều bang nhỏ kết hợp lại thì càng gây nhiều khó khăn hơn.

Một xem xét quan trọng khác. Liên minh tồn tại hiện nay dựa trên nền tảng bình đẳng về quyền bỏ phiếu của các tiểu bang, nhưng không cần thiết phải tôn trọng qui định đó. Cần phải thiết lập nhánh hành pháp, tòa án và cơ quan lập pháp mạnh, nhưng đừng để những cơ quan này có thẩm quyền quá mức bởi mọi điều khác có thể sẽ mất đi. Ông tự nhận mình không phải là người nửa vời, nhưng ông muốn làm một nửa điều tốt, còn hơn là chẳng làm gì cả. Nửa kia có thể bổ sung khi cần thiết, hoặc khi được thực tiễn kiểm chứng.

...

Ngày 30 tháng Sáu

Đề xuất của Ngài ELLSWORTH, cho phép mỗi tiểu bang có một phiếu bầu tại Thượng viện được đưa ra thảo luận.

Ngài BALDWIN: Phản đối quan điểm của Ngài Ellsworth và cho rằng Thượng viện phải đại diện theo tài sản. Đó là nguyên tắc thiết lập nên Thượng viện Massachusetts.

Ngài WILSON: Không tán thành đề xuất đó, sau khi chúng ta đã thiết lập

được nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ dân số tại Hạ viện. quý Ngài từ Connecticut (Ngài Ellsworth) tuyên bố rằng việc đại diện theo tỷ lệ sẽ không được chấp thuận, vì trong số các tiểu bang miền Bắc, chỉ có duy nhất tiểu bang Massachusetts có thể đồng ý với bất kỳ mô hình chính quyền trung ương nào. Ông tán thành quan điểm của Connecticut và của các bang miền Bắc khác. Ông tin rằng dân chúng sẽ không chấp nhận một Thượng viện đại diện theo qui mô dân số, vì họ khó lòng từ bỏ một quốc gia, nơi có quá nhiều gắn bó và ràng buộc chặt chẽ. Nhưng dù điều đó xảy ra thì cũng không ngăn cản được tình cảm và bổn phận của ông. Nếu số ít dân chúng Mỹ từ chối liên kết với đa số trên những nguyên tắc đúng đắn đó và nếu sự chia rẽ xuất hiện, thì không thể có một chính quyền nào khác tốt đẹp hơn. Cuộc bỏ phiếu ngày hôm qua đã chống lại nguyên tắc đại diện bình đẳng, tức là 24 người chống lại 90 người của nước Mỹ .

Về vấn đề này, ông chắc chắn rằng nếu phải thay đổi, thì đó không phải là sự thay đổi của đa số. Vấn đề là chưa đầy 1/4 dân chúng sẽ rút khỏi liên minh, hay hơn 3/4 dân chúng phải từ bỏ những quyền vốn có, không thể nhân nhượng, không thể tranh cãi của con người, để ủng hộ một chính quyền giả tạo. Nếu điều đó xảy ra và phải lựa chọn, ông sẽ chọn cách tham gia liên minh. Ngài Ellsworth nghĩ rằng Hạ viện do đa số kiểm soát sẽ loại bỏ mọi cản trở của Thượng viện, nơi có quyền bỏ phiếu bình đẳng, chỉ để đảm bảo quyền của thiểu số. Nhưng sự bình đẳng tại Thượng viện sẽ cho phép thiểu số kiểm soát được mọi tâm trạng và lợi ích của đa số. 7 tiểu bang sẽ kiểm soát 6 tiểu bang. 7 tiểu bang nhỏ theo ước tính bao gồm 24/90 tổng số dân chúng. Đó sẽ là việc chưa đầy 1/3 dân chúng sẽ kiểm soát và chế áp 2/3 còn lại, bất kể là vấn đề gì. Chúng ta đang xây dựng chính quyền là vì ai? Vì con người hay vì một thứ không có thực được gọi là các tiểu bang? Liệu những cử tri có hài lòng với những lợi thế chỉ trên lý thuyết suông đó không? Liệu họ sẽ hài lòng không khi được lời giải thích là vì 1/3 dân chúng đó cấu thành nên số tiểu bang nhiều hơn?

Vì thế, trên mọi nguyên tắc, quyền bỏ phiếu tại Thượng viện cũng phải giống như Hạ viện. Nếu chính quyền không xây dựng trên nền tảng này thì chẳng có gì vững chắc và tồn tại lâu dài. Bất kỳ một nguyên tắc nào khác đều chỉ là mang tính cục bộ, tạm thời và đầy nhược điểm. Sai trái này sẽ mở rộng cùng với sự mở rộng và phát triển cùng với sự phát triển của nước Mỹ. Rất nhiều điều đã được nói về sự kết hợp "tương tượng" của ba tiểu bang lớn nhất. Nào là nguy cơ của một nền quân chủ, nào là sự cai trị của một nhóm quý tộc đầu sỏ từng là lời buộc tội cho sự kết hợp này, nhưng chẳng có lời giải thích nào cho những nguy cơ đó.

Thật dễ dàng để chứng minh bằng cả lý luận và thực tiễn lịch sử rằng sự thù địch chứ không phải liên minh sẽ xuất hiện và không thể có một lợi ích chung nào cho riêng ba tiểu bang lớn nhất này. Không một câu trả lời nào đưa ra cho những câu hỏi của Ngài Madison về vấn đề này. Liệu một người điều hành tối cao được bầu từ một trong ba tiểu bang lớn sẽ yêu quý hai bang lớn kia hơn các bang nhỏ chẳng? Vậy đâu là môi nguy cơ của nền quân chủ? Hay dân chúng của ba bang lớn quý phái hơn dân chúng các bang nhỏ chẳng? Vậy đâu là nguy cơ của nền cai trị của giới quý tộc đầu sỏ nhờ ảnh hưởng của họ? Mọi câu chuyện đó chỉ là những lời thêu dệt hoang đường. Chúng ta đề cập đến các tiểu bang, nhưng lại quên mất rằng các tiểu bang đó cấu thành bởi cái gì. Liệu một đa số thực sự và công bằng lại là hang ổ và là mầm mống cho chế độ cai trị của nhóm quý tộc đầu sỏ chẳng? Đó là chính quyền nào vậy, khi thiểu số lại cai trị đa số? Đúng là đa số các tiểu bang tại Thượng viện không thể phê chuẩn một dự luật chống lại đa số dân chúng, nếu Hạ viện đã phê chuẩn. Nhưng điều này mới chỉ giảm bớt được một nửa những lời phản đối.

Những tội lỗi và sự xấu xa mà dân chúng khắp nơi hiện nay đang kêu la là vì sao? Vì sự thiếu hiệu quả và yếu kém của chính quyền. Chúng ta được cử tới Hội nghị này là để giải quyết những yếu kém đó. Nếu đề xuất này được mọi người đồng ý, chúng chẳng khác gì mô hình của Hợp chúng quốc trước đây

với mọi sai trái. Mọi đề xuất đúng đắn của dân chúng, giống như của Hạ viện, đều bị Quốc hội Hợp bang [tức là Thượng viện] bác bỏ. 24 người vẫn sẽ kiểm soát 66 người...

Ngài ELLSWORTH: Lý lẽ phản đối chủ yếu của Ngài Wilson rằng thiểu số sẽ thống trị đa số là không đúng. Quyền lực được trao cho thiểu số là để họ không bị đa số đàn áp. Nếu các tiểu bang nhỏ được quyền bình đẳng trong cả hai Viện thì mới đáng bị lên án. Việc sử dụng thiểu số làm biện pháp kiểm soát đa số không phải là điều mới mẻ. Bản Hiến pháp nước Anh không khôn ngoan và uyên thâm như nhiều quý ngài ca ngợi. Viện quý tộc Anh, đại diện cho thiểu số, có quyền phủ quyết mọi đạo luật. Đó là công cụ bảo vệ cần thiết của giới quý tộc thiểu số để chống lại sự lạm quyền và xâm phạm của Viện Bình dân, đại diện cho phe đa số. Không một hình mẫu Hợp bang nào tồn tại nếu quyền bình đẳng không được các thành viên thực thi. Chúng ta đang đi từ thái cực này sang thái cực kia. Chúng ta đang phá hỏng nền tảng của toàn bộ tòa nhà trong khi chỉ cần sửa mỗi cái mái nhà. Không một đạo luật tốt đẹp nào bị ý muốn của đa số các tiểu bang bác bỏ bởi sự đại diện theo qui mô dân số ở Hạ viện sẽ đảm bảo an toàn cho các bang lớn. Nhưng không thể hình dung được hết các mối nguy hiểm từ sự kết hợp các bang lớn. Mặc dù ông không thấy sự lạm dụng quá mức nào của sự kết hợp các bang lớn, nhưng chỉ riêng khả năng kết hợp đó cũng đủ để cảnh báo ông và ông dễ dàng hiểu được bởi cảnh và những hậu quả sẽ xảy ra từ sự kết hợp này.

Giả sử để theo đuổi một Hiệp ước thương mại, hay một thỏa thuận nào đó, cần phải thiết lập không quá ba, hay bốn cảng biển, thì chắc hẳn các bang lớn sẽ hợp tác để ưu tiên lựa chọn Boston, Philadelphia và một số cảng ở Chesapeake. Sự hợp tác tương tự có thể hình thành trong việc bổ nhiệm những quan chức cao cấp. Nghĩa vụ và qui định của Các điều khoản Hợp bang vẫn còn hiệu lực và bản Hiến pháp đó được làm ra rất trang nghiêm. Khi đó, hoàn cảnh khó khăn buộc các bang, dù lớn hay nhỏ, cũng có quyền

bỏ phiếu bình đẳng tại Quốc hội. Nhận xét của ông không phải xuất phát từ quan điểm ích kỷ địa phương. Tiểu bang Connecticut, nơi ông đại diện, là một tiểu bang trung bình.

Ngài MADISON: Những lý giải rất minh bạch và chặt chẽ của Ngài Ellsworth là rất công bằng, nhưng phải thấy rằng những điều này không phải bao giờ cũng thống nhất. Có lúc, ông mô tả các bang lớn như những tiểu bang "quí tộc" sẵn sàng chèn ép các bang nhỏ "bình dân". Hiện nay, các bang nhỏ chính là Viện quý tộc, đòi có quyền phủ quyết để tự vệ và chống lại những người bình dân đông đảo hơn nhiều.

Ngài Ellsworth cũng sai lầm khi nói rằng không có liên bang nào từng tồn tại mà không đảm bảo quyền bỏ phiếu bình đẳng cho các quốc gia thành viên. Ngoài hệ thống Đức, trong đó Hoàng đế nước Phổ có 9 phiếu bầu, ông nhắc Ngài Ellsworth về liên minh Lycia của Hy Lạp cổ đại. Trong đó, thành viên có số phiếu bầu căn cứ vào tầm quan trọng của họ. Montesquieu đã khuyến cáo đó là mô hình phù hợp nhất cho những thể chế chính quyền như vậy. Những tuyên bố của Ngài Ellsworth chẳng mấy tác dụng đối với ông mà chỉ củng cố thêm những lập luận chống lại ông ta. Lịch sử và số phận nhiều Hợp bang cổ xưa cũng như hiện đại đã thể hiện nhiều sai trái quá mức trong các mô hình này.

Nhiều quý ngài khẳng khái đòi quyền bỏ phiếu bình đẳng tại Thượng viện với lý do điều này không chỉ là cần thiết để đảm bảo an toàn cho các bang nhỏ mà còn an toàn cho cả các bang lớn, dù đa số của họ tại Hạ viện đã là một bức tường thành ngăn chặn có hiệu quả. Song bất chấp sự bảo vệ này, đa số các tiểu bang có thể sẽ gây tổn hại cho đa số dân chúng.

1. Họ có thể cản trở mong ước và lợi ích của đa số dân chúng.
2. Họ có thể thi hành các biện pháp đáng ghê tởm chống lại mong muốn và lợi ích của đa số.

3. Họ có thể áp đặt các biện pháp thù nghịch, nếu Thượng viện được trao những quyền lực mạnh nhất, còn Hạ viện không được tham gia những quyền này.

Ông chấp nhận rằng mọi lợi ích riêng rẽ, dù của tầng lớp dân chúng nào hay của bất kỳ tiểu bang nào, cũng cần được đảm bảo tới mức có thể. Nếu có nguy cơ bị tấn công thì cần phải trao quyền phòng vệ hợp hiến. Nhưng các tiểu bang sẽ hình thành các lợi ích khác nhau, không phải theo qui mô lãnh thổ mà bởi các yếu tố khác như: sự khác biệt về khí hậu và thời tiết và chủ yếu là việc có nô lệ, hay không có nô lệ. Những yếu tố làm cho Hợp chúng quốc phân chia thành những lợi ích khác nhau, không phải là giữa các bang lớn hay nhỏ mà là giữa miền Bắc và miền Nam. Nếu quyền phòng vệ là cần thiết, thì quyền này phải có lợi cho cả hai phe.

Vì điều này rất quan trọng, nên ông đã cố gắng tìm ra được những giải pháp. Thứ nhất là thay cho việc bỏ phiếu theo tỷ lệ ở cả hai Viện, thì tại một Viện sẽ theo tỷ lệ dân số da trắng, cộng với 3/5 dân nô lệ. Còn Viện kia căn cứ vào toàn bộ số dân, gồm cả người da trắng và các nô lệ. Bằng giải pháp này, các bang miền Nam sẽ có lợi thế tại một Viện, còn các bang miền Bắc sẽ có lợi thế tại Viện kia...

Ngài DAVY: Bản báo cáo của Ủy ban cho phép các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn Thượng viện theo qui mô dân số là không thực tế. Căn cứ vào qui định này, ban đầu Viện này sẽ có tới 90 đại biểu và con số này sẽ tăng lên khi có các tiểu bang mới gia nhập liên minh. Một cơ quan quá đông như vậy sẽ không thể đảm bảo thi hành các quyền trao cho cơ quan này. Sự bổ nhiệm của Thượng viện bởi những đại cử tri, do dân chúng bầu chọn, sẽ gặp nhiều chống đối. Các quận lớn, hay các huyện lớn, được ném vào một quận bầu cử chung, chắc chắn sẽ lấn át và vượt trội so với các quận, huyện nhỏ và các quận, huyện nhỏ này sẽ chẳng còn vai trò gì. Do đó, chỉ có qui định trao quyền bầu chọn cho các cơ quan lập pháp tiểu bang là đúng đắn. Với ông,

các cơ quan lập pháp tiểu bang có người đại diện tại chính quyền liên bang là điều chẳng có gì cần bàn cãi. Các thiên kiến và lợi ích địa phương chắc chắn sẽ tồn tại và chắc chắn sẽ hình thành trong các hội đồng quốc gia, dù những người đại diện này được các cơ quan lập pháp tiểu bang hay dân chúng chọn lựa.

Một mặt, nếu quyền đại diện theo tỷ lệ vấp phải những trở ngại không vượt qua được, thì việc thiết lập Thượng viện là người đại diện cho các tiểu bang sẽ đưa chúng ta trở lại mô hình Quốc hội Hợp bang hiện nay và sẽ chấm dứt mọi lợi thế và ưu việt của cơ quan này mà chúng ta đang mong đợi. Vì thế, ông sẽ không bỏ phiếu cho bất kỳ kế hoạch nào đề xuất về Thượng viện. Cả hai mô hình này đều rơi vào những thái cực. Liên minh 13 tiểu bang vừa là liên bang, vừa là quốc gia. Vậy tại sao chính quyền lại không thể điều hành một số vấn đề theo tiểu bang, còn các vấn đề khác theo qui mô dân số?

Ngài WILSON: Số lượng Thượng nghị sĩ cũng gặp những trở ngại phức tạp. Nếu những tiểu bang nhỏ nhất được phép có một đại biểu và các bang khác bầu theo tỷ lệ thì Thượng viện chắc chắn là rất đông. Ông đề nghị cứ 100.000 người sẽ chọn một Thượng nghị sĩ. Còn các tiểu bang, nếu chưa có đủ số dân như vậy, cũng được phép có một đại biểu. Ông sẵn lòng tìm cách thỏa hiệp với các bang nhỏ để tìm ra giải pháp cho vấn đề này.

Bác sĩ FRANKLIN: Các ý kiến rất đa dạng, nhưng có thể chia thành hai hướng. Nếu đại diện theo tỷ lệ dân số, các bang nhỏ nói rằng tự do của họ sẽ bị nguy hiểm. Nhưng nếu phiếu bầu bình đẳng, các bang lớn lại nói rằng tiền bạc của họ gặp nguy hiểm. Khi cần đóng một cái bàn rộng, nhưng các tấm gỗ lại không vừa với nhau, người thợ mộc phải bào bớt đi một chút ở cả hai để ghép chúng lại. Theo cách này, cả hai bên đều cần phải từ bỏ một số đòi hỏi của mình, sao cho họ có thể phù hợp với nhau theo một tỷ lệ thích hợp. Các đề xuất của ông như sau:

Cơ quan lập pháp của các tiểu bang sẽ chọn và cử số đại biểu bình đẳng để

hình thành Thượng viện của Hợp chúng quốc.

Trong mọi vụ kiện liên quan đến chủ quyền tiểu bang, hay thẩm quyền của họ đối với các công dân của họ bị hủy bỏ, hay thẩm quyền của chính quyền liên bang tại các tiểu bang mới gia nhập, thì các tiểu bang sẽ bỏ phiếu bình đẳng.

Việc bổ nhiệm mọi viên chức chính quyền trung ương như theo qui định của Hiến pháp trao cho Thượng viện và mỗi bang cũng có lá phiếu bình đẳng.

Trong việc qui định lương bổng cho các viên chức này, các khoản chi phí cho các hoạt động công cộng và nói chung mọi khoản chi tiêu lấy từ ngân khố liên bang và mọi đạo luật liên quan đến tiền bạc và lợi tức, các tiểu bang sẽ bỏ phiếu theo tỷ lệ số tiền họ đóng góp.

Khi một con tàu có quá nhiều ông chủ, thì ông chủ góp nhiều tiền nhất sẽ quyết định hành trình của con tàu.

Ngài KING: Nhận thấy vấn đề đơn giản là liệu mỗi tiểu bang có quyền bỏ phiếu bình đẳng tại Thượng viện không. Đối với một số người, quyền bỏ phiếu bình đẳng là không thể thay đổi và nhất định phải có, thì phe kia cũng không kém phần ngang bướng. Chúng ta đã tách biệt nhau quá xa và sẽ rất tai hại nếu nhắm mắt chống lại nhau. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng mọi người dân trên nước Mỹ đều được đảm bảo mọi quyền của mình, thì chúng ta đang sẵn lòng hy sinh những điều tốt đẹp chỉ vì cái bóng ma hão huyền của chủ quyền tiểu bang. Ông đau đớn và lo sợ cho đất nước ông hơn những điều ông đã thể hiện và coi đây là cơ hội cuối cùng mang lại tự do và hạnh phúc cho đất nước.

Do vậy, ông rất thất vọng khi thấy một chính quyền đúng đắn, thành lập trên nền tảng đại diện tốt đẹp của dân chúng nước Mỹ đang trong tầm tay đạt được, lại bị vứt bỏ vì sự ràng buộc bởi ý tưởng về tự do và tầm quan trọng

của các tiểu bang. Nếu nhiều Ngài vẫn theo đuổi những ảo tưởng kỳ quặc đó, tâm trí của ông đã sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì chứ không thể tham gia một chính quyền thành lập trên các nguyên tắc đại diện xấu xa đó và hẳn rồi chính quyền đó cũng không thể tồn tại lâu dài vì sự bất công của nó. Ông có thể chấp nhận một giải pháp nào đó, như Ngài Wilson gợi ý, nhưng sẽ không bao giờ nghe và chấp nhận quyền bỏ phiếu bình đẳng về vấn đề này.

Ngài DAYTON: Khi sự cảm tính thay cho bằng chứng và nỗi hoảng sợ thay cho tranh luận, thì dù nói hùng hồn đến thế nào đi nữa cũng là vô ích. Kinh nghiệm của chúng ta đã chứng tỏ rằng mọi tội lỗi và trục trặc của chính quyền đều xuất phát từ quyền bình đẳng đó và những mầm mống đòi giải tán lại xuất phát từ các chính quyền tiểu bang, chứ không phải từ chính quyền liên bang. Ông coi mô hình đang thảo luận hiện nay là quá xa lạ. Đó là một con quái vật khổng lồ, vừa có thể sống trên cạn, vừa có thể sống dưới nước. Dân chúng sẽ không bao giờ chấp nhận mô hình đó.

Ngài MARTIN: Sẽ không bao giờ đạt được thỏa thuận nếu không dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và công bằng.

Ngài MADISON: Đồng ý với những nhượng bộ mà Ngài Wilson ám chỉ, với điều kiện là sự độc lập cần phải trao cho Thượng viện. Mô hình hiện nay làm cho Thượng viện hoàn toàn phụ thuộc vào các tiểu bang và như thế, Thượng viện cũng chỉ là một phiên bản của Quốc hội Hợp bang hiện nay mà thôi. Ông biết rõ những sai lầm của Quốc hội và từng phản đối mạnh mẽ. Nhưng việc duy trì quyền của các tiểu bang cũng làm ông đắn đo như việc xét xử bởi một ban bồi thẩm.

Ngài BEDFORD: Không có một mô hình trung gian nào giữa một liên bang kết hợp chặt chẽ và một hợp bang thuần túy hình thức giữa các tiểu bang. Với mô hình đầu tiên thì không còn gì bàn cãi nữa. Còn trong mô hình sau, các tiểu bang vẫn tiếp tục được giữ các chủ quyền bình đẳng, dù không đầy đủ. Nếu các xã hội chính trị có những tham vọng xấu xa và những lợi ích

làm cho họ hận thù nhau, chúng ta có nên duy trì các xã hội chính trị đó không? Liệu những động cơ phe phái và lợi ích ở nước Mỹ có khác với các nơi khác không? Nếu bất cứ quý ngài nào nghi ngờ điều đó, hãy để ông ta chứng kiến các cuộc bầu cử. Hay lợi ích và tham vọng không phải là động cơ thúc đẩy họ? Các bang lớn đang tìm cách nâng cao vị thế của mình bằng việc coi thường và bỏ mặc các bang nhỏ. Họ khẳng khẳng cho rằng mình đúng, nhưng lợi ích đã làm họ trở nên mù quáng. Hãy nhìn tiểu bang Georgia, dù hiện nay là một bang nhỏ, nhưng sau này, nó sẽ trở thành một bang lớn.

...

Hiện nay, không tiểu bang nào duy trì tỷ lệ đại diện chính xác tại Nghị viện. Liệu có thể nói rằng sự bất bình đẳng trong bầu cử sẽ dẫn tới sự bất bình đẳng về quyền lực không? Nếu có cơ hội, tham vọng sẽ chẳng bao giờ bỏ qua việc lạm dụng nó. Toàn bộ lịch sử loài người đã chứng minh điều này. Ba bang lớn có lợi ích chung trong vấn đề thương mại. Nhưng liệu họ sẽ hợp tác với nhau như chúng ta giả thiết, hay tranh giành nhau như những người khác dự đoán? Nhưng trong bất cứ trường hợp nào các bang nhỏ cũng bị thiệt thòi.

Chúng ta cần phải noi theo Solon , thiết lập một chính quyền để được mọi người chấp thuận. Đã bao giờ các tiểu bang nhỏ muốn tự hạ thấp vai trò của mình chưa? Sẽ là sai lầm nếu cho rằng dân chúng không đồng ý gia tăng quyền của Quốc hội hiện nay. Dân chúng thường đòi hỏi Quốc hội cần có thêm quyền lực để thu thuế và để buộc các tiểu bang phải thực hiện nghĩa vụ của mình khi cần thiết. Họ hoàn toàn công khai quan điểm này trong các tuyên bố của mình. Họ sẽ bác bỏ mọi mô hình, nếu chúng đi ngược lại những cam kết trước đây. Các bang nhỏ sẵn lòng tuân thủ mọi cam kết của mình, nhưng không thống nhất quan điểm với các bang lớn về bất cứ điều gì, ngoại trừ mô hình Hợp bang hiện nay. Chúng ta từng nghe nói rằng “cái bóng của nhà độc tài chính là khoảnh khắc cuối cùng để thiết lập một chính quyền tốt”

. Khoảnh khắc cuối cùng đó chính là thời điểm chúng ta gửi mô hình chính quyền cho công chúng phê chuẩn.

Ông không e sợ điều gì cả. Các bang lớn sẽ không dám giải tán liên minh. Nếu họ làm như vậy, các bang nhỏ sẽ tìm cách liên minh với ngoại bang để nhận những cam kết vinh dự và tốt đẹp hơn. Những quốc gia đó sẵn lòng đón nhận và đối xử công bằng với họ. Ông nói như vậy không phải để hăm dọa. Đó là một hậu quả tất yếu. Cần tránh nguy cơ này bằng cách mở rộng các quyền lực của trung ương, nhưng không phá hỏng thể chế liên bang [tức là không phá vỡ quyền đại diện bình đẳng tại Thượng viện]. Đó chính là điều dân chúng mong đợi. Mọi người đều đồng ý về sự cần thiết của một chính quyền hiệu quả. Vậy tại sao chúng ta không xây dựng một mô hình đúng như dân chúng mong ước?

Ngài ELSEWORTH: Chính quyền quốc gia sẽ đảm bảo an toàn tốt hơn cho toàn liên bang, đúng như nhận xét của Ngài King, nhưng chỉ có vậy thôi. Điều ông cần là sự thịnh vượng và hạnh phúc trên mảnh đất này. Chính quyền quốc gia không thể coi thường và xem nhẹ những lợi ích địa phương để biến chính quyền tiểu bang trở thành một thứ hoàn toàn lệ thuộc được. Chính quyền tiểu bang phải gắn bó với lợi ích chung của toàn quốc. Do đó, ông đòi bảo vệ và duy trì chủ quyền của các chính quyền tiểu bang. Những hạnh phúc tốt đẹp nhất trong cuộc đời ông chỉ nhờ vào chính quyền tiểu bang. Hạnh phúc của ông phụ thuộc vào sự tồn tại của chính quyền tiểu bang, giống như một đứa trẻ mới sinh sống dựa vào nguồn sữa mẹ. Nếu điều này không được đáp ứng, ông không muốn thảo luận thêm điều gì nữa.

Ngài KING: Ủng hộ việc duy trì các chính quyền tiểu bang, nhưng ở một mức độ nhỏ để đáp ứng các mục tiêu như Ngài Elseworth tuyên bố. Nhưng đó không phải là giải pháp triệt để giải quyết mọi nguy hiểm mà các chính quyền tiểu bang có thể gây ra từ việc lạm quyền của chính quyền trung ương.

Trong việc thiết lập xã hội, điều mà bản Hiến pháp qui định cho các cơ quan lập pháp tiểu bang cũng là những điều các bộ luật tiểu bang qui định cho các công dân. Những quyền cơ bản của cá nhân được những điều khoản trong các bản Hiến pháp tiểu bang đảm bảo. Vậy tại sao sự đảm bảo tương tự như vậy đối với quyền của tiểu bang lại không thể có trong bản Hiến pháp Liên bang? Các điều khoản liên hiệp giữa nước Anh và Scotland minh chứng cho điều đó khi các quyền của Scotland được đảm bảo. Khi liên minh của chúng ta bị đe dọa, mọi tiểu bang đều cùng chung mối lo âu. Cũng những lời nói lo âu đó xuất hiện trên miệng của những người yêu nước Scotland, khi liên minh Anh-Scotland gặp nguy hiểm. Tuy nhiên, các điều khoản liên minh được tôn trọng. Nhờ đó, Scotland trở nên thịnh vượng và hạnh phúc hơn. Nhưng đó chỉ là sự đảm bảo trên giấy mà thôi.

Ngoài những điều khoản cơ bản của Hiến pháp, thì chẳng có biện pháp nào đủ sức chống lại các mối đe dọa cả. Ông không thể ngồi xuống nếu không nhận xét về những lời lẽ của quý ngài Bedford. Không phải chính ông ta đã thốt ra những lời lẽ độc ác và xấu xa đó hay sao? Thái độ của quý ngài đó là không đúng đắn. Chính ông ta, với những lời lẽ gay gắt chưa từng có tại Hội nghị này, đã tuyên bố sẵn sàng đặt hy vọng cho sự yên bình và hạnh phúc của quê hương vào tay những thế lực ngoại bang. Ông cảm thấy vô cùng đau đớn khi nghe được những lời lẽ như thế và càng đau buồn hơn khi thấy những lời lẽ đó lại xuất phát từ chính miệng lưỡi ông ta, nhưng quý ngài đó chỉ thể hiện tâm trạng của riêng ông ta mà thôi. Bản thân ông, thì dù bất cứ chuyện gì xảy ra, ông cũng không bao giờ đặt niềm tin vào các thế lực ngoại bang.

Về đề xuất của Ngài Elseworth cho phép mỗi tiểu bang một phiếu bầu tại Thượng viện:

MA: phản đối; CT: tán thành; NY: tán thành; NJ: tán thành; PA: phản đối; DE: tán thành; MD: tán thành; (Ngài Jenifer không có mặt; chỉ có Ngài

Martin bỏ phiếu); VA: phản đối; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: bất đồng ý kiến. Ngài Houston phản đối, Ngài Baldwin đồng ý. (6 bang phản đối; 5 bang tán thành; một bang không quyết định).

Đa số là nguyên tắc cơ bản của nền cộng hoà Ngày 2 và 5 tháng Bảy

Bất đồng rất lớn của các đại biểu về quyền bỏ phiếu bình đẳng tại Thượng viện đã dẫn Hội nghị tới bế tắc và mọi thảo luận đều trở nên cực kỳ căng thẳng mà chẳng bên nào chịu nhường bên nào. Để giải quyết vấn đề này, một ủy ban được lập ra để tìm giải pháp hòa giải. Sự thỏa hiệp đạt được là Hạ viện sẽ đại diện theo số dân, còn Thượng viện sẽ đại diện bình đẳng. Nhờ thỏa hiệp này và nhờ tư tưởng thỏa hiệp của hai phe mà Hội nghị cuối cùng đã thu được kết quả như mong muốn. Bedford là một trong những đại biểu các bang nhỏ đấu tranh mạnh mẽ nhất cho quyền bình đẳng tại Thượng viện.

Ngài PINKNEY: Sự bình đẳng phiếu bầu tại Thượng viện là điều không thể chấp nhận được. Nhưng đồng thời, ông thừa nhận rằng các bang lớn sẽ thiên vị các công dân của mình và ưu đãi họ trong cuộc bỏ phiếu. Các bang lớn có thể tìm được những điểm tương đồng về lợi ích thương mại và thúc đẩy những Hiệp ước ưu đãi họ. Có sự khác biệt chủ yếu giữa các lợi ích miền Bắc và miền Nam. Tiểu bang Bắc và Nam Carolina và Georgia có nền văn hóa lúa gạo và chàm (Rice và Indigo) có lợi ích khác biệt và có thể bị hy sinh. Vậy khi đó phải ngăn chặn các bang lớn áp đặt chính quyền trung ương ban hành những biện pháp có lợi cho họ thế nào, nếu họ không đếm xỉa đến ý muốn của các bang nhỏ? Chỉ nên cho phép họ có ưu thế về phiếu bầu chứ không phải một tỷ lệ đầy đủ với qui mô dân số.

Ông đặc biệt lo ngại về kết quả của Hội nghị này, coi đó như cơ hội cuối cùng cho cuộc thử nghiệm. Trước đây, mọi nỗ lực nhằm sửa đổi hệ thống Liên bang của Quốc hội Hợp bang hầu như đều thất bại. Không có giải pháp nào ngăn chặn được sự giải tán Hợp bang ngoài việc triệu tập Hội nghị này. Ông rất lo ngại về những hậu quả nguy hiểm sẽ xảy ra nếu liên minh tan rã.

Ông đề xuất chia các tiểu bang thành các hạng để bổ nhiệm số lượng Thượng nghị sĩ tương ứng.

Tướng PINKNEY: Không hoàn toàn chấp nhận đề xuất này. Ông ủng hộ đề xuất của Ngài Franklin hơn [ý định của Franklin trình bày ngày 30 tháng Sáu về việc qui định tỷ lệ phiếu bầu tùy thuộc vào nội dung của dự luật-ND]. Thỏa hiệp là cần thiết bởi hai phe hầu như cân bằng nhau trong cuộc bỏ phiếu về quyền bình đẳng tại Thượng viện. Ông đề xuất thành lập một ủy ban với mỗi bang có một đại biểu để tìm ra các thỏa hiệp.

Ngài L. MARTIN: Không phản đối việc thành lập ủy ban này, nhưng không thể hòa giải nếu không chấp nhận ý muốn bình đẳng của các bang nhỏ.

Ngài SHARMAN: Lúc này, chúng ta hầu như bế tắc và không ai muốn Hội nghị sẽ chấm dứt mà không làm một điều gì đó. Ông nghĩ một ủy ban dường như đáp ứng nhất yêu cầu hiện nay.

Ngài G.MORRIS: Việc lập ủy ban hòa giải là khôn ngoan vì Hội nghị hoàn toàn bất đồng. Ông tin chắc rằng mô hình bổ nhiệm Thượng viện với quyền bỏ phiếu là bình đẳng, sẽ đi ngược lại mục đích của cơ quan này.

Thượng viện được lập ra để làm gì? Để kiểm soát sự vội vã, tính dễ thay đổi và thái quá của Hạ viện. Mọi người đều chứng kiến sự hấp tấp trong các Viện dân chủ của các cơ quan lập pháp tiểu bang và tính thiếu kiên định của Quốc hội Hợp bang. Trong mọi cơ quan, sự thái quá đều ảnh hưởng xấu đến sự an toàn và tự do cá nhân. Vậy cần những phẩm chất nào để thiết lập sự kiểm soát trong trường hợp này? Năng lực và đức hạnh đều cần thiết ở cả hai Viện. Nhưng bây giờ chúng ta còn muốn hơn thế.

1. Viện kiểm tra cần phải có lợi ích cá nhân trong việc kiểm soát viện kia, lợi ích này sẽ kiềm chế lợi ích kia. Những sai trái và thói xấu, khi cùng tồn tại, sẽ chống đối và kiềm chế nhau.

2. Thượng viện phải có tài sản cá nhân thật lớn và phải có tư tưởng quý tộc. Thượng viện sẽ khao khát vinh quang và sự cao cả nhờ lòng kiêu hãnh và tự trọng của mình. Thực ra, lòng kiêu hãnh và tự trọng là nguyên tắc vĩ đại thúc đẩy cả người nghèo và người giàu. Người nghèo thường chống lại còn người giàu thường lạm dụng nó.

3. Viện này cần phải độc lập. Trong tôn giáo, loài người thường quên đi Đấng Tạo hóa. Mặt khác, trong các hoạt động chính trị, những cuộc tranh luận căng thẳng vừa qua là những bằng chứng không vui vẻ gì. Viện quý tộc cần phải độc lập và vững chắc để đối trọng với Viện Bình dân. Nếu các thành viên của Viện này phụ thuộc vào sự bầu chọn của Viện Dân chủ thì Viện Dân chủ sẽ chiếm ưu thế. Nước Mỹ cần phải trù tính để bảo đảm các Thượng nghị sĩ không khúm núm và quỵ lụy Viện Dân chủ. Nếu Thượng viện phụ thuộc vào Hạ viện, thì tốt hơn chúng ta không nên lập ra nó. Để Thượng viện trở thành một cơ quan độc lập, Thượng nghị sĩ cần phải được bầu chọn suốt đời. Người giàu sẽ cố gắng thiết lập ưu thế và sự vượt trội của mình để nô lệ hóa những người còn lại.

Trước đây, họ luôn luôn làm như vậy và sau này vẫn sẽ làm như vậy. Sự đảm bảo an toàn đúng đắn chống lại nguy cơ này là phân chia họ thành những lợi ích riêng biệt. Hai lợi ích riêng biệt sẽ kiểm soát lẫn nhau. Nếu không có lợi ích thương mại, Viện Dân chủ sẽ chiến thắng. Điều đó đã xảy ra trên khắp thế giới và cũng sẽ xảy ra trên đất nước chúng ta. Lý trí dạy chúng ta rằng chúng ta chẳng là ai khác ngoài con người, chúng ta không thể trông đợi bất cứ sự thần kỳ nào của Thượng đế cứu vớt và bênh vực chúng ta. Bằng sự kết hợp và tách biệt đó, lợi ích quý tộc và lợi ích bình dân sẽ kiềm chế lẫn nhau để tất cả cùng có lợi.

4. Sự độc lập suốt đời sẽ tạo ra sự bền vững cần thiết. Nếu chúng ta liên tục thay đổi các đạo luật, thì không còn ai tin chúng ta nữa. Nên để tránh thay đổi các đạo luật quá thường xuyên, phải làm thế nào tránh sự thay đổi con

người. Hãy hỏi bất cứ người dân nào xem liệu ông ta có tin tưởng vào Quốc hội không, có tin tưởng vào tiểu bang Pennsylvania không, nếu ông ta cho vay tiền hay ký kết hợp đồng? Ông ta sẽ nói là không. Ông ta không thấy sự ổn định nên ông ta không thể đặt niềm tin. Nếu nước Anh từ chối đối xử tử tế với chúng ta, chúng ta cũng phải làm như vậy.

Ông phản đối việc ngăn cản Thượng nghị sĩ được giữ nhiệm kỳ suốt đời, bởi đó là điều nguy hiểm. Nếu có mỗi nguy hiểm xuất hiện từ nhánh hành pháp, thì phải ngăn chặn nó bằng cách nào? Nếu người con trai, người anh, hay người bạn được Tổng thống bổ nhiệm, mỗi nguy hiểm này sẽ tăng lên, khi người cha có tư cách kém lại thổi phồng những ưu việt của những người thân, những phẩm chất mà họ không có. Qui định đó sẽ ngăn cản những công dân tốt nhất, có tư cách cao quý nhất, có khả năng nhất không được giữ chức vụ này. Khi đó ai sẽ giữ chức Thượng nghị sĩ? Ông cũng phản đối việc trả lương cho các Thượng nghị sĩ. Họ phải tự trả tiền cho mình. Họ phải là những người giàu có và có thể làm việc mà không cần trả lương. Thượng viện phải gồm những người đủ khả năng nuôi sống mình. Nhánh hành pháp phải có quyền bổ nhiệm Thượng nghị sĩ và sẽ bổ nhiệm những người mới cho những chỗ trống. Điều này sẽ loại bỏ những khó khăn hiện nay.

Các Thượng nghị sĩ cần được độc lập nên phải được làm việc suốt đời. Cũng cần phải xem xét phương pháp bầu chọn tiến hành ở các tiểu bang. Ông hy vọng những quý ngài trong Hội nghị này đủ sáng suốt để nhận ra sự thật đó. Do đó, ông không do dự để nói rằng bỗng lộc sẽ làm hư hỏng những kẻ mị dân. Một Thượng nghị sĩ suốt đời sẽ là cái mồi quý phái. Nếu không có những triển vọng hấp dẫn đó, các nhà lãnh đạo của dân chúng sẽ phản đối và bác bỏ kế hoạch này. Hạ viện được dân chúng các tiểu bang chọn, còn Thượng viện được toàn thể dân chúng Hợp chúng quốc chọn, nên đó sẽ không phải là chính quyền của các tiểu bang mà là một chính quyền bởi sự kết hợp giữa những người Virginia tại Thượng viện và Hạ viện với những người của Massachusetts tại Thượng viện và Hạ viện... Hệ thống đó rồi sẽ

trở thành một thứ Hiệp ước thuần túy và chẳng còn là chính quyền nữa, sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào các tiểu bang và chống lại những điều chúng ta đang làm hiện nay. Một chính quyền vững chắc mới có thể bảo vệ được tự do của chúng ta.

Ông e sợ ảnh hưởng của người giàu. Họ sẽ có cùng ảnh hưởng và tác hại như bất kỳ nơi nào khác, nếu chúng ta không thiết lập được một chính quyền kiểm giữ họ trong những giới hạn nhất định. Chúng ta cần phải nhớ rằng dân chúng không bao giờ hành động chỉ vì lý trí. Người giàu sẽ lợi dụng tâm trạng của người nghèo làm công cụ để đàn áp họ. Kết quả của cuộc xung đột đó là tạo ra một giới quý tộc bạo lực, hay thậm chí là một nền chuyên quyền bạo lực. Mưu mô của người giàu sẽ gặp thuận lợi nhờ sự mở rộng lãnh thổ quốc gia. Dân chúng ở những vùng xa xôi không thể trao đổi với nhau và không thể thống nhất hành động chung. Họ sẽ bị những người khôn ngoan, có nhiều thông tin hơn, thường xuyên trao đổi với nhau, lừa dối. Sự đảm bảo an toàn duy nhất chống lại những lạm quyền và xâm lấn đó là chọn ra được một cơ quan gồm những người khôn ngoan để kiểm chế và kiểm soát mọi phe phái.

Ngài RANDOLPH: Tán thành việc thiết lập một ủy ban, dù không nghĩ rằng ủy ban này mang lại nhiều điều tốt lành. Ông chỉ trích những ngôn từ thái quá, quá hấp tấp và quá gay gắt của Ngài Bedford hôm thứ bảy. Nếu các bang lớn kết hợp lại với nhau có thể gây nguy hiểm, nhưng ông tin là cần trao cho Tổng thống quyền phủ quyết để kiểm soát mối nguy hiểm này hiệu quả hơn. Ông cũng tán thành cho mỗi bang có một lá phiếu bình đẳng trong việc chọn Tổng thống. Ông tin rằng hai cơ quan đối kháng như Ngài Morris đề ra sẽ không bao giờ cùng nhau tồn tại lâu dài. Sự bất đồng có thể nảy sinh như từng có giữa Thượng viện và Hạ viện Maryland. Khi đó, các phe phái đều kêu gọi dân chúng ủng hộ mình và chỉ trong một thời gian ngắn, những rối loạn sẽ nảy sinh. Trái lại, ông nghĩ rằng các bang lớn sẽ đảm bảo sự tồn tại của mình dễ hơn là các bang nhỏ. Nhưng việc các bang nhỏ từ chối gia

nhập liên minh sẽ làm cho toàn thể đất nước này điêu tàn. Ông quyết tâm theo đuổi một mô hình chính quyền chống lại tai họa đó.

Ngài STRONG: Tán thành việc lập ủy ban và hy vọng sẽ tìm ra giải pháp thiết lập cả hai Viện của cơ quan lập pháp. Nếu hai Viện này thiết lập trên những nguyên tắc khác nhau, sự xung đột và bất hòa sẽ luôn luôn xuất hiện, nên họ sẽ không bao giờ đồng tâm nhất trí trong các biện pháp cần thiết.

Bác sĩ WILLIAMSON: Nếu cả hai phe không nhường nhịn, thì toàn bộ công việc của chúng ta sẽ chấm dứt. Ông chấp nhận lập ủy ban này. Ủy ban càng nhỏ, càng dễ đạt thỏa hiệp.

Ngài WILSON: Phản đối việc thành lập ủy ban, bởi vì ủy ban này chỉ quyết định căn cứ vào chính điều luật bỏ phiếu bình đẳng từng bị một bên phản đối. Kinh nghiệm của ông tại Quốc hội cũng chứng tỏ sự vô ích của các ủy ban như vậy.

Ngài LANSING: Không phản đối việc lập ủy ban, nhưng cho rằng sẽ chẳng thu được nhiều kết quả.

Ngài MADISON: Phản đối việc thành lập ủy ban này. Ông không thấy ủy ban này sẽ mang lại bất cứ ích lợi nào ngoài sự trì hoãn, như trong Quốc hội Hợp bang. Bất kỳ thỏa hiệp nào, nếu được đề xuất trong ủy ban đó, đều có thể đề xuất ngay trong Hội nghị này. Bản báo cáo của ủy ban này chỉ thuần túy là ý kiến của riêng nó mà thôi, nên việc lập ủy ban cũng sẽ chẳng rút ngắn quá trình thảo luận và cũng chẳng ảnh hưởng đến quyết định của Hội nghị.

Ngài GERRY: Ủng hộ việc lập ủy ban. Có thể họ sẽ làm được một việc gì đó, hoặc chúng ta không chỉ làm cả nước Mỹ mà còn cả thế giới thất vọng. Những Hiệp ước của chúng ta là gì? Những món nợ nước ngoài của chúng ta là gì? Những hoạt động trong nước là gì? Chúng ta phải thừa nhận sự cần

thiết của cả hai phía. Nếu không có những điều đó, chẳng có bản Hiến pháp tiểu bang nào được lập ra cả.

Cuộc bỏ phiếu về việc "thành lập ủy ban hòa giải", kết quả bỏ phiếu như sau:

MA: đồng ý; CT: đồng ý; NY: đồng ý; NJ: phản đối; PA: đồng ý; DE: phản đối; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý. (9 bang đồng ý, 2 bang phản đối).

Về việc ủy ban này sẽ bao gồm "mỗi tiểu bang được cử một đại biểu":

MA: đồng ý; CT: đồng ý; NY: đồng ý; NJ: đồng ý; PA: phản đối; DE: đồng ý; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý.

Ủy ban này được bầu chọn gồm Ngài Gerry, Ngài Elseworth, Ngài Yates, Ngài Paterson, Bác sĩ Franklin, Ngài Bedford, Ngài Martin, Ngài Mason, Ngài Davy, Ngài Rutlidge và Ngài Baldwin.

Ngày 5 tháng Bảy

Ngài GERRY đọc bản báo cáo của Ủy ban:

"Ủy ban xin đệ trình bản báo cáo như sau:

Rằng những đề xuất sau được gửi lên Hội nghị, sau khi về cơ bản, được cả hai bên đồng ý.

I. Hạ viện sẽ bao gồm đại biểu của các tiểu bang. Cứ 40.000 dân sẽ có một người đại diện. Tiểu bang nào không đủ số người đó cũng có một đại biểu. Mọi đạo luật liên quan đến lợi tức và thuế khoá, hay qui định lương bổng của các nhân viên chính quyền liên bang đều do Hạ viện khởi xướng. Thượng viện không có quyền thay đổi hay bổ sung. Không một khoản tiền nào được lấy khỏi ngân khố của liên bang nếu không có sự phê chuẩn của Hạ viện.

II. Tại Thượng viện, mỗi tiểu bang sẽ có một phiếu bầu".

Ngài GHORUM: Bản báo cáo này đã bao gồm những điều khoản có lợi cho cả hai phía, nhưng muốn nghe những lời giải thích nên tảng thiết lập nên những điều khoản này.

Ngài GERRY: Ủy ban bất đồng về ý kiến đúng như sự bất đồng cả các tiểu bang mà các đại biểu là người đại diện và đồng ý rằng bản báo cáo này chỉ làm nền tảng cho sự hòa giải của Hội nghị mà thôi.

Ngài WILSON: Nghĩ rằng Ủy ban này đã đi quá phạm vi quyền hạn được phép.

Ngài MADISON: Không coi việc ban đặc ân cho Hạ viện trong việc khởi thảo những đạo luật về lợi tức và thuế khóa là sự thỏa hiệp và nhường nhịn của các bang nhỏ. Thực tế đã chứng minh rằng điều này chẳng có hiệu quả gì. Nếu 7 bang trong Thượng viện muốn khởi thảo một đạo luật, chắc chắn họ sẽ tìm đủ số thành viên của cùng tiểu bang tại Hạ viện để khởi thảo bộ luật này. Điều khoản hạn chế việc sửa đổi các đạo luật này cũng có ít tác dụng. Những điều sửa đổi được Thượng viện trao cho các cá nhân tại Hạ viện. Vì các dự luật có thể bị phủ quyết nên chúng sẽ được đệ trình lên Thượng viện theo hình thức Thượng viện mong muốn.

Nếu Thượng viện bị khuất phục trước sự ngoan cố của Hạ viện, thì việc dùng Thượng viện như một biện pháp kiềm chế trở nên vô tác dụng. Nếu Hạ viện bị khuất phục trước ý muốn của Thượng viện, thì đặc ân khởi thảo các đạo luật đó cũng vô giá trị. Trước đây, nước Anh và các tiểu bang của chúng ta có cùng luật pháp và qui định, nhưng thường xuyên bị thay đổi. Do đó, bất cứ nhượng bộ nào hiện nay cũng không có giá trị và mọi phản đối việc cho phép mỗi tiểu bang có một lá phiếu bình đẳng vẫn có hiệu lực. Bây giờ, chúng ta chỉ còn hai cách chọn lựa, hoặc là từ bỏ sự công bằng để hòa giải các bang nhỏ và thiểu số dân chúng Mỹ, hoặc là làm họ phật ý bằng việc ưu

đãi các bang lớn với đa số dân chúng Mỹ. Ông không hề đắn đo và do dự khi nói rằng sự công bằng sẽ được đa số dân chúng ủng hộ, nên Hội nghị chẳng có gì phải lo sợ cả. Trong khi với sự thiếu bình đẳng và chỉ có thiểu số dân chúng tán thành, các bang nhỏ phải sợ tất cả mọi điều. Thật là vô ích nếu Hội nghị theo đuổi những điều khoản gây sự bất hòa vĩnh viễn giữa các bang và cả dân chúng. Hội nghị cần phải theo đuổi một mô hình bền vững, chịu đựng được mọi thử thách và chắc chắn sẽ được phần lớn dân chúng Mỹ tán thành và ủng hộ. Chính dân chúng sẽ thúc đẩy và tự làm sáng tỏ mô hình này. Cần phải thấy rằng ban đầu nhiều người có thể phán xét mô hình chính quyền được đề xuất bởi những thành kiến về Hội nghị này, nhưng cuối cùng, mọi người sẽ phán xử Hội nghị bằng chính mô hình chính quyền đó. Giá trị của hệ thống này chỉ đạt được hiệu quả nhờ sự chấp thuận của toàn thể dân chúng.

Ông không tin các bang nhỏ sẽ ngoan cố chống đối mô hình chính quyền thiết lập trên nguyên tắc công bằng và cam kết sẽ bảo vệ mô hình này. Ông không nghĩ Delaware đủ dũng cảm kiểm tìm tương lai, bằng cách từ bỏ liên minh với các tiểu bang khác, để tự thiết lập một chính quyền mà ông nghi ngờ là sẽ theo đuổi những chính sách xấu xa, trông chờ sự ủng hộ của ngoại bang, điều mà một đại biểu của tiểu bang này [Ngài Bedford] lớn tiếng đề xuất. Nếu tiểu bang này làm như vậy, thì cũng chỉ đạt được một Hiệp ước quá hấp tấp. Ông tin dân chúng New Jersey, bất chấp quan điểm của Ngài Paterson, sẽ đứng bằng đôi chân của mình và qui thuận một chính quyền được thiết lập trên nền tảng các nguyên tắc công bằng. Mô hình đó là tuyệt đối cần thiết để họ tránh những khoản thuế trong việc kinh doanh buôn bán với các bang láng giềng.

Xem xét kỹ các tiểu bang khác cũng sẽ thấy sự chống đối ngoan cố của các bang này cũng không có lập trường vững chắc. Các bang chủ chốt gồm đa số dân chúng Mỹ sẽ tán thành mô hình công bằng và khôn ngoan. Ông tin chắc rằng cuối cùng, mọi bang khác cũng sẽ tán thành.

Ngài BUTLER: Không tin rằng chỉ với lòng kính trọng Hội nghị này, dân chúng nước Mỹ sẽ chấp nhận một bản Hiến pháp rõ ràng là không công bằng. Đặc ân khởi thảo những dự luật liên quan đến tiền bạc của Hạ viện chẳng có ý nghĩa gì. Thượng viện phải đại diện cho các tiểu bang căn cứ vào tài sản của mình.

Ngài G. MORRIS: Cả hình thức và nội dung của bản báo cáo đó đều khó chấp nhận. Điều khoản đầu tiên đã làm cho các tu chính án là không thể thực hiện được. Trong điều khoản tiếp theo, dường như có cam kết rằng Thượng viện sẽ đồng ý nếu Hạ viện đồng ý. Mọi khía cạnh của bản báo cáo đó đều sai lầm. Ông tới đây như một người đại diện cho nước Mỹ và tự cho rằng ở một mức độ nào đó là đại diện cho toàn thể loài người vì toàn thể loài người sẽ chịu ảnh hưởng bởi kết quả của Hội nghị này. Ông mong mọi đại biểu suy xét kỹ lưỡng vấn đề này trong cả tương lai chứ không phải chỉ trong thời gian ngắn hạn trước mắt. Cần phải xóa bỏ mọi thành kiến địa phương.

Chúng ta nhóm họp ở đây không phải để buôn bán và mặc cả vì lợi ích riêng biệt tiểu bang quê nhà mà cần phải xem xét hậu quả của những điều chúng ta sẽ làm. Chỉ riêng điều đó mới chỉ ra con đường cho chúng ta. Rất nhiều người nói về tâm trạng của dân chúng. Nhưng nếu kế hoạch chúng ta đề xuất là đúng đắn và hợp lý, mọi người có lý trí và có óc xét đoán đều tán thành, bất chấp những gì mà nhiều quý ngài lo ngại. Cứ coi rằng tất cả các bang lớn đều sẽ tán thành, còn những bang nhỏ sẽ phản đối và hãy để chúng ta tự phân tích những hậu quả sẽ xảy ra.

Những người phản đối mô hình chính quyền này tại các tiểu bang nhỏ, không nghi ngờ gì nữa, sẽ hình thành một phe phái và phản đối âm ỉ trong một thời gian. Nhưng các mối quan hệ về lợi ích, tâm trạng chung và những phong tục tập quán hàng ngày với các tiểu bang khác chặt chẽ đến mức không thể dễ dàng cắt đứt được. Đặc biệt là tại New Jersey, ông tin là rất nhiều người sẽ nói theo quan điểm của Pennsylvania và New York. Đất nước

này cần phải thống nhất. Nếu lời nói không thống nhất được, thì gươm đao sẽ thống nhất. Mọi người cần nhận thức mối nguy hiểm này.

Những điều ghê rợn sinh ra do những xung đột và những cuộc nội chiến là không thể tả nổi và thời điểm kết thúc những rối loạn này còn tồi tệ hơn khi nó đang xảy ra. Phe phái mạnh hơn sẽ kết tội những phe phái yếu là phản bội. Giá treo cổ và dây thòng lọng sẽ là hình phạt cuối cùng. Không thể kể hết được tác hại của việc ngoại bang can thiệp. Ông kể lại bức tranh âm đạm do sự can thiệp của ngoại bang trong lịch sử nước Đức và kêu gọi mọi người đừng quên bài học đó. Ông tin rằng quý ngài thể hiện ý định đó chỉ là suy nghĩ nhất thời và vô tình nhắc đến. Nhưng ông không tin bản báo cáo của ủy ban được suy xét kỹ càng vì mục tiêu tốt đẹp cho toàn xã hội. Thượng viện được thiết lập như vậy sẽ liên tục bất hòa sẽ khiến các tiểu bang phải tự quyết định về chính sách liên bang để kiểm soát và hạn chế Hạ viện.

Giả sử các đại biểu của Massachusetts và Rhode Island tại Thượng viện bất đồng ý kiến và quan điểm của Massachusetts bị bác bỏ. Vậy kết quả sẽ là gì? Ngay lập tức bang Massachusetts sẽ tuyên bố không chấp thuận quyết định đó. Một điều tương tự có thể xảy ra với Virginia và các bang khác. Chúng ta có thể không diệt hết được mọi xấu xa, nhưng chúng ta phải rút hết mọi nọc độc của con rắn. Những quyết định của chúng ta là để mang lại lợi ích thật sự cho con người, chứ không phải nhằm đáp ứng những lợi ích hạn hẹp của một địa phương nào đó. Những tâm địa hẹp hòi và ích kỷ sẽ chẳng mang lại điều gì lớn lao. Không một ai, kể cả bản thân ông, dám khẳng định rằng liệu con cái ông rồi đây sẽ là công dân của tiểu bang nào.

Ngài BEDFORD: Điều ông từng nói về các bang nhỏ có thể đã bị hiểu sai nên ông đứng lên để giải thích. Ông không có ý rằng các bang nhỏ sẽ tìm cách tranh thủ và lợi dụng sự viện trợ, hay can thiệp của ngoại bang. Ý ông chỉ là các bang nhỏ không muốn giải tán liên bang nếu các bang lớn không làm như vậy. Trong trường hợp tan rã, trách nhiệm là thuộc về phía các bang

lớn, còn các bang nhỏ sẵn lòng thực thi những cam kết của mình. Ngoại bang sẽ lợi dụng cơ hội này để trục lợi, bằng cách liên minh với các bang nhỏ với những điều khoản công bằng. Đó là điều ông muốn nói. Không ai dự đoán được cảnh túng quẫn và bước đường cùng mà các bang nhỏ có thể rơi vào nếu bị chèn ép như thế.

Ông cũng muốn biện bạch rằng thói quen và bệnh nghề nghiệp của ông [Bedford là luật sư - ND] đã thể hiện những điều cần thiết này bằng lời lẽ mạnh mẽ đó. Nhưng những điều Ngài Govr. Morris đã nói rằng gươm đao là cần thiết để thống nhất đất nước và Ngài Ghorum nói rằng Delaware sẽ phải sáp nhập với Pennsylvania và New Jersey sẽ bị chia cho Pennsylvania và New York không phải là đáng xấu hổ sao? Phải nghe những lời lẽ đó mà không có cảm xúc gì, cũng giống như việc phải từ bỏ mọi cảm xúc của con người và bản phận của công dân.

Những điều khoản do Ủy ban này đề xuất là vì các bang nhỏ muốn có những đảm bảo nào đó. Cũng giống như phải trao cho Tổng thống quyền phủ quyết các đạo luật để tự vệ, thì các tiểu bang cũng cần có những điều khoản để tự vệ. Để đạt được điều này, các tiểu bang nhỏ đã thừa nhận quyền đại diện theo tỷ lệ dân số tại Hạ viện và các đạo luật về tiền bạc và lợi tức sẽ do Hạ viện khởi thảo. Nếu các bang nhỏ không được những nhượng bộ tương ứng tại Thượng viện đáp ứng thì họ sẽ chẳng bao giờ chấp nhận mô hình này và hậu quả sẽ là gì, nếu không có mô hình nào được phê chuẩn? Bởi cảnh nước Mỹ đòi ngay lập tức đạt được một điều gì đó. Một mô hình khiếm khuyết được phê chuẩn còn tốt hơn là chẳng thu được điều gì. Những khiếm khuyết này, nếu cần thiết, sẽ được chỉnh sửa tại một cuộc họp nào đó sau 10, 15 hay 20 năm nữa.

Ngài ELSEWORTH: Dù không tham gia Ủy ban nhưng sẵn sàng chấp nhận thỏa hiệp mà họ đạt được. Các thỏa hiệp là cần thiết và ông thấy những điều khoản đó là hợp lý.

Ngài WILLIAMSON: Hy vọng những đại biểu khác không quá đề tâm và phiến muộn về tâm trạng và lời lẽ vừa trình bày của Ngài Bedford. Ông hy vọng các lời lẽ đó không bị hiểu nhầm và không bị thổi phồng. Ông không đồng ý với Ngài G.Morris rằng gươm đao là thứ cần rút ra để chống lại các bang nhỏ. Ngài Morris chỉ nói về những hậu quả của sự vô chính phủ ở Mỹ. Điều mà Ngài Ghorum nói cũng tương tự như vậy. Ông sẵn lòng nghe những thảo luận về bản báo cáo của Ủy ban.

Ngài PATERSON: Bản báo cáo được Ủy ban thỏa hiệp đề xuất, đối với ông, chính là kết quả của những cuộc tranh luận tự do. Ông coi những lời lẽ nóng nảy là không thích đáng và nghĩ rằng “Giá treo cổ và Dây thòng lọng” sẽ không đạt được kết quả cần thiết. Ông phàn nàn cách Ngài Madison và Ngài G.Morris đối xử và xét đoán các bang nhỏ.

Ngài GERRY: Mặc dù cơ bản tán thành bản báo cáo của Ủy ban, thì ông vẫn có lý do để phản đối. Tuy nhiên, chúng ta đang ở một tình huống rất đặc biệt. Chúng ta không phải là những người cùng một tổ quốc, nhưng cũng không phải là những người khác tổ quốc, nên không thể theo đuổi chính xác mô hình này, hay mô hình kia. Nếu không có thỏa hiệp, liên minh chắc chắn tan rã. Hai mô hình được đề xuất quá khác biệt và không ai dự đoán được hậu quả sẽ thế nào. Nếu chúng ta không đạt được một thỏa thuận nào cho chúng ta, lưỡi gươm của ngoại bang sẽ thay cho chúng ta làm điều đó.

Ngài MASON: Bản báo cáo đó không phải là những điều khoản phải chấp nhận mà chỉ thuần túy là những điều khoản mang tính hòa giải. Cần phải có một số hòa giải, bởi nếu không, chúng ta sẽ chẳng làm được gì. Hội nghị này lập ra Ủy ban đó với mục đích đạt được sự thỏa hiệp và đó là điều mà Ủy ban này đã làm được. Ông thà chôn xác mình tại thành phố này còn hơn để tổ quốc phải gánh chịu những hậu quả thảm khốc, nếu Hội nghị này giải tán mà không đạt được kết quả nào.

Đến lúc này, Khoản I trong bản báo cáo của Ủy ban, ấn định tỷ lệ đại diện

của Hạ viện, một đại biểu đại diện cho 40.000 dân, được đưa ra xem xét.

Ngài G. MORRIS: Phản đối qui định tỷ lệ đó. Tài sản cũng cần được xem xét như qui mô dân số. Cuộc sống và sự tự do nói chung là giá trị hơn tài sản. Nhưng nếu phân tích chính xác sẽ thấy tài sản mới là mục đích chủ yếu của xã hội. Các tiểu bang hoang vu ủng hộ tự do hơn những tiểu bang giàu có. Tự do cũng là điều mà những người không biết thế nào là tài sản đòi hỏi, nên tài sản chỉ có thể được chính quyền bảo đảm bằng qui định và luật pháp. Ý tưởng này có thể là mới mẻ đối với một số quý ngài, nhưng đó mới chính là sự công bằng. Nếu tài sản là mục tiêu chủ yếu của chính quyền thì đó cũng phải là một hình thức đánh giá mức độ ảnh hưởng của con người. Ông cũng mong đợi các tiểu bang mới sẽ nhanh chóng được thiết lập ở miền Tây. Ông nghĩ qui định về đại diện cần phải được ấn định để đảm bảo các tiểu bang bên bờ Đại Tây Dương chiếm ưu thế trong chính quyền liên bang. Các bang mới nhận thức về lợi ích của dân chúng kém hơn những bang ở đây, nên sẽ có những lợi ích khác biệt nhất định. Họ đặc biệt khác xa với toàn thể cộng đồng về các khoản nợ chiến tranh và với các bang có hoạt động thương mại hàng hải.

Do vậy cần có các điều khoản ngăn chặn việc các bang mới ở miền Tây áp đảo các tiểu bang ven biển trong các cuộc bỏ phiếu sau này. Điều này có thể đạt được bằng việc ấn định số lượng đại biểu cho từng tiểu bang.

Ngài RUTLIDGE: Ngài Morris nói rất chính xác. Tài sản chắc chắn là mục đích chủ yếu của xã hội. Nếu dân số được sử dụng để quyết định số người đại diện, các bang ven biển Đại Tây Dương sẽ bị các bang miền Tây áp đảo. Ông đề xuất rằng điều khoản đầu tiên của bản báo cáo cần phải hoãn lại để xem xét những qui định như "quyền bỏ phiếu của các bang sẽ được qui định và chia tỷ lệ căn cứ vào tổng số tiền được cư dân của tiểu bang đó đóng góp vào ngân khố liên bang. Quyền bỏ phiếu phân chia theo tỷ lệ đó được qui định vào cuối năm thứ _____ kể từ cuộc họp đầu tiên của cơ quan lập pháp

liên bang. Cho tới khi có qui định khác, quyền bỏ phiếu cho New Hampshire sẽ là _____; cho Massachts sẽ là _____.

Đại tá MASON: Việc các bang mới gia nhập liên minh không được ghi trong báo cáo. Dù không tham gia Ủy ban, nhưng bản thân ông cho rằng nếu họ trở thành một bộ phận của liên minh, họ không thể chịu những thiên vị lệch lạc và sự xem thường đó.

Ngài RANDOLPH cũng đồng ý với đại tá Mason.

Về đề xuất của Ngài Rutlidges qui định tỷ lệ bỏ phiếu căn cứ vào số tiền đóng góp:

MA : phản đối; CT: phản đối; NY: phản đối; NJ: phản đối; PA: phản đối; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: phản đối; NC: phản đối; SC: tán thành; GA: không thống nhất.

Hội nghị dừng họp tại đây.

Ngày hôm sau, Hội nghị đã thống nhất với ý kiến của Ngài Morris trước mắt ấn định số lượng đại biểu của mỗi bang căn cứ vào số dân và cứ sau 10 năm sẽ tổng kiểm tra dân số một lần.

Bầu chọn và nhiệm kỳ của Tổng thống Ngày 17 và 19 tháng Bảy

Tổng thống là người đứng đầu nhánh hành pháp và có quyền lực vô cùng lớn. Vì thế, những qui định về việc chọn lựa Tổng thống là rất quan trọng. Các đại biểu đều chia thành hai phe. Một bên muốn cho dân chúng quyền bầu chọn, còn bên kia muốn các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn. Nhưng đây là vấn đề rất phức tạp, trong đó, điều mấu chốt là làm thế nào thiết lập được một Tổng thống mạnh nhưng tránh được các nguy cơ suy thoái thành nền độc tài hay chế độ quân chủ, nên Hội nghị dành rất nhiều thời gian thảo luận về mô hình Tổng thống và mãi đến khi gần kết thúc Hội

ngợi, chi tiết điều khoản này mới được quyết định xong.

Đề xuất thứ 9: "nhánh hành pháp quốc gia sẽ gồm một người duy nhất do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn" được đưa ra thảo luận.

Ngài GOUVERNEUR MORRIS: Kịch liệt phản đối. Tổng thống sẽ chỉ là tay sai của cơ quan lập pháp, nếu do cơ quan này bổ nhiệm và buộc tội. Tổng thống cần phải được dân chúng, những người chủ thực sự của đất nước này bầu ra. Cách bầu chọn này cũng gặp nhiều khó khăn, nhưng như việc bầu chọn Thống đốc ở New York và Connecticut, những khó khăn đó có thể vượt qua được.

Nếu dân chúng có quyền bầu chọn, họ sẽ không bao giờ nhầm lẫn trong việc ủng hộ những cá nhân xuất sắc, những người có uy tín trên khắp lục địa. Nếu cơ quan lập pháp bầu chọn, đó sẽ là công việc của những mưu đồ, bè đảng và phe phái, sẽ giống như cuộc bầu cử Giáo hoàng bởi cuộc họp của các Hồng y Giáo chủ, khi tư cách và giá trị thật sự của cá nhân ít khi là nguyên nhân chủ yếu để bổ nhiệm. Ông đề nghị bỏ chữ "Cơ quan lập pháp quốc gia" và thay bằng "những công dân của Hợp chúng quốc".

Ngài SHERMAN: Tâm trạng của đất nước sẽ được cơ quan lập pháp thể hiện tốt hơn là bởi dân chúng. Dân chúng không thể có những thông tin đầy đủ về các cá nhân. Ngoài ra, không bao giờ có đủ đa số phiếu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Dân chúng thường chọn những người cùng tiểu bang, nên tiểu bang lớn nhất có nhiều cơ hội nhất để chọn công dân của tiểu bang mình làm Tổng thống. Nếu việc bầu chọn tiến hành bởi cơ quan lập pháp, sẽ có đủ đa số phiếu cần thiết để chọn Tổng thống.

Ngài WILSON: Có hai lý do chống lại mô hình bầu cử Tổng thống do đa số dân chúng thực hiện:

1. Ví dụ về nhà nước Ba Lan. Đó là nơi các cuộc bầu cử nguyên thủ quốc gia

thường gây ra những bạo động nguy hiểm nhất nhưng vì những lý do hoàn toàn khác. quý tộc Ba Lan đều có tài sản lớn và đông người hầu giúp họ có điều kiện đe dọa nền Cộng hòa cũng như đe dọa lẫn nhau. Tiếp theo, tất cả các đại cử tri đều tụ tập tại một nơi, nhưng cuộc bầu cử Tổng thống của chúng ta thì không như vậy.

2. Đa số dân chúng không bao giờ hoàn toàn nhất trí về một vấn đề. Nhưng sự đồng lòng của đa số dân chúng không phải là nguyên tắc cần thiết cho việc bầu cử. Không tiểu bang nào qui định như vậy cả. Có thể giải quyết khó khăn này bằng cách được sử dụng ở Massachusetts, trong trường hợp không có ứng cử viên nào chiếm được đa số phiếu của dân chúng, cơ quan lập pháp được sẽ trao quyền quyết định. Ít nhất, qui định này cũng đảm bảo người được chọn sẽ nằm trong số những người có tư cách tốt được đề cử, và ở một mức độ nào đó, ngăn chặn những mưu đồ xấu xa. Ông kịch liệt chống lại cuộc bầu cử hoàn toàn do cơ quan lập pháp tiến hành, bởi như vậy, Tổng thống sẽ không thể đại diện cho tự do và lợi ích chung của dân chúng mà thường bị thiên lệch bởi những mưu mô nham hiểm của những nghị sĩ.

Ngài PINCKNEY: Kịch liệt chống việc trao quyền bầu cử Tổng thống cho dân chúng. Dân chúng thường bị một vài kẻ mị dân dùng mưu mô xảo quyệt dẫn dắt và lừa dối. Những tiểu bang đông dân nhất hợp sức với sự câu kết của một vài kẻ mưu đồ sẽ thực hiện được âm mưu chọn Tổng thống là người của chúng. Cơ quan lập pháp quốc gia đặc biệt quan tâm đến các đạo luật do họ ban hành nên sẽ chú tâm nhất đến việc chọn người phù hợp để thực thi những bộ luật này.

Ngài G. MORRIS: Ngài Pinckney nói rằng nếu để dân chúng bầu chọn, thì những tiểu bang đông dân sẽ bắt tay nhau để lựa chọn người mà họ hài lòng, nhưng thực tế, thì ngược lại. Dân chúng các tiểu bang này không thể kết hợp lại được. Nếu có bất kỳ sự kết hợp nào, thì chỉ có thể là sự kết hợp để chọn các đại biểu tại cơ quan lập pháp. Việc dân chúng bị một số kẻ xảo quyệt dẫn

đất chỉ có thể xảy ra ở các quận nhỏ, chứ không bao giờ xảy ra trên khắp cả nước. Trong cuộc bầu cử Thống đốc New York, đôi khi ở vài vùng nào đó, một số kẻ xảo trá, lăm muru mô, có thể thành công, nhưng tiếng nói chung của toàn tiểu bang thì không bao giờ bị ảnh hưởng.

Có người nói rằng dân chúng sẽ không được thông tin đầy đủ. Đúng là họ sẽ không được thông tin về những buổi họp kín của cơ quan lập pháp, nhưng họ không phải là không hiểu biết những nhân vật đáng kính trọng, lừng lẫy và vĩ đại. Nếu Tổng thống được cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn, ông ta sẽ không thể độc lập với cơ quan này và nếu không được độc lập, sự lạm quyền và chuyên chế của cơ quan lập pháp sẽ là hậu quả tất yếu. Đây là trường hợp của nước Anh trong thế kỷ trước. Đó là trường hợp của Hà Lan, nơi Thượng nghị viện chiếm đoạt hết mọi quyền lực. Điều này xảy ra ở khắp mọi nơi.

Ông ngạc nhiên là có đại biểu so sánh cuộc bầu cử bởi đông đảo dân chúng với cuộc bầu cử người đứng đầu nhà nước ở Ba Lan. Một cuộc bầu cử do cơ quan lập pháp tiến hành mới thật sự giống với cuộc bầu cử Tổng thống của Nghị viện Ba Lan. Những nghị sĩ xấu xa, tham nhũng sẽ tìm cách chọn một kẻ giống mình làm Tổng thống. Việc bầu chọn do một số cơ quan tiến hành còn tồi tệ hơn cả việc nếu để cho một cá nhân riêng biệt chịu trách nhiệm hoàn toàn, hay do đa số dân chúng chọn ra.

Đại tá MASON: Thật kỳ quặc, khi lúc thì nói thế này, lúc thì nói thế kia. Vừa lúc này, chúng ta nói rằng cơ quan lập pháp chính là nơi được đặt toàn bộ niềm tin và cần trao mọi quyền lực. Bây giờ thì lại nói là cơ quan này sẽ bị điều hành bởi những kẻ muru mô, xảo quyệt, tham lợi và không thể tin tưởng được. Một chính quyền muốn tồn tại lâu dài, ít nhất, phải có tính khả thi. Mọi chuyện sẽ ra sao nếu trao cuộc bầu cử này cho dân chúng? Thật là gượng ép khi nói rằng dân chúng tất yếu sẽ chọn được người thích hợp cho chức Tổng thống cũng giống như việc cho rằng người mù biết phán xét màu sắc. Qui mô rộng lớn của đất nước làm dân chúng không đủ kiến thức phán

xét hành vi và tính cách của các ứng cử viên.

Ngài WILSON: Không thấy mâu thuẫn trong tuyên bố của Mason. Cơ quan lập pháp đáng được tin cậy ở một số khía cạnh, nhưng không đáng tin cậy trong những khía cạnh khác. Trong những đạo luật tác động đến họ và đến cử tri, thì các cử tri sẽ có niềm tin vào các đại biểu. Nhưng trong những trường hợp khác, giữa họ sẽ có lòng ghen tị. Cơ quan lập pháp có nhiều động cơ hơn công chúng trong việc bổ nhiệm những chức vụ quan trọng nên không thể đặt niềm tin vào cơ quan này. Ai cũng biết rằng nhánh hành pháp dễ tham nhũng và dễ bị mua chuộc nhất, nên mọi hành động của cơ quan này cần phải được cơ quan lập pháp kiểm soát chặt chẽ.

Ngài WILLIAMSON: Sự khác nhau giữa cuộc bầu cử do dân chúng và do cơ quan lập pháp cũng giống như sự khác biệt giữa việc bổ nhiệm bằng cách rút thăm và bằng sự chọn lựa. Hiện nay, nước Mỹ có những cá nhân xuất sắc mà ai ai cũng biết đến, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Chắc chắn, dân chúng sẽ bỏ phiếu cho những người cùng tiểu bang, nên các bang lớn nhất định sẽ chọn được người của họ. Tuy nhiên, điều này không đúng với Virginia bởi nô lệ không có quyền bỏ phiếu. Vì lương bổng của Tổng thống đã được ấn định và Tổng thống không được tái cử, nên Tổng thống không thể bị phụ thuộc vào nhánh lập pháp như nhiều người hình dung.

Kết quả cuộc bỏ phiếu về việc trao quyền bầu chọn bởi dân chúng thay cho nhánh lập pháp:

MA: phản đối; CT: phản đối; NJ: phản đối; PA: tán thành; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: phản đối; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (9 bang phản đối, 1 bang tán thành).

Ngài L. MARTIN: Đề xuất Tổng thống sẽ do các đại cử tri bầu chọn mà các đại cử tri lại được các cơ quan lập pháp tiểu bang bổ nhiệm.

Ngài BROOME: Ủng hộ ý kiến này.

Nhưng đề xuất trên bị bác bỏ bằng cuộc bỏ phiếu:

MA : phản đối; CT: phản đối; NJ: phản đối; PA: phản đối; DE: tán thành;
MD: tán thành; VA: phản đối; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (8
bang phản đối, 2 bang tán thành)

Tuy nhiên, sau này, tới ngày 24 và 25 tháng Bảy, sau khi Hội nghị đồng ý cho phép Tổng thống được quyền tái cử, thì phương pháp bầu chọn lại được đưa ra xem xét lại và Hội nghị chuyển sang chấp thuận việc cho phép dân chúng gián tiếp bầu Tổng thống thông qua các đại cử tri.

Qui định "sẽ do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn" được Hội nghị hoàn toàn nhất trí.

Hội nghị cũng chấp thuận đề nghị của Ngài Houston và Ngài Govr. Morris hoãn lại việc thảo luận qui định "trong nhiệm kỳ bảy năm".

Hội nghị cũng hoàn toàn nhất trí với điều khoản "để thi hành mọi đạo luật quốc gia" và "để bổ nhiệm những viên chức không được hiến pháp qui định".

Ngài HOUSTON: Đề xuất gạch bỏ câu "không được tái cử lần hai".

Ngài SHERMAN: Ủng hộ ý kiến đó.

Ngài GOVR. MORRIS: Tán thành. Qui định không được tái cử sẽ cản trở nỗ lực của những người có tư cách đạo đức tốt muốn được tái cử.

Hội nghị hoàn toàn chấp thuận đề xuất cho phép Tổng thống có quyền tái cử như Ngài Houston mong muốn:

MA: tán thành; CT: tán thành; NJ: tán thành; PA: tán thành; DE: phản đối;

MD: tán thành; VA: tán thành; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: tán thành.
(3 bang phản đối, 7 bang tán thành)

Điều khoản "trong nhiệm kỳ bảy năm" lại được đưa ra xem xét.

Ngài BROOM: Đề nghị rút ngắn thời hạn của nhiệm kỳ vì bây giờ Tổng thống đã được quyền tái cử. Nếu không được tái cử, thì nhiệm kỳ dài 7 năm là hợp lý.

Bác sĩ Mc. CLURG: Đề xuất gạch bỏ chữ "bảy năm" và thay bằng "trong thời gian có tư cách đạo đức tốt". Khi cho phép tái cử, Tổng thống tất yếu sẽ phụ thuộc vào cơ quan lập pháp, nhưng sự độc lập của Tổng thống cũng hoàn toàn cần thiết như đối với nhánh tư pháp.

Ngài G. MORRIS: Ủng hộ ý kiến này. Đó là biện pháp để có được một chính quyền tốt đẹp. Ông không quan tâm lắm đến việc bầu chọn Tổng thống thế nào, nhưng Tổng thống phải có quyền giữ chức vụ đó trong nhiệm kỳ "tư cách đạo đức tốt" [Tức là giữ chức vụ suốt đời].

Ngài BROOME: Hoàn toàn tán thành đề xuất này. Nhiệm kỳ đó sẽ khắc phục được mọi khó khăn và trở ngại của chức vụ Tổng thống.

Ngài SHERMAN: Nhiệm kỳ suốt đời là không an toàn và không thể chấp nhận được. Vì Tổng thống bây giờ đã được quyền tái cử, nên ông ta luôn luôn thể hiện tư cách đạo đức tốt khi thấy cần thiết. Nếu có tư cách tốt, ông ta sẽ được tái cử, còn nếu không, ông ta sẽ bị thay thế trong kỳ bầu cử kế tiếp.

Ngài MADISON: Nếu nhất thiết phải duy trì tự do, thì quyền lực của nhánh hành pháp, lập pháp và tư pháp phải được tách biệt và nhất thiết phải duy trì sự tách biệt này để họ độc lập với nhau. Nhánh hành pháp không thể độc lập khỏi nhánh lập pháp nếu phải phụ thuộc vào sự hài lòng của cơ quan này để được tái cử. Tại sao lại qui định các thẩm phán không được giữ chức vụ với

nhiệm kỳ có thời hạn? Bởi vì bằng cách dễ dãi quá mức trong việc thi hành bốn phận của mình, họ sẽ phải tìm cách thân quen với nhánh lập pháp. Như vậy, sẽ làm cho các nghị sĩ ngấm trở thành người giải thích luật. Cũng như vậy, sự phụ thuộc của nhánh hành pháp vào nhánh lập pháp sẽ làm cho các nhà làm luật và người thi hành luật trở nên giống nhau. Theo quan điểm của Montesquieu, những bộ luật chuyên chế sẽ được thi hành bằng cách thức chuyên chế.

Có sự tương đồng giữa nhánh hành pháp và tư pháp trong nhiều khía cạnh. Nhánh tư pháp thi hành luật trong những trường hợp này, còn nhánh hành pháp thi hành luật trong những trường hợp khác. Mỗi nhánh sẽ thi hành và giải thích luật vì các mục đích khác nhau. Nhưng chắc chắn, sự hợp tác giữa Tổng thống và Quốc hội sẽ gây nhiều nguy hiểm hơn là sự hợp tác giữa Quốc hội và Tòa án. Vì thế, muốn thiết lập một Nhà nước Cộng hòa tốt đẹp, tuyệt đối phải tách biệt nhánh hành pháp với nhánh lập pháp.

Đại tá MASON: Ý kiến này đã được thảo luận trước đây và đã được đa số bác bỏ. Ông tin rằng lần này, ý kiến đó cũng lại bị bác bỏ. Không thể xác định thế nào là tư cách kém và càng khó khăn hơn khi muốn buộc một người giữ cương vị với nhiệm kỳ "có tư cách tốt" ra trước tòa án [để luận tội và cách chức ông ta]. Ông coi một Tổng thống, khi được giữ chức vụ khi có tư cách đạo đức tốt, chẳng khác gì một viên Tổng thống "trơn đời" nên sẽ dễ dàng biến thành một nhà nước quân chủ cha truyền, con nối. Nếu đề xuất này được thông qua, ông tin rằng chính ông sẽ chứng kiến một cuộc cách mạng nữa. Nếu ông không chứng kiến, thì con cháu ông sẽ chứng kiến. Ông tin rằng chỉ có rất ít quý ngài trong căn phòng này mong muốn điều đó và không một tiểu bang nào từ bỏ những nguyên lý cộng hòa để tán thành điều đó.

Ngài MADISON: Không thấy có lý do gì dẫn đến nền quân chủ. Mục đích thật sự của ông là ngăn chặn một việc như vậy. Kinh nghiệm trong chính

quyền chúng ta chúng tôi khuynh hướng ném hết mọi quyền lực vào tay nhánh lập pháp. Thống đốc các tiểu bang có ít quyền hơn nhiều so với quyền hạn vô biên của cơ quan lập pháp. Nếu không có sự kiểm soát và đối trọng tương ứng để kiềm chế sự bất ổn và sự lạm quyền của nhánh lập pháp, một cuộc cách mạng này hay cách mạng khác là không thể tránh khỏi. Do vậy, việc duy trì chính quyền cộng hòa đòi hỏi một giải pháp cho vấn đề này, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo được các nguyên tắc cộng hòa cao đẹp.

Ngài G. MORRIS: Cũng căm ghét thể chế quân chủ như bất cứ quý ngài nào khác và cho rằng phải thiết lập chính quyền cộng hòa để mang lại hạnh phúc cho dân chúng.

Bác sĩ Mc. CLURG: Không quá e sợ bóng ma của nền quân chủ vì điều đó không dễ dàng xảy ra và cũng không quá quyến luyến với chính thể cộng hòa vì những thể chế độc tài cũng có thể xuất hiện từ mô hình này. Mục đích chủ yếu của ông là thiết lập sự độc lập của nhánh hành pháp đối với nhánh lập pháp. Muốn như vậy, Tổng thống phải được bổ nhiệm với nhiệm kỳ suốt đời.

Đề xuất "nhiệm kỳ có tư cách tốt" bị Hội nghị bỏ phiếu bác bỏ.

MA: phản đối; CT: phản đối; NJ: tán thành; PA: tán thành; DE: tán thành; MD: phản đối; VA: tán thành; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (6 bang phản đối, 4 bang tán thành)

Hội nghị dừng họp tại đây.

Ngày 19 tháng Bảy: Hội nghị tiếp tục xem xét cách thức bầu chọn Tổng thống.

Ngài GOUVERNEUR MORRIS: Cần phải xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thiết lập mô hình nhánh hành pháp đúng đắn để mang lại lợi ích và hiệu quả cho các tiểu bang hiện nay cũng như trong tương lai. Trong khoa

học chính trị có một nguyên lý rằng chính quyền cộng hòa không phù hợp với một quốc gia quá rộng lớn, bởi uy quyền của người điều hành tối cao không thể lan tới mọi vùng xa xôi của đất nước. Hợp chúng quốc là một quốc gia vô cùng rộng lớn. Chúng ta hoặc phải từ bỏ những điều tốt lành của liên minh, hoặc phải trao cho Tổng thống uy quyền to lớn và mạnh mẽ, đủ sức kiểm soát được mọi vùng đất nước.

Một mục tiêu khác của nhánh hành pháp là việc kiểm soát cơ quan lập pháp. Cơ quan lập pháp liên tục tìm cách mở rộng và tăng cường quyền lực của mình, hoặc lợi dụng những thời điểm nguy kịch để gây ra những cuộc chiến tranh, xâm lược, hay rối loạn để đạt được mục tiêu đó. Khi đó, Tổng thống cần phải trở thành người bảo vệ cho dân chúng, thậm chí, cho cả tầng lớp dưới chống lại sự chuyên quyền, độc tài của ngành lập pháp, tức là chống lại tầng lớp giàu có, thành phần chủ yếu của Quốc hội. Người giàu thường có khuynh hướng làm đôi bại trí não và nuôi dưỡng tham vọng giành quyền lực, xúi giục bạo loạn. Lịch sử đã chứng tỏ ý muốn đó của người giàu.

Sự kiểm soát tại Thượng viện không có nghĩa là kiểm soát sự lạm quyền của cơ quan lập pháp mà chỉ kiểm soát sự lạm dụng những quyền hợp pháp, kiểm soát xu hướng của Hạ viện dễ sa vào các dự án hấp tấp, như tiền giấy và những thứ tương tự. Nhưng đó không phải là cách kiểm soát thói chuyên quyền của cơ quan lập pháp. Ngược lại, nó còn thúc đẩy âm mưu đó và nếu Hạ viện bị cảm dỗ thì người giàu sẽ đạt được mục đích của mình. Do đó, Tổng thống phải được thiết lập để trở thành người bảo vệ vững vàng nhất cho đông đảo dân chúng. Đó là bổn phận của Tổng thống trong việc bổ nhiệm các viên chức chính quyền và chỉ huy quân đội của nền Cộng hòa.

Ai sẽ là người phán xét tốt nhất đối với sự bổ nhiệm này? Chính là dân chúng, những người sẽ biết, sẽ theo dõi và sẽ hiểu được vai trò của những viên chức này. Ai có thể phán xét được những hành động quân sự trong việc bảo vệ dân chúng, nếu không phải là chính những người dân, những người

cần sự bảo vệ đó? Việc Tổng thống không được tái cử sẽ có hậu quả thế nào?

1. Qui định này, bằng việc tước đi cơ hội được tái cử, sẽ làm mất đi lòng khao khát được dân chúng ca ngợi mà đó là phần thưởng của dân chúng đối với những người làm việc tốt. Danh tiếng và vinh quang là động lực mạnh mẽ nhất của mọi hành động cao cả. Khi con đường thông thường đạt tới vinh quang bị đóng lại, ông ta sẽ tìm cách đạt được điều đó bằng gươm đao.

2. Qui định này sẽ xúi giục Tổng thống, trong nhiệm kỳ ngắn ngủi của mình, tìm mọi mưu toan làm giàu và ban phát lợi lộc cho những người thân quen.

3. Qui định này sẽ vi phạm chính bản Hiến pháp mà nó cần phải là công cụ bảo vệ dân chúng. Trong những giai đoạn nguy ngập của chiến tranh hoặc xung đột, những cá nhân có năng lực và uy tín được công nhận thường sẽ được bầu làm Tổng thống dù với mô hình nào đi nữa. Việc Tổng thống có thể bị buộc tội là một điều khoản nguy hiểm của mô hình này vì điều đó sẽ buộc ông ta phải phụ thuộc, chứ không thể kiểm soát được cơ quan lập pháp, nên sẽ không thể là người bảo vệ vững chắc cho dân chúng và lợi ích của tất cả mọi người. Ông ta sẽ trở thành công cụ của một số kẻ mị dân trong cơ quan lập pháp.

Đó là những sai sót của mô hình hành pháp đề xuất hiện nay. Vậy chúng ta không thể lập ra mô hình nào tốt hơn chăng? Nếu Tổng thống phải là người bảo vệ dân chúng, thì hãy để dân chúng bầu chọn. Nếu Tổng thống phải là công cụ kiểm soát cơ quan lập pháp, hãy để cơ quan này không có quyền luận tội ông ta. Hãy để ông ta giữ nhiệm kỳ ngắn, nhưng có quyền tái cử. Có quý ngài nói rằng dân chúng không đủ trình độ đánh giá các ứng cử viên Tổng thống, nhưng nếu cơ quan lập pháp đủ khả năng đánh giá thì những ứng cử viên Tổng thống đó phải có uy tín và tư cách nổi trội. Như vậy, dân chúng không thể không biết đến họ. Không thể có một ai có uy tín nổi bật và được tin tưởng mà danh tiếng lại không vang vọng khắp đất nước. Ông không coi mỗi nguy hiểm của một người không thể bị luận tội là quá quan

trọng. Nhưng điều đó là cần thiết đối với các viên chức cao cấp như Bộ trưởng Tài chính, Bộ trưởng Chiến tranh, Bộ trưởng Ngoại giao... Nếu không có những viên chức này thì Tổng thống cũng chẳng làm được gì.

Ông đề xuất một cuộc bầu cử Tổng thống hai năm một lần, cùng thời gian với cuộc bầu cử Hạ viện. Một cuộc bầu cử, do toàn thể dân chúng trên khắp quốc gia rộng lớn tiến hành sẽ không thể bị những mưu mô tầm thường phá hoại và làm hoen ố như trong các cuộc bầu cử phổ thông ở những vùng đất nhỏ hẹp.

Có thể sẽ có Ngài phản đối rằng một cuộc bầu cử như vậy sẽ chịu ảnh hưởng của các thành viên cơ quan lập pháp, nhất là các Hạ nghị sĩ, vì nó trùng với cuộc bầu cử Hạ viện. Không thể từ chối rằng không có ảnh hưởng đó, nhưng do cơ quan lập pháp, hay các ứng cử viên thường chia rẽ. Sự thù địch của phe này sẽ chống lại phe phái kia. Nếu Tổng thống thi hành bổn phận của mình một cách đúng đắn, thì không thể ngăn cản Tổng thống được quyền tái cử. Nhưng nếu ông ta thi hành kém cỏi thì cần phải chống đối và ngăn chặn việc ông ta tái cử.

Sự phụ thuộc gián tiếp vào cơ quan lập pháp không thể dẫn đến những hậu quả nguy hiểm như việc phụ thuộc trực tiếp. Tổng thống không thể độc lập với Quốc hội nếu không trao cho Tổng thống một nhiệm kỳ suốt đời hoặc được quyền tái cử và do dân chúng bầu chọn. Có thể nhiệm kỳ hai năm là quá ngắn. Nhưng ông tin rằng nếu Tổng thống có tư cách tốt, ông ta vẫn sẽ tiếp tục được giữ chức vụ này. Qui mô rộng lớn của nước Cộng hòa sẽ đảm bảo ông ta sẽ được tái cử, bất chấp những âm mưu phe phái và sự bất bình tại một số tiểu bang nào đó. Cũng cần nghiên cứu việc bổ sung thêm những điều khoản để dễ được dân chúng chấp thuận. Ông cho rằng toàn bộ các qui định về nhánh hành pháp của bản Hiến pháp này cần phải được xem xét lại...

Ngài RANDOLPH: Tán thành ý kiến của Ngài L. Martin nhằm khôi phục lại

qui định không cho Tổng thống được tái cử lần hai. Nếu Tổng thống muốn được độc lập thì ông ta không được phép nghĩ đến việc tái cử. Nếu Tổng thống được tái cử bởi cuộc bỏ phiếu của cơ quan lập pháp, ông ta sẽ không còn là sự kiểm soát đối với nhánh này nữa. Quyền phê chuẩn của ông không còn chiếm ưu thế. Nếu Tổng thống được cơ quan lập pháp bầu chọn, như Hội nghị quyết định, thì Tổng thống có thể được bầu chung bởi lá phiếu của cả hai viện, hoặc được Hạ viện đề cử, còn Thượng viện chọn lựa. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, các bang lớn vẫn sẽ chiếm ưu thế. Nếu Tổng thống tìm cách lợi dụng chức vụ của mình để được tái cử, thì liệu ông ta có dám dùng quyền phủ quyết của mình không? Khi đó, mọi bổn phận của nền hành pháp chỉ là sự qui phục quan điểm của các bang lớn.

Bên cạnh đó, việc ông ta có quyền được tái cử cũng gây nguy hiểm. Cơ quan lập pháp có thể vờ vĩnh hài lòng đồng ý chọn một nhân vật xoàng xĩnh tiếp tục giữ chức vụ này. Có quý ngài cho rằng việc được quyền tái cử sẽ làm cho ông ta thêm cố gắng. Có thể thấy rằng sự cố gắng của ông ta không có ảnh hưởng, trừ phi dân chúng xấu xa và đòi bại đến mức mọi sự cẩn trọng trở nên chẳng có ý nghĩa gì. Ông nghĩ mô hình cơ quan lập pháp chọn Tổng thống, nhưng không được quyền tái cử, là một cách thức tốt và sẽ được dân chúng dễ chấp nhận hơn đề xuất của Ngài G. Morris.

Ngài KING: Không tán thành qui định không được tái cử. Ông nghĩ những nhận xét của Ngài Sherman rằng những người vừa chứng tỏ mình là người phù hợp nhất và có năng lực nhất cho chức vụ này, nhưng rồi lại không được Hiến pháp cho phép tiếp tục giữ chức vụ này là rất chính xác. Do đó, ông tán thành bất cứ giải pháp nào thay thế cho giải pháp này. Ông tin chắc rằng trong những trường hợp như vậy, nói chung, dân chúng sẽ có sự lựa chọn khôn ngoan. Thực tế, toàn thể dân chúng khó lòng thống nhất quan điểm đề ủng hộ bất kỳ ứng cử viên nào. Về tổng thể, ông cho rằng phương án các đại cử tri bầu cử Tổng thống, còn các đại cử tri lại do dân chúng chọn ra là giải pháp ít bị chống đối nhất.

Ngài PATERSON: Cùng quan điểm với Ngài King. Ông đề nghị Tổng thống phải do các đại cử tri bầu chọn. Những đại cử tri sẽ do các tiểu bang chọn ra theo tỷ lệ một đại cử tri cho bang nhỏ nhất và ba cho bang lớn nhất.

Ngài WILSON: Mọi đại biểu khó lòng thông nhất với việc trao cho cơ quan lập pháp quyền bầu chọn, trừ phi Tổng thống không được quyền tái cử. Ông nghĩ rằng cuộc bầu cử trực tiếp hay gián tiếp của dân chúng là hợp lý nhất.

Ngài MADISON: Nguyên tắc cơ bản của một chính quyền tự do là các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp cần phải được tách biệt, để các cơ quan này cũng hoàn toàn độc lập với nhau. Do vậy, người đứng đầu cơ quan hành pháp cũng phải do nhân dân bầu ra để ông ta được độc lập với cơ quan lập pháp. Sự độc lập không thể đạt được nếu Tổng thống do cơ quan lập pháp bổ nhiệm.

Vì thế, Tổng thống cần được được bổ nhiệm theo một cách thức khác, tốt nhất là do dân chúng. Cách này sẽ chọn ra được Tổng thống có tư cách tốt nhất. Dân chúng sẽ biết và bỏ phiếu cho công dân có tư cách và phẩm chất nổi tiếng, được kính trọng trong cả nước. Tuy nhiên, việc ngay lập tức cho toàn thể dân chúng tiến hành bầu cử Tổng thống là vô cùng khó khăn. Quyền bỏ phiếu ở miền Nam phức tạp hơn nhiều so với miền Bắc. Hơn nữa, các bang miền Bắc sẽ không có ảnh hưởng lớn trong cuộc bầu cử nếu tính đến người da đen. Việc cho phép những đại cử tri bầu cử sẽ loại bỏ khó khăn này và dường như sẽ dễ được dân chúng chấp nhận nhất.

Ngài GERRY: Nếu Tổng thống được Quốc hội bầu chọn thì ông ta nhất định không được quyền tái cử. Quyền được tái cử sẽ làm Tổng thống hoàn toàn phụ thuộc vào Quốc hội. Ông phản đối việc trao cho dân chúng quyền bầu cử. Dân chúng không đủ thông tin và sẽ bị nhiều kẻ thủ đoạn lừa dối. Ông đòi việc bầu chọn Tổng thống sẽ do những đại cử tri, được các Thống đốc tiểu bang bổ nhiệm, tiến hành. Như vậy, dân chúng các tiểu bang sẽ bầu chọn Hạ viện, các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn Thượng viện, còn

các Thống đốc sẽ bầu chọn Tổng thống. Ông nghĩ mô hình này sẽ hình thành một liên kết chặt chẽ giữa các tiểu bang với liên bang. Mô hình dân chúng bầu chọn Tổng thống là cách tối tệ nhất. Với cách này, Tổng thống liên bang sẽ giống như Thống đốc Bowdoin của Massachusetts, hay Thống đốc Sullivan của New Hampshire .

Tất cả các tiểu bang đều đồng ý với đề nghị của Ngài

G. Morris xem xét lại toàn thể qui định về Tổng thống trong bản Hiến pháp.

Ngài ELSEWORTH: Đề xuất xóa bỏ việc bổ nhiệm Tổng thống do cơ quan lập pháp tiến hành và thay bằng "được các đại cử tri bầu chọn. Các đại cử tri sẽ do cơ quan lập pháp của các tiểu bang chọn theo tỷ lệ một đại cử tri cho các bang không quá 200.000 người, hai cho các bang có dân số từ 200.000 đến 300.000 và ba đại cử tri cho các bang có trên 300.000 dân".

Ngài RUTLIDGE: Phản đối mọi phương án bầu cử không phải do cơ quan lập pháp quốc gia tiến hành. Tổng thống phải được độc lập nên ông ta không được quyền tái cử.

Ngài GERRY: Tán thành ý kiến của Ngài Elseworth, khi cho cơ quan lập pháp quốc gia quyền bầu chọn Tổng thống, hoặc do dân chúng, chứ không thể do nhánh hành pháp của các tiểu bang. Ông đề nghị qui định 25 đại cử tri và phân bổ cho các tiểu bang theo tỷ lệ tương ứng.

Kết quả bỏ phiếu về đề xuất "Tổng thống sẽ do các đại cử tri do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn" của Ngài Elseworth:

MA: không thống nhất; CT: đồng ý; NJ: đồng ý; PA: đồng ý; DE: đồng ý; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (6 bang tán thành; 3 bang phản đối, một bang không quyết định)

Về đề xuất các đại cử tri sẽ do cơ quan lập pháp tiểu bang chọn lựa:

MA: đồng ý; CT: đồng ý; NJ: đồng ý; PA: đồng ý; DE: đồng ý; MD: đồng ý; VA: phản đối; NC: đồng ý; SC: phản đối; GA: đồng ý; (8 bang đồng ý, 2 bang phản đối).

Hội nghị dừng họp tại đây.

Tranh luận về quyền phủ quyết của tòa án và cách bầu chọn thẩm phán Ngày 21 tháng Bảy

Mặc dù điều khoản thiết lập nhánh tư pháp liên bang đã được Hội nghị thảo luận từ giữa tháng Sáu, nhưng sau này, do nhiều thay đổi và biến động, nên Hội nghị đã đưa ra thảo luận lại, đặc biệt là việc có trao quyền phủ quyết cho các thẩm phán không. Thật bất ngờ là các đại biểu chủ chốt nhất của Hội nghị như Madison, Mason, G. Morris và James Wilson, những người được coi là khôn ngoan và thông thái nhất, lại hoàn toàn thất bại trong việc thuyết phục các đại biểu khác chấp nhận cho phép Tòa án Tối cao tham gia vào quyền phủ quyết của Tổng thống.

Trong những buổi họp này, cách thức bầu chọn thẩm phán cũng được thảo luận kỹ càng, bởi mục đích của cơ quan này là sự độc lập và sáng suốt, không chỉ để xét xử dân chúng mà còn để phán xét mọi sai trái của nhánh hành pháp cũng như nhánh lập pháp. Tuy nhiên, cũng như nhiều vấn đề phức tạp khác, sau khi đồng ý cho phép Quốc hội chọn lựa thẩm phán, khi bản dự thảo Hiến pháp được thảo luận lại vào cuối tháng Tám, Hội nghị lại trao quyền chọn thẩm phán cho Tổng thống.

Ngài WILSON: Đề xuất sửa đổi điều khoản số 10, nên viết là "nhánh tư pháp quốc gia sẽ cùng với bộ máy hành pháp giữ quyền phủ quyết các đạo luật do Quốc hội ban hành". Trước đây, đề xuất này đã được đưa ra nhưng bị bác bỏ. Nhưng ông tin vào tác dụng tích cực của qui định này, nên ông buộc phải nêu lại. Bộ máy tư pháp cần có cơ hội khuyến can và ngăn chặn sự tiếm quyền của dân chúng cũng như của Quốc hội. Các thẩm phán sẽ là những

người giải thích Hiến pháp nên phải có trách nhiệm bảo vệ nó.

Cách thiết lập tòa án hiện nay cho phép cơ quan này có quyền lực lớn, nhưng như thế vẫn chưa đủ. Luật pháp có thể không công bằng, có thể không khôn ngoan, có thể nguy hiểm, có thể mang tính phá hoại, nên sẽ không sáng suốt nếu không trao cho các thẩm phán quyền phủ quyết. Hãy để họ cùng chia sẻ quyền phủ quyết các đạo luật với Tổng thống. Họ sẽ phân tích những bộ luật và sẽ sử dụng quyền lực của mình chống lại những quan điểm sai trái của cơ quan lập pháp.

Ngài MADISON: Ủng hộ quan điểm này.

Ngài GORHAM: Không thấy lợi ích nào trong việc trao cho các thẩm phán quyền phủ quyết. Bởi các thẩm phán không sở hữu những kiến thức đặc biệt nào về các chính sách của xã hội nên việc trao cho họ quyền giám sát hợp hiến là không cần thiết. Các quan tòa ở Anh không có quyền nào như vậy, nhưng sự phán xét của họ cũng không hề bị nhầm lẫn. Tốt nhất là chỉ cho phép Tổng thống mới có quyền phủ quyết và cho Tổng thống quyền triệu tập các thẩm phán để tư vấn.

Ngài ELLSWORTH: Rất tán thành đề xuất của Ngài Wilson. Trao thêm quyền phủ quyết cho các thẩm phán sẽ làm tăng sự khôn ngoan và vững chắc của nhánh hành pháp bởi họ có kiến thức hệ thống và chính xác về luật pháp, điều mà Tổng thống không thể có được. Luật pháp quốc gia thường xuyên bị nghi ngờ và chất vấn nên chỉ các thẩm phán mới có được các thông tin và kiến thức đầy đủ nhất về vấn đề này.

Ngài MADISON: Coi đây là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với bản Hiến pháp. Sẽ có ích nếu trao thêm cho nhánh tư pháp quyền tự vệ, chống lại sự lạm quyền của cơ quan lập pháp. Điều này cũng có ích cho nhánh hành pháp, vì cơ quan này sẽ có thêm niềm tin và sự vững chắc trong việc thi hành quyền phủ quyết. Nhờ sự trợ giúp có giá trị đó, cơ quan lập pháp cũng có lợi

vì qui định này sẽ duy trì được sự kiên định, tính chính xác, sự minh bạch cho các đạo luật, chống lại những ý muốn và hành động bất thường của nền Cộng hòa.

Điều này cũng có ích cho toàn cộng đồng vì đó là biện pháp kiểm tra cần thiết chống lại những đạo luật bất công và xấu xa hiện gây rất nhiều tai họa cho chúng ta. Nếu đề xuất này bị chống đối thì sẽ phải trao thêm nhiều quyền lực hoặc cho Tổng thống, hoặc cho Tòa án. Ông không nghĩ rằng ý kiến này là hợp lý. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng dù có sự hợp tác giữa hai nhánh chính quyền này, thì cơ quan lập pháp vẫn sẽ áp đảo họ. Thực tế ở mọi tiểu bang đều khẳng định cơ quan lập pháp đều có xu hướng muốn giành mọi quyền lực vào tay mình. Đó là mối nguy hiểm thật sự cho bản Hiến pháp Liên bang. Vì thế, việc trao mọi thẩm quyền tự vệ cho các nhánh chính quyền khác là hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc cộng hòa.

Ngài MASON: Rất tán thành quan điểm này. Qui định này sẽ làm Tổng thống có thêm niềm tin. Nếu không, quyền phủ quyết của Tổng thống sẽ có ít ý nghĩa.

Ngài GERRY: Mục đích của quyền phủ quyết là giúp Tổng thống có cơ hội chống lại sự lạm quyền của Quốc hội. Do Tổng thống là người hiểu biết nhất và sẵn sàng nhất bảo vệ quyền lợi của mình, nên chỉ riêng Tổng thống có quyền này là đủ. Ông phản đối mạnh mẽ việc trao cho tòa án quyền này, bởi đó là sự kết hợp của nhánh lập pháp với một nhánh chính quyền khác. Qui định này sẽ thiết lập sự hợp tác không chính đáng giữa nhánh hành pháp và tư pháp, và làm cho các thẩm phán trở thành chính khách và là người bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Những nghị sĩ đại diện cho dân chúng mới chính là những người bảo vệ quyền và lợi ích của người dân. Việc biến những thẩm phán thành những nhà làm luật là không thể được. Phương pháp chỉnh sửa luật pháp tốt nhất là biện pháp đang được tiểu bang Pennsylvania tiến hành: bổ nhiệm một hay một vài người có trình độ và kiến thức để soạn thảo các

đạo luật cho cơ quan lập pháp.

Ngài STRONG: Cũng nghĩ như Ngài Gerry rằng nguyên tắc đúng đắn nhất là quyền làm luật phải tách riêng với quyền giải thích luật. Các thẩm phán, khi làm người giải thích luật, vẫn có thể chịu ảnh hưởng bởi phe phái của mình và sẽ chịu ảnh hưởng này trong việc làm luật.

Ngài G. MORRIS: Cần phải có những kiểm soát cần thiết đối với cơ quan lập pháp, nhưng vấn đề là cần trao chúng vào tay ai. Một mặt, nhiều quý ngài cho rằng chỉ trao quyền này cho riêng Tổng thống. Nhưng một Tổng thống được bổ nhiệm trong một nhiệm kỳ nhiều năm và không bị luận tội không thể là sự kiểm soát hiệu quả. Mặt khác, ông cũng muốn tăng cường sức mạnh của nhánh tư pháp. Lập luận ủng hộ quan điểm những người giải thích luật không thể là những người làm luật được rút ra từ hệ thống chính quyền Anh. Nhưng sự thực là các thẩm phán ở Anh tham gia rất nhiều vào quá trình lập pháp. Họ được tư vấn trong nhiều trường hợp phức tạp. Các thẩm phán có thể là thành viên của Nghị viện, hay thành viên của Hội đồng Cơ mật và có thể khuyên can Thủ tướng Anh. Ảnh hưởng của các thẩm phán Anh đối với Nghị viện Anh trong việc tăng cường sự kiểm soát của bộ máy hành pháp không lớn bởi Vua Anh có quyền quyết định cuối cùng đối với mọi bộ luật.

Sự khác biệt giữa hai trường hợp này làm cho không thể áp dụng mọi lý giải của mô hình Anh với bản Hiến pháp Mỹ. Bộ máy hành pháp Anh có những lợi ích và đặc quyền rất lớn và có những biện pháp rất mạnh để tự vệ, nên chúng ta đừng làm theo mô hình này. Lợi ích của bộ máy hành pháp chúng ta nhỏ bé và tạm thời với những biện pháp tự vệ rất yếu nên ông sợ Tổng thống sẽ không đủ uy quyền và sức mạnh chống lại sự lạm quyền đó mà sự vững chắc và sức mạnh của bộ máy tư pháp cũng không đủ để bù đắp những thiếu hụt đó. Tự do của dân chúng sẽ nguy hiểm bởi sự tiếm quyền của cơ quan lập pháp hơn là bởi những nhánh chính quyền khác. Ngoài ra, cơ quan

lập pháp cũng được coi như những người bảo vệ tự do. Câu trả lời rất đơn giản và rõ ràng. Nếu các đạo luật tốt được ban hành thì không cần kiểm soát, nhưng nếu các đạo luật xấu được ban hành, thì cần sự kiểm soát mạnh và đó là trường hợp này. Việc ban hành tiền giấy làm dân chúng hoan hỉ vì nó làm giảm nhẹ các khoản nợ nần nên được dân chúng tán thành, nhưng qui định đó cần phải được ngăn chặn. Vào những thời điểm khác, lợi ích của các cơ quan lập pháp thường giống với lợi ích của dân chúng nên các đạo luật như vậy sẽ dễ dàng được ban hành. Thực tế đã dạy chúng ta rằng báo chí thực sự là một công cụ chống lại mọi tội ác, nhưng không đủ khả năng ngăn chặn chúng.

Ngài L. MARTIN: Coi việc kết hợp tòa án và Tổng thống có chung quyền phủ quyết là một cải cách sai lầm và nguy hiểm vì không đưa lại ý nghĩa tích cực nào. Kiến thức về các hoạt động lập pháp không thể coi là thuộc về lĩnh vực chuyên tâm của tòa án hơn là của Quốc hội vì tòa án chỉ thích hợp trong việc xác định tính hợp hiến của các đạo luật. Với chức năng này, họ có quyền phủ quyết đạo luật. Việc kết hợp với nhánh hành pháp sẽ làm cho họ có một quyền phủ quyết kép. Điều cần thiết là Tòa án Tối cao phải được dân chúng tin tưởng. Điều này sẽ nhanh chóng mất đi nếu trao cho họ quyền can gián và ngăn cản các đạo luật được lòng dân của cơ quan lập pháp. Ngoài ra, đâu là tỷ lệ và hình thức bỏ phiếu của họ trong Hội đồng phủ quyết?

Ngài MADISON: Việc trao quyền phủ quyết và kiểm soát cơ quan lập pháp cho các thẩm phán không vi phạm các nguyên tắc phân quyền. Ngược lại, đó là sự cân trọng bổ sung theo đúng nguyên tắc này. Nếu sự phán xét sáng suốt hợp hiến của mọi nhánh chính quyền trên lý thuyết là đủ an toàn chống lại sự lạm quyền của các nhánh khác thì không cần những sự đề phòng tiếp theo. Nhưng thực tế dạy chúng ta không nên tin tưởng vào sự bảo vệ đó mà cần phải tạo ra sự cân bằng giữa các quyền lực và các lợi ích. Nhưng đó cũng chỉ là sự đảm bảo trên lý thuyết. Do đó, ngoài việc áp dụng đúng lý thuyết mỗi nhánh chính quyền cần tách biệt, cũng cần phải bổ sung thêm sự kiểm soát

khác nữa để duy trì lý thuyết đó trên thực tế.

Việc kết hợp như vậy không làm pha trộn các nhánh chính quyền. Chúng ta dựng ra những rào cản có hiệu quả để giữ họ tách biệt nhau. Minh họa điển hình nhất theo lý thuyết này là thể chế của nước Anh. Sự thực là các thẩm phán Anh có ghế trong cơ quan lập pháp và trong cả Hội đồng Hành pháp. Họ nhận được mọi dự luật trước khi ban hành. Thể chế Anh qui định nhánh hành pháp có quyền phủ quyết mọi đạo luật. Nhưng thể chế Anh cũng được tính toán để duy trì sự cân bằng của toàn thể chính quyền. Những phản đối chống lại việc trao cho nhánh hành pháp và tư pháp cùng nắm quyền phủ quyết các đạo luật không hề có nền tảng vững chắc và cũng không phân tích kỹ càng. Nếu sự kết hợp như vậy là sự pha trộn không đúng đắn các quyền lực, hay quyền kiểm tra tư pháp đối với các đạo luật là mâu thuẫn với lý thuyết về một bản Hiến pháp tự do, thì cũng cần phải coi bất cứ sự can thiệp nào của nhánh hành pháp vào quá trình ban hành luật, như các quý ngài đã phê chuẩn, cũng vi phạm lý thuyết này.

Đại tá MASON: Việc bảo vệ nhánh hành pháp không phải là mục đích duy nhất của quyền phủ quyết mà quyền này còn mang lại nhiều lợi ích hơn nữa. Mặc dù bản Hiến pháp đã có những qui định cần trọng về cơ quan lập pháp, thì cũng giống như các cơ quan lập pháp tiểu bang, Quốc hội Liên bang có thể thông qua nhiều đạo luật bất công và sai trái, nên cần phải bị kiềm chế. Quyền can thiệp của Tòa án không chỉ cản trở việc phê chuẩn cuối cùng đối với các đạo luật mà còn cảnh báo những kẻ mị dân đang âm mưu ban hành những đạo luật này. Ngài L. Martin cũng nói rằng nếu các thẩm phán tham gia vào việc kiểm soát các đạo luật, họ sẽ có quyền phủ quyết kép, bởi với tư cách là thẩm phán, họ cũng đã có một quyền phủ quyết rồi. Nhưng năng lực đó chỉ giúp họ ngăn cản trong một trường hợp mà thôi. Đó là trong quá trình thi hành các đạo luật. Họ có thể tuyên bố một đạo luật nào đó là trái Hiến pháp và là vô hiệu. Nhưng đối với mọi đạo luật bị thi hành sai trái và bất công, thì không thuộc phạm vi quyền hạn của họ. Ông muốn trao thêm

quyền cho các thẩm phán, cho phép họ tham gia ngăn cản việc ban hành những đạo luật sai trái. Sự trợ giúp của họ càng có giá trị vì họ rất hiểu luật pháp và rất hiểu hậu quả của những đạo luật này.

Ngài WILSON: Việc phân chia các nhánh chính quyền không có nghĩa là các nhánh này phải có các mục đích khác nhau mà là họ hành động riêng rẽ với cùng một mục đích. Vì thế, việc hai Viện của Quốc hội hoạt động riêng rẽ là cần thiết, nhưng đều hoạt động vì một mục đích chung.

Ngài GERRY: Thà trao cho Tổng thống quyền phủ quyết tuyệt đối còn hơn là sự pha trộn như vậy giữa bộ máy tư pháp và hành pháp. Qui định này sẽ làm cho họ thiết lập liên minh chống lại cơ quan lập pháp và làm cho cơ quan lập pháp khó khăn trong cuộc tranh cãi với hai cơ quan này.

Ngài G. MORRIS: Rất ngạc nhiên khi thấy bất kỳ điều khoản nào bảo đảm sự tách biệt có hiệu quả các cơ quan chính quyền đều bị coi là sự pha trộn không đúng đắn. Giả sử trao cho ba người ba quyền lực khác nhau, với thỏa thuận giữa họ là một người có quyền làm luật, một người có quyền thi hành và người kia có quyền phán xét. Vậy bản chất của việc này không phải là hai người sau, ít nhất theo lý thuyết, cũng hình thành một liên minh giám sát và theo dõi người đầu tiên phải thi hành đúng đắn nghĩa vụ của mình. Với quyền lực của mình, hai cơ quan kia có thể dễ dàng hình thành một sự đảm bảo chống lại các hành động sai trái của cơ quan lập pháp. Vì thế, hai cơ quan kia phải được trang bị quyền phủ quyết để tự bảo vệ mình, hay ít nhất cũng phải có cơ hội tuyên bố những lý lẽ của mình chống lại những hành động vi phạm của cơ quan thứ ba. Chẳng ai nói rằng việc ba người hàng xóm có ba mảnh ruộng riêng rẽ, mỗi người có quyền bảo vệ mảnh đất của mình, chống lại những người hàng xóm khác, sẽ có xu hướng kết hợp cả ba mảnh ruộng này.

Ngài GHORUM: Mọi người đều đồng ý cần có sự kiểm soát cơ quan lập pháp. Nhưng có hai lý lẽ phản đối việc cho phép các thẩm phán tham gia vào

sự kiểm soát này và khó lòng trả lời được những phản đối này. Thứ nhất, các thẩm phán vừa giải thích lại vừa tham gia soạn thảo các đạo luật. Thứ hai, vì số lượng các thẩm phán sẽ đông đảo hơn, nên quyền phủ quyết của Tổng thống sẽ hoàn toàn tuột khỏi tay của Tổng thống, nên thay cho việc tự bảo vệ mình, quyền này sẽ làm các thẩm phán sẵn sàng bán rẻ Tổng thống.

Ngài WILSON: Những ý kiến của Ngài Ghorum đã đưa ra lập luận bác bỏ lại chính nó. Theo như Ngài Gerry, quyền này sẽ làm nhánh hành pháp và tư pháp thống nhất thành một liên minh chống lại cơ quan lập pháp. Theo Ngài Ghorum, quyền này sẽ dẫn tới sự vượt trội của nhánh tư pháp đối với nhánh hành pháp. Câu trả lời đối với Ngài Gerry là quyền lực hợp nhất của hai cơ quan này là cần thiết để đối trọng với cơ quan lập pháp. Đối với lập luận phản đối đầu tiên của Ngài Ghorum, có thể thấy rằng quyền soạn thảo sẽ tự kết hợp với quyền giải thích và ưu điểm thu được lớn hơn nhiều những nhược điểm gặp phải. Đối với phản đối thứ hai, chỉ cần bổ sung một qui định tỷ lệ hay cách thức bỏ phiếu sẽ đảm bảo không xảy ra sự áp đảo nhờ số lượng của các thẩm phán đối với Tổng thống.

Ngài RUTLIDGE: Các thẩm phán là những người không phù hợp nhất với quyền phủ quyết. Các thẩm phán sẽ không bao giờ đưa ra ý kiến của mình về một đạo luật cho đến khi có vụ kiện xảy ra. Ông cho rằng quyền phủ quyết đó không cần thiết phải trao cho các thẩm phán. Tổng thống có thể nhận lời khuyên từ các quan chức nhà nước, như Bộ Chiến tranh, Bộ Tài chính... Những thông tin và ý kiến của họ rất có ích cho Tổng thống.

Đề xuất của Ngài Wilson cho tòa án tham gia quyền phủ quyết bị Hội nghị bỏ phiếu bác bỏ:

MA: phản đối; CT: đồng ý; NJ: không có mặt; PA: chia rẽ; DE: phản đối; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: chia rẽ.

Đề xuất trao cho Tổng thống giữ quyền phủ quyết tuyệt đối được toàn Hội

ngợi thông qua.

Đề xuất bị hoãn lại của Ngài Madison vào ngày 18 tháng Bảy rằng: "các thẩm phán sẽ do Tổng thống bổ nhiệm, trừ phi bị 2/3 số thành viên của Thượng viện bác bỏ" được đưa ra thảo luận.

Ngài MADISON: Các lý do cho quan điểm của ông là:

1. Điều này sẽ đảm bảo trách nhiệm của Tổng thống, người nói chung có khả năng và thích hợp chọn ra những cá nhân đúng đắn hơn cơ quan lập pháp, thậm chí, kể cả Thượng viện, bởi cơ quan này thường che giấu động cơ ích kỷ của họ trong việc bổ nhiệm.

2. Trong trường hợp sự lựa chọn của Tổng thống rõ ràng là sai lầm và người được đề cử có tư cách kém cỏi, thì 2/3 Thượng viện có quyền phủ quyết sự bổ nhiệm này.

3. Vì mọi tiểu bang đều có quyền bỏ phiếu bình đẳng tại Thượng viện, nên nguyên tắc thỏa hiệp, rất thích hợp trong nhiều trường hợp khác, thì lần này cũng đòi phải có sự nhất trí của cả hai thẩm quyền: một thẩm quyền đại diện cho dân chúng, một thẩm quyền đại diện cho các tiểu bang.

Nếu chỉ Thượng viện có quyền chọn lựa thì các thẩm phán có thể được bổ nhiệm bởi thiểu số dân chúng dù bởi đa số các tiểu bang, nên sẽ không công bằng vì công việc của thẩm phán liên quan đến dân chúng, chứ không liên quan đến các tiểu bang. Hơn nữa, qui định này sẽ ném quyền bổ nhiệm hoàn toàn vào tay các bang miền Bắc, gây sự đổ kỵ và sự bất bình nặng nề cho các bang miền Nam.

Ngài PINCKNEY: Ủng hộ việc giao toàn quyền bổ nhiệm cho Thượng viện. Tổng thống không đủ khả năng đánh giá các cá nhân và cũng không được dân chúng tuyệt đối tin tưởng.

Ngài RANDOLPH: Ưa thích mô hình bổ nhiệm trước đây của Ngài Gorham, như đã được chấp thuận trong bản Hiến pháp của Massachusetts. Tổng thống có trách nhiệm bổ nhiệm những người thích hợp. Sự bổ nhiệm bởi cơ quan lập pháp thường gây ra nhiều mưu đồ. Quan điểm cá nhân hay những động cơ là điều được xét, chứ không phải là phẩm chất và tư cách của ứng cử viên. Những nhược điểm tương tự sẽ tăng tương ứng theo số lượng người tham gia việc bổ nhiệm, dù là Viện nào trong cơ quan lập pháp hay bất cứ nhóm người nào.

Ngài ELLSWORTH: Đề nghị Thượng viện sẽ bổ nhiệm và Tổng thống có quyền phủ quyết việc bổ nhiệm này, nhưng quyền phủ quyết của Tổng thống sẽ không có hiệu lực nếu 2/3 Thượng nghị sĩ vẫn phê chuẩn việc bổ nhiệm. Nhưng cách tốt nhất là trao quyền bổ nhiệm tuyệt đối cho Thượng viện.

Dân chúng sẽ nhìn Tổng thống với con mắt đố kỵ và nghi ngờ. Dân chúng sẽ phản đối mọi quyền lực không cần thiết được trao cho Tổng thống, bởi điều này chỉ làm tăng ảnh hưởng của ông ta. Vì Tổng thống chỉ làm việc ở một nơi, nên ông ta không đủ thông tin để đánh giá các cá nhân. Tổng thống dễ bị lừa phỉnh và nhiều mưu đồ hơn cả Thượng viện. Quyền của Tổng thống được bác bỏ sự bổ nhiệm của Thượng viện chỉ là hình thức bởi sự đề xuất của ông ta trong bối cảnh như vậy cũng chẳng khác gì sự bổ nhiệm.

Ngài G. MORRIS: Tán thành quan điểm này vì:

1. Các tiểu bang, với khả năng hợp tác của mình, thường xuyên có mối lợi ích trong những phán quyết của Tòa án. Nếu trao cho Thượng viện quyền bổ nhiệm thẩm phán, các thẩm phán sẽ phụ thuộc vào Thượng viện, tức là phụ thuộc vào các tiểu bang.

2. Nói rằng Tổng thống không có thông tin đầy đủ về các ứng cử viên là không đúng mà ngược lại, Thượng viện mới không có đủ thông tin. Họ đánh giá những ứng cử viên thông qua lời lẽ ngọt ngào của những người bạn họ.

Vì Tổng thống thường trao đổi và làm việc với tất cả mọi vùng đất của nước Mỹ nên sẽ có thông tin tốt nhất.

3. Các Ngài nói Tổng thống cũng có mối hiềm khích và ghen tị. Nếu Tổng thống được tin tưởng để trao quyền chỉ huy quân đội, thì chẳng có lý do nào cho sự hiềm khích trong trường hợp này.

Ông nói thêm, nếu việc trao cho cơ quan lập pháp quyền bổ nhiệm Tổng thống bị phản đối kịch liệt thì việc cho phép cơ quan lập pháp hay Thượng viện có quyền bổ nhiệm thẩm phán cũng phải bị phản đối không kém.

Ngài GERRY: Việc bổ nhiệm thẩm phán cũng giống như mọi điểm khác của bản hiến pháp phải làm hài lòng cả công chúng và các tiểu bang, nhưng mô hình được đề xuất này chẳng làm hài lòng dân chúng, mà cũng chẳng làm hài lòng các tiểu bang. Ông tin chắc rằng Tổng thống không thể có đầy đủ thông tin về mọi vùng đất của đất nước như Thượng viện. Ông cũng phản đối kịch liệt việc đòi hỏi phải có 2/3 Thượng viện để bác bỏ sự bổ nhiệm của Tổng thống. Thượng viện được thiết lập giống như Quốc hội Hợp bang và những bổ nhiệm này của Quốc hội nói chung là tốt.

Ngài MADISON: Ông không nhất định đòi phải có 2/3 Thượng viện để phủ quyết sự bổ nhiệm của Tổng thống mà chỉ muốn thay đổi một chút cách thức đã bị bác bỏ. Ông đồng ý giảm bớt đòi hỏi này bằng việc chỉ cần đa số (quá nửa) là đủ quyền phủ quyết.

Đại tá MASON: Ông khác quan điểm và cách lý giải về vấn đề này. Bất kể việc bổ nhiệm thẩm phán thế nào thì cũng chỉ có hai hình thức, hoặc là Tổng thống hoặc là Thượng viện. Hội nghị dường như nghiêng về phía trao cho Tổng thống quyền này. Nhưng ông coi việc bổ nhiệm bởi Tổng thống là một sai lầm nguy hiểm. Bởi thậm chí, điều này còn làm tăng ảnh hưởng của Tổng thống đối với tòa án. Sự khác biệt lợi ích giữa các bang miền Bắc và miền Nam không thể sử dụng trong tranh luận này. Sự khác biệt này đòi hỏi sự

cân trọng trong các đạo luật hàng hải, thương mại và nhập khẩu, nhưng ông không thấy vấn đề này liên quan gì đến nhánh tư pháp.

Về đề xuất rằng: Tổng thống sẽ đề cử thẩm phán và sự đề cử này sẽ trở thành sự bổ nhiệm trừ phi bị Thượng viện bác bỏ với 2/3 số phiếu:

MA: đồng ý; CT: phản đối; PA: đồng ý; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: đồng ý; NC: phản đối; SC: phản đối; GA: phản đối. (3 bang đồng ý; 6 bang phản đối)

Về điều khoản thẩm phán sẽ do Thượng viện bổ nhiệm: 6 bang đồng ý; 3 bang phản đối.

MA: phản đối; CT: đồng ý; PA: phản đối; DE: đồng ý; MD: đồng ý; VA: phản đối; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý;

Hội nghị dừng họp tại đây.

Tuy nhiên, sau này, khi bản phác thảo Hiến pháp được hoàn thiện và đưa ra tranh luận, thì Hội nghị lại tán thành cho phép Tổng thống có quyền bổ nhiệm thẩm phán, nhưng cần sự phê chuẩn của Thượng viện.

Bầu chọn, nhiệm kỳ và sự tái cử của Tổng thống *Ngày 24 và 25 tháng Bảy*

Cách thức bầu chọn và nhiệm kỳ của Tổng thống là một điểm quan trọng của bản Hiến pháp Mỹ. Mọi đại biểu đều lo lắng và mong muốn tìm ra được giải pháp tối ưu để chọn được một Tổng thống có tư cách đạo đức tốt, không phụ thuộc vào những mưu đồ của những phe phái khác, cũng như không phụ thuộc vào các thế lực nước ngoài, như sau này vẫn xảy ra ở nhiều quốc gia khác.

Cũng như hiện nay, việc bầu chọn nguyên thủ quốc gia của rất nhiều nước

chịu sức ép của chính nước Mỹ, điều mà khi đó, các đại biểu đều lo ngại. Giải pháp bầu cử bởi những đại cử tri là sự thỏa hiệp và sáng kiến của Hội nghị nhằm vừa có những cử tri có chất lượng, vừa bầu chọn theo tỷ lệ của các tiểu bang, lại không làm cho Tổng thống phụ thuộc vào Quốc hội. Đôi khi có cảm tưởng rằng các đại biểu đã quá cẩn thận khi tính đến mọi chuyện có thể xảy ra, nhưng thực tế lại cho thấy, sự lựa chọn của họ là rất sáng suốt và mọi thảo luận kỹ lưỡng này đều là nhằm giảm tối đa bất cứ nguy cơ nào có thể phát sinh.

Qui định "Tổng thống được các đại cử tri bầu chọn" được đưa ra xem xét.

Ngài HOUSTON: Đề xuất Tổng thống sẽ được "cơ quan lập pháp quốc gia" bổ nhiệm thay cho "việc các đại cử tri được các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn lựa, để bầu Tổng thống". Ông cho rằng không thể tập hợp được những đại cử tri ở những vùng quá xa xôi của đất nước.

Ngài SPAIGHT: Ủng hộ đề xuất này.

Ngài GERRY: Phản đối đề xuất đó vì không thấy những khó khăn nào như Ngài Houston nói. Việc bầu chọn Tổng thống cần phải được coi là quan trọng đặc biệt vì chức vụ này kích động lòng khao khát mãnh liệt của nhiều người muốn đạt chức vụ này. Nếu quan điểm này được đồng ý, cần phải để Tổng thống không thể được tái cử để ông ta độc lập với cơ quan lập pháp, vì sự phụ thuộc sẽ ảnh hưởng vô cùng xấu xa đến cách suy nghĩ và hành động của ông ta.

Ngài STRONG: Cho rằng qui định không cho Tổng thống được tái cử là điều không cần thiết. Nếu Tổng thống được cơ quan lập pháp bổ nhiệm, thì đến khi cuộc bầu cử Tổng thống lần thứ hai diễn ra, các đại biểu tại cơ quan lập pháp cũng đã được bầu lại rồi. Vì thế, những người bầu chọn Tổng thống lần thứ hai, không phải là những người đã bầu ông ta lần thứ nhất. Có Ngài nói là lòng biết ơn của Tổng thống vì được bầu chọn lần thứ nhất cũng làm

cho ông ta phụ thuộc vào cơ quan lập pháp trong cuộc bầu cử lần thứ hai. Ông lại nghĩ rất khác. Ngoài ra, lý do phản đối việc để những đại cử tri bầu chọn là vì những người này cũng sẽ được Tổng thống mang ơn huệ như là đối với cơ quan lập pháp. Điều rất quan trọng là đừng để chính quyền trở nên quá phức tạp với việc tham gia của những đại cử tri.

Ngài WILLIAMSON: Mô hình ban đầu là Tổng thống có nhiệm kỳ bảy năm và không được tái cử. Những đại cử tri của các tiểu bang chắc chắn không phải là những người khôn ngoan nhất. Nên tốt hơn là trao quyền bầu chọn đó cho Thượng viện hoặc Hạ viện. Ông cũng không tán thành sự đơn nhất trong bộ máy hành pháp. Ông muốn quyền hành pháp sẽ trao cho ba người từ ba vùng lãnh thổ. Vì Tổng thống có quyền phủ quyết các đạo luật và có những khác biệt cơ bản về lợi ích giữa các tiểu bang miền Bắc với các bang miền Nam, đặc biệt là lĩnh vực thương mại. Do vậy, quyền này rất nguy hiểm đối với những vùng kia nếu Tổng thống chỉ là một người từ một vùng lãnh thổ của liên minh. Bộ máy hành pháp của chúng ta rất khác với chính quyền của Anh, bởi cả nước Anh có cùng một lợi ích. Một lý do khác là nếu bầu một người, Tổng thống sẽ trở thành một dạng Vua được bầu và sẽ có tư tưởng độc tôn. Tổng thống sẽ không chịu sự kiểm chế nào và sẽ tìm cách dọn đường cho con cháu mình lên kế nhiệm. Ông nghĩ chắc chắn đến một lúc nào đó, nước Mỹ sẽ cần có một vị Vua. Nhưng ông muốn phòng ngừa để trì hoãn việc này càng lâu càng tốt. Không được tái cử là điều đề phòng tốt nhất. Với sự đề phòng này, nhiệm kỳ dài trên bảy năm cũng không có gì đáng sợ, thậm chí, nhiệm kỳ có thể lên tới 10, hay 12 năm...

Ngài GERRY: Đề nghị các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ bỏ phiếu bầu Tổng thống theo tỷ lệ giống như việc bầu cử của các đại cử tri. Trong trường hợp không ai đủ đa số phiếu, Hạ viện sẽ chọn hai trong số bốn ứng cử viên có nhiều phiếu nhất, còn Thượng viện chọn Tổng thống trong số hai người này.

Kết quả cuộc bỏ phiếu về đề xuất của Ngài Houston rằng cơ quan lập pháp

quốc gia sẽ bầu chọn Tổng thống:

NH: đồng ý; MA: đồng ý; CT: phản đối; NJ: đồng ý; PA: phản đối; DE: đồng ý; MD: phản đối; VA: phản đối; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý; (7 bang đồng ý; 4 bang phản đối, tiểu bang New York khi này không còn đại biểu nào tham dự)

Ngài GERRY: Tổng thống nhất thiết phải độc lập với Quốc hội. Nhiệm kỳ càng dài, càng ít phụ thuộc. Tốt hơn là để Tổng thống có nhiệm kỳ dài, 10, 15 hay thậm chí 20 năm và không được tái cử.

Ngài L. MARTIN: Đề xuất viết là "sự bổ nhiệm Tổng thống sẽ có hiệu lực trong 11 năm".

Ngài GERRY: Gợi ý là 15 năm.

Ngài KING: Đề xuất là 20 năm. Đó là thời gian cầm quyền trung bình của một nhà vua.

Ngài DAVIE: Đề nghị tám năm.

Ngài WILSON: Những khó khăn và phức tạp mà Hội nghị gặp phải là vì qui định Tổng thống sẽ do cơ quan lập pháp bầu chọn. Sự bất lợi của mô hình này buộc ông phải đồng ý với bất kỳ nhiệm kỳ dài nào để loại bỏ sự phụ thuộc của Tổng thống vào Quốc hội do cách bầu chọn này gây ra. Ông tin rằng nhiệm kỳ dài nhất cũng không đáp ứng được yêu cầu, trừ phi Tổng thống có một nhiệm kỳ suốt đời với tư cách đạo đức tốt. Dường như mọi người cho rằng sau khi giữ chức vụ một thời gian nào đó, viên chức sẽ bớt lòng nhiệt tình và hăng hái phụng sự công chúng. Nhưng kinh nghiệm đã cho thấy nhiều tấm gương vẫn đủ năng lực và lòng hăng hái, dù đã rất nhiều tuổi, như viên Tổng trấn Venice được bầu chọn khi đã ngoài 80 tuổi. Dù các Giáo hoàng thường được chọn khi đã khá già, nhưng không ở đâu có sự vững chắc và được điều hành tốt như Giáo Hội La Mã. Nếu Tổng thống nhậm chức khi

chừng 35 tuổi và giả sử ông ta được bầu với nhiệm kỳ 15 năm, thì tại tuổi 50 mới chính là giai đoạn sung sức và có năng lực nhất của cuộc đời. Nhưng lúc này, khi tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm, thì ông ta chắc chắn lại bị bỏ đi, giống như một kẻ vô dụng. Sự mất mát không thể bù đắp được khi pháp luật nước Anh qui định rằng 50 tuổi là giới hạn tối đa của năng lực và khả năng phục vụ công chúng. Một nhân vật sáng chói là Bá tước Mansfield giữ chức vụ của mình trong suốt 30 năm sau khi nhậm chức năm 50 tuổi.

Ngài G. MORRIS: Trong mọi mô hình, việc để Quốc hội bầu cử là tồi tệ nhất. Nếu Quốc hội có quyền luận tội, có quyền bổ nhiệm, hay tác động đến việc luận tội, thì Tổng thống chỉ là “kẻ đầy tớ” cho cơ quan này. Ông từng phản đối việc luận tội, nhưng bây giờ tin rằng nếu Tổng thống được bổ nhiệm có kỳ hạn thì việc luận tội là cần thiết. Nếu biết Tổng thống nhận tiền của kẻ thù, thì nhất định ông ta phải bị cách chức. Đại tá Mason từng nói ông là người hay thay đổi, lúc thì nói tin tưởng vào nhánh lập pháp, lúc thì lại không tin cơ quan này. Sự phê phán đó không có cơ sở. Quốc hội đáng tin cậy ở một số khía cạnh, nhưng một số khía cạnh khác lại không đáng tin. Khi lợi ích của các nghị sĩ trùng với lợi ích của cử tri thì các đạo luật do họ ban hành đều là tốt đẹp và không đáng sợ. Nhưng khi lợi ích cá nhân quá lớn, đi ngược lại lợi ích chung của xã hội thì cơ quan lập pháp lại không còn đáng tin nữa. Mọi nhà nước đều chia thành hai phe phái. Tổng thống nhất định sẽ thân thiết và gần gũi với phe này hơn phe kia. Do đó, lợi ích cá nhân sẽ khiến một phe ủng hộ Tổng thống, còn phe kia sẽ chống lại. Nhiều người nói về những âm mưu tranh giành chức Tổng thống, nhưng không ai nói đến những âm mưu hạ bệ ông ta. Lãnh tụ của các phe phái luôn thèm khát chiếc ghế đó, nên sẽ tìm cách gây rối sự điều hành của Tổng thống, sẽ bày đặt âm mưu với Quốc hội, cho tới khi hẳn ta giành được chức Tổng thống.

Đó chính là cách Vua Anh bị hạ bệ và bị thay thế bởi một ông vua thật sự khác là Thủ tướng. Đó là cách William Pitt tự đặt mình vào vị trí đó. Fox còn đi xa hơn thế. Nếu ông ta thi hành đạo luật Ấn Độ, điều ông ta định làm,

ông ta sẽ trở thành Thủ tướng, cũng có quyền lớn như Vua nước Anh. Tổng thống của chúng ta cũng giống như Thủ tướng ở Anh, nhưng lại do cơ quan lập pháp bổ nhiệm. Nhiều người đã nói về nguy cơ của một nền quân chủ, nhưng bây giờ, nếu một chính quyền tốt không được thiết lập, nếu một nhánh hành pháp hiệu quả không được tạo ra, thì chúng ta sẽ gặp những điều còn tồi tệ hơn cả một nền quân chủ có giới hạn. Để loại bỏ sự phụ thuộc của nhánh hành pháp vào cơ quan lập pháp, chúng ta đã qui định rằng ông ta không được tái cử. Chúng ta cần phải cho Tổng thống có kinh nghiệm và tận dụng được những kinh nghiệm này. Nhưng việc cấm ông ta được tái cử lại khiến chúng ta không sử dụng được những kinh nghiệm đó, dù kéo dài nhiệm kỳ tới 15 năm đi nữa. Liệu ông ta có sẵn lòng từ bỏ chức vụ này không? Con đường đạt đến mục đích nhờ Hiến pháp đã bị ngăn chặn, nên ông ta sẽ tìm cách dùng đến gươm giáo. Một cuộc nội chiến tất yếu sẽ xảy ra và người chiến thắng, dù thuộc bên nào, cũng sẽ trở thành kẻ chuyên quyền trên mảnh đất này. Suy nghĩ này buộc ông đặc biệt lo ngại chức vụ Tổng thống khó được thiết lập đúng đắn. Những sai trái trong hệ thống như vậy sẽ khó lòng chữa được và nhánh hành pháp là cơ quan khó cân bằng nhất. Nếu thiết lập một Tổng thống yếu, Quốc hội sẽ đè bẹp và lấn át ông ta, nhưng nếu thiết lập một Tổng thống mạnh, ông ta sẽ đè bẹp và lấn át Quốc hội.

Ông tán thành Tổng thống có một nhiệm kỳ ngắn, được quyền tái cử, nhưng theo cách bầu cử khác. Một nhiệm kỳ dài sẽ làm cho mô hình này khó được dân chúng chấp nhận, nhưng cần phải làm như vậy. Ông cho rằng cần phải xem xét rất kỹ lưỡng cách thức bầu cử.

Ngài WILSON: Đề xuất rằng Tổng thống sẽ được chọn cho nhiệm kỳ _____ năm bởi _____ đại cử tri, được chọn bởi cơ quan lập pháp quốc gia".

Ngài GERRY: Điều này rất nguy hiểm. Nếu phiếu bầu lại chọn ra những cử tri tầm thường, thì Tổng thống được bầu cũng tầm thường và sẽ phá hỏng đất

nước này. Mọi mô hình bầu cử, nếu liên quan tới cơ quan lập pháp quốc gia, sẽ không thể là mô hình tốt đẹp.

Ngài KING: Đa số dân chúng của cùng một tiểu bang nhất định sẽ bầu chọn Tổng thống là người tiểu bang mình. Chúng ta cần phải được dẫn dắt bởi sự suy xét khôn ngoan chứ không thể trông chờ may rủi. Vì không ai hài lòng nên ông đề nghị hoãn lại vấn đề này.

Ngài WILSON: Nhất định đòi phải để dân chúng bầu chọn Tổng thống.

...

Ngài ELSEWORTH: Đề xuất "Tổng thống sẽ được cơ quan lập pháp bổ nhiệm", trừ những lần bầu chọn sau này thì sẽ do các đại cử tri chọn ra. Các đại cử tri này lại do các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn lựa. Cách này sẽ cho phép Tổng thống được tái cử, nhưng không phụ thuộc vào cơ quan lập pháp.

Ngài GERRY: Mọi cuộc bầu cử do cơ quan lập pháp quốc gia tiến hành đều là hoàn toàn sai lầm và không thể sửa chữa được. Ông đề xuất Tổng thống sẽ do các Thống đốc tiểu bang bổ nhiệm, với sự tư vấn của các Hội đồng lập pháp, hoặc các đại cử tri do các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn.

Ngài MADISON: Mọi mô hình bầu cử đều vấp phải những trở ngại. Nhưng cuộc bầu cử hoặc phải do một cơ quan nào đó của tiểu bang, hay liên bang tiến hành, hoặc do một thẩm quyền đặc biệt do dân chúng quyết định, hay do chính dân chúng. Hai thẩm quyền khác, hiện đang thiết lập theo bản Hiến pháp này, là Tòa án và Quốc hội, nhưng Tòa án không thể là cơ quan bầu chọn Tổng thống. Còn việc bầu cử do Quốc hội tiến hành cũng gặp những trở ngại không thể vượt qua được. Ngoài ảnh hưởng của Quốc hội đến sự độc lập của Tổng thống thì:

1. Việc bầu chọn người đứng đầu nhà nước chắc chắn sẽ gây chia rẽ và kích

động Quốc hội, tới mức lợi ích chung của đất nước cũng sẽ bị tổn thương nghiêm trọng. Mọi viên chức chính quyền đều tham gia vào các cuộc tranh luận, hay cãi vã nên dễ sinh ra bạo lực hơn mọi trường hợp khác.

2. Các ứng cử viên chắc chắn sẽ ngấm ngấm vận động Quốc hội để được phe đa số chọn lựa. Vì thế, Tổng thống sẽ có khuynh hướng trao quyền hành pháp cho phe phái này, hoặc qui thuận theo ý muốn của phe này.

3. Các Đại sứ của ngoại quốc cũng lợi dụng cơ hội này để gây ảnh hưởng và thi hành nhiều mưu đồ trong cuộc bầu cử này.

Hạn chế quyền lực của nhánh hành pháp là một mục tiêu quan trọng mà các cường quốc của châu Âu từng cai trị nước Mỹ đeo đuổi. Họ muốn người đứng đầu chính quyền của chúng ta là một cá nhân gắn bó với lợi ích và nền chính trị của họ. Không thể kể hết những mối nguy hiểm, nếu trao cho Quốc hội quyền bầu chọn Tổng thống. Đức và Ba Lan là những ví dụ về mối nguy hiểm này. Tại Đức, việc bầu chọn người đứng đầu Đế chế vẫn theo cách cha truyền con nối, hiện đang phổ biến ở châu Âu, nhưng lại chịu ảnh hưởng rất nhiều của các thế lực ngoại bang. Tại Ba Lan, mặc dù người đứng đầu chính quyền được bầu có rất ít quyền lực, nhưng luôn luôn chịu sức ép và sự can thiệp rất lớn của các thế lực quý tộc nước ngoài. Trên thực tế, việc này hoàn toàn rơi vào tay ngoại bang.

Những cơ quan quyền lực hiện nay của tiểu bang là nghị viện, thống đốc và tòa án tiểu bang. Nhiều người đã phản đối việc các cơ quan lập pháp tiểu bang bổ nhiệm Tổng thống, nhưng ông muốn nói đến một lý do khác. Những cơ quan lập pháp tiểu bang thường phản bội lại sự thịnh vượng chung bằng nhiều mưu đồ xấu xa và tầm thường. Vì thế, một trong những mục đích của Nghị viện Liên bang là kiểm soát xu hướng này. Quyền phủ quyết mọi đạo luật của Tổng thống chính là nhằm kiểm soát Nghị viện Liên bang, bởi cơ quan này đôi khi cũng rơi vào tình trạng tương tự như các nghị viện tiểu bang. Nếu việc bầu chọn Tổng thống do các cơ quan lập pháp bang tiến hành

thì mục đích kiểm soát này không thể thực hiện được. Những cơ quan lập pháp bang sẽ bầu chọn người nào không chống lại họ. Đa số các cơ quan lập pháp, vào thời gian bầu cử, thường có cùng một mục đích, hay dù có những mục đích khác nhau, nhưng đều cùng một hướng, nên Tổng thống thường phải qui thuận ý muốn của họ. Để các Thống đốc tiểu bang bổ nhiệm Tổng thống cũng bị phản đối vì các Thống đốc tiểu bang cũng âm mưu và thông đồng với các ứng cử viên, với những người theo phe họ và với những thế lực nước ngoài.

Các tòa án tiểu bang cũng không thể là những người bầu chọn đúng đắn được. Sự lựa chọn của chúng ta bây giờ chỉ còn là giữa các đại cử tri, được dân chúng chọn ra, hay trực tiếp từ chính dân chúng. Ông nghĩ giải pháp thứ nhất tránh được những phản đối mà nhiều người đã nói và ưu việt hơn nhiều giải pháp do cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn. Những đại cử tri được chọn lựa cho mục đích này, sẽ phải gặp nhau và ngay lập tức tiến hành việc bầu chọn, nên có rất ít cơ hội và thời gian cho những mưu mô xấu xa, hay những trò tham nhũng. Cẩn thận hơn nữa, có thể yêu cầu cuộc họp của những đại cử tri này phải tiến hành xa cơ quan chính quyền và thậm chí qui định rằng không một ai trong một phạm vi nhất định nào đó được bầu. Tuy nhiên, giải pháp này mới bị đa số bác bỏ nên có thể sẽ không được đưa ra xem xét.

Giải pháp còn lại là sự bầu cử trực tiếp của dân chúng, hoặc là do một phần dân chúng có chất lượng, ông tán thành giải pháp này nhất, dù có nhiều điểm không hoàn hảo. Nhưng giải pháp này gặp khó khăn rất lớn. Thứ nhất là dân chúng có khuynh hướng lựa chọn công dân của tiểu bang mình và các tiểu bang nhỏ sẽ phải gánh chịu phần bất lợi này. Cuộc bầu cử Tổng thống có ý nghĩa rất quan trọng, nên không thể bác bỏ mọi giải pháp được đề xuất. Nếu được điều chỉnh, giải pháp này sẽ bớt bị chống đối hơn. Thứ hai là sự mất cân đối của các cử tri có chất lượng giữa miền Bắc và miền Nam nên miền Nam sẽ phải gánh chịu bất lợi này. Giải pháp cho vấn đề này sẽ là: (i) Sự

khác biệt đó sẽ tiếp tục giảm đi dưới ảnh hưởng của các đạo luật cộng hòa được thi hành ở các tiểu bang miền Nam và sự tăng dân số nhanh chóng của vùng này. (ii) Những lợi ích địa phương phải hy sinh cho những lợi ích quốc gia. Là một công dân của các tiểu bang miền Nam ông sẵn lòng hy sinh vì điều này.

Ngài PINKNEY: Đề xuất giải pháp cơ quan lập pháp sẽ bầu Tổng thống với điều kiện bổ sung là không người nào được bầu chọn nhiều hơn 6 năm trong bất kỳ giai đoạn 12 năm nào. Qui định này sẽ mang lại mọi thuận lợi và một mức độ nào đó, loại bỏ được sự bất lợi, nếu qui định Tổng thống tuyệt đối không được tái cử.

Đại tá MASON: Tán thành ý kiến này. Giải pháp này đã được tiến hành tại một số cuộc bầu cử Quốc hội và Thống đốc tiểu bang. Đồng thời cũng làm cho Tổng thống trở nên độc lập giống như qui định không được tái cử, nhưng lại mở ra triển vọng được phục vụ tiếp trong tương lai. Ông hoàn toàn tán thành việc để Quốc hội có quyền bầu cử, nhưng cũng thú nhận rằng như vậy rất dễ nguy hiểm do ảnh hưởng của nước ngoài và đó là mối nguy hiểm gây tai họa nhất.

Ngài BUTLER: Hai điều xấu xa cần phải tránh là những mưu đồ trong nước và ảnh hưởng của ngoại bang. Nhưng cả hai đều khó tránh nếu việc bầu cử do Quốc hội tiến hành. Giải pháp tốt nhất là việc bầu cử Tổng thống sẽ do các đại cử tri do các cơ quan lập pháp tiểu bang tiến hành. Ông phản đối mọi hình thức tái cử. Ông cũng phản đối việc phân bổ tỷ lệ phiếu bầu đối với các tiểu bang. Mọi tiểu bang cần phải bình đẳng. Những lập luận về sự cần thiết phiếu bầu theo tỷ lệ dân chúng đối với cơ quan lập pháp không đúng với nhánh hành pháp nữa.

Ngài G. MORRIS: Phản đối mọi việc quay vòng. Vì điều này sẽ hình thành một nhóm chính khách. Những mối nguy hiểm cần ngăn chặn trong trường hợp này là: 1. Ảnh hưởng quá mức của cơ quan lập pháp; 2. Sự bất ổn của

các Hội đồng Nhà nước; 3. Những hành vi và tư cách xấu xa.

1. Để ngăn chặn nguy cơ thứ nhất, chúng ta sẽ rơi ngay vào nguy cơ thứ hai. Nếu chúng ta chấp nhận sự quay vòng thì điều này sẽ gây ra sự bất ổn trong các hội đồng quốc gia. Như thế, chẳng khác gì việc "tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa". Con người thay đổi thì các biện pháp cũng bị thay đổi. Chúng ta thấy điều này được chứng minh qua sự thăng trầm của chính chúng ta, nhất là tại tiểu bang Pennsylvania. Tính tự phụ, tự mãn của phe thắng thế sẽ làm họ khinh thường những điều mà những người tiền nhiệm của họ đã làm. Rehoboam sẽ không thể bắt chước Solomon .

2. Sự quay vòng trong nhánh hành pháp không ngăn chặn được những âm mưu xấu xa và sự phụ thuộc vào nhánh lập pháp. Tổng thống đương nhiệm sẽ trông đợi tới ngày ông ta được quyền tái cử. Mặc dù con người biết cuộc sống của mình có giới hạn, nhưng cứ hành động như thể mình sẽ sống mãi. Tính thiếu hiệu quả của giải pháp này cũng rất rõ ràng. Nếu Tổng thống không trông đợi đến kỳ được tái cử, chắc chắn ông ta sẽ tìm mọi cách để tham gia Quốc hội. Ông ta sẽ dễ dàng trúng cử vào cơ quan này, sẽ tận dụng cơ hội đó để mở rộng quyền lực và ảnh hưởng của mình và không dám làm bất cứ điều gì có thể gây tổn hại cho uy tín của ông đối với Quốc hội. Vì thế, ông ta sẽ lại phụ thuộc vào Quốc hội.

3. Để tránh nguy cơ thứ ba, sự luận tội là cần thiết. Nên đây lại là lý do nữa chống lại việc để Quốc hội bầu chọn Tổng thống. Ông coi việc bầu cử Tổng thống do dân chúng tiến hành là giải pháp tốt nhất, do cơ quan lập pháp là giải pháp tồi tệ nhất. Ngoài hai giải pháp này, ông không thể không tán thành một giải pháp pha trộn như Ngài Wilson đề xuất. Nếu cách thức này không loại bỏ được những mưu mô xấu xa và sự phụ thuộc của Tổng thống vào Quốc hội, chí ít cũng giảm bớt đáng kể những mối nguy hiểm này.

Ngài WILLIAMSON: Phản đối việc để cơ quan lập pháp tiến hành cuộc bầu chọn Tổng thống vì điều này mở ra cơ hội can thiệp của các thế lực ngoại

bang. Nhưng lý lẽ chủ yếu chống lại việc bầu cử do dân chúng tiến hành là những bất lợi sẽ xảy ra với các bang nhỏ. Cách giải quyết khó khăn này là mỗi cử tri sẽ được chọn ra ba ứng cử viên. Một trong số đó có thể là công dân của tiểu bang quê nhà, còn hai người kia phải thuộc các tiểu bang khác, có thể các bang lớn, cũng có thể là các bang bé.

Ngài G. MORRIS: Rất tán thành ý kiến này, nhưng đề nghị sửa thành một người có thể bầu chọn hai ứng cử viên, trong đó ít nhất một người không thuộc tiểu bang của mình .

Ngài MADISON: Cho rằng điều gợi ý vừa rồi rất có giá trị. Người thứ hai được bầu có thể là người có tư cách tốt nhất. Nhưng vẫn có thể gặp trở ngại do có thể mỗi cử tri bầu chọn người đồng bào của mình sẽ cố tình bầu chọn một người tầm thường nào đó của một tiểu bang khác nhằm đảm bảo chiến thắng cho sự lựa chọn số một của mình. Nhưng khó lòng cho rằng công dân của nhiều tiểu bang lạc quan về sự bầu chọn của mình nên sẽ phớt lờ sự bầu chọn thứ hai. Hơn nữa, điều này có thể mang lại thuận lợi cho các bang nhỏ, nếu qui định Tổng thống không thể được bầu chọn một số lần nào đó từ cùng một tiểu bang.

Ngài GERRY: Cuộc bầu cử của toàn thể dân chúng là vô cùng nguy hiểm. Sự thiếu hiểu biết của dân chúng sẽ làm cho một nhóm người nào đó vận động trên khắp toàn quốc nhằm lôi kéo dân chúng bầu chọn một kẻ nào đó. Ông thấy rằng một xã hội như vậy chỉ tồn tại trong trật tự của Hội Cincinnati . Họ rất đáng kính, thống nhất và có ảnh hưởng lớn. Thực tế, họ sẽ quyết định việc bầu chọn Tổng thống trong mọi lần bầu cử nếu quyền bầu cử được trao cho dân chúng. Sự kính trọng của ông đối với những thành viên của hội này không làm ông mù quáng đến mức không nhận ra những mối nguy hiểm và tính không đúng đắn nếu trao quyền lực này vào tay những con người đó.

Ngài DICKENSON: Những tranh luận này cho thấy, những lý lẽ phản đối chủ yếu nhất là đối với mô hình bầu cử do cơ quan lập pháp quốc gia, cũng

như do các cơ quan lập pháp tiểu bang và Thống đốc tiểu bang tiến hành. Ông nghiêng dần về giải pháp để dân chúng bầu chọn, đó là cách thức tốt nhất và trong sạch nhất. Ông hiểu rằng những phản đối cách bầu này không lớn như với những cách bầu khác. Khó khăn lớn nhất xuất phát từ sự thiên vị của các tiểu bang đối với công dân của mình. Nhưng có thể sự thiên vị này sẽ có hiệu quả tốt. Hãy để dân chúng của mỗi tiểu bang bầu chọn công dân tốt nhất của mình. Dân chúng sẽ biết những cá nhân xuất sắc nhất trong tiểu bang của họ và dân chúng của các tiểu bang khác cũng sẽ ganh đua trong việc bầu chọn những cá nhân tốt nhất đáng để họ tự hào. Trong số 13 cá nhân được chọn lựa như vậy, cơ quan lập pháp quốc gia hoặc những đại cử tri sẽ chọn ra Tổng thống.

Đề xuất của Ngài Pinkney rằng không ai được giữ chức Tổng thống nhiều hơn 6 năm trong giai đoạn 12 năm bất kỳ, cũng bị Hội nghị bỏ phiếu bác bỏ.

NH: đồng ý; MA: đồng ý; CT: phản đối; NJ: phản đối; PA: phản đối; DE: phản đối; MD: phản đối; VA: phản đối; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý; (6 bang phản đối, 5 bang đồng ý).

Đại tá MASON: Trong mọi giai đoạn thảo luận liên quan đến Tổng thống, khó khăn lớn nhất là các ý kiến quá đa dạng. Không có mô hình nào được tất cả mọi người hài lòng.

1. Từng có đề xuất rằng cuộc bầu cử phải do toàn thể dân chúng tham gia. Nhưng lại có lý do phản đối rằng một hành động, lẽ ra cần phải được tiến hành do những người hiểu biết nhất về tư cách và phẩm chất của các cá nhân, lại được thực hiện bởi những người ít hiểu biết nhất.

2. Cuộc bầu cử đó phải được cơ quan lập pháp của các tiểu bang tiến hành.

3. Do các Thống đốc tiểu bang, nhưng những mô hình này cũng bị nhiều phản đối.

4. Từng có đề xuất là Tổng thống sẽ do những đại cử tri, những người được dân chúng lựa chọn, bầu ra. Điều này lúc đầu được mọi người đồng ý, nhưng sau những tranh luận chi tiết lại bị bác bỏ.

5. Sau đó, Ngài Williamson đề xuất là mỗi người sẽ được chọn nhiều ứng cử viên. Điều này cũng giống như những đề xuất khác, dù bề ngoài có vẻ hợp lý, nhưng khi xem xét kỹ lại có những sai lầm nguy hiểm. Cuộc bầu cử phổ thông dưới bất kỳ hình thức nào, như Ngài Gerry nhận xét, đều mang lại sự lựa chọn vào tay những người theo hội Cincinnati, một hội có nhiều cá nhân đáng kính. Nhưng ông không bao giờ mong muốn có những ảnh hưởng như vậy trong chính quyền.

6. Ngài Dickenson đề xuất một giải pháp khác, nhưng rất bất tiện và chính bản thân ông cũng nghi ngờ và bác bỏ cách này. Cách này sẽ loại bỏ những người không nổi tiếng trong tiểu bang quê nhà dù nổi tiếng trên toàn quốc.

Sau khi xem xét mọi mô hình, ông kết luận rằng việc để cơ quan lập pháp quốc gia bầu chọn là tốt nhất. Nếu có bị phản đối thì cũng bị phản đối ít hơn những giải pháp khác. Ông cũng tin rằng cùng lúc đó, một cuộc bầu cử thứ hai là tuyệt đối bị ngăn cấm [tức là khi cuộc bầu cử Tổng thống diễn ra thì sẽ không thể có bất cứ cuộc bầu cử nào khác, dù là của Thượng viện, hay Hạ viện]. Với mục đích cơ bản nhất để đảm bảo tư cách đạo đức của Tổng thống, để duy trì quyền tự do của con người, một điểm rất then chốt là các viên chức cao cấp của nhà nước, nhất là của nhánh hành pháp, sau một thời gian nhất định, phải quay trở về sống với những cử tri để thấu hiểu tâm trạng, tình cảm, lợi ích và quyền lợi của họ. Ông kết luận rằng cần quay lại đề xuất ban đầu "Tổng thống sẽ được bầu với nhiệm kỳ bảy năm và không được tái cử".

Ngài DAVIE: Ủng hộ ý kiến này.

Bác sĩ FRANKLIN: Dường như một vài quý ngài cho rằng việc bầu cử do

toàn thể dân chúng tiến hành sẽ làm hạ thấp giá trị của chức Tổng thống, nhưng điều này đi ngược lại các nguyên tắc cộng hòa. Trong mọi chính quyền tự do, những người cai trị chỉ là đầy tớ, còn dân chúng mới là người chủ thật sự. Vì thế, trao cho dân chúng quyền bầu chọn Tổng thống không phải làm hạ thấp mà nâng cao giá trị của chức vụ này.

Về đề xuất của Đại tá Mason: Hội nghị nhất trí với kết quả bỏ phiếu như sau: NH: đồng ý; MA không quyết định. CT: phản đối; NJ: đồng ý; PA: phản đối; DE: phản đối; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý;

Toàn bộ điều khoản nói về Tổng thống được sửa chữa như sau: "nhánh hành pháp quốc gia sẽ được thiết lập, chỉ gồm một người duy nhất, được cơ quan lập pháp quốc gia lựa chọn, với nhiệm kỳ bảy năm, không được bầu lại lần hai, có quyền thi hành mọi đạo luật quốc gia, có quyền bổ nhiệm các viên chức không được Hiến pháp qui định, có thể bị cách chức nếu bị luận tội vì thiếu trách nhiệm hoặc có những hành vi sai trái, được nhận một khoản tiền không thay đổi trong suốt thời gian giữ chức vụ, từ Ngân khố Quốc gia".

Tuy nhiên, tới ngày 4, 5 và 6 tháng Chín, khi bản phác thảo Hiến pháp được làm xong và đem ra tranh luận, sau rất nhiều đắn đo và dựa theo những điều chỉnh của các điều khoản khác, Hội nghị lại quyết định phương pháp bầu chọn Tổng thống theo như cách Madison đã đề xuất. Tức là bầu ra các đại cử tri và những người này mới bầu chọn Tổng thống....

Bản phác thảo Hiến pháp đầu tiên Ngày 6 tháng Tám

Ngày 26 tháng Bảy, sau gần hai tháng thảo luận căng thẳng, cuối cùng, Hội nghị cũng đạt được thỏa thuận tại các điểm chính yếu nhất. Cùng ngày, các đại biểu bầu ra Ủy ban chi tiết để xây dựng bản dự thảo Hiến pháp trên cơ sở những điều đã được thống nhất, bao gồm 5 người: Nathaniel Gorham; John Rutledge, Chủ tịch Ủy ban này; Edmund Randolph; James Wilson và Oliver

Ellsworth.

Sau 10 ngày nghỉ họp để Ủy ban này soạn thảo, ngày 6 tháng Tám, bản phác thảo đầu tiên đã được đệ trình lên Hội nghị. Đây là một văn bản khá rắc rối và dài dòng nếu so sánh với bản Hiến pháp sau này. Suốt một tháng sau đó, các đại biểu đã tranh luận và chỉnh sửa từng câu chữ, từng điều khoản cho tới khi mọi điều được hoàn tất vào ngày 8 tháng Chín.

Ngài RUTLIDGE trình bày bản Báo cáo của Ủy ban chi tiết:

"Chúng tôi, công dân các tiểu bang New Hampshire, Massachusetts, Rhode-Island và các đồn điền quan phòng, Connecticut, New York, New-Jersey, Pennsylvania, Delaware, Maryland, Virginia, Bắc Carolina, Nam Carolina, và Georgia, tuyên bố thiết lập bản Hiến pháp cho chính quyền của chúng tôi và cho sự thịnh vượng của chúng tôi.

Điều I

Tên gọi của chính quyền là "Hợp chúng quốc Hoa Kỳ" (The United States of America).

Điều II

Chính quyền sẽ có các thẩm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tối cao.

Điều III

Quyền lực được trao cho Quốc hội, gồm hai Viện riêng biệt, một Hạ viện và một Thượng viện, có quyền phủ quyết mọi đạo luật của nhau. Cơ quan lập pháp sẽ nhóm họp vào ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Mười hai hằng năm.

Điều IV

Khoản 1. Các thành viên của Hạ viện sẽ được dân chúng tất cả các tiểu bang

trong liên minh bầu chọn, hai năm một lần. Cử tri ở mỗi bang phải có phẩm chất cần thiết như phẩm chất của cử tri ở bang có cơ quan lập pháp đồng đẳng nhất.

Khoản 2. Mọi thành viên của Hạ viện phải trên 25 tuổi, phải là công dân của Hoa Kỳ ít nhất ba năm trước cuộc bầu cử và vào thời điểm được bầu, phải là cư dân ở bang mà người đó được lựa chọn.

Khoản 3. Tại kỳ họp đầu tiên, và cho tới khi việc kiểm tra dân số được tiến hành theo cách thức qui định sau đây, Hạ viện sẽ bao gồm 65 đại biểu: New Hampshire sẽ được quyền bầu ba, bang Massachusetts bầu tám, bang Rhodes Island và các đồn điền Quan phòng bầu một, bang Connecticut bầu năm, bang New York bầu sáu, bang New Jersey bầu bốn, bang Pennsylvania bầu tám, bang Delaware bầu một, bang Maryland bầu sáu, bang Virginia bầu mười, bang Bắc Carolina bầu năm, bang Nam Carolina bầu năm và bang Georgia bầu ba đại biểu.

Khoản 4. Do số dân của mỗi tiểu bang sẽ có thay đổi, một số tiểu bang có thể tách ra, lãnh thổ một vài tiểu bang có thể mở rộng và có thể hai hay nhiều tiểu bang sáp nhập với nhau, cũng như có những tiểu bang mới được thành lập trong phạm vi lãnh thổ Hợp chúng quốc nên tùy theo trường hợp, Quốc hội Liên bang sẽ qui định số đại biểu của các tiểu bang trên cơ sở dân số, căn cứ theo qui định ở đây với tỷ lệ 40.000 dân có một đại biểu.

Khoản 5. Mọi đạo luật liên quan đến tiền bạc, hay lương bổng của các viên chức chính quyền đều do Hạ viện khởi xướng. Thượng viện không có quyền thay đổi hay bổ sung. Không một khoản tiền nào được lấy từ ngân khố quốc gia, nếu không tuân thủ đúng những qui định và phải được khởi xướng tại Hạ viện.

Khoản 6. Chỉ có Hạ viện mới có quyền luận tội. Hạ viện sẽ chọn Chủ tịch và các viên chức khác cho mình.

Khoản 7. Khi khuyết ghế dân biểu ở bất cứ bang nào, Thống đốc bang đó sẽ ban hành lệnh tổ chức cuộc bầu cử bổ sung cho những chỗ trống đó.

Điều V

Khoản 1. Thượng viện của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ sẽ do các cơ quan lập pháp tiểu bang lựa chọn. Mỗi cơ quan lập pháp được chọn hai đại biểu. Khi có ghế trống, Thống đốc tiểu bang sẽ tạm thời bổ nhiệm cho tới khóa họp sau của cơ quan lập pháp tiểu bang đó. Mỗi Thượng nghị sĩ có một phiếu bầu.

Khoản 2. Thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ sáu năm. Nhưng ngay sau cuộc bầu cử lần đầu tiên, các Thượng nghị sĩ sẽ được phân đều thành ba nhóm. Thượng nghị sĩ nhóm một sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ hai, Thượng nghị sĩ nhóm hai sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ tư, Thượng nghị sĩ nhóm ba sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ sáu, sao cho sau mỗi hai năm sẽ bầu lại 1/3 số Thượng nghị sĩ.

Khoản 3. Mọi thành viên của Thượng viện phải trên 30 tuổi và có ít nhất bốn năm là công dân Hoa Kỳ, đồng thời khi được bầu, phải là cư dân của bang mà người đó được bầu chọn.

Khoản 4. Thượng viện sẽ chọn Chủ tịch Thượng viện và các viên chức khác cho Viện của mình.

Điều VI

Khoản 1. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành bầu cử Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ sẽ do cơ quan lập pháp của mỗi bang qui định. Nhưng bất cứ lúc nào, Quốc hội Liên bang cũng có quyền thay đổi các qui định đó.

Khoản 2. Quốc hội Liên bang có quyền qui định những yêu cầu về mức độ tài sản thống nhất đối với các đại biểu của mỗi Viện mà Quốc hội Liên bang

cho là thích hợp.

Khoản 3. Đa số trong mỗi Viện đủ để tổ chức cuộc họp triển khai công việc, còn thiểu số có quyền trì hoãn phiên họp.

Khoản 4. Mỗi viện sẽ có thẩm quyền về cuộc bầu cử của mình, về kết quả của cuộc bầu cử đó và về việc đánh giá tiêu chuẩn các nghị sĩ của Viện mình.

Khoản 5. Tự do phát biểu và tự do tranh luận tại Quốc hội không bị buộc tội, hay chất vấn tại bất kỳ tòa án nào, hay bất kỳ một nơi nào khác ngoài Quốc hội. Các thành viên của mỗi Viện trong mọi trường hợp, ngoại trừ tội phản quốc, hay tội gây chiến, không thể bị bắt giữ trong khi đang có mặt tại Quốc hội, hoặc trong khi tới Quốc hội, hoặc trở về nhà.

Khoản 6. Mỗi Viện có quyền quyết định thủ tục hoạt động của mình, có thể trừng phạt các thành viên có tư cách đạo đức không đúng đắn và có thể khai trừ thành viên của Viện mình.

Khoản 7. Hạ viện và Thượng viện có quyền giữ một quyển sổ ghi chép các hoạt động của mình và thỉnh thoảng, công bố các điều đã ghi. Những phiếu thuận và phiếu chống của các thành viên về bất cứ vấn đề nào đều phải ghi vào sổ này.

Khoản 8. Trong thời gian họp của Quốc hội, nếu không được sự đồng ý của Viện kia, Không một Viện nào được nghỉ họp quá ba ngày, hoặc chuyển sang địa điểm khác. Nhưng qui định này không thể áp dụng đối với Thượng viện khi Viện này thi hành các quyền qui định trong Điều _____.

Khoản 9. Không một Thượng nghị sĩ hay Hạ nghị sĩ nào được nhận một chức vụ dân sự trong chính quyền Hợp chúng quốc trong thời gian được bầu làm nghị sĩ. Thành viên của Thượng viện cũng không được giữ chức vụ nào như vậy trong một năm sau khi hết nhiệm kỳ.

Khoản 10. Các đại biểu của mỗi Viện sẽ được nhận một khoản trợ cấp bồi thường cho các hoạt động của họ, do tiểu bang nơi bầu chọn họ qui định và thanh toán.

Khoản 11. Tiêu đề các đạo luật của Hợp chúng quốc sẽ là "Được Thượng viện và Hạ viện trong Quốc hội ban hành".

Khoản 12. Mỗi Viện đều có quyền khởi thảo mọi đạo luật, trừ những luật được qui định trước đây.

Khoản 13. Mọi đạo luật phải được cả Hạ viện và Thượng viện thông qua, nhưng trước khi trở thành luật, phải gửi cho Tổng thống Hợp chúng quốc phê chuẩn. Nếu tán thành, Tổng thống sẽ thể hiện sự đồng ý của mình bằng việc ký nhận. Nhưng nếu thấy việc phê chuẩn đạo luật này là không chính đáng, Tổng thống sẽ trả lại Viện đã khởi xướng đạo luật này cùng với ý kiến không tán thành. Viện này sẽ thông báo rộng rãi ý kiến không tán thành của Tổng thống trong bản ghi chép của Quốc hội và tiến hành xem xét lại dự luật đó. Nếu sau khi xem xét lại và hai phần ba thành viên của Viện đó đồng ý thông qua, bất chấp sự phản bác của Tổng thống, thì dự luật sẽ được gửi cho Viện kia kèm theo ý kiến không tán thành của Tổng thống để Viện này xem xét. Nếu được hai phần ba thành viên của Viện đó phê chuẩn, thì dự luật sẽ trở thành đạo luật. Nhưng trong những trường hợp này, các phiếu bầu của cả hai Viện đều phải ghi rõ tán thành, hay không tán thành. Tên của những người tán thành và không tán thành dự luật đó phải được đưa vào biên bản họp của mỗi Viện. Những dự luật mà Tổng thống không gửi trả lại trong vòng bảy ngày sau khi được đệ trình lên sẽ trở thành đạo luật, trừ trường hợp Quốc hội không nhóm họp nên Tổng thống không thể gửi trả Quốc hội được. Trong trường hợp đó, dự luật sẽ không trở thành đạo luật.

Điều VII

Khoản 1. Quốc hội có quyền:

- Đặt và thu các khoản thuế, thuế quan, thuế môn bài.
- Qui định các hoạt động trong lĩnh vực thương mại với ngoại quốc và giữa các bang.
- Ban hành đạo luật nhập quốc tịch thống nhất trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc.
- Đúc và in tiền.
- Qui định giá trị của đồng tiền trong nước và đồng tiền nước ngoài.
- Xác định tiêu chuẩn cân đo.
- Thiết lập các trạm bưu điện và mạng lưới bưu điện.
- Vay mượn tiền và ban hành trái phiếu.
- Bổ nhiệm bằng lá phiếu viên Bộ trưởng Tài chính.
- Thiết lập các tòa án dưới quyền của Tòa án tối cao.
- Xác định và trừng phạt các tội cướp biển, trọng tội xảy ra trên biển và những vi phạm luật pháp quốc tế, trừng phạt những kẻ làm tiền giả và sự vi phạm các đạo luật của quốc gia.
- Dẹp tan cuộc nổi loạn tại bất kỳ tiểu bang nào nếu có lời cầu khẩn của cơ quan lập pháp tiểu bang đó.
- Tuyên bố chiến tranh;
- Tổ chức quân đội;
- Thiết lập và trang bị các tàu chiến;

- Sử dụng quân đội để thi hành luật pháp của liên minh, thi hành các Hiệp ước, tiêu diệt những cuộc nổi dậy và những vụ phiến loạn.
- Soạn thảo mọi đạo luật cần thiết và đúng đắn để thực thi những quyền lực nói trên, cũng như tất cả những quyền lực khác đã được Hiến pháp này trao cho chính quyền Hợp chúng quốc, hoặc cho bất cứ một cơ quan và quan chức nào khác.

Khoản 2. Tội phản quốc chống lại Hợp chúng quốc bao gồm hành vi gây chiến tranh tấn công Liên bang, hoặc bất kỳ tiểu bang nào, hoặc đi theo kẻ thù của Hợp chúng quốc. Quốc hội Liên bang có quyền qui định mức án cho tội phản quốc. Không một ai bị phán quyết về tội phản quốc nếu không có hai người làm chứng về hành vi phạm tội. Nhưng không được dùng một cực hình nào, hay tịch thu tài sản đối với người đó, ngoài cuộc sống của chính họ.

Khoản 3. Các loại thuế trực thu sẽ được xác định bằng cách tính tổng số những người da trắng ở mọi lứa tuổi, mọi giới tính, kể cả những người từng là nô lệ và 3/5 số những người khác không nêu ra ở đây (không tính những người Da Đỏ không nộp thuế). Công việc thống kê sẽ tiến hành trong vòng sáu năm sau cuộc họp đầu tiên của Quốc hội Liên bang và sau đó, cứ 10 năm một lần, tiến hành theo cách thức do Quốc hội Liên bang qui định.

Khoản 4. Sẽ không đặt ra loại thuế hoặc thuế quan đối với hàng hóa xuất khẩu từ bất cứ bang nào, cũng sẽ không đặt ra loại thuế thân hoặc các loại thuế trực thu khác.

Khoản 5. Không có thuế thân nào được đánh nếu không tương ứng với cuộc điều tra dân số kể trên trong Khoản 3.

Khoản 6. Không một đạo luật hàng hải nào được thông qua nếu không có sự chấp thuận của 2/3 đại biểu có mặt tại mỗi Viện.

Khoản 7. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ sẽ không ban tặng các tước hiệu quý tộc.

Điều VIII

Các đạo luật của Hoa Kỳ được ban hành theo Hiến pháp này và mọi điều ước được ký kết dưới thẩm quyền của Liên bang sẽ là luật tối cao của mọi tiểu bang và của mọi cư dân. Quan tòa ở các bang đều phải tuân theo những luật này. Bất cứ điều khoản nào trong Hiến pháp hoặc luật pháp của các bang

trái ngược với Hiến pháp Liên bang đều không có giá trị.

Điều IX

Khoản 1. Thượng viện có quyền ký kết các Hiệp ước, bổ nhiệm các Đại sứ và thẩm phán Tòa án tối cao.

Khoản 2. Trong mọi tranh chấp và những bất đồng hiện đang tồn tại, hoặc sau này phát sinh giữa hai hay nhiều tiểu bang, liên quan đến quyền hạn hay lãnh thổ, Thượng viện sẽ có những quyền hạn sau. Dù là cơ quan lập pháp, hay hành pháp, hay đại diện hợp pháp của bất kỳ tiểu bang nào trong những bất đồng với tiểu bang khác phải đệ trình lên Thượng viện, tuyên bố vấn đề và đề nghị được điều trần. Theo yêu cầu của Thượng viện, những trình bày và kiến nghị đó phải được gửi cho cơ quan lập pháp hay hành pháp của tiểu bang có tranh chấp. Thượng viện sẽ qui định một ngày nhất định để yêu cầu người đại diện của các bên liên quan phải có mặt tại Quốc hội. Các đại diện này sẽ được bổ nhiệm bởi sự đồng lòng chung của các bên để làm người được ủy quyền, hay làm thẩm phán lập ra một tòa án để điều trần và phán quyết vụ việc này. Nhưng nếu những người đại diện không đồng ý, cứ một tiểu bang sẽ được Thượng viện chọn ra ba người. Từ danh sách đó, mỗi bên sẽ gạch bỏ tên từng người một, cho tới khi còn 13 người. Từ danh sách này, Thượng viện sẽ chỉ định không ít hơn bảy người và không nhiều quá chín người, và sẽ rút thăm ra năm người, để lập ra một tòa án nghe và phán quyết lần cuối cùng vụ tranh cãi này, với điều kiện đa số những thẩm phán này sẽ nghe nguyên nhân và đồng ý với lời phán quyết. Nếu bất cứ bên nào từ chối không có mặt tại ngày qui định mà không đưa ra được lý do chính đáng cho việc không tham dự, hoặc có mặt, nhưng từ chối tham gia việc gạch tên, Thượng viện sẽ tiếp tục chọn từ mỗi tiểu bang ba người và viên Thư ký của Thượng viện sẽ gạch thay cho bên vắng mặt hay từ chối đó. Nếu bất cứ bên nào khước từ thẩm quyền của tòa án đó, hoặc không chấp thuận phán quyết hoặc vẫn bảo vệ lý lẽ của mình, thì tòa án này vẫn tuyên bố lời phán quyết

của mình. Lời phán quyết này sẽ là cuối cùng. Toàn bộ quá trình sẽ được chuyển cho Chủ tịch Thượng viện và sẽ được ghi chép lại trong bản báo cáo chung để đảm bảo công bằng cho các bên liên quan. Mọi nhân viên được ủy quyền đó, trước khi tham gia tòa án, phải tuyên thệ, và phải được một thẩm phán của Tòa án tối cao, hay Tòa án cao cấp của tiểu bang nơi vụ kiện này được xét xử đảm bảo, "sẽ nghe và phán quyết vụ việc này theo như sự suy xét tốt nhất của ông ta, không thiên vị, không có cảm tình và không mong chờ được tặng thưởng"

Khoản 3. Trong mọi tranh cãi liên quan đến đất đai mà hai hay nhiều tiểu bang tuyên bố là thuộc sở hữu của mình, thì mọi lời khiếu nại phải trình lên Thượng viện để phán quyết cuối cùng, theo cách thức giống như cách được miêu tả cho các cuộc tranh cãi giữa các bang.

Điều X

Khoản 1. Quyền hành pháp của Hợp chúng quốc sẽ trao cho một người. Danh hiệu của ông ta sẽ là "Tổng thống của Hợp chúng quốc Mỹ châu"; và phải xưng hô với Tổng thống là "Thưa Ngài" (His Excellency). Ông ta sẽ được bầu chọn bởi lá phiếu của cơ quan lập pháp với nhiệm kỳ bảy năm, nhưng không được bầu chọn lại lần thứ hai.

Khoản 2. Thịnh thoảng, Tổng thống phải thông báo cho Quốc hội về tình hình của Liên bang và đề nghị Quốc hội xem xét những biện pháp mà Tổng thống thấy cần thiết và thích hợp và có thể tham vấn họ trong những trường hợp cần thiết. Trong trường hợp bất đồng giữa hai Viện, Tổng thống có quyền hoãn các cuộc họp này tới một thời điểm mà ông nghĩ là thích hợp. Tổng thống phải quan tâm và để ý rằng mọi đạo luật của Hợp chúng quốc được thực thi đúng đắn. Tổng thống sẽ bổ nhiệm các quan chức cao cấp của Hợp chúng quốc và bổ nhiệm mọi viên chức trong trường hợp Hiến pháp không qui định. Tổng thống sẽ tiếp kiến các viên đại sứ và các nhân vật đứng đầu nhánh hành pháp của các tiểu bang. Tổng thống có quyền hủy bỏ bản án

hoặc ân xá cho những hành vi chống lại Hợp chúng quốc, trừ những vụ trọng tội. Tổng thống sẽ là Tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân Hoa Kỳ và các lực lượng dự bị tiểu bang. Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống sẽ được nhận một khoản tiền lương trả cho công việc của mình. Khoản tiền này không tăng và cũng không giảm trong suốt nhiệm kỳ. Trước khi nhậm chức, Tổng thống sẽ tuyên thệ như sau: "Tôi long trọng tuyên thệ rằng tôi sẽ thi hành đúng đắn chức vụ Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ."

Tổng thống sẽ bị cách chức nếu bị Hạ viện luận tội và bị Tòa án tối cao tuyên án với các tội danh phản quốc, nhận hối lộ, hay tham nhũng. Trong trường hợp bị cách chức, chết, từ chức, hay không đủ năng lực thi hành quyền lực và bổn phận của mình, Chủ tịch Thượng viện sẽ thay thế thi hành những quyền của Tổng thống này cho tới khi một Tổng thống khác của Hợp chúng quốc được bầu chọn, hay cho tới khi Tổng thống cũ khôi phục lại đủ năng lực điều hành.

Điều XI

Khoản 1. Quyền lực tư pháp của Hoa Kỳ sẽ được trao cho Tòa án tối cao và những tòa án cấp dưới do Quốc hội thiết lập khi thấy cần thiết.

Khoản 2. Các thẩm phán Tòa án tối cao và các tòa án cấp dưới sẽ giữ chức vụ suốt đời nếu luôn luôn có hành vi chính đáng. Trong thời điểm bắt đầu nhậm chức, họ được nhận khoản tiền lương cho công việc của mình và khoản tiền này sẽ không bị giảm đi trong suốt thời gian đó.

Khoản 3.

Quyền lực tư pháp của Tòa án Tối cao có hiệu lực đối với tất cả các vụ kiện phát sinh bởi những bộ luật do Quốc hội Hợp chúng quốc ban hành, trong mọi việc liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự, các vụ buộc tội viên chức của Hợp chúng quốc, các trường hợp liên quan tới luật pháp hàng

hải và hải quân, các tranh chấp giữa hai hay nhiều bang (trừ những vụ kiện về đất đai), giữa một bang với các công dân của bang khác, giữa các công dân của các bang khác nhau, giữa một bang hoặc các công dân của bang đó với nước ngoài hoặc các công dân và đối tượng nước ngoài. Trong các trường hợp luận tội, hay liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự và các trường hợp có liên quan tới một bang, Tòa án Tối cao sẽ có quyền xét xử sơ thẩm.

Trong những trường hợp đã nhắc đến ở trên, nếu có sự chống án, với những ngoại lệ và dưới những qui định do Quốc hội ban hành, Quốc hội có thể giao bất cứ phần nào của việc phán xử đã nói ở trên (ngoại trừ vụ xét xử Tổng thống của Hợp chúng quốc), theo cách thức và với những giới hạn mà Quốc hội cho là đúng đắn, cho các tòa án cấp thấp, như vẫn thường xảy ra.

Khoản 4. Mọi vụ án xét xử trọng tội (trừ tội phản quốc) phải tiến hành tại bang xảy ra vụ việc phạm tội và phải có một đoàn bồi thẩm.

Khoản 5. Phán quyết của tòa án trong mọi vụ luận tội sẽ không đi quá việc cách chức và không cho phép ông ta có quyền giữ bất cứ chức vụ nào liên quan đến danh dự, hay niềm tin, hay lợi lộc của Hợp chúng quốc. Nhưng người bị kết án có thể bị xét xử và tuyên án theo luật.

Điều XII

Không tiểu bang nào có quyền đúc, hay in tiền, hay ban hành các lệnh trưng thu, hay tịch thu, hay ký kết một Hiệp ước, liên minh, hay hợp bang, hay ban hành bất cứ danh hiệu quý tộc nào.

Điều XIII

Nếu không được Quốc hội Hợp chúng quốc đồng ý, không tiểu bang nào có quyền ban hành và phát hành tiền giấy, hay bất cứ hình thức nào dùng cho việc thanh toán; cũng không được đặt thuế nhập khẩu; không được tổ chức

bất cứ đội quân, hay hạm đội nào trong thời bình; không được ký kết, hay tham gia một thỏa thuận với bất kỳ tiểu bang nào, hay với ngoại quốc, hay tham gia bất kỳ cuộc chiến tranh nào, trừ phi bị kẻ thù xâm lược, hay khi có mối nguy hiểm quá khẩn cấp, không thể trì hoãn, cho tới khi Quốc hội Hợp chúng quốc được tham vấn.

Điều XIV

Mọi công dân của mọi tiểu bang đều có quyền được hưởng mọi đặc ân và quyền miễn trừ như công dân của tất cả các tiểu bang khác.

Điều XV

Bất kỳ ai bị buộc tội phản quốc, hay các trọng tội tại bất kỳ tiểu bang nào, chạy trốn khỏi việc xét xử, nếu được tìm thấy tại bất kỳ tiểu bang nào khác, phải được đưa về tiểu bang nơi anh ta trốn chạy để xét xử, nếu Thống đốc tiểu bang nơi anh ta trốn chạy yêu cầu.

Điều XVI

Mọi đạo luật của Quốc hội, mọi văn bản và phán quyết của các tòa án, đều phải được tất cả các tiểu bang tôn trọng.

Điều XVII

Các tiểu bang mới được lập ra một cách hợp pháp trong phạm vi lãnh thổ của Hợp chúng quốc cần được Quốc hội chấp thuận để gia nhập chính quyền này, nhưng cần có sự chấp thuận của 2/3 số đại biểu có mặt tại mỗi Viện. Nếu các tiểu bang mới được hình thành trong lãnh thổ của bất kỳ tiểu bang nào, thì cũng cần cả sự chấp thuận của cơ quan lập pháp của tiểu bang đó. Nếu được chấp thuận, các tiểu bang mới cũng được hưởng mọi quyền như các tiểu bang ban đầu. Nhưng Quốc hội, căn cứ vào điều kiện của các tiểu bang mới, qui định các khoản nợ cần phải đóng góp.

Điều XVIII

Hợp chúng quốc sẽ đảm bảo mỗi tiểu bang có một chính quyền cộng hòa. Hợp chúng quốc bảo vệ các tiểu bang chống lại sự xâm lược của nước ngoài, hoặc theo yêu cầu của cơ quan lập pháp tiểu bang đó, dẹp tan những rối loạn bên trong.

Điều XIX

Theo đề xuất của 2/3 cơ quan lập pháp tiểu bang trong liên minh, Quốc hội của Hợp chúng quốc sẽ triệu tập một Hội nghị để tiến hành sửa đổi bản Hiến pháp này.

Điều XX

Mọi thành viên của Quốc hội, các viên chức hành pháp, hay tư pháp của Hợp chúng quốc và của các tiểu bang sẽ phải tuyên thệ ủng hộ bản Hiến pháp này.

Điều XXI

Việc phê chuẩn của..... Hội nghị của các tiểu bang là đủ để bản Hiến pháp này có hiệu lực.

Điều XXII

Bản Hiến pháp này sẽ được đệ trình lên Quốc hội xem xét. Hội nghị này có ý kiến là sau đó, theo đề xuất của Quốc hội, bản Hiến pháp sẽ được gửi cho các tiểu bang phê chuẩn.

Điều XXIII

Để thiết lập chính quyền Liên bang, Hội nghị này cho rằng các hội nghị thông qua đó phải gửi lời phê chuẩn của mình lên Quốc hội Hợp bang. Sau

khi nhận được sự chấp thuận của _____ Hội nghị của các tiểu bang, Quốc hội Hợp bang, vào một ngày sớm nhất có thể, sẽ qui định và công bố địa điểm bắt đầu thi hành các thủ tục theo như bản Hiến pháp này. Sau đó, các cơ quan lập pháp tiểu bang sẽ lựa chọn thành viên cho Thượng viện và chỉ đạo việc bầu chọn thành viên cho Hạ viện. Các nghị sĩ đó sẽ gặp nhau tại thời gian sớm nhất có thể và tại địa điểm do Quốc hội Hợp bang qui định, để chọn ra Tổng thống của Hợp chúng quốc và thi hành bản Hiến pháp này.

Ký kết bản Hiến pháp *Ngày 17 tháng Chín*

Ngày 8 tháng Chín, sau khi thống nhất tất cả các điều khoản, Hội nghị lại bầu ra Ủy ban Văn phong để viết lại bản Hiến pháp này với câu chữ rõ ràng và chặt chẽ hơn. Bản Hiến pháp chính thức do Gouverneur Morris, người được coi là có khả năng viết tốt nhất, chấp bút dựa trên bản phác thảo, nhằm có được một văn bản ngắn gọn và mạch lạc. Sau một vài ngày sửa chữa, Hội nghị đã đồng ý với văn bản này.

Trong ngày 17 tháng Chín, ngày họp cuối cùng của Hội nghị, lễ ký kết bản Hiến pháp đã diễn ra rất trang nghiêm và cảm động. Đại biểu cao tuổi nhất, Bác sĩ FRANKLIN đã viết một trong những bài diễn văn hay nhất của mình. Nhưng tại ngày họp cuối cùng, trong số 55 đại biểu từng tham dự, chỉ còn 42 người có mặt, và trong đó chỉ có 39 đại biểu đồng ý ký vào bản Hiến pháp. Ba đại biểu Gerry, Mason và Randolph đã từ chối ký và tuyên bố những lý do họ không thể ký vào bản Hiến pháp.

Bản thảo Hiến pháp viết được đọc trước toàn thể Hội nghị.

Bác sĩ FRANKLIN đứng lên với bài phát biểu cầm trong tay, nhờ Ngài Wilson đọc giùm.

"Thưa Ngài Chủ tịch,

Tôi thừa nhận rằng lúc này, có nhiều điểm trong bản Hiến pháp này, tôi

không thể chấp nhận. Nhưng tôi không chắc rằng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận nó. Tôi đã sống đủ lâu để hiểu rằng chúng ta không nên dựa quá nhiều vào sự phán xét của chính bản thân mình. Tôi thường thấy mình sai lầm ngay tại những điều ưng ý nhất. Khi tôi càng nhiều tuổi, tôi càng nghi ngờ sự phán xét của chính mình và quan tâm chú ý hơn đến những nhận xét của người khác. Hầu hết loài người, cũng như những giáo phái trên thế giới, thường tự cho rằng mình mới là người hiểu biết sự thật và bất kể ai khác với quan điểm của mình đều là sai lầm. Steele, một người theo đạo Tin Lành, nói với Giáo hoàng Công giáo rằng sự khác biệt duy nhất giữa hai tôn giáo này là nhà thờ Công giáo La Mã không thể sai lầm, còn Nhà thờ Tin Lành của nước Anh cũng không bao giờ sai lầm. Nhưng dù nhiều quý Ngài lại nghĩ rằng ý kiến của mình, cũng như tôn giáo của mình là không thể sai lầm thì một vài người đã thể hiện tính cách giống như một cô gái Pháp, luôn luôn cầu nhàu và bới móc mọi lỗi lầm của những người xung quanh, để rồi tự cho rằng ngoài mình ra, chẳng có ai là đúng cả.

Với những suy nghĩ đó, thưa Ngài, tôi đồng ý với bản Hiến pháp này với mọi lỗi lầm của nó nếu có, bởi tôi nghĩ rằng chúng ta cần một chính quyền chung. Không một chính quyền nào mang lại điều tốt đẹp cho dân chúng nếu không được thiết lập đúng đắn, dù nó có thể hoạt động tốt trong nhiều năm để rồi lại chầm dứt trong cảnh chuyên quyền độc tài như mọi mô hình chính quyền trước đây. Khi dân chúng trở nên đòi hỏi thì một chính quyền độc tài là cần thiết, bởi không một mô hình chính quyền nào khác ngoài nền độc tài đáp ứng được những đòi hỏi lúc đó. Tôi cũng nghi ngờ rằng không một Hội nghị nào có thể làm ra được một bản Hiến pháp tốt đẹp hơn.

Khi chúng ta nhóm họp tại đây, tập trung mọi sự khôn ngoan và hiểu biết của mình, mọi quý Ngài đều bị ràng buộc bởi những tâm trạng, quan điểm và cả những lầm lẫn, những lợi ích địa phương và những quan điểm ích kỷ của nhiều người khác. Vậy sự nhóm họp như vậy có thể làm ra được điều gì hoàn hảo? Thưa Ngài, do đó, tôi cảm thấy kinh ngạc khi hệ thống này đã

hoàn hảo tới mức có thể và tôi nghĩ bản Hiến pháp này cũng làm những kẻ thù của chúng ta ngạc nhiên, những kẻ đang tin tưởng trông chờ rằng chúng ta cũng giống như những người xây dựng Tháp Babel; rằng các tiểu bang của chúng ta đang ở bên bờ miệng vực của sự tan rã, gặp nhau tại đây chỉ để cắt cổ họng của người khác.

Thưa Ngài, tôi đồng ý với bản Hiến pháp này bởi tôi chẳng thể hy vọng một văn kiện xuất sắc hơn và tôi cũng không thể đoán chắc rằng đó không phải là văn bản xuất sắc nhất. Những ý kiến nêu ra những sai trái của bản Hiến pháp này là vì mong ước những điều tốt lành cho dân chúng. Tôi không bao giờ tiết lộ bất cứ điều gì về Hội nghị này. Những lời lẽ tranh cãi sinh ra trong những bức tường này và rồi cũng chết trong những bức tường này. Nếu như tất cả chúng ta trở về, gặp những người đồng bào và kể cho họ nghe những lời phản đối mà mình nghe được, mong ước giành được sự ủng hộ của họ thì điều đó chỉ cản trở việc chấp thuận văn bản này và mất đi những lợi thế về sự đồng tâm nhất trí của chúng ta. Theo ý kiến tôi, hầu hết sức mạnh và sự hiệu quả của chính quyền, để mang lại và đảm bảo hạnh phúc của con người, đều phụ thuộc vào quan điểm chung của dân chúng về hiệu quả của chính quyền, cũng như sự khôn ngoan và đức hạnh của những viên chức chính quyền. Do đó, tôi tin rằng số phận của chúng ta cũng là số phận của dân chúng và vì sự thịnh vượng chung, chúng ta hãy chân thành và nhiệt tình đồng tâm ca ngợi bản Hiến pháp này. Nếu được Quốc hội Hợp bang chấp thuận và được các hội nghị tiểu bang phê chuẩn thì ảnh hưởng của chúng ta sẽ được nhân rộng. Nhờ đó, một chính quyền tốt đẹp sẽ được thiết lập.

Tóm lại, thưa Ngài Chủ tịch, tôi thật sự mong ước mọi quý Ngài tham dự Hội nghị này, những người vẫn còn những bất đồng về bản Hiến pháp, theo gương tôi, nhân lúc này, hãy nghi ngờ một chút về tính không thể nhầm lẫn của chính mình và thể hiện sự đồng lòng chân thành nhất bằng cách đặt chữ ký của mình vào văn kiện này".

Sau đó, ông đề xuất rằng bản Hiến pháp sẽ được các đại biểu ký kết sau câu chữ "Được làm tại Hội nghị với sự chấp thuận của tất cả các tiểu bang có mặt ngày 17 tháng Chín, chúng tôi xin đề tên mình vào văn bản này."

Ngài GORHAM nói rằng nếu không quá muộn, thì ông muốn đề giảm bớt sự phản đối đối với bản Hiến pháp là điều khoản qui định "cứ 40.000 người dân lại có một đại biểu" đã từng gây nhiều tranh luận, nhưng vẫn chưa quyết định dứt khoát, nên sửa thành 30.000 người.

Ngài KING và Ngài CARROL ủng hộ ý kiến của Ngài Gorham.

Khi Ngài Chủ tịch Hội nghị đứng lên để nêu vấn đề cần bỏ phiếu, ông nói rằng mặc dù chức vụ Chủ tịch Hội nghị làm ông không thể trình bày hết mọi tâm trạng của mình và có thể ngay tại lúc này cũng buộc ông phải im lặng, nhưng ông không thể che giấu ước mong của mình rằng cần phải có một số thay đổi để giảm tối đa những chống đối. Nhiều đại biểu cho rằng số nghị sĩ quá ít sẽ không đủ đảm bảo quyền và lợi ích cho dân chúng, nên ông tin rằng việc tăng số lượng nghị sĩ sẽ làm giảm bớt những lời phản đối bản Hiến pháp này.

Đề xuất của Ngài Gorham không gặp phải một lời phản đối nào và được Hội nghị hoàn toàn nhất trí.

Tất cả các tiểu bang cũng đồng ý rằng mọi người tham gia Hội nghị sẽ ký vào bản Hiến pháp này.

Ngài RANDOLPH lại đứng lên và nói bóng gió về những nhận xét của Bác sĩ Franklin. Ông xin lỗi mọi người vì buộc phải từ chối ký vào bản Hiến pháp, dù nếu tất cả mọi người đều ký tên sẽ thể hiện sự khôn ngoan và giá trị của bản Hiến pháp và làm dân chúng thêm tin tưởng để phê chuẩn nó. Tuy nhiên, ông nói rằng việc từ chối ký này không có nghĩa là ông chống đối bản Hiến pháp mà chỉ muốn được tự do làm theo đúng bản phận và sự phát xét

của chính mình. Ông từ chối ký bởi vì ông nghĩ công chúng sẽ bác bỏ sự lựa chọn của Hội nghị. Sẽ không đủ chín tiêu bang phê chuẩn văn bản này và tất yếu, sẽ dẫn đến sự rối loạn. Với quan điểm đó, ông không thể bắt buộc mình phải tán thành văn bản này, để ông được phép làm bất cứ điều gì mà ông cho là cần thiết để mang lại điều tốt đẹp chung cho xã hội.

Ngài G. MORRIS nói rằng ông cũng có những điểm phản đối, nhưng coi mô hình hiện nay là mô hình tốt nhất có thể đạt được, nên ông sẽ chấp nhận nó, bất chấp mọi lỗi lầm. Đa số sẽ tán thành mô hình này và ông sẽ tuân theo quyết định đó. Thời điểm này buộc phải bỏ sang một bên việc xem xét những sự thay đổi và vấn đề lớn nhất là có một chính quyền liên bang, hay không? Và chính quyền đó cần phải được thiết lập, nếu không, sự vô chính phủ sẽ xảy ra. Ông nói rằng chữ ký đối với văn bản này chỉ là thể hiện sự đồng lòng của các tiểu bang có mặt lúc này.

Ngài WILLIAMSON: Gợi ý rằng các đại biểu nên ký vào bức thư gửi Quốc hội hơn là ký vào bản Hiến pháp vì điều này sẽ làm hài lòng một vài người không tán thành bản Hiến pháp. Bản thân ông nghĩ là không thể có một kế hoạch nào tốt đẹp hơn và chẳng băn khoăn gì trong việc đặt chữ ký của mình vào văn bản này.

Ngài HAMILTON: Lo ngại không chắc tất cả các đại biểu sẽ ký vào Hiến pháp. Việc một vài quý ngài phản đối và thậm chí từ chối ký, có thể sẽ làm dấy lên ngọn lửa chống đối và làm giảm đi lòng sốt sắng ủng hộ bản Hiến pháp. Mọi người đều biết rằng không ai trong Hội nghị này khác biệt quan điểm về mô hình này hơn bản thân ông, nhưng cần phải suy tính kỹ càng giữa khả năng tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ sẽ xảy ra và cơ hội đạt được một chính quyền tốt từ kế hoạch này.

Ngài BLOUNT: Trước đây, ông đã tuyên bố là ông sẽ không ký. Nhưng mô hình này đã tốt đẹp hơn và không muốn việc từ chối ký của ông sẽ làm giảm đi sự đồng lòng của các tiểu bang tại Hội nghị.

Bác sĩ FRANKLIN: Thể hiện mối lo âu của ông về những nhận xét của Ngài Randolph về bài phát biểu của ông sáng nay. Ông tuyên bố rằng khi viết kiến nghị đó, ông không biết chính xác ai sẽ từ chối ký và hy vọng mọi người sẽ hiểu ông. Ông thừa nhận rằng Ngài Randolph với những nghĩa vụ và bổn phận cao cả là người đầu tiên đề xuất mô hình này đã đóng góp rất nhiều trong quá trình thảo luận, nên hy vọng Ngài Randolph sẽ gạt bỏ những bất đồng để chấp thuận bản Hiến pháp với tình bằng hữu, nhằm ngăn chặn những điều tồi tệ có thể xảy ra nếu tên của ông không có trong văn bản này.

Ngài RANDOLPH: Coi việc ký vào bức thư gửi Quốc hội cũng giống như việc ký vào bản Hiến pháp. Sự thay đổi hình thức đó, đối với ông, chẳng khác gì nhau. Ông nhắc lại rằng bằng việc từ chối ký vào bản Hiến pháp, có thể ông đã làm một việc tồi tệ và sai trái nhất trong cuộc đời, nhưng đó là mệnh lệnh của lương tâm ông, buộc ông không thể đắn đo hay thay đổi. Ông nhắc lại niềm tin của ông rằng việc bắt buộc dân chúng, hoặc phải chấp nhận toàn bộ, hoặc phải bác bỏ văn bản này, sẽ chỉ tạo ra sự hỗn loạn vô chính phủ.

Ngài GERRY: Thể hiện tâm trạng đau đớn của ông, và sự bối rối buộc ông phải đứng lên đề xuất những thay đổi nữa với mô hình đã được quyết định này. Trong khi kế hoạch này còn đang chờ đợi phê chuẩn, thì ông muốn được hoàn toàn tự do phán xét mô hình này. Bây giờ, bản thân ông tự thấy mình sẽ đối xử với nó như đối với một đạo luật của Hợp bang. Ông lo ngại rằng một cuộc nội chiến có thể xảy ra do cuộc khủng hoảng hiện nay của nước Mỹ. Ông coi mối nguy hiểm ở Massachusetts là thực sự nghiêm trọng [tức là vụ bạo động của Daniel Shays-ND]. Tại tiểu bang đó có hai phe phái, một phe dân chủ thái quá, ông coi đó là điều tồi tệ nhất trong số mọi tai họa chính trị, nhưng phe phái kia cũng hung bạo trong thái cực đối lập. Do cuộc xung đột về tán thành và phản đối bản Hiến pháp, nên mối lo ngại nhất là sự hỗn loạn. Ông nghĩ là vì nhiều lý do, cần thiết phải xây dựng một mô hình trung lập và hòa giải hơn nữa, để làm dịu đi tâm trạng kích động có phần thái

quá của các phe phái. Hội nghị đã phê chuẩn bản Hiến pháp này, nhưng ông tin rằng điều đó sẽ có tác dụng ngược lại. Do đó, ông không thể ký vào văn bản này để ông được quyền làm mọi việc cần thiết. Việc thay đổi hình thức ký kết không có gì khác nhau đối với ông cả. Nhưng nếu việc ký kết không rõ ràng, dân chúng sẽ không bao giờ biết sự bất đồng của ông. Ông không thể không coi những lời bóng gió của Bác sĩ Franklin làm nhằm ám chỉ ông và những quý ngài từ chối ký.

Tướng PINKNEY: Dường như chúng ta không thể làm thay đổi được những người quyết tâm không ký vào Hiến pháp bằng một hình thức mập mờ như đề xuất. Nên ông nghĩ cách tốt nhất là trình bày thẳng thắn việc chấp thuận, hay không chấp thuận Hiến pháp và để tự nó nói lên bản chất của sự việc. Ông muốn công khai rõ ràng mục đích việc ký kết của các đại biểu. Ông sẽ ký vào Hiến pháp với suy nghĩ rằng điều này sẽ góp phần ủng hộ bản Hiến pháp với mọi ảnh hưởng của ông và cam kết sẽ làm đúng như vậy.

Bác sĩ FRANKLIN: Bây giờ là quá sớm để tự chúng ta cam kết trước Quốc hội và trước cử tri của chúng ta rằng sẽ chấp thuận kế hoạch này.

Ngài INGERSOL: Không coi việc ký kết dù là dưới hình thức nào đi nữa như một sự cam kết của những người ký rằng sẽ ủng hộ bản Hiến pháp này, ngoài việc gợi ý rằng mọi điều đưa ra đã được nghiên cứu là thích hợp nhất.

Về đề xuất của Bác sĩ Franklin: NH: đồng ý; MA: đồng ý; CT: đồng ý; NJ: đồng ý; PA: đồng ý; DE: đồng ý; MD: đồng ý; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: không thống nhất ý kiến; GA: đồng ý.

Ngài King gợi ý là cần hủy bỏ bản ghi chép của viên Thư ký về Hội nghị này, hoặc nên trao cho Ngài Chủ tịch giữ. Ông nghĩ bản ghi chép này sẽ làm công chúng hoang mang và kinh sợ, còn những người chống Hiến pháp sẽ lợi dụng để ngăn cản việc phê chuẩn.

Ngài Wilson cho là nên làm theo cách thứ hai, trao nó cho Ngài Chủ tịch, dù ông từng nghĩ là cách thứ nhất là hay nhất, nhưng sợ rằng những lời lẽ đối trá có thể bị lan truyền.

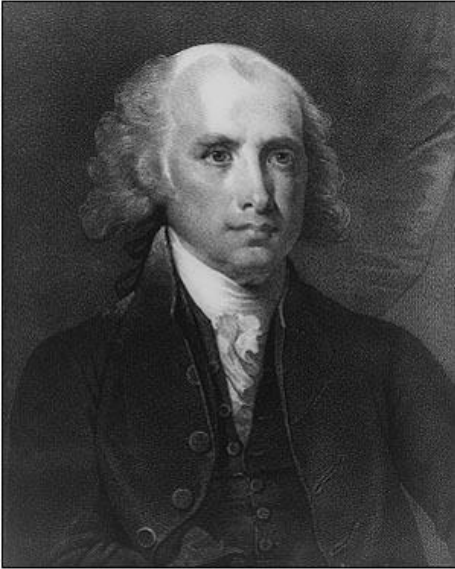
Cuộc bỏ phiếu về vấn đề trao những ghi chép và những văn bản liên quan về Hội nghị cho Ngài Chủ tịch: NH: đồng ý; MA: đồng ý; CT: đồng ý; NJ: đồng ý; PA: đồng ý; DE: đồng ý; MD: phản đối; VA: đồng ý; NC: đồng ý; SC: đồng ý; GA: đồng ý;

Ngài Chủ tịch hỏi Hội nghị muốn sử dụng bản Ghi chép thể nào, liệu có phân phát những bản chép cho những thành viên liên quan hay không? Hội nghị hoàn toàn nhất trí rằng: "Ngài Chủ tịch sẽ giữ bản ghi chép này và các văn bản khác và làm theo quyết định của Quốc hội Liên bang, nếu cơ quan này được lập theo bản Hiến pháp".

Sau đó, các đại biểu lần lượt ký vào văn bản này.

Trong khi các đại biểu cuối cùng đang ký vào bản Hiến pháp, Bác sĩ Franklin chỉ vào hình mặt trời sau lưng ghế chủ tịch Hội nghị, nói với một vài đại biểu đứng gần đó rằng những họa sĩ vẽ nó khó phân biệt được đó là cảnh mặt trời đang mọc, hay đang lặn. Ông nói, trong cuộc họp này, ông thường nhìn vào hình mặt trời này với những niềm hy vọng đan xen những nỗi sợ hãi và ông không thể nói được đó là cảnh mặt trời đang mọc, hay đang lặn. Nhưng giờ đây, cuối cùng, ông cảm thấy hạnh phúc, vì biết chắc chắn đó là cảnh mặt trời đang mọc, chứ không phải đang lặn.

Bản Hiến pháp cuối cùng được tất cả các đại biểu ký tên, trừ Ngài Randolph, Ngài Mason và Ngài Gerry. Họ từ chối thể hiện sự đồng ý bằng việc đặt tên của mình lên đó. Thế là Hội nghị kết thúc và không biết bao giờ mới gặp lại.



James Madison (1751-1836)

Tổng thống thứ 4 của Mỹ (1809-1817); “Cha đẻ” bản Hiến pháp Mỹ

Phần III: MỘT SỐ BỨC THƯ VÀ TRANH LUẬN ĐIỂN HÌNH VỀ HIẾN PHÁP MỸ

Ôn Chúa tối cao, cha và những người bạn của cha có thể làm cho họ [dân chúng] hài lòng bằng việc thiết lập một chính quyền khôn ngoan và công bằng. Với riêng cha, cha chưa bao giờ ở trong một bối cảnh như hiện nay và cha phải tuyên bố rằng cha tham dự Hội nghị này không phải vì tiền, dù một nghìn bảng một ngày.

Thư của GEO. MASON gửi con trai

Ngày 1 tháng Sáu năm 1787

Giới thiệu

Ngay trong quá trình tiến hành Hội nghị Lập hiến, nhiều đại biểu đã bất đồng sâu sắc với quan điểm về một chính quyền mạnh, và nhiều người đã bỏ ra về.

Trong số 55 người đã tham dự Hội nghị Lập hiến, chỉ có 42 đại biểu còn có mặt vào buổi cuối cùng, nhưng cũng chỉ có 39 người đồng ý. Ba chính khách xuất sắc là Gerry, Randolph và Mason, dù có mặt, nhưng vẫn từ chối ký vào văn kiện này. Sau khi Hội nghị chấm dứt, quan điểm chống và tán thành chính quyền liên bang đã bùng lên thành một cuộc tranh luận rộng lớn và sâu sắc trên khắp 13 tiểu bang. Những người đã ký vào văn kiện này trở thành những người biện hộ chủ chốt cho tư tưởng liên bang, nhằm thuyết phục dân chúng và những chính khách khác phê chuẩn mô hình này.

Quan điểm tán thành và phản đối thể hiện trong những bức thư trao đổi giữa các đại biểu và với những chính trị gia khác, trong các bài báo và các bài phát biểu tại Hội nghị phê chuẩn của các tiểu bang, với việc phân tích những lợi hại của mô hình chính quyền Liên bang. Những bức thư và những bài phát biểu này, dù chống đối hay tán thành, thì những quan điểm đó đều thể hiện trách nhiệm cao cả đối với dân chúng và đất nước, thể hiện ước mong về một chính quyền tốt đẹp. Trong phần này, độc giả có thể đọc thấy những dòng chữ mang đầy tính nhân bản với những mục đích cao cả của G. Mason trong bức thư gửi người con trai, những tâm sự trong nhật ký riêng của Washington, những dự định ban đầu của Madison và quan điểm của rất nhiều đại biểu khác.

Cho đến nay, có hàng trăm bức thư, các bài tranh luận, các bài báo liên quan đến quá trình thông qua Hiến pháp vẫn được lưu giữ, và là nguồn tư liệu tốt cho những ai quan tâm đến lịch sử nước Mỹ thời đầu dựng nước... Dưới đây, tôi chọn một số bức thư, những bài phát biểu điển hình, gồm cả những bài tán thành và chống đối, để trình bày quan điểm và tư tưởng của các chính khách Mỹ khi đó. Phần này chủ yếu trích dẫn theo cuốn Farrand's Record, Elliot's Debate, cuốn Federalist Papers và cuốn Anti-federalist Papers. Các bài trích dẫn, tôi đều ghi rõ nguồn tài liệu tham khảo và sắp xếp theo thứ tự thời gian và cố gắng giới thiệu thêm một số thông tin trước mỗi bài để bạn đọc tiện theo dõi.

Cuốn Elliot's Debates là tập hợp những tranh luận trong các hội nghị phê chuẩn Hiến pháp liên bang của các Tiểu bang, bao gồm 5 tập do Jonathan Elliot tập hợp và xuất bản vào giữa thế kỷ XIX. Ngày nay, đây là nguồn tư liệu đầy đủ nhất cho giai đoạn kết thúc Hội nghị Lập hiến, từ tháng Chín năm 1787 đến thời điểm khai mạc Quốc hội Liên bang khóa 1, tháng Ba năm 1789.

Cuốn Farrand's Record (Những ghi chép về Hội nghị Lập hiến năm 1787) bao gồm ba tập, do Max Farrand tập hợp mọi văn bản liên quan đến Hội nghị xuất bản năm 1911. Cuốn sách này chứa đầy đủ những tư liệu cần thiết cho việc nghiên cứu những thảo luận tại Hội nghị, bao gồm những ghi chép của Madison, của Rufus King, của Robert Yates và những bức thư liên quan đến bản Hiến pháp Liên bang. Trong cuốn Federalist Papers, tôi chọn dịch 3 bài nổi tiếng nhất: số 1, số 10 và số 51, đồng thời, giới thiệu một bài luận chống lại quan điểm liên bang.

Thư của James Madison gửi George Washington

Trong số tất cả các đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến, không ai có sự chuẩn bị công phu và kỹ lưỡng về mọi điểm của mô hình chính quyền như Madison. Chính nhờ những đóng góp to lớn cho quá trình xây dựng cũng như bảo vệ bản Hiến pháp mà sau này, Madison đã được mệnh danh là "Cha đẻ của bản Hiến pháp Mỹ".

Từng tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ, nhưng Madison đã thể hiện được tài năng và kiến thức sâu sắc của mình. Sau khi tham dự Hội nghị Annapolis, Madison đã cùng với Hamilton viết lời kêu gọi Quốc hội Hợp bang tổ chức Hội nghị Lập hiến để bàn về tương lai của nhà nước liên minh. Nhưng nhận thức được rằng trước hết cần phải hiểu cặn kẽ mọi góc ngách của chính quyền và tìm được một mô hình nhà nước phù hợp, mùa Xuân-Hè năm 1786, Madison rời bỏ mọi công việc tại chính quyền tiểu bang và liên bang, lặn lội một mình trở về ngôi nhà ở Montpelier, mãi mê vui đầu vào

hàng trăm cuốn sách thu lượm được. Đó là những cuốn rất nổi tiếng của các tác giả Thế kỷ Ánh sáng, như Khế ước Xã hội, Tinh thần Pháp luật, Về một cộng đồng hoàn hảo và những cuốn khác về lịch sử tồn tại và diệt vong của các nhà nước Hy Lạp và La Mã cổ đại, Hợp bang Thụy Sĩ thế kỷ XIV, Liên bang Bỉ, Phổ giữa thế kỷ XVII... Với những cuốn sách này, Madison hy vọng sẽ tìm được những nguyên lý và trở ngại cho sự hoạt động của chính quyền. Suốt thời gian này, Madison nghiền ngẫm những ý tưởng và rồi viết những nhận xét về đặc điểm hình thành và nguyên nhân sụp đổ của các mô hình nhà nước đó vào cuốn sổ nhỏ có tên là “Những ghi chép về các mô hình liên bang cổ xưa và hiện đại” và những điều yếu kém của thể chế Hợp bang đương thời vào cuốn Những trục trặc trong hệ thống chính quyền Mỹ... Trong quá trình nghiền ngẫm những ý tưởng này, Madison đã trao đổi suy nghĩ của mình với rất nhiều chính khách đương thời, thảo luận những nét chính yếu về mô hình nhà nước Cộng hòa.

Bức thư sau đây của ông gửi Washington trình bày những nét chính yếu về mô hình chính quyền liên bang mà ông mong ước. Dù không phải tất cả những đặc điểm trong mô hình này được chấp nhận, nhưng đầu sao, những điều Madison đề xuất vẫn là cốt lõi cơ bản cho chính quyền liên bang Mỹ. Những đề xuất của ông, cùng với những trao đổi với các đại biểu Virginia, sau này, đã trở thành nền tảng cho Phương án Virginia mà đại biểu Edmund Randolph đưa ra ngay ngày khai mạc Hội nghị.

Ngày 16 tháng Tư năm 1787.

Tôi rất vinh dự khi nhận được bức thư của Ngài ngày 31 tháng Ba và thật sung sướng khi thấy quan điểm của Ngài về những cải cách sẽ được Hội nghị Lập hiến theo đuổi. Đó chính là sự chấp thuận những điều lâu nay tôi thường ấp ủ. Những trì hoãn [về tổ chức Hội nghị này] sẽ là sự bất kính đối với những người đã đề xướng sự cải cách và có thể gây ra những thù địch ngầm ngấm mà bề ngoài cứ tưởng là đang giảm bớt. Những nỗ lực triệt để,

dù không thành công, thì ít nhất cũng biện hộ cho những người đã đề xuất triệu tập Hội nghị này.

Cuối cùng, thì phải giải quyết những trở ngại đó thông qua những cuộc tranh luận tại Hội nghị này. Tôi đã hình thành trong đầu những nét chủ yếu về một hệ thống mới và xin đệ trình những điểm này tới Ngài mà không hề lo sợ điều gì.

Nhận thức rằng nền độc lập của các tiểu bang là hoàn toàn không thể nhân nhượng được và việc hợp nhất tất cả các tiểu bang riêng rẽ vào một nền cộng hòa đơn nhất cũng không thích hợp, vì thật ra, điều này là không thể thực hiện được, tôi đã tìm kiếm một giải pháp trung lập nào đó, có thể bảo đảm quyền lực tối đa cho chính quyền quốc gia, đồng thời không xóa bỏ các chính quyền tiểu bang vì các chính quyền này vẫn có những lợi ích nhất định.

Điểm mấu chốt tôi muốn đề xuất là phải thay đổi quyền đại diện. Mô hình hiện nay của Liên minh đòi hỏi sự chấp thuận của mọi tiểu bang là cần thiết để phê chuẩn mọi đạo luật quan trọng do Quốc hội Hợp bang ban hành. Như vậy, sự bình đẳng về quyền bỏ phiếu sẽ mâu thuẫn với sự bất bình đẳng về vai trò quan trọng của các tiểu bang thành viên. Không ai phủ nhận rằng các tiểu bang Virginia và Massachusetts có nhiều trọng lượng và ảnh hưởng hơn các tiểu bang Delaware hay Rhode Island, cả trong và ngoài Quốc hội, [nhưng cũng chỉ có một phiếu bầu-ND]. Một hệ thống vận hành với sự can thiệp của các cơ quan lập pháp tiểu bang, trong nhiều trường hợp, sẽ gây ra trục trặc. Một lá phiếu trong Hội đồng quốc gia của Delaware không thể có hiệu lực và giá trị như của bang lớn nhất trong liên minh. Tôi thật sự tin là sự thay đổi như vậy sẽ không gặp phải quá nhiều trở ngại. Đa số các tiểu bang và những tiểu bang có ảnh hưởng nhất đòi phải có những ưu tiên đối với họ. Đối với các tiểu bang miền Bắc, thì mô hình này sẽ coi trọng dân số của họ, còn các tiểu bang miền Nam sẽ hy vọng vào điều này trong tương lai. Trong

mọi vấn đề, các bang nhỏ phải qui thuận theo ý muốn của đa số. Đề xuất này, đặc biệt thúc giục sự thay đổi về quyền đại diện, cũng sẽ làm giảm bớt sự chống đối của các bang lớn trong việc trao nộp các quyền lực cần thiết [cho chính quyền liên bang].

Tiếp theo, tôi muốn đề nghị rằng ngoài các quyền lực của Quốc hội Hợp bang hiện nay, phải cho phép chính quyền quốc gia có thẩm quyền tuyệt đối trong mọi trường hợp cần sự thống nhất, như quyền qui định thương mại, bao gồm quyền đánh thuế các hàng hóa xuất nhập khẩu, qui định thời hạn và hình thức nhập cư...

Trên hết và cao hơn hết, chính quyền Liên bang phải có quyền phủ quyết bất kỳ đạo luật nào của các cơ quan lập pháp tiểu bang, tương tự như các đặc quyền của Vua Anh trước đây, theo tôi là tuyệt đối cần thiết và không thể xâm phạm bởi quyền hạn của các tiểu bang. Nếu không có quyền phủ quyết này, mọi quyền lực khác ghi trên giấy đều vô giá trị và không được chấp hành. Các tiểu bang sẽ tiếp tục vi phạm quyền hạn pháp lý của liên bang, vi phạm các hiệp ước và các bộ luật quốc gia, hay quấy rối lẫn nhau bởi các đạo luật thù nghịch và tranh giành nhau bởi các quan điểm sai trái về lợi ích.

Một tác dụng tốt đẹp khác của đặc quyền này là việc kiểm soát những thay đổi bất thường của chính quyền tiểu bang, kiểm soát sự chèn ép lợi ích của đa số đối với thiểu số và các cá nhân. Ước mong lớn lao nhất không có trong các chính quyền cộng hòa là sự xét xử vô tư, công bằng, không thiên vị và không vụ lợi trong những tranh chấp, giữa những phe phái khác nhau trong xã hội. Chỉ đa số mới có quyền quyết định, nhưng thường quá lạm dụng điều này. Trong các chế độ quân chủ, chủ quyền thường trung hòa hơn đối với các phe phái và các lợi ích khác nhau, nhưng thật không may là các Quân vương lại có những lợi ích riêng và đôi khi có những mưu đồ ghê tởm chống lại tất cả mọi người. Có thể các đặc quyền quốc gia theo mô hình này không đủ công bằng đối với những vấn đề địa phương, nhưng bản thân đặc

quyền này sẽ ràng buộc một cách hiệu quả những mưu đồ lợi ích đi ngược lại lợi ích chung của toàn xã hội. Kể từ khi có hòa bình, chưa bao giờ các đại biểu Quốc hội Hợp bang lại thống nhất sự ủng hộ đối với chương trình tiền giấy, hay bất kỳ biện pháp cần thiết nào khác.

Uy quyền tối cao của quốc gia cũng phải được mở rộng và tôi tin là cần phải có hệ thống tư pháp. Nếu những thẩm phán, những người sẽ giải thích và áp dụng các bộ luật, lại ràng buộc vào lợi ích và các lời tuyên thệ với các tiểu bang của họ chứ không phải với liên bang, thì vai trò của liên bang trong việc xây dựng các bộ luật có thể sẽ không có hiệu quả. Chí ít, các thẩm phán cũng phải tuyên thệ lòng trung thành với liên bang như đối với tiểu bang. Trong mọi trường hợp liên quan đến người nước ngoài hay công dân của các tiểu bang khác, quyền kháng cáo phải được đệ trình lên các tòa án liên bang. Quyền hạn xét xử các vụ việc trên biển cũng phải hoàn toàn thuộc về các tòa án liên bang. Uy quyền tối cao của quốc gia trong bộ máy hành pháp có thể gặp cản trở trừ khi chính quyền liên bang bổ nhiệm có quyền bổ nhiệm những quan chức của mình. Quân đội phải được tổ chức dưới hình thức này hay hình thức khác và chịu sự điều hành của liên bang để bảo đảm mục đích phòng thủ chung.

Một chính quyền, với những quyền hạn rộng lớn như vậy, phải được tổ chức tốt và cân bằng. Cơ quan lập pháp cần chia thành hai viện. Một Viện được tất cả dân chúng hay các cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn hằng năm, còn Viện kia có ít đại biểu hơn, có nhiệm kỳ dài hơn và mỗi nhiệm kỳ chỉ bầu lại một thiểu số, trong khi đa số vẫn giữ chức vụ. Quyền phủ quyết có lẽ nên trao cho viện này là hợp lý nhất. Để kiểm soát chính quyền một cách chắc chắn hơn, có thể thiết lập thêm một Hội đồng phê duyệt, bao gồm những quan chức cao cấp.

Bộ máy hành pháp quốc gia cũng cần phải được thiết lập. Tôi chỉ vừa mới hình thành những suy nghĩ về mô hình tổ chức của bộ máy hành pháp và các

quyền lực được trao cho cơ quan này.

Cũng cần phải bổ sung một điều khoản đảm bảo sự yên bình của các tiểu bang, chống lại những mối nguy hiểm bên trong cũng như bên ngoài. Để thực hiện điều này, quyền cưỡng buộc cũng phải được tuyên bố rõ ràng. Với các quyền thương mại trong tay, bộ máy hành pháp quốc gia luôn có quyền thi hành những biện pháp thương mại trên bộ cũng như trên biển. Nhưng những khó khăn và rắc rối trong quá trình dùng vũ lực cưỡng chế một tiểu bang thi hành ý muốn chung của cả quốc gia, nên tôi rất mong muốn loại bỏ việc sử dụng vũ lực này. Quyền phủ quyết các đạo luật sẽ tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa chính quyền liên bang và tiểu bang. Ngoài ra, cũng cần xác định rõ các hàng hóa sẽ bị đánh thuế. Các quyền này, cùng với việc điều hành vấn đề thương mại, nên trao cho chính quyền liên bang.

Để thiết lập được một hệ thống chính quyền hợp pháp và mạnh mẽ, mô hình này cần phải được công chúng phê chuẩn chứ không chỉ đơn giản là sự phê chuẩn của các cơ quan lập pháp tiểu bang. Điều này càng cần thiết hơn, khi tất yếu, bản Hiến pháp mới sẽ không tránh khỏi sự xung đột với các bản Hiến pháp tiểu bang hiện nay.

J.MADISON

Thư của George Read gửi John Dickinson

George Read và John Dickinson là đại biểu của Delaware, tiểu bang thuộc loại nhỏ nhất trong 13 tiểu bang Bắc Mỹ và là những chính khách quan trọng của tiểu bang và cả Hợp bang. George Read từng nhiều lần làm Thống đốc và Chủ tịch Hội đồng Lập pháp Delaware, còn John Dickinson là tác giả chính của Các điều khoản Hợp bang. Bức thư của G. Read thể hiện mối lo lắng của những bang nhỏ ngay trong những ngày họp đầu tiên của Hội nghị.

Philadelphia, ngày 21 tháng Năm năm 1787

Thật không may mắn rằng Ngài đã không nói sớm với tôi về chuyện thuê nhà ở đây. Phố Market, nơi tôi ở rất đông và căn buồng tôi ở quá nhỏ, không thể kê thêm một chiếc giường thứ hai. Sau khi từ New York trở về, tôi đã tới đây ngay theo lệnh của Ngài Thống đốc Randolph, khi đó ông ta hy vọng là sẽ mang vợ theo, nhưng rồi lại thôi, dù bà ta vẫn định đến đây trong một vài ngày tới.

Tôi vẫn chưa gặp Ngài Bassett, dù tôi hôm qua ông ta đã đến đây. Ông ta nghỉ ở Quán rượu Nữ Hoàng Da Đỏ, nơi Ngài Mason, đại biểu tiểu bang Virginia nghỉ, người cuối cùng trong số 7 đại biểu của tiểu bang này. Bây giờ, chúng tôi đã có thể tổ chức cuộc họp với sự có mặt của 6 tiểu bang: Bắc và Nam Carolina, Virginia, Delaware, Pennsylvania, và New York. 3 tiểu bang Georgia, New Jersey và Massachusetts, mỗi bang có một đại diện. Những người khác cũng sẽ sớm đến đây. Các đại biểu của Connecticut vừa mới được bổ nhiệm mấy ngày trước cũng sẽ tới đây. Chúng tôi không nhận được tin nào từ tiểu bang New Hampshire, có lẽ cũng đã cử người tới dự, còn tiểu bang Maryland, thì chắc Ngài biết rõ hơn vì tôi đã tới đây rồi. Cho đến nay, tiểu bang Rhode Island vẫn không cử người tới dự.

Những quý ngài khác đến đây sớm, đặc biệt là các đại biểu từ Virginia, đã có một cuộc họp ngay ngày đầu tiên, nhưng rất lo âu về sự chậm trễ của các tiểu bang khác trong việc cử đại biểu tới dự. Cuộc họp chính thức sẽ được tiến hành ngay khi có đủ mặt 7 tiểu bang. Tôi mong Ngài sớm đến.

Hiện tôi đang giữ một bản phác thảo Hiến pháp dự định sẽ được đệ trình lên Hội nghị. Một số đặc điểm của phương án này được lấy từ mô hình chính quyền của tiểu bang New York. Một viện đại biểu - Hạ viện, và một viện khác - Thượng viện sẽ hình thành cơ quan lập pháp, nhánh có quyền lực nhất của chúng ta. Hạ viện sẽ được chọn theo tỷ lệ dân cư của mỗi tiểu bang, bao gồm tất cả những người da trắng và 3/5 những người da đen. Thượng viện sẽ được các đại biểu của Hạ viện bầu chọn từ bốn vùng lớn của đất nước mà cả

nước Mỹ được chia ra với mục đích bầu chọn Thượng nghị sĩ. Sau khi bầu xong, các Thượng nghị sĩ sẽ được chia thành bốn nhóm để luân phiên bầu lại hằng năm. Tổng thống có quyền hành pháp trong thời hạn bảy năm. Theo phương án này, tiểu bang chúng ta được cử một đại biểu vào Hạ viện, bao gồm 80 ghế .

Tôi nghĩ điều quan trọng là các bang nhỏ phải kiểm soát chặt chẽ những hoạt động và âm mưu của các bang lớn. Nhiều kẻ có thể hợp tác với nhau để nuốt chửng và chèn ép các bang nhỏ và nếu Ngài muốn góp công sức chống lại những toan tính đó, thì Ngài phải nhanh chóng đến đây.

G. READ

Thư của William Grayson gửi James Monroe

William Grayson (1736-1790) là đại biểu của tiểu bang Virginia tại Quốc hội Hợp bang, người kịch liệt chống đối bản Hiến pháp, và đòi phải có Tuyên ngôn nhân quyền. Sau này, cùng với Richard Henry Lee, Grayson là Thượng nghị sĩ đầu tiên của Virginia tại Quốc hội Liên bang. Còn James Monroe (1758-1834) là chính khách nổi tiếng của Mỹ, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Mỹ như Thượng nghị sĩ, Công sứ tại Pháp, Thống đốc Virginia (1799-1802), Công sứ tại Anh (1803-1807), Ngoại trưởng Mỹ (1811-1817) và là Tổng thống thứ 5 của Mỹ trong hai nhiệm kỳ (1816-1825), nổi tiếng với "Học thuyết Monroe", được công bố năm 1823.

Khi Hội nghị diễn ra, William Grayson và James Monroe đều là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang, nhưng dù không được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến. Bức thư này thể hiện mối quan tâm đó và thể hiện quan điểm của các chính khách không tham dự Hội nghị nghi ngờ về kết quả mà Hội nghị mang lại.

New York, ngày 29 tháng Năm năm 1787.

Nhiều đại biểu rời Quốc hội Hợp bang để tham dự Hội nghị Lập hiến làm Quốc hội mất đi nhiều sức mạnh, và dĩ nhiên chẳng thể làm được việc gì ở đây cả. Tôi thật sự tin là việc này sẽ kéo dài cho đến khi Hội nghị Lập hiến giải tán, có lẽ phải mất tới ba tháng.

Tôi không biết chắc cuộc họp của họ sẽ mang đến những gì, nhưng khó lòng tin được rằng sẽ mang lại nhiều điều tốt lành. Đối với tôi, dân chúng nước Mỹ chưa hoàn toàn chín muồi cho bất cứ cải cách quan trọng nào, tới mức cuối cùng họ có thể thông qua hay bác bỏ nó. Sức mạnh và uy tín của tướng Washington, như Ngài cũng nhận thấy là rất cao ở nước Mỹ, song tôi cũng chẳng tin rằng uy tín này đủ để làm cho dân chúng chấp nhận đóng thuế hay tự nguyện trao nộp các quyền cho nhà nước.

Các đại biểu từ các tiểu bang miền Tây tán thành một chính phủ rất mạnh và mong muốn thuyết phục mọi cơ quan lập pháp tiểu bang đồng ý thiết lập một chính quyền chung. Nhưng tôi không cho rằng dân chúng sẽ ủng hộ họ. Ngược lại, dân chúng Massachusetts nghĩ rằng chính phủ quá mạnh và sẽ lại có các cuộc nổi dậy chống lại để thiết lập một chính phủ dân chủ hơn. Tại Connecticut, dân chúng đã bác bỏ yêu cầu đó trong năm quyết định này và không một ai được bầu vào các chức vụ của chính quyền nếu ông ta tuyên bố sẽ thanh toán các món nợ trong nước. Rhode Island từ chối cử các đại biểu tham dự vì dư luận ở đây tán thành một chính quyền tốt đẹp, sau khi họ đã thanh toán hết các khoản nợ của mình bằng những đồng tiền mất giá trị để tàn phá những kẻ thù chủ nợ của họ.

New Hampshire thì vẫn chưa chi trả một đồng xu nào từ khi giành được hòa bình và cũng không có ý định thanh toán vĩnh viễn. Nếu tiểu bang này cố gắng đánh thuế để thanh toán các khoản nợ trong nước, thì có lẽ chỉ trong nửa tháng, 500 cuộc nổi dậy như của Shays sẽ nổ ra. Tiểu bang New York đã thanh toán phần lớn số nợ bằng cách cướp bóc của New Jersey và Connecticut. Tiểu bang Jersey sẽ có những hành động thái quá vì các động

cơ trả thù vì lợi ích cá nhân. Ngài cũng sẽ thấy là việc Pennsylvania tham gia Hội nghị chỉ để buộc cơ quan hành pháp tối cao của Hợp chúng quốc phải đặt tại Philadelphia, nhằm mang lại cho tiểu bang này những lợi thế thương mại nhằm bù đắp việc mất đi những quyền lực của tiểu bang.

Tôi không biết các tiểu bang miền Nam thế nào, nhưng tôi nghĩ có thể do những quan điểm khác biệt nào đó, họ sẽ khó chấp nhận tham gia một chính quyền liên minh nếu phải từ bỏ một số quyền lực.

W. GRAYSON

Thư của GEO. MASON gửi con trai

Bức thư này thể hiện trách nhiệm cao cả, lòng nhân ái và niềm tin về một chính quyền tốt đẹp của G. Mason, người đấu tranh không mệt mỏi cho quyền của con người. Sau này, Mason là một trong ba đại biểu đã từ chối ký vào bản Hiến pháp và sau đó, liên tục đấu tranh đòi phải có một Tuyên ngôn nhân quyền. Đây là một bức thư rất cảm động, thể hiện những ước mong chân thành nhất của ông về tương lai của nước Mỹ.

Philadelphia, ngày 1 tháng Sáu năm 1787.

Những điều cha nói với con trước đây, trước khi Hội nghị này nhóm họp, về mô hình một hội đồng quốc gia vĩ đại sẽ bao gồm hai Viện trong cơ quan lập pháp, một tòa án và một cơ quan hành pháp dựa trên nguyên tắc đại diện bình đẳng tại Quốc hội. Quyền lực sẽ được trao cho các cơ quan này vì những mục đích cao cả của liên bang, nhưng vẫn kiểm soát được các cơ quan lập pháp tiểu bang và đây vẫn là những cơ quan đầy quyền lực. Virginia có vinh dự được đệ trình những điểm chính yếu của kế hoạch này. Trên cơ sở đó, Hội nghị sẽ tiến hành thảo luận chi tiết, nhưng chậm đến mức không thể biết khi nào mới hoàn tất, sớm nhất cũng không thể trước tháng Tám, dù mọi người muốn hoàn thành một cách nhanh chóng.

Khi mới đến đây, qua trao đổi thẳng thắn với đại biểu từ các tiểu bang khác, cha cảm thấy thật cay đắng và phẫn nộ với những thất bại không ngờ được mà chúng ta phải gánh chịu từ những nguyên tắc dân chủ trong chính quyền. Chúng ta dường như đang đi vào sự cực đoan và có thể sẽ lâm vào tình trạng "tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa". Cha nghĩ đó là điều nguy hiểm, dù cha hài lòng khi thấy Hội nghị này tập trung được nhiều người có những tư tưởng cộng hòa thuần khiết. Tại Hội nghị này, nước Mỹ cũng tập hợp được những cá nhân xuất sắc nhất, những người có tài năng đáng khâm phục, với những mục đích cao cả. Mọi con mắt của nước Mỹ đang hướng về Hội nghị này và sự trông đợi của họ đã tăng lên rất cao.

Ôn Chúa tối cao, cha và những người bạn của cha có thể làm cho họ hài lòng bằng việc thiết lập một chính quyền khôn ngoan và công bằng. Với riêng cha, cha chưa bao giờ ở trong một bối cảnh như hiện nay và cha phải tuyên bố rằng cha tham dự Hội nghị này không phải vì tiền, dù 1.000 bảng một ngày.

Cuộc Cách mạng giành độc lập từ nước Anh và quá trình xây dựng chính quyền mới lúc đó chẳng là gì so với công trình vĩ đại đang ở trước mắt cha. Lòng nhiệt tình thời đó đã truyền cảm hứng và ủng hộ hệ thống được thiết lập như hiện nay. Nhưng cần phải nhìn một cách thật bình tĩnh và đúng đắn, thì sẽ thấy rằng việc thiết lập chính quyền này có thể sẽ mang lại hạnh phúc hay đau khổ cho hàng triệu người, cả hiện nay và trong tương lai. Đó vẫn là mục tiêu cao cả, đầy hấp dẫn và thách thức sự hiểu biết của loài người.

Mọi thông tin về quá trình hội họp đều bị ngăn cấm. Cha nghĩ điều này là cần thiết để tránh những hiểu lầm có thể xảy ra vì những quan điểm khác biệt về cho tới khi mô hình chính quyền được hoàn thiện bằng một cách thức đúng đắn.

GEO. MASON

Thư của G. Washington gửi Hầu tước La Fayette

Hầu tước Lafayette (1757-1834) được mệnh danh là “Người anh hùng hai châu lục”, ở cả châu Mỹ và châu Âu, vì có đóng góp to lớn cho cả cuộc Cách mạng Mỹ và Pháp. Năm 1777, ông đứng về phía nhân dân Mỹ trong cuộc chiến tranh với Anh, tự tuyên mộ quân đội và vượt biển sang giúp nhân dân Mỹ. Lafayette rất thân thiết với George Washington và nhiều lãnh tụ của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1789, ông tán thành cuộc Cách mạng Pháp và đề xuất Tuyên ngôn nhân quyền. Ông cũng là Tư lệnh Vệ binh Quốc gia kể từ năm 1789. Năm 1815, ông là một trong những người đòi Napoléon I thoái vị.

Trong bức thư này, Washington trình bày những suy nghĩ và những lo âu của cá nhân ông về Hội nghị Lập hiến cho Hầu tước La Fayette, lúc này đã trở về Pháp.

Philadelphia, ngày 6 tháng Sáu năm 1787.

Suốt từ khi tới đây, tôi luôn có ý định viết cho Ngài một bức thư dài tại chính nơi này trước khi rời đi để tôi cảm thấy hài lòng và cũng mang lại thông tin cho Ngài [về Hội nghị này] nhưng vẫn chưa tìm được dịp nào. Do vậy, tôi phải đợi đến khi kết quả của cuộc họp hiện nay trở nên rõ ràng hơn và cho đến khi các đại biểu tham dự được phép thông tin về quá trình hội họp.

Ngài Hầu tước thân mến, tôi dám nói rằng Ngài sẽ ngạc nhiên khi nhận được bức thư tôi viết từ nơi này và có lẽ Ngài sẽ càng ngạc nhiên hơn khi biết rằng trái ngược với những tuyên bố công khai và những dự định của tôi về những vấn đề phức tạp và về bản chất yếu đuối tự nhiên của con người rằng không thể có bất kỳ ai có thể giải quyết được một cách tốt đẹp những vấn đề mà ông ta gặp phải. Áp lực của công chúng lớn đến mức tôi không thể cưỡng lại lời kêu gọi triệu tập một Hội nghị các tiểu bang để quyết tâm rằng liệu tại

thời điểm hiện nay, chúng tôi có thể thiết lập được một chính quyền đáng kính trọng, đảm bảo cuộc sống, sự tự do và phồn vinh, hay phải chấp nhận một chính quyền mà rồi sẽ dẫn tới tình trạng hỗn loạn và vô chính phủ, bị điều khiển bởi những kẻ mị dân không quan tâm gì đến lợi ích quốc gia ngoài những tham vọng cá nhân. Tôi không thể nói được điều gì sẽ đến sau những cuộc thảo luận kỹ càng. Nếu được phép, tôi sẽ thông tin cho Ngài biết và tin rằng càng chi tiết thì tôi sẽ càng hài lòng.

G.WASHINGTON

Thư của Edward Carlington gửi Thomas Jefferson

Edward Carlington là sĩ quan tùy tùng của Washington trong chiến tranh, cũng là một chính khách của tiểu bang Virginia. Giống như bức thư của Grayson gửi Monroe, bức thư này cũng thể hiện mối quan tâm là lo lắng của họ về Hội nghị này, về tương lai chính trị và số phận của cả nước Mỹ. Lúc này, Thomas Jefferson không có mặt ở Mỹ, ông đang là Công sứ tại Paris, nhưng ông rất quan tâm và theo sát những diễn biến ở quê nhà.

New York, ngày 9 tháng Sáu năm 1787.

...

Nhiệm vụ của những đại biểu này là tiến hành mọi cải cách cho thể chế Hợp bang của chúng ta hiện nay. Lúc đầu, một số tiểu bang đã hạn chế quyền của các đại biểu chỉ được quyết định vấn đề thương mại, nhưng sau đó, lại cho phép họ tự do thảo luận. Quyền hạn rộng lớn này cùng với sứ mạng chung của các tiểu bang rõ ràng đã buộc tướng Washington phải chấp nhận tham dự, trái với dự định ban đầu của ông. Thái độ của ông trong cả hai giai đoạn đều cho thấy ông rất băn khoăn về sự cần thiết phải có những cải cách. Những đại biểu tham dự Hội nghị này đều nhận thức được sứ mạng mà những người khác đã giao phó cho họ và Hội nghị này đang khuấy động sự

chú ý của cả đất nước.

Ấn tượng chung, trong cũng như ngoài Hội nghị này, là một chính quyền liên bang hiệu quả sẽ được thành lập để đáp ứng với hoàn cảnh của đất nước, không bị tác động bởi những thay đổi thất thường [trong nền chính trị]. Sức mạnh của chính quyền này sẽ lan tỏa khắp đất nước. Dù lúc đầu, dân chúng có thể chần chừ và do dự, nhưng rồi họ sẽ chấp nhận chính quyền này. Dân chúng rồi đây sẽ tin rằng cần phải từ bỏ mô hình chính quyền yếu kém hiện nay và họ sẽ không bác bỏ nếu một mô hình khôn ngoan, sáng suốt được thiết lập, để tự đưa mình trở lại thời kỳ hỗn loạn vô chính phủ.

Các tranh luận và suy xét kỹ lưỡng ở Hội nghị này được hoàn toàn giữ bí mật. Những kết luận chỉ được đưa ra sau những nghiên cứu kỹ lưỡng, được hình thành từ quan điểm chung của mọi người. Nói gọn lại là có hai mô hình. Thứ nhất là củng cố lại toàn bộ đất nước vào một nhà nước cộng hòa, làm cho các tiểu bang khi đó chẳng khác gì những vùng đất lệ thuộc vào sự điều hành của chính quyền trung ương. Thứ hai là thử tìm một chính quyền liên bang với các thẩm quyền độc lập và hoàn toàn về thương mại, thuế khóa và quân sự của liên minh, quyền tuyên bố chiến tranh và hòa bình, cùng với quyền phủ quyết mọi đạo luật của các cơ quan lập pháp tiểu bang. Tôi nghĩ ý tưởng đầu tiên là không thực tế và do vậy, sẽ không được đề xuất và thông qua. Những bộ luật chung cho cả nước, bao gồm quá nhiều vùng đất, nhiều phương thức sản xuất và phong tục tập quán của các tiểu bang chúng ta, sẽ phải thi hành với quá nhiều sự cưỡng ép và một cơ quan lập pháp chung sẽ không đủ năng lực để xây dựng những bộ luật phù hợp với địa phương, dù đa số mong muốn. Trong mọi trường hợp, các đạo luật như vậy sẽ bị phớt lờ và các mục tiêu của chính quyền liên bang sẽ không thực hiện được. Những quyền lực cần thiết, cũng như những lợi ích của việc đại diện, sẽ bị mất và công chúng chỉ tuân thủ nếu chính quyền sử dụng vũ lực, nhưng điều đó đi chệch khỏi một thể chế tự do. Một chế độ như thế sẽ dẫn đến một nền chuyên quyền hoặc những trục trặc mà hiện nay chúng ta đang tìm cách loại

bỏ.

Thực ra, tôi tin rằng không có gì tốt đẹp hơn việc trao cho chính quyền liên bang toàn quyền kiểm soát các chính quyền tiểu bang.

Đó là chủ đề đáng để thảo luận. Nếu các quyền hành pháp được kiểm soát hiệu quả và phải hợp lý thì mô hình chính quyền xây dựng trên các nguyên tắc được điều chỉnh phù hợp, chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta sự ổn định và sức mạnh như một quốc gia. Trừ khi liên bang có ảnh hưởng quyết định đối với các tiểu bang, thì sẽ có những nỗ lực không ngừng nhằm giành lại những quyền đã trao. Chính quyền Liên bang không thể có lý do bác bỏ được những đạo luật không sai trái của các tiểu bang. Quyền phủ quyết của Vua Anh đối với các đạo luật của chúng ta trước đây không phải là hoàn toàn sai trái.

EDWARD CARLINGTON

Thư của các đại biểu Bắc Caroline gửi Thống đốc tiểu bang

Philadelphia, ngày 14 tháng Sáu năm 1787.

Thưa Ngài,

Với bức thư này, Ngài sẽ nhận thấy rằng hiện giờ đã là giữa tháng Sáu. Nhưng dù chúng tôi họp liên tục ngày này sang ngày khác, kể cả thứ Bảy, thì chúng tôi vẫn không biết khi nào công việc mới được hoàn tất. Một phạm vi rất rộng cần chúng tôi xem xét, nhưng không thể có một hướng đi thẳng hay một lối mòn nào chung cho mọi nhà nước. Một liên minh các tiểu bang có chủ quyền độc lập, bảo đảm quyền tự do của công dân và ràng buộc với nhau bằng các mối quan hệ để duy trì các chính phủ hiệu quả và tồn tại vĩnh viễn, chắc chắn là một hệ thống chưa hề có, là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử loài người. Nếu mô hình đó may mắn được tìm ra thì thời đại của chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp.

Nhiều quý ngài đã mang vợ đến đây và nhiều người khác cũng sẽ làm như vậy. Như thế, chắc chúng tôi sẽ phải làm việc ở đây suốt cả mùa hè để tiếp tục công hiến, phục vụ tiểu bang và liên minh nên không thể làm những việc cá nhân.

...

Chúng tôi có hân hạnh gửi lên Ngài xem xét.

Những người hầu và đầy tớ trung thành của Ngài,

A. MARTIN

RICHARD D. SPAIGHT

W. R. DAVIE

HUGH WILLIAMSON

Thư của Hamilton gửi George Washington

Cùng với Madison, Hamilton là người đã đề xướng triệu tập Hội nghị Lập hiến, nhưng do bất bình với hai đại biểu cùng tiểu bang là John Lansing và Robert Yates, Hamilton đã rời bỏ Hội nghị. Việc ông có mặt tại Philadelphia là không có ý nghĩa khi lá phiếu của ông luôn bị hai đại biểu kia bác bỏ. Mặt khác, mô hình về chính quyền của ông không được Hội nghị chấp thuận. Tuy nhiên, Hamilton vẫn tiếp tục trao đổi với Washington, người đang là Chủ tịch Hội nghị, về quan điểm của mình và báo cho Washington biết những thông tin ông bắt gặp trên đường đi. Ước muốn của Hamilton, cũng là ước muốn chung của nhiều chính khách đương thời, đó là nhất quyết phải thiết lập một chính quyền quốc gia mạnh. Sau này, khi chính phủ đầu tiên của Washington được thiết lập, được chọn làm Bộ trưởng Tài chính, Hamilton đã công hiến mọi sức lực và khả năng để triển khai những ý tưởng

của mình.

New Jersey, ngày 3 tháng Bảy năm 1787,

Thưa Ngài,

Trong chuyến đi của tôi về New Jersey và từ khi đến đây, tôi đặc biệt lo âu khi nhận thấy tâm trạng của công chúng và càng tin tưởng rằng Hội nghị Lập hiến này là cơ hội sống còn cuối cùng cho chúng ta thiết lập lại sự thịnh vượng của đất nước trên một nền tảng vững chắc hơn. Tôi cũng nói chuyện với những người hiểu biết, không chỉ ở thành phố này mà còn ở nhiều miền trong tiểu bang. Họ đồng ý rằng một cuộc cách mạng kỳ diệu mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn đang ở trong tâm trí tất cả mọi người. Họ nghĩ rằng do nỗi sợ hãi làm chần chệ công chúng nên Hội nghị này sẽ không tiến đủ xa. Họ dường như tin rằng một mô hình nhà nước vững mạnh sẽ phù hợp với sự trông chờ của công chúng hơn là bất kỳ mô hình nào khác. Bất chấp việc những viên chức chính quyền đang làm mọi cách có thể để tạo ra những mối ác cảm về Hội nghị này, xu hướng chung hiện nay dường như đi theo hướng ngược lại.

Mọi người bắt đầu tin rằng "mô hình tuyệt hảo của chính quyền", như họ từng đòi hỏi, sẽ không thể đáp ứng được mọi nhu cầu của đất nước. Thay vào đó, họ muốn một mô hình nào đó không quá xa với mô hình mà họ vừa từ bỏ. Những dấu hiệu đó dù không khẳng định rằng dân chúng sẵn sàng ủng hộ hoàn toàn kế hoạch này như tôi trông đợi, nhưng cũng không có lý do nào để hết hy vọng về một mô hình chính quyền mạnh, nếu Hội nghị đề xuất và phê chuẩn. Họ tin rằng chúng ta đã không có nhiều quyền lực để thực hiện những mong mỏi của dân chúng về một bản Hiến pháp có hiệu quả...

Do không biết rõ quan điểm của Ngài nên tôi không thể khẳng định được liệu các suy nghĩ của chúng ta sẽ giống nhau đến mức độ nào, nhưng tôi tin rằng Ngài sẽ hiểu được những suy nghĩ chân thật này. Mối lo âu của tôi về

sự kiện này buộc tôi phải viết bức thư này trình bày điều mà dường như là tâm trạng chung của dân chúng. Xin thú thật với Ngài rằng tôi rất lo âu về những chia rẽ bè phái tại Hội nghị khi tôi rời Philadelphia. Tôi sợ rằng chúng ta sẽ bỏ lỡ “cơ hội vàng” cứu vãn nước Mỹ khỏi sự chia rẽ, tình trạng hỗn loạn vô chính phủ và cảnh nghèo đói. Không có một biện pháp hỗn tạp hay yếu ớt nào có thể giải quyết dứt điểm vấn đề này. Cần phải có quyết định sáng suốt và không có gì mang lại sự thành công cho Hội nghị này bằng sự hài lòng của dân chúng.

Tôi sẽ ở lại đây 10 đến 12 ngày nữa, nhưng nếu tin rằng sự có mặt của tôi ở Philadelphia là cần thiết thì tôi sẽ sớm trở lại.

HAMILTON, A.

Ghi chép của Manasseh Cutler

Manasseh Cutler (1742-1823), Tiến sĩ Luật, là người đồng sáng lập trường Đại học bang Ohio. Trong thời gian Hội nghị Lập hiến nhóm họp, ông đã tới thăm Philadelphia và có những cuộc gặp với các đại biểu của Hội nghị. Phần sau được trích ra từ nhật ký của ông về những điều ông cảm nhận được về các đại biểu cũng như về Hội nghị này. Những ghi chép này rất thú vị vì đã thể hiện cuộc sống và phong cách của những đại biểu quý tộc đương thời và bối cảnh của Hội nghị cũng như sự quan tâm đặc biệt của những người dân thường trông đợi về kết quả của Hội nghị này.

Ngày 13 tháng Bảy năm 1787.

Quán rượu này nằm trên Phố thứ 3, giữa phố Chợ và phố Hạt dẻ, ngay gần trung tâm thành phố. Quán rượu này có một phong cách lịch sự và trang nhã, có nhiều tòa nhà với các sảnh rộng, cùng với nhiều phòng nhỏ thích hợp cho việc ngủ trọ. Trong khi tôi đang dùng trà thì vài đại biểu của Hội nghị Lập hiến, hiện đang nhóm họp tại thành phố này với mục đích hình thành

một bản Hiến pháp Liên bang, bước vào nhà. Hai trong số họ là các đại biểu của tiểu bang Massachusetts.

Ngay khi uống trà xong, tôi bước đến chỗ họ ngồi (họ cũng sống ở đây), đến chỗ Ngài Strong và muốn nói chuyện với ông ta. Trước đây, chưa bao giờ chúng tôi quen nhau và tôi cũng chưa từng viết thư cho ông ta, nhưng cả hai chúng tôi đều biết tiếng nhau; và sau đó Ngài Gerry nói với Ngài Strong là ông ta rất muốn gặp tôi, do bức thư ông ta nhận của Thống đốc Bowdoin. Ngài Strong rất lịch sự giới thiệu tôi với Ngài Gorham, người Chalestown, Massachusetts; Ngài Madison, Ngài Mason và cậu con trai đến từ tiểu bang Virginia; Thống đốc Martin; quý Ngài Hugh Williamson, Bắc Caroline, quý Ngài John Rutledge và Ngài Pinckney, tiểu bang Nam Caroline; Ngài Hamilton, từ New York; họ đều sống trong ngôi nhà này và nhiều quý ngài khác cũng có mặt tối hôm đó với họ.

... Chúng tôi đến tòa nhà Quốc hội tiểu bang. Đây là một tòa nhà rất sang trọng với kiến trúc đẹp và tiện lợi hơn bất cứ tòa nhà nào khác mà tôi biết từ trước đến nay. Lúc này, Tòa án Tối cao đang đặt tại đây và chỉ có ba thẩm phán. Một căn phòng rộng ở phía Đông, dành cho các hoạt động công cộng, nhưng lúc này dành cho Hội nghị Lập hiến sử dụng. Lính gác có mặt tại đây để ngăn không cho ai lại gần và họ rất cảnh giác trong bốn phạm của mình.

Ngài Flanklin sống ở Phố Chợ, giữa Phố thứ 2 và Phố thứ 3, ngôi nhà của ông lại lùi sâu một chút. Chúng tôi gặp ông ta đang đứng trong vườn, dưới một cây dâu lớn với nhiều quý ngài khác và hai hay ba quý bà. Tôi trao cho ông các bức thư của tôi. Sau khi đọc chúng, ông bắt tay tôi và với những lời lễ lịch sự, ông giới thiệu tôi với các quý ngài khác, hầu hết là các đại biểu tại Hội nghị Lập hiến và chúng tôi trao đổi với nhau cởi mở cho tới khi trời tối. Ngài Flanklin cho tôi xem một thứ rất khác lạ mà ông vừa nhận được, và ông ta rất hài lòng với điều này. Đó là một con rắn có hai đầu đặt trong một cái chai lớn. Ngài Flanklin nói về con rắn này. Nếu như nó phải trườn qua các

bụi rậm và một đầu thích đi hướng này, còn đầu kia lại thích trườn theo hướng kia và chẳng đầu nào chịu nhường nhau. Rồi ông định nói về một điều hài hước xảy ra trong Hội nghị Lập hiến, để so sánh con rắn với nước Mỹ, như thế ông quên mất rằng mọi điều trong Hội nghị này phải giữ bí mật nên viên thư ký Hội nghị đã chặn ông lại và lấy đi câu chuyện có lẽ ông sắp kể với tôi.

... Khoảng 10 giờ tối, tôi trở về nhà trọ. Các quý ngài sống trong ngôi nhà này cũng tập trung ăn tối tại một chiếc bàn ăn. Trông họ rất sang trọng theo đúng phong cách giới quý tộc. Sau bữa ăn, Ngài Strong lại đến và mời tôi về ngôi nhà của họ và chúng tôi ở đó tới tận 12 giờ.

Thư của J. Madison gửi T. Jefferson

Rất lo ngại về triển vọng thành công của Hội nghị, Madison liên tục viết thư trao đổi với Thomas Jefferson, khi này đang ở Pháp để chia sẻ những suy nghĩ của mình, đồng thời muốn nhận được ý kiến góp ý của Jefferson. Madison hiểu rằng một luật gia xuất sắc và một chính trị có nhiều ảnh hưởng như Jefferson chắc chắn sẽ có tác động lớn đến tiểu bang Virginia cũng như với toàn thể nước Mỹ. Những bức thư này là tiền đề cho tình bằng hữu lâu dài giữa hai người, để cuối cùng, trong chính quyền mới, họ trở thành những lãnh tụ của Đảng Cộng hòa – Dân chủ và đều có những đóng góp vô cùng to lớn cho nhà nước Cộng hòa Mỹ.

Philada, ngày 6 tháng Chín năm 1787

Khi Hội nghị sắp kết thúc, tôi lại lo ngại về những điều sẽ phơi bày cho công chúng ở đây, trước khi bản Hiến pháp này đến tay Ngài. Tôi có thể bảo vệ bằng cách mã hóa [bức thư] để tránh bị tiết lộ giữa chừng, nhưng tôi thấy thời gian từ khi nhận được bức thư của Ngài ngày 20 tháng Sáu tới nay thật ngắn ngủi, [nên không kịp].

Hôm nay là ngày đầu tiên ngoài những giờ ở phòng họp, tôi được tự do thoát

khỏi các công việc của ủy ban, và là ngày nghỉ cuối cùng trước khi Hội nghị này kết thúc. Bây giờ Hội nghị hầu như chỉ họp với 11 bang. Các buổi họp được tiến hành liên tục, trừ 10 ngày nghỉ để một ủy ban được bổ nhiệm soạn thảo chi tiết các điều vừa được thảo luận. Hội nghị sẽ kết thúc trong vòng 1-2 tuần nữa. Mô hình chính quyền sẽ gửi cho công chúng tất cả các tiểu bang phê chuẩn, bao gồm Tổng thống được trao quyền hành pháp; Thượng viện do cơ quan lập pháp tiểu bang bổ nhiệm; Hạ viện do dân chúng bầu ra, căn cứ theo số dân mỗi bang. Hai cơ quan này cùng giữ quyền lập pháp. Một bộ máy tư pháp cũng được thiết lập.

Mô hình bộ máy hành pháp là một trong vài điểm còn lại chưa được thống nhất. Mỗi tiểu bang sẽ có hai đại biểu tại Thượng viện với nhiệm kỳ sáu năm. Hạ viện được dân chúng các tiểu bang bầu chọn hai năm một lần. Quyền lập pháp sẽ được mở rộng ra cả lĩnh vực thương mại, thuế và một số lĩnh vực chung khác của liên bang. Quyền lực của Quốc hội Hợp bang hiện nay sẽ được phân bổ vào các cơ quan thích hợp căn cứ vào bản chất của quyền lực đó. Các tiểu bang sẽ bị hạn chế quyền phát hành tiền giấy và một số quyền khác. Đó là những nét chính, nhưng chi tiết các vấn đề này có lẽ sẽ làm Ngài ngạc nhiên. Tôi mạo muội nói rằng dù kế hoạch này được phê chuẩn cũng sẽ không thể đáp ứng hoàn toàn các đòi hỏi của quốc gia, không ngăn chặn những sai sót ở các tiểu bang đang gây ra sự bất bình khắp mọi nơi hiện nay. Chi tiết về vấn đề này, tôi sẽ viết cho Ngài trong bức thư sau.

Nỗi lo âu của toàn bộ dân chúng về Hội nghị này đặc biệt lớn. Những bài báo và những lời phỏng đoán đề cập đến kế hoạch đang được thảo luận tại Hội nghị có nhan nhản ở khắp mọi nơi. Tuy nhiên, công chúng chắc chắn là chẳng biết gì cả vì Hội nghị này hoàn toàn bí mật. Ý kiến chung hiện nay có lẽ là ủng hộ, song không thể loại trừ một số nhân vật sẽ chống lại bất kỳ sự cải cách nào. Tôi nghĩ là công chúng hiện nay hay trong một thời gian ngắn tới đây sẽ chấp nhận bất cứ điều gì, miễn là cam kết về sự ổn định của nền cộng hòa, đảm bảo quyền tự do cá nhân, bất chấp những thành kiến địa

phương hay những toan tính nhất thời. Nếu khoảnh khắc này qua đi, thì thật khó có thể nói số phận của chúng ta sẽ đi về đâu.

Ngài Wythe đã không trở lại đây nữa. Vợ ông ấy bị ốm, và đó là lý do buộc ông ấy phải rời Hội nghị. Nhưng bà ta đã mất chỉ một vài ngày sau khi ông ấy về nhà...

J.Madison

Nhật ký Washington.

Ngày 17 tháng Chín năm 1787.

Mọi người vừa nhóm họp và bản Hiến pháp đã nhận được sự chấp thuận của 11 tiểu bang và Đại tá Hamilton, tiểu bang New York (đại biểu duy nhất của tiểu bang này còn có mặt tại Hội nghị). Tất cả các thành viên đã ký vào văn bản này, ngoại trừ Thống đốc Randolph và Đại tá Mason của Virginia, cùng với Ngài Gerry của Massachusetts.

Như vậy, mọi việc đã kết thúc. Các thành viên trở về quán trọ của thành phố, cùng ăn tối và chia tay nhau thật thân ái. Sau đó, tôi trở về nhà làm một vài việc và nhận những giấy tờ từ viên thư ký Hội nghị, rồi lui về trầm tư suy nghĩ về công trình quan trọng này. Một công trình được hoàn tất sau thời gian làm việc liên tục, không ngày nào dưới 5 giờ, thường là 6 giờ, thậm chí ngồi 7 giờ liền để thảo luận, chỉ trừ chủ nhật và 10 ngày nghỉ họp cho một ủy ban làm việc. Thời gian hoàn thành công trình này là hơn bốn tháng.

G.W

Thư của các đại biểu Bắc Caroline gửi Thống đốc Caswell

Philadelphia, ngày 18 tháng Chín năm 1787.

Thưa Ngài,

Sau suốt 4 tháng làm việc mệt mỏi và lo âu, Hội nghị này đã soạn thảo xong mô hình chính quyền của Hợp chúng quốc. Chúng tôi hy vọng mô hình này sẽ loại bỏ những khiếm khuyết của mô hình Hợp bang hiện nay. Với việc mở rộng quyền lực, bản Hiến pháp này sẽ mang lại một chính quyền hiệu quả. Chúng tôi có vinh dự được gửi kèm theo bức thư này một bản sao của bản Hiến pháp và khi Ngài gửi văn bản này lên Nghị viện tiểu bang, chúng tôi khẩn khoản cầu xin Ngài nhận xét công bằng đối với cơ quan đáng kính trọng đó rằng chúng tôi đã làm hết sức mình để bảo đảm và thúc đẩy lợi ích của tiểu bang Bắc Caroline.

Ngài sẽ thấy việc bầu chọn Hạ viện sẽ căn cứ vào dân số, nhưng phải nói chính xác là căn cứ vào toàn bộ người da trắng và 3/5 những người da đen. Ngài cũng sẽ nhận thấy là trong ba năm đầu tiên, Bắc Caroline sẽ có 5 đại biểu tại Hạ viện, chỉ chiếm 1/13 toàn bộ số đại biểu của Viện này và phần phải đóng góp hằng năm vào ngân sách quốc gia cũng không quá cao. Chúng tôi có lý do chắc chắn để tin rằng công dân tiểu bang Bắc Caroline là nhiều hơn 1/13 toàn bộ dân số Hợp bang, nhưng tiểu bang không chứng minh được điều này và các đại biểu cũng không quá hăng hái biện hộ, bởi nếu thế, số thuế phải đóng, căn cứ theo số đại diện, cũng sẽ tăng lên.

Chúng tôi có nhiều lý do để hy vọng về chính quyền quốc gia này. Điều chúng tôi lo sợ nhất là mức thuế đánh quá nặng và không bình đẳng. Nhưng chúng tôi hy vọng Ngài cũng như chúng tôi tin rằng các tiểu bang miền Nam nói chung và Bắc Caroline nói riêng, sẽ được hệ thống chính quyền đề xuất đảm bảo về lĩnh vực này. Khoản 9 của Điều 1 trong bản Hiến pháp qui định không có thuế thân hay thuế thu trực tiếp nào sẽ được đặt ra nếu không phù hợp với tỷ lệ của dân cư, và theo điều này, thì cứ 5 người nô lệ da đen sẽ bằng 3 người da trắng. Nếu thuế đất được đặt ra, thì cũng sẽ được đánh theo tỷ lệ đó. Ví dụ 50 công dân tiểu bang Bắc Caroline sẽ không phải nộp thuế cho toàn bộ đất đai của mình nhiều hơn số tiền 50 công dân của một tiểu bang miền Đông phải đóng. Điều này có lợi lớn cho chúng ta khi hầu hết

ruộng đất của họ thì nhỏ và nhiều người trong số họ lại sống ở các thị trấn hay thành phố. Hơn nữa, đất đai của chúng ta lại màu mỡ hơn của họ rất nhiều. Việc qui định 5 người da đen chỉ phải đóng thuế tương đương với 3 người da trắng cũng làm tăng đáng kể lợi thế của chúng ta trong mô hình chính quyền mới. Các tiểu bang miền Nam cũng cam kết trả lại tự do cho những nô lệ đang khao khát thoát ra khỏi cảnh ngộ đó, tốt hơn những qui định trong bản Các điều khoản Hợp bang hiện nay.

Theo dự kiến, phần lớn ngân khố quốc gia sẽ thu bằng việc đánh thuế hàng xuất nhập khẩu, thuế hải quan và một số thuế khác. Nhưng Ngài sẽ thấy điều này được xác định trong Khoản 8, Điều 1 của Hiến pháp qui định rằng mọi thứ thuế đều thống nhất trong toàn liên bang. Trong khi chúng tôi rất quan tâm tới việc tự bảo vệ mình và hình thành những đạo thuế có lợi cho tiểu bang nhà, thì cũng không thể nói rằng những người anh em khác của chúng ta ở miền Nam sao nhãng những lợi ích đó. Luật hàng hải hay quyền qui định các vấn đề thương mại nằm trong tay chính quyền liên bang. Theo đó, các tàu thuyền và thủy thủ được thuê sẽ mang lại sức mạnh cho các bang miền Bắc. Đây chính là điều các bang miền Nam phải chấp nhận để đổi lấy những lợi thế đã đề cập ở trên. Nhưng chúng tôi cầu xin Ngài xem xét lại toàn bộ sự thỏa hiệp để thấy chúng tôi không từ bỏ bất cứ lợi ích gì của Bắc Caroline và chúng tôi hoàn toàn nhận thức được sự độc lập cao nhất của các tiểu bang miền Nam. Chúng ta có thể tiến hành đóng tàu thuyền cho riêng mình và nếu việc đóng tàu và buôn bán hàng hải phát đạt ở tiểu bang quê nhà thì chúng ta cũng sẽ sớm sản xuất cho những người hàng xóm của mình.

Chúng tôi cũng muốn trình bày những quan điểm của chúng tôi về những điều khoản liên quan đến tiền bạc nói chung. Ngoài ra, cũng còn những xem xét khác liên quan đến mô hình đó, nhưng chúng tôi không muốn làm phiền Ngài với việc viện dẫn dài dòng chi tiết. Những điều này sẽ được chính thức đệ trình lên cơ quan lập pháp tiểu bang.

Những người hầu trung thành nhất của Ngài,

WM. BLOUNT

RICH'D D. SPAIGHT

HUGH WILLIAMSON

Thư của Elbridge Gerry trình bày lý do không ký vào bản Hiến pháp

Gerry là một trong ba đại biểu có mặt tại Hội nghị trong ngày cuối cùng và ông cũng là người có đóng góp rất lớn trong quá trình thảo luận. Nhưng ông dứt khoát từ chối đặt tên mình vào văn bản này. Bức thư sau đây của ông gửi Chủ tịch Hạ viện và Thượng viện tiểu bang Massachusetts để trình bày những lý do buộc ông không thể ký vào văn kiện này.

Gửi Ngài Samuel Adams, Chủ tịch Thượng viện, và Ngài James Warren, Chủ tịch Hạ viện tiểu bang Massachusetts.

Thưa các Ngài

Tôi có vinh dự được gửi kèm đây, theo đúng bổn phận của tôi, bản Hiến pháp được soạn thảo và ký kết tại Hội nghị Lập hiến vừa qua. Nhưng tôi buộc phải thể hiện sự bất đồng đối với hệ thống này và sẽ đệ trình cụ thể những lời phản đối của tôi lên Quốc hội tiểu bang.

Đây thật sự là một nỗi đau đớn của tôi về một vấn đề đặc biệt quan trọng như vậy đối với quốc gia chúng ta, khi quan điểm của tôi khác biệt với những thành viên đáng kính khác, những người đã ký vào bản Hiến pháp này. Nhưng những suy nghĩ mà tôi thật sự cảm thấy là quyền tự do của nước Mỹ không được hệ thống này đảm bảo. Nên bổn phận của tôi là phải chống lại bản Hiến pháp.

Những phản đối cơ bản của tôi là văn bản này không có những điều khoản

tương xứng thể hiện quyền lợi của dân chúng; họ không được đảm bảo quyền bỏ phiếu; một số quyền lực của các cơ quan lập pháp là không rõ ràng, và còn có những điều nguy hiểm và mập mờ khác; nhánh hành pháp lại được pha trộn và có ảnh hưởng quá mức đối với cơ quan lập pháp; còn bộ máy tư pháp lại quá yếu thế; các hiệp ước, có thể là quan trọng nhất, lại do chính Tổng thống ban hành cùng với sự chấp thuận của hai phần ba Thượng viện và hệ thống này không được đảm bảo bởi Dự luật về các quyền. Những lời phản đối này không chỉ riêng vì tiểu bang chúng ta mà còn vì tất cả các tiểu bang khác.

Khi Hội nghị này được triệu tập, thì mục đích duy nhất và rất rõ ràng là "chỉnh sửa Các điều khoản Hợp bang, để báo cáo Quốc hội Hợp bang và các cơ quan lập pháp tiểu bang những thay đổi và các điều khoản bổ sung để bản Hiến pháp Liên bang trở nên tương xứng với tình trạng cấp bách của liên minh hiện nay và để duy trì sự tồn tại của Liên minh", tôi không nghĩ rằng các quyền lực này mở rộng tới mức hình thành một mô hình chính quyền như vừa được đề nghị, nhưng Hội nghị lại tiến hành theo cách thức này, mặc dù tôi hoàn toàn tin rằng để duy trì Liên minh, một chính quyền có hiệu quả là rất cần thiết và điều này sẽ gặp khó khăn nếu chỉ tiến hành sửa đổi Các điều khoản Hợp bang.

Bản Hiến pháp vừa được đề nghị có một số đặc điểm của chính quyền liên bang, nhưng gần giống một chính quyền quốc gia hơn. Tuy nhiên, tại nhiều khía cạnh, tôi nghĩ rằng văn bản này thật sự có giá trị lớn lao. Cùng với một vài tu chính án thích hợp, văn kiện này có thể đáp ứng được "tình trạng khẩn cấp của liên minh và bảo đảm tự do cho các công dân".

Những nghi ngờ về kế hoạch này liên quan đến nhiều điểm đặc biệt quan trọng khác: 1. Liệu sự giải tán chính quyền liên bang có xảy ra không? 2. Liệu các chính quyền tiểu bang có phải thay đổi do ảnh hưởng của sự giải tán này không? 3. Liệu mô hình quốc gia như bản Hiến pháp hiện nay đề

ngị mà không cần sửa đổi có thể thay thế được chính quyền hợp bang và tiểu bang không?

Có lẽ là chưa bao giờ dân chúng được yêu cầu quyết định một vấn đề quan trọng như vậy. Nếu các công dân nước Mỹ chấp nhận phương án này thì tự do của họ sẽ bị đánh mất. Nhưng nếu bác bỏ thì tình trạng vô chính phủ có thể xảy ra. Do vậy, rõ ràng là họ không thể vội vàng quyết định được. Cần phải hiểu vấn đề này kỹ lưỡng hơn để họ không phải rút lại sự ủng hộ dành cho chính quyền, sau khi vừa vội vàng chấp nhận nó.

Nếu những người ủng hộ bản Hiến pháp, cũng như những người chống đối giữ thái độ ôn hòa, thận trọng và bình tĩnh, thì những cuộc thảo luận và trao đổi có thể mang lại nhiều thông tin hơn, và cuối cùng sẽ đạt được kết quả tốt đẹp.

Có thể một số người thuyết phục rằng dân chúng đặt toàn bộ niềm tin của họ vào Hội nghị này. Nhưng dù những cá nhân rất đáng kính trọng đã ký vào bản Hiến pháp, thì cũng phải chấp nhận rằng những công dân tự do mới chính là những người bảo vệ tốt nhất quyền lợi và sự tự do của họ, vì thậm chí, ngay cả những người vĩ đại nhất cũng có thể sai lầm và đôi khi lỗi lầm của họ lại có hậu quả rất khủng khiếp.

Những người khác đề nghị rằng Hiến pháp nên được chấp thuận nhanh chóng vì sau này còn có các điều khoản sửa đổi và bổ sung khi thấy cần thiết. Nhưng liệu có một bản Hiến pháp nào khác được xây dựng hoàn hảo hơn trước khi thông qua không? Liệu một người tự do có nên chấp thuận một mô hình chính quyền không, khi biết chắc rằng rồi cái mô hình này lại cần phải sửa đổi?

Một số người khác cho rằng nếu như dân chúng không thống nhất về kế hoạch này thì họ cũng không thể thống nhất về một kế hoạch khác. Nhưng chắc chắn là trong khi họ có quyền sửa đổi, thì họ không cần thiết phải bác

bỏ kế hoạch này.

Tôi đã ở lại đây lâu hơn dự định, nhưng trong một hai ngày tới, tôi sẽ về Massachusetts. Khi trở về, tôi sẽ đệ trình những lý do (nếu như cơ quan lập pháp của tiểu bang yêu cầu) về những bất đồng của tôi.

Tôi muốn nói thêm rằng sự thịnh vượng của liên minh chúng ta đòi hỏi một bản Hiến pháp tốt hơn Các điều khoản Hợp bang hiện nay. Tôi nghĩ đó là bổn phận của tôi, là công dân của Massachusetts, phải ủng hộ một bản Hiến pháp tốt nhất, với niềm hy vọng rất chân thành rằng bản Hiến pháp đó sẽ đảm bảo quyền tự do và hạnh phúc cho mọi người dân Mỹ.

Với những lòng thành kính nhất đối với cơ quan lập pháp và chính bản thân các Ngài.

Người hầu cận trung thành nhất của Ngài.

E. GERRY

Thư của Roger Sherman và Oliver Ellsworth gửi Thống đốc tiểu bang Connecticut trình bày về Hội nghị Lập hiến

New London, ngày 26 tháng Chín năm 1787.

Trân trọng kính gửi Ngài Thống đốc Huntington.

Thưa Ngài,

Chúng tôi có vinh hạnh được gửi tới Ngài bản in Hiến pháp chính thức mà Hội nghị Liên bang nhóm họp vừa thông qua để Ngài đệ trình lên cơ quan lập pháp của tiểu bang chúng ta.

Những nguyên tắc chung của những cuộc thảo luận cẩn thận và chín chắn tại Hội nghị về vấn đề lớn lao này đã được trình bày trong bức thư gửi Quốc hội. Chúng tôi nghĩ rằng cần những giải thích chi tiết hơn về một vài điểm cụ

thể trong bản Hiến pháp.

Quốc hội được tổ chức khác nhau, nhưng về tổng thể, số thành viên và tỷ lệ bỏ phiếu của tiểu bang chúng ta vẫn giữ nguyên như trước đây. Quyền đại diện bình đẳng tại Thượng viện và quyền lực của cơ quan này trong việc bổ nhiệm các viên chức chính phủ sẽ bảo đảm quyền của các bang nhỏ cũng cân bằng với các bang lớn. Quốc hội cũng được trao thêm một số quyền lực. Đó là mục tiêu chính yếu mà các tiểu bang đều nhận thức được trong việc bổ nhiệm các đại biểu tham dự Hội nghị này. Những quyền lực mở rộng đó chỉ đối với những vấn đề liên quan đến lợi ích chung của Liên minh và được xác định cụ thể, sao cho tất cả các tiểu bang khác đều duy trì và bảo đảm được quyền của họ trong tất cả các lĩnh vực còn lại.

Những mục đích mà Quốc hội sử dụng tiền cũng giống như những qui định trong mục 8 của Các điều khoản Hợp bang, tức là cho các công việc phòng thủ và sự thịnh vượng chung và trả những món nợ phát sinh từ những mục đích này. Ngân sách chủ yếu sẽ được thu bằng việc đánh thuế các hàng hóa nhập khẩu. Cũng có thể là thu thuế trực tiếp từ các tiểu bang theo số dân. Mặc dù Quốc hội có quyền xây dựng ngân sách, nếu thấy cần thiết. Nhưng quyền này có thể không cần đến, nếu các tiểu bang đều đảm bảo đóng góp đủ định mức của mình.

...

Một mặt, Hội nghị này đã cố gắng đảm bảo thiết lập một chính quyền hiệu quả và mạnh mẽ, mặt khác, lập ra những kiểm soát thích hợp nhằm bảo đảm quyền lợi của các bang, đảm bảo sự tự do và thịnh vượng của mọi công dân. Chúng tôi mong ước nhận được sự chấp thuận của tất cả các tiểu bang để bản Hiến pháp này trở thành công cụ bảo đảm các quyền và sự yên bình của họ.

Với lòng kính trọng nhất đối với Ngài,

Bây tôi trung thành của Ngài,

ROGER SHERMAN

OLIVER ELLSWORTH

Thư của Edmund Randolph gửi Chủ tịch Hạ viện tiểu bang Virginia

Edmund Randolph là Thống đốc đương nhiệm của Virginia, người trình bày Phương án Virginia và đưa ra những nét đầu tiên về chính quyền liên bang. Nhưng cuối cùng, khi Hội nghị kết thúc, ông lại từ chối ký vào văn bản này. Bức thư này trình bày chi tiết mọi suy nghĩ của Randolph về bối cảnh của nước Mỹ từ khi giành được độc lập, những khó khăn và trục trặc mà chính quyền Hợp bang đang vấp phải và những lý lẽ buộc ông không thể ký vào văn bản này. Tuy nhiên, sau đó, Randolph quay sang ủng hộ bản Hiến pháp và trở thành Tổng chương lý đầu tiên trong chính quyền của Washington. Đây là một bức thư rất đầy đủ và toàn diện về tình hình nước Mỹ thời gian đó.

Richmond, ngày 10 tháng Mười năm 1787.

Thưa Ngài,

Bản Hiến pháp, như tôi gửi đến Quốc hội Tiểu bang trong bức thư chính thức, đã không có chữ ký của tôi. Thưa Ngài, sự kiện này dù thật là bình thường, nhưng cũng khá quan trọng, ít nhất là đối với cá nhân tôi, bởi một vài đại biểu Quốc hội có thể hiểu nhầm và một vài người khác có thể bóp méo sự kiện này. Tôi khinh thường việc giấu giếm các lý do cho việc từ chối đặt chữ ký của tôi, như tôi luôn luôn như vậy, bây giờ vẫn vậy và sẽ mãi mãi như vậy, sẵn lòng nói hết những lý do này cho tất cả mọi người. Vì thế, tôi thiết tha mong muốn được trình bày tất cả những điều này đối với cơ quan lập pháp tiểu bang mà tôi là người đại diện tại Hội nghị Liên bang.

Tôi tin rằng bức thư này sẽ trình bày tổng thể tình trạng liên bang hiện nay. Xin Ngài hãy tha thứ vì tôi buộc phải vượt quá giới hạn của một bức thư.

Trước chuyến đi đến Hội nghị, tôi nghĩ rằng Liên minh của chúng ta không quá khiếm khuyết như vẫn thường được nói. Nhưng sau khi trao đổi với những đại biểu có được các thông tin tốt nhất về điều kiện và lợi ích của từng tiểu bang, sau khi tôi so sánh những kiến thức của họ về vấn đề này để xác định những đặc tính của chính quyền liên minh, thì tôi tin rằng Các điều khoản Hợp bang không đủ quyền lực cần thiết. Đó là điều mà bản Hiến pháp của Hợp chúng quốc cần phải có.

...

Thực vậy, trong tình trạng khẩn cấp của cuộc chiến tranh, những thành tựu của bản Hiến pháp này lại quá ít ỏi. Sự phê chuẩn [của tiểu bang cuối cùng] bị hoãn lại cho tới tận đầu năm 1781. Nhưng dù ngắn ngủi, giai đoạn này cũng nổi bật vì những sự thật đen tối và ảm đạm do sự bất lực của chính quyền trong việc duy trì sự cân bằng và bình yên trên đất nước này, trong việc chống lại những âm mưu muốn giành lấy quyền lực của Quốc hội Hợp bang, trong việc đòi các tiểu bang đóng góp tài chính cho liên bang và trong việc tuyển mộ binh lính cho Quân đội Hợp bang. Tôi không liệt kê tất cả những chuyện này ra ở đây mà muốn Ngài nhớ lại tất cả những điều đó, những bản báo cáo của Quốc hội sẽ minh chứng cho những điều này.

Trong thời bình dù chưa phải là quá dài, nhưng cứ mỗi năm lại chứng kiến những thảm họa ngày càng tồi tệ hơn và ngày càng có nhiều bằng chứng về những chuyện này, thậm chí, đôi khi các nghĩa vụ với Hợp bang cũng bị chống đối. Theo yêu cầu của Quốc hội, tôi đã đệ trình một bản báo cáo thật ảm đạm, nhưng không hề phóng đại những mất mát niềm tin, danh dự và cả hạnh phúc của chúng ta, do những tai họa này gây ra.

Một số người nhiệt thành nhưng khờ dại tin rằng những điều tồi tệ này đã

qua và sẽ chẳng bao giờ quay lại. Không, thưa Ngài, chúng sẽ trở lại nếu như bản Hiến pháp đương thời của chúng ta vẫn còn tồn tại và sẽ còn mang lại tai họa nặng nề hơn. Thậm chí, không thể dự đoán được phạm vi và mức độ thiệt hại có thể gây ra.

Nếu chúng ta xem xét Các điều khoản Hợp bang và các bộ luật tiểu bang, ngay lập tức chúng ta sẽ phát hiện ra rằng các bộ luật này không hề được tuân thủ trong nhiều trường hợp và tác động xấu đến sự công bằng và giá trị của xã hội. Bản Hiến pháp đó không cho phép Quốc hội Hợp bang có quyền sửa chữa những khiếm khuyết này. Liệu liên minh phải tiến hành một cuộc chiến tranh để đàn áp những phe phái không tuân thủ luật pháp để rồi các phe phái lại tìm cách câu kết với các thế lực ngoại xâm?

Nhưng đây vẫn chưa phải là điểm yếu trầm trọng nhất. Sau cuộc chiến tranh không thể tránh được, những đòi hỏi của Quốc hội Hợp bang về binh lính và tiền bạc đều sai lầm và không được thực thi. Những điều này dẫn đến hậu quả rất tồi tệ.

1. Không thể có chính quyền nào có thể đứng vững nếu chỉ dựa vào sự qui thuận thuận tuý của dân chúng; và 2. Những ghen tị, hiềm khích và các nghi ngờ sẽ nảy sinh từ tỷ lệ đóng góp của các tiểu bang, hay ít nhất cũng làm nguội lạnh ngọn lửa nhiệt tình, nếu không nói là sẽ gây ra những lời than phiền của công chúng.

Tôi sẽ không dễ dàng quên lãng rằng mảnh đất của chúng ta trên lục địa châu Mỹ này từng bị ném vào một cuộc chiến tranh và vào những buổi đầu của cuộc chiến tranh này, kẻ thù đã xâm chiếm mảnh đất của chúng ta ngay chỉ khi mới có đề nghị thành lập Đại hội các thuộc địa . Nhưng liệu chúng ta có nghĩ rằng một ngọn lửa nhiệt tình liên tục được nhen nhóm lên và lan tỏa trong những quân đoàn của chúng ta, hay khơi lại tinh thần của binh sĩ sau những mất mát và thất bại trên chiến trường chính là từ hiểm họa chiến tranh không?

Nếu không phải như vậy, liệu chúng ta có thể tìm sự bảo vệ ở đâu? Những ấn tượng xấu ngăn cản sự chấp thuận một đội quân thường trực sẽ cướp đi đội quân của nền cộng hòa Mỹ. Nhưng những điều này là có thể thực hiện được và tôi luôn hiểu rằng dân chúng chính là những người ủng hộ tất yếu cho một chính quyền tự do. Khi nhớ lại rằng không có họ, nền nông nghiệp đã bị tàn lụi, và họ vẫn chưa quen với trận mạc, với sự nghiêm khắc của kỷ luật nhà binh, với sự cần thiết của một đội dân quân thường trực, đòi hỏi thêm những chi phí khác, nên vấn đề này cần phải được chấp thuận một cách thận trọng.

Tôi cũng tin rằng dân chúng cũng không nhiệt tình với những đòi hỏi đóng góp tiền bạc vì ngoài việc họ mất niềm tin vào những điều họ trông đợi, ngoài những quan điểm riêng về tự do của mỗi tiểu bang và những yêu cầu không hề được đáp ứng chống lại Liên bang, thì còn có một vấn đề nữa không kém phần quan trọng là trước tiên phải xác định phần đóng góp theo đất đai được cấp, hay được ban tặng, việc xây cất và cải tạo trên đó. Hiển nhiên là không thể có được một qui định thống nhất và công bằng trong việc định giá các tài sản đó. Do vậy, 12 tiểu bang phải báo cáo số lượng dân cư của họ để làm tiêu chuẩn xác định số tiền phải đóng góp cho liên bang. Các điều luật của Liên minh hiện nay đòi phải có sự chấp thuận của bang thứ 13, nhưng điều đó đến nay vẫn chưa đạt được. Chính điều này cũng đã làm giảm niềm hy vọng về một ngân sách cho hoạt động liên bang. Những sai lầm trong việc tính thuế hàng nhập khẩu hầu như chấm dứt mọi hy vọng cuối cùng của chúng ta.

...

Để xác định thẩm quyền cần được trao cho chính quyền quốc gia, không có cách nào hơn việc lật ngược tất cả những gì tôi vừa trình bày trên đây về các khiếm khuyết của chính quyền hiện nay.

Do đó, việc điều hành chiến tranh và hòa bình sẽ bị bế tắc nếu không được

đảm bảo về tài chính. Những điều này cho thấy, nếu chỉ phụ thuộc vào những lời khẩn cầu không thôi thì sẽ chẳng thu được điều gì tương xứng bởi sự thoái thác hay chống đối vì họ không hề lo sợ bị cưỡng ép bằng vũ lực. Nhưng dù sự cưỡng ép là cần thiết thì cũng không thể sử dụng nó để tấn công một tiểu bang nào đó khi tiểu bang này không thi hành bốn phận, ngoại trừ giải pháp phong tỏa hay bao vây thương mại, hay tiến hành cuộc chiến tranh tình thương. Thậm chí, dù những hành động bạo lực này là hợp pháp thì chúng đều có thể thất bại vì không được công chúng đồng lòng và sẽ không có hiệu quả khi những phí tổn cho chiến tranh đòi phải bồi thường ngay lập tức có thể làm cho tiểu bang này tổn hại trầm trọng đến mức buộc phải cầu cứu nước ngoài. Do vậy, việc chống lại các tiểu bang là điều không thể thực hiện được.

Không thể áp dụng biện pháp phong tỏa đối với tất cả các tiểu bang bởi các tiểu bang khác biệt về thương mại và hải cảng. Sự rút bỏ những đặc ân Liên minh cũng là vô ích vì mọi qui định cấm đoán dễ dàng bị công dân Mỹ hay các quốc gia bên ngoài phớt lờ. Nhưng chúng ta sẽ nói gì về sự can thiệp bằng vũ lực?

Liệu chúng ta cần trang bị súng đạn cho những công dân này chống lại các công dân kia và làm họ quen với bạo lực, với đổ máu chết chóc chẳng? Liệu chúng ta có nên mạo hiểm gây ra những thương tổn chiến tranh để chuốc lấy sự hận thù chẳng bao giờ mất đi không? Liệu một đội quân quen dùng chiến tranh để thiết lập trật tự là không đáng lo ngại chẳng? Đừng để những điều này trở thành những mối nguy hiểm thật sự. Chúng ta nên tìm một giải pháp khác thay thế, trong đó, các cá nhân sẽ tự nguyện đóng góp cho tiểu bang. Các cơ quan lập pháp tiểu bang, thay vì cưỡng ép, sẽ đề ra các đạo thuế phù hợp và bảo đảm công bằng...

Tiếp theo, chính quyền liên bang sẽ có trách nhiệm buộc các quốc gia bên ngoài hủy bỏ bất kỳ biện pháp ngăn cấm nào đối với công dân chúng ta,

buộc họ phải tôn trọng quyền lợi của quốc gia chúng ta. Có thể sẽ thiết lập những điều khoản cơ bản cho sự phản đối và trả đũa trong những vấn đề dễ gây xung đột thương mại và cách thức thanh toán các hợp đồng.

Tiếp theo, liên bang cũng là người phán xử tối cao, điều chỉnh mọi tranh chấp giữa các tiểu bang. Do vậy, liên bang cần phải nắm dây cương trong mọi quan hệ giữa các tiểu bang, đặc biệt là vấn đề thương mại để gây bất đồng nhất.

Ngoài ra, liên bang phải bảo vệ mọi tiểu bang chống lại những rối loạn trong nước cũng như sự xâm lược từ nước ngoài.

Và cuối cùng, chính quyền liên bang sẽ là chỗ dựa vững chắc để chúng ta được đối xử và coi trọng tương xứng với địa vị và các nguồn lực của đất nước chúng ta.

... Thưa Ngài, bây giờ cho phép tôi tuyên bố rằng theo sự phán xét tâm thường của cá nhân tôi, những quyền lực xứng đáng đó chỉ dành riêng cho chính quyền quốc gia, nên không thể sửa đổi Các điều khoản Hợp bang mà không thay đổi bản chất của bộ luật này. Hay nói cách khác, Các điều khoản Hợp bang cần phải để riêng ra một chỗ, bởi vì của những yêu cầu đóng thuế và cung cấp binh lính đều không được đáp ứng và cần có những quyền hạn để thực thi những đòi hỏi này.

Với tư cách là một công dân, tôi tán thành việc bổ sung thêm các quyền lực. Nhưng những quyền lực được chúng ta đồng ý bổ sung này sẽ trao cho cơ quan nào? Cho Quốc hội Hợp bang ư? Như trước đây, tôi thường chỉ trích khiếm khuyết trong quyền hạn của Quốc hội và thường nói rằng cơ quan tối cao của liên bang không nên bị hạn chế quyền đó. Dù tôi luôn luôn bày tỏ lòng kính trọng đối với Quốc hội Hợp bang và những đại biểu khả kính thì tôi vẫn muốn thể hiện sự thiếu thiện cảm và thiếu niềm tin đối với chính quyền đó. Những lời phản đối của tôi không phải là những lý thuyết suông

mà là kết quả của những suy xét về nước Mỹ cùng với kinh nghiệm thu được từ các quốc gia khác:

1. Nếu quyền lập pháp và hành pháp đều ở trong tay một vài người, tất yếu sẽ dẫn tới sự chuyên quyền.
2. Sự đại diện của các tiểu bang không dựa trên mức độ quan trọng của họ. Việc đa số phải chấp thuận ý muốn của thiểu số là một điều phi lý.
3. Hình thức bầu cử và trách nhiệm pháp lý thường làm cho cho các đại biểu Quốc hội Hợp bang dễ mang tư tưởng phe phái và địa phương hơn là người đại diện cho toàn Hợp bang.
4. Sau nhiều năm nữa, các phe phái mạnh mẽ và mưu mô thâm hiểm sẽ xuất hiện.
5. Cơ quan lập pháp, với một viện duy nhất, đôi khi quá hấp tấp, thậm chí còn mang cảm tính.
6. Qui định cần 7 tiểu bang để thông qua một đạo luật đơn giản và cần 9 tiểu bang để thông qua đạo luật quan trọng sẽ làm gián đoạn mọi hoạt động có ích.
7. Cuối cùng, thật khó có thể đạt được sức mạnh, sự nhanh chóng và tính bí mật, điều cần thiết đối với một bộ máy hành pháp, trong một chính quyền quá đông đại biểu đến như vậy [ám chỉ Quốc hội Hợp bang].

Từ những chứng cứ đó, tôi cho rằng phải trao thêm những quyền lực mới cho một chính quyền mới để củng cố liên minh, nhưng một số tiểu bang đang trù tính rút khỏi liên minh, một số khác có thể liên minh với nhau trong phạm vi nhỏ hơn.

Việc rút khỏi liên minh là thật sự tồi tệ và không thể chấp nhận được vì cần

phải hiểu rằng nếu không có liên minh, chúng ta sẽ chẳng làm được điều gì cả. Trước khi những âm thanh của cuộc chiến tranh vọng đến thì mọi nhịp đập của các thuộc địa khi đó đều hòa quyện với nhau. Kẻ thù không ngừng chia rẽ chúng ta, nhưng chính sách của tất cả các khóa Quốc hội Lục địa là đoàn kết mọi thuộc địa. Không có ví dụ nào minh chứng rõ ràng hơn sự suy tính thận trọng về nền độc lập, bằng việc kiềm chế việc tuyên bố Độc lập cho tới khi hầu như mọi người dân Mỹ đều đòi tự do và độc lập. Sau khi độc lập, chúng ta gặp những khó khăn vô cùng to lớn và trong những thời điểm hiểm nguy nhất, việc hồi tưởng lại sức mạnh của toàn xã hội không chỉ xua tan sự tuyệt vọng mà còn minh chứng cho Quốc hội thấy nền độc lập là mục tiêu vinh quang và cao cả nhất.

...Nhưng tôi kinh sợ về sự tan rã toàn bộ Liên minh bao nhiêu, thì tôi cũng khiếp sợ không kém khi nghĩ về việc những hợp bang nhỏ sẽ được thiết lập. Tôi cũng không cho rằng lúc này có những tiểu bang đang theo đuổi mục đích đó bởi đa số các tiểu bang đều rất quyến luyến với một liên minh toàn thể các tiểu bang. Nhưng nếu Virginia muốn thành lập một hợp bang nhỏ hơn, hãy để tôi kêu gọi dân chúng tiểu bang xem xét kỹ lưỡng những hậu quả trước khi họ cố gắng xây dựng hợp bang nhỏ này.

Nếu điều đó xảy ra, sức mạnh của liên minh sẽ bị chia đôi, thậm chí chia ba. Nhưng dù sức mạnh của chúng ta tăng lên nhờ cuộc chiến tranh vừa qua thì liệu việc chia rẽ đó có đảm bảo được hạnh phúc của chúng ta không?

Bất kỳ Hợp bang nhỏ nào mà Virginia có thể tham gia đều phải bao gồm ít nhất ba tiểu bang miền Bắc và tiểu bang láng giềng phía Nam gần nhất. Nhưng sức mạnh của họ, cũng như bản thân chúng ta, đều suy giảm bởi sự bất đồng trong dân chúng.

Tôi lại có thể nghi ngờ liệu sau cuộc chiến tranh vừa qua, sự giàu có của Hợp chúng quốc có tăng lên không? Câu trả lời chắc chắn là không, vì gánh nặng nợ nần và tình trạng thương mại sút kém.

Liệu một hợp bang miền Bắc đó có thể duy trì một hạm đội và một đội quân thường trực không? Và dù có hạm đội và đội quân đó, thì liệu một hợp bang chông chát những nợ nần, thương mại suy giảm và thiếu nhân lực như vậy, có thể đảm bảo được sự phòng vệ chung cho chính chúng ta trong một vài năm không?

Đừng quên rằng các quốc gia đó có thể chống lại Hợp chúng quốc đòi quyền lợi cho mình và người cho vay có thể đòi khoản nợ từ bất kỳ ai. Vậy ai trong số họ sẽ là nạn nhân? Kịch bản tồi tệ nhất sẽ xảy ra là các tiểu bang miền Bắc, do tức giận vì bị trả đũa, sẽ liên minh với các tiểu bang khác hay thậm chí với châu Âu. Với các bang khác trên lục địa, rõ ràng cần có một liên minh bao gồm tất cả các tiểu bang, còn nếu liên minh với các quốc gia châu Âu, tôi e sợ là nước Mỹ sẽ rối loạn và rơi vào cuộc chiến tranh đẫm máu nhất. Khi đó, ân hận về sự ngu xuẩn trong việc cầu viện bên ngoài sẽ quá muộn.

Hai hay nhiều hợp bang nhỏ tất yếu sẽ tranh giành quyền lực. Tình hữu hảo giữa các công dân Mỹ có từ xa xưa sẽ bị cắt đứt và thay vào đó là sự thù địch đầy cay đắng. Để chống lại những mối nguy hiểm xung quanh, ở nơi này hay nơi kia, chúng ta buộc phải thiết lập chính quyền quân sự.

Cuốn biên niên sử của thế giới đã có quá nhiều ví dụ về những dân tộc bị chia rẽ làm mồi cho các thế lực ngoại xâm. Tôi không thể ngăn cản được suy nghĩ này, nếu Liên minh của chúng ta bị chia cắt. Nếu chúng ta càng chia thành nhiều phần thì nguy cơ này càng lớn.

Thưa Ngài, tôi sẽ không thể liệt kê hết những điều tôi hình dung về những tai họa sẽ giáng xuống đầu nước Mỹ, nếu chúng ta chia rẽ và điều này sẽ không chấm dứt cho tới khi có một kẻ độc tài với những tội ác kinh khủng xuất hiện.

Do vậy, bây giờ tôi xin trình bày vấn đề cuối cùng. Giải pháp duy nhất cho

mọi khó khăn của chúng ta là một liên minh vững chắc. Để đáp ứng mục tiêu mong muốn này, bản Hiến pháp đã được Hội nghị Liên bang soạn thảo. 11 tiểu bang và tiểu bang thứ 12 chỉ có một đại biểu đã chấp thuận bản này. Ngài Mason, tiểu bang Virginia; Ngài Gerry, tiểu bang Massachusetts và tôi đã từ chối ký. Hai đại biểu Robert Yates và John Lansing của tiểu bang New York cũng vậy.

Tôi hy vọng rằng các Ngài sẽ hài lòng với việc tôi từ chối ký, nếu tôi nói đó là bốn phận buộc tôi phải làm như vậy. Nghĩa vụ buộc tôi phải làm như vậy, thưa Ngài. Xin hãy tin rằng không có một sự kiện nào trong cuộc đời tôi giành được nhiều suy nghĩ của tôi hơn sự kiện này. Việc ký tên cũng không làm tôi hài lòng vì điều này chỉ chứng tỏ với toàn đất nước rằng tôi cũng chỉ là bạn hữu của những chính khách có học và sốt sáng khác của nước Mỹ.

Nhưng tôi hài lòng dù khác biệt với ba trong số những người đồng nghiệp của tôi. Một người rất vinh quang đối với đất nước từng được ông che chở [tức là Tướng Washington-ND]. Ông được vây bọc bởi những tình yêu của dân chúng và không ai thể nhận được lời tán dương ca ngợi nào hơn ông. Hai đại biểu khác cũng là những người khôn ngoan nhất và được dân chúng yêu quý nhất và tình bạn thân thiết không hề lay chuyển mà tôi từng có với tất cả những người này là niềm vinh dự và hạnh phúc lớn lao nhất của tôi.

[...]

Nhưng bây giờ, khi bản Hiến pháp được đệ trình lên Quốc hội, sau khi đã được thông qua tại Hội nghị, tôi cho rằng các hội nghị phê chuẩn của tiểu bang được hoàn toàn tự do đề xuất những điều cần sửa đổi hay bổ sung cho bản Hiến pháp và một Hội nghị Liên bang lần thứ hai sẽ được tổ chức để thảo luận những đề xuất sửa đổi đó. Đề nghị này hoàn toàn phù hợp với các điều luật đã được Quốc hội Lục địa chấp nhận rằng các điều sửa đổi, bổ sung sẽ đệ trình lên các cơ quan lập pháp tiểu bang phê chuẩn và sau đó sẽ được Quốc hội xem xét và ban hành. Những đề xuất như vậy sẽ được nghiên cứu

kỹ lưỡng gấp đôi, khi các đại biểu được trao nhiều quyền lực hơn. Nhưng ý kiến này của tôi bị bác bỏ. Do vậy, tôi phải thể hiện rằng tôi không sẵn lòng ký vào văn bản đó vì những lý do sau:

1. Một văn bản của Hội nghị tuyên bố rằng bản Hiến pháp này sẽ được đề trình lên các hội nghị đại biểu của tiểu bang do dân chúng bầu chọn để tán thành và phê chuẩn. Điều này có ý nghĩa là các hội nghị tiểu bang đó, hoặc là chấp nhận, hoặc là bác bỏ toàn bộ bản Hiến pháp mà không được sửa đổi hay bổ sung. Do vậy, nếu ký tên vào bản Hiến pháp, tôi sẽ không thể đề nghị bất cứ điều sửa đổi nào và phải cố gắng bảo vệ bản Hiến pháp mà không được sửa chữa một chữ nào. Với những hậu quả đó và với lòng quyết tâm đấu tranh cho những điều sửa đổi, tôi nhất định không ký vào văn bản này.

2. Tôi luôn cho rằng mọi công dân của nước Mỹ hãy coi cuộc khủng hoảng này là một cơ hội thật sự để thông qua các đại biểu của mình đề nghị bất kỳ những điều sửa đổi nào nếu thấy điều đó mang lại lợi ích. Nếu với chữ ký của mình trên bản Hiến pháp, tôi sẽ đi ngược lại quan điểm này.

3. Bản Hiến pháp phải có trái tim của mọi người dân trong đó. Nhưng nếu một ngày nào đó, sau khi đã được phê chuẩn toàn bộ, bản Hiến pháp lại trở nên phiến toái và khi đó, dân chúng sẽ than phiền rằng đó là vì họ buộc phải chấp nhận văn bản này mà không được quyền sửa đổi bất cứ điều gì. Với suy nghĩ đó, tôi không thể tự phán xét bản thân, nếu ký vào bản Hiến pháp.

4. Tôi hài lòng với những gì tôi nhận thấy hiện nay rằng mục tiêu vĩ đại này sẽ được soi rọi bởi những ánh sáng và quan điểm mới với sự phân tích và chỉ trích của cả nước. Không ai có thể khẳng định được bản hiến pháp này sẽ tồn tại bao nhiêu năm, cho tới khi biết được quan điểm của mọi người dân. Tôi cũng lo sợ về những sai sót trong văn bản này hơn mọi sai lầm lớn lao trong bất kỳ văn bản nào khác vì văn bản này qui định những lợi ích cơ bản nhất của chúng ta. Quyền lực, nếu được qui định một cách lỏng lẻo, đặc biệt là khi được xác định và giải thích trong một phạm vi rất rộng lớn, có thể dẫn

đến nhiều tai họa. Với những suy nghĩ này, nếu ký vào văn bản này, tôi sẽ phản bội lại mọi điều tôi từng mong ước.

5. Tôi e sợ rằng nếu bản Hiến pháp được đệ trình cho công chúng phê chuẩn, hay bác bỏ toàn bộ, thì họ sẽ không chỉ đơn thuần là bác bỏ nó mà còn đặt dấu chấm hết cho sự tồn tại Liên minh của chúng ta. Tôi mong muốn ngăn chặn điều kinh khủng này bằng cách để tôi tự do đề nghị những sửa đổi và như vậy, nếu có thể, sẽ loại bỏ được mọi trở ngại cho một chính quyền hiệu quả. Nhưng các Ngài cũng hỏi rằng liệu những tranh luận này có được cân nhắc thận trọng tại Hội nghị không? Thưa Ngài, rất chân thật phải nói là không. Khi tôi buộc phải tôn trọng với những người cùng nhóm họp, hầu như tôi mất hết sự tự tin vào những nguyên tắc này. Trong những trường hợp khác, chắc hẳn tôi phải hân hoan phục tùng đa số, nhưng trường hợp này số phận hàng nghìn người hiện nay và trong tương lai buộc tôi không thể chấp nhận, cho tới khi tôi hoàn toàn tin tưởng.

Ngược lại, có thể tôi bị chất vấn rằng tại sao bản Hiến pháp không có những qui định hiệu quả về những điều sửa đổi mà phải dừng lại quá trình phê chuẩn? Câu trả lời của tôi là:

1. Trong khi chúng ta đang có quyền phán xét bản Hiến pháp, trong khi vẫn chưa giành được sự ủng hộ của những người phản đối và chỉ đa số các tiểu bang mới có quyền sửa đổi Hiến pháp, thì nên tiến hành những thay đổi cần thiết hơn là chờ đợi sự thông qua của 3/4 các tiểu bang mà chưa chắc đã đạt được. 2. Những điểm yếu trong chính quyền sẽ càng được chỉnh sửa chính xác hơn. 3. Việc thay đổi Hiến pháp thường xuyên, dù không phải là điều mong muốn, thì càng tránh được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Và 4. Liệu trong trường hợp hiện nay, có thể nghi ngờ rằng sau khi xác định những thuận lợi trong quá trình điều hành của chính quyền, chưa chắc đã đủ 3/4 các tiểu bang đòi hỏi việc sửa đổi.

Tôi thừa nhận việc xây dựng một mô hình phù hợp với quan điểm của tất cả

mọi người không phải là một công việc dễ dàng. Tôi đã suy nghĩ nhiều cách thức tiến hành, nhưng không có cách nào ít bị phản đối hơn cách sau đây. Nếu chấp nhận sửa đổi, một Hội nghị Liên bang khác sẽ được tổ chức và tại Hội nghị đó, những sửa đổi của Hội nghị này, hay bất kỳ đề nghị của tiểu bang nào đều sẽ được thảo luận; và dù được chấp thuận hay bác bỏ, hay nếu không có đủ số tiểu bang sẵn lòng tán thành một Hội nghị thứ hai thì bản Hiến pháp này cũng sẽ đệ trình lên các hội nghị tiểu bang, được tổ chức theo sự triệu tập của các cơ quan hành pháp tiểu bang, để phê chuẩn hay bác bỏ toàn bộ mà không có quyền được sửa đổi. Tôi nghĩ là sự trì hoãn này chẳng ảnh hưởng gì nếu so sánh với mục đích vĩ đại của bản Hiến pháp. Đặc biệt là quyền sửa đổi phải chấm dứt ngay sau khi bản Hiến pháp được phê chuẩn.

Bây giờ tôi muốn kết thúc bức thư đã quá dài này. Dù tôi thấy cần thiết sửa đổi, thì việc đề xuất những thay đổi cụ thể không phải là bổn phận của tôi. Nhưng tôi muốn bày tỏ rằng tôi làm những điều này không phải vì những ý muốn nhất thời và việc trình bày mọi lời phản đối một cách chi tiết sẽ là một công việc lớn lao, nên tôi sẽ tự hài lòng với việc liệt kê những điểm chính yếu nhất trong bản Hiến pháp, không thể chấp nhận được đối với mong muốn của tôi:

Hai điểm đầu tiên là quyền bỏ phiếu bình đẳng tại Thượng viện và việc các đạo luật thương mại được thông qua chỉ cần một đa số phiếu thường tại cơ quan lập pháp mà không có sự kiểm soát nào, trừ quyền phát xét cuối cùng của Tổng thống. Tôi phỏng đoán rằng không có điểm nào trong số những điều này là chính xác, đặc biệt là điểm đầu tiên. Nếu không có sự kiểm soát cần thiết đó chúng ta hẳn sẽ hỗn loạn.

Nhưng tôi tràn trề hy vọng Virginia sẽ được đa số các tiểu bang ủng hộ trong các vấn đề quan trọng sau: 1. Giải thích chính xác mọi điều khoản không rõ ràng; 2. Tổng thống không thể được tái cử sau một nhiệm kỳ nhiều năm giữ chức vụ này; 3. Giành lại quyền của Tổng thống trong việc bổ nhiệm các

thẩm phán, hay thay thế chức vụ này, nếu xảy ra trong thời gian nghỉ họp của Thượng nghị viện, cho tới khi cơ quan này nhóm họp lại; 4. Giành lại quyền của Tổng thống trong việc ân xá tội phản quốc, ít nhất là trước khi kết án; 5. Xác định ranh giới quyền lực của Quốc hội Liên bang và các tiểu bang, xác định chính xác phạm vi quyền hạn của Quốc hội để tránh những xung đột về quyền phán xét hay những tranh chấp nguy hiểm khác; ngăn chặn sự lạm quyền của hai cơ quan này; 6. Giảm bớt quyền của Thượng viện trong việc coi mọi hiệp ước làm bộ luật tối cao của đất nước; 7. Tước quyền tự xác định lương cho các thành viên của Quốc hội; và 8. Hạn chế và xác định rõ quyền của bộ máy tư pháp liên bang.

... Xin Ngài tha thứ cho những lời dài dòng này, nhưng suy nghĩ và bồn phẫn buộc tôi phải thể hiện như vậy vì không có một cách thức nào khác để giải thích lý do tôi không ký vào bản Hiến pháp sẽ giúp tôi tránh khỏi những hiểu nhầm và tôi không có cách hiệu quả nào khác để trình bày với Quốc hội tiểu bang về những hành động không thể đảo ngược của tôi.

Với lòng thành kính nhất đối với Ngài.

EDMUND RANDOLPH

Những phản đối của George Mason, giải thích những lý do buộc ông không thể ký vào bản Hiến pháp

George Mason, đại biểu Virginia, là một trong ba người có mặt trong ngày họp cuối cùng tại Hội nghị, nhưng từ chối ký vào bản Hiến pháp. Ông cũng là một trong những người mạnh mẽ nhất đấu tranh cho quyền của con người. Sau này, nhờ những nỗ lực của mình, Tuyên ngôn nhân quyền, bảo đảm các quyền tự do của con người, đã được hình thành và phê chuẩn. Bản tuyên bố dưới đây trình bày những ý kiến bất đồng của ông đối với các điểm của bản Hiến pháp.

[Trích dẫn]

...Trong văn kiện này hoàn toàn không có Tuyên ngôn nhân quyền. Luật pháp của liên bang là tối thượng đối với mọi điều luật và hiến pháp tiểu bang, nên Tuyên ngôn nhân quyền của từng tiểu bang cũng sẽ không được đảm bảo mà dân chúng cũng không được hưởng, dù chỉ là lợi ích của những đạo luật thông thường, không dựa trên nền tảng nào khác, ngoài những điều được Hiến pháp của các tiểu bang qui định.

Hạ viện không phải là cơ quan đại diện thật sự mà chỉ là cái bóng mờ nhạt, không thể tạo ra những thông tin chính xác trong cơ quan lập pháp này, hay mang lại niềm tin cho dân chúng. Do vậy, luật pháp thường được những người ít liên quan và chẳng hiểu gì về tác dụng cũng như hậu quả của những bộ luật này xây dựng.

Mặc dù không đại diện cho người dân và cũng chẳng chịu trách nhiệm trước dân chúng, nhưng Thượng viện lại có quyền thay đổi tất cả các đạo luật thuế và những đạo luật liên quan đến tiền tệ và lương bổng của các viên chức chính phủ, cũng như những người được họ kết hợp với Tổng thống Hợp chúng quốc bổ nhiệm. Với những quyền lực to lớn như quyền bổ nhiệm đại sứ và tất cả các viên chức hành chính, quyền ký kết các hiệp ước và tiến hành các vụ luận tội, họ kết hợp với bộ máy hành pháp tối cao hợp thành một viện nữa của cơ quan lập pháp. Điều này sẽ phá hỏng bất kỳ sự cân bằng nào trong chính quyền và cho phép họ chiếm đoạt bất cứ điều gì mà họ muốn đối với quyền lợi và tự do của dân chúng.

Việc bộ máy tư pháp của Hợp chúng quốc cũng được thiết lập và mở rộng sẽ cướp quyền và phá hỏng nền tư pháp của các tiểu bang, bằng việc hình thành những bộ luật rối rắm, vô ích, tốn kém và hầu như không thể mang lại công bằng cho đa số người dân như ở nước Anh và làm cho người giàu lấn át và chèn ép người nghèo.

Tổng thống Hợp chúng quốc không có một hội đồng cố vấn hợp hiến, một cơ quan hiển nhiên là cần thiết trong bất kỳ chính quyền an toàn và bình thường nào. Do vậy, ông ta sẽ không được cung cấp các thông tin và các lời khuyên đúng đắn, nên thường sẽ bị điều khiển bởi những kẻ nhỏ nhen và xu nịnh. Hoặc ông ta sẽ trở thành một công cụ của Thượng viện, hay của Hội đồng Quốc gia, bao gồm các viên chức chủ chốt trong các bộ lớn. Đó là hội đồng tội tệ và nguy hiểm nhất trong một đất nước tự do vì họ có thể gây ra bất kỳ tai họa nào, hay ban hành các đạo luật hà khắc để tự bảo vệ mình, hoặc ngăn chặn mọi nỗ lực nhằm luận tội họ.

Trong khi đó, nếu một Hội đồng Quốc gia được hình thành (như đã được đề nghị), bao gồm 6 thành viên, 2 từ các tiểu bang phía Tây (miền Trung), 2 từ các tiểu bang phía Bắc (New England) và 2 từ các tiểu bang miền Nam do Hạ viện bầu chọn, với cùng nhiệm kỳ và sự luân phiên như Thượng viện, thì nền hành pháp chắc chắn sẽ an toàn và nhận được các thông tin chính xác và các lời khuyên đúng đắn. Chủ tịch Hội đồng này sẽ là Phó Tổng thống Hợp chúng quốc, có thể thay thế bất cứ khi nào Tổng thống không thể đảm đương được nhiệm vụ.

Do sự thiếu vắng rất nguy hiểm của một Hội đồng Quốc gia làm nảy sinh quyền lực không chính đáng của Thượng viện trong việc bổ nhiệm các viên chức chính quyền và sự phụ thuộc cũng như mối quan hệ nguy hiểm giữa Thượng viện và Tổng thống. Do vậy, lại xuất hiện một viên chức không cần thiết là Phó Tổng thống chỉ để làm Chủ tịch Thượng viện. Đó là sự pha trộn rất nguy hiểm giữa quyền hành pháp và lập pháp.

Tổng thống Hợp chúng quốc có quyền không hạn chế trong việc ân xá tội phản quốc, đôi khi lại là những người bị ông ta đã xúi giục một cách bí mật, nhằm ngăn cản cuộc điều tra tội lỗi của chính ông ta. Bằng việc tuyên bố mọi hiệp ước đều là tối thượng trên mảnh đất này, Tổng thống và Thượng viện, trong nhiều trường hợp, có toàn quyền lập pháp. Điều nguy hiểm này

có thể tránh được nếu đòi hỏi cần phải có sự chấp thuận của Hạ viện, nơi các bản hiệp ước này được soạn thảo và ký kết một cách an toàn.

Bằng cách chỉ cần một đa số thường thông qua luật về đất đai và thương mại, nền kinh tế của 5 tiểu bang miền Nam (những bang hoàn toàn khác biệt về điều kiện địa lý với 8 bang miền Bắc và miền Đông) sẽ bị tàn phá do những bộ luật nóng vội và tàn nhẫn có thể được ký kết, cho phép các nhà buôn miền Bắc không chỉ bán với giá quá cao mà còn được độc quyền trong việc buôn bán hàng hóa với giá tự ấn định, trong nhiều năm sẽ tàn phá nông nghiệp và làm bản cùng hóa dân chúng của miền Nam. Điều này còn nguy hiểm hơn bởi những gì mà bên này giành được lại chính là những thiệt hại của bên kia. Trong khi đó, nếu việc này đòi hỏi sự phê chuẩn của 2/3 các thành viên của cả hai Viện chắc chắn sẽ tạo ra sự bình đẳng cùng có lợi, thúc đẩy sự thịnh vượng chung và bác bỏ những bộ luật không thể chấp nhận được trước khi gửi cho Tổng thống phê chuẩn.

Trong những quyền lực liệt kê trong bản Hiến pháp, Quốc hội được trao độc quyền trong các vấn đề thương mại. Điều này sẽ gây nên những tội lỗi mới và cho phép Quốc hội có quyền thi hành những biện pháp trừng phạt khắc nghiệt. Quốc hội có thể tự tăng thêm quyền lực cho mình, nếu họ cho là cần thiết, nên các cơ quan lập pháp tiểu bang không được đảm bảo các quyền hiện giờ vẫn còn nằm trong tay họ, hay trong tay dân chúng. Không hề có tuyên bố nào bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền xét xử bởi một ban bồi thẩm, hay đề phòng những nguy hiểm phát sinh bởi một đội quân thường trực được thiết lập trong thời bình.

Các cơ quan lập pháp tiểu bang bị hạn chế quyền đặt và thu thuế xuất khẩu trên chính những hàng hóa do họ sản xuất ra, còn cơ quan lập pháp liên bang lại bị ràng buộc trong việc ngăn cấm nhập khẩu nô lệ trong 20 năm, dù những nô lệ này sẽ làm cho nước Mỹ yếu hơn, dễ bị tổn thương hơn và ít có khả năng tự bảo vệ hơn. Cả hai cơ quan lập pháp tiểu bang và liên bang đều

bị cấm ban hành các bộ luật hồi tố, dù điều này chưa bao giờ xảy ra, nhưng có thể cơ quan lập pháp buộc phải ban hành những bộ luật như vậy khi cần thiết, hay khi sự an toàn chung của cả xã hội đòi hỏi, sẽ mãi mãi là mối bất hòa trong mọi bản Hiến pháp của liên minh, và rồi sẽ là tiền lệ cho những sửa đổi khác nữa.

Mô hình chính quyền này sẽ khởi đầu dưới dạng một thể chế quý tộc ôn hòa. Nhưng không thể dự báo trước liệu mô hình này sẽ đi đến đâu trong quá trình vận hành. Nó có thể hình thành một nền quân chủ hay một thể chế quý tộc tham nhũng và áp bức. Dường như rồi đây, chính quyền được lập ra sẽ dao động giữa hai thái cực để rồi tất yếu sẽ rơi vào cái này hay cái kia mà thôi.

GEO. MASON

Thư của James Madison giải thích Hiến pháp cho Thomas Jefferson

Ngày 17 tháng Chín năm 1787, khi Hội nghị Lập hiến kết thúc, James Madison được tự do thông tin và giải thích văn bản này cho Thomas Jefferson, người bạn thân thiết đang ở Paris, về toàn bộ quá trình của Hội nghị. Những giải thích của James Madison là rất hữu ích vì nhiều lý do. Trước hết, bức thư này trình bày lập luận về mọi điểm của bản Hiến pháp, khác với tập các bài báo Người Liên bang, mỗi bài chỉ thảo luận về một vấn đề nhất định. Thứ hai, Madison cảm thấy hoàn toàn tự do viết cho Jefferson để chỉ trích một khía cạnh nào đó của bản Hiến pháp: Quốc hội không có quyền phủ quyết đối với các đạo luật của tiểu bang. Các bài báo Người Liên bang hoàn toàn ủng hộ bản Hiến pháp và không đồng ý bất cứ sai lầm nào trong văn bản đó. Thứ ba, Madison thể hiện mối lo ngại của ông về mối nguy hiểm của các phe phái và những lợi thế mà một nước cộng hòa rộng lớn có được trong việc kiềm chế nạn phe phái này.

Cuối cùng, bức thư này có thể coi là nỗ lực đầu tiên và có vai trò rất quan

trọng để đảm bảo Hiến pháp được phê chuẩn, vì lúc này, Jefferson vẫn chưa hoàn toàn tán thành bản Hiến pháp. Khác với Madison, Jefferson không cảm thấy lo ngại về cuộc nổi dậy của Shay và ông rất phản đối sự thiếu vắng một Tuyên ngôn Nhân quyền. Nhưng sự ủng hộ của Jefferson, hay ít nhất là việc ông không chống đối bản Hiến pháp là điều rất quan trọng cho quá trình phê chuẩn. Nếu Jefferson phản đối Hiến pháp hay ủng hộ việc triệu tập một Hội nghị khác thì Madison sẽ khó lòng vượt qua phe đối lập, bao gồm George Mason, Patrick Henry và James Monroe của tiểu bang Virginia. Nếu Virginia không thông qua thì New York chắc hẳn cũng không thông qua. Và một Liên minh mới sẽ không thể được thiết lập và thịnh vượng, nếu thiếu hai tiểu bang chủ chốt này.

Ngày 24 tháng Mười năm 1787.

Thưa Ngài,

Ngài sẽ nhận được kết quả Hội nghị kèm theo bức thư này. Hội nghị đã họp tới tận ngày 17 tháng Chín mới kết thúc. Tôi hoàn toàn được tự do để trình bày một số nhận xét về vấn đề này, và đó là mục đích duy nhất của bức thư này.

Bản Hiến pháp chính là mong ước chân thành và đồng lòng của Hội nghị, với tình yêu và lòng khao khát duy trì sự tồn tại của Liên minh các tiểu bang. Không một đề xuất nào, không một điều khoản nào nhắc đến việc chia rẽ Đế chế thành hai, hay nhiều hợp bang.

Nói chung, mọi người đều đồng ý rằng các mục tiêu của liên bang sẽ không được bảo đảm bởi bất kỳ một hệ thống nào thiết lập trên nguyên tắc liên minh giữa các tiểu bang có chủ quyền bởi vì không bao giờ hy vọng các tiểu bang sẽ tự nguyện tuân thủ các đạo luật của liên bang. Trong thực tế, không thể sử dụng được sự ép buộc và dù có thể làm được như thế, thì những tai họa sẽ gây ra đối với cả những người vô tội cũng như những người có tội vì

tất yếu khi đó phải cần đến một đội quân. Đó là điều nguy hiểm và thâm độc và nói chung tình hình giống như một cuộc nội chiến hơn là sự điều hành của một chính phủ bình thường.

Theo bản Hiến pháp này, mô hình chính quyền liên bang có một vài thay đổi. Thay cho việc điều hành theo các tiểu bang, chính quyền mới sẽ điều hành trực tiếp với từng cá nhân mà không có sự can thiệp của các chính quyền tiểu bang. Do vậy, nguyên tắc đại diện tỷ lệ cũng có thay đổi.

Với những nguyên tắc nền tảng đó, các mục tiêu chủ yếu của chính quyền là:

1. Trao những quyền lực cần thiết vào tay nhánh hành pháp và tạo sự ổn định cần thiết cho nhánh lập pháp. Đó là những đặc điểm chủ yếu của chính quyền Cộng hòa.
2. Phân định một đường ranh giới để nhờ đó, trao cho chính quyền liên bang mọi thẩm quyền cần thiết vì những mục tiêu chung và để lại cho tiểu bang mọi quyền lực mà tiểu bang điều hành có hiệu quả nhất.
3. Đáp ứng những lợi ích khác nhau của những vùng đất khác nhau trong Liên minh.
4. Điều chỉnh xung đột giữa các bang lớn và nhỏ.

Mỗi mục tiêu này đều chứa đựng những khó khăn nhất định, nhưng việc giải quyết đồng bộ những mục tiêu này lại còn khó khăn hơn nhiều và những người dù chẳng liên quan gì đến công việc này cũng hoàn toàn thấu hiểu những khó khăn đó. Bởi ý kiến của con người về những vấn đề mới và phức tạp này rất đa dạng, nên việc đạt được mức độ nhất trí và hòa hợp về các mục tiêu này cũng đáng được coi là một kỳ công.

Mục tiêu đầu tiên liên quan đến nhánh hành pháp cũng đặc biệt phức tạp và rối rắm. Những cuộc tranh luận dai dẳng và lặp đi lặp lại về vấn đề liệu cơ quan này chỉ gồm một Tổng thống hay là một Hội đồng hành pháp (nhiều Tổng thống) hợp tác với nhau cùng nắm giữ quyền hành; về mô hình bổ nhiệm, về thời hạn giữ chức vụ; về phạm vi thẩm quyền; về việc có được tái cử hay không... Cuối cùng, chỉ một vài đại biểu ủng hộ mô hình Hội đồng Tổng thống. Thống đốc Virginia, Ngài Randolph cầm đầu phe này. Việc bỏ

nhiệm cũng có nhiều mô hình khác nhau: do toàn thể dân chúng, do các Thống đốc Tiểu bang, do Quốc hội Liên bang. Một số đại biểu muốn cả hai Viện Quốc hội cùng bầu chọn. Một số lại ủng hộ việc bỏ phiếu riêng rẽ cho phép viện này có quyền phủ quyết quyết định của viện kia. Một số lại tán thành việc một viện sẽ chỉ định các ứng cử viên và viện kia sẽ quyết định chọn ai. Nhiều sửa đổi cũng được đề xuất. Sau cùng, giải pháp hiện nay dường như được mọi người hài lòng. Về nhiệm kỳ của Tổng thống, một vài đại biểu muốn có một nhiệm kỳ suốt đời, miễn là có tư cách đạo đức tốt và đề xuất nhiều biện pháp nhằm cách chức dễ dàng và có hiệu quả, nếu bị buộc tội.

Hội nghị cũng đã suy đi, tính lại về thời hạn nhiệm kỳ, liệu một nhiệm kỳ dài như bảy năm chẳng hạn, nhưng không được tái cử, hay một nhiệm kỳ ngắn, nhưng được quyền tái cử và cuối cùng đã thống nhất. Nguy cơ của sự tiếm quyền và việc được tái cử lần này sang lần khác sẽ dần dần suy đồi, và cuối cùng, sẽ dẫn tới nhiệm kỳ suốt đời, để sau đó là chế độ cha truyền con nối. Hậu quả của một người thiếu năng lực, nhưng lại được tái cử làm các đại biểu ủng hộ cách thức thứ nhất. Nhưng mặt khác, cũng có tranh cãi rằng nguy cơ không được tái cử sẽ làm những người có tư cách và đức hạnh không nỗ lực hết sức; sẽ cướp đi động cơ thực thi bổn phận đúng đắn của họ là hy vọng được ban thưởng và được tái cử; sẽ làm cho những tham vọng tích tụ lại để rồi vi phạm các qui định của Hiến pháp; thay cho việc tạo ra một nền hành pháp độc lập và sự bảo vệ vững chắc hơn các quyền hợp hiến của nhánh quyền lực này sẽ làm cho chức vụ này trở nên sao nhãng, chẳng đoái hoài đến việc thi hành phận sự của mình vì biết sẽ phải rời chức vụ này mãi mãi, và sẵn lòng qui thuận sự lạm quyền của nhánh lập pháp để ông ta được trở lại làm một thành viên.

Những vấn đề khác liên quan đến phạm vi quyền hạn đối với việc bổ nhiệm các quan chức chính phủ và việc kiểm soát của cơ quan lập pháp. Quyền bổ nhiệm tuyệt đối mọi chức vụ, đối với một số chức vụ hay không có quyền này là những ý kiến về điểm thứ nhất. Về điểm thứ hai, một số người tranh luận đòi quyền phủ quyết tuyệt đối vì đó là biện pháp duy nhất có thể áp dụng lý thuyết về một chính quyền tự do vào thực tiễn, nhằm ngăn cấm sự pha trộn giữa nhánh hành pháp và lập pháp. Những đại biểu khác chấp thuận cho phép Tổng thống quyền phủ quyết các đạo luật, nhưng sẽ bị bác bỏ nếu có 3/4 số phiếu của cả hai Viện. Nhiều người cũng đòi cho phép nhánh tư pháp tham gia vào quyền phủ quyết. Một vài đại biểu đề xuất trao quyền phủ quyết các đạo luật cho cả hai nhánh hành pháp và tư pháp. Nếu có một nhánh chống đối, thì cần 2/3 số phiếu của Quốc hội, còn nếu cả hai nhánh chống đối, cần phải có 3/4 số phiếu của Quốc hội để đạo luật này có hiệu lực.

Trong việc thiết lập Thượng viện, cơ quan lớn lao và đáng tin cậy nhất của chính quyền, các vấn đề chủ yếu đặt ra là mô hình bầu chọn và nhiệm kỳ của nghị sĩ. Các mô hình được đề nghị là 1. Bởi Hạ viện. 2. Bởi các Thống đốc Tiểu bang. 3. Bởi các đại cử tri do dân chúng bầu chọn. 4. Bởi các cơ quan lập pháp tiểu bang. Về vấn đề nhiệm kỳ, các đề xuất thay đổi từ nhiệm kỳ suốt đời cho tới 4 năm với các nhiệm kỳ đề xuất khác nhau chín, bảy, sáu và năm năm. Việc bầu chọn Hạ viện lúc đầu quyết định là ba năm, nhưng sau đó rút xuống còn hai năm.

Mục tiêu thứ hai là sự phân chia quyền lực giữa chính quyền liên bang và tiểu bang. Có lẽ đây là nhiệm vụ tế nhị và khó khăn nhất. Một vài đại biểu đòi xóa bỏ hoàn toàn các chính quyền tiểu bang, một số yêu cầu trao cho Quốc hội liên bang quyền phủ quyết tuyệt đối mọi đạo luật của tiểu bang, một số khác lại không muốn một quyền như vậy. Một số khác muốn một quyền lập pháp hạn chế, nhưng đa số các đại biểu ủng hộ quyền lực hạn chế và không có quyền phủ quyết. Vấn đề liên quan đến quyền phủ quyết được thảo luận rất nhiều lần và cuối cùng, bị một đa số thường bác bỏ. Như tôi đã nói với Ngài trước đây, tôi ủng hộ cách thức này, và lần này tôi có điều kiện giải thích kỹ hơn quan điểm của tôi về vấn đề này. Sự kiểm soát như vậy đối với các tiểu bang, theo tôi, là một điều cần thiết vì: 1. Ngăn chặn sự lạm quyền của tiểu bang đối với liên bang. 2. Ngăn chặn sự bất ổn và bất công trong các cơ quan lập pháp tiểu bang.

1. Nếu không có sự kiểm tra như vậy trên toàn lãnh thổ, hệ thống của chúng ta sẽ rất lộn xộn và đầy những lỗi lầm. Nếu một thẩm quyền tối cao như vậy không hoàn toàn cần thiết ở mọi xã hội, thì ít nhất, quyền kiểm soát của chính quyền trung ương cũng là biện pháp ngăn chặn sự lạm quyền của các cơ quan bên dưới. Nhờ đó, các chính quyền tiểu bang sẽ bị kiềm chế khỏi sự lạm quyền và vi phạm lẫn nhau.

Nhiều quý ngài cho rằng uy quyền phủ quyết tối cao của Nghị viện Anh là

không cần thiết cho sự hài hòa của đế chế đó. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu thiếu quyền phủ quyết của hoàng gia, hay những kiểm soát tương ứng, thì sự thống nhất của hệ thống này sẽ tan vỡ. Sự thiếu vắng những quyền lực này trong các Hợp bang cổ xưa là rất nguy hiểm và là căn bệnh trầm trọng cho các Nhà nước Liên bang hiện đại. Rất ít người biết về Hợp bang Lycian, nhưng nhiều người biết Liên bang Amphictyon ở Hy Lạp có rất ít quyền lực và cuối cùng, chính quyền liên bang bị các chính quyền địa phương phá hỏng. Polybius cũng nhận xét như vậy về Liên minh Achaean của Hy Lạp. Hệ thống các tiểu quốc Thụy Sĩ không hẳn là mô hình Hợp bang vì có quá nhiều khác biệt để so sánh.

Trường hợp của Liên minh Hà Lan cũng cần xem xét. Thâm quyền của liên minh, sức mạnh của một đội quân thường trực, lợi ích chung đối với các vùng đất chiếm được, áp lực và sự đe dọa từ các nước láng giềng, đều không đủ để đảm bảo thâm quyền và lợi ích chung để chống lại khuynh hướng vi phạm của các chính quyền địa phương. Một ví dụ khác là Đế chế Phổ. Đó là thể chế cha truyền con nối, với vô số những tiểu quốc độc lập và giàu mạnh, một Nghị viện Liên bang với thâm quyền lớn, một hệ thống tư pháp được thiết lập thường xuyên, nhưng ảnh hưởng của các cường quốc láng giềng làm Đế chế Đức không thể duy trì sự ổn định để buộc các thành viên tuân thủ, hay ngăn chặn những xung đột giữa các lãnh địa. Kinh nghiệm của đất nước chúng ta, cả trong thời chiến lẫn thời bình, cũng là một minh họa điển hình theo hướng này. Sự vi phạm thâm quyền liên bang của các tiểu bang, và hy sinh lợi ích quốc gia vì các lợi ích địa phương; những xung đột và các qui định không thống nhất giữa các tiểu bang thường xuyên xảy ra trong lịch sử hệ thống chính trị của chúng ta.

Có thể nói rằng nếu bản Hiến pháp được thành lập trên những nguyên tắc khác nhau sẽ có những hướng phát triển khác nhau. Tôi đồng ý rằng sự khác biệt đó là quan trọng. Bên ngoài, đó là chế độ phong kiến của các nhà nước cộng hòa hơn là Hợp bang của những tiểu bang độc lập như thường được

gọi. Những thể chế phong kiến đó sẽ đi về đâu? Trong mọi nhà nước phong kiến đều xảy ra cuộc chiến tranh liên miên giữa chính quyền trung ương và các chính quyền địa phương cho tới khi một bên đạt được chiến thắng cuối cùng. Khi thì là địa phương này, khi thì địa phương kia giành thắng lợi.

Thực ra, có sự khác biệt đáng kể giữa hai trường hợp về một khía cạnh. Trong hệ thống phong kiến, chủ quyền của các lãnh địa, dù bị giới hạn, nhưng vẫn độc lập và không có lợi ích thống nhất giữa nhà vua và các quý tộc. Nhà Vua mưu cầu những điều mà các nhà quý tộc cũng mưu cầu nên thường xảy ra mâu thuẫn. Trong bản Hiến pháp của nước Mỹ, thẩm quyền liên bang hoàn toàn hình thành từ các thẩm quyền tiểu bang. Thượng viện đại diện cho các tiểu bang về năng lực chính trị, còn Hạ viện đại diện cho dân chúng các tiểu bang theo tư cách cá nhân. Thượng viện có trách nhiệm với những người đã bầu họ với nhiệm kỳ khá dài, còn Hạ viện có nhiệm kỳ ngắn. Tổng thống cũng do các tiểu bang bổ nhiệm, và có trách nhiệm theo nhiệm kỳ.

Sự phụ thuộc này của chính quyền liên bang vào chính quyền tiểu bang là biện pháp hiệu quả bảo vệ các tiểu bang chống lại sự lạm quyền và vi phạm của liên bang. Trong khi các chính quyền tiểu bang, trong phạm vi hạn chế của mình, đều nhận thức rằng quyền hạn của mình đang nhỏ lại. Vì thế, họ sẽ nuôi tham vọng giành lại những phần đã mất.

Chúng ta thấy đại diện của các hạt và các quận trong Nghị viện tiểu bang thường có khuynh hướng hy sinh lợi ích chung, thậm chí cả thẩm quyền chung vì lợi ích địa phương của những người đã bầu chọn họ, hơn là ngược lại. Tôi không muốn nói tinh thần hợp tác và đoàn kết không tồn tại trong chính quyền liên bang mà chỉ muốn nói nguy cơ bất hợp tác lớn hơn từ phía các tiểu bang. Không thể phân chia quyền lực của nhánh lập pháp mà không dựa vào cấu trúc của những nhóm lợi ích khác nhau. Và cũng khó lòng tránh khỏi những phán xét mập mờ của các nhánh chính quyền, dù là công bằng.

Rất nhiều ví dụ minh họa cho việc không thể thực hiện được này. Để phân định những quyền này, cần phải phân định những phần nào? Ranh giới giữa quyền qui định thương mại và quyền thu thuế, từng được coi là rào cản cho sự tự do của chúng ta, sau những cuộc tranh luận thẳng thắn, chúng tôi thấy đó là một điều tuyệt đối không thể định rõ được. Không có sự khác biệt nào rõ ràng hơn giữa vấn đề tâm linh và thể tục, nhưng đôi khi, cũng khó lòng phân tách những vấn đề này.

Nhưng dù chúng là mục đích của nhánh lập pháp, thì chúng cũng xung đột và va chạm nhau, cho tới khi cái này hay cái kia giành được ưu thế. Thậm chí ranh giới giữa các quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp, dù nói chung, được chính họ lập nên, nhưng trong nhiều trường hợp, chỉ là những sự khác biệt rất nhỏ nhoi và không rõ ràng.

Có thể nói, thẩm quyền tư pháp theo hệ thống mới nhằm kiểm soát các tiểu bang trong những giới hạn phù hợp sẽ phải bao hàm cả quyền phủ quyết các đạo luật tiểu bang. Giải pháp cho vấn đề này là nên ngăn chặn việc thông qua các đạo luật này còn hơn là tuyên bố những đạo luật đó là vô hiệu, sau khi chúng đã được phê chuẩn. Điều này đặc biệt cần thiết đối với những đạo luật chống lại các cá nhân, những người không thể kiện lên tòa án tiểu bang hay tòa án liên bang rằng tiểu bang đó đã vi phạm quyền lập pháp của liên minh, nhưng không muốn chấp hành phán quyết của tòa án. Việc sử dụng vũ lực trong trường hợp tiểu bang này không tuân thủ là cần thiết, nhưng đó là một thứ tội ác mà bản Hiến pháp mới mong muốn càng tránh khỏi càng tốt.

2. Quyền phủ quyết hợp hiến đối với mọi đạo luật tiểu bang là cần thiết để đảm bảo an toàn cho các công dân, tránh khỏi việc mất quyền và bị xâm phạm. Tính thất thường và dễ thay đổi trong luật pháp của các tiểu bang cũng là một mối nguy cơ. Sự bất công của những đạo luật này thường xảy ra khiến những người tán thành chính quyền Cộng hòa nhất cũng vô cùng lo ngại. Tôi tin rằng mình không nhầm lẫn khi nói những sai trái và trực trặc

xuất phát từ những lý do đó, cũng góp phần tạo nên mối lo âu cho toàn dân chúng. Vì thế, Hội nghị Lập hiến được triệu tập, và cần chuẩn bị cho dân chúng đón nhận một sự cải cách rộng lớn.

...

Có người sẽ hỏi rằng nếu như cả hai chính quyền này đều thiết lập trên nguyên tắc cộng hòa với quyết định cuối cùng là ý muốn của đa số, nhưng khác biệt chủ yếu bởi qui mô và phạm vi vận hành hơn là bởi bất kỳ sự khác biệt trong cấu trúc, vậy những quyền cá nhân được chính quyền liên bang bảo đảm an toàn hơn chính quyền tiểu bang chăng? Nếu tôi không nhầm thì một cuộc thảo luận chi tiết về những nguyên tắc thật sự của nhà nước Cộng hòa đã chứng minh ngược với quan điểm hiện nay của những lý thuyết gia chính trị rằng hình thức chính quyền Cộng hòa hiệu quả không thể vận hành trong một phạm vi bé nhỏ mà phải trong một lãnh thổ rộng lớn. Tôi sẽ trình bày một số ý tưởng của tôi về vấn đề này.

Những người đấu tranh cho một nhà nước dân chủ giản đơn hay một nền Cộng hòa thuần túy, bị tâm trạng của đa số dân chúng trong những vùng đất nhỏ bé, chật hẹp, kích động, đã đề xuất mô hình chỉ xảy ra trong tưởng tượng. Họ lý giải dân chúng muốn thiết lập một xã hội tốt đẹp không chỉ vì các quyền chính trị bình đẳng mà dân chúng sẽ có cùng lợi ích và cùng tâm trạng về mọi vấn đề. Nhưng lập luận của họ chỉ đủ sức thuyết phục nếu thực tế xảy ra như vậy. Nếu lợi ích của đa số cũng chính là lợi ích của thiểu số thì mọi quyết định của chính quyền chỉ thuần túy đề cập lợi ích của toàn thể, trong đó, ý kiến của đa số được coi là chuẩn mực an toàn nhất. Trong phạm vi lãnh thổ nhỏ bé, ý kiến chung sẽ dễ dàng đạt được và các công việc của xã hội sẽ được điều hành chính xác nhất.

Tuy nhiên, chúng ta đều biết rằng không một xã hội nào thuần túy như vậy, chỉ bao gồm một đám đông công chúng đồng nhất. Thực tế, nhà nước nguyên thủy có thể đạt được một cách tiếp cận theo hướng đó, nhưng trong

nhà nước đó, chẳng cần đến chính quyền hoặc chỉ cần một chính quyền rất nhỏ. Trong mọi xã hội văn minh, sự khác biệt là rất đa dạng và không thể tránh được. Nhờ sự bảo vệ của một chính quyền tự do, các cá nhân sẽ có quyền chiếm giữ các tài sản khác nhau mà họ giành được nhờ năng lực khác nhau. Sẽ có người giàu và người nghèo, con nợ và chủ nợ, những lợi ích nông nghiệp, thương mại hay sản xuất. Những tầng lớp người này lại phân chia thành các nhóm nhỏ hơn, do những sự khác biệt về địa vị, hoàn cảnh, diện tích đất đai hay về những qui mô thương mại hay sản xuất.

Ngoài những khác biệt về tự nhiên này, những khác biệt do con người tạo ra cũng hình thành trên những khác biệt về chính trị, tôn giáo hay những vấn đề khác, hoặc gắn bó với những lãnh tụ khác nhau của cộng đồng. Tuy nhiên, những bất đồng và các phe phái, thường xuất hiện ngay trong những chính khách, những triết gia và cả đám đông dân chúng, thì những người chẳng là chính khách, cũng chẳng là triết gia, cũng sẽ nhìn nhận vấn đề theo các cách khác nhau.

Nhưng rồi có thể nghi ngờ rằng khi đa số có chung một lợi ích, hay có chung tâm trạng, liệu họ có tìm được các động cơ phù hợp để tự kiềm chế khỏi việc chèn ép thiểu số không? Một cá nhân không bao giờ được phép trở thành người phán xử, hay làm nhân chứng cho chính mình. Trong nhóm ba người, nếu như hai cá nhân có chung một lợi ích, hoặc thù hằn với người thứ ba, quyền của người thứ ba đó sẽ không bao giờ được an toàn. Liệu 2.000 người dễ hợp nhất để chèn ép 1.000 người hơn hay 200.000 người dễ hợp nhất chèn ép 100.000 người hơn?

...

Nếu trong xã hội xuất hiện những phe phái và những lợi ích khác nhau, nếu đa số thống nhất một lợi ích, hay tâm trạng chung, việc chèn ép thiểu số của đa số không được kiểm soát và kiềm chế, thì đâu là giải pháp cho nguy cơ này trong chính quyền Cộng hòa, nơi đa số luôn có quyền quyết định cuối

cùng? Giải pháp duy nhất là phải mở rộng phạm vi của nhà nước để không một lợi ích hay tâm trạng chung nào được đa số thống nhất nhằm theo đuổi những mưu mô không chính đáng. Trong một xã hội rộng lớn, dân chúng thường phân chia thành rất nhiều phe phái với các lợi ích khác nhau, nên đa số khó lòng đạt được sự thống nhất chung. Sự hòa hợp và đồng nhất sẽ khó hình thành. Sự đảm bảo đó là cần thiết đối với dân chúng, cũng như quyền tự do tôn giáo là cần thiết cho các cá nhân. Nếu một giáo phái trở thành phe đa số và có quyền, thì chắc chắn, những giáo phái khác sẽ chịu sự đàn áp. "Chia để trị" là chính sách xấu xa của một nền độc tài, nhưng với những ràng buộc cần thiết sẽ là chính sách duy nhất mà một nhà nước cộng hòa cần phải điều hành trên những nguyên tắc công bằng và bình đẳng.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rằng học thuyết này chỉ có thể thực thi trong lãnh thổ được mở rộng. Trong một lãnh thổ quá nhỏ bé, sự chèn ép có thể dễ dàng được đa số hình thành nhằm chống lại các phe phái yếu hơn. Nhưng trong một lãnh thổ rất rộng lớn, sự kết hợp của đa số nhằm chèn ép thiểu số thoát khỏi sự kiểm chế của những người được giao quyền cai trị, sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Ước nguyện lớn lao nhất của một chính quyền là đảm bảo tính trung lập giữa những phe phái khác nhau, kiểm soát phe này khỏi việc chiếm quyền của phe phái kia, đồng thời tự kiểm soát chính mình khỏi việc thiết lập những qui định đi ngược lại lợi ích chung của toàn xã hội.

Trong nền quân chủ tuyệt đối, nhà vua hoàn toàn trung lập với các phe phái và tầng lớp khác nhau, nhưng nhà vua có thể hy sinh hạnh phúc của toàn thể dân chúng cho tham vọng hay mưu đồ cá nhân. Trong nhà nước cộng hòa bé nhỏ, chính quyền sẽ được kiểm soát để không thể hy sinh lợi ích của toàn thể dân chúng, nhưng chính quyền đó không đủ trung hòa những phe phái cấu thành nên nhà nước. Trong một nước cộng hòa rộng lớn như Hợp chúng quốc, chính quyền liên bang sẽ đảm bảo được tính trung lập giữa các đảng phái của các tiểu bang, đồng thời cũng tự kiểm soát được chính mình, bởi chính quyền sẽ độc lập đối với cả cộng đồng nên không thể phản bội lại lợi

ích chung của dân chúng.

Xin Ngài hãy tha thứ cho tôi vì những chuyện linh tinh ngoài lề này. Tôi sẽ trở lại với mục tiêu thứ ba đã nói ở trên: những điều chỉnh đối với những lợi ích khác nhau của những vùng đất khác nhau trên lục địa này. Một vài đại biểu đòi hỏi một quyền lực không hạn chế đối với vấn đề thương mại, bao gồm cả việc đánh thuế hàng xuất nhập khẩu, đối với nô lệ, cũng như các mặt hàng khác. Một số người ủng hộ các quyền này, nhưng đòi phải có sự chấp thuận của 2/3 số phiếu ở cả hai viện. Một số người tán thành các quyền lực hạn chế hơn, không bao gồm các hàng hóa xuất khẩu và nô lệ. Những đại biểu khác chỉ tán thành việc loại bỏ hàng hóa xuất khẩu thô. Kết quả như Ngài thấy trong bản Hiến pháp là việc Nam Carolina và Georgia khẳng khái không nhượng bộ về vấn đề nô lệ.

Mục đích còn lại thì phức tạp, nan giải và gây nguy hiểm đối với Hội nghị hơn là mọi mục đích khác kết hợp lại. Các bang nhỏ khẳng khái đòi duy trì sự bình đẳng của họ tại cả hai viện, trừ khi xóa bỏ hoàn toàn mọi chính quyền tiểu bang. Họ coi quyền bình đẳng tại Thượng viện là điều kiện không thể nhượng bộ. Trái lại, các bang lớn đòi chính quyền mới phải hoàn toàn thiết lập trên nguyên tắc bầu cử trực tiếp của dân chúng và vì điều hành trực tiếp trên dân chúng chứ không phải trên các tiểu bang, nên các tiểu bang sẽ phải mất đi vai trò của họ như hiện nay và việc đại diện tại cả hai Viện đều phải dựa trên qui mô dân số. Cuộc tranh cãi nay chấm dứt bằng thỏa hiệp như Ngài thấy, nhưng cũng làm đại biểu các bang lớn rất bất bình.

Rồi Ngài cũng sẽ nhận thấy chỉ có tên của ba đại biểu Virginia trong văn bản này. Ngài Wythe đã không trở lại sau cái chết của bà vợ, còn bác sĩ McClurg rời Hội nghị ngay trước khi kết thúc. Thống đốc Randolph và Đại tá Mason từ chối không ký vào văn bản này. Một thành viên khác duy nhất là Ngài Gerry cũng từ chối ký. Những phản đối của Ngài Thống đốc chủ yếu về quyền lực của chính quyền liên bang và về mối quan hệ giữa Tổng thống và

Thượng viện. Ông ta muốn bản kế hoạch này được đệ trình lên các tiểu bang để họ có quyền tự do đề xuất mọi sự thay đổi và sau đó tập hợp lại thảo luận trong một Hội nghị Lập hiến khác để hình thành bản Hiến pháp hoàn hảo cuối cùng. Ông ta không hoàn toàn chống lại bản Hiến pháp mà chỉ từ chối ký bởi nếu ký, ông ta sẽ không có quyền tự do đề xuất những thay đổi.

...

JAMES MADISON

Thư của Richard Henry Lee, đại biểu Quốc hội tiểu bang Virginia gửi Thống đốc Edmund Randolph

Richard Henry Lee (1732-1794) là một lãnh tụ của cuộc Cách mạng Mỹ. Chính ông là người khởi xướng nền độc lập cho các thuộc địa với lời tuyên bố bất hủ năm 1776: "...rằng những thuộc địa thống nhất này là và phải có quyền là các quốc gia tự do và độc lập". Chính tuyên bố này của ông làm tiền đề cho Thomas Jefferson viết bản Tuyên ngôn Độc lập. Nhưng cũng giống như G. Mason, Henry Lee là người mạnh mẽ bảo vệ quyền tự do của con người. Vì thế, ông kịch liệt phản đối bản Hiến pháp.

Trong bức thư sau gửi Edmund Randolph, ông trình bày những điều phản đối của mình, như việc thiếu vắng Tuyên ngôn Nhân quyền và không có qui định về việc xét xử bởi một ban bồi thẩm, hy vọng nhận được sự ủng hộ của Randolph, người ông biết là cũng không ký vào văn kiện này. Với những nỗ lực không mệt mỏi đó, Henry Lee đã có những đóng góp to lớn cho việc xây dựng Tuyên ngôn Nhân quyền sau này, thứ công cụ hiệu quả nhất bảo vệ tự do và nhân quyền của con người.

[Trích dẫn]

New York, ngày 16 tháng Mười năm 1787.

Cho đến nay, một nguyên tắc rất cơ bản trong mọi chính quyền được cân

bằng và đối trọng hoàn hảo là những Viện lập pháp khác nhau không được dính líu đến nhau, còn các quyền hành pháp và lập pháp cũng phải được tách biệt. Trong bản Hiến pháp mới, cả Tổng thống và Thượng viện đều có quyền hành pháp, và cũng chỉ cần hai phần ba Quốc hội cũng có quyền này. Trong một số trường hợp quan trọng, (như việc phê chuẩn các hiệp ước sẽ trở thành các bộ luật trên mảnh đất này), họ có cả quyền lập pháp và hành pháp. Họ kết hợp với nhau bổ nhiệm tất cả các viên chức chính quyền, cả dân sự và quân sự. Rồi Thượng viện lại tiến hành mọi vụ luận tội chính bản thân họ và những viên chức do họ bổ nhiệm.

Liệu đó có phải là sự kết hợp ghê gớm nhất những quyền lực như vậy chỉ trong một vài người không? Và ai có đủ khả năng để tìm ra người chịu trách nhiệm trong sự kết hợp quá mức này? Hay liệu ai có thể nói thứ quyền lực ghê gớm mà không hề phải chịu trách nhiệm đó được trao cho những người cai trị có an toàn cho sự tự do của họ không? Hiển nhiên, nguy cơ luận tội chẳng là gì đối với họ cả mà cũng chẳng là gì với bất kỳ ai trong số họ vì tôi cho là có rất ít sự kiểm soát đối với cơ quan này. Tổng thống có nhiệm kỳ bốn năm và Virginia có một phiếu trong số 13 phiếu chọn ông ta, nhưng phiếu thứ 13 này lại không thuộc dân chúng mà thuộc về các đại cử tri, hai người được bầu chọn từ dân chúng. Thượng viện có nhiệm kỳ 6 năm, và trong việc chọn Tổng thống, tiểu bang lớn nhất này cũng chỉ có một phiếu bầu, nhưng lá phiếu này cũng không phải thuộc dân chúng mà là của hai đại cử tri tại Thượng viện. Điều này thể hiện trách nhiệm quá ít ỏi đối với người dân đã ủy nhiệm cho họ, dù cho có điều khoản qui định về sự luận tội. Do vậy, thưa Ngài, tôi có thể hoàn toàn nói rằng hoặc là một nền quân chủ hay sự cai trị của tầng lớp quý tộc sẽ hình thành, và đó là thứ chính quyền tồi tệ nhất.

Một sự thật không thể chối cãi là bản Hiến pháp mới này, ngay trong các nguyên tắc cơ bản đầu tiên, đã là hệ thống chính trị vô cùng nguy hiểm của bè lũ đầu sỏ. Hiển nhiên thứ chính quyền mà chỉ của một số ít người là thứ

chính quyền tồi tệ nhất trong số tất cả các chính quyền.

Trong văn bản này, sự kiểm soát duy nhất tuân theo các nguyên tắc dân chủ là Hạ viện. Nhưng tôi tin rằng cơ quan này có lẽ chỉ đáng được gọi là cái giẻ rách của quyền đại diện, vì chỉ cần nhìn qua cũng thấy viện này với quá ít quyền lực sẽ có quá ít ảnh hưởng để thúc đẩy một chính quyền tốt và kiềm chế một chính quyền xấu. Nhưng Viện được tổ chức kém cỏi đó được trao những quyền lực nào? Đó là quyền xét xử cái gọi là sự thịnh vượng chung của đất nước; và những phán xét như vậy, nếu trở thành những đạo luật của Quốc hội, sẽ là những điều luật tối thượng trên mảnh đất này. Nhưng đối với những quyền tất yếu phải có đối với mọi hệ thống pháp luật của con người thì lại không hề được đảm bảo, như dưới hình thức Tuyên ngôn nhân quyền, như Ngài Blackstone đòi hỏi, để đảm bảo những quyền còn lại của con người sẽ không bị trao nộp nốt cho chính quyền. Thực vậy, những quyền đó chẳng cần phải trao cho chính quyền vì bất kỳ mục đích nào. Những quyền tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, và quyền được xét xử bởi một bồi thẩm đoàn, đều bị phó mặc. Bản Hiến pháp này tuyên bố rằng những vụ trọng tội sẽ được xét xử bởi một đoàn bồi thẩm. Nhưng bồi thẩm nào? Bản Hiến pháp qui định là những bồi thẩm tại tiểu bang đó. Nhưng ai sẽ trở thành bồi thẩm trong một tiểu bang rộng lớn tới 50 đến 700 dặm như vậy? Tòa án này, dù là đối với những vụ trọng tội, đều không đủ năng lực và trong những vụ án dân sự cũng đầy sai sót hay chệnh mảng.

Ngài Thẩm phán Blackstone, trong những bài luận xuất sắc về việc xét xử với bồi thẩm đoàn, đã viết rằng "Đặc ân vô cùng lớn lao mà bất cứ vụ xét xử nào cũng đòi hỏi và mong ước, rằng tài sản, sự tự do và chính bản thân anh ta không thể bị phán xét, nếu không có sự chấp thuận của 12 đồng loại". Đó là một thể chế mà tôi có thể dám quả quyết rằng dưới ý nguyện của Chúa, sẽ mãi mãi đảm bảo sự tự do và công bằng trên quốc gia này. Sự phán xét đảm bảo công bằng cho con người và tài sản là mục tiêu lớn lao nhất của xã hội loài người. Nhưng nếu sự phán xử đó lại giao phó toàn bộ cho tòa án, một

nhóm người chọn lọc, do một ông vua lựa chọn vào những chức vụ cao nhất đó của đất nước, thì những lời phán quyết, bất chấp bản chất liêm trực của họ, dù không chủ tâm, đều thường thiên vị những người có cùng địa vị và tầng lớp với họ. Ngài thẩm phán xuất sắc này nói: “Không thể trông đợi từ bản chất của loài người rằng thiếu số luôn luôn lo lắng và chăm sóc điều tốt lành cho đa số. Nên mọi tòa án được lựa chọn để phán quyết sự thật đều là tiền đề cho việc hình thành một chính quyền của tầng lớp quý tộc, loại chính quyền hà khắc nhất trong mọi loại chính quyền”.

Người ta trả lời rằng Quốc hội mới của Liên bang sẽ tìm giải pháp cho những vấn đề này! Nhưng họ có thể tìm được mà cũng có thể không tìm được; và dù cho họ có thể tìm được giải pháp, thì một nghị viện tiếp theo lại có thể thay đổi nó. Tội ác được tìm thấy ngay trong bản chất của bản Hiến pháp, vì giải pháp đó dựa trên một nền tảng lập pháp không chắc chắn và có thể bị hủy bỏ tại bất kỳ cuộc họp nào của Quốc hội. Thật bất hạnh khi sự đảm bảo quan trọng rằng con người có quyền được xét xử bởi bồi thẩm đoàn sẽ bị hệ thống này phá hỏng, khi quyền lực được trao một cách không cần thiết như khoản 2 trong điều 3 [điều khoản qui định về hệ thống tư pháp-ND], bắt buộc dân chúng trong mọi vụ tranh cãi về tài sản giữa công dân của các tiểu bang khác nhau, sẽ bị một tòa án biệt lập, do Quốc hội chỉ định, xét xử. Mặc dù các tòa án cấp thấp hơn có thể được thiết lập tại các tiểu bang, nhưng chỉ khi được Quốc hội chấp thuận. Nếu họ không chấp nhận, hay nếu họ không qui định quyền kháng án hợp lý, dân chúng sẽ mãi mãi phải chịu cảnh áp bức. Và để bào chữa trong nhiều vụ kiện, thì việc bồi thường những đòi hỏi phi lý còn rẻ hơn việc theo đuổi vụ kiện với một chi phí rất lớn, tại một tòa án ở quá xa xôi, phán xét mà không có bồi thẩm đoàn.

Trong bộ máy lập pháp, chỉ cần một đa số phiếu thường là có thể thông qua các dự luật thương mại. Như vậy, bằng qui định này, 7 bang miền Bắc luôn luôn chiếm đa số sẽ ban hành những bộ luật độc quyền khắc nghiệt nhất đối với 5 tiểu bang miền Nam, nơi có những điều kiện địa lý và hàng hóa sản

xuất hoàn toàn khác, mặc dù không có bất kỳ một đại biểu nào bỏ phiếu chấp thuận là người đại diện hay chịu trách nhiệm đối với dân chúng các bang miền Nam. Liệu một cơ quan chẳng có ý nghĩa gì như vậy lại là đại diện cho dân chúng, những người phải gánh chịu những bộ luật do họ xây dựng chẳng? Dù có những điều khoản được đề nghị để ngăn chặn sự lạm dụng này của các tiểu bang miền Bắc, nhưng thưa Ngài, các điều khoản đó quá yếu ớt khi có các lợi ích trái ngược giữa những nhà buôn! Vậy điều gì sẽ kiểm soát những nguy cơ phát sinh từ điều khoản này? Vì sự lạm dụng này, chúng ta có thể bị bắt buộc phải trở thành những hãng đóng tàu! Nhưng liệu bao nhiêu lâu nữa, những nông dân của chúng ta mới đóng được những chiếc tàu đủ để xuất khẩu các sản phẩm của chúng ta? Và dù có những chiếc tàu đó thì chúng ta lấy đâu ra những thủy thủ? 4.000 thủy thủ, đó là con số ít nhất mà Virginia cần. Đối với những vấn đề dễ bị lạm dụng này, tại sao không đòi phải có sự chấp nhận của 2/3 thành viên của cơ quan lập pháp?

Bản Hiến pháp được xây dựng bởi Hội nghị Lập hiến với sự có mặt của rất nhiều đại biểu Quốc hội Lục địa, họ là những người ủng hộ cuồng tín nhất cho hệ thống do họ xây dựng, nhưng trong đó, 3 tiểu bang phản đối, hai tiểu bang chia rẽ và nhiều tiểu bang khác cũng không hoàn toàn nhất trí, thì dễ dàng thấy rằng Quốc hội có quá ít người đồng ý về mô hình này .

Một số người bác bỏ quyền sửa đổi Hiến pháp của chúng ta. Trong khi những người khác ôn hòa hơn, đồng ý với quyền này, nhưng phủ nhận lợi ích của việc sửa đổi, còn đa số sẵn sàng tán thành bản Hiến pháp. Lương tâm và sự phán xét của tôi không chấp nhận điều đó, nên tôi có vinh dự gửi Ngài kèm theo đây những điều sửa đổi và yêu cầu dù Ngài ủng hộ hay từ chối, những điều khoản sửa đổi đó phải được đệ trình lên Quốc hội Tiểu bang.

...Thưa Ngài, về tổng thể, tôi cho là bản Hiến pháp này có nhiều điều khoản cần thiết và hữu ích, nhưng đồng thời tôi cũng phản đối mạnh mẽ nhiều điểm cơ bản. Kế hoạch chúng ta theo đuổi là đề xuất những sửa đổi cần thiết.

Chúng ta sẵn lòng chấp nhận bản Hiến pháp với những sửa đổi, và kiến nghị triệu tập một Hội nghị mới nhằm xem xét các sửa đổi bổ sung này. Tôi nghĩ những ý định đó sẽ không bị ai chống đối mà nó sẽ mang lại sự an toàn và nhiều điều tốt lành khác. Tôi hoàn toàn hài lòng nếu Ngài sử dụng bức thư này để mang lại điều tốt lành cho công chúng. Bây giờ, sau khi xin Ngài tha thứ cho việc đã làm phiền Ngài nhiều như vậy, tôi xin gửi những lời chào trân trọng nhất đến vợ Ngài.

Người đầy tớ trung thành của Ngài,

RICHARD H. LEE.

Thư của Gouverneur Morris gửi Washington

Cũng giống như Hamilton, Morris rất tán thành một chính quyền quốc gia mạnh. Là một chính trị gia xuất sắc, Morris tham gia chính quyền Hợp bang từ rất sớm và luôn là một trong những đại biểu xuất sắc nhất. Gouverneur Morris là một đại biểu phát biểu nhiều nhất tại Hội nghị Lập hiến. Ông nổi tiếng với tài hùng biện và văn phong sáng sủa, nên được giao nhiệm vụ chấp bút viết bản Hiến pháp Liên bang.

Sau khi Hội nghị Lập hiến kết thúc, Morris tích cực tham gia quá trình vận động cho việc phê chuẩn Hiến pháp và thường trao đổi với những chính trị gia khác về quan điểm của mình. Dưới đây là bức thư của ông gửi Washington thể hiện niềm tin của ông vào sự tốt đẹp của một chính quyền mới và trình bày những đánh giá chung của ông về bối cảnh chính trị đương thời.

Philadelphia, ngày 30 tháng Mười năm 1787.

Thưa Ngài,

Các tiểu bang phía đông New York cho thấy là họ hoàn toàn tán thành bản

Hiến pháp mới (tôi không tính đến sự bất đồng của tiểu bang Rhode Island). Những người thuyết giáo đều cầu nguyện cho bản Hiến pháp được thông qua. Sự ủng hộ vững chắc của những người giàu và những cá nhân xuất chúng cũng góp phần làm cho quan điểm này trở nên mạnh mẽ, nên tôi tin sự phê chuẩn Hiến pháp là điều tất yếu.

Tiểu bang New Jersey cũng gần như nhất trí đến mức chúng ta có thể coi như đã có chiến thắng trong tay, bất chấp sẽ có những tranh cãi gay gắt. Tuy nhiên, tiểu bang New York, nơi chúng ta có những người bạn nhiệt tình ủng hộ bản Hiến pháp, lại chẳng dễ dàng chút nào trừ khi được các bang lớn khác ủng hộ. Đó thật sự là một cuộc đấu tranh rất gian truân và dù dân chúng tiểu bang này ủng hộ thì cũng không có ý nghĩa gì nhiều vì các phe phái ở đây hầu như cân bằng. Dù chống đối hay chấp thuận, cơ quan lập pháp New York cũng sẽ quyết định số phận của cả nước Mỹ. Chúng ta vẫn còn có cơ hội, dù tôi tin phe chính quyền tiểu bang vẫn chiếm ưu thế nhờ sức mạnh và ảnh hưởng của họ và vẫn quyết định bác bỏ Hiến pháp. Nhưng cơ quan lập pháp ở đây không thể giải thích cho dân chúng bất kỳ lý do đúng đắn nào để từ chối cho dân chúng quyền quyết định một vấn đề vô cùng quan trọng liên quan đến số phận của họ, do vậy sẽ phải đồng ý triệu tập một Hội nghị phê chuẩn. Nếu Hội nghị này được tổ chức, có lẽ phe Liên bang sẽ là phe mạnh nhất vì có những cá nhân xuất sắc và những nhóm người có lợi ích khác nhau cũng sẽ đoàn kết lại vì mục đích chung này.

Tôi vẫn chưa khẳng định được liệu tiểu bang New York có chấp thuận hay không. Sự thực là thành phố và các vùng lân cận rất nhiệt tình. Nhưng tôi lo sợ không khí thờ ơ và lạnh nhạt ở các quận nông thôn, nơi đầy những kẻ xấu xa, quen với cuộc sống hưởng thụ, sẽ không thể chịu được suy nghĩ sẽ bị mất quyền lực và lợi lộc từ chính quyền tiểu bang, chỗ dựa nuôi sống họ, gia đình họ, và những người hầu của họ. Nhưng tôi không thể dự đoán được quan điểm nào đang chiếm ưu thế ở các vùng xa hơn về phía Nam. Ngài có điều kiện tốt hơn bất kỳ người nào khác để đánh giá vùng đất quan trọng và

rất lớn lao đó của đất nước.

Tôi thấy rằng tên của Ngài gắn với bản Hiến pháp mới có một ý nghĩa vô bờ bến. Thật vậy, tôi tin tưởng chắc chắn là nếu Ngài không tham dự Hội nghị đó, và cùng văn bản đầy được gửi cho toàn thể dân chúng Mỹ, thì chắc hẳn là nó sẽ được đón nhận với một thái độ lạnh nhạt hơn, với sự ủng hộ ít hơn và yếu hơn. Thêm nữa, sẽ có nhiều kẻ chống đối hơn, và chống quyết liệt hơn. Cũng như vậy, cái ý tưởng rằng Ngài sẽ không chấp nhận chiếc ghế Tổng thống cũng dẫn đến sự thất bại [của bản Hiến pháp] ở nhiều vùng trong cả nước. Sự thật là địa vị cao quý và vĩ đại của Ngài làm cho mọi người sẵn lòng đưa Ngài vào chức vụ đó, một chức vụ chẳng làm tăng thêm sự vinh dự và cao quý cho Ngài mà cũng chẳng nâng Ngài lên một địa vị vinh quang hơn vị trí Ngài đang đứng hiện nay. Nhưng chính họ lại không sẵn lòng đưa bất kỳ một người nào khác vào địa vị ấy vì họ cảm thấy sự thăng tiến của những người khác cũng chính là sự thụt lùi của chính họ.

Nhưng dù đó thật là một ý tưởng ngu ngốc, thì Ngài cũng sẽ đồng ý với tôi rằng con người cần phải được đối xử vì họ là con người, chứ không phải là cái máy, không phải là những triết gia. Thực vậy, họ không phán xét chính sự kiện mà họ phán xét tư cách đạo đức. Quan điểm của dân chúng về những điều này đều như vậy. Đó là điều không thể coi thường trong một đất nước, nơi mà ý kiến công chúng là tất cả.

Vinh hạnh được gửi tới Ngài,

GOUVERNEUR MORRIS

Phát biểu của James Wilson tại Hội nghị phê chuẩn của Pennsylvania

James Wilson là một trong những nhà lãnh đạo hàng đầu tại Hội nghị Lập hiến. Với kiến thức luật pháp uyên thâm và khả năng tranh luận xuất sắc, Wilson đã có đóng góp rất lớn vào sự hình thành văn bản này. Sau khi trở về

tiểu bang quê nhà, được tham dự Hội nghị phê chuẩn của Tiểu bang Pennsylvania, Wilson đã có hàng loạt bài phát biểu mạnh mẽ bênh vực bản Hiến pháp này và có công rất lớn trong việc Hiến pháp được phê chuẩn. Đây là bài phát biểu rất sâu sắc và hấp dẫn, trình bày những khó khăn của Hội nghị Lập hiến và những lý lẽ cơ bản biện hộ cho mô hình chính quyền mới.

Ngày 24 tháng Mười một năm 1787.

Để hình thành chính quyền cho một thành phố, hay một tiểu bang riêng rẽ, đã là một công trình lớn lao, cả về tầm quan trọng và phạm vi của nó. Nhưng nhiệm vụ trao cho Hội nghị Liên bang còn lớn lao và vĩ đại hơn nhiều, khi phải xây dựng một chính quyền không chỉ có 13 tiểu bang chủ quyền và độc lập, (mà một số tiểu bang này, nếu xét về lãnh thổ, dân số và tài nguyên hoàn toàn tương xứng với các quốc gia đáng kính trọng nhất ở châu Âu) mà sẽ còn bao gồm cả những tiểu bang chưa được thành lập và cho hàng triệu công dân ở các thế hệ mai sau, sinh sống trên vùng đất vô cùng rộng lớn của lục địa vẫn chưa được khai phá hết này. Do đó, trách nhiệm của Hội nghị này không chỉ nhằm đáp ứng những lợi ích địa phương, hay những toan tính riêng lẻ nào mà phải là hình thành một mô hình chính quyền tương xứng với một vùng đất lớn lao và giàu có trên trái đất này.

Thưa các Ngài, tôi thừa nhận rằng tầm quan trọng của công việc này đã làm chúng tôi rất lo âu... Công việc này có tầm vóc lớn lao bao nhiêu, thì những khó khăn để thực hiện nó cũng lớn lao bấy nhiêu. Đặc biệt là những vấn đề tinh tế và phải hòa giải những lợi ích xung đột xuất hiện tự nhiên trong một quốc gia có bờ biển Đại Tây Dương dài tới 1.500 dặm, bao gồm 13 tiểu bang độc lập và riêng biệt, rất khác nhau về bản chất, về vị trí địa lý, về qui mô diện tích, về dân số cũng như phong tục, tập quán và cả những lợi ích địa phương. Về nhiều khía cạnh, những khác biệt này là rất lớn. Nhưng dù những khác biệt đó là rất rõ ràng, thì ở trong tâm tư của hết thảy mọi người, bản Hiến pháp đó là niềm khao khát, được tất cả dân chúng mơ ước tìm tòi

và thiết lập. Chúng tôi nhận thấy đó là một công việc vô cùng khó khăn và gian khổ, thậm chí có khoảnh khắc tưởng chừng phải đầu hàng bởi sự nản lòng. Nhưng cuối cùng, nhờ tư tưởng thỏa hiệp, chúng tôi đã cùng nhau nhượng bộ để các bên đều có lợi vì đó là biện pháp duy nhất để đạt được mục tiêu vĩ đại mà vì nó, chúng tôi được nhóm họp. Hoàn toàn không ngạc nhiên khi những bất đồng quá nhiều và quá sâu sắc nên cần phải có sức mạnh nào đó để buộc những người tham dự cuộc họp phải chấp nhận một con đường khác với dự định ban đầu.

Cũng còn một lý do khác làm tăng khó khăn của Hội nghị Lập hiến. Đó là sự khác biệt về tính cách và xu hướng của dân chúng được những đại biểu thể hiện. Nhưng dù có khác biệt về những vấn đề nào đó, thì họ cũng chân thành đồng ý và thiết tha theo đuổi sự tự do và độc lập, những mục tiêu cao cả, từng làm họ thống nhất và thành công trong việc chống lại một vương quốc mạnh nhất trên thế giới. Nhưng các Ngài cũng hiểu rằng dân chúng căm ghét sự ép buộc. Đó là nguyên nhân của những chống đối, nhưng theo ý kiến của tôi, sự phản đối của họ cũng hình thành trên niềm mong muốn điều tốt đẹp. Họ cho là muốn có được chính quyền tốt nhất, cần phải nghiên cứu và suy tính kỹ càng nhất, để cuối cùng, thiết lập được một chính quyền đảm bảo tốt nhất những điều hạnh phúc và thịnh vượng trên đất nước của họ...

Phạm vi rộng lớn của một quốc gia cũng gây ra một khó khăn khác cho Hội nghị Liên bang. Một số học giả nổi tiếng cho rằng đối với một vùng đất nhỏ, nền dân chủ là thích hợp, đối với một lãnh thổ trung bình (như Montesquieu đã xác định) là nền Cộng hòa, và đối với một vùng đất rộng lớn là chính quyền quân chủ. Vì thế, đối với phạm vi lãnh thổ vô cùng rộng lớn, hầu như không bị hạn chế của Hợp chúng quốc, thoát tiên một chế độ chuyên quyền là cần phải thiết lập và chính vì lý do đó làm phát sinh những bất đồng. Tất cả chúng ta đều biết rằng mặc dù mọi cử tri đều cần một cơ quan lập pháp để kiểm chế một chính quyền tự do, nhưng họ cũng sẽ bác bỏ mọi nỗ lực muốn thiết lập một chính quyền chuyên chế.

Trong tình thế khó xử này, tất yếu, một thể chế Cộng hòa Liên bang xuất hiện. Đối với chúng tôi là một mô hình chính quyền đảm bảo mọi ưu thế nội tại của nhà nước cộng hòa, đồng thời duy trì được sức mạnh và quyền lực của một thể chế quân chủ, và được nước ngoài kính trọng...

Nhưng trong khi thể chế Cộng hòa Liên bang khắc phục những khó khăn đó, thì nó lại vấp phải một khó khăn khác. Chưa bao giờ trong lịch sử loài người lại tồn tại một nhà nước Liên bang như vậy, để giúp chúng ta có được những cuộc khảo sát kỹ càng. Dù từng tồn tại nhiều chính quyền hợp bang riêng lẻ, cả cổ xưa và hiện đại, dù lịch sử và nguyên tắc của những nhà nước này đều được hiểu biết cặn kẽ thì một thể chế Liên bang hoàn hảo của các nhà nước độc lập là một hệ thống chưa hề được biết đến...

Một điều khác, có thể là trở ngại lớn nhất đối với tiến trình của Hội nghị Liên bang, nảy sinh trong việc xác định ranh giới giữa chủ quyền quốc gia và chủ quyền của các tiểu bang độc lập. Về điểm này, một nguyên tắc chung đã được xác lập. Bất cứ điều gì thuộc về bản chất và sự vận hành đối với một tiểu bang, nhất định đều phải thuộc về chính quyền tiểu bang này điều hành. Nhưng bất cứ điều gì vượt quá bản chất và sự vận hành tự nhiên của một tiểu bang riêng biệt thì phải thuộc quyền phán xét của nhà nước Liên bang. Do vậy, khó khăn lớn nhất là việc áp dụng những nguyên tắc này là khó có thể liệt kê và phân biệt từng chính quyền sẽ kiểm soát những lĩnh vực nào, bởi toán học thuần túy không thể giải quyết được vấn đề này. Nên không thể ngạc nhiên khi thấy Hội nghị này không thể giải quyết triệt để một vấn đề quá phức tạp như vậy...

Thưa Ngài Chủ tịch, những khó khăn này làm cho Hội nghị Liên bang rất bối rối. Điều này cũng chứng tỏ rằng không thể trông đợi thiết lập được một mô hình chính quyền đáp ứng mọi mong ước của tất cả các tiểu bang, của mọi công dân của bất kỳ một tiểu bang nào hay của tất cả các công dân trên lục địa này. Thưa các Ngài, tôi nhớ lại những khó khăn phát sinh tại Hội

ngị Lập hiến. Đã có lúc, công trình vĩ đại và hấp dẫn này dường như đi vào thế bế tắc, nhưng có lúc Hội nghị lại diễn ra rất sôi nổi và thuận lợi. Cuối cùng nó đã được hoàn thành và nhiều đại biểu đáng kính đã nhìn nhận bản Hiến pháp này với lòng khâm phục và kinh ngạc. Nhưng sau khi đã chỉ ra những khó khăn mà Hội nghị đã vượt qua, bây giờ, tôi muốn các Ngài chú ý đánh giá những điểm mà Hội nghị Lập hiến đề xuất...

Tại thời điểm này, nước Mỹ có quyền chấp thuận một trong những mô hình chính quyền sau: (1) Giải tán các tiểu bang có chủ quyền riêng rẽ và độc lập để hợp nhất thành một đế chế hùng mạnh; (2) Phân chia thành 13 tiểu bang riêng rẽ, độc lập và không ràng buộc với nhau; (3) Thiết lập hai hay ba Hợp bang nhỏ nào đó và cuối cùng (4) Có thể thành lập một nhà nước Cộng hòa Liên bang rộng lớn. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng ba mô hình đầu tiên không nhận được bất kỳ sự ủng hộ nào tại Hội nghị Lập hiến. Tôi cũng không thấy chúng được tiểu bang chúng ta hay bất kỳ ở tiểu bang anh em nào chấp thuận. Tâm trạng chung tại Hội nghị Lập hiến và tôi cũng tin đó là tâm trạng chung của dân chúng khắp nước Mỹ, được thể hiện trong câu khẩu hiệu mà họ đã chọn: THỐNG NHẤT HAY LÀ CHẾT. Và trong khi chúng ta xem xét qui mô rộng lớn của đất nước, bị chia cắt và vây bọc bởi những con sông chưa từng được thám hiểm, hoàn toàn tách biệt với phần còn lại của thế giới, thì chúng tôi thấy tất yếu, các vùng đất này được lập ra để chúng ta trở thành những người dân thống nhất, dưới một khế ước chính trị duy nhất. Nếu đó là một kết luận công bằng và hợp lý, được những người dân khôn ngoan ủng hộ thì Hội nghị Lập hiến đã đúng khi đề xuất một mô hình nhà nước Cộng hòa Liên bang duy nhất. Họ thấy không chỉ cần thiết xem xét vị trí địa lý, hoàn cảnh và lợi ích của một, hai hay ba tiểu bang riêng lẻ nào mà phải cân nhắc đến lợi ích chung, vì lợi ích của toàn thể dân chúng cần được ưu tiên hơn những lợi ích địa phương cục bộ. Các đại biểu tại Hội nghị đã tuân thủ đúng những nguyên tắc này để thúc đẩy những lợi thế chung của Liên minh, chứ không vì bất cứ lợi thế riêng biệt của tiểu bang nào. Nguyên tắc cũng như bản phận bình đẳng đã dẫn tới việc hình thành

bản Hiến pháp này.

Như trước đây tôi đã nói đến, không một chính quyền hay hợp bang riêng rẽ nào có thể tồn tại nếu những lợi ích và quyền của các cá nhân không đặt dưới hạnh phúc và thịnh vượng chung của cả cộng đồng. Tiểu bang Pennsylvania, dù là một bang quan trọng, nhưng cũng như các tiểu bang khác, không thể tác động đến quá trình thảo luận kỹ càng của Hội nghị, nơi có mặt các đại biểu từ tất cả các tiểu bang khác, để tìm ra một mô hình chính quyền phù hợp với tình trạng khẩn cấp chung và đảm bảo sự công bằng. Với tư tưởng về một liên minh là điều mà các đại biểu khắc sâu trong quá trình thảo luận, họ đã hình thành bản Hiến pháp như hiện nay. Và với cùng quan điểm đó, họ thẳng thắn đệ trình bản Hiến pháp cho tất cả mọi người xem xét...

Thưa Ngài Chủ tịch, những nhận xét vừa rồi là sự thể hiện tình trạng của liên minh đã được Hội nghị Lập hiến xem xét. Tất cả chúng ta đều biết và đều hiểu rằng thể chế hiện nay của Hợp bang là không đáp ứng được việc điều hành và nhu cầu cấp thiết của Hợp chúng quốc.

Liệu nước Mỹ có thể đánh mất sự cao thượng và lòng bền gan của mình không? Không! Liệu nước Mỹ có bị đè bẹp và cướp mất tự do bởi cuộc xâm lược bạo tàn không? Tôi vẫn trả lời là không! Vì những nguy cơ này ngay lập tức sẽ bị đánh tan trước khi trở thành mối nguy hiểm thật sự. Nhưng tội lỗi và những điều xấu xa lại xuất hiện tại những nơi ít nghi ngờ nhất. Niềm khao khát tự do, động lực vững chắc để chống lại kẻ thù, lại bị xói mòn và làm hoen ố bởi sự bừa bãi, vô tổ chức của các công dân chúng ta. Những tai họa cá nhân và sự hỗn loạn vô chính phủ của cả cộng đồng sẽ lan tràn khắp nơi. Thậm chí, dân chúng cũng khó có thể hưởng thụ và cảm nhận được niềm hạnh phúc độc lập mà họ khao khát đạt đến.

Thời điểm bắt đầu nền hòa bình cũng là thời điểm bắt đầu những nỗi buồn phiền và sự nhục nhã của chúng ta. Thiếu quyền lực, chúng ta không thể ngăn chặn được sự nhập khẩu quá mức, tràn ngập khắp đất nước mà cũng

chẳng thể thu thuế để mang lại ngân sách cho xã hội. Thiếu sức mạnh, chúng ta cũng không thể bán hàng tại các thị trường nước ngoài. Thiếu niềm tin, mọi cỗ phiếu của xã hội đang tan chảy trong tay của những ông chủ dối trá, như thể tuyết tan ra dưới ánh nắng mặt trời. Thiếu lòng tự trọng, chúng ta không thực hiện bổn phận của mình trong những hiệp ước và cũng chẳng bắt được các nước khác phải thực thi bổn phận của họ.

Thưa Ngài, tóm lại, câu chuyện dài dòng và buồn tẻ này làm tôi căm ghét và tôi hy vọng không cần phải tiếp tục nói thêm. Trong những năm yếu kém, bạc nhược vừa qua, chúng ta đã chứng kiến sự ô danh và tình trạng bị tàn phá. Nhưng cuối cùng, chúng ta đã tìm được nguyên nhân và giờ đây, ước ao tìm được cách chữa trị. Tôi không cần trình bày thực trạng xấu xa bằng việc liệt kê chi tiết các sự kiện, vì mọi đạo luật của Quốc hội và thực trạng của tất cả các tiểu bang có đầy bằng chứng về điều này và về những yếu kém và sự ngu dốt của thể chế Hợp bang hiện nay.

Những tiếng nói mạnh mẽ và đồng lòng của dân chúng tuyên bố rằng một chính quyền quốc gia có hiệu quả là cách chữa trị duy nhất. Vì thế, Hội nghị Lập hiến được triệu tập, đã nhóm họp, và cuối cùng, đã hoàn thành công việc bằng cách đề xuất mô hình chính quyền quốc gia hiệu quả, mang đến những điều tốt lành, điều chỉnh những lợi ích xung đột của mọi vùng đất, để sự thịnh vượng sẽ lan tỏa khắp đất nước. Nhờ đó, hòa bình, tự do và hạnh phúc của nước Mỹ sẽ mãi mãi được bảo đảm. Những nguyên tắc và biện pháp được Hội nghị Liên bang chấp thuận đó, bây giờ, đang ở ngay trước mặt chúng ta và sẽ là chủ đề lớn để chúng ta thảo luận.

... Theo phán xét của tôi, quyền lực tối cao thuộc về dân chúng sẽ là giải pháp chữa trị mọi trục trặc trong nền chính trị của loài người. Đó là quyền tối thượng của mọi thể chế, không thể sang nhượng, bởi bản chất tự nhiên và ý nghĩa lớn lao. Tôi muốn nhấn mạnh rằng nếu như có bất kỳ sai sót nào trong chính quyền, thì dân chúng không chỉ có quyền sửa đổi mà còn có

quyền thay đổi hoàn toàn và xóa bỏ nó. Với việc thực thi quyền này, các công dân Hợp chúng quốc sẽ không bao giờ phải chịu bất hạnh quá mức, trừ khi chính họ muốn thế.

... Giành được mọi lợi thế và loại bỏ mọi bất lợi của những hình thức chính quyền mà tôi đã đề cập trước đây là mục tiêu chủ yếu nhất của Hội nghị Lập hiến. Sau khi xem xét quá trình hình thành và nguyên tắc hoạt động của các hệ thống chính quyền khác, bản Hiến pháp mà chúng ta đòi hỏi đáp ứng nhu cầu đất nước, phải như thế nào? Thưa Ngài, nguyên tắc chủ yếu nhất là nền dân chủ thuần khiết, nhưng có điều chỉnh, để mang lại mọi ưu điểm và xóa bỏ mọi nhược điểm thường xảy ra trong các mô hình khác. Nhưng khi nghiên cứu kỹ lưỡng và chi tiết các quyền lực của hệ thống lớn lao và rộng khắp này, khi suy tính những điều có thể xảy ra, khi thấy chúng kết hợp với nhau, ràng buộc lẫn nhau, bao trùm mọi lợi ích và tài sản trên lục địa này, chúng ta sẽ có thể lần ra một nguồn gốc cao quý duy nhất của mọi hạnh phúc và thịnh vượng trên mảnh đất này và nguồn gốc đó chính là DÂN CHÚNG.

JAMES WILSON

Bài phát biểu của Oliver Ellsworth tại Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang Connecticut

Ngày 7 tháng Giêng năm 1788.

Thưa Ngài Chủ tịch,

Đây là một điều khoản quan trọng nhất trong bản Hiến pháp. Các đại biểu tham dự Hội nghị phê chuẩn này đã trình bày rất rõ ràng những lý do chống đối bản Hiến pháp. Thông qua toàn bộ cuộc tranh luận này, tôi đã hiểu được lý lẽ phản đối điều khoản này và nghĩ rằng tất cả những lập luận đó đều là vô căn cứ. Đây là điều khoản chung trao cho cơ quan lập pháp Liên bang "quyền lập và thu thuế để thanh toán các khoản nợ và để đảm bảo sự phòng thủ chung và sự thịnh vượng toàn diện của Hợp chúng quốc". Có ba lý do

phản đối điều khoản này. Thứ nhất, điều khoản này quá bao quát vì nó bao hàm mọi đối tượng đều có thể bị đánh thuế. Thứ hai, điều này không công bằng; và thứ ba, Quốc hội không thể có quyền thu thuế.

...

Điều phản đối thứ hai, việc đánh thuế hàng nhập khẩu là không công bằng và điều này sẽ thiên vị các bang miền Nam. Tôi xin thừa nhận rằng tôi cảm thấy xấu hổ khi thấy các quý ngài ở đây đã cho rằng các đại biểu của Connecticut tại Hội nghị Lập hiến đã sao nhãng bổn phận đối với tiểu bang mình và hy sinh lợi ích của những người đã bầu chọn họ.

Bản Hiến pháp xác định phạm vi quyền lực của chính quyền liên bang. Nếu chính quyền liên bang vượt quá giới hạn của họ, nhánh tư pháp sẽ là nơi thích hợp để kiểm tra tính lập hiến. Nếu Hợp chúng quốc vượt quá quyền lực của họ, nếu họ làm ra các bộ luật mà Hiến pháp không cho phép thì bộ luật đó không có giá trị. Với quyền lực tư pháp, những thẩm phán là những người đảm bảo tính công bằng cho dân chúng, sẽ tuyên bố rằng những đạo luật này là vô nghĩa. Mặt khác, nếu các tiểu bang vượt quá quyền hạn của mình, ban hành những bộ luật chiếm đoạt quyền của liên bang thì những bộ luật này cũng không có giá trị và với tư cách chính trực, các thẩm phán độc lập sẽ tuyên bố điều đó. Tuy nhiên, nếu liên bang và các tiểu bang tranh cãi, bất đồng và nếu họ muốn gây chiến tranh thì họ có thể làm điều đó mà không gì ngăn cản được.

Bản Hiến pháp này cũng đảm bảo rằng những bất đồng có thể là cần thiết, song cũng tạo ra một biện pháp kiểm soát lại chính nó. Lúc này hay lúc khác, khi xuất hiện xung đột, các tiểu bang có thể nổi dậy chống lại liên bang. Nếu điều này xảy ra và nếu các tiểu bang kết hợp lại với nhau, nếu tất cả các tiểu bang đồng lòng, liên bang không thể đánh bại được các thành viên và các đạo luật đi ngược lại lợi ích của dân chúng sẽ bị bãi bỏ. Trong nhà nước cộng hòa, nguyên tắc cơ bản là đa số sẽ cầm quyền và thiểu số phải phục

tùng đa số. Tình trạng chúng ta hiện nay là đáng xấu hổ vì chúng ta đang đi ngược lại các nguyên tắc cộng hòa. Chỉ một tiểu bang cũng có quyền phủ quyết những vấn đề quan trọng nhất đối với công chúng. Chúng ta đã chứng kiến điều này xảy ra: chỉ một tiểu bang lại có thể kiểm soát tiếng nói chung của liên minh. Một thiểu số, thậm chí là một thiểu số rất bé, lại có quyền điều khiển và sai khiến chúng ta. Điều này bao giờ cũng đi ngược lại các nguyên tắc cộng hòa và nếu nó thật sự xảy ra thì đó là dạng tồi tệ nhất của những nền quân chủ.

Do vậy, chúng ta phải thấy nguyên tắc cưỡng ép là cần thiết đối với liên minh. Không ai có thể tảng lờ điều này, tất cả chúng ta đều thấy và nhận thức được sự cần thiết này. Chỉ có một câu hỏi duy nhất, đó là sự cưỡng ép này sẽ được tiến hành bằng luật pháp, hay bằng vũ khí. Chẳng có lựa chọn nào khác ở đây. Những người chống lại sự cưỡng ép bởi luật pháp sẽ làm gì đây? Họ sẽ đi về đâu? Hậu quả tất yếu nếu chống lại luật pháp là cuộc chiến tranh của tiểu bang này chống lại tiểu bang kia. Tôi ủng hộ sự cưỡng ép bởi luật pháp và sự cưỡng ép đó chỉ hoạt động đối với những cá nhân phạm tội. Bản Hiến pháp này không nhằm cưỡng ép các tiểu bang có chủ quyền về các năng lực chính trị của họ. Không sự cưỡng ép nào có thể thích hợp với các chính quyền đó, trừ sự cưỡng ép bằng vũ lực. Nếu chúng ta cố gắng thi hành pháp luật của liên minh bằng cách cử những đội quân đàn áp các bang phạm tội, thì dù đó là chính nghĩa hay phi nghĩa, dù có tội hay vô tội, thì đều là tai họa.

Nhưng sự cưỡng ép bằng luật pháp chọn ra những người có tội và trừng phạt anh ta vì vi phạm luật pháp của liên minh. Mọi người sẽ thấy tính hợp lý của điều này.

Họ sẽ tuân theo và nói rằng hãy để người có tội phải bị trừng phạt. Đạo đức của con người bị suy đồi vì sự thiếu vắng một chính quyền hiệu quả để thiết lập sự công bằng và sự chính trực. Chính vì sự thiếu vắng này, một dòng

thác lũ những sai trái và tội lỗi đã xảy ra với chúng ta. Nếu chúng ta mong ước ngăn chặn những tai họa kinh khủng này, nếu chúng ta muốn bảo vệ sự chính trực của những công dân tốt, chúng ta phải đảm bảo công bằng; phải thiết lập được một chính quyền quốc gia, được điều hành bởi những phán quyết công bằng và sự che chở hòa bình của người lãnh đạo.

OLIVER ELLSWORTH

Bài phát biểu của C. C. Pinckney tại Hạ viện Nam Caroline

Bài phát biểu của C. C. Pinckney tại Hạ viện tiểu bang Nam Caroline đã giải thích quan điểm của Hội nghị Lập hiến về việc không thể có một Tuyên ngôn nhân quyền và quyền tái cử của Tổng thống.

Thứ Sáu, ngày 18 tháng Giêng năm 1788,

Nhiệm kỳ Tổng thống giữ quyền và liệu ông ta có được tái cử hay không đã được thảo luận rất thấu đáo tại Hội nghị Lập hiến. Đa số các tiểu bang đã từng đồng ý rằng ông ta chỉ nên giữ một nhiệm kỳ bảy năm và không thể được bầu lại lần hai. Nhưng khi xem xét lại vấn đề đó, mọi người lại cho rằng qui định này sẽ cắt đứt mọi hy vọng được tiếp tục đảm nhiệm cương vị, có thể làm cho ông ta trở nên nguy hiểm, thậm chí đi ngược lại niềm tin, bổn phận đúng đắn của cương vị này. Nhiệm kỳ của ông ta có thể sẽ hết hạn tại thời điểm xảy ra một cuộc chiến tranh dữ dội, khi ông ta là người có tài năng nhất của Hợp chúng quốc để chỉ đạo cuộc chiến tranh này, việc tuyên bố rằng một người như vậy không thể chỉ đạo các hành động quân sự, dù sự thành công của chúng ta phụ thuộc vào năng lực của ông ta, liệu có khôn ngoan và thận trọng không? Sẽ không khôn ngoan nếu chúng ta loại bỏ khả năng tái cử của một người có tài năng, có khả năng lãnh đạo và có tư cách đạo đức lớn lao trên toàn quốc.

Việc tự do ngôn luận, tự do báo chí cũng không bị các đại biểu quên lãng.

Điều này đã được Hội nghị thảo luận thấu đáo. Chính phủ liên bang không có quyền nào khác ngoài những quyền đã được tuyên bố, do vậy sẽ không có quyền tước đoạt tự do báo chí...

Cũng vì lý do này, chúng ta không cần có Tuyên ngôn nhân quyền trong bản Hiến pháp. Vì nếu đưa vào thì chúng ta có thể sẽ bỏ sót một số quyền nào đó và vì vậy, sau này có thể có ai đó nói rằng chúng ta đã cho phép chính quyền liên bang lấy mất những quyền mà không được liệt kê đó. Một lý do khác cũng quan trọng chống lại việc đưa một Tuyên ngôn nhân quyền vào bản Hiến pháp vì những tuyên ngôn như vậy thường được bắt đầu với việc tuyên bố rằng mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng và tự do. Nhưng bây giờ, chúng ta không thể đưa ra tuyên bố đó khi chúng ta vẫn còn rất nhiều nô lệ.

Điều khoản đảm bảo mọi tiểu bang đều có chính quyền cộng hòa được đưa vào gần cuối bản Hiến pháp. Nhưng việc đưa vào cuối cũng chẳng khác gì việc đưa vào điều đầu tiên vì mọi điều khoản đều có giá trị như nhau. Bản Hiến pháp sẽ có hiệu lực sau khi nó được thông qua và tất cả các điều khoản đều phải được phê chuẩn cùng một lúc. Không thể có trường hợp điều này được phê chuẩn trước còn điều kia được phê chuẩn sau. Cần phải hình thành chính quyền trước khi chính quyền đó có thể đảm bảo bất cứ điều gì.

C.C PINCKNEY

Các bài báo Người Liên bang

Trong hệ thống tư tưởng chính trị Mỹ, tác phẩm Người Liên bang giữ một vị trí cực kỳ quan trọng, không chỉ để bảo vệ và đấu tranh cho bản Hiến pháp được thông qua mà sau này còn được sử dụng để giải thích Hiến pháp.

Kể từ khi xuất hiện trên các tờ báo ở New York, tuyển tập các bài luận văn này đã được xuất bản rất nhiều lần ở Mỹ, cũng như được dịch ra nhiều thứ tiếng khác trên thế giới. Bản tiếng Pháp xuất hiện ngay trong cuộc Cách

mạng Pháp vào năm 1792. Người Liên bang cũng được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha (tại Rio Janero năm 1840), tiếng Tây Ban Nha (tại Buenos Aires năm 1868) và đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư tưởng cho các chính khách muốn thiết lập chính quyền liên bang tại các quốc gia Nam Mỹ. Ngoài ra, bản lược dịch tiếng Đức được xuất bản tại Bremen năm 1864 và tác phẩm này cũng được sử dụng trong quá trình thảo luận xây dựng Hiến pháp tại Australia và Nam Phi.

Tác phẩm này có thể được chia thành hai phần cơ bản: (i) phân tích những khiếm khuyết của thể chế chính quyền đương thời và (ii) trình bày những ưu việt của thể chế mới. Các bài báo này phân tích rất chi tiết vai trò và quyền hạn của các cơ quan chính quyền, bao gồm bộ máy hành pháp, lập pháp và tư pháp, đồng thời cũng phân định ranh giới giữa quyền hạn của liên bang và tiểu bang.

Vì đây là tác phẩm giữ vị trí then chốt trong việc thiết lập nhà nước Cộng hòa Hợp chúng quốc, tôi chọn dịch ba bài viết tiêu biểu nhất cho tác phẩm này là bài số 1, số 10 và số 51. Đồng thời, tôi cũng trích dịch một bài báo chống lại tư tưởng Liên bang cùng thời gian này, phân tích những thiếu sót trong bản Hiến pháp liên bang, để bạn đọc có điều kiện đánh giá toàn diện về vấn đề này.

Người Liên bang Số 1

Bài đăng trên Tạp chí Độc lập

Tác giả: Alexander Hamilton

Bài đầu tiên trong loạt bài Người Liên bang do Hamilton viết nêu mục đích và định hướng của loạt bài luận Người Liên bang.

Ngày 27 tháng Mười năm 1787.

Gửi dân chúng tiểu bang New York

Sau thực tế hiển nhiên về sự tồn tại thiếu hiệu quả của chính quyền Hợp bang hiện nay, bản Hiến pháp mới cho nhà nước Hợp chúng quốc được gửi cho các bạn, những công dân của Hợp chúng quốc, xem xét và thảo luận. Chỉ riêng tiêu đề đó cũng đã nói lên tầm quan trọng lớn lao của sự kiện này. Cần phải nói rằng kết quả của sự phê chuẩn này sẽ vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại của Liên minh chúng ta, đối với sự an toàn và thịnh vượng của tất cả mọi thành phần lập nên nhà nước này, quyết định số phận của một đế chế, trong nhiều khía cạnh, được coi là quốc gia kỳ diệu nhất trên thế giới. Người ta thường nhận xét rằng nhờ đức hạnh và hình mẫu của mình, dường như Đấng Tạo hóa đã ban cho dân tộc sống trên quốc gia này quyền quyết định quan trọng rằng liệu xã hội của những người có năng lực thật sự có thể thiết lập được một chính quyền tốt đẹp nhờ trí suy đoán và quyền tự do lựa chọn của mình không, hay phải mãi mãi phụ thuộc vào sự may rủi và bạo lực, để cam chịu chấp nhận những thể chế chính trị mà dường như đã đặt sẵn cho họ. Nếu như có bất kỳ sự thật nào trong nhận xét đó, thì cuộc khủng hoảng mà chúng ta vừa trải qua có thể được coi như một kỷ nguyên, trong đó, chính dân tộc này có quyền quyết định sự chọn lựa cho mình. Vì thế, nếu sự chọn lựa của chúng ta là sai lầm thì quả thật, đó là một điều vô cùng bất hạnh cho loài người.

Ý tưởng này sẽ bổ sung cho lòng nhân ái của những người yêu nước, nâng cao lòng khao khát mà mọi công dân chân chính đều cảm nhận về sự kiện này. Thật hạnh phúc biết bao nếu sự lựa chọn của chúng ta dựa trên những đánh giá khôn ngoan về những lợi ích thực sự của chúng ta, không thành kiến và không xáo động bởi những lời đàm tiếu và bình phẩm mà chẳng liên quan gì đến lợi ích chung của toàn xã hội. Đó là điều chúng ta khao khát mãnh liệt để đạt đến, nhưng thực tế, để thành công chẳng dễ dàng gì. Mô hình chính quyền được trình bày cho toàn dân chúng ta cân nhắc kỹ càng, có ảnh hưởng rất lớn đối với những lợi ích khác nhau và những tầng lớp dân

chúng khác nhau, sẽ cải cách rất nhiều những thể chế chính quyền địa phương. Các cuộc thảo luận về mô hình này không nhằm đến những mục tiêu xa lạ về giá trị của bản Hiến pháp, không nhắc đến những quan điểm, những tình cảm và những thành kiến chẳng ưu ái gì việc kiếm tìm sự thật.

Trong số những trở ngại to lớn nhất mà bản Hiến pháp mới gặp phải, đó là sự khác biệt rất lớn về lợi ích của một tầng lớp người nhất định tại mọi tiểu bang, chống lại mọi sự thay đổi mà có thể dẫn đến việc suy giảm quyền lực, lương bổng của các chức vụ họ đang nắm giữ trong các chính quyền tiểu bang; phá hỏng tham vọng của một số người đang hy vọng nâng cao địa vị và uy quyền của mình nhờ sự hỗn độn của đất nước chúng ta, hoặc sẽ nuôi dưỡng ảo tưởng cho bản thân họ về những viễn cảnh tốt đẹp, nhờ sự chia rẽ của đế chế này thành những liên hiệp nhỏ bé, hơn là thiết lập một liên minh thống nhất với một chính phủ chung.

Tuy nhiên, dự định của tôi không phải tập trung vào việc quan sát bản chất của mô hình này. Tôi hoàn toàn hiểu rằng thật sai trái nếu tùy tiện phán xét sự chống đối của bất kỳ nhóm người nào (đơn thuần chỉ vì hoàn cảnh của họ có thể làm cho họ bị nghi ngờ). Sự ngay thẳng buộc chúng ta phải chấp nhận rằng thậm chí những người đó có thể được thúc đẩy bởi những mong ước chân thành và đúng đắn. Cũng không thể nghi ngờ rằng phần nhiều sự chống đối đã xuất hiện, hoặc sẽ xuất hiện, đều xuất phát từ những nguyên do, chí ít là không thể trách móc được, nếu không nói là cần được kính trọng, là những lầm lỗi chân thật của lý trí, gây ra bởi lòng ghen tị sai trái và cả những nỗi lo sợ. Những nguyên do này quá nhiều và quá mạnh mẽ, nên đã làm cho phán xét của chúng ta có phần bị thiên lệch. Chúng ta, trong nhiều trường hợp, sẽ nhận thấy ngay cả những người khôn ngoan và chân chính cũng có lúc sai lầm trong việc phán quyết các vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu đối với toàn xã hội. Sự phân tích đó, nếu là chính xác, sẽ dạy chúng ta một bài học, để thuyết phục những người luôn luôn cho rằng lẽ phải thuộc về họ trong bất kỳ cuộc tranh cãi nào. Và một lý do tiếp theo cho sự cẩn trọng về phương

diện này, có thể rút ra từ sự suy xét rằng không phải lúc nào chúng ta cũng có thể khẳng định những người biện hộ cho sự thật đều sử dụng những nguyên tắc đúng đắn hơn những người đối lập với họ. Tham vọng, lòng hám lợi, sự thù địch cá nhân, sự đối lập phe phái và nhiều động cơ khác, không thể được ca tụng, nếu được cả những người ủng hộ cũng như những người phản đối sử dụng trong việc thảo luận một vấn đề. Liệu đó không phải là những lý do để thuyết phục rằng không gì sai lầm hơn sự khờ dại của tư tưởng cố chấp, điều mà luôn luôn là đặc tính của mọi phe phái. Trong chính trị cũng như trong tôn giáo, thật vô lý khi đối xử và đàn áp những người thay đổi lập trường và tín ngưỡng bởi bạo lực và gươm đao. Những tà giáo cũng hiếm khi bị lãng mạ và đàn áp.

Nhưng những tâm trạng và tình cảm này, như chúng ta đã chứng kiến, đều luôn luôn xuất hiện, trong mọi cuộc thảo luận trước đây về những vấn đề có tầm quan trọng quốc gia. Cần phải hòa giải dòng thác lũ những cảm xúc hiểm độc và giận dữ. Để xét đoán tư cách của những phe phái đối lập, chúng ta cần hiểu rằng họ đều hy vọng chứng tỏ sự công bằng trong những quan điểm của họ và tăng thêm số người ủng hộ bằng việc thôi phồng trong những lời tuyên bố cường điệu và dùng giọng điệu chua cay trong những lời chỉ trích của họ. Lòng hăng hái nhiệt thành ủng hộ một chính quyền mạnh và hiệu quả, sẽ bị bêu xấu như thể những đứa con của nền quân chủ chuyên chế căm thù những nguyên tắc tự do. Một lòng ngờ vực thái quá về mối hiểm nguy đối với quyền của con người, thường là sự lẩn lẩn của lý trí hơn là của trái tim, chỉ là sự vờ vĩnh và dối trá, là cái miếng mồi nhậy lừa dối dân chúng với cái giá phải trả chính là điều tốt lành cho cả công cộng. Một mặt, người ta sẽ quên rằng lòng hiềm khích và ngờ vực đó là điều thường xảy ra cùng với lòng yêu thương, và rằng sự nhiệt thành cao quý đó, đối với tự do, chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng đố kỵ hẹp hòi và thiển cận. Mặt khác, người ta cũng quên rằng sức mạnh của chính quyền chính là điều kiện quan trọng để đảm bảo sự an toàn cho tự do; rằng nhờ sự trù tính khôn ngoan và phán xử chính xác, lợi ích của họ sẽ không bao giờ bị mất đi; và rằng tham vọng nguy

hiềm thường ẩn trốn đằng sau mặt nạ giả tạo của lòng hăng hái đấu tranh cho quyền của con người, chứ không phải là lòng hăng hái ủng hộ một chính phủ vững chắc và hiệu quả. Lịch sử dạy chúng ta rằng những kẻ đấu tranh đòi quyền tự do cá nhân lại thường là những kẻ mang lại nền độc tài hơn là những người đổi lập, và rằng những kẻ phá bỏ tự do của những nhà nước cộng hòa, hầu hết đều bắt đầu sự nghiệp bằng cách khúm núm và quỵ lụy dân chúng, thi hành những chính sách mị dân, để cuối cùng lại trở thành những kẻ độc tài.

Hỡi những đồng bào của tôi, trong toàn bộ những nhận xét trước đây, tôi đã cảnh báo các bạn cần chống lại mọi nỗ lực, từ bất cứ phe phái và nguồn gốc không đúng đắn nào, tác động đến quyết định của các bạn trong thời điểm cực kỳ hệ trọng, liên quan đến sự thịnh vượng và hạnh phúc của các bạn. Không nghi ngờ gì nữa, các bạn cũng đồng thời nhận được những lý lẽ đó từ khắp mọi nơi, xuất phát từ những người chẳng thân thiện và thích thú gì bản Hiến pháp mới. Đúng thế hỡi những đồng bào của tôi! Sau khi trình bày những xem xét thấu đáo để đưa ra một sự chọn lựa, ý định rõ ràng của tôi là: vì lợi ích của chính mình, các bạn nên chấp nhận bản Hiến pháp này. Tôi hoàn toàn tin rằng đây là hướng an toàn nhất cho sự tự do, sự thịnh vượng và hạnh phúc của bạn. Tôi không do dự và chần chừ hay băn khoăn gì về phương án này bởi tôi không hề cảm thấy như vậy. Tôi sẽ không vờ dấn đó cân nhắc bởi tôi đã quyết định điều đó rồi. Tôi sẽ thẳng thắn trình bày với các bạn sự tin tưởng của mình và cũng chân thành trình bày cho các bạn những lý do tại sao tôi lại có quyết định đó. Ý thức được những dự định tốt đẹp thì không thể nhập nhằng và mơ hồ. Tuy nhiên, tôi sẽ không nhắc đi nhắc lại những lời thề nguyện trong cái đầu này dù những điều thôi thúc đó vẫn còn mãi trong lòng ngực của tôi. Những lý lẽ của tôi là công khai với mọi người và để tất cả dân chúng phán xử. Chí ít, những lý lẽ đó được trình bày với lòng chân thật, không phản bội và làm ô nhục sự cao cả của lẽ phải.

Vì thế, tôi đề nghị một loạt những bài viết sẽ bàn luận về những chủ đề đặc

biệt hấp dẫn:

Lợi ích của Liên minh đối với sự thịnh vượng của bạn - Sự thiếu hiệu quả của Hợp bang hiện nay trong việc duy trì Liên minh - Sự cần thiết của một chính phủ có uy quyền và sức mạnh, ít nhất như mô hình chính quyền đã được đề xướng, để đảm bảo những mục tiêu này - Sự phù hợp của bản Hiến pháp mới đối với những nguyên lý chính đáng của một chính phủ Cộng hòa - Sự tương đồng giữa bản Hiến pháp mới với các bản Hiến pháp tiểu bang của các bạn - và cuối cùng, việc phê chuẩn bản Hiến pháp này sẽ là một đảm bảo bổ sung để duy trì tự do và sự thịnh vượng trong mô hình chính quyền này.

Trong quá trình thảo luận này, tôi sẽ cố gắng đưa ra câu trả lời, làm hài lòng những đòi hỏi được đưa ra, những điều làm cho các bạn quan tâm và chú ý.

Có thể có người cho là vô ích khi tranh luận nhằm chứng minh lợi ích của một Liên minh. Bởi vì thứ nhất, sâu xa trong trái tim, người dân của mọi tiểu bang đều gắn bó và tin vào sự đúng đắn của một chính quyền vĩ đại. Một điều nữa là có thể tin rằng không có ai thù địch và căm ghét chính quyền này. Nhưng sự thực, như chúng ta đã nghe thấy, tin đồn và lời ca thán đang lan rộng trong những phe nhóm nhỏ của những người phản đối bản Hiến pháp rằng mười ba tiểu bang là một lãnh thổ quá lớn cho bất cứ hệ thống chung nào và chúng ta phải tìm giải pháp bằng việc lập ra nhiều hợp bang nhỏ riêng biệt của một số vùng đất trong toàn bộ lãnh thổ này. Học thuyết này, bằng mọi cách có thể, sẽ dần dần được lan truyền, cho đến có được những người ủng hộ đủ để chống lại những lời công kích công khai đó. Rõ ràng là chúng ta chỉ có hai con đường để lựa chọn, hoặc là chấp nhận bản Hiến pháp mới, hoặc là Liên minh sẽ tan rã. Do đó, tôi bắt đầu với việc khảo sát những lợi thế của Liên minh, những sai trái và trục trặc đã xảy ra, rồi tới những mối nguy hiểm có thể xảy ra cho mọi tiểu bang, nếu Liên minh bị tan rã. Điều này là những chủ đề tương ứng trong những bài viết tiếp theo của tôi.

PUBLIUS

Người Liên bang Số 10

Bài đăng trên tờ New York Packet,

Tác giả: James Madison.

Trong bài luận số 10, bài báo được coi là xuất sắc nhất trong tập Người Liên bang, Madison thảo luận về các chủ đề sau: Mỗi nguy hiểm của nạn bè phái ở Mỹ cũng như các nơi khác - Bản chất của một phe phái - Các giải pháp tránh nguy cơ này - Tính ưu việt của chính quyền đại diện trong việc ngăn chặn các phe phái - Lợi thế của một nước Cộng hòa rộng lớn trong vấn đề này. Lập luận chính của Madison là Liên minh 13 tiểu bang sẽ là công cụ hữu hiệu chống lại nạn phe phái và những rối loạn trong nước.

Madison tuyên bố rằng một trong những lập luận mạnh mẽ nhất ủng hộ bản Hiến pháp mới đó là việc thiết lập một chính quyền cộng hòa, có khả năng kiểm soát những xung đột và rối loạn do nạn bè phái gây nên. Madison cho rằng trong bản chất của con người, phe phái là điều không thể tránh được. Những tác hại do nạn bè phái gây không thể được các chính quyền tiểu bang nào kiểm soát mà điều này chỉ được giải quyết thành công trong mô hình chính quyền liên bang Cộng hòa rộng lớn.

Ngày 23 tháng Mười một năm 1787.

Gửi dân chúng tiểu bang New York,

Trong số những thuận lợi mà một Liên minh được thiết lập vững chắc hứa hẹn sẽ mang lại, không gì đáng được khuyến khích và phát triển hơn là xu hướng phá vỡ và kiểm soát những vi phạm và xung đột của nạn bè phái. Những người chủ trương thành lập một chính quyền cho dân chúng thường rất lo ngại cho số phận của mình khi chính quyền lâm vào tình trạng nguy

hiểm của nạn bè phái. Vì vậy, phải tìm được một mô hình không vi phạm các nguyên lý cần thiết đó, nhưng phải giải quyết được tình trạng bè phái. Tình trạng bất ổn, sự bất công và sự lộn xộn tiêm nhiễm vào các hội đồng nhà nước, thực sự là những căn bệnh vô cùng nguy hiểm xuất hiện ở khắp mọi nơi và làm các chính quyền của dân chúng bị diệt vong, tiếp tục được những kẻ thù của sự tự do lợi dụng các lý lẽ hữu hiệu cho sự tuyên truyền giả tạo nhất của họ. Những cải cách quý giá trong những bản Hiến pháp tiêu bang của chúng ta được tiến hành trên những mô hình chính quyền cả cổ xưa và hiện đại, không thể được quá ca tụng bởi nhiều bất công không thể chấp nhận được và không thể ngăn chặn một cách có hiệu quả mỗi nguy hiểm gây ra do sự hoành hành của nạn bè phái như mọi người mơ ước và trông đợi. Những lời than phiền có ở khắp nơi, từ những công dân có đạo đức và có uy tín nhất của chúng ta, cũng như từ những người tôn trọng tự do của cá nhân và của công cộng, là chính quyền của chúng ta quá bất ổn, là lợi ích và điều tốt đẹp cho xã hội bị phớt lờ bởi các cuộc xung đột giữa những phe phái thù địch là các đạo luật thường được quyết định không phải theo nguyên tắc của công lý và quyền lợi của thiểu số mà bởi sức mạnh mang tính ép buộc vì lợi ích và sự vượt trội của đa số.

Dù sự lo âu làm chúng ta ước muốn rằng những lời than phiền này là không có căn cứ, song những bằng chứng thực tế buộc chúng ta phải chấp nhận rằng những lời than phiền đó, phần nào là đúng sự thật. Nếu chúng ta thật thà xem lại tình trạng của chúng ta, một số trục trặc mà chúng ta buộc tội sai lầm là do sự điều hành của chính quyền, thì đồng thời sẽ thấy rằng những thất bại nặng nề nhất, những nỗi khổ cực cay đắng nhất và đặc biệt là sự nghi ngờ và mất niềm tin ngày càng tăng của dân chúng và mối lo ngại về những quyền cá nhân đang lan rộng trên khắp lục địa này là vì nhiều nguyên nhân khác. Phải công nhận rằng đó là những nguyên nhân chủ yếu, nếu không nói là toàn bộ, dẫn tới sự thiếu ổn định, thiếu vững chắc và thiếu công bằng mà tư tưởng bè phái đã làm hoen ố sự điều hành cộng đồng của chúng ta.

Tôi cho rằng phe phái là một nhóm công dân, dù tập hợp thành đa số thay thiểu số của một tổ chức, được thống nhất và thúc đẩy bởi tâm trạng hay lợi ích chung, trái ngược với quyền lợi của những công dân khác, hoặc với lợi ích lâu dài của cả cộng đồng.

Có hai phương pháp để xử lý những tác hại của phe phái: Thứ nhất là loại bỏ những động cơ của phe phái; và thứ hai là kiểm chế ảnh hưởng của chúng.

Lại có hai cách để loại bỏ những động cơ phe phái. Thứ nhất là tiêu diệt quyền tự do, yếu tố sống còn cho sự tồn tại của các phe phái. Thứ hai là làm cho mọi công dân có cùng chung một quan điểm, cùng chung một cảm xúc và cùng chung một lợi ích.

Phải nói ngay rằng chẳng có gì chính xác hơn khi nói cách chữa thứ nhất còn tội tệ hơn cả căn bệnh cần điều trị. Tự do đối với một phe phái chẳng khác gì không khí đối với ngọn lửa, không có nó, ngay lập tức ngọn lửa sẽ tắt rụi. Nhưng chẳng có gì ngu xuẩn hơn việc bãi bỏ sự tự do vì sự tự do nuôi dưỡng phe phái, nhưng đó cũng điều kiện sống còn cho cuộc sống chính trị. Cũng như muốn giết chết không khí vì không khí chỉ càng làm tăng sự tàn phá của ngọn lửa, nhưng không khí lại vô cùng cần thiết cho muôn loài.

Nếu cách thứ nhất là không khôn ngoan thì cách thứ hai cũng không thực tế chút nào. Trong khi lý trí của con người vẫn tiếp tục mắc phải những sai lầm, và khi con người có quyền tự do thể hiện nó, thì tất yếu sẽ hình thành những quan điểm khác nhau. Trong khi còn tồn tại mối quan hệ giữa lý trí và tình cảm của con người, thì những quan điểm và tình cảm đó vẫn có ảnh hưởng tương hỗ và tác động lẫn nhau vì tình cảm thường gắn bó với quan điểm. Vì năng lực con người rất khác nhau và tài sản phụ thuộc vào năng lực, nên việc thống nhất hết thảy các lợi ích sẽ gặp phải một trở ngại không thể vượt qua được. Mục tiêu hàng đầu của mọi chính quyền là phải bảo vệ mọi tầng lớp dân chúng. Nhưng vì năng lực của con người là khác nhau và không bình đẳng, nên tài sản và các đặc tính khác của mỗi người cũng không giống

nhau. Việc bảo vệ những quyền tư hữu khác nhau sẽ làm cho con người sở hữu những tài sản khác nhau và ở mức độ khác nhau, từ đó hình thành những tâm trạng và quan điểm khác nhau. Vì thế, tất yếu, xã hội phải phân chia thành những lợi ích và những phe phái khác nhau.

Những động cơ phe phái tiềm tàng đó có sẵn trong bản chất của con người. Chúng ta cũng thấy chúng xuất hiện ở khắp mọi nơi với các mức độ khác nhau, tùy theo các hoàn cảnh của xã hội dân sự: lòng hăng hái vì những quan điểm khác nhau liên quan đến tôn giáo, chính quyền và nhiều lĩnh vực khác, ngấm ngầm cũng như công khai; sự gắn bó với những người lãnh đạo khác nhau tranh đấu vì tham vọng giành quyền lực và địa vị, hay đối với những người mà tài sản và số phận của họ đều được cộng đồng quan tâm. Chính điều này đã phân chia dân chúng thành những phe phái khác nhau, kích động họ có những mối thù địch, khiến cho họ có lòng hận thù và chèn ép nhau, hơn là hợp tác vì một lợi ích chung cho tất cả mọi người.

Xu hướng mạnh mẽ này làm cho loài người rơi vào sự thù nghịch đến nỗi khó có thể tìm được biện pháp nào ngăn chặn được. Ngay cả những khác biệt lật vạt và đồng bóng nhất cũng đủ để thổi bùng ngọn lửa của những cảm xúc thù nghịch và gây ra những xung đột bạo lực ghê gớm nhất. Nhưng nguyên nhân thông thường và lâu dài nhất gây ra những phe phái đó chính là sự phân phối của cải không đều. Những người có của và những người không có của hình thành những phe phái có quyền lợi khác biệt nhau hoàn toàn. Tương tự như những chủ nợ và những con nợ. Những mối quan tâm về nông nghiệp, sản xuất, thương mại, tiền bạc cùng với nhiều mối quan tâm nhỏ hơn tất yếu sẽ nảy nở trong những xã hội văn minh. Dân chúng sẽ chia thành những tầng lớp khác nhau, được thúc đẩy bởi những tình cảm và những quan điểm khác nhau. Việc điều chỉnh những lợi ích xung đột và khác nhau này là nhiệm vụ chủ chốt của cơ quan lập pháp hiện đại vì mọi hoạt động bình thường và cần thiết của chính quyền đều liên quan đến tư tưởng phe phái.

Không ai được phép làm người phán xét động cơ của chính mình, bởi quyền lợi của anh ta sẽ làm cho lời phán xét thiên lệch, làm lý trí xét đoán của anh ta mất phần sáng suốt và làm cho lòng chính trực của anh ta mất phần toàn vẹn. Vì lý do tương tự, thậm chí còn rõ ràng hơn, nên tuy lý trí của một nhóm người, ít nhất cũng bằng, nếu không nói là sáng suốt hơn một người, nhưng họ cũng không thể cùng lúc vừa làm người phán xử, vừa làm người đại diện cho một nhóm.

Phải chăng những đạo luật quan trọng nhất của các cơ quan luật pháp, không chỉ liên quan đến quyền lợi của một vài cá nhân riêng rẽ mà liên quan đến quyền lợi của rất nhiều người lại chỉ do họ quyết định? Vậy thì những tầng lớp khác nhau của những nhà lập pháp sẽ phán quyết điều gì, ngoài việc biện hộ và bảo vệ những lợi ích của phe phái mình? Một dự luật được đề xướng về việc cho tư nhân vay nợ sẽ dẫn tới điều gì? Những chủ nợ sẽ thống nhất thành một phe, còn những người vay nợ sẽ lập thành một phe khác. Công lý cần phải giữ cân bằng giữa hai phe đó. Nhưng bản thân những phe phái đó là, và nhất định là, những người phán xử nên phe có đông người nhất hay nói cách khác, là phe phái mạnh nhất chắc hẳn sẽ thắng thế. Liệu có nên khuyến khích những nhà sản xuất nội địa bằng cách hạn chế nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài hay không? Và cần hạn chế ở mức độ nào? Đó là những vấn đề mà các chủ đất sẽ phán xét khác với các nhà sản xuất. Có lẽ không một lời phán quyết của nhóm người nào hoàn toàn công bằng và dựa trên điều tốt đẹp của cả cộng đồng. Ngay việc xác định mức thuế cần đánh trên những mặt hàng hóa khác nhau là một đạo luật đòi hỏi tính công bằng và chính xác nhất, nhưng có lẽ, không một đạo luật nào lại không bị phe phái có uy quyền nhất lợi dụng và giẫm đạp lên những nguyên tắc công lý. Mỗi một xu mà các nhà lập pháp bắt tầng lớp hạ lưu đóng góp cũng chính là một xu mà giới quý tộc tiết kiệm được cho túi của riêng mình.

Thật vô ích để nói rằng những chính khách khôn ngoan có đủ khả năng điều chỉnh những xung đột lợi ích giữa những tầng lớp khác nhau và buộc họ phải

làm theo điều có ích chung cho cả công cộng. Những chính khách khôn ngoan đó không phải lúc nào cũng giữ quyền lãnh đạo. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, sự dung hòa các lợi ích đó còn phải tính đến những tác động gián tiếp và xa xôi khác mà rất hiếm khi vượt qua được mỗi lợi ích trước mắt của một phe phái nào đó muốn xóa bỏ quyền lợi của nhóm khác, hay đi ngược lại lợi ích chung của cả cộng đồng.

Những phân tích của chúng ta dẫn đến kết luận rằng động cơ và nguyên nhân của các phe phái là không thể xóa bỏ được nên giải pháp cho vấn đề đó chỉ được tìm thấy trong việc kiểm soát những ảnh hưởng tai hại của nạn bè phái.

Nếu một phe phái không phải là đa số, thì giải pháp đó chính là nguyên lý cộng hòa, với việc cho phép đa số đánh bại ý đồ nham hiểm của thiểu số, thông qua các cuộc bỏ phiếu thông thường. Phe thiểu số có thể cản trở chính quyền, có thể làm náo động xã hội, nhưng không thể thực thi được mưu đồ hay che giấu sự bạo động và nham hiểm của mình dưới vỏ bọc của Hiến pháp. Nhưng khi phe phái đó lại chính là đa số, là hình mẫu của chính quyền đại chúng, chính quyền của dân, thì phe phái này có cơ hội hy sinh lợi ích của toàn xã hội, hay của các nhóm công dân khác, để mưu cầu lợi ích cho riêng mình. Để giữ an toàn cho quyền lợi chung xã hội và của các cá nhân chống lại mối nguy hiểm của phe đa số, đồng thời duy trì được tinh thần và hình thức của chính quyền dân chủ, là một mục tiêu vĩ đại mà việc nghiên cứu và thảo luận của chúng ta đang hướng tới. Hãy để tôi nói thêm rằng mong ước cao cả nhất mà vì thế mô hình chính quyền này, nhằm thoát khỏi những điều xấu xa, tủi nhục mà chúng ta đã chứng kiến lâu nay, được đệ trình cho tất cả mọi dân chúng xem xét và chấp thuận.

Vậy làm thế nào để đạt được mục tiêu đó? Rõ ràng chỉ có thể có một trong hai giải pháp. Hoặc là phải ngăn chặn đa số đạt được một tâm trạng và lợi ích chung, hoặc đa số, nếu có chung một tâm trạng, cảm xúc và lợi ích chung

như vậy, phải dùng các điều kiện địa lý và số lượng để ngăn chặn họ không có khả năng phối hợp và thi hành được ý định đàn áp của mình. Nếu tâm trạng và cơ hội đó xảy ra, chúng ta đều biết rằng không thể tìm được giải pháp đáng tin cậy nào nhờ động cơ đạo đức hay tôn giáo. Cũng không thể tìm giải pháp dựa vào sự thiên kiến và bạo động của những cá nhân, dù sự kết hợp của họ là cần thiết vì sự kết hợp này cũng chỉ là thiểu số so với phe đa số kia.

Về vấn đề này, chúng ta có thể kết luận rằng trong một chế độ dân chủ thuần khiết, ý tôi là một xã hội gồm một số nhỏ những công dân hội họp và điều hành chính quyền theo tính chất cá nhân, sẽ chẳng có phương sách nào cứu chữa được những mưu toan của nạn bè phái. Hầu như trong mọi trường hợp, đa số dân chúng của xã hội này đều tìm được một tâm trạng chung hay mối quan tâm chung. Cũng chính vì điều đó, thông qua trao đổi và hợp tác giữa mọi người mà chính quyền được hình thành. Khi đó, không gì kiểm soát được những sự xúi giục nhằm hy sinh lợi ích của phe phái yếu hơn hoặc một cá nhân bất bình nào đó. Những chế độ dân chủ thuần khiết như vậy đầy những cảnh tượng của sự bạo động, tranh giành và bất bình, nên an toàn cá nhân và quyền tư hữu không được đảm bảo. Nói chung, những chính thể như vậy thường không tồn tại lâu dài vì bị lật đổ bởi những cuộc nổi loạn trong nước. Những lý thuyết gia chính trị ủng hộ những mô hình chính quyền này nghĩ rằng bằng cách giảm bớt quyền chính trị của cá nhân để dân chúng trở nên bình đẳng thì tất cả mọi người cũng hoàn toàn bình đẳng, sẽ giống nhau về ý kiến, về tâm trạng và những quyền sở hữu, là hoàn toàn sai lầm.

Một nhà nước cộng hòa, tôi cho rằng là một chính quyền, trong đó dân chúng được đại diện nhờ sự bầu cử, lại mở ra một triển vọng khác và hứa hẹn đem lại giải pháp cho nạn bè phái mà chúng ta đang tìm kiếm. Chúng ta sẽ xem xét những điểm khác biệt giữa chế độ cộng hòa và các nền dân chủ thuần túy để rồi chúng ta sẽ hiểu được cả về bản chất và hiệu quả của giải pháp đó sẽ đạt được nhờ mô hình Liên bang.

Có hai điểm chủ yếu khác biệt nhất giữa một chế độ dân chủ và một nhà nước cộng hòa. Thứ nhất, trong chính thể cộng hòa, đoàn đại biểu của chính quyền, bao gồm một số người do toàn thể dân chúng bầu chọn. Thứ hai, qui mô của nhà nước cộng hòa, bao gồm một số lượng công dân rất đông đảo trên một phạm vi lãnh thổ rất rộng lớn.

Hiệu quả của sự khác biệt, thứ nhất là, một mặt, tinh lọc và mở rộng những quan điểm của công chúng, thông qua một cơ quan trung gian, do dân chúng bầu chọn. Sự khôn ngoan của họ có lẽ là cần thiết và hữu ích nhất đối với lợi ích thực sự của toàn thể đất nước. Lòng yêu nước và tình yêu công lý của họ sẽ khó lòng bị hy sinh vì những quyền lợi riêng rẽ hoặc nhất thời. Dưới sự điều hành đó, quyền lợi của cả cộng đồng có thể được những người đại diện cho dân chúng phát biểu chính xác hơn là nếu để cho bản thân dân chúng tự phát biểu, thông qua những cuộc họp của họ. Nhưng mặt khác, hiệu quả của điều này có thể bị đảo ngược. Những đại biểu này sẽ có tư tưởng phe phái, mang những thành kiến địa phương, hay nhờ những mưu mô lén lút nham hiểm, hay nhờ sự nịnh bợ, mua chuộc, hoặc bởi những mưu chước khác để giành phiếu bầu, nhưng sau đó phản bội lại lợi ích của toàn thể dân chúng, những người đã bầu chọn mình. Điều chúng ta cần xem xét là phạm vi của nhà nước cộng hòa rộng lớn hay nhỏ bé sẽ thuận lợi hơn cho việc chọn ra những người bảo vệ chân chính nhất sự thịnh vượng của toàn xã hội. Hiển nhiên là các nhà nước cộng hòa rộng lớn sẽ ưu việt hơn, bởi hai lý do rất rõ ràng:

Lý do đầu tiên là trong một nước cộng hòa, dù là nhỏ bé, thì những người đại diện cần phải khá đông đảo để đề phòng những âm mưu xấu xa của một số ít đại biểu âm mưu thông đồng với nhau giành quyền điều hành. Còn trong một nước cộng hòa, dù rộng lớn đến đâu, thì số lượng các đại biểu cũng phải có giới hạn nhất định, để đề phòng sự lộn xộn của đám đông. Nhưng trong cả hai dạng nhà nước, số lượng những người đại diện đều không thể tỉ lệ với qui mô dân số của mình nên tỷ lệ dân chúng cho một người đại diện trong

các nước cộng hòa nhỏ sẽ lớn hơn. Nếu mật độ những cá nhân có tư cách và năng lực tại cả hai nhà nước cộng hòa lớn và nhỏ là như nhau thì trong nhà nước cộng hòa rộng lớn sẽ có sự lựa chọn rộng rãi hơn là trong các nhà nước cộng hòa nhỏ bé.

Tiếp theo, do mỗi người đại diện sẽ được một số lượng dân chúng đồng đảo hơn tại những nước cộng hòa lớn so với những nước nhỏ chọn lựa, nên càng khó khăn hơn cho những ứng cử viên xoàng xĩnh, mưu cầu giành được các phiếu bầu nhờ những mưu mô và thủ đoạn xấu xa mà cuộc bầu cử nào cũng xuất hiện. Việc bỏ phiếu của dân chúng sẽ được tiến hành tự do hơn, nên sẽ chọn ra được những người đại biểu có uy tín, tài năng và phẩm chất cao quý nhất.

Nhưng cũng phải thú nhận rằng trong mô hình này, cũng như trong đa số các trường hợp khác, đều nhận thấy sự bất lợi của cả hai dạng nhà nước. Bởi việc tăng thêm quá nhiều cử tri, những người được bầu chọn sẽ ít gắn bó và thấu hiểu những hoàn cảnh và lợi ích địa phương của dân chúng. Trong khi việc giảm bớt quá nhiều số cử tri sẽ làm cho người đại biểu ràng buộc quá mức vào quyền lợi của một nhóm cử tri đó mà quên đi việc theo đuổi những mục tiêu cao cả của quốc gia và những lợi ích khác của toàn xã hội. Bản Hiến pháp liên bang mới đã mang lại sự kết hợp tốt đẹp về phương diện này. Những lợi ích chung và tổng thể của toàn quốc, thì trao cho chính quyền liên bang, còn những lợi ích cục bộ, địa phương thì dành cho các cơ quan lập pháp tiểu bang.

Điểm khác nhau thứ hai giữa nhà nước cộng hòa và dân chủ thuần túy là chính thể cộng hòa sẽ bao trùm một lãnh thổ và dân số đông đảo hơn một chính quyền dân chủ. Chính nhờ hoàn cảnh này mà đa số khó lòng và trở nên ít nguy hiểm hơn như trong nhà nước dân chủ. Xã hội càng nhỏ, thì những phe phái và những nhóm lợi ích khác biệt càng ít. Khi những phe phái và những nhóm lợi ích khác biệt càng ít, thì một phe phái đa số dễ được hình

thành hơn. Khi phe đa số càng dễ được hình thành và số thành viên của phe phái đó càng ít, họ càng dễ thảo thuận với nhau để thi hành những biện pháp đàn áp thiểu số. Khi phạm vi và môi trường được mở rộng, các phe phái và các nhóm lợi ích trở nên đa dạng hơn, đa số khó có thể có chung động cơ và mục đích để xâm chiếm và cướp đi quyền của những công dân khác. Hoặc dù một động cơ chung như vậy có tồn tại, thì đa số cũng khó có thể thống nhất và tập hợp lại với nhau để trở thành một sức mạnh chung. Ngoài những sự trở ngại khác, có thể nhận thấy rằng dù có những mục đích xấu xa và ý định bất công nào thì do số lượng đông đảo người tham gia nên việc trao đổi và thảo luận trong nhóm luôn luôn bị nghi ngờ dẫn đến khó có thể đạt được một sự đồng tâm cần thiết.

Như vậy, chúng ta thấy rõ ràng là một nước cộng hòa có nhiều lợi thế hơn so với nền dân chủ trong việc kiểm soát những ảnh hưởng của nạn phe phái và một nước cộng hòa lớn có nhiều thuận lợi hơn một nước cộng hòa nhỏ bé, một Liên minh những tiểu bang thuận lợi hơn những tiểu bang riêng rẽ cấu thành nên nó. Liệu những lợi thế này có bao gồm việc thông qua những người đại diện khôn ngoan và có đức hạnh cao cả, làm cho họ vượt qua được những thành kiến địa phương và mưu đồ bất công đó không? Không thể từ chối rằng những người đại diện của Liên minh sẽ sở hữu những tài năng và đức tính thiên phú. Nhưng liệu sự đa dạng của các phe phái có đảm bảo tốt hơn cho xã hội chống lại bất kỳ một phe phái nào, dù là đông đảo, định chèn ép và đàn áp những phe còn lại không? Rõ ràng rằng khi những phe phái của Liên minh trở nên đông đảo và đa dạng hơn, thì sự an toàn cần thiết đó cũng tăng lên. Liệu sau cùng, liên minh hình thành có cản trở được sự thống nhất và các âm mưu xấu xa của đa số có cùng lợi ích không? Lại một lần nữa, chính tại đây, qui mô của Liên minh mang lại lợi thế rất rõ ràng.

Ảnh hưởng của những lãnh tụ bè phái có thể thổi lên ngọn lửa tại những tiểu bang nhất định của họ, nhưng sẽ không đủ để làm cho đám cháy bùng lên,

lan rộng ra khắp các tiểu bang khác. Một giáo phái có thể suy đồi để hình thành một phe phái chính trị tại một địa phương trong Liên minh. Nhưng sự đa dạng của những giáo phái khác trên toàn bộ đất nước, sẽ giữ an toàn cho chính quyền quốc gia chống lại mọi nguy hiểm xuất hiện từ bất kỳ bè phái nào. Một trào lưu đòi ban hành tiền giấy, hay đòi bãi bỏ mọi món nợ, hay đòi bình đẳng về tài sản, hoặc bất kỳ một mục đích sai trái hay xấu xa nào sẽ khó có thể lan tràn trên toàn bộ lãnh thổ của Liên minh, ngoại trừ một vài tiểu bang nào đó. Cũng như một căn bệnh hay tệ nạn nào đó chỉ có thể làm hoen ố, làm hư hỏng hay tàn phá một tỉnh, một huyện chứ không thể tàn phá toàn bộ một đất nước.

Bởi vậy, trong phạm vi và cấu trúc thích hợp của Liên minh chúng ta, chúng ta sẽ tìm được một giải pháp cộng hòa cho chính những căn bệnh thường phá hoại chính thể cộng hòa. Chúng ta càng sung sướng và tự hào khi được là những người cộng hòa bao nhiêu, thì càng phải hăng hái và nhiệt thành ủng hộ những nguyên lý và tư tưởng Liên bang bấy nhiêu.

PUBLIUS

Người Liên bang Số 51

Bài đăng trên tạp chí New York Packet

Tác giả: James Madison

Trong bài luận này, Madison tập trung thảo luận về cơ chế kiểm chế và đối trọng trong chính quyền. Ông khẳng định cấu trúc của chính quyền mới phải thiết lập được những kiểm tra và đối trọng thích hợp giữa những nhánh chính quyền khác nhau, và những lợi thế của một chính quyền liên bang trong việc bảo đảm quyền và những lợi ích khác nhau của dân chúng. Cách duy nhất để giải quyết được vấn đề này là cơ chế kiểm chế và đối trọng, đó là hạt nhân của lý thuyết phân chia quyền lực do Montesquieu đề xướng. Đây là một trong những bài hay nhất trong tập Người Liên bang.

Thứ Sáu, ngày 8 tháng Hai năm 1788.

Gửi dân chúng tiểu bang New York,

Giải pháp nào là giải pháp cuối cùng mà chúng ta sẽ sử dụng trong thực tế để duy trì sự phân quyền cần thiết giữa các nhánh chính quyền khác nhau, như được qui định trong Hiến pháp? Câu trả lời duy nhất có thể thấy được là trong khi tất cả những điều kiện xung quanh đều không đáp ứng yêu cầu đặt ra, thì các khiếm khuyết đó phải được xử lý bằng những qui định đúng đắn trong bản Hiến pháp để thiết lập một hệ thống chính quyền, trong đó, các nhánh chính quyền quan hệ và ràng buộc với nhau theo cách thích hợp và đặt những cơ quan này vào những vị trí, sao cho chúng sẽ kiểm soát được hoạt động của nhau. Tôi không định phân tích đầy đủ về hướng phát triển của ý tưởng quan trọng này, nhưng tôi cũng mạnh bạo đưa ra một vài nhận xét chung, hy vọng đưa chúng trở nên sáng sủa hơn, cho phép chúng ta hình thành sự phán xử chính xác hơn những nguyên lý và cấu trúc của chính phủ được Hội nghị Lập hiến xây dựng.

Để đặt một nền tảng vững chắc cho sự phân chia các quyền lực khác nhau của chính quyền, điều mà tất cả mọi người đều chấp nhận là cần thiết để duy trì tự do, hiển nhiên là mỗi nhánh chính quyền cần phải có ý chí độc lập của riêng mình. Vì vậy, cần phải qui định làm sao để những thành viên của mỗi nhánh càng phải ít liên quan đến sự bổ nhiệm những thành viên của những nhánh chính quyền khác. Nguyên lý này cần phải được tuân thủ chặt chẽ. Nó sẽ đòi hỏi rằng mọi sự bổ nhiệm của nhánh hành pháp, cơ quan lập pháp tối cao và những quan chức của Tòa Tư pháp hoàn toàn phải được bầu chọn trên một nền tảng chung của uy quyền, đó là dân chúng, nhưng phải thông qua những kênh riêng biệt, không liên quan đến nhau. Có lẽ một kế hoạch thiết lập các nhánh chính quyền như vậy, trong thực tế, ít khó khăn hơn so với những điều đã hình dung. Tuy nhiên, điều đó cũng gặp phải một vài khó khăn và các chi phí bổ sung cần cho việc thi hành kế hoạch đó. Do

vậy, một vài sự lệch hướng khỏi nguyên lý này cũng phải được chấp nhận. Đặc biệt là qui định về việc thiết lập nhánh tư pháp. Sẽ không thích đáng nếu quá ràng buộc chặt chẽ vào nguyên lý đó. Trước hết, những phẩm chất đặc biệt quan trọng đối với những thẩm phán tòa án là hết sức cần thiết, nên cần có sự xem xét sơ bộ để đảm bảo chọn được các ứng cử viên đáp ứng tốt nhất những yêu cầu này. Thứ hai là vì họ có nhiệm kỳ lâu dài, nên những người được chọn vào nhánh tư pháp sẽ nhanh chóng mất hết mọi sự ràng buộc vào những cơ quan, hay cá nhân bầu chọn họ.

Một điều hiển nhiên khác là những thành viên của mỗi nhánh chính quyền càng ít phụ thuộc vào những thành viên của các nhánh khác càng tốt, như các khoản lương bổng được cấp cho họ không thể để nhánh khác quyết định. Nếu Tổng thống hay các thẩm phán không được độc lập khỏi cơ quan lập pháp về khoản lương bổng thì sự độc lập của họ đối với những cơ quan khác chỉ còn là cái vẻ bề ngoài.

Nhưng sự đảm bảo an toàn tốt nhất, ngăn chặn việc tập trung dần dần các quyền lực vào tay một cơ quan, là việc trao cho những người điều hành mỗi nhánh chính quyền những biện pháp hợp hiến cần thiết và những động cơ cá nhân để chống lại sự lạm quyền của những người khác. Điều khoản cho sự bảo đảm này trong mọi trường hợp phải được qui định tương xứng với mỗi nguy hiểm của sự xâm phạm đó. Tham vọng phải được sử dụng để chống lại tham vọng. Quyền lợi của cá nhân phải được ràng buộc với các quyền hợp hiến của chức vụ đó. Điều này phản ánh bản chất của con người vì những công cụ như vậy là cần thiết để kiểm soát sự lạm quyền của chính phủ. Căn cứ vào bản chất của loài người, thì những biện pháp như vậy là hoàn toàn cần thiết để kiểm soát sự lạm quyền của chính phủ. Nhưng bản thân chính quyền là gì, nếu không phải là sự thể hiện lớn lao nhất bản chất của loài người? Nếu loài người là những thiên thần thì chẳng cần một chính phủ nào. Nếu những thiên thần cầm quyền thì những kiểm soát bên trong, hay từ bên ngoài, cũng chẳng cần thiết. Nhưng để hình thành một chính phủ được điều

hành giữa người với người, khó khăn lớn nhất là chính quyền phải kiểm soát được những gì cơ quan này điều hành và bước tiếp theo phải tự kiểm soát chính mình. Một sự phụ thuộc vào dân chúng rõ ràng là sự kiểm soát cơ bản nhất đối với mọi chính quyền. Nhưng kinh nghiệm từng dạy loài người rằng cần phải có những sự cân trọng bổ sung cần thiết khác.

Chính sách này sẽ hình thành những lợi ích đối trọng và trái ngược, nhằm tạo ra những động cơ tốt hơn, có thể nhận thấy trong toàn bộ hoạt động của loài người, của từng cá nhân cũng như của cả động đồng. Đặc biệt, chúng ta thấy điều này thể hiện rõ nhất trong việc phân bổ những quyền lực với mục tiêu phân chia và sắp xếp các cơ quan chính quyền theo cách thức sao cho cơ quan này sẽ kiểm soát được cơ quan kia, nơi mà lợi ích của mọi cá nhân sẽ chính là biện pháp bảo vệ quyền lợi của cả cộng đồng. Phát minh khôn ngoan này là vô cùng quan trọng trong việc phân chia quyền lực tối cao của mỗi nhà nước.

Nhưng không thể trao cho mỗi nhánh chính quyền một quyền lực bằng nhau để tự bảo vệ mình. Trong chính phủ cộng hòa, uy quyền lập pháp tất yếu phải vượt trội nhất. Giải pháp cho sự bất lợi này là chia cơ quan lập pháp thành những viện khác nhau, với những phương pháp bầu chọn khác nhau, trên những nguyên lý hoạt động khác nhau, để mối liên hệ giữa các viện này sẽ là rất nhỏ bé, tới mức bản chất, chức năng hoạt động và sự kiểm soát của xã hội đối với các viện này chấp nhận được. Song, thậm chí có thể thiết lập thêm những đề phòng khác để chống lại sự lạm quyền nguy hiểm đó. Nhưng sức mạnh và uy quyền quá lớn của nhánh lập pháp khiến cơ quan này buộc phải được phân chia, thì mặt khác, sự yếu kém của nhánh hành pháp đòi phải củng cố nhánh quyền lực này. Quyền phủ quyết tuyệt đối trên mọi văn bản của cơ quan lập pháp phải được trao cho nhánh hành pháp. Nhưng có lẽ điều này vẫn chưa an toàn và có thể cũng chưa đủ hiệu quả. Trong những trường hợp bình thường, quyền lực này có thể không được sử dụng với sức mạnh cần thiết, song trong một số trường hợp đặc biệt, quyền lực này có thể bị lạm

dụng. Có thể giải pháp về quyền phủ quyết tuyệt đối không cần thiết, nếu có mối quan hệ tốt đẹp giữa nhánh yếu hơn này của chính quyền và viện yếu hơn của nhánh chính quyền mạnh hơn. Theo đó, viện yếu hơn của nhánh chính quyền mạnh hơn sẽ bị ràng buộc bởi những quyền hợp hiến phải hỗ trợ cho nhánh yếu hơn kia của chính quyền, nếu viện đó không gắn quá chặt với quyền lợi của chính cơ quan mình?

Nếu nguyên tắc cho những nhận xét đó là đúng đắn, tôi tin rằng nguyên tắc phân quyền quyền lực cần phải được áp dụng như một tiêu chuẩn cho mọi bản Hiến pháp tiểu bang và cho bản Hiến pháp liên bang. Nhưng sẽ thấy rằng nếu bản Hiến pháp liên bang không hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc này, thì các bản Hiến pháp tiểu bang lại càng khó khăn để chấp nhận qui định đó.

Tuy nhiên, có hai xem xét đặc biệt áp dụng đối với hệ thống Liên bang của Mỹ làm cho hệ thống phân quyền và đối trọng này trở nên rất đáng quan tâm.

Thứ nhất, trong một nước cộng hòa đơn lẻ, mọi quyền lực của dân chúng đều được trao nộp cho cơ quan điều hành của một chính phủ độc nhất. Sự lạm quyền được kiểm soát và đề phòng bởi việc chia chính quyền này thành những bộ phận và ban ngành tách biệt nhau. Trong nhà nước Cộng hòa Liên bang Mỹ, mọi quyền lực của dân chúng, trước tiên, được phân chia giữa hai chính phủ riêng biệt. [Tức là giữa chính quyền tiểu bang và liên bang-ND]. Sau đó, các quyền được trao này lại được phân chia nhỏ ra giữa các nhánh chính quyền khác nhau. Do đó, sự an toàn đảm bảo quyền lợi của dân chúng sẽ được nhân đôi. Những chính quyền khác nhau đó sẽ kiểm soát lẫn nhau và đồng thời bản thân mỗi chính quyền cũng tự kiểm soát chính mình.

Thứ hai, điều vô cùng quan trọng trong một nhà nước cộng hòa, đó là không phải chỉ bảo vệ xã hội chống lại sự đàn áp của những người cầm quyền mà còn phải bảo vệ bộ phận dân chúng này chống lại sự bất công, đàn áp của bộ

phận dân chúng khác. Trong những tầng lớp dân chúng khác nhau, tất yếu phải tồn tại những lợi ích khác nhau. Nếu đa số thống nhất một lợi ích chung thì quyền của thiểu số sẽ không được an toàn.

Lại có hai giải pháp để đối phó với nguy cơ này. Thứ nhất là tạo ra một ý muốn của cộng đồng, độc lập với ý muốn của đa số, tức là tạo ra một lợi ích chung cho toàn xã hội. Thứ hai, bởi việc phân chia toàn xã hội thành nhiều nhóm riêng biệt, làm cho việc thống nhất ý định không đúng đắn của đa số trở nên vô cùng khó khăn và không thể thực hiện được. Giải pháp đầu tiên thường được dùng trong các chính quyền cha truyền con nối, hoặc tự phong chức cho bản thân [tức là một nhà độc tài, không cần sự chấp thuận của dân chúng-ND]. Đây là cách tốt nhất, nhưng chỉ là một giải pháp an toàn tạm thời, vì ý chí độc lập với toàn xã hội cũng có thể chấp thuận theo ý muốn của đa số, hoặc theo ý muốn của thiểu số, hoặc có thể chống lại ý muốn của cả hai phe phái này.

Giải pháp thứ hai là ví dụ minh họa điển hình cho nhà nước Cộng hòa Liên bang của Hợp chúng quốc. Trong khi tất cả uy quyền của nhà nước đều bắt nguồn và phụ thuộc vào bản thân xã hội và bản thân xã hội cũng tự chia thành các phe phái khác nhau về lợi ích và tầng lớp của dân chúng nên quyền lợi của những cá nhân hoặc của thiểu số ít bị nguy hiểm hơn từ sự kết hợp lợi ích của đa số. Trong một chính thể tự do, quyền tự do về chính trị của công dân cũng phải được đảm bảo như các quyền tự do tôn giáo. Xã hội sẽ chia thành nhiều phe phái với các lợi ích khác nhau, cũng như chia thành nhiều tôn giáo khác nhau. Mức độ an toàn trong cả hai trường hợp đều phụ thuộc vào số nhóm lợi ích và số giáo phái. Điều này phụ thuộc vào phạm vi của quốc gia, cũng như qui mô dân số trong chính quyền đó. Quan điểm này đặc biệt đề xuất mô hình chính quyền liên bang cho những công dân ngay thẳng và cẩn thận tán thành nền cộng hòa, vì nếu lãnh thổ rộng lớn như Liên minh của chúng ta phân chia thành nhiều Hợp bang riêng rẽ của các tiểu bang, việc thống nhất ý muốn của đa số trở nên dễ dàng hơn. Như vậy, sự

đảm bảo an toàn tốt nhất cho quyền lợi của mọi tầng lớp dân chúng theo thể chế nhà nước cộng hòa sẽ bị yếu đi và tiếp theo sự vững vàng và độc lập của các thành viên trong chính phủ, sự đảm bảo an toàn duy nhất còn lại, sẽ tăng lên tương ứng. Công lý là mục đích của mọi chính phủ. Đó cũng là mục tiêu của mọi xã hội văn minh. Đó là điều mà loài người đang và sẽ còn theo đuổi cho đến khi đạt được hoặc cho đến khi không còn được tự do để theo đuổi nữa. Trong một xã hội, khi những phe phái mạnh hơn có thể dễ dàng hợp nhất và chèn ép các phe yếu, tính trạng vô chính phủ tất yếu sẽ xuất hiện như trong nhà nước nguyên thủy, nơi những kẻ yếu không được bảo vệ chống lại những kẻ mạnh.

Trong nhà nước nguyên thủy, ngay cả kẻ mạnh cũng bị tình trạng bất ổn hối thúc đòi phải thiết lập một chính thể, sao cho có thể bảo vệ cho cả kẻ yếu cũng như bảo vệ chính bản thân mình. Trong nhà nước cộng hòa, những phe phái mạnh sẽ dần dần được hình thành nhờ cùng chung một động cơ, cũng mong ước thiết lập được một chính phủ để bảo vệ tất cả các phe phái, yếu cũng như mạnh. Chẳng nghi ngờ gì khi nói rằng nếu Tiểu bang Rhode Island tách khỏi Liên minh để tự tồn tại riêng rẽ thì những quyền lợi trong một nhà nước quá chật hẹp như vậy, sẽ không thể được an toàn bởi sự chèn ép của những bè phái đa số xấu xa, nên những phe phái bị chèn ép sẽ đòi thiết lập một chính quyền độc lập, không thể cho phép đa số thực hiện được mong muốn của mình. Đây là minh chứng cho sự cần thiết của một nhà nước liên bang rộng lớn.

Trong nhà nước cộng hòa rộng lớn như Hợp chúng quốc, những lợi ích, những phe phái và những tôn giáo trở nên rất đa dạng. Một đa số trong xã hội hiếm khi thống nhất vì bất kỳ một mục tiêu nào khác, ngoài những mục tiêu công bằng và thịnh vượng chung cho toàn xã hội. Nhờ đó, thiểu số sẽ ít bị nguy hiểm hơn do ý muốn của đa số. Để đảm bảo sự an toàn cho thiểu số, chính quyền phải hình thành một ý muốn không phụ thuộc vào đa số hay nói cách khác, một ý muốn độc lập với chính bản thân xã hội. Điều này thực sự

quan trọng, bất chấp những quan điểm trái ngược có hình thành đi chăng nữa, miễn là ý muốn này nằm trong sự kiểm soát và trong một xã hội càng rộng lớn, càng có khả năng hình thành một xã hội tự trị. Và thật hạnh phúc cho mục tiêu CỘNG HÒA CAO CẢ có thể đạt được bằng việc mở rộng lãnh thổ quốc gia tới phạm vi rất rộng lớn, với một sự điều chỉnh và pha trộn khôn ngoan, sáng suốt của NGUYỄN LÝ LIÊN BANG.

PUBLIUS

Về việc thiếu vắng Tuyên ngôn Nhân quyền (Bill of Rights)

Một trong những luận cứ chống đối Hiến pháp của phe chống Liên bang là việc thiếu vắng Tuyên ngôn Nhân quyền. Nhiều người Mỹ lo sợ rằng sau khi thiết lập, chính quyền liên bang sẽ cướp hết mọi quyền tự do của dân chúng và sẽ chèn ép họ và rồi biến thành một thứ nhà nước chuyên quyền, hoặc của giới quý tộc.

Bài báo dưới đây là quan điểm của phe chống Liên bang. Trong bài báo này, tác giả đã phân tích sự cần thiết phải có đạo luật qui định quyền không thể xâm phạm của con người. Chính nhờ những nỗ lực đó mà sau này, với sự khởi xướng của Madison, Quốc hội Mỹ đã phê chuẩn 10 tu chính án đầu tiên cho bản Hiến pháp. Những tu chính án này, dưới tên gọi chung là Tuyên ngôn Nhân quyền, qui định đầy đủ những quyền bất khả xâm phạm của con người.

Khi một tòa nhà được xây dựng với mong muốn sẽ tồn tại lâu dài, thì nền tảng ngôi nhà cần phải được thiết lập vững chắc. Bản Hiến pháp được đệ trình cho các bạn phê chuẩn không phải chỉ dành riêng cho các bạn mà còn cho cả nhiều thế hệ khác sẽ được sinh ra mai sau. Do đó, những nguyên tắc thiết lập nên xã hội này cần và phải được tuyên bố rõ ràng và chính xác. Vì thế, cần phải đưa ra một tuyên bố thể hiện đầy đủ và rõ ràng nhất quyền của con người. Nhưng đáng tiếc rằng bản Hiến pháp đã im lặng về vấn đề này.

Những suy nghĩ và quan điểm của dân chúng Mỹ, từ những tuyên bố chân thành nhất của họ, đều chứng tỏ một sự thật hiển nhiên rằng mọi người sinh ra là tự do. Do đó, không người nào, hay tầng lớp nào có quyền của tạo hoá, hay của Chúa, được chèn ép đồng bào mình. Xã hội được thiết lập không phải bởi bất cứ quyền tự nhiên nào cho phép người này cai trị người kia mà phải ở sự đồng lòng, thống nhất của tất cả mọi người. Nhu cầu cần đến nhau của con người là căn nguyên đầu tiên hình thành nên các xã hội. Khi xã hội được hình thành, chính sự bảo vệ và che chở là nguyên nhân thiết yếu để thành lập chính quyền.

Trong một nhà nước nguyên thủy, mọi cá nhân đều theo đuổi lợi ích riêng rẽ. Trong quá trình theo đuổi đó, thường xuyên xảy ra việc tài sản và sở thích của một người phải hy sinh cho quan điểm và ý đồ của người khác. Như vậy, kẻ yếu sẽ làm con mồi cho kẻ mạnh; những người ngờ nghếch và thật thà sẽ chịu khuất phục trước những người khôn ngoan và mưu mô hơn.

Trong nhà nước nguyên thủy, sự an toàn của mọi cá nhân không hề được đảm bảo. Do đó, lợi ích chung của mọi người đòi hỏi rằng cần phải thiết lập một chính quyền, để tập hợp sức mạnh của cả cộng đồng, để bảo vệ và che chở cho tất cả mọi người trong xã hội. Như vậy, sự thịnh vượng và lợi ích chung là mục tiêu của mọi chính quyền văn minh và sự đồng lòng của mọi người chính là nền tảng thiết lập nên chính quyền. Nhằm mục đích này, cần phải trao nộp cho nhà nước một số quyền tự do mà tự nhiên ban phát cho loài người, để những quyền tự do còn lại được tôn trọng và bảo vệ, dù tôi không thể khẳng định được các cá nhân phải trao nộp bao nhiêu phần quyền tự do tự nhiên của mình cho chính quyền. Tuy nhiên, có lẽ rất nhiều quyền cần phải trao nộp cho chính quyền, ít nhất là phải đủ để những người cai trị thiết lập luật pháp, nhằm đảm bảo đem lại hạnh phúc cho cả cộng đồng và thi hành được các quyền này.

Nhưng cũng để đảm bảo hạnh phúc của mình, các cá nhân không cần thiết

phải trao nộp mọi quyền tự do mà Thượng đế đã ban cho họ. Một số những quyền tự do cá nhân đó là không thể trao nộp, như các quyền tự do tín ngưỡng, quyền được sống hạnh phúc và quyền tự vệ... Những quyền khác, không cần thiết cho việc thiết lập chính quyền và không cần thiết để thi hành các đạo luật của chính quyền, thì không cần trao nộp. Việc trao nộp những quyền này sẽ đi ngược lại và phá hỏng ngay chính mục đích của chính quyền, đi ngược lại lợi ích chung của cả cộng đồng. Những nhận xét đó chứng tỏ để hình thành chính quyền trên những nguyên tắc đúng đắn thì nền tảng đó cần phải được thiết lập theo cách thức tôi đã tuyên bố trước đây, với việc duy trì và bảo đảm những quyền thiết yếu của con người, nếu những quyền này là không thể tách rời. Chính những lý do này đã buộc loài người phải hợp tác với nhau và thiết lập nên chính quyền. Nhờ sự hoạt động của chính quyền, những quyền khác của con người sẽ được bảo đảm.

Nếu như loài người sẵn lòng tự nguyện sống tuân theo lẽ phải thì chẳng cần đến chính quyền làm gì. Nhưng chỉ bởi vì một nhóm người thường thi hành những mưu mô lừa lọc và chèn ép những người khác, nên con người phải kết hợp lại với nhau. Họ đồng ý rằng cần phải thiết lập những luật lệ nhất định để qui định tư cách đạo đức của tất cả mọi người và trao quyền lực của toàn thể cộng đồng vào tay một số người lãnh đạo để buộc những kẻ phá rối phải tuân theo. Nhưng những người cai trị đôi khi cũng có xu hướng lạm quyền như những người khác. Họ thường có xu hướng sử dụng những quyền đã trao cho mình vì các mục đích cá nhân và gây tổn hại, hay chèn ép những người khác, giống như những cá nhân trong xã hội nguyên thủy gây tổn hại và bức bách nhau. Do đó, cần phải ràng buộc và thiết lập ranh giới rõ ràng cho những quyền này, sao cho chính quyền, ngay từ khi được thiết lập, không được làm tổn hại đến những cá nhân trong xã hội.

Nguyên tắc này là bản chất của tất cả mọi xã hội, được kinh nghiệm và thực tế khắp mọi nơi khẳng định rõ ràng. Những người cai trị, trong mọi thời đại, đều cố gắng tìm cách mở rộng quyền hạn của mình và giảm bớt sự tự do của

dân chúng. Điều này làm cho dân chúng ở mọi quốc gia, những nơi còn một chút tự do nào đó, thiết lập "những hàng rào" chống lại sự lạm quyền của nhà cai trị. Chính quốc gia mà đất nước chúng ta đòi độc lập là một ví dụ điển hình về điều này.

Bản Đại hiến chương Magna Carta và Tuyên ngôn nhân quyền là niềm tự hào và kiêu hãnh từ nhiều thế kỷ nay, đã đảm bảo sự an toàn cho quốc gia này. Tôi nghĩ không cần phải nói nhiều đối với người Mỹ rằng đó là một nguyên tắc cơ bản trong mọi bản Hiến pháp tiểu bang của chúng ta. Không một bản Hiến pháp nào trong số các bản Hiến pháp này không dựa trên Tuyên ngôn nhân quyền, hoặc những tuyên bố rõ ràng các quyền không thể bị vi phạm, được ghi trong những văn bản đó. Chính vì điều này, nên khi những xung đột đấu tranh đòi tự do tăng cao, khi dân chúng được kêu gọi nhằm thiết lập chính quyền cho mình, họ đều thống nhất một lòng mong ước chung rằng những tuyên bố như vậy cần phải trở thành một phần nền tảng thiết lập nên chính quyền. Như thế sẽ thấy thật kinh ngạc khi sự đảm bảo quan trọng nhất về quyền của con người lại không hề có trong bản Hiến pháp này.

Để trả lời những phản đối đó, người ta nói rằng một tuyên bố về các quyền là vô cùng cần thiết trong bản Hiến pháp của các tiểu bang, nhưng không cần thiết trong bản Hiến pháp của Liên bang bởi vì "đối với tiểu bang, tất cả những quyền không được đảm bảo, đều phải tuyên bố rõ ràng trong Hiến pháp. Nhưng trong bản Hiến pháp liên bang, thì ngược lại, chỉ qui định những quyền cần phải trao nộp cho chính quyền liên bang, còn tất cả những quyền khác không tuyên bố trong bản Hiến pháp đều thuộc về dân chúng". Chẳng cần mất nhiều công sức, cũng phát hiện thấy cách lý giải này không hề vững chắc mà chỉ là đứng ở vẻ bề ngoài. Những thẩm quyền, những quyền và quyền hạn, được trao cho chính quyền Liên bang, theo như bản Hiến pháp này là hoàn chỉnh, giống như Hiến pháp của bất kỳ tiểu bang nào, đề cập đến mọi vấn đề, như hạnh phúc, tự do và quyền sở hữu của mọi người

dân. Do đó, cũng vì lý do này, việc chính quyền liên bang thi hành những quyền lực đó, trong trường hợp này, phải được giới hạn trong phạm vi thích hợp, như đối với các chính quyền tiểu bang. Để vấn đề này trở nên rõ ràng, cho phép tôi đề cập một số điều khoản trong Tuyên ngôn nhân quyền của các tiểu bang và áp dụng chúng trong trường hợp này.

Để đảm bảo an toàn cho cuộc sống và trong các vụ xét xử tội phạm, Tuyên ngôn nhân quyền của hầu hết các tiểu bang đều tuyên bố không một người nào bị bắt giữ để tra xét về một tội ác cho đến khi bị buộc đã gây ra tội ác này. Người này sẽ không thể bị cưỡng ép và buộc tội, hay tự làm bằng chứng chống lại mình. Những nhân chứng chống lại người này sẽ bị đưa ra đối chứng và các quan tòa và thẩm phán phải nghe lời bào chữa của người này, hoặc luật sư của người này. Điều vô cùng cần thiết để đảm bảo cuộc sống và sự tự do là những sự thật và bằng chứng đó phải được xét xử tại phiên tòa gần với nơi xảy ra vụ việc. Tại sao những điều khoản cần thiết như vậy lại không được tuyên bố trong bản Hiến pháp Liên bang như đối với các tiểu bang? Những quyền lực mới trao cho Quốc hội Liên bang mở rộng ra nhiều trường hợp. Họ được phép phê chuẩn và tuyên án nhiều vụ tử hình, nhưng không có qui định nào kiểm soát hay hạn chế việc thi hành quyền này của họ mà lẽ ra cần phải qui định rằng "mọi phiên tòa xét xử tội phạm ngoại trừ trường hợp bị luận tội phản quốc, sẽ được tiến hành với một ban bồi thẩm và vụ xét xử đó phải được tiến hành tại tiểu bang nơi vụ án này xảy ra". Không người nào được đảm bảo an toàn, nếu bị xét xử tại nơi anh ta bị luận tội, hay bị khiêu kiện, bởi vì anh ta có thể được mang từ Niagara đến New York, hay từ Kentucky đến Richmond để xét xử, vì tội danh bị qui kết. Khi một người bị buộc tội bởi những sự kiện và bằng chứng chống lại anh ta thì đâu là sự đảm bảo an toàn cho anh ta? Liệu anh ta có được phép đưa ra các bằng chứng bênh vực mình không? Liệu anh ta có được đối chứng, mặt đối mặt, với các nhân chứng chống lại anh ta không? Lời biện hộ của anh ta hay của luật sư bào chữa cho anh ta có được lắng nghe không?

Để đảm bảo tự do, từng đã có tuyên bố rằng: "Không thể đòi hỏi quá mức số tiền bảo lãnh, cũng không được thi hành các biện pháp trừng phạt dã man hay tra tấn. Rằng mọi lệnh khám xét những điểm tình nghi, hay lệnh bắt bất cứ người nào, hay cưỡng buộc việc tịch thu tài sản và thư từ của người đó mà không được bảo đảm bởi lời tuyên thệ hoặc không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đều là hành động đàn áp và ghê tởm".

Những điều khoản đó là cần thiết cho một chính quyền liên bang, cũng như với các chính quyền tiểu bang, bởi chính quyền liên bang có đủ quyền lực như chính quyền tiểu bang trong việc đòi tiền bảo lãnh, tiền nộp phạt, ban hành lệnh khám xét hay bắt giữ người, tịch thu giấy tờ hay tài sản trong những trường hợp nhất định.

Để đảm bảo tài sản của dân chúng, mọi tiểu bang cần phải tuyên bố rõ ràng "trong mọi tranh cãi luật pháp, về quyền sở hữu, hình thức xét xử của tòa án bởi một ban bồi thẩm là một trong những biện pháp bảo vệ tốt nhất những quyền của con người. Đó phải là hình thức thiêng liêng và bất khả xâm phạm."

Liệu việc đảm bảo các quyền này chỉ cần thiết đối với chính quyền tiểu bang chứ không cần thiết cho chính quyền liên bang chăng? Nhưng bản Hiến pháp Liên bang lại không có điều khoản nào qui định về vấn đề này. Trong Tuyên ngôn nhân quyền của các tiểu bang đều tuyên bố rằng một đội quân thường trực là sự bảo vệ cần thiết và đúng đắn cho một chính quyền tự do. Nhưng trong thời gian hòa bình, đội quân thường trực đó là điều nguy hiểm, nên không cần thiết. Đội quân đó cần phải được tổ chức và hoạt động với những qui định bổ sung và được quyền dân sự kiểm soát.

Vì thế, bản Hiến pháp Liên bang cần phải có sự đảm bảo an toàn đó, thậm chí, còn phải đảm bảo hơn thế, bởi chính quyền liên bang là nơi duy nhất có quyền thiết lập và trả lương cho quân đội, nhưng lại không chịu sự kiểm soát nào trong việc chỉ đạo hoạt động của đội quân này. Và bản Hiến pháp mới

không hề có điều khoản nào qui định sự kiểm soát này.

Tôi có thể lấy dẫn chứng hàng loạt những quyền khác, như quyền tự do bầu cử, quyền tự do báo chí cũng phải được bảo đảm và tôn trọng thiêng liêng. Những trường hợp viện dẫn đó đủ để chứng minh rằng lập luận này đưa ra không phải không có cơ sở. Đó là bằng chứng cho thấy lý lẽ của những người soạn thảo Hiến pháp đưa ra là không đúng. Tại sao những người soạn thảo ra bản Hiến pháp này lại bỏ sót Tuyên ngôn nhân quyền? Nếu như đã có tuyên bố về các quyền thì họ lại không tìm cách bảo vệ và duy trì nó. Chúng ta thấy khoản 9 của Điều I tuyên bố: "Quyền được tòa án thẩm định lý do bắt giam sẽ không bị tước đoạt, trừ trường hợp có phiến loạn và xâm lược và do yêu cầu nhằm đảm bảo nền an ninh chung. Không được thông qua bất cứ đạo luật nào trừng phạt một con người mà không thông qua xét xử. Không một đạo luật hồi tố nào được ban hành".

... Nếu như tất cả mọi quyền không nêu ra là vẫn dành cho dân chúng, sự đúng đắn của những ngoại lệ nêu ra trên đây là gì? Điều khoản nào của bản Hiến pháp này ban quyền cho tòa án lệnh đình quyền giam giữ, quyền ban hành đạo luật hồi tố, hay quyền ban phát danh hiệu quý tộc? Không có điều khoản cụ thể nào qui định những quyền này. Câu trả lời duy nhất đó là những quyền này đều được ngầm hiểu thuộc phạm vi những quyền hạn chung trao cho chính quyền. Nếu vậy thì mọi quyền lực của Tuyên ngôn nhân quyền nhằm chống lại sự lạm dụng đó, đều được trình bày hay ngầm hiểu là nằm trong các quyền lực chung của bản Hiến pháp này.

Việc nói rằng Tuyên ngôn nhân quyền trong bản Hiến pháp liên bang ít cần thiết như đối với các bản Hiến pháp tiểu bang là hoàn toàn mâu thuẫn và vô lý. Hệ thống này, nếu được dân chúng Hợp chúng quốc phê chuẩn, sẽ là bản khế ước căn bản và là nguyện vọng cao cả nhất, chẳng khác gì qui định vô hiệu hóa mọi thỏa thuận khác nếu chúng vi phạm khế ước này. Chính vì thế, mô hình chính quyền sẽ phải do toàn thể dân chúng phê chuẩn và sau khi bản

Hiến pháp này được phê chuẩn, mọi qui định khác đều phải bị hủy bỏ. Điều này được tuyên bố rất rõ ràng trong Điều 6:

"Hiến pháp này, các đạo luật của Hợp chúng quốc được ban hành theo Hiến pháp này, mọi điều ước đã hoặc sẽ được ký kết dưới thẩm quyền của Hợp chúng quốc, sẽ là luật tối cao của quốc gia. Quan tòa ở các bang đều phải tuân theo những luật này. Bất cứ điều khoản nào trong Hiến pháp, hoặc luật pháp của các bang, nếu trái ngược với Hiến pháp Liên bang, đều không có giá trị.

Các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ, các thành viên của cơ quan lập pháp các bang, các quan chức trong cơ quan hành pháp của Liên bang lẫn tiểu bang đều phải tuyên thệ ủng hộ Hiến pháp này. Nhưng không một điều kiện tôn giáo nào bị coi là bắt buộc, như tiêu chuẩn cần thiết để bổ nhiệm vào các chức vụ, công sở của Hợp chúng quốc".

Đó không chỉ là sự ám chỉ mà là một tuyên bố rất rõ ràng rằng những bản Hiến pháp của các tiểu bang phải bị hủy bỏ và hoàn toàn vô hiệu lực, nếu chúng trái ngược với bản Hiến pháp Liên bang, trái ngược với những đạo luật do Liên bang ban hành, trái ngược với những hiệp ước đã hoặc sẽ được Liên bang ký kết. Vậy làm sao bản Hiến pháp tiểu bang còn đảm bảo quyền công dân được nữa? Trong trường hợp tranh cãi, câu trả lời sẽ là bản Hiến pháp của Hợp chúng quốc và các đạo luật của liên bang là bộ luật tối cao, mọi viên chức lập pháp, tư pháp, dù là của chính quyền liên bang hay tiểu bang, đều bị ràng buộc bởi lời thề tuân thủ và bảo vệ Hiến pháp. Không có đặc ân nào bảo đảm quyền của con người bằng một Tuyên ngôn nhân quyền bởi chính quyền các tiểu bang không hạn chế được thẩm quyền đã trao cho Liên bang, hay kiểm chế bất cứ đạo luật nào do Liên bang ký kết. Do đó, điều tuyệt đối quan trọng là các tuyên bố và sự bảo đảm về các quyền của con người cần phải được ban hành.

Đòi hỏi đó càng cần thiết hơn vì không chỉ bản Hiến pháp và các đạo luật sẽ

được ban hành mà còn mọi bản Hiệp ước, do Hợp chúng quốc ký kết, đều là đạo luật tối thượng trên mảnh đất này, và tối thượng hơn mọi bản Hiến pháp của các tiểu bang. Trong qui định quyền ký kết các bản Hiệp ước được trao cho Tổng thống với sự chấp thuận của 2/3 Thượng viện, tôi không thấy giới hạn nào về việc thực thi quyền này. Bất kỳ điều khoản quan trọng nào trong bất kỳ bản Hiến pháp nào cũng có thể bị hủy bỏ, thậm chí, không cần có quyết định của Quốc hội. Liệu một chính quyền với những thẩm quyền quá rộng lớn và mập mờ như thế, lại không cần bị hạn chế bởi một Tuyên ngôn nhân quyền chăng? Vì thế, hiển nhiên, Tuyên ngôn nhân quyền là cần thiết!

Tôi không thể không nghi ngờ những người đang cố tìm cách thuyết phục dân chúng tin rằng những điều khoản hạn chế như vậy trong bản Hiến pháp Liên bang là không cần thiết như với các bản Hiến pháp tiểu bang, là những người mưu đồ có chủ tâm, nhằm lừa dối chúng ta và không đưa các bạn tới điều gì khác, ngoài thân phận nô lệ.

BRUTUS

Tranh luận tại Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp của Virginia

Từ cuối năm 1787, 13 tiểu bang của nước Mỹ đã lần lượt tổ chức các hội nghị phê chuẩn của mình. Trong các hội nghị này, sự mâu thuẫn và xung đột giữa phe Liên bang và phe chống Liên bang diễn ra rất quyết liệt. Khi đó, Virginia là một trong ba tiểu bang lớn nhất của Hợp chúng quốc, (hai tiểu bang khác là New York và Pennsylvania). Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp của Virginia tiến hành từ ngày 2 tháng Sáu năm 1788 tại Richmond, với sự có mặt của nhiều chính khách hàng đầu nước Mỹ. Hội nghị này đã thảo luận từng điểm một trong bản Hiến pháp. Phe chống liên bang, bao gồm Patrick Henry, George Mason và Henry Lee, đưa ra hàng loạt những chất vấn, còn phe Liên bang, dẫn đầu là Madison, đã giải thích và biện hộ cho bản Hiến pháp.

Ngày 25 tháng Sáu năm 1788, nhờ những nỗ lực của Madison, Virginia đã chính thức phê chuẩn bản Hiến pháp mới với 89 phiếu thuận và 75 phiếu chống, nhưng phải kèm theo hàng loạt những điều sửa đổi bổ sung. Sự phê chuẩn Hiến pháp của Virginia có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với tiến trình thành lập liên minh và củng cố niềm tin cho phe Liên bang tại New York.

Phần này giới thiệu một số bài phát biểu và những tranh luận quan trọng trong Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp của Virginia. Đây cũng là những cuộc tranh luận điển hình tại các hội nghị phê chuẩn Hiến pháp của các tiểu bang. Những lập luận dưới đây minh họa lý do tại sao Tổng thống, cũng như các Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ ở Mỹ, lại chỉ nhận được một mức lương tương đối hạn hẹp so với các quốc gia khác, cũng như giải trình nhiều vấn đề quan trọng khác...

Ngày 14 tháng Sáu năm 1788.

Các khoản 4 và 5, Điều 1 của bản Hiến pháp được đọc trước toàn Hội nghị .

Ngài MONROE: Muốn những quý ngài đáng kính, những người tham dự Hội nghị Lập hiến, trình bày lý lẽ về các điều khoản liên quan đến việc bầu cử Quốc hội. Ông muốn biết tại sao Quốc hội lại có toàn quyền quyết định thời gian, địa điểm và cách thức của việc bầu Hạ nghị sĩ, thời gian và cách thức bầu chọn Thượng nghị sĩ và tại sao lại có trường hợp ngoại lệ về khu vực bầu cử Thượng nghị sĩ.

Ngài MADISON: Thưa Ngài Chủ tịch Hội nghị, lý do ngoại lệ đó là nếu Quốc hội có thể ấn định khu vực bầu cử Thượng nghị sĩ, Quốc hội có thể sẽ bắt ép các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn ra các Thượng nghị sĩ tại các địa điểm khác với nơi thường tổ chức các cuộc bầu cử bình thường của họ. Điều này có thể dẫn đến một số bất lợi, nên không cần thiết phải có qui định cụ thể về vấn đề này. Nhưng việc trao cho chính quyền liên bang quyền quyết định thời gian và cách thức bầu chọn Thượng nghị sĩ là cần thiết để ngăn

cấm sự giải tán của chính cơ quan này.

Đối với điều khoản qui định về cách thức, thời gian và địa điểm của việc bầu chọn Hạ nghị sĩ, cần phải thống nhất trên toàn quốc. Một số tiểu bang qui định bầu cử theo nguyên tắc bình đẳng, nhưng một số tiểu bang khác thì không. Sự khác biệt này rõ ràng là không công bằng. Hiện nay, việc bầu cử được qui định không công bằng tại nhiều nơi, đặc biệt là tại Nam Caroline, khi ưu ái thành phố Charleston, nơi có tới 30 đại biểu. Nếu dân chúng của bất kỳ tiểu bang nào, dưới bất kỳ hình thức nào, bị mất quyền bầu cử, cách làm đúng đắn là trao quyền qui định này cho chính quyền Liên bang. Nhưng việc ấn định chi tiết và cụ thể cách thức, thời gian và địa điểm của việc bầu chọn Hạ nghị sĩ trong bản Hiến pháp là điều không thể làm được.

Do vậy, trước tiên cần thiết phải trao quyền này vào tay chính quyền các tiểu bang, nơi gần gũi nhất với dân chúng, nhằm tạo ra sự thống nhất và duy trì quyền của các tiểu bang. Vì các chính quyền tiểu bang và liên bang là các cơ quan biệt lập, hoạt động theo những nguyên tắc khác nhau và độc lập đối với dân chúng, nên phải trao quyền qui định các vấn đề cụ thể cho chính quyền tiểu bang và các qui định mang tính thống nhất chung cho chính quyền liên bang. Nếu mọi vấn đề liên quan đến cuộc bầu cử, đều hoàn toàn đặt dưới sự kiểm soát của các chính quyền tiểu bang, thì chính quyền liên bang có thể sẽ dễ dàng bị giải tán. Nhưng nếu điều này được các chính quyền tiểu bang qui định một cách đúng đắn và phù hợp, quyền kiểm soát của Quốc hội có thể sẽ chẳng bao giờ cần dùng đến. Cá nhân tôi hài lòng với qui định này vì quyền lực đó khó bị lạm dụng như các điều khoản khác trong bản Hiến pháp.

...

Ngài MONROE: Muốn nghe lời giải thích về điều khoản cấm bất kỳ Viện lập pháp nào, trong kỳ bầu cử được quyền hoãn họp hơn ba ngày nếu không được sự chấp thuận của viện kia. [mục 4, khoản 5, điều 1]. Ông chất vấn rằng liệu điều này có đúng không, nếu các thành viên của Hạ viện phải phụ

thuộc vào Thượng viện? Điều này sẽ làm Hạ viện không được phép hoãn họp và trở về nhà, nếu không nhận được sự đồng ý của Thượng viện. Qui định này sẽ làm tăng ảnh hưởng hiện đã quá lớn của Thượng viện.

Ngài MADISON: Nghĩ rằng có thể hai Viện không thống nhất với nhau về thời gian hoãn họp. Khi đó, có thể trao cho Tổng thống quyền quyết định việc hoãn họp đến một thời điểm thích hợp. Điều này là ngoại lệ cho phép các Thượng nghị sĩ, hay thậm chí, các Hạ nghị sĩ được quyền hoãn họp, nếu không được sự chấp thuận của Viện kia, vì bất cứ lý do nào mà không cần quan tâm đến tình trạng cấp bách của công chúng. Điều này có thể gây ra một số hậu quả không tốt, nhưng đã được đảm bảo tới mức có thể.

Thống đốc RANDOLPH: Cho rằng bản Hiến pháp của tiểu bang Massachusetts là một ví dụ minh họa. Tại Hội nghị Lập hiến, các đại biểu đã tán thành việc trao quyền lực đó cho Tổng thống. Nếu ông ta trung thực, ông ta sẽ thi hành những việc đúng đắn. Nếu ông ta không trung thực, những đại biểu của dân chúng sẽ luận tội và phế truất ông ta.

Khoản 6, Điều 1 lại được đọc trước Hội nghị (mục qui định về lương của các nghị sĩ Liên bang).

Ngài HENRY: Thưa Ngài Chủ tịch Hội nghị. Chúng ta cần giảm bớt những khoản chi tiêu nên tôi nghĩ một số quý ngài có thể sẽ phản đối điều khoản này. Các khoản lương bổng của các thành viên Quốc hội, theo như bản Hiến pháp này, lại được chính họ ấn định mà không có điều khoản hạn chế hay ràng buộc nào. Như vậy, có thể họ sẽ tự cho phép mình được hưởng khoản lương bổng lớn nhất, có thể quyết định khoản bồi thường cho những hoạt động của mình cao tới mức họ muốn. Tôi nghĩ rằng nếu họ là người tốt, chính sự tinh tế và thanh cao sẽ làm họ hài lòng với một khoản lương vừa phải. Nhưng trong bản Hiến pháp, lại không có điều khoản nào bảo đảm điều này, liệu họ có khuynh hướng ngược lại không? Tôi thật sự tin rằng nếu các cơ quan lập pháp tiểu bang có quyền ấn định khoản tiền sẽ trả cho họ, thì

không có sự bất tiện nào xảy ra cả và công chúng cũng sẽ hài lòng hơn. Nhưng cũng trong điều mục này lại còn một khiếm khuyết khác có thể gây hậu quả nghiêm trọng hơn. Không có điều khoản nào ngăn chặn sự tham nhũng. Họ có thể được bổ nhiệm vào chức vụ này mà không hề bị điều khoản nào hạn chế hay ràng buộc rõ ràng. Nguồn gốc tham nhũng chủ yếu của những người đại diện là những hy vọng và trông đợi về các khoản lương bổng và chức vụ. Sau khi những cơ quan của chính phủ được thành lập và chính quyền bắt đầu đi vào hoạt động, họ có thể được bổ nhiệm vào bất cứ cương vị nào bị trống và họ có thể thiết lập nên nhiều chức vụ mới rồi bổ nhiệm những người khác vào đó. Vậy điều khoản này trong Hiến pháp nói gì? "Trong thời gian được bầu làm Thượng nghị sĩ hoặc Hạ nghị sĩ, không một ai được bổ nhiệm vào một chức vụ dân sự trong chính quyền Hợp chúng quốc. Trong thời gian đó tiền lương của họ sẽ không bị giảm và không một ai đang đảm nhiệm một chức vụ dân sự nào trong chính quyền Hợp chúng quốc được bầu vào Quốc hội".

Đó là một ý tưởng xa lạ. Ông ta (viên nghị sĩ Quốc hội), không được nhận bất cứ chức vụ nào nếu nó được lập ra trong suốt nhiệm kỳ ông ta được bầu chọn và không được hưởng khoản lương tăng lên trong nhiệm kỳ đó! Liệu có phải điều này nói rằng nếu một chức vụ được tạo ra không phải trong nhiệm kỳ ông ta được bầu chọn và một khoản lương bổng không tăng lên trong thời gian đó, thì ông ta được phép nhận chăng? Tôi thấy hoàn toàn là đúng như vậy. Nếu chúng ta muốn loại bỏ sự cảm dỗ của những chức vụ này, có một cách rõ ràng để thể hiện điều này như có thể qui định rằng nếu một đại biểu Quốc hội muốn nhận một chức vụ hay một khoản lương nào khác thì phải rời khỏi Quốc hội. Tôi có thể nhầm lẫn, nhưng cũng mong các quý ngài khác có thể đưa ra những lời giải thích hài lòng về vấn đề này.

Ngài MADISON: Thưa Ngài Chủ tịch, tôi mong ước một cách chân thành nhất đưa ra lời giải thích đúng đắn về việc này, theo một cách thức có thể làm hài lòng hết thảy mọi người. Tôi sẽ trình bày một số giải pháp mà Hội

ngị đã đề xuất, đề giải quyết vấn đề này. Các khoản lương bổng và sự bồi thường cho họ về những hoạt động nghị viện, nếu trên thực tế có thể ấn định trong bản Hiến pháp thì sẽ không phải phụ thuộc vào chính Quốc hội hay các cơ quan lập pháp tiểu bang. Nhưng giá cả thay đổi, hay đúng hơn là sự mất dần giá trị của mọi đồng tiền, là lý do không thể xác định các khoản lương bổng một cách cố định. Ví như một khoản lương bổng tương xứng hiện nay, nhưng với việc đồng tiền dùng trong thanh toán của chúng ta mất dần giá trị, có thể sẽ trở nên rất không tương xứng tại một thời điểm nào đó không quá xa.

Nhưng sẽ là không đúng đắn nếu trao quyền ấn định này cho cơ quan lập pháp tiểu bang bởi việc một chính phủ này phụ thuộc vào một chính phủ khác là không thích hợp. Những bất lợi của thể chế cũ cho thấy các tiểu bang hoạt động vì những lợi ích địa phương, có thể đi ngược lại lợi ích chung của tất cả mọi người, hay của chính quyền quốc gia. Kinh nghiệm cũng chỉ cho chúng ta thấy rằng nếu các đại biểu Quốc hội bị khống chế bởi quyết định của nghị viện tiểu bang, thì rồi họ cũng chịu ảnh hưởng của những cơ quan này. Sự bất lợi này buộc Quốc hội phải tự quyết định mức lương của mình. Vấn đề này được đối trọng tốt hơn bản Hiến pháp Hợp bang trước đây. Khi đó, việc các tiểu bang có quyền quyết định mức lương của các đại biểu tại Quốc hội Hợp bang đã phá hỏng chính quyền liên bang .

Không có ví dụ nào cho thấy các nghị sĩ sẽ lạm dụng quyền này. Trên khắp đất Mỹ, các nghị viện tiểu bang thường tự giảm lương của mình chứ không tăng lên. Điều gì sẽ xảy ra, nếu cơ quan lập pháp của Virginia tăng lương của họ lên 4 hay 5 bảng một ngày? Tất yếu sẽ là sự căm phẫn của dân chúng. Vì thế, Quốc hội sẽ phải giảm tiền lương của mình. Nếu họ đi ngược lại ý muốn chung của dân chúng, họ sẽ bị dân chúng chửi rủa. Chắc chắn rằng sự ghê tởm của dân chúng sẽ ngăn chặn việc lạm dụng quyền này.

Còn về mối nguy hiểm của việc thiết lập những cơ quan và chức vụ mới sẽ

làm tăng gánh nặng cho dân chúng và việc không có qui định thống nhất về tư cách của những người sẽ phục vụ đất nước. Cho tới nay, không có bất cứ bản Hiến pháp tiểu bang nào đi theo hướng này. Đây là một qui định cân bằng giữa hai thái cực. Nó chống lại sự lạm dụng bằng cách loại bỏ những động cơ muốn lập ra những chức vụ mới, hoặc muốn tăng lương bổng cho những chức vụ cũ. Qui định này cho phép các nghị sĩ bình đẳng như những công dân khác, được nhận bất kỳ chức vụ nào đang tồn tại mà họ có khả năng điều hành. Ngăn cấm họ nhận chức vụ này cũng là ngăn cấm họ được hưởng những đặc ân bình thường mà bất cứ công dân nào cũng có quyền được hưởng. Qui định này sẽ ngăn cản những công dân trung thành nhất và có tài năng nhất, từng phục vụ đất nước, được bình đẳng với những công dân khác. Tôi nghĩ bản Hiến pháp của chúng ta đã đề phòng cẩn thận nguy cơ này hơn bất cứ bản hiến pháp của quốc gia nào khác.

...

Thưa Ngài Chủ tịch, hãy để tôi được hỏi những người phản đối điều khoản này của bản Hiến pháp. Liệu có điều sửa đổi nào làm đáp ứng tốt hơn những mục đích này? Liệu việc ấn định mức lương của các đại biểu Quốc hội là tốt hơn chẳng? Điều này phải chẳng sẽ không gây bất cứ phiền phức nào? Chúng ta không có lý do gì để kết luận rằng giá trị của đồng tiền sẽ luôn luôn cố định. Liệu việc để họ phụ thuộc vào chính quyền tiểu bang về các khoản lương, những người đó đang nhìn họ bằng con mắt đố kỵ và ghen ghét, những người coi họ như thể xâm phạm đến chính bản thân mình, chứ không phải là công chúng, có khôn ngoan không? Một số đại biểu đáng kính đề nghị Quốc hội nên ấn định mức lương thật thấp, để chỉ có những người giàu có mới có thể đảm nhận chức vụ Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ. Nhưng thử hỏi ai là người sẽ bầu chọn họ? Những người giàu ư? Không, thưa Ngài. Chính dân chúng mới là những người bầu chọn họ. Nếu các đại biểu của chính quyền liên bang đồng ý giảm khoản lương họ được lĩnh xuống thấp tới mức hầu như chẳng có ý nghĩa gì, thì ngay lập tức, dân chúng sẽ chọn những

người khác thay thế họ, những người này sẽ thay đổi những qui định đó.

Dân chúng chọn người đại diện không phải vì sự giàu có của họ. Nếu các cơ quan lập pháp tiểu bang chọn lựa những người như vậy để đảm nhiệm chức Thượng nghị sĩ, điều này vẫn không ảnh hưởng đến toàn thể dân chúng trong việc chọn lựa những Hạ nghị sĩ của chính họ. Họ có thể chọn những người có tư cách cao quý nhất, nhưng có tiền bạc ít ỏi nhất. Những điều xấu xa khó có thể xảy ra và bây giờ, nếu có thể xảy ra thì với quyền lực đang ở trong tay, chúng ta sẽ khắc phục được điều này.

Một quý ngài khác cũng lo ngại nguy cơ lớn xuất hiện từ khả năng một nghị sĩ Quốc hội có thể được bổ nhiệm vào một chức vụ nào đó, mặc dù ông ta không còn là nghị sĩ tại thời điểm ông ta chấp nhận chức vụ này. Nhưng việc ngăn cấm ông ta không được đảm nhận cương vị này sẽ dẫn đến hậu quả gì? Nếu quốc gia chúng ta nguy hiểm, có một con người được đặt niềm tin rất cao, hơn hết thảy những người khác, cho một chức vụ quan trọng nhất, nhưng ông ta lại không được nhận chức vụ này trong vòng hai năm sau đó, nếu ông ta là Hạ nghị sĩ và trong vòng sáu năm sau đó, nếu ông ta là Thượng nghị sĩ. Giả sử nước Mỹ đang ở trong thời điểm nguy kịch của cuộc chiến tranh và người có tài năng quân sự xuất sắc nhất, có lòng chính trực cao nhất, lại là nghị sĩ Quốc hội, là người có khả năng dẫn dắt chúng ta giành chiến thắng, có thể cứu đất nước này khỏi sự đổ vỡ, lại không thể được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh cho tới khi nhiệm kỳ của ông ta hết hạn một thời gian nào đó chẳng? Trước khi ông ta nhận chức, có thể chúng ta đã bị kẻ thù đánh bại. Điều này có thể áp dụng cho lĩnh vực dân sự cũng như quân sự. Việc loại bỏ và ngăn cản bất kỳ con người có năng lực nhất đảm nhận những bổn phận đối với đất nước, đúng khi họ mong ước nhất, là hoàn toàn sai lầm.

...

Những nhận xét các quý ngài vừa mới đưa ra ở đây minh họa cho quan điểm của tôi rằng không thể đạt được mô hình nào được tất cả mọi người đồng ý.

Khi những mục tiêu đưa ra quá mâu thuẫn nhau, thì liệu chúng ta sẽ quyết định được điều gì? Mục tiêu của những tranh luận này là gì? Thưa Ngài, đó là tìm ra những kết luận đúng đắn và công bằng. Điều này có thể đạt được không, nếu không có những thỏa hiệp quan trọng và những suy luận hợp lý.

Khoản 7, Điều 1 lại được đọc lên và mọi người bắt đầu thảo luận .

Ngài GRAYSON: Phản đối việc Thượng viện có quyền tham gia sửa chữa những đạo luật về lợi tức và đánh thuế vì cho rằng quyền được sửa chữa cũng giống như quyền được khởi xướng các đạo luật. Thực chất, hai quyền này giống nhau. Theo ý kiến của ông, điều này đã rời xa nguyên tắc cơ bản qui định rằng chỉ có những người thực sự là đại diện của dân chúng mới được phép can thiệp vào các đạo luật liên quan đến tiền bạc. Ông muốn biết những lý do lập nên điều khoản này. Những quý tộc ở nước Anh chưa bao giờ được quyền can thiệp vào các đạo luật như vậy cả, nhưng ông không biết tại sao Thượng viện lại được phép làm điều đó. Tại Hạ viện, dân chúng được đại diện căn cứ theo qui mô dân số, còn ở Thượng viện là sự đại diện về năng lực chính trị của các tiểu bang. Delaware hay Rhode Island có số đại biểu bằng với Massachusetts. Vậy tại sao Thượng viện lại có quyền đối với các đạo luật về tiền bạc khi việc đại diện ở đây là không bình đẳng và công bằng?

Ngài MADISON: Thưa Ngài Chủ tịch, quý ngài này chỉ trích rằng điều khoản này mập mờ vì không khẳng định rõ viện nào sẽ là nơi khởi thảo các đạo luật về tiền tệ. Tôi nghĩ phần đầu tiên của khoản này đã tuyên bố rất rõ ràng và loại bỏ mọi nghi ngờ. Những quý ngài tham dự Hội nghị Lập hiến không thể thống nhất ý kiến về điểm này. Họ lo ngại việc trao toàn bộ quyền này cho bất kỳ viện nào. Bất kỳ ở điểm gì, chúng ta cũng khác biệt với nước Anh, nên không thể áp dụng qui định của nước Anh cho đất nước chúng ta. Đối với tôi, việc Thượng viện có quyền khởi thảo, hay có quyền sửa chữa, đều không gây nguy hiểm gì lớn. Một vài bản Hiến pháp tiểu bang ở Mỹ

không khác biệt nhau. Virginia và Nam Caroline, theo tôi nghĩ, là các tiểu bang duy nhất ràng buộc những quyền này. Nhưng ở Massachusetts và các bang khác, thì tất cả quyền này được trao cho các Thượng nghị sĩ và không phát sinh bất cứ điều phiền phức nào. Ngược lại, đối với Bắc Caroline, qui định này liên tục gây tranh cãi. Thượng viện tiểu bang này hầu như bác bỏ mọi dự luật do Hạ viện chuyển đến. Điều này thường xuyên gây nên sự bất hòa. Khi Ngài gửi một dự luật lên Thượng viện, nếu không có quyền được sửa đổi bất cứ điều gì thì cũng tức là Ngài đã buộc họ phải bác bỏ dự luật này. Quyền được đề xuất những thay đổi đã loại bỏ những phiền phức này và đối với tôi, không có gì phải phàn nàn cả. Tôi cũng không phản đối nếu trao cho họ quyền khởi thảo các dự luật đó. Dân chúng cần phải được biết điều gì đang diễn ra. Kiến thức và sự khôn ngoan của viện này sẽ bổ sung cho viện kia, nên bất kỳ viện nào cũng có quyền bác bỏ bất kỳ dự luật nào do viện kia đề xuất, nếu họ thấy bất công.

Không có giới hạn hay điều khoản nào trong Hiến pháp nước Anh ngăn cấm viện quý tộc can thiệp vào các đạo luật liên quan đến tiền bạc, trừ việc Viện Bình dân có quyền khởi thảo những đạo luật này, nhưng các quý tộc Anh vẫn đòi quyền được khởi thảo các dự luật này như Viện Bình dân, bởi họ sở hữu một lượng lớn tài sản và đều bị đánh thuế như nhau. Viện Bình dân phản đối đòi hỏi đó vì lo sợ các quý tộc sẽ phung phí tiền bạc cho nhà Vua và sẽ tăng thuế. Một quý ngài cũng nói rằng không có sự khác biệt giữa quyền khởi thảo và quyền đề xuất những sửa đổi. Dù không đáng kể, nhưng có một số khác biệt. Nếu như có bất kỳ lời phàn nàn nào xảy ra do hậu quả của những qui định không khôn ngoan về vấn đề lợi tức, sự dè bủ và chê trách sẽ được chia ra, chứ không đổ hết vào Viện Bình dân. Nhưng Ngài có thể an tâm trao quyền sửa đổi này cho Thượng viện. Khi một dự luật kèm theo những đề xuất sửa đổi gửi lại cho Hạ viện, nếu họ thấy những thay đổi là không tốt, họ sẽ không làm theo. Hạ viện chính là người phán xét tài sản của mình, và sự đề xuất của Thượng viện chẳng có ý nghĩa gì. Kinh nghiệm của nhiều tiểu bang đã chứng minh điều này nên tôi nghĩ quyền sửa chữa và đề

xuất của Thượng viện là cần thiết và hữu ích.

...

Ngày 19 tháng Sáu năm 1788.

Hội nghị đã nghe khoản 1 và khoản 2 của Điều 3 quy định quyền hạn của cơ quan tư pháp Hợp chúng quốc.

Ngài MASON: Dù cố tình hay vô tình, chính bản thân nguyên tắc này sẽ phá hỏng các cơ quan lập pháp tiểu bang. Tôi tin rằng điều này sẽ dẫn tới hậu quả đó. Nhưng nhiều quý Ngài của Hợp chúng quốc cho rằng chúng ta cần phải có một chính quyền quốc gia vững mạnh, nhưng việc thiết lập một cách từ từ sẽ tốt hơn là thành lập ngay lập tức. Đối với những người nghĩ rằng chính quyền vững mạnh là điều tốt nhất cho nước Mỹ, thì việc mở rộng quyền tư pháp là hoàn toàn cần thiết, nhưng tôi nghĩ nhiều người tại Hội nghị này lại có những ý kiến khác, bởi họ sẽ nhận thấy hạnh phúc của mình phụ thuộc vào các chính quyền tiểu bang. Theo suy xét của mình, tôi biết nhiều Quý Ngài đáng kính ủng hộ quan điểm kia... (Đến đây, Madison ngắt lời Mason, yêu cầu ông giải thích rõ ràng, vì những lời nói bóng gió đó có thể làm cho Hội nghị này tin rằng Hội nghị Lập hiến tán thành xu hướng tạo dựng chính quyền vững mạnh một cách chậm chạp, ông muốn Ngài G. Mason phải nói rõ “các Quý Ngài” được nói ở đây là ai).

Ngài MASON: Ít nhất đó là ý kiến của nhiều Quý Ngài tại Hội nghị Lập hiến và của nhiều người khác trên toàn nước Mỹ. Tôi không biết phải giải thích thế nào đối với đòi hỏi của Ngài Madison, nhưng tôi có thể nói một sự thật rằng nhiều Quý Ngài đáng kính, trong nhiều cuộc trao đổi cá nhân với tôi, đã nói rằng họ phản đối điều này. Và tôi cũng chưa hề nghe thấy bất kỳ đại biểu nào của tiểu bang này bênh vực cho những điều đó...

Bài phát biểu của Hamilton tại Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp của tiểu bang

New York

Alexander Hamilton là một trong những người biện hộ mạnh mẽ nhất cho bản Hiến pháp. Ông là tác giả chính của tác phẩm Người Liên bang, đồng thời cũng là lãnh tụ phe Liên bang tại New York, một tiểu bang giữ vị trí then chốt trong nhà nước liên minh 13 tiểu bang Bắc Mỹ, dù khi đó ông mới 33 tuổi.

Tháng Sáu năm 1788, ông tới dự Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang New York, nơi những người chống Liên bang chiếm đa số. Tại đây, với tài hùng biện và các lý luận sắc sảo, Hamilton thật sự là linh hồn và là động lực chính của phe ủng hộ Liên bang. Mặc dù không hoàn toàn thuyết phục được Hội nghị của New York, nhưng nỗ lực lớn của Hamilton có ý nghĩa rất quan trọng. Sau khi nhận được tin Virginia đã phê chuẩn Hiến pháp, cuối cùng ngày 26 tháng Bảy, tiểu bang New York cũng thông qua Hiến pháp, nhưng kèm theo ràng buộc về Tuyên ngôn nhân quyền.

Ngày 20 tháng Sáu năm 1788.

Để các Ngài hiểu rõ những nguyên tắc điều hành Hội nghị Lập hiến, tôi nghĩ cần phải giải thích một số bối cảnh ban đầu của Hội nghị Lập hiến.

Thưa các Ngài, vị trí tự nhiên dường như phân chia đất nước chúng ta thành những địa phương với những lợi ích khác nhau, có tiểu bang thuận lợi về hàng hải và có những tiểu bang, thì không. Các tiểu bang miền Bắc thật sự là các tiểu bang thương mại đường biển, còn các tiểu bang miền Nam thì không có phương tiện cũng như tinh thần thương mại đường biển. Sự khác biệt về vị trí địa lý tự nhiên tạo ra những khác biệt về lợi ích và quan điểm đối với vấn đề ngoại thương. Lợi ích của những tiểu bang miền Bắc đòi hỏi quyền thương mại hàng hải không bị hạn chế. Họ đòi chỉ cần đa số thường [quá bán - ND] trong Quốc hội để ban hành những qui định thương mại có lợi cho miền Bắc và để hạn chế sự buôn bán của nước ngoài. Ngược lại, các tiểu

bang miền Nam lại muốn hạn chế các bang miền Bắc bằng yêu sách phải đủ 2/3 số phiếu thuận ở Quốc hội mới có quyền thông qua các đạo luật thương mại và hàng hải. Các bang miền Nam hiểu rằng những hạn chế về quyền thương mại hàng hải sẽ không khuyến khích người nước ngoài và buộc họ phải dùng những tàu thuyền của các bang miền Bắc. Như vậy sẽ mở rộng ảnh hưởng của các bang này. Vì thế, các bang miền Nam khẳng định đòi bản Hiến pháp phải qui định cụ thể điều khoản này, còn các bang miền Bắc lo âu tới mức buộc phải chống lại.

Một mặt, các tiểu bang nhỏ muốn tiếp tục duy trì lợi thế họ đang được hưởng theo bản Các điều khoản Hợp bang bởi đó là những điều khoản cho phép sự bình đẳng giữa các bang lớn và bé. Nhưng ngược lại, các bang lớn coi việc các bang nhỏ như Rhode Island hay Delaware lại bình đẳng với họ là không công bằng và hoàn toàn sai lầm. Những vấn đề nhạy cảm này đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Do đó, thỏa hiệp là cần thiết, nếu không Hội nghị sẽ giải tán mà không đạt được kết quả nào. Liệu trong thời điểm nguy kịch đó, việc Hội nghị Lập hiến phó mặc mọi chuyện cho đất nước có phải là khôn ngoan không? Không! Thưa tất cả các Ngài đang có mặt ở đây, những người đã buộc tội những đại biểu tại Hội nghị Lập hiến. Hội nghị đã phải bổ nhiệm một ủy ban với mục đích hòa giải. Ủy ban này đã dàn xếp một thỏa hiệp như các Ngài đang thấy hiện nay và bản báo cáo của họ đã được toàn Hội nghị chấp thuận. Điều cần thiết là tất cả các phe phái đều phải chấp thuận. Các Quý Ngài sẽ thấy nếu không đạt được sự nhất trí và chấp thuận thì sẽ không làm được điều gì vì Hội nghị này không có quyền quyết định mà chỉ có quyền đề xuất một mô hình chính quyền phù hợp nhất. Mọi mô hình nào khác đều không thực tế. Hãy để Hội nghị phê chuẩn của chúng ta gặp nhau 20 lần. Không! Phải gặp nhau 20.000 lần, họ sẽ gặp đúng những khó khăn và những xung đột lợi ích cần được hòa giải như những gì Hội nghị Lập hiến đã gặp phải.

...

Các Quý Ngài đã có quá nhiều mối lo sợ không có căn cứ về những nguy cơ tác động đến chính quyền tiểu bang và dường như cho rằng ngay khi một người tham gia chính quyền quốc gia, ông ta lập tức sẽ trở nên xấu xa, tham nhũng, độc tài, chuyên chế và mất đi hết thảy mọi tình cảm thân ái, gắn bó với đồng bào mình. Nhưng liệu có thể cho rằng những Thượng nghị sĩ sẽ không nhận thức được chức vụ và phớt lờ mọi bổn phận của mình, nên sẽ hy sinh mọi lợi ích đúng đắn của những người đã bầu chọn mình chẳng?

Các chính quyền tiểu bang thực sự cần thiết đối với mô hình và mục đích của chính quyền liên bang. Do đó, nếu Quốc hội hoàn toàn tin vào sự cần thiết này, thì họ sẽ tìm cách gắn bó các hệ thống chính quyền với nhau ngay trên nguyên tắc một chính quyền quốc gia thuần túy. Niềm tin này không bao giờ rời khỏi họ, trừ khi họ trở thành những kẻ điên rồ. Trong khi bản Hiến pháp vẫn tiếp tục được xem xét và các nguyên tắc của nó đã được biết đến, các tiểu bang và các cá nhân hiểu biết, đều được coi là yếu tố thiết yếu, là những bộ phận không thể tách rời khỏi Nhà nước Liên minh. Do đó, ý nghĩ chính quyền liên bang sẽ xóa bỏ chính quyền tiểu bang là hoàn toàn không có căn cứ...

Có những nguyên tắc mang tính xã hội trong bản chất của loài người giúp chúng ta rút ra những kết luận đúng đắn về tư cách và đạo đức của những cá nhân và của cả cộng đồng. Chúng ta yêu gia đình chúng ta hơn những người hàng xóm và yêu những người hàng xóm hơn những người đồng bào. Những tình cảm quyến luyến của con người, cũng giống như sức nóng của mặt trời, càng ra xa trung tâm, sẽ càng mất sức nóng và lực tác động sẽ tỷ lệ nghịch với phạm vi chịu tác động. Cũng theo nguyên tắc này, những lợi ích của một cá nhân, trước hết, được các chính quyền tiểu bang đảm bảo. Vì thế, họ sẽ trở thành người bảo vệ và ủng hộ chính quyền này. Một nguồn gốc đảm bảo khác là những viên chức của tiểu bang. Các Quý Ngài đều cố gắng lảng tránh sức mạnh này bằng cách nói rằng những viên chức này sẽ không quan trọng. Nhưng các viên chức tiểu bang còn quan trọng hơn nữa vì họ cần thiết

và hữu ích. Quyền lực và sức mạnh của họ đặc biệt quan trọng đối với dân chúng bởi tài sản, sự tự do và cuộc sống của dân chúng đều chịu ảnh hưởng của họ.

Còn gì quan trọng hơn ngoài việc thi hành công lý, thi hành những bộ luật dân sự và hình sự? Liệu những chính quyền tiểu bang sẽ trở nên kém quan trọng hơn chẳng trong khi họ vẫn có quyền đánh thuế và không chịu sự kiểm soát nào? Nếu họ thực sự hữu ích, nếu họ thực sự thúc đẩy lợi ích và thịnh vượng của dân chúng, dân chúng sẽ tin tưởng và ủng hộ họ. Các tiểu bang sẽ không bao giờ mất đi quyền lực của mình, cho tới khi toàn thể dân chúng của Hợp chúng quốc bị cướp mất tự do. Do đó, chính quyền tiểu bang và dân chúng sẽ kề vai, sát cánh và ủng hộ lẫn nhau, bởi nếu không, họ sẽ cùng phải chịu chung một số phận...

[...]

Một kiến thức về bản chất của loài người đã dạy chúng ta rằng mục tiêu chính của con người là cuộc sống an toàn và thanh bình. Trong khi mối hiểm nguy còn cách xa, những hiểm họa của nó còn yếu, chưa rõ ràng và chỉ ảnh hưởng đến những người hàng xóm thì chúng ta có rất ít động cơ chống lại chúng. Thưa các Ngài, nếu chúng ta có một mục tiêu chung để cả quốc gia cùng theo đuổi, nhưng nếu các tiểu bang chống đối và theo đuổi những lợi ích riêng, vậy cần phải làm gì? Rõ ràng, việc ép buộc các tiểu bang là một hành động điên rồ nhất. Thất bại trong việc phê chuẩn Hiến pháp sẽ không chỉ gây tai họa trong một tiểu bang riêng rẽ nào đó. Trong trường hợp này, liệu việc mạo hiểm gây một cuộc chiến tranh có phải là khôn ngoan không? Lấy trường hợp Massachusetts, hay bất kỳ một bang lớn nào khác, nếu từ chối tham gia Liên minh, hay từ chối thi hành các đạo luật của Liên minh và Quốc hội sẽ phải cố cưỡng ép họ. Vậy phải chăng, họ không thể tìm ra một sự hợp tác đủ mạnh nào đó, đặc biệt là từ những tiểu bang có cùng quan điểm với họ? Viễn cảnh này đưa chúng ta tới suy nghĩ nào? Một tiểu bang bị

cưỡng buộc sẽ phải tham chiến với một tiểu bang không bị cưỡng buộc. Quốc hội buộc phải điều quân đội của một tiểu bang đến đàn áp và tấn công một tiểu bang khác. Tiểu bang này sẽ tập hợp quân đội, súng đạn và có lẽ hình thành một liên minh đông đảo chống lại chính quyền liên bang. Ngay tại đây sẽ có một quốc gia tự gây chiến với chính mình. Liệu những ai hiểu biết lẽ phải, lại tán thành và đi theo một chính quyền chỉ biết gây chiến tranh và chém giết để tự bảo vệ mình? Liệu thứ chính quyền đó có tồn tại được nhờ thanh gươm không? Mọi cuộc chiến tranh như thế đều sẽ giết chết những người vô tội và bắt những người vô tội phải phạm tội. Chỉ riêng việc xem xét này cũng đủ để làm cho mọi công dân yêu mến hòa bình chống lại thứ chính quyền như vậy.

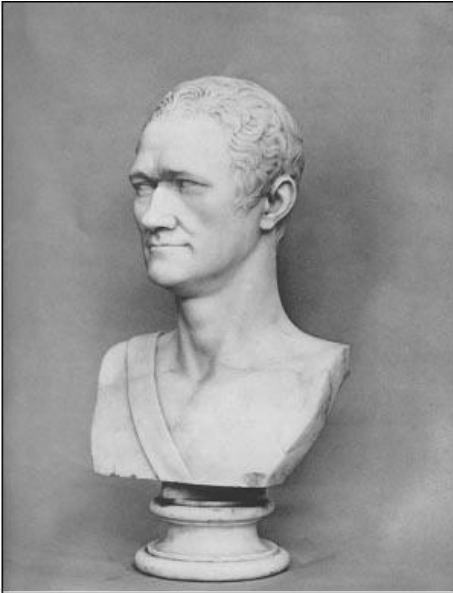
Liệu chúng ta có tin rằng một tiểu bang từng chịu thương tổn lại được dùng làm công cụ để cưỡng ép tiểu bang khác không? Đó chỉ là ảo tưởng, bởi điều đó không thể làm được. Rồi chúng ta sẽ phải đứng trước một tình trạng tiến thoái lưỡng nan: hoặc quân đội liên bang sẽ là lực lượng bắt ép và cưỡng đoạt, hoặc một ngân khố liên bang trống rỗng không được đóng góp và một chính quyền không được ai ủng hộ. Thưa Ngài, bản chất cốt lõi của tai họa kinh khủng này là gì? Không còn cách gì khác ngoài việc phải làm cho các đạo luật quốc gia điều hành trực tiếp các cá nhân theo cùng cách thức như các bộ luật tiểu bang. Thưa các Ngài, đây chính là nguyên nhân của vấn đề này. Các Ngài hiểu được sức mạnh của nguyên tắc này, nhưng lại lo sợ tới mức không dám áp dụng nó vào chính quyền...

Người ta thường nói rằng những người khôn ngoan sẽ nói ra những lời khôn ngoan. Còn những kẻ mưu cầu giàu sang và sung sướng cho mình trên sự tàn lụi và thiệt hại của người khác có thể đưa ra mọi lý lẽ nguy hiểm mà bề ngoài cứ như thể là công bằng. Tôi cho rằng các quý ngài sẽ không hẹp hòi kết tội những người khác quan điểm với mình là những kẻ chỉ biết mưu cầu lợi ích cá nhân. Tôi tuyên bố không biết đích xác những ai sẽ kiếm lợi từ bản Hiến pháp này. Nếu gia đình của những người tranh đấu cho liên bang được nhận

vinh quang hay tiền bạc, họ sẽ bị nghi ngờ. Liệu có những người hiểu biết và khôn ngoan nào lại muốn thiết lập một hệ thống chỉ vì những ham thích nhất thời về địa vị và quyền lợi để biến những người bạn gần gũi và thân thiết nhất và con cháu mình thành nô lệ và tàn lụi không? Nếu các Ngài coi tôi là một trong số những kẻ đáng ghét này, nếu tưởng tượng rằng tôi có những âm mưu và tham vọng giành lấy những danh vị vinh quang trong chính quyền, hãy biết rằng tôi còn có những người bạn và còn có gia đình tôi, những đứa con của tôi.

Nếu ngày hôm nay, tôi là một trong số những bệnh vực và nâng đỡ vợ con tôi thì ngày mai, có thể họ lại là những người bị chèn ép, bị tổn thương bởi những đày đọa và chịu đau buồn vì những tham vọng của tôi gây ra. Cuộc đời con người không phải lúc nào cũng như nhau. Nhiều người được Thượng đế ban tặng điều tốt lành và được che chở, nhưng nếu lần ngược lại nguồn gốc của mình, có thể thấy tổ tiên, ông bà của họ là những người nghèo đói và hèn kém. Nhưng nhiều người, hiện nay, là những người đói khổ và nghèo hèn, nếu lần ngược quá khứ xa xưa, có thể thấy tổ tiên của mình lại là những người vinh quang và giàu có. Nhưng tôi không muốn quá lạm dụng sự ưu ái của các Ngài đã lắng nghe tôi. Tôi đã làm cho Hội nghị bối rối với những nhận xét đó, để chỉ ra rằng những người hiểu biết và chính trực đó không bao giờ mong ước thiết lập một thứ chính quyền chẳng hề đảm bảo tự do cho con người. Các Ngài đừng buộc tội những lời bào chữa cho bản Hiến pháp này chịu ảnh hưởng bởi những tham vọng địa vị và chức quyền. Thưa các Ngài, sự nghi ngờ đó là không công bằng và lời cáo buộc đó thật là bất công và nghiệt ngã.

A. HAMILTON



Alexander Hamilton (1755 -1804)

Tác giả Người Liên bang, Bộ trưởng Tài chính đầu tiên của Mỹ (1789-1795)

Phần IV: CHÂN DUNG NHỮNG ĐẠI BIỂU THAM DỰ HỘI NGHỊ LẬP HIẾN

"Đó thật sự là cuộc hội tụ những người con của Thánh Thần".

Thomas Jefferson

Thư gửi John Adams, 1787

Tổng quan

55 đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến là những cá nhân kiệt xuất, đại diện cho thể hệ lãnh đạo nước Mỹ trong thế kỷ XVIII. Cuộc đời và sự nghiệp của những đại biểu này là đáng khâm phục và họ đều có những đóng góp to lớn cho việc xây dựng nhà nước Cộng hòa Mỹ non trẻ. Đó là một thế hệ tài

năng, với lòng quả cảm, thông minh và chính trực mà được nhân dân Mỹ sau này gọi là Founding Fathers (Những người cha lập quốc).

Hầu hết các đại biểu đều được học hành nghiêm chỉnh và là những cá nhân xuất sắc trong cộng đồng, trong tiểu bang. Trên thực tế, tất cả các đại biểu đều tham dự cuộc Cách mạng Mỹ. Trong đó, 29 người đã phục vụ trong các lực lượng vũ trang của các thuộc địa.

Thật ngạc nhiên khi nhiều đại biểu có mặt tại Hội nghị còn rất trẻ (20 đại biểu dưới tuổi 40), nhưng đã có những đóng góp lớn trong quá trình soạn thảo Hiến pháp như Abraham Baldwin 33 tuổi, William Blount 38 tuổi, Jacob Broom 35 tuổi, William Richardson Davie 31 tuổi, Jonathan Dayton 27 tuổi, William Few 39 tuổi, Nicholas Gilman 32 tuổi, Alexander Hamilton 32 tuổi, William Houstoun, 32 tuổi, Jared Ingersoll 38 tuổi, Rufus King 32 tuổi, John Lansing, Jr. 33 tuổi, James Madison 36 tuổi (“Cha đẻ” bản Hiến pháp), Luther Martin 39 tuổi, James McHenry 34 tuổi, John Francis Mercer 28 tuổi, Gouverneur Morris 35 tuổi (Chủ tịch Ủy ban văn phong và bố cục), Charles Pinckney 30 tuổi, Edmund Randolph 34 tuổi (Thống đốc Virginia lúc đó, người trình bày Phương án Virginia, cơ sở cho bản Hiến pháp sau này), Richard Dobbs Spaight, Sr. 29 tuổi.

Kinh nghiệm chính trị

Tất cả các đại biểu ít nhiều đều có kinh nghiệm chính trị. Vào thời gian Hội nghị, 4/5 số đại biểu, tức là khoảng 41 thành viên đã hoặc đang là đại biểu Quốc hội Hợp bang, trong đó, Mifflin và Gorham từng giữ chức Chủ tịch. Những người thiếu kinh nghiệm nghị trường là Bassett, Blair, Brearly, Broom, Davie, Dayton, Alexander Martin, Luther Martin, Mason, McClurg, Paterson, Charles Cotesworth Pinckney, Strong và Yates. 8 người, Clymer, Franklin, Gerry, Robert Morris, Read, Sherman, Wilson và Wythe, đã ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776. 6 người: Carroll, Dickinson, Gerry, Gouverneur Morris, Robert Morris và Sherman, đã đặt chữ ký trong Các

điều khoản Hợp bang. Nhưng chỉ có hai người, Sherman và Robert Morris, là tham gia soạn thảo cả ba văn kiện cơ bản của đất nước. Tất cả 55 đại biểu đều đã từng tham gia chính quyền tiểu bang hay thuộc địa. Dickinson, Franklin, Langdon, Livingston, Alexander Martin, Randolph, Read và Rutledge từng làm Thống đốc tiểu bang và hầu hết các đại biểu còn lại đều đã tham gia chính quyền của bang hay của hạt.

Nghề nghiệp

Trên thực tế, các đại biểu hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực và nhiều người theo đuổi nhiều nghề cùng một lúc. 35 người là luật sư, hay có thu nhập từ các việc liên quan đến luật pháp, nhưng không ai hoàn toàn sống dựa vào nghề này. Sau đó, một số người cũng trở thành quan tòa.

Vào thời gian Hội nghị, 13 người là thương gia hay chủ tàu: Blount, Broom, Clymer, Dayton, Fitzsimons, Gerry, Gilman, Gorham, Langdon, Robert Morris, Pierce, Sherman và Wilson. Sáu người là chủ đất: Blount, Dayton, Fitzsimons, Gorham, Robert Morris và Wilson. 11 người sở hữu tài sản lớn: Bedford, Blair, Clymer, Dayton, Fitzsimons, Franklin, King, Langdon, Robert Morris, Charles Cotesworth Pinckney và Sherman. 12 người là chủ nô lệ hay chủ trang trại lớn có nhiều nô lệ: Bassett, Blair, Blount, Butler, Carroll, Jenifer, Mason, Charles Pinckney, Charles Cotesworth Pinckney, Rutledge, Spaight và Washington. Madison cũng là chủ nô lệ. Broom và Few là các chủ đất nhỏ.

9 người nhận thu nhập từ các chức vụ của chính quyền là: Baldwin, Blair, Brearly, Gilman, Jenifer, Livingston, Madison và Rutledge. Ba người đã từ bỏ các hoạt động kinh tế trước đó là Franklin, McHenry và Mifflin. Ngoài các hoạt động khác ra thì Franklin và Williamson còn là các nhà khoa học. McClurg, McHenry và Williamson là bác sĩ phẫu thuật, Johnson là Hiệu trưởng một trường Đại học. Baldwin đã từng là mục sư, Williamson, Madison và Ellsworth. Có thể một vài người khác nữa đã từng học tại trường

dòng, nhưng chưa bao giờ được phong chức.

Một vài đại biểu rất giàu có. Washington và Robert Morris là những người giàu nhất đất nước. Carroll, Houstoun, Jenifer và Mifflin cũng đặc biệt giàu có. Hầu hết những người khác đều có tài sản lớn. Những người có gia sản khiêm tốn nhất là Baldwin, Brearly, Broom, Few, Madison, Paterson và Sherman, mặc dù họ hoàn toàn đảm bảo được cuộc sống của mình. Một số đại biểu sinh ra trong các gia đình danh giá: Blair, Butler, Carroll, Houstoun, Ingersoll, Jenifer, Johnson, Livingston, Mifflin, Gouverneur Morris, Pinckneys, Randolph, Rutledge, Washington và Wythe. Những người khác như Few, Franklin, Gorham, Hamilton và Sherman là những người tự lập, thành đạt từ thừa ban đầu khó khăn.

Địa lý và nền tảng giáo dục

Hầu hết các đại biểu đều sinh ra tại 13 bang thuộc địa. Chỉ có 8 người là sinh ra tại một nơi khác: 4 người (Butler, Fitzsimons, McHenry và Paterson) sinh tại Ireland, hai người (Davie và Robert Morris) sinh tại Anh, một người (Wilson) sinh ở Scotland và một (Hamilton) sinh ở Tây Ấn (West Indies). Phản ánh sự vận động mà là đặc tính của cuộc sống Mỹ, nhiều người đã chuyển từ tiểu bang này sang tiểu bang khác. 16 đại biểu đã từng sống và làm việc tại hơn một tiểu bang, hay một thuộc địa: Baldwin, Bassett, Bedford, Dickinson, Few, Franklin, Ingersoll, Livingston, Alexander Martin, Luther Martin, Mercer, Gouverneur Morris, Robert Morris, Read, Sherman và Williamson. Nhiều người khác đã từng học hay đi du lịch nước ngoài. Những đại biểu này có nền tảng giáo dục rất đa dạng. Một số người như Franklin tự học là chính. Nhiều người khác thu nhận kiến thức từ những trường tư. Khoảng một nửa số đại biểu từng theo học hoặc tốt nghiệp các trường đại học danh tiếng tại các thuộc địa Bắc Mỹ của Anh, hay ở nước ngoài. Một số có bằng cấp cao hay danh dự. Nói chung, họ đều là những người có học vấn.

Tuổi thọ và cuộc sống gia đình

Vào thời đại họ, các đại biểu tham dự Hội nghị (cũng như những người đã ký vào Tuyên ngôn Độc lập) đều có tuổi thọ cao đáng kể, trung bình là 67. Johnson thọ tới 92 tuổi. Few, Franklin, Madison, Williamson và Wythe thọ trên 80 tuổi. Khoảng 15 người qua đời trên tuổi 70. 20 người mất ở tuổi trên 60. 8 người chỉ sống hơn 50 tuổi, 5 người chỉ thọ hơn 40 tuổi và hai trong số họ (Hamilton và Spaight) bị chết trong các cuộc đấu súng. Người mất đầu tiên là Houston, năm 1788; còn người mất cuối cùng là Madison mất năm 1836.

Hầu hết các đại biểu đều đã lập gia đình và có con cái trưởng thành. Sherman là người cha của gia đình đông nhất, 15 đứa trẻ và có hai vợ. Ít nhất 9 người (Bassett, Brearly, Johnson, Mason, Paterson, Charles Cotesworth, Pinckney, Sherman, Wilson và Wythe) lập gia đình hơn một lần. 4 người (Baldwin, Gilman, Jenifer và Alexander Martin) sống độc thân. Về vấn đề tôn giáo, những người này đều phản ánh ưu thế của đạo Tin Lành ở nước Mỹ thời kỳ đó và là thành viên của nhiều dòng đạo khác nhau. Chỉ có hai người, Carroll và Fitzsimons, là theo đạo Thiên Chúa.

Sự nghiệp sau Hội nghị

Sự nghiệp của các đại biểu phản ánh khả năng của họ, cũng như sự sắp đặt của số phận. Hầu hết các đại biểu đều thành đạt, mặc dù 7 người (Fitzsimons, Gorham, Luther Martin, Mifflin, Robert Morris, Pierce và Wilson) gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính đã buộc họ gần như phá sản. Hai người, Blount và Dayton, có liên quan đến các hoạt động chống chính phủ. Song, cũng như thời kỳ trước Hội nghị, đa số đã tiếp tục sự nghiệp phục vụ đất nước, đặc biệt là đối với chính phủ mới mà họ đã góp phần tạo nên.

Washington và Madison trở thành Tổng thống Mỹ, King và Charles

Cotesworth Pinckney từng là ứng cử viên cho chức vụ này. Gerry là phó Tổng thống cho Madison. Hamilton, McHenry, Madison và Randolph đã tham dự nội các. 19 người trở thành Thượng nghị sĩ Mỹ: Baldwin, Bassett, Blount, Butler, Dayton, Ellsworth, Few, Gilman, Johnson, King, Langdon, Alexander Martin, Gouverneur Morris, Robert Morris, Paterson, Charles Pinckney, Read, Sherman và Strong. 13 người là Hạ nghị sĩ: Baldwin, Carroll, Clymer, Dayton, Fitzsimons, Gerry, Gilman, Madison, Mercer, Charles Pinckney, Sherman, Spaight và Williamson. Trong số này, Dayton là Chủ tịch Hạ Nghị viện. Bốn người (Bassett, Bedford, Brearly và Few) giữ chức vụ Thẩm phán Liên bang, bốn người khác (Blair, Paterson, Rutledge và Wilson) là Thẩm phán Tòa án Tối cao. Rutledge và Ellsworth là Chánh án Tòa án Tối cao. Bảy người khác (Davie, Ellsworth, Gerry, King, Gouverneur Morris, Charles Pinckney và Charles Cotesworth Pinckney) được bổ nhiệm để đảm đương các công việc ngoại giao cho quốc gia.

Nhiều đại biểu giữ những vai trò quan trọng của tiểu bang, bao gồm chức Thống đốc (Blount, Davie, Franklin, Gerry, Langdon, Livingston, Alexander Martin, Mifflin, Paterson, Charles Pinckney, Spaight và Strong) và đại biểu Quốc hội bang. Hầu hết các đại biểu, bằng cách này hay cách khác, đã đóng góp cho cộng đồng và tiểu bang nơi họ sống. Không ngạc nhiên khi sau này nhiều con cháu họ đã chiếm những chức vụ cao trong nền chính trị và nổi tiếng trong giới tinh hoa Mỹ.

1. Abraham Baldwin (1754-1807)

Tiểu bang Georgia

Baldwin sinh năm 1754 tại Guilford, Connecticut, là con trai thứ hai của một người thợ rèn. Cha ông có hai vợ và có đến 12 người con. Ngoài Abraham, nhiều anh chị em ông cũng thành đạt. Chị ông là Ruth, lấy nhà thơ và là nhà ngoại giao Joel Barlow. Anh cùng cha khác mẹ của ông là Henry từng giữ chức Thẩm phán Tòa án Tối cao Mỹ. Người cha đầy tham vọng của ông đã

tiêu tốn cả gia sản cho con cái đi học đến mức gần như mắc nợ.

Sau khi học ở trường làng, Abraham vào học tại trường Yale và tốt nghiệp năm 1772. Ba năm sau, ông trở thành mục sư và là trợ giảng tại đây cho tới năm 1779, rồi trở thành một giáo sĩ trong Quân đội Lục địa. Hai năm sau, ông khước từ đề nghị giữ chức giáo sư thần học để chuyển sang học luật và năm 1783, ông được nhận vào làm việc tại tòa án ở Fairfield, CT.

Một năm sau, Baldwin chuyển đến Georgia và mở phòng luật tại đây, rồi mua một mảnh đất ở quận Wilkes. Năm 1785, ông tham gia nghị viện và Quốc hội Hợp bang. Hai năm sau, vì cha ông mất, nên Baldwin phải thay cha trả tiền ăn học cho những người anh em cùng cha khác mẹ.

Cùng năm đó, Baldwin tham gia Hội nghị Lập hiến, nhưng vắng mặt một vài tuần. Mặc dù khá dè dặt, ông đã tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại và góp phần giải quyết cuộc xung đột giữa các bang lớn và nhỏ về quyền đại diện. Đầu tiên, ông ủng hộ quyền đại diện ở Thượng viện dựa trên việc sở hữu tài sản, nhưng sau đó e ngại các bang nhỏ liên minh với nhau nên ông chuyển sang tán thành việc đại diện bình đẳng giữa các bang.

Kết thúc Hội nghị, Baldwin trở lại Quốc hội Hợp bang (1787-1789). Ông được bầu vào Quốc hội Mỹ suốt 18 năm sau đó, (tại Hạ viện những năm 1789-1799 và tại Thượng viện những năm 1799-1807). Thời gian này, ông kịch liệt chống đối các chính sách kinh tế do Hamilton đề xuất. Khác với các đại biểu của vùng New England, ông ủng hộ Madison, Jefferson và theo Đảng Cộng hòa-Dân chủ. Tại Thượng viện, ông từng giữ chức chủ tịch tạm thời trong một thời gian ngắn.

Ông đóng góp nhiều công sức nhằm cải cách và mở rộng hệ thống giáo dục ở Georgia. Năm 1784, cùng với 6 người khác được chọn làm giám sát cho việc thành lập trường đại học của tiểu bang, ông đã chứng kiến giấc mơ của mình trở thành sự thật, khi trường Đại học Franklin được thành lập vào năm

1798. Mô phỏng trường Yale, sau đó trường này trở thành hạt nhân của trường Đại học Georgia.

Baldwin không lập gia đình và ông qua đời năm 1807, sau một cơn đau ngắn, thọ 53 tuổi, khi đó vẫn là thành viên của Thượng viện. Ông được chôn tại Nghĩa trang Rock Creek ở Washington.

2. Richard Bassett (1745-1815)

Tiểu bang Delaware

Bassett sinh vào tháng Tư năm 1745 tại Quận Cecil, MD. Cha ông là chủ một quán rượu, đã ruồng bỏ mẹ con ông nên một người bà con, tên là Peter Lawson đã đưa ông về chăm sóc. Ông học luật tại Philadelphia và tới năm 1770, thì được phép hành nghề luật sư tại Dover, DE. Ông vừa là một luật sư, vừa là một điền chủ lớn, không chỉ sở hữu ngôi nhà ở Bohemia Manor mà còn nhiều ngôi nhà khác ở Dover, cũng như ở Wilmington.

Trong thời kỳ Cách mạng, Bassett chỉ huy lực lượng dân quân của quận Dover và tham gia Hội đồng An ninh của Delaware. Tiếp theo, ông dự Hội nghị Lập hiến của Delaware và tham gia cả hai viện của cơ quan lập pháp tiểu bang này. Năm 1786, ông đại diện cho tiểu bang trong Hội nghị Annapolis.

Bassett tham gia đầy đủ các cuộc thảo luận tại Hội nghị Lập hiến, nhưng không phát biểu gì, không tham gia ủy ban nào và cũng không có những đóng góp quyết định. Giống như nhiều đại biểu khác có tài năng và uy tín hạn chế, ông nhường vai trò lớn lao cho những người có tài năng hơn.

Sau đó, Bassett có một sự nghiệp sáng chói trong chính quyền tiểu bang và liên bang. Trong Hội nghị phê chuẩn ở Delaware, ông đã tham gia cuộc bỏ phiếu thông qua Hiến pháp. Trong những năm 1789-1793, ông tham gia Thượng viện Mỹ, bỏ phiếu ủng hộ quyền của Tổng thống được phép cách

chức các viên chức chính phủ và phản đối kế hoạch Liên bang đảm nhiệm khoản nợ của tiểu bang do Hamilton đề xuất.

Từ năm 1793 đến năm 1799, Bassett là Chánh án tòa án dân sự. Trong những năm 1790, ông ủng hộ Đảng Liên bang và vào năm 1797, ông là đại cử tri bầu John Adams làm Tổng thống. Hai năm sau, Bassett được bầu làm Thống đốc Tiểu bang Delaware và giữ chức vụ này cho tới năm 1801 khi Tổng thống Adams bổ nhiệm ông làm Thẩm phán Tòa án Lưu động trong vụ Cuộc bổ nhiệm lúc nửa đêm. Sau đó, vì những người Cộng hòa theo Jefferson bác bỏ sự bổ nhiệm này nên ông về nghỉ hưu.

Hai lần lập gia đình, với Ann Ennals và một phụ nữ tên là Bruff, Bassett có khá nhiều con. Ông là một người mộ đạo, theo Hội Giám Lý, thường tổ chức các buổi lễ tôn giáo tại Bohemia Manor và quyên góp tiền cho các nhà thờ. Ông mất năm 1815 ở tuổi 70 và được chôn cất tại Nghĩa trang Wilmington và Brandywine tại Wilmington, DE.

3. Gunning Bedford, Jr. (1747-1812)

Tiểu bang Delaware

Bedford sinh năm 1747 tại Philadelphia. Ông là con thứ năm trong một gia đình có tới 7 người con, có dòng dõi rất nổi tiếng, tại Jamestown, VA. Năm 1771, Bedford tốt nghiệp trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton, tại đây ông học cùng lớp với James Madison) với bằng danh dự.

Trong thời gian học, Bedford đã cưới Jane B. Parker và có một người con gái. Sau khi học luật với Joseph Read ở Philadelphia, Bedford được nhận vào làm việc tại tòa án. Sau đó, ông mở văn phòng luật sư rồi về sống tại Dover và Wilmington. Ông tham gia Quân đội Lục địa và làm tùy tùng cho Tướng Washington trong cuộc Chiến tranh giành Độc lập.

Sau chiến tranh, Bedford nổi bật trong chính trường tiểu bang và quốc gia.

Ông tham gia Quốc hội và Hội đồng tiểu bang và Quốc hội Hợp bang (1783-1785). Một năm sau, dù được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Annapolis, nhưng ông đã không tới dự. Từ năm 1784 đến 1789, ông là Tổng chương lý của Delaware.

Bedford được đánh giá là một trong những thành viên tích cực nhất tại Hội nghị Lập hiến và chỉ vắng mặt một vài cuộc họp. Là một người phóng khoáng và mạnh mẽ, ông thường xuyên phát biểu và tham gia Ủy ban soạn thảo Thỏa hiệp lớn. Ông ủng hộ mạnh mẽ quyền lợi của các bang nhỏ, công kích sự đòi hỏi quá nhiều của các bang lớn và cảnh báo rằng các bang nhỏ có thể sẽ bị buộc phải tìm cách liên minh với nước ngoài, nếu đòi hỏi của họ không được đáp ứng. Sau này, ông tham gia Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Delaware.

Năm 1789, ông được Washington bổ nhiệm giữ chức Thẩm phán Tòa án quận Liên bang và giữ chức vụ này đến khi qua đời. Những năm 1789 và 1793, ông cũng được chọn làm đại cử tri và bầu Tổng thống cho Đảng Liên bang. Nhưng ông dành hầu hết thời gian còn lại tham gia các vụ kiện, giúp đỡ Học viện Wilmington, cổ vũ chủ nghĩa bãi nô và sống yên bình tại khu vườn Lombardy Hall của mình.

Năm 1812, Bedford qua đời ở tuổi 65 và được chôn tại Nghĩa trang Nhà thờ Giáo hội Trưởng lão ở Wilmington. Sau khi nghĩa trang này di dời, thi hài ông được chuyển về Nghĩa trang hội Tam Điểm (Masonic Home), trên vùng Lancaster Turnpike ở Christiana Hundred, DE.

4. John Blair (1732-1800)

Tiểu bang Virginia

Blair sinh năm 1732 tại Williamsburg, trong một gia đình có dòng dõi nổi tiếng ở Virginia. Ông là con trai của John Blair, một quan chức của thuộc địa

này và là cháu trai gọi James Blair, người sáng lập và là Chủ tịch đầu tiên của trường Đại học William và Mary, là bác. Blair tốt nghiệp trường này và học tại London's Middle Temple, rồi làm luật sư tại Williamsburg.

Trong những năm 1766-1770, ông tham gia Viện đại biểu thị xã Virginia, với tư cách là đại biểu của trường William và Mary. Từ năm 1770 đến năm 1775, ông giữ chức Thư ký Hội đồng thuộc địa.

Là một người yêu nước nồng nàn, ngày 22 tháng Sáu năm 1770, Blair đã ký vào bản Khế ước Virginia, một văn kiện tuyên bố tẩy chay nhập khẩu các hàng hóa của Anh cho tới khi Các đạo luật Townshend Duties được hủy bỏ. Ngày 27 tháng Năm năm 1774, ông cũng ký tên vào một bản khế ước kêu gọi tổ chức cuộc họp của Đại hội các thuộc địa và ủng hộ người dân thành phố Boston. Ông tham gia Hội nghị Lập hiến Virginia (1776) và tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Nhân quyền, cũng như kế hoạch xây dựng một chính quyền mới. Sau đó, ông tham gia Hội đồng Hành pháp (1776-1778). Năm 1778, ông được cơ quan lập pháp chọn làm Thẩm phán của Tổng Tòa án và nhanh chóng giữ chức Chánh án. Năm 1780, ông lại được cử vào Tòa đại pháp quan tối cao Virginia, nơi ông gặp đồng nghiệp là George Wythe, người cùng ký vào bản Hiến pháp.

Blair tham gia Hội nghị Lập hiến một cách hình thức, chưa bao giờ ông phát biểu hoặc tham gia bất kỳ ủy ban nào, nhưng thường đứng về phía đoàn đại biểu Virginia. Tại Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang, Blair đã góp sức bảo vệ bản Hiến pháp mới. Năm 1789, Washington bổ nhiệm Blair là Thẩm phán Tòa án tối cao Mỹ và ông đã góp phần phán quyết nhiều vụ kiện quan trọng. Nghỉ hưu năm 1796, ông sống những năm còn lại ở Williamsburg cho tới khi qua đời vào năm 1800, thọ 68 tuổi. Mộ của ông đặt trong Nghĩa trang Nhà thờ Bruton Parish.

5. William Blount (1749-1800)

Tiểu bang Bắc Carolina

William Blount là cháu trai của Thomas Blount, người ông tổ này di cư từ Anh đến Virginia khoảng năm 1660 và định cư tại một trang trại ở Bắc Carolina. Là con cả trong một gia đình đông người, William sinh năm 1749, trong thời gian mẹ ông đang ghé thăm khu trang trại Rosefield của người ông nội tại vùng đất ngày nay là Windsor, gần Pamlico Sound. Từ bé, ông đã được dạy dỗ rất chu đáo.

Năm 1776, sau khi cuộc Chiến tranh giành Độc lập bắt đầu, Blount gia nhập quân đội, làm nhân viên phát lương trong các lực lượng ở Bắc Carolina. Hai năm sau, ông cưới bà Mary Grainier và có 6 người con sống đến tuổi trưởng thành. Sau này, một người con trai của ông rất nổi tiếng trong chính trường tiểu bang Tennessee. Blount tham gia Hạ viện Bắc Carolina những năm 1780-1784, từng giữ chức Chủ tịch Hạ viện, rồi tham gia Thượng viện (1788-1790). Trong những năm 1782-1783 và 1786-1787, ông cũng tham dự Quốc hội Hợp bang.

Ở tuổi 38, ông được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến. Blount vắng mặt hơn một tháng vì phải đại diện cho tiểu bang tại Quốc hội Hợp bang. Ông hầu như không phát biểu trong các cuộc tranh luận và miễn cưỡng ký vào bản Hiến pháp như ông nói, chỉ là để làm cho văn bản này trở thành "một hành động đồng lòng của các tiểu bang tại Hội nghị". Tuy nhiên, ông ủng hộ sự phê duyệt Hiến pháp mới ở tiểu bang quê nhà.

Blount hy vọng được chọn vào Thượng viện liên bang khóa đầu tiên, nhưng thất bại. Năm 1790, ông đi về phía Tây, vượt qua dãy Appalachians, để đầu cơ đất và thay mặt cho tiểu bang Bắc Carolina đàm phán với người Da Đỏ. Ông định cư tại nơi ngày nay là tiểu bang Tennessee, và công hiến toàn bộ cuộc đời còn lại cho việc xây dựng vùng đất này. Ban đầu, ông sống tại Rocky Mount, trong một ngôi nhà gỗ nhỏ gần thành phố Johnson ngày nay và tới năm 1792, ông xây một lâu đài ở Knoxville.

Năm 1794, Washington bổ nhiệm Blount làm Thống đốc vùng lãnh thổ phía Nam sông Ohio, bao gồm cả Tennessee và làm Người giám sát các vấn đề người Da Đỏ. Năm 1796, ông làm chủ tịch Hội nghị Lập hiến để chuyển vùng đất này thành tiểu bang Tennessee, rồi được bầu làm một trong các Thượng nghị sĩ đầu tiên của tiểu bang này (1796-1797).

Trong thời kỳ này, Blount gặp phải nhiều rủi ro lớn. Năm 1797, việc đầu cơ những vùng đất miền Tây bị thua lỗ đã gây cho ông những khó khăn tài chính trầm trọng. Cùng năm đó, ông cũng bịa đặt một kế hoạch sử dụng người da đỏ, những người vùng biên cương và lực lượng hải quân Anh để chinh phục các tỉnh của Tây Ban Nha ở Florida và Louisiana cho nước Anh. Một bức thư ông viết, nói bóng gió về kế hoạch này, đã rơi vào tay Tổng thống Adams. Ngày 3 tháng Bảy năm 1797, bức thư này đã được chuyển cho Thượng viện. Năm ngày sau, Thượng viện đã bỏ phiếu với tỷ lệ 25:1, trục xuất Blount. Hạ viện đã luận tội ông, nhưng tới năm 1799, Thượng viện đã bỏ dở quá trình buộc tội này vì cho rằng khi ông đã bị cách chức thì không được khởi tố ông.

Tình tiết này không làm tổn hại sự nghiệp của Blount ở Tennessee. Năm 1798, ông trở thành Chủ tịch Thượng viện tiểu bang này. Hai năm sau, ông qua đời tại Knoxville, thọ 50 tuổi. Ông được chôn tại đây, trong Nghĩa trang Nhà thờ Giáo hội trưởng lão Số 1.

6. David Brearly (1745-1790)

Tiểu bang New Jersey

Brearly (Brearley) có dòng dõi của một gia đình người Anh ở Yorkshire. Một thành viên trong gia đình đã di cư đến New Jersey vào khoảng năm 1680. Brearly sinh năm 1745, tại Spring Grove, gần thành phố Trenton và theo học trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton), nhưng bỏ nửa chừng. Ông chọn nghề luật và ban đầu mở phòng luật tại Allentown, NJ.

Khoảng năm 1767, ông cưới bà Elizabeth Mullen.

Brearily nhiệt tình ủng hộ cuộc Cách mạng Mỹ, nên bị người Anh bắt giữ, nhưng được một nhóm những người yêu nước cứu thoát. Năm 1776, ông tham dự Hội nghị xây dựng Hiến pháp tiểu bang. Trong thời gian chiến tranh giành Độc lập, ông thăng tiến từ chức Đại úy lên chức Đại tá trong quân đội. Năm 1779, Brearily được bầu chọn làm Chánh án Tòa án tối cao New Jersey và giữ chức vụ này tới năm 1789. Ông chủ tọa vụ Holmes kiện Walton mà sau này trở thành một án lệ nổi tiếng. Quyết định của ông, đưa ra năm 1780, tạo tiền đề cho các nguyên tắc tư pháp. Một năm sau, trường Đại học New Jersey đã tặng ông bằng Thạc sĩ danh dự.

Năm 42 tuổi, Brearily được chọn tham dự Hội nghị Lập hiến. Mặc dù không nằm trong số các nhà lãnh đạo, nhưng ông đã tham gia các buổi họp đều đặn. Là người ủng hộ Paterson và Phương án New Jersey, Brearily chống lại mô hình đại diện căn cứ theo quy mô dân số của các bang và ủng hộ mỗi bang có một lá phiếu trong Quốc hội. Ông cũng là chủ tịch Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại.

Những năm còn lại của Brearily thật ngắn ngủi vì ông chỉ sống thêm được ba năm nữa. Ông là Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở New Jersey vào năm 1788 và là đại cử tri bầu Tổng thống vào năm 1789. Cùng năm đó, Tổng thống Washington bổ nhiệm ông làm Thẩm phán Tòa án Quận Liên bang. Ông giữ cương vị này cho tới khi qua đời.

Ngoài thời gian đảm nhiệm công việc của thẩm phán, Brearily đã cống hiến toàn bộ năng lực cho các hoạt động của nhà thờ và hội Tam điểm. Ông là một thành viên lãnh đạo của Hội Tam điểm (Masonic Order) ở New Jersey, cũng như làm Phó Chủ tịch Hiệp hội Cincinnati của tiểu bang. Đây là một tổ chức của các cựu binh trong cuộc Cách mạng Mỹ. Ngoài ra, ông cũng tham gia ban Giám mục Episcopal (1786) và góp phần viết kinh cầu nguyện cho nhà thờ. Năm 1783, ông đã cưới bà Elizabeth Higbee làm vợ kế, sau khi

người vợ cả qua đời.

Brearily mất năm 1790, tại Trenton, thọ 45 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo Michael trong vùng.

7. Jacob Broom (1752-1810)

Tiểu bang Delaware

Broom sinh năm 1752, tại Wilmington, DE., là con trai cả của một gia đình thợ rèn, nhưng cũng là một gia đình nông dân khá giả. Khi còn trẻ, ông được giáo dục tại nhà và có thể là tại một trường học trong vùng. Mặc dù theo nghề làm ruộng của người cha và cũng học nghề trắc địa, nhưng ông bắt đầu sự nghiệp bằng nghề buôn bán, bao gồm cả việc buôn bán đường biển, nhập khẩu và cả bất động sản. Năm 1773, ông cưới Rachel Pierce và có 8 người con.

Broom không phải là một nhà ái quốc nổi trội. Thành tựu nổi bật duy nhất của ông chỉ là việc chuẩn bị bản đồ cho George Washington trước trận đánh ở Brandywine, PA. Năm 1776, khi mới 24 tuổi, Broom đã tham gia Viện đại biểu thị xã Wilmington, từng bốn lần là Chủ tịch Viện đại biểu thị xã. Ông cũng từng làm hội thẩm của khu phố, là chủ tịch của khu phố "tự quản" và là thẩm phán hòa giải quận New Castle.

Broom tham gia nghị viện tiểu bang những năm 1784-1786 và 1788. Trong thời gian này, dù được cử tham dự Hội nghị Annapolis, nhưng ông đã không đến dự. Tại Hội nghị Lập hiến, ông không vắng mặt một cuộc họp nào và nhiều lần phát biểu, nhưng vai trò của ông vẫn rất khiêm tốn.

Sau Hội nghị, Broom trở lại sống tại Wilmington, gần sông Brandywine. Ông là Giám đốc Sở Bưu điện đầu tiên của vùng (1790-1792) và tiếp tục tham gia cơ quan địa phương. Trong nhiều năm, ông làm Chủ tịch Hội đồng giám đốc Ngân hàng Delaware ở Wilmington. Ông cũng điều hành một

xưởng dệt, cũng như một cửa hàng chế tạo và bán máy nông nghiệp. Ông cũng đầu tư nhiều dự án, nhưng không thành công, chẳng hạn như sa lầy trong việc khai mỏ sắt... Ông còn tiến hành cải cách việc thu thuế cầu đường và kênh rạch của tiểu bang.

Broom cũng tham gia các hoạt động từ thiện và tôn giáo. Ông là thành viên Ban quản trị trường Đại học Wilmington và là một lãnh đạo thế tục tại Nhà thờ Old Swedes. Năm 1810, ông qua đời ở tuổi 58 ở Philadelphia và được chôn tại Nghĩa trang Nhà thờ Thiên Chúa giáo tại đây.

8. Pierce Butler (1744-1822)

Tiểu bang Nam Carolina

Butler sinh năm 1744, tại quận Carlow, Ireland. Ông là một trong những người danh giá nhất trong số những đại biểu tham gia Hội nghị Lập hiến. Ông là con Ngài Richard Butler, tòng Nam tước, thành viên của Viện quý tộc Anh.

Giống như nhiều quý tộc Anh trẻ tuổi khác không được thừa hưởng tài sản của cha do chế độ con trưởng kế thừa, nên Butler chọn nghề sĩ quan và giữ chức thiếu tá trong Trung đoàn Hoàng gia số 29, rồi được điều đến Boston năm 1768, để dập tắt sự chống đối tại đây.

Năm 1771, ông cưới Mary Middleton, con gái một người Nam Caroline giàu có và sau đó, ông giải ngũ để trở thành chủ đồn điền trong vùng Charleston.

Khi cuộc Cách mạng bùng nổ, Butler tham gia phe Whig và tới năm 1778, ông được bầu vào Đại hội các thuộc địa. Một năm sau, ông là sĩ quan trong quân đội Nam Carolina. Trong suốt những năm 1780, ông là lãnh tụ phe dân chủ trong cơ quan lập pháp tiểu bang và từ chối ủng hộ tầng lớp địa chủ như ông. Chiến tranh giành Độc lập đã lấy đi nhiều tài sản của ông, nên vấn đề tài chính trở nên bấp bênh buộc ông phải đến Amsterdam, Hà Lan, để vay

nợ. Năm 1786, Quốc hội Hợp bang bổ nhiệm ông làm đặc sứ với nhiệm vụ thu xếp ổn thỏa những vụ tranh chấp biên giới.

Một năm sau, Butler được bầu chọn vào cả Quốc hội Hợp bang (1787-1788) và Hội nghị Lập hiến. Tại đây, ông là người theo chủ nghĩa quốc gia thẳng thắn tham gia mọi cuộc thảo luận và là một người phát ngôn quan trọng của phe Madison-Wilson. Butler cũng ủng hộ quyền lợi của các chủ nô ở miền Nam và tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại.

Trở lại Nam Carolina, Butler ủng hộ hiến pháp, nhưng không dự Hội nghị phê chuẩn. Sau đó, ông tham gia Thượng viện Mỹ (1789-1796). Mặc dù danh nghĩa là một người liên bang, ông thường vượt qua ranh giới đảng phái, ủng hộ các chương trình tài chính của Hamilton, nhưng chống đối Hiệp ước Jay cũng như các đạo luật thuế khóa và tòa án của Đảng Liên bang.

Từ năm 1797 đến năm 1802, Butler rời Thượng viện và trở lại Nam Carolina, dự định tranh chức Thống đốc, nhưng thất bại. Ông trở lại Thượng viện năm 1803-1804 và một lần nữa ông lại thể hiện quan điểm độc lập, không đảng phái. Nhưng hầu hết thời gian sau này ông là một chủ trang trại giàu có. Trong năm cuối đời, ông chuyển đến Philadelphia, sống gần nhà một người con gái, rồi qua đời tại đây vào năm 1822, thọ 77 tuổi và được chôn tại nghĩa trang Nhà thờ Thiên Chúa giáo.

9. Daniel Carroll (1730-1795)

Tiểu bang Maryland

Daniel Carroll là thành viên của một gia đình xuất chúng ở Maryland có dòng dõi Ai len, có họ hàng với Charles Carroll ở Carrollton, là người đã ký vào bản Tuyên ngôn Độc lập. Anh trai Daniel là John Carroll, Giám mục đầu tiên dòng Thiên chúa giáo La Mã của Mỹ. Daniel sinh năm 1730 tại Upper Marlboro, MD. Theo truyền thống của những gia đình giàu có theo đạo Thiên chúa La Mã, trong suốt 6 năm (1742-1748), ông phải học dưới sự

hướng dẫn của những thầy tu dòng Tên tại St. Omer ở Flanders.

Sau đó, ông đi du lịch sang châu Âu, rồi trở về nhà và cưới Eleanor Carroll, một người bà con của Charles Carroll ở thành phố Carrollton. Cuộc sống của ông trong hai thập kỷ tiếp theo không được biết nhiều, ngoại trừ việc ông miễn cưỡng ủng hộ cuộc Chiến tranh giành Độc lập và vẫn còn đứng bên ngoài các hoạt động xã hội. Suốt cuộc đời, ông là một điền chủ quý phái.

Năm 1781, Carroll bắt đầu tham gia hoạt động chính trị khi được bầu vào Quốc hội Hợp bang. Ông thông báo cho Quốc hội Hợp bang, khi đó đóng tại Philadelphia, rằng Maryland đã sẵn sàng chấp nhận Các điều khoản Hợp bang và sớm điền tên của mình vào văn bản này. Sau đó, ông tham gia Thượng viện Maryland cho đến khi qua đời. Ông giúp George Washington thúc đẩy Công ty Patowmack nhằm triển khai dự án xây dựng kênh đào nối với sông Potomac làm đường vận tải nối miền Đông và Tây dãy Appalache.

Carroll không đến dự Hội nghị Lập hiến cho tới ngày 9 tháng Bảy, nhưng từ đó ông tham gia khá đều đặn. Ông phát biểu khoảng 20 lần trong các cuộc tranh luận và tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại. Sau Hội nghị, khi trở lại Maryland, ông vận động cho việc phê chuẩn Hiến pháp, nhưng không tham dự Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang.

Năm 1789, Carroll giành được một ghế tại Hạ viện Liên bang. Tại đây, ông bỏ phiếu xây dựng thủ đô của Liên bang bên bờ sông Potomac và ủng hộ chương trình Liên bang đảm nhiệm nợ của các tiểu bang do Hamilton đề xuất. Năm 1791, George Washington bổ nhiệm ông làm một trong ba đặc sứ nghiên cứu việc xây dựng Quận Columbia, thủ đô của Hợp chúng quốc, nơi Carroll sở hữu rất nhiều đất.

Bốn năm sau, năm 1795, ông buộc phải từ chức vì lý do sức khỏe. Một năm sau, ông qua đời tại nhà riêng, gần thung lũng Rock ở Forest Glen, MD., thọ 65 tuổi và được chôn tại Nghĩa trang Nhà thờ Thiên Chúa giáo St. John.

10. George Clymer (1739-1806)

Tiểu bang Pennsylvania

Clymer sinh ở Philadelphia năm 1739 và mồ côi khi ông mới một tuổi. Một người bác giàu có, đã chăm sóc và dạy dỗ ông, dìu dắt ông từ chức thư ký lên thành người quản lý chính trong hãng buôn của mình. Khi người bác qua đời, ông được thừa hưởng chính hãng buôn này. Sau khi hãng của Clymer hợp nhất với một hãng kinh doanh nổi tiếng khác là Merediths, ông đã củng cố mối quan hệ bằng việc cưới Elizabeth, con gái của người chủ hãng này, vào năm 1765.

Phẫn nộ với những điều luật hạn chế kinh tế của nước Anh, Clymer sớm theo Cách mạng và là một trong những người đầu tiên đề xuất giải pháp độc lập. Ông tham gia các cuộc họp yêu nước và Hội đồng An ninh Pennsylvania. Năm 1773, ông lãnh đạo một ủy ban buộc những viên chức do người Anh bổ nhiệm theo Đạo luật Chè (Tea Act) ở Philadelphia phải từ chức. Với nền tảng kinh tế vững chắc, ông tập trung vào các hoạt động tài chính. Năm 1775-1776, ông là một trong hai nhà Tài chính đầu tiên của Đại hội các thuộc địa và đóng góp nhiều tiền cho cuộc chiến tranh.

Tại Đại hội các thuộc địa (1776-1777 và 1780-1782), Clymer rất dè dặt và ít khi phát biểu trong các cuộc tranh luận, nhưng để lại dấu ấn trong một vài ủy ban, đặc biệt là các Ủy ban nghiên cứu các vấn đề thương mại, tài chính và quân đội. Trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, ông tham gia một loạt các chuyến điều tra thực địa quan trọng. Tháng Mười hai năm 1776, khi Quốc hội phải di chuyển từ Philadelphia tới Baltimore, ông và George Walton cùng Robert Morris vẫn ở lại để thực hiện các hoạt động khác của Quốc hội. Trong vòng một năm, sau chiến thắng Brandywine, Pa. (ngày 11 tháng Chín năm 1777), quân Anh tiến về Philadelphia và phá hủy ngôi nhà của Clymer ở quận Chester, cách thành phố khoảng 25 dặm. Vợ và các con ông phải trốn vào rừng.

Những năm 1784-1788, Clymer được bầu lại vào cơ quan lập pháp Pennsylvania, đồng thời vẫn tham dự Quốc hội Hợp bang. Là nghị sĩ của tiểu bang, ông tán thành một cơ quan lập pháp lưỡng viện, cải cách bộ luật dân sự và phản đối khung hình phạt tử hình. Tại Hội nghị Lập hiến, ông hầu như không bỏ lỡ cuộc họp nào, phát biểu khá hiệu quả, nhưng giữ một vai trò nhỏ trong việc hình thành văn kiện cuối cùng.

Sự nghiệp tiếp theo của Clymer bao gồm việc tham gia Hạ viện Liên bang trong Quốc hội khóa đầu tiên (1789-1791), rồi được bổ nhiệm làm người thu thuế đối với các sản phẩm rượu bia ở Pennsylvania (1791-1794). Những năm 1795-1796, ông tham gia Phái đoàn của Tổng thống đàm phán hiệp ước với các bộ lạc Da đỏ Cherokee và Creek ở Georgia. Trong thời gian nghỉ hưu, Clymer tham dự nhiều hoạt động, bao gồm Hiệp hội Thúc đẩy nông nghiệp ở Philadelphia, Học viện Nghệ thuật ở Pennsylvania và là Chủ tịch đầu tiên của Ngân hàng Philadelphia.

Năm 1813, ông qua đời tại Summerseat, một trang trại ở Morrisville gần Philadelphia, nơi ông sống từ năm 1806, thọ 73 tuổi. Mộ của ông được đặt tại Nghĩa trang “Nơi gặp gỡ của những người bạn” tại Trenton, NJ.

11. William Richardson Davie (1756-1820)

Tiểu bang Bắc Carolina

Davie sinh ngày 20 tháng Sáu năm 1756 tại Egremont, Cumberlandshire, Anh. Năm 1763, cha ông, Archibald Davie mang con trai William đến Waxhaw, SC. Tại đây, một người bác bên họ ngoại là mục sư của giáo hội Trưởng lão đã nhận ông làm con nuôi. Davie học trường Queen's Museum College (Trường Đại học bảo tàng của Nữ hoàng) ở Charlotte, Bắc Carolina, sau đó tốt nghiệp trường Đại học New Jersey (nay là Princeton) năm 1776.

Việc học luật của Davie ở Salisbury, NC. bị gián đoạn do phải tham gia quân

đội. Nhưng ông giành được chứng chỉ hành nghề luật tại tòa án quận năm 1779 và trong những tòa án cao cấp vào năm 1780. Khi cuộc Chiến tranh giành Độc lập bùng nổ, ông tổ chức một đội kỵ binh gần Salisbury và cuối cùng được thăng chức đại tá. Ngày 20 tháng Sáu năm 1779, trong khi tấn công binh đội Pulaski, Davie bị thương và được chữa trị tại Stono, gần Charleston. Đầu năm 1780, ông tổ chức một đội quân khác và hoạt động chủ yếu tại vùng phía tây tiểu bang Bắc Carolina. Tháng Giêng năm 1781, Davie được bổ nhiệm làm sĩ quan quân nhu cho chiến dịch Carolina. Trong cương vị này, ông giám sát việc mua vũ khí và lương thực cho tướng Nathanael Greene và quân đội tiểu bang.

Sau chiến tranh, Davie trở lại nghề luật sư, tham dự tòa án lưu động Bắc Carolina. Năm 1782, ông cưới Sarah Jones, con gái viên chỉ huy cũ của ông, tướng Allen Jones và định cư tại Halifax. Kiến thức luật pháp và năng lực tuyệt vời đã giúp ông giành được sự kính trọng và những lời bào chữa của ông cũng được mọi người khâm phục. Giữa những năm 1786 và 1798, Davie đại diện cho Halifax tại cơ quan lập pháp Bắc Carolina, rồi được cơ quan này chỉ đạo đảm nhiệm công việc phê duyệt và soạn thảo các bộ luật của tiểu bang, gửi các đại diện đến Hội nghị Annapolis và Hội nghị Philadelphia, nhượng lại vùng Tennessee cho Liên bang và qui định đường biên giới tiểu bang có tranh chấp.

Trong thời gian Hội nghị Lập hiến, Davie ủng hộ kế hoạch về một chính quyền trung ương mạnh. Ông là thành viên của Ủy ban nghiên cứu vấn đề quyền đại diện tại Quốc hội và lái phiếu bầu của đoàn đại biểu Bắc Carolina sang tán thành Thỏa hiệp lớn. Ông ủng hộ việc cơ quan lập pháp tiểu bang bầu chọn các Thượng nghị sĩ và đại cử tri bầu Tổng thống và nhấn mạnh việc tính đến các nô lệ trong việc xác định quyền đại diện. Mặc dù ông rời Hội nghị ngày 13 tháng Tám trước khi kết thúc, nhưng Davie đấu tranh mạnh mẽ để thông qua Hiến pháp và giữ vai trò quan trọng trong Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Bắc Carolina.

Davie không chỉ để lại dấu ấn trong lĩnh vực chính trị và quân sự. Trường Đại học Bắc Carolina do ông sáng lập là một minh chứng cho mối quan tâm đặc biệt của Davie về vấn đề giáo dục. Davie chọn lựa địa điểm, chọn giáo viên và xây dựng chương trình giảng dạy, bao gồm văn học, khoa học xã hội cũng như toán và các môn học kinh điển. Năm 1810, những ủy viên quản trị trường này đã phong tặng ông danh hiệu "Người cha của trường" và một năm sau tặng ông bằng Tiến sĩ luật. Năm 1798, Davie trúng cử Thống đốc Bắc Carolina, rồi trở lại quân đội một thời gian ngắn khi Tổng thống John Adams bổ nhiệm ông làm thiếu tướng trong quân đội Mỹ. Sau đó, Davie là cao ủy về vấn đề hòa bình với Pháp năm 1799.

Năm 1803, Davie tranh cử vào Quốc hội, nhưng thất bại. Năm 1805, sau khi vợ ông mất, Davie rời bỏ hoạt động chính trị về sống ở khu trang trại "Tivoli" của ông ở quận Chester, Nam Carolina. Năm 1813, ông từ chối việc bổ nhiệm vào chức thiếu tướng của Tổng thống Madison.

Davie mất ngày 29 tháng Mười một năm 1820, tại khu trang trại "Tivoli", thọ 64 tuổi. Ông được chôn cất tại Nghĩa trang của Nhà thờ Giáo hội Trưởng lão Old Waxhaw, ở phía bắc quận Lancaster.

12. Jonathan Dayton (1760-1824)

Tiểu bang New Jersey

Dayton sinh năm 1760, tại Elizabethtown (hiện nay là Elizabeth), NJ. Cha của ông là chủ cửa hiệu, nhưng cũng tham gia các hoạt động chính trị ở địa phương. Thời trẻ, ông tiếp nhận một nền giáo dục tốt.

Năm 1776, ông tốt nghiệp trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton). Ngay lập tức, ông tham gia Quân đội Lục địa và có mặt trong nhiều chiến dịch. Được thăng chức Đại úy năm 19 tuổi và phục vụ dưới quyền của cha ông, Tướng Elias Dayton và Hầu tước De Lafayette. Sau một

thời gian bị quân Anh bắt làm tù binh, ông trở lại tham dự trận Yorktown, VA.

Sau chiến tranh, Dayton trở về nhà, học luật rồi mở văn phòng luật sư. Trong những năm 1780, ông đầu cơ đất nhưng cũng dành thời gian cho các hoạt động luật pháp và chính trị. Ông tham gia Quốc hội năm 1786-1787. Ông được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến, sau khi những lãnh tụ gồm cha ông và người bảo trợ của ông là Abraham Clark, từ chối. Mãi tới ngày 21 tháng Sáu, Dayton mới đến Philadelphia, nhưng kể từ đó, ông tham dự đầy đủ các cuộc họp. Ông phát biểu một cách ôn hòa và dù chống đối một số điều khoản của Hiến pháp, ông đã ký vào văn kiện này.

Sau đó, Dayton là một nghị sĩ Đảng Liên bang trong chính quyền mới, nhưng dù được bầu chọn làm Hạ nghị sĩ, ông không tham gia Quốc hội khóa đầu tiên năm 1789 vì ông muốn làm một thành viên của Hội đồng Hành pháp New Jersey và là Chủ tịch Quốc hội tiểu bang. Tuy nhiên, tới năm 1791, ông đã tham gia Hạ viện Liên bang (1791-1799), trở thành Chủ tịch Hạ viện khóa 4 và khóa 5. Trong giai đoạn này, ông ủng hộ các chính sách tài chính của Hamilton, tán thành việc đàn áp Cuộc nổi loạn Whisky, ủng hộ Hiệp ước Jay và các biện pháp khác của Đảng Liên bang.

Năm 1795, Dayton cho xây khu trang trại Boxwood Hall ở Elizabethtown và sống ở đây cho tới khi mất. Ông được bầu chọn vào Thượng viện Liên bang (1799-1805). Ông ủng hộ vụ mua vùng đất Louisiana (1803). Phù hợp với quan điểm Đảng Liên bang, ông chống đối sự bãi bỏ Đạo luật Tư pháp năm 1801.

Năm 1806, bệnh tật đã ngăn cản Dayton theo Aaron Burr trong chuyến đi đầy mạo hiểm đến miền Tây Nam để chinh phục vùng đất Tây Ban Nha này nhằm thiết lập một đế chế riêng. Vì thế, ông bị buộc tội phản quốc. Tuy không bị truy tố, nhưng Dayton không thể cứu vãn được sự nghiệp chính trị trên toàn quốc, dù vẫn nổi tiếng ở New Jersey. Ông vẫn tiếp tục tham gia

chính quyền địa phương và tham gia Quốc hội tiểu bang (1814-1815).

Năm 1824, khi đã 63 tuổi, Dayton là chủ nhà đón tiếp Hầu tước Lafayette trong chuyến đi khai hoang đến Mỹ. Có lẽ do quá mệt sức vì sự kiện này, cuối năm đó, ông qua đời tại Elizabeth và được chôn cất tại nhà thờ Tân giáo St. John trong thị trấn quê nhà. Do sở hữu 250.000 mẫu đất ở Ohio, giữa các con sông Miami lớn và bé, nên sau đó, vùng này được đặt tên ông là thành phố Dayton. Ông kết duyên với bà Susan Williamson và sinh được hai người con gái.

13. John Dickinson (1732-1808)

Tiểu bang Delaware

Dickinson, được mệnh danh là "Tác giả của cuộc Cách mạng Mỹ", sinh năm 1732, tại khu trang trại Crosiadore, gần làng Trappe ở quận Talbot, MD. Ông là con trai thứ hai của Samuel Dickinson, một chủ trang trại giàu có với bà vợ thứ hai tên là Mary (Cadwalader) Dickinson. Năm 1740, gia đình ông chuyển về sống tại quận Kent gần thành phố Dover, DE. Tại đây, ông bắt đầu cấp sách tới trường. Năm 1750, ông bắt đầu học luật với John Moland ở Philadelphia.

Năm 1753, Dickinson sang Anh tiếp tục học tại trường luật Middle Temple ở London. Bốn năm sau, ông trở lại Philadelphia, và là một luật sư xuất sắc tại đây. Năm 1770, ông cưới Mary Norris, con gái một nhà buôn giàu có. Họ có một người con gái.

Thời gian đó, học vấn và tài năng vượt trội của Dickinson đã thôi thúc ông tham gia các hoạt động chính trị. Năm 1760, ông tham gia Viện đại biểu của ba hạt ở Delaware và giữ chức Chủ tịch. Năm 1762, các thành tích của ông ở Pennsylvania và Delaware đã giúp ông giành một ghế trong Quốc hội Pennsylvania, với tư cách là đại biểu của Philadelphia và lại giữ chức vụ này vào năm 1764. Ông trở thành lãnh tụ phe bảo thủ trong các cuộc tranh cãi

chính trị ở thuộc địa này. Việc bảo vệ Thống đốc cầm quyền, chống lại phe do Benjamin Franklin cầm đầu, đã làm tổn hại uy tín của ông, nhưng ông giành được sự tôn trọng nhờ lòng chính trực. Tuy nhiên, ngay trong năm 1764, ông bị mất ghế tại cơ quan lập pháp.

Trong thời gian đó, cuộc đấu tranh giữa các thuộc địa và mẫu quốc càng trở nên căng thẳng. Dickinson nổi bật lên trong số các nhà tư tưởng hàng đầu của cuộc Cách mạng. Ông đóng vai trò quan trọng trong các cuộc tranh luận về Đạo luật Thuế tem. Cũng năm đó, ông viết Những qui định muôn màng cho các thuộc địa của Anh... được xem là cuốn sách có ảnh hưởng lớn, tác phẩm đó đã thúc giục người dân Mỹ tìm cách hủy bỏ đạo luật này bằng cách gây sức ép đối với các nhà buôn Anh. Do vậy, cơ quan lập pháp Pennsylvania đã bổ nhiệm ông làm đại biểu tham dự cuộc họp về Đạo luật Thuế tem và ông đã soạn thảo giải pháp cho vấn đề này.

Trong những năm 1767-1768, Dickinson viết một loạt các bài báo, đăng trong tờ Pennsylvania Chronicle và sau này, được tuyển chọn thành cuốn Những bức thư của người nông dân Pennsylvania. Những bài báo này chỉ trích chính sách thuế của Anh và kêu gọi dân Mỹ chống đối những điều luật bất công này, nhưng cũng nhấn mạnh vào khả năng có một giải pháp hòa bình. Một tác phẩm nổi tiếng khác của ông là cuốn Những bức thư từ thuộc địa đã mang lại cho Dickinson bằng Tiến sĩ Luật danh dự của trường đại học New Jersey (nay là trường Princeton) và ông được công chúng tôn vinh tại một cuộc diễu hành ở Boston. Năm 1768, đáp trả Các đạo luật Townshend Duties, ông mạnh mẽ bênh vực cho sự phản kháng của các thuộc địa chống lại việc Nghị viện Anh ban thành các đạo luật bế quan tỏa cảng.

Năm 1771, Dickinson trở lại cơ quan lập pháp của Pennsylvania và viết đơn thỉnh cầu đến Vua Anh. Nhưng do thái độ phản đối việc sử dụng vũ lực, nên ông đã mất rất nhiều uy tín. Năm 1774, vì phản nộ với sách lược của các nhà lãnh đạo cách mạng vùng New England nên ông từ chối yêu cầu giúp đỡ của

thành phố Boston khi đòi họ vận động hủy bỏ Các đạo luật Không dung thứ, dù ông cảm thông với cảnh ngộ khó khăn của thành phố này. Sau đó, Dickinson miễn cưỡng tham gia cuộc cách mạng. Năm 1774, ông là Chủ tịch Ủy ban Liên lạc của Philadelphia và trong một thời gian ngắn, tham gia Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất.

Trong suốt năm 1775, Dickinson ủng hộ phe Whig, nhưng tiếp tục đấu tranh đòi hòa bình. Ông viết đơn thỉnh cầu đòi Vua Anh phải sửa đổi những sai lầm và trả lời những lời kiến nghị. Cùng thời gian này, ông là Chủ tịch Ủy ban An toàn và Tự vệ của Philadelphia và giữ chức Đại tá trong tiểu đoàn đầu tiên ở Philadelphia trong trận đánh bảo vệ thành phố này.

Sau vụ Lexington và Concord, Dickinson tiếp tục nuôi hy vọng về một giải pháp hòa bình. Tại Đại hội các thuộc địa lần thứ hai (1775-1776), khi đó vẫn là đại diện cho Pennsylvania, ông đã soạn thảo bản Tuyên bố các lý do phải cầm vũ khí (Declaration of the Causes of Taking Up Arms). Năm 1776, tại Quốc hội Pennsylvania, ông chỉ đạo các nghị sĩ tiểu bang tìm kiếm giải pháp cho cuộc xung đột, nhưng yêu cầu họ chống lại việc tách khỏi nước Anh.

Cho tới lúc đó, vị trí trung lập của Dickinson đã đặt ông vào phe thiểu số. Tại Đại hội các thuộc địa, ông bỏ phiếu chống lại Tuyên ngôn Độc lập (1776) và từ chối ký vào văn kiện này. Tuy nhiên, sau đó ông trở thành một trong hai đại biểu duy nhất (cùng với Thomas McKean) tham gia quân đội. Khi không được tái cử, ông xin từ chức Tư lệnh lữ đoàn và lui về nghỉ tại khu trang trại ở Delaware. Cuối năm 1776, dù được tái cử vào Quốc hội trong một khu bầu cử mới, nhưng ông vẫn từ chối tham dự và cũng từ chối tham gia Quốc hội Pennsylvania. Sau đó, ngày 11 tháng Chín năm 1777, ông tham dự trận đánh ở Brandywine, PA. trong một đơn vị đặc biệt của Delaware.

Tiếp theo, Dickinson quay lại chính trường và giành được một ghế tại Đại hội các thuộc địa (1779-1780), rồi ký vào Các điều khoản Hợp bang, văn

kiện do ông là Chủ tịch Ủy ban soạn thảo. Năm 1781, ông trở thành Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao của Delaware, rồi trở về Philadelphia làm Thống đốc Tiểu bang Pennsylvania (1782-1785). Năm 1786, đại diện cho Delaware, ông tham gia và là chủ tọa Hội nghị Annapolis.

Một năm sau, tiểu bang Delaware cử Dickinson tham dự Hội nghị Lập hiến. Ông bỏ lỡ một số cuộc họp và ra về sớm vì bị ốm, nhưng có những đóng góp to lớn, bao gồm việc tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại. Mặc dù phần nộ đối với sự áp đặt của Madison và những người theo chủ nghĩa Liên bang, nhưng ông cũng góp phần xây dựng Thỏa hiệp lớn và viết những bức thư gửi nhân dân Mỹ vận động cho việc thông qua Hiến pháp. Do rời Hội nghị sớm, ông đã không đích thân ký vào văn bản này mà ủy quyền cho người bạn và đồng nghiệp của ông là George Read ký thay.

Dickinson sống thêm 20 năm nữa, dù không giữ chức vụ gì, nhưng ông đã cống hiến toàn bộ cuộc đời còn lại để viết các tác phẩm chính trị. Năm 1801, ông xuất bản hai cuốn tuyển tập các công trình của mình. Năm 1808, ông qua đời tại Wilmington, thọ 75 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang "Những người bạn".

14. Oliver Ellsworth (1745-1807)

Tiểu bang Connecticut

Oliver Ellsworth sinh ngày 29 tháng Tư năm 1745, tại Windsor, CT. Ông vào học trường Yale năm 1762, nhưng sau đó chuyển sang trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton). Ông tiếp tục học môn thần học và hai năm sau, được nhận bằng Cử nhân Văn chương. Nhưng ngay sau đó, Ellsworth chuyển sang học luật. Sau 4 năm học, năm 1771, ông được nhận vào làm việc tại tòa án. Một năm sau, Ellsworth cưới Abigail Wolcott.

Dù buổi đầu ít tên tuổi, nhưng Ellsworth đã thiết lập được một uy tín lớn trong ngành luật, có tiếng là một luật sư cần cù và có khả năng. Năm 1777,

Ellsworth trở thành Tổng chương lý của quận Hartford, tiểu bang Connecticut. Cũng năm đó ông được chọn làm đại biểu của tiểu bang Connecticut để tham gia Đại hội các thuộc địa. Ông tham gia nhiều ủy ban khác nhau trong 6 nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ một năm, cho tới năm 1783. Ellsworth cũng tích cực tham gia các hoạt động chính trị trong giai đoạn cuộc Cách mạng Mỹ. Là thành viên của Ủy ban thanh toán chi phí chiến tranh, Oliver Ellsworth tham gia giám sát chi phí chiến tranh ở Connecticut. Năm 1779, ông tham gia Hội đồng An ninh. Cùng với Thống đốc, Hội đồng này có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động quân sự của tiểu bang.

Năm 1787, một lần nữa, Ellsworth lại đại diện cho Connecticut và đóng vai trò tích cực tại Hội nghị Lập hiến ở Philadelphia. Trong cuộc tranh luận về Thỏa hiệp lớn, Ellsworth đã đề nghị việc đại diện bình đẳng trong các cơ quan lập pháp, giống như trong Các điều khoản Hợp bang. Ông cũng để lại dấu ấn trong việc sửa đổi khái niệm "Quốc gia - national" thành "Hợp chúng quốc - United States" làm tiêu đề được sử dụng trong Hội nghị nhằm chỉ một mô hình chính quyền mới.

Ellsworth là thành viên Ủy ban gồm 5 người phác thảo bản Hiến pháp đầu tiên. Ellsworth ủng hộ Thỏa hiệp 3 phần 5 [thỏa hiệp tính 3/5 nô lệ da đen bằng một người da trắng], nhưng chống việc bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ trên toàn liên bang. Mặc dù rời Hội nghị sớm và không ký vào văn kiện cuối cùng, nhưng ngay khi trở lại Connecticut, ông đã viết Những bức thư của người chủ đất nhằm vận động cho quá trình phê chuẩn Hiến pháp.

Từ năm 1789 đến năm 1796, Ellsworth là một trong hai Thượng nghị sĩ đầu tiên của Connecticut trong chính quyền liên bang mới khi giữ chức Chủ tịch Ủy ban xây dựng dự thảo luật về Hệ thống tòa án liên bang và tham gia xây dựng những bộ luật cụ thể trong việc điều hành đất nước của chính quyền mới. Những thành tựu khác của Ellsworth trong Quốc hội gồm việc soạn thảo điều luật chấp nhận cho tiểu bang Bắc Carolina gia nhập Hợp chúng

quốc; xây dựng Đạo luật Không quan hệ, để buộc tiểu bang Rhode Island phải gia nhập Hợp chúng quốc; xây dựng dự luật qui định các hoạt động lãnh sự, tham gia ủy ban xem xét Phương án lập quỹ giải quyết nợ quốc gia và thành lập Ngân hàng Đệ nhất Hoa kỳ do Alexander Hamilton đề xuất.

Mùa xuân năm 1796, ông được bổ nhiệm làm Chánh án Tòa án tối cao, rồi trở thành Công sứ tại Pháp trong những năm 1799-1800. Ngay khi trở lại Mỹ vào đầu năm 1801, Ellsworth đã rời bỏ các hoạt động xã hội về sống yên bình tại Windsor, CT. Ông mất ở đây vào ngày 26 tháng Mười một năm 1807 và được chôn tại Nghĩa trang Nhà thờ Đầu tiên ở Windsor.

15. William Few (1748-1828)

Tiểu bang Georgia

Few sinh năm 1748. Tổ tiên ông di cư từ Anh sang Pennsylvania vào những năm 1680, nhưng sau đó chuyển về định cư tại Maryland. Cha ông lấy vợ tại đây và lập một trang trại gần Baltimore, nơi William sinh ra. Ông phải đương đầu với cuộc sống vất vả và hầu như không được học hành gì. Khi ông 10 tuổi, cha ông chuyển cả gia đình về Bắc Carolina, mong tìm cuộc sống tốt hơn.

Năm 1771, Few cùng với cha và một người anh tham gia một nhóm phản kháng chống lại Thống sứ Hoàng gia. Kết quả là anh trai ông bị treo cổ, trang trại gia đình bị phá hủy, còn người cha buộc phải trốn về Georgia. Tới năm 1776, ông được nhận vào làm việc tại tòa án rồi mở phòng luật tại Augusta.

Khi Chiến tranh giành Độc lập bắt đầu, Few rất nhiệt tình tham gia phe Whig. Mặc dù chủ yếu là tự học, ông đã sớm thể hiện khả năng lãnh đạo và giữ chức trung tá kỵ binh. Ngoài ra, ông cũng tham gia hoạt động chính trị. Năm 1776, ông được bầu chọn vào Quốc hội tỉnh Georgia. Trong thời gian chiến tranh, hai lần ông tham gia Đại hội các thuộc địa, vào những năm 1777

và năm 1779. Cùng thời gian này, ông cũng tham dự Hội đồng Hành pháp của tiểu bang và giữ các chức vụ Tổng thanh tra và Ủy viên Hội đồng về vấn đề người Da Đỏ. Sau đó, ông tham dự Quốc hội Hợp bang trong những năm 1780-1788. Trong thời gian này, năm 1783, ông được bầu lại vào Quốc hội của Georgia.

Bốn năm sau, Few được bổ nhiệm là một trong sáu đại biểu tiểu bang tham dự Hội nghị Lập hiến, hai người trong số họ chưa bao giờ tham dự, còn hai người khác không ở lại cho đến khi kết thúc. Bản thân Few cũng vắng mặt tại nhiều cuộc họp trong suốt tháng Bảy và nhiều ngày đầu tháng Tám vì phải tham gia Quốc hội và không có bài phát biểu nào. Nhưng ông bỏ phiếu cho Đảng Liên bang trong những thời điểm quan trọng. Hơn nữa, là một đại biểu có mặt tại phiên họp cuối cùng của Quốc hội Hợp bang, ông góp phần đưa bản Hiến pháp vượt qua những trở ngại đầu tiên để Quốc hội chấp thuận. Sau đó, ông tham gia Hội nghị phê chuẩn của tiểu bang.

Few trở thành một trong những Thượng nghị sĩ Mỹ đầu tiên của tiểu bang này (1789-1793). Khi kết thúc nhiệm kỳ, ông trở về nhà và lại tham gia Quốc hội bang. Năm 1796, ông được bổ nhiệm làm Thẩm phán Liên bang tại Tòa án lưu động tiểu bang Georgia. Do nhiều lý do không rõ ràng, năm 1799, ông từ chức Thẩm phán ở tuổi 52, rồi chuyển về sống tại thành phố New York.

Sự nghiệp của Few tiếp tục thành công. Ông phục vụ 4 năm trong cơ quan lập pháp (1802-1805) và sau đó làm Thanh tra Nhà tù (1802-1810), Ủy viên Hội đồng khu phố (1813-1814) và là Đặc phái viên của Mỹ về vấn đề nợ nần (1804). Từ năm 1804 đến năm 1814, ông giữ chức Giám đốc Ngân hàng Manhattan và sau đó là Chủ tịch City Bank. Là một tín đồ nhiệt tâm của hội Giám lý, ông cũng quyên góp nhiều tiền cho các tổ chức từ thiện.

Năm 1828, khi Few qua đời ở tuổi 80, tại Fishkill-on-the-Hudson, ngày nay là thành phố Beacon. Ban đầu, ông được chôn cất tại Nghĩa trang Reformed

Dutch của một nhà thờ địa phương. Sau đó, thi hài của ông được chuyển đến Nhà thờ St. Paul, Augusta, GA.

16. Thomas Fitzsimons (1741-1811)

Tiểu bang Pennsylvania

Fitzsimons (FitzSimons; Fitzsimmons) sinh năm 1741 tại Ireland. Ông đến Mỹ khoảng năm 1760 và theo đuổi nghề buôn ở Philadelphia. Năm 1761, ông cưới Catherine Meade, con gái một nhà buôn giàu có và nổi tiếng ở địa phương tên là Robert Meade, rồi nhanh chóng tham gia nghề buôn.

Hãng "George Meade và Công ty" này sớm trở thành một trong những nhà thương mại hàng đầu trong thành phố và chuyên kinh doanh ở vùng Tây Ấn.

Khi cuộc Cách mạng Mỹ nổ ra, Fitzsimons nhiệt tình hưởng ứng phe Whig và chỉ huy một toán quân trong thời kỳ chiến tranh (1776-1777). Ông tham gia Ủy ban liên lạc, Hội đồng An ninh và Hội đồng Hải quân của Philadelphia. Hãng của ông thường cung cấp lương thực và tàu chiến cho quân đội và cho đến khi kết thúc chiến tranh, đã đóng góp 5.000 đô la cho quân đội Lục địa.

Trong những năm 1782-1783, Fitzsimons tích cực tham gia hoạt động chính trị và là một đại biểu tại Quốc hội Hợp bang. Một năm sau, ông là thành viên của Hội đồng Giám sát Pennsylvania, rồi là một nghị sĩ tại Nghị viện tiểu bang (1786-1789). Ông tham gia Hội nghị Lập hiến đầu tiên và là một người theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng không có đóng góp nào nổi bật.

Sau Hội nghị, trong ba nhiệm kỳ tại Hạ Viện Liên bang (1789-1795), Fitzsimons tiếp tục thể hiện khuynh hướng quốc gia của mình khi liên minh với các chương trình của Hamilton và Đảng Liên bang mới nổi lên trong việc ủng hộ một chính sách thuế quan bảo hộ và xóa bỏ nợ quốc gia.

Fitzsimons dành phần lớn thời gian còn lại cho công việc kinh doanh cá nhân, nhưng vẫn quan tâm đến những vấn đề xã hội. Trong thời kỳ các cuộc xung đột trên biển với Anh và Pháp vào cuối những năm 1790, ông thúc giục chính phủ Mỹ tiến hành các biện pháp trả đũa việc quân Anh và Pháp bắt giữ các tàu Mỹ. Trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XIX, ông chống đối mạnh mẽ chính sách cấm vận của Jefferson. Năm 1810, lại đụng độ với những người theo phe Jefferson, ông ủng hộ việc gia hạn giấy phép của Ngân hàng Đệ nhất Hoa Kỳ (First United States Bank).

Những thành tựu mà Fitzsimons đạt được là do tài năng kinh doanh của ông. Năm 1781, ông là một trong những người sáng lập ra Ngân hàng Bắc Mỹ (Bank of North America). Ông cũng góp phần tổ chức và giữ chức giám đốc của Công ty Bảo hiểm Bắc Mỹ và nhiều lần làm Chủ tịch Phòng Thương mại Philadelphia.

Giống như Robert Morris, một đồng nghiệp và người bạn, vào năm 1805, công việc kinh doanh của Fitzsimons gặp phải rủi ro. Sau đó, dù khôi phục lại tài sản của mình, nhưng uy tín của ông cũng bị tổn hại. Mặc dù gặp những khó khăn này, nhưng Fitzsimons chưa bao giờ đánh mất lòng nhân từ. Ông có đóng góp rất nhiều tiền cho Nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã St. Augustine ở Philadelphia. Ngoài ra, ông cũng đấu tranh đòi cải cách giáo dục phổ thông của tiểu bang và là Ủy viên quản trị Trường đại học Pennsylvania.

Fitzsimons mất năm 1811, tại Philadelphia, thọ 70 tuổi. Mộ của ông được đặt tại nghĩa trang Nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã St. Mary, hiện nay là Công viên Lịch sử Quốc gia Độc lập (Independence National Historical Park).

17. Benjamin Franklin (1706-1790)

Tiểu bang Pennsylvania

Franklin sinh năm 1706, tại thành phố Boston. Ông là con trai thứ mười của một người thợ sản xuất xà phòng và nến. Ông chỉ được nhận chút ít giáo dục chính thức và chủ yếu là tự học. Từ 10 đến 12 tuổi, ông học việc với người cha, rồi đến làm cho James, một người anh cùng cha khác mẹ làm nghề thợ in. Năm 1721, người anh xuất bản tờ New England Courant, tờ báo thứ tư tại các thuộc địa. Benjamin bí mật đóng góp 14 bài viết. Đây là những tác phẩm được xuất bản đầu tiên của ông.

Năm 1723, do bất đồng với James, Franklin quyết định chuyển đến Philadelphia làm thợ in. Ông chỉ ở đây một năm và sau đó, đến sống ở London trong hơn hai năm. Trở lại Philadelphia, ông tiến triển nhanh trong ngành in. Ông xuất bản tờ báo The Pennsylvania Gazette (1730-1748), nhưng sự nghiệp văn học thành công nhất của ông là cuốn Poor Richard's Almanac (1733-1758), được xuất bản hằng năm. Cuốn sách này đã trở nên rất nổi tiếng trong các thuộc địa, chỉ đứng thứ hai sau cuốn Kinh thánh. Sau này, tiếng tăm của ông đã lan sang cả châu Âu.

Năm 1730, Franklin cưới Deborah Read, một người phụ nữ xuất thân từ giới bình dân. Họ có một con trai và một con gái, nhưng ông cũng có nhiều người con không giá thú khác. Tới năm 1748, ông đã xây dựng được một gia sản lớn và được tôn vinh vì lòng bác ái và những đóng góp cho xã hội trong các lĩnh vực như thư viện, giáo dục và bệnh viện. Dành nghị lực và làm việc không mệt mỏi, ông cũng dành thời gian nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động chính trị.

Franklin giữ chức vụ thư ký (1736-1751), thành viên của cơ quan lập pháp thuộc địa (1751-1764), Phó Giám đốc Sở Bưu điện Philadelphia (1737-1753), Phó Tổng Giám đốc Sở bưu điện các thuộc địa (1753-1774). Ngoài ra, vào năm 1754, ông cũng đại diện cho Pennsylvania tại Hội nghị Albany. Ông kêu gọi sự đoàn kết của các thuộc địa trong cuộc chiến tranh với Pháp và người Da Đỏ. Nghị viện Anh chấp thuận bản Mô hình Liên minh của ông,

nhưng kế hoạch này bị Nghị viện các lục địa bác bỏ vì động chạm đến quyền lực của họ.

Trong những năm 1757-1762 và 1764-1775, Franklin sống ở Anh, ban đầu làm người đại diện cho Pennsylvania và sau đó, cho Georgia, New Jersey và Massachusetts. Trong giai đoạn bất ổn của các thuộc địa, ông có những thay đổi về quan điểm chính trị. Cho tới thời điểm đó, ông là một người công dân Anh trung thành, ông rất lo ngại về tình hình chính trị của Pennsylvania và không tin tưởng vào phong trào của quần chúng. Không hài lòng với chính sách thuế của Nghị viện Anh, ông đã lãnh đạo phe Quaker chỉ trích giới quý tộc Anh và liên minh Giáo hội Trưởng lão. Thực ra, mục tiêu của ông trong suốt những năm ở London là thay thế sự cai trị của gia đình Penn tại Massachusetts bằng một chính quyền hoàng gia vì khi đó, theo ân chiếu của Vua Anh, thuộc địa này vẫn thuộc quyền sở hữu của gia đình Penn.

Trong cuộc khủng hoảng Đạo luật Thuế tem xảy ra năm 1765, mặc dù đại diện cho Pennsylvania, nhưng ông đã dùng mọi cách chống lại việc ban hành đạo luật này. Lúc đầu, ông không nhận ra mức độ trầm trọng trong thái độ thù địch của các thuộc địa đối với mẫu quốc vì ông coi những xung đột xảy ra là những chuyện không thể tránh được và muốn đệ trình yêu sách lên nhà Vua và Nghị viện Anh xem xét lại dự luật này. Quan điểm ôn hòa của ông khi đó đã khiến nhiều người dân thuộc địa tức giận. Nhưng sau đó, việc Franklin bảo vệ địa vị của người dân các thuộc địa Bắc Mỹ tại Viện Bình dân Anh và trong các cuộc tranh luận đòi hủy bỏ Đạo luật Thuế tem đã khôi phục lại uy tín của ông tại quê nhà.

Quay về Philadelphia vào tháng Năm, năm 1775, Franklin trở thành một lãnh tụ hàng đầu tại Đại hội các thuộc địa. Ông tham gia ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập (tháng Bảy năm 1776), rồi làm Giám đốc Sở Bưu điện của các lục địa và đảm nhận chức Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania.

Sau hơn một năm trở lại Mỹ, người đàn ông già cả này lại một lần nữa sang châu Âu, bắt đầu sự nghiệp ngoại giao cho tới cuối đời. Trong những năm 1776-1779, ông là một trong ba đặc sứ, trực tiếp tham gia quá trình đàm phán các hiệp định về thương mại và liên minh với Pháp. Trong giai đoạn 1779-1785, ông cùng với John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) với nước Anh nhằm chấm dứt cuộc chiến tranh và công nhận nền Độc lập của các thuộc địa.

Trở lại Mỹ năm 1785, Franklin trở thành Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania. Tại Hội nghị Lập hiến, mặc dù không chấp thuận nhiều điểm trong văn bản cuối cùng và bị tuổi tác và sức khỏe yếu cản trở, nhưng ông chỉ bỏ lỡ rất ít các cuộc họp, sử dụng uy tín của mình xoa dịu những tâm trạng nóng nảy và thỏa hiệp những bất đồng.

Trong những năm cuối đời, Franklin viết cuốn Tự truyện kể về cuộc đời đầy thành tựu của chính mình ở cả hai châu lục. Năm 1787, ông được bầu chọn làm Chủ tịch đầu tiên của Hiệp hội Bãi nô ở Pennsylvania, một lý tưởng mà ông theo đuổi từ những năm 1730. Hành động cuối cùng của ông là ký một bản ghi nhớ với Quốc hội, đề xuất giải pháp cho hệ thống nô lệ.

Sau một cuộc đời đầy nghị lực và hoạt động không biết mệt mỏi, năm 1790, Franklin qua đời ở Philadelphia, thọ 84 tuổi và vĩnh viễn yên nghỉ tại Nghĩa trang Nhà thờ Thiên Chúa giáo của thành phố.

18. Elbridge Gerry (1744-1814)

Tiểu bang Massachusetts

Gerry sinh năm 1744, tại Marblehead, MA, là con thứ ba trong số 12 anh chị em. Mẹ ông là con một nhà buôn ở thành phố cảng Boston. Còn cha ông là một nhà buôn đường biển giàu có, tích cực hoạt động chính trị và đã từng là một đại úy.

Sau khi tốt nghiệp trường Harvard vào năm 1762, cùng với hai người anh trai, Gerry tham gia kinh doanh với người cha trong việc xuất khẩu cá tuyết khô sang Barbados và Tây Ban Nha. Ông tham dự cơ quan lập pháp thuộc địa (1772-1774), chịu ảnh hưởng của Samuel Adams, rồi tham gia các Ủy ban Liên lạc của Marblehead và Massachusetts.

Khi Nghị viện Anh đóng cửa hải cảng Boston vào tháng Sáu năm 1774, Marblehead trở thành hải cảng chính trong việc nhập khẩu hàng hóa do những người yêu nước trên các thuộc địa quyên góp ủng hộ những người dân thành phố Boston, thì Gerry tham gia vào việc chuyên chở các hàng hóa này.

Từ năm 1774 đến năm 1776, Gerry tham gia Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất và thứ hai. Ông cùng với Samuel Adams và John Hancock tham gia Hội đồng An ninh và là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần. Tại đây, ông cũng góp phần tổ chức các đội quân và đảm nhiệm công việc hậu cần cho quân đội. Tối ngày 18 tháng Tư năm 1775, Gerry tham gia một cuộc họp của Hội đồng An ninh tại một quán trọ ở Menotomy (Arlington), giữa Cambridge và Lexington, nên may mắn thoát khỏi đội quân Anh tuần tiễu ở Lexington và Concord.

Năm 1776, Gerry tham gia Đại hội các thuộc địa, chuyên trách về các vấn đề tài chính. Cho tới năm 1779, Gerry tham gia và đôi khi chủ tọa một hội đồng của Đại hội các thuộc địa, để qui định các vấn đề tài chính cho liên minh. Sau vụ tranh cãi về giá cho các nhu yếu phẩm mà bản thân là một nhà cung cấp, nên Gerry đã rời khỏi Đại hội các thuộc địa. Dù là một thành viên của cơ quan này, ông đã không đến dự trong suốt ba năm sau đó mà chỉ tham gia hoạt động thương mại, là thành viên Hạ viện Massachusetts.

Là đại biểu Quốc hội Hợp bang trong những năm 1783-1785, Gerry thuộc những người có khả năng khuấy động quần chúng trong cuộc Cách mạng và là lãnh tụ của thời chiến, nhưng không có khả năng đương đầu có hiệu quả với nhiệm vụ ổn định chính quyền quốc gia trong thời bình. Ông là người có

kinh nghiệm và cẩn thận, nhưng có nhiều kẻ thù do bản tính cứng nhắc, và luôn nghi ngờ người khác có âm mưu xây dựng nền chuyên chế. Năm 1786, một năm sau khi rời Quốc hội, ông từ bỏ nghề kinh doanh, cưới bà Ann Thompson và tham gia nghị viện tiểu bang.

Gerry là một trong số các đại biểu phát biểu nhiều nhất tại Hội nghị Lập hiến năm 1787. Ông làm Chủ tịch Ủy ban soạn thảo Thỏa hiệp lớn, nhưng bản thân lại không ưa thỏa hiệp này. Với tính cách thường nghi ngờ người khác, nên hầu như ông chống lại tất cả các đại biểu khác và một đại biểu tham dự Hội nghị này từng nói: "ông ta chống lại tất cả những gì ông không đề nghị". Ban đầu, ông ủng hộ một chính quyền trung ương mạnh, nhưng cuối cùng lại phản đối và từ chối ký vào Hiến pháp vì văn bản này thiếu một Tuyên ngôn nhân quyền mà ông cho rằng đây là mối đe dọa cho nền cộng hòa. Ông lãnh đạo phe chống đối việc phê chuẩn Hiến pháp ở tiểu bang Massachusetts và tố cáo văn bản này là "đầy khiếm khuyết". Trong số những khiếm khuyết này, ông liệt kê sự đại diện không bình đẳng của con người, sự nguy hiểm của quyền lực nhánh lập pháp đầy tham vọng, việc pha trộn hành pháp và lập pháp và mối nguy hiểm của một nhánh tư pháp yếu thế. Dù Gerry cũng nhận thấy một số giá trị trong bản Hiến pháp và tin rằng những thiếu sót này có thể được sửa chữa thông qua những tu chính án. Năm 1789, sau khi đồng ý ủng hộ bản Hiến pháp, ông được bầu vào Quốc hội Liên bang khóa đầu tiên. Tại đây, chán nản với phe chống Liên bang, ông quay sang ủng hộ những chính sách của Đảng Liên bang.

Gerry rời khỏi Quốc hội vào năm 1793 và nghỉ hưu trong 4 năm. Trong thời kỳ này, ông hiểu nhầm mục đích của Đảng Liên bang, đặc biệt là những nỗ lực của họ nhằm gây dựng liên minh với Anh nên về phe với những người Cộng hòa - Dân chủ thân Pháp. Năm 1797, Tổng thống John Adams bổ nhiệm ông, với tư cách là thành viên duy nhất không phải là Đảng Liên bang, vào một ủy ban ba người có nhiệm vụ đàm phán hiệp ước với Pháp nhằm để tránh cuộc chiến tranh Pháp-Mỹ, hiện đang bên bờ miệng vực. Vụ

XYZ đã làm tổn hại uy tín của ông. Talleyrand, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, thuyết phục ông tin rằng sự có mặt của ông tại Pháp sẽ ngăn chặn một cuộc chiến tranh, nên Gerry nấn ná ở lại một thời gian dài sau khi John Marshall và Charles Cotesworth Pinckney, hai đặc sứ khác đã rời Pháp. Cuối cùng, Tổng thống Adams phải bực bội triệu hồi ông. Khi quay lại Mỹ, Gerry phải chịu sự chỉ trích nặng nề từ phía Đảng Liên bang.

Vì thái độ kiêu kì hợm hĩnh, nên Gerry chưa bao giờ thật sự nổi tiếng trong các khu bầu cử Massachusetts. Trong những năm 1800-1803, ông đã thất bại tới bốn lần trong các cuộc tranh cử chức Thống đốc bang Massachusetts, nhưng cuối cùng cũng giành được chiến thắng vào năm 1810. Gần cuối hai nhiệm kỳ Thống đốc này, khi cuộc xung đột đảng phái gây chia rẽ trầm trọng chính trường Mỹ, ông chỉ đạo Đảng Cộng hòa - Dân chủ thông qua biện pháp sắp xếp lại khu vực bầu cử để đảm bảo sự chiếm ưu thế ở Thượng viện tiểu bang. Đáp lại, Đảng Liên bang trút vào Gerry tất cả sự nhạo báng và dùng cách chơi chữ "gerrymander" để mô tả sự phân chia các khu vực bầu cử giống như con kỳ nhông có lợi cho đảng này.

Bất chấp tuổi cao, sức khỏe yếu và nguy cơ túng quẫn, Gerry chấp nhận giữ chức Phó tổng thống cho James Madison năm 1813. Mùa thu năm 1814, nhà chính trị gia 70 tuổi ngã trên đường đến Thượng viện và qua đời. Người vợ của ông sống đến tận năm 1849, là người vợ góa cuối cùng của một người đã từng ký Tuyên ngôn Độc lập. Gerry được chôn cất tại Nghĩa trang Quốc hội ở Washington, DC.

19. Nicholas Gilman (1755-1814)

Tiểu bang New Hampshire

Gilman là con trai thứ hai của một gia đình nổi tiếng ở New Hampshire có tới 8 người con. Nicholas Gilman sinh năm 1755 tại Exeter. Ông học ở các trường địa phương và làm việc tại cửa hàng tạp hóa của cha. Khi Chiến tranh

giành Độc lập nở ra, ông tham gia một đơn vị quân đội của New Hampshire, rồi nhanh chóng được thăng chức Đại úy và có mặt trong suốt cuộc chiến tranh này.

Trở về nhà, Gilman phụ giúp cha tại cửa hàng, rồi lao vào hoạt động chính trị. Trong giai đoạn 1786-1788, ông tham gia Quốc hội Hợp bang, nhưng không có đóng góp lớn. Năm 1787, ông đại diện cho New Hampshire tại Hội nghị Lập hiến. Mãi tới ngày 21 tháng Bảy, ông mới đến Philadelphia, khi hầu hết mọi việc đã được hoàn thành. Chưa bao giờ tham gia một cuộc tranh luận, ông không phát biểu lần nào và chỉ đóng vai trò nhỏ bé trong các cuộc bàn cãi. Tuy nhiên, ông tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại, tích cực đóng góp vào sự phê chuẩn Hiến pháp của New Hampshire và trong việc hướng dẫn văn bản này tại Quốc hội Hợp bang.

Sau đó, Gilman trở thành một chính khách hàng đầu của Đảng Liên bang. Ông tham gia Hạ viện Mỹ từ năm 1789 đến 1797; năm 1793 và 1797 là đại cử tri bầu Tổng thống. Năm 1795, 1802 và 1804, ông tham dự Nghị viện New Hampshire; những năm 1805-1880 và 1811-1814, ông làm Bộ trưởng Tài chính của tiểu bang.

Trong thời kỳ này, quan điểm chính trị của Gilman bắt đầu chuyển sang hướng Đảng Cộng hòa - Dân chủ. Năm 1802, khi ông bị thua trong cuộc đua vào Thượng viện Mỹ, Tổng thống Jefferson bổ nhiệm ông làm một đặc sứ về vấn đề phá sản. Hai năm sau, là một Đảng viên Cộng hòa - Dân chủ, ông lại được bầu vào Thượng viện Mỹ và giữ chức vụ này cho tới khi qua đời vào năm 1814, tại Philadelphia, thọ 58 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Winter Street ở Exeter.

20. Nathaniel Gorham (1738-1796)

Tiểu bang Massachusetts

Gorham sinh năm 1738, tại Charlestown, MA, là con cả trong một gia đình bình dân ở thuộc địa Massachusetts. Thuở nhỏ, ông được học hành rất ít và khoảng 15 tuổi, ông được nhận vào làm tập sự tại một hãng buôn ở New London, CT. Ông bỏ hãng này năm 1759, về lại quê nhà để lập một hãng buôn, rồi nhanh chóng thành công. Năm 1763, ông cưới Rebecca Call và có 9 người con.

Gorham bắt đầu sự nghiệp hoạt động chính trị với tư cách một công chứng viên, nhưng sớm được bầu vào cơ quan lập pháp thuộc địa (1771-1775). Trong thời gian Cách mạng, ông kiên định ủng hộ phe Whig. Ông là một đại biểu tham dự Quốc hội thuộc địa (1774-1775), thành viên Hội đồng Chiến tranh Massachusetts (1778-1781), đại biểu Hội nghị Lập hiến (1779-1780) và là nghị sĩ ở cả Thượng viện (1780) và Hạ viện (1781-1787) của tiểu bang, giữ chức vụ Chủ tịch Hạ viện năm 1781, 1782 và 1785. Trong năm cuối cùng, mặc dù thiếu kiến thức luật pháp cơ bản, ông cũng giữ cương vị Thẩm phán Tòa án dân sự Quận Middlesex (1785-1796), đồng thời tham gia Hội đồng Thống đốc tiểu bang (1788-1789).

Trong thời gian chiến tranh, quân Anh phá hủy rất nhiều tài sản của Gorham, nhưng bằng cách đầu cơ, ông đã dựng lại cơ nghiệp của mình. Ông là thành viên Quốc hội Hợp bang (1782-1783 và 1785-1787) và giữ cương vị Chủ tịch từ tháng Sáu năm 1786 cho tới tháng Giêng năm 1787.

Một năm sau, ở tuổi 49, Gorham tham gia Hội nghị Lập hiến. Là một người theo chủ nghĩa quốc gia ôn hòa, ông tham gia tất cả các khóa họp và giữ một vai trò quan trọng. Ông thường xuyên phát biểu, đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Ủy ban Tổng thể, tham gia Ủy ban soạn thảo chi tiết. Là một đại biểu trong Hội nghị thông qua của Massachusetts, ông ủng hộ bản Hiến pháp.

Một vài năm tiếp theo là thời kỳ khó khăn đối với ông. Gorham không tham gia chính quyền mới mà ông đã góp phần tạo nên. Năm 1788, ông và một người tên là Oliver Phelps ở thành phố Windsor, CT và có thể là những

người khác nữa, ký hợp đồng mua 6 triệu mẫu đất hoang ở miền Tây New York. Nhưng do những cuộc khủng hoảng về tài chính và thị trường chứng khoán, như các chứng khoán của Massachusetts tăng giá khủng khiếp, làm tăng giá chóng mặt số tiền phải trả cho mảnh đất mênh mông này. Cho tới năm 1790, vì hầu như không thể thanh toán được nợ nần nên Gorham phải rời khỏi nền chính trị ở Boston và mất đi lòng kính trọng của dân chúng.

Gorham qua đời năm 1796, ở tuổi 58 và được chôn cất tại Nghĩa trang Phipps Street ở thành phố Charlestown, MA.

21. Alexander Hamilton (1755-1804)

Tiểu bang New York

Hamilton sinh ngày 11 tháng Giêng năm 1755 ở thị trấn Charlestown, thuộc đảo Nevis, trong quần đảo Leeward, khi đó là thuộc địa Tây Ấn của Anh. Ông là con ngoài giá thú giữa James Hamilton, một nhà buôn Scotland nghèo, nay đây mai đó, nhưng lại có dòng dõi quý tộc và Rachel Fawcett, một người Pháp theo đạo Tin lành. Năm 1766, người cha dượng đã chuyển gia đình từ Leewards về đảo St. Croix, khi đó là thuộc địa của Đan Mạch, thuộc quần đảo Virgin Islands, trong vịnh Caribe.

Mẹ ông đã mở một cửa hiệu nhỏ để sinh sống. Bà đã dạy ông thành thạo tiếng Pháp và một giáo sĩ dòng Trưởng lão là Đức cha Knox, đã dạy Hamilton những kiến thức cơ bản. Khi mẹ ông mất năm 1768, ông xin làm thư ký học việc trong một hãng buôn ở Christiansted. Sau này, người chủ hãng buôn này trở thành một trong những ân nhân của ông. Nhận thấy tham vọng và sự thông minh tuyệt vời của ông, người chủ hãng buôn này và nhiều người khác đã quyên góp tiền cho ông sang các thuộc địa Bắc Mỹ, để theo học nghề y và hy vọng ông sẽ quay lại đảo làm bác sĩ.

Năm 1772, nhờ những bức thư giới thiệu, Hamilton đến cư trú tại thành phố New York. Những người đỡ đầu đã thu xếp cho Hamilton vào học tại Học

viện Barber tại Elizabethtown (nay là Elizabeth), NJ. Trong thời gian này, ông sống tại nhà William Livingston, người sau này cũng ký vào bản Hiến pháp. Cuối năm sau, năm 1773, Hamilton vào học trường King's College (nay là trường Đại học Columbia) ở thành phố New York, nhưng cuộc Cách mạng đã làm gián đoạn việc học hành của ông.

Năm 1774, dù chưa đến 20 tuổi, Hamilton đã viết một loạt những bài báo và sách nhỏ ủng hộ phe Whig. Sau khi chiến tranh nổ ra, trong thời kỳ 1776-1777, ông được cử giữ chức đại úy pháo binh và lập nhiều chiến công tại những chiến dịch quan trọng. Cuối năm sau, được thăng chức Trung tá, ông tham gia đoàn tùy tùng của Tướng Washington với chức thư ký riêng, kiêm trợ lý. Ông nhanh chóng trở thành một người bạn tâm tình gần gũi và được Washington đặc biệt quý mến. Năm 1780, Hamilton cưới Elizabeth Schuyler, người thành phố New York, con gái một gia đình giàu có và nhiều thế lực chính trị. Họ có với nhau 8 người con. Năm 1781, sau một số bất đồng với Washington, ông từ chức, rồi tham gia binh đoàn của Hầu tước Lafayette tại trận đánh ở Yorktown, VA.

Tháng Mười một năm đó, ông rời bỏ quân đội, để học luật tại thành phố Albany, rồi mở văn phòng luật sư. Nhưng lĩnh vực hoạt động xã hội đã nhanh chóng lôi cuốn ông. Ông được bầu chọn tham gia Quốc hội Hợp bang những năm 1782-83. Một năm sau, ông lại mở một văn phòng luật ở thành phố New York. Do đặc biệt quan tâm đến việc củng cố chính quyền trung ương, nên vào năm 1786, ông đại diện cho tiểu bang New York tại Hội nghị Annapolis. Tại đây, ông cùng Madison thúc giục Quốc hội Hợp bang triệu tập Hội nghị Lập hiến nhằm soạn thảo mô hình chính quyền mới cho liên bang.

Năm 1787, Nghị viện New York bổ nhiệm Hamilton làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến. Nhưng ông giữ một vai trò nhỏ đáng ngạc nhiên trong các cuộc tranh luận và vắng mặt thường xuyên trong các cuộc họp này. Chủ

nghĩa quốc gia cực đoan đã đặt ông vào một tình thế kỳ cực đối với hầu hết các đại biểu, nên ông nổi cáu lên với các quan điểm bảo thủ của hai đại biểu cùng tiểu bang New York. Tuy nhiên, ông đã tham gia Ủy ban soạn thảo và là người duy nhất trong ba đại biểu của New York ký vào văn kiện cuối cùng. Sự đóng góp của Hamilton trong việc thông qua Hiến pháp ở New York sau đó là rất lớn, dù ông cho rằng Hiến pháp vẫn có nhiều điểm khiếm khuyết. Chống lại phe đối lập đầy quyết tâm của Thống đốc tiểu bang là Geogre Clinton, Hamilton đã tiến hành một cuộc vận động mạnh mẽ và thành công, bao gồm việc hợp tác với John Jay và James Madison viết các bài luận Người Liên bang, để bảo vệ Hiến pháp tại tiểu bang New York và trên toàn quốc. Năm 1787, Hamilton lại một lần nữa được bầu vào Quốc hội Hợp bang.

Năm 1789, khi chính quyền mới được thành lập, Washington đã bổ nhiệm Hamilton giữ chức Bộ trưởng Tài chính, bộ quan trọng nhất trong giai đoạn đầu dựng nước. Ngay lập tức, ông bắt tay vào đặt nền móng cho hệ thống tài chính – kinh tế đang rất tồi tệ của Liên bang. Trong một loạt các báo cáo (1790-1991), ông đề xuất một chương trình rộng khắp, không chỉ làm ổn định tình hình tài chính quốc gia mà còn hình thành tương lai của đất nước như một quốc gia giàu có và hùng mạnh. Ông đề nghị thành lập Ngân hàng Đệ nhất Hoa Kỳ, để tài trợ cho các khoản nợ của liên bang; đảm trách các khoản nợ của các tiểu bang và khuyến khích sản xuất. Chính sách của Hamilton ngay lập tức đưa ông vào cuộc xung đột với Jefferson và Madison. Những bất đồng của họ về chương trình thúc đẩy kinh tế, về lòng yêu quý với nước Anh, về sự khinh bỉ người nghèo, về sự chống đối các nguyên tắc và sự thái quá của Cách mạng Pháp, đã góp phần hình thành hệ thống đảng phái chính trị đầu tiên của Mỹ. Để chống lại Jefferson, Madison và Đảng Cộng hòa - Dân chủ, Hamilton đã xây dựng Đảng Liên bang và là lãnh tụ xuất sắc nhất của đảng này.

Trong suốt hai nhiệm kỳ của Washington, quan điểm của Hamilton thường

chiếm ưu thế, đặc biệt là từ sau năm 1793, khi Jefferson rời chính quyền. Năm 1795, nhu cầu tài chính của gia đình buộc Hamilton phải rời Bộ Tài chính để làm luật sư tại thành phố New York. Trừ một thời gian ngắn giữ chức Tổng thanh tra Quân đội (1798-1800) trong thời gian chiến tranh ngầm với Pháp, ông không bao giờ quay lại tham dự chính quyền.

Trong khi giành được uy tín lớn lao trong sự nghiệp luật sư, Hamilton vẫn tiếp tục là một chính trị gia đầy quyền lực trong chính trường New York và trên toàn liên bang. Luôn luôn chống đối John Adams, dù cùng Đảng Liên bang, ông tìm cách ngăn cản việc bầu chọn John Adams vào chức Tổng thống trong cuộc đua năm 1796. Khi việc này thất bại, ông tiếp tục bí mật sử dụng ảnh hưởng của mình ngay trong nội các của Adams. Sự chống đối kịch liệt giữa hai người được công khai hóa vào năm 1800, khi Hamilton tố cáo Adams trong một bức thư được phe Cộng hòa - Dân chủ nỗ lực công bố nhằm gây mâu thuẫn giữa nội bộ Đảng Liên bang.

Năm 1802, Hamilton và gia đình chuyển đến Grange, một ngôi nhà ở vùng ngoại ô mà ông đã xây ở Manhattan, phía bắc thành phố New York. Cũng lúc đó, khi Jefferson và Aaron Burr bất phân thắng bại trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1800, Hamilton đã sử dụng uy tín và sự khôn ngoan của mình vận động các đại biểu Liên bang bầu Jefferson làm Tổng thống.

Năm 1804, Hamilton lại tìm cách đánh bại Burr trong cuộc tranh cử chức Thống đốc New York. Cực kỳ tức giận vì những bài chỉ trích cá nhân mà tin rằng đó là của Hamilton và muốn trả thù cho những thất bại trước đây do sự can thiệp của Hamilton, Burr đã thách đấu với ông. Vụ đấu súng được tiến hành ngày 11 tháng Bảy năm 1804, tại Weehawken, NJ. Bị thương rất nặng, ngày hôm sau Hamilton qua đời. Ông mất ở tuổi 49 và được chôn cất trong Nghĩa trang Trinity, tại thành phố New York .

22. William C. Houston (1746-1788)

Tiểu bang New Jersey

William Houston sinh năm 1746, là con trai của ông bà Archibald Houston và Margaret. Ông học trường đại học New Jersey (nay là trường Princeton), tốt nghiệp năm 1768 và làm trợ giảng của trường này. Đến năm 1771, Houston trở thành Giáo sư toán và triết học tại đây.

Từ năm 1775 đến năm 1776, Houston là Phó thư ký của Đại hội các thuộc địa. Trong những năm 1776 và 1777, ông tham gia các đội dân quân ở vùng Princeton với chức vụ Đại úy bộ binh của quận Somerset. Trong thời gian Cách mạng, Houston cũng tham gia Quốc hội (1777) và Hội đồng An ninh tiểu bang New Jersey (1778). Năm 1779, lại một lần nữa ông được bầu vào Đại hội các thuộc địa, chủ yếu đảm nhiệm các công việc hậu cần và tài chính. Ngoài việc tham gia các hoạt động chính trị, Houston vẫn tích cực tham gia các hoạt động của trường Đại học New Jersey và theo đuổi việc học luật. Năm 1781, ông được nhận vào làm thư ký Tòa án tối cao New Jersey. Năm 1783, Houston rút khỏi trường đại học để tập trung vào công việc luật pháp ở thành phố Trenton. Trong hai năm 1784 và 1785, lại một lần nữa, ông làm đại diện cho tiểu bang New Jersey tại Quốc hội Hợp bang.

Houston tham dự cả hai Hội nghị ở Annapolis và Philadelphia. Mặc dù bệnh tật buộc ông rời Hội nghị chỉ sau một tuần tham dự, nhưng ông đã tham gia Ủy ban xem xét việc phân bố các ghế tại Hạ viện. Houston không ký vào bản Hiến pháp, nhưng ký vào bản báo cáo gửi Nghị viện New Jersey.

Ngày 12 tháng Tám năm 1788, William Houston qua đời tại Frankford, PA. vì bệnh lao. Thi hài của ông được chôn cất tại Nghĩa trang Giáo hội Trưởng lão Thứ hai ở Philadelphia.

23. William Houstoun (1755-1813)

Tiểu bang Georgia

William Houstoun là con trai của Ngài Patrick Houstoun, thành viên Hội đồng Hoàng gia của tiểu bang Georgia. Ông sinh năm 1755, tại Savannah, GA. Houstoun được học hành rất chu đáo, bao gồm cả việc học luật tại trường Inner Temple ở London. Cuộc Chiến tranh giành Độc lập đã buộc Houstoun trở về Georgia. Trước cuộc Cách mạng Mỹ, nhiều thành viên trong gia đình Houstoun đã giữ những chức vụ cao trong chính quyền thuộc địa.

Đến khi chiến tranh bùng nổ, họ vẫn trung thành với Hoàng gia Anh, nhưng William lại sốt sắng ủng hộ nền Độc lập của các thuộc địa. Ông là một trong những người đầu tiên gây dựng phong trào chống đối sự xâm lược của người Anh. Houstoun đại diện cho Georgia tại Quốc hội Hợp bang từ năm 1783 đến 1786. Năm 1785, ông được chọn là đại diện của Georgia để dàn xếp vụ tranh chấp biên giới với Nam Carolina và là một trong những ủy viên quản trị đầu tiên của trường Đại học Georgia.

Khi Hội nghị Lập hiến nhóm họp năm 1787, Houstoun chỉ tham dự một thời gian ngắn, từ ngày 1 tháng Sáu đến ngày 23 tháng Bảy, nhưng ông có mặt trong cuộc tranh luận về quyền đại diện tại nghị viện. Houstoun đã cân bằng lá phiếu của Georgia về quyền bình đẳng tại Thượng viện, bỏ phiếu “từ chối” chống lại phiếu “tán thành” của Abraham Baldwin. Houstoun qua đời ngày 17 tháng Ba năm 1813, tại Savannah và được mai táng tại nhà thờ nhỏ St. Paul, ở thành phố New York.

24. Jared Ingersoll (1749-1822)

Tiểu bang Pennsylvania

Ingersoll sinh năm 1749 tại New Haven, CT., là con trai của Jared Ingersoll, Sr., một viên chức thuộc địa Anh và là một người bảo hoàng nổi tiếng. Ông tiếp nhận một nền giáo dục tuyệt vời và tốt nghiệp trường đại học Yale vào năm 1766. Sau đó, ông quản lý tài chính cho người cha, lúc này đã chuyển từ

New Haven về Philadelphia, rồi học luật và được nhận vào Tòa án tiểu bang Pennsylvania.

Khi cuộc Cách mạng nổ ra, hai cha con ông không bao giờ thống nhất quan điểm về nền độc lập của các thuộc địa. Năm 1773, theo lời khuyên của cha, ông vượt biển sang London và học luật tại trường Middle Temple. Sau khi học xong, năm 1776, ông dành hai năm đi du lịch khắp châu Âu. Trong thời kỳ này, ông tỏ ra thông cảm với sự trung thành với mẫu quốc của những người bảo hoàng.

Trở lại Philadelphia để mở văn phòng luật sư, Ingersoll hợp tác với Joseph Reed, một luật sư hàng đầu trong thành phố và là người bạn thân thiết của gia đình ông, người sau này tham gia Hội đồng Hành pháp Tối cao tiểu bang Pennsylvania. Năm 1781, Ingersoll cưới Elizabeth Pettit (Petit). Trước khi lập gia đình, ông đã tham gia hoạt động chính trị bằng việc trúng cử vào Đại hội các thuộc địa (1780-1781).

Mặc dù không bỏ lỡ buổi họp nào tại Hội nghị Lập hiến, ủng hộ việc sửa đổi Các điều khoản Hợp bang và là một luật sư quen với các cuộc tranh luận, nhưng Ingersoll ít khi phát biểu trong quá trình thảo luận. Sau Hội nghị, Ingersoll giữ nhiều chức vụ trong chính quyền, như thành viên Hội đồng bình dân Philadelphia (1789); Tổng chưởng lý Pennsylvania (1790-1799 và 1811-1817); Cố vấn pháp luật thành phố Philadelphia (1798-1801); Thẩm phán tòa án quận Liên bang ở Pennsylvania (1800-1801) và Chánh án tòa án Quận Liên bang ở Philadelphia (1821-1822). Năm 1812, ông là ứng cử viên chức Phó Tổng thống của Đảng Liên bang, nhưng thất bại.

Ngoài các hoạt động trong chính quyền, Ingersoll cũng đạt được vinh quang trong nghề luật. Trong nhiều năm liền, ông đảm nhiệm cho các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Stephen Girard, một trong những thương gia hàng đầu ở nước Mỹ. Năm 1791, Ingersoll bắt đầu dự các vụ xét xử tại Tòa án tối cao Liên bang và tham gia bào chữa một số vụ kiện nổi tiếng.

Mặc dù ở cả hai vụ Chisholm kiện Georgia (1792) và Hylton kiện Liên bang (1796), ông đều đại diện cho bên thua, nhưng những tranh cãi của ông đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề Hiến pháp phức tạp. Ông cũng là luật sư bào chữa cho người đồng nghiệp cùng ký bản Hiến pháp là Thượng nghị sĩ William Blount, khi ông này bị buộc tội vào cuối những năm 1790.

Ingersoll qua đời vào năm 1822, ở tuổi 73, và được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà Thờ Giáo hội Trưởng lão ở Philadelphia.

25. Daniel of St. Thomas Jenifer (1723-1790)

Tiểu bang Maryland

Jenifer sinh năm 1723, tại Coates Retirement (bây giờ là Ellerslie), gần cảng Tobacco ở Quận Charles, MD. Cha ông là người Thụy Điển và mẹ là người Anh. Cuộc đời niên thiếu và sự học hành của ông ít được biết đến. Khi trưởng thành, ông sở hữu một đồn điền lớn gần Annapolis, có tên là Stepney, nơi ông sống hầu hết cuộc đời. Ông không lấy vợ, nhưng có mối quan hệ bạn bè rộng khắp, kể cả những nhân vật có uy tín lừng lẫy như George Washington.

Khi còn trẻ, Jenifer là đại diện, rồi làm viên chức thu thuế cho hai chủ đất cuối cùng ở Maryland. Ông cũng đảm nhiệm cương vị thẩm phán hòa giải quận Charles, rồi làm việc cho tòa án lưu động miền Tây tiểu bang Maryland. Năm 1760, ông tham gia Ủy ban giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới giữa Pennsylvania và Delaware. Sáu năm sau, ông là thành viên của tòa án tiểu bang này và từ năm 1773 đến năm 1776, ông tham gia Hội đồng Thống đốc Hoàng gia Maryland.

Mặc dù ông có quan hệ gần gũi với giới chính trị gia bảo thủ, nhưng Jenifer lại ủng hộ phong trào Cách mạng của các thuộc địa, dù ban đầu còn miễn cưỡng. Ông là Chủ tịch Hội đồng An ninh của tiểu bang Maryland (1775-1777), rồi là Chủ tịch Thượng viện đầu tiên của tiểu bang này (1777-1780).

Ông tham gia Quốc hội Hợp bang (1778-1782), rồi giữ chức vụ quản lý tài chính và ngân sách của tiểu bang (1782-1785).

Là người theo chủ nghĩa quốc gia bảo thủ, Jenifer ủng hộ sự thống nhất vĩnh viễn và mạnh mẽ giữa các bang và một Quốc hội có quyền lực về thuế khóa. Năm 1785, ông đại diện cho Maryland tại Hội nghị Mount Vernon. Là một trong 29 đại biểu tham gia gần như tất cả các khóa họp tại Hội nghị Lập hiến, ông không phát biểu nhiều, nhưng ủng hộ Madison và những người theo chủ nghĩa quốc gia.

Sau khi Hội nghị kết thúc, Jenifer chỉ sống thêm được ba năm nữa và không bao giờ tham gia chính quyền. Ông mất năm 1790, tại Annapolis thọ 67 tuổi. Người ta không biết chính xác nơi chôn cất ông, có thể là khu trang trại Ellerslie.

26. William Samuel Johnson (1727-1819)

Tiểu bang Connecticut

William Samuel Johnson sinh năm 1727, tại Stratford, CT., là con trai của Samuel Johnson, một triết gia và là giáo sĩ Anh nổi tiếng, người Chủ tịch đầu tiên của trường Đại học King's College (nay là trường Đại học Columbia). Tốt nghiệp trường Yale năm 1744 và ba năm sau, ông nhận danh hiệu Thạc sĩ cũng của trường này và một bằng danh dự của trường Harvard.

Chống lại ý định của người cha muốn ông trở thành mục sư, Johnson lại yêu thích nghề luật, và tìm cách tự học, hoặc tham gia các khóa học không chính thức. Sau khi được nhận vào làm việc tại tòa án, ông mở văn phòng luật sư tại Stratford, làm đại diện cho các khách hàng ở tiểu bang New York và Connecticut, rồi thiết lập quan hệ với các hãng luật khác ở New York. Năm 1749, ông cưới Anne Beach, con gái của một nhà buôn ở địa phương. Vợ chồng ông có 5 con trai và 6 con gái, nhưng nhiều người đã mất khi còn nhỏ.

Những năm 1750, ông bắt đầu sự nghiệp hoạt động xã hội khi trở thành một sĩ quan trong quân đội Connecticut. Trong những năm 1761-1765, ông tham gia Hạ viện tiểu bang. Năm 1766 và 1771, ông được bầu vào Thượng viện. Vào thời gian cuộc Cách mạng Mỹ, Johnson cảm thấy bối rối trước làn sóng đấu tranh của những người yêu nước.

Mặc dù năm 1765, ông tham gia Quốc hội trong thời gian xảy ra Đạo luật Thuế tem, nhưng tới năm 1767, ông phản đối Các đạo luật Townshend Duties và cho rằng hầu hết các chính sách của Anh quốc là không khôn ngoan, nhưng vẫn mong muốn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với mẫu quốc và cảm thấy khó khăn trong việc chọn lựa chỗ đứng cho mình khi nhiều bạn bè thân thiết của ông vẫn sống ở Anh. Những năm 1765 và 1766, Trường đại học Oxford đã nhờ ông tư vấn trong việc trao các bằng tiến sĩ và thạc sĩ danh dự của trường. Ông cũng có mối quan hệ chặt chẽ với các nhà thờ ở Anh quốc. Trong những năm 1767-1771, ông là đại diện cho tiểu bang Connecticut tại Anh và có mối quan hệ thân thiện với những người như Jared Ingersoll, Sr., người sau này tham gia chính quyền Anh.

Cuối cùng, Johnson quyết định đấu tranh cho hòa bình giữa Anh và các thuộc địa, chống đối phe Whig cực đoan. Sau khi giữ chức thẩm phán tại Tòa án Tối cao thuộc địa Connecticut (1772-1774) và tới năm 1774, dù được bầu chọn vào Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất, nhưng ông đã từ chối tham dự. Khi các xung đột bùng nổ, ông đóng góp nỗ lực để gìn giữ hòa bình. Tháng Tư năm 1775, tiểu bang Connecticut giao cho ông và một đại sứ khác nhiệm vụ thảo luận với Tướng Thomas Gage của nước Anh về việc chấm dứt đổ máu. Nhưng thời điểm đó không thích hợp cho những cuộc đàm phán, nên họ đã thất bại. Sau đó Johnson đánh mất sự ủng hộ của những người yêu nước cực đoan, khi họ giành được quyền lực trong chính quyền Connecticut. Mặc dù năm 1779, ông bị bắt giữ về tội danh liên lạc với kẻ thù, song ông đã chứng minh sự vô tội của mình và được trả tự do.

Khi những mối hận thù chiến tranh qua đi, ông trở lại với sự nghiệp hoạt động chính trị của mình. Tại Quốc hội Hợp bang (1785-1787), ông là một trong số những người có ảnh hưởng và nổi tiếng nhất. Sau khi tới Hội nghị Lập hiến ngày 2 tháng Sáu, ông đóng vai trò quan trọng và không vắng mặt một buổi họp nào. Ông tán thành Thỏa hiệp lớn, thỏa hiệp do chính tiểu bang Connecticut của ông đề xướng, và là Chủ tịch Ủy ban văn phong, soạn thảo ra văn kiện cuối cùng. Ông cũng đóng góp vào việc phê chuẩn Hiến pháp mới tại Connecticut.

Johnson tham dự chính quyền mới, khi là thành viên của Thượng viện Mỹ, nơi ông góp phần xây dựng Đạo luật Tư pháp vào năm 1789. Năm 1791, ông xin từ chức vì muốn cống hiến toàn bộ khả năng cho chức vụ Hiệu trưởng trường Đại học Columbia (1787-1800), tại thành phố New York. Tại đây, ông có công lớn trong việc thiết lập các nền tảng vững chắc cho trường và tuyển chọn những giáo viên giỏi.

Johnson nghỉ hưu năm 1800. Một vài năm sau, người vợ của ông qua đời và cùng năm đó ông đã cưới Mary Brewster Beach, một người bà con của người vợ trước và sống tại quê hương Stratford, nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Ông qua đời tại đây vào năm 1819, thọ 92 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Old Episcopal.

27. Rufus King (1755-1827)

Tiểu bang Massachusetts

King sinh năm 1755 tại Scarboro (Scarborough), MA (ngày nay thuộc tiểu bang Maine), là người con cả của một nông dân, nhưng cũng là một nhà buôn khá giả. Năm 12 tuổi, sau khi đã học các kiến thức cơ bản tại các trường địa phương, ông được tuyển vào Học viện Dummer ở South Byfield, MA., rồi sau đó, tốt nghiệp trường Harvard vào năm 1777. Trong Cuộc chiến tranh giành Độc lập, ông là sĩ quan tùy tùng cho Tướng G. Washington trong

một thời gian ngắn.

Ông quyết định theo đuổi nghề luật, nên đã tới học luật tại Newburyport, MA, rồi mở văn phòng luật sư tại đây vào năm 1780. Kiến thức, khả năng chịu đựng và tài hùng biện đã sớm đưa ông vào các hoạt động chính trị. Từ năm 1783 đến 1785, ông là đại biểu tại Quốc hội tiểu bang Massachusetts và được cử tham gia Quốc hội Hợp bang (1784-1786). Tại đây, ông trở thành một Chủ tịch Quốc hội xuất sắc, có uy tín cao và là một trong những người đầu tiên phản đối chế độ chiếm hữu nô lệ. Năm 1786, ông cưới bà Mary Alsop, con gái một thương gia giàu có ở thành phố New York. Trước khi rời Thượng viện tiểu bang, ông thực hiện bốn phần cuối cùng bằng việc đại diện cho Massachusetts tại Hội nghị Lập hiến và góp phần thông qua văn kiện này.

Mới 32 tuổi, King không chỉ là một trong số các đại biểu trẻ nhất có mặt tại Philadelphia mà còn là một trong số những người quan trọng nhất. Ông cũng được đánh giá là một trong những người hùng biện xuất sắc nhất và tham dự tất cả các cuộc họp. Mặc dù ông đến dự Hội nghị với suy nghĩ rằng khó có thể có thay đổi lớn trong Các điều khoản Hợp bang, nhưng quan điểm này của ông đã thay đổi qua các cuộc tranh luận. Cùng với Madison, ông lãnh đạo phe những người theo chủ nghĩa Liên bang. Ông có những đóng góp xuất sắc khi tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại và Ủy ban văn phong. Những ghi chép của ông về quá trình diễn ra tại Hội nghị rất có giá trị đối với những nhà sử học.

Khoảng năm 1788, King rời bỏ nghề luật sư để chuyển đến sống tại Gotham và tham gia chính trường tiểu bang New York. Ông được bầu chọn vào Nghị viện tiểu bang (1789-1790), rồi được bầu làm Thượng nghị sĩ Mỹ đầu tiên của tiểu bang này. Khi các đảng phái chính trị phát triển mạnh trong chính quyền mới, King chia sẻ quan điểm và lập trường với Đảng Liên bang. Tại Quốc hội, ông ủng hộ chương trình tài chính của Hamilton và là một trong

số những lãnh tụ đề xuất Hiệp ước Jay gây nhiều tranh cãi (1794).

Trong thời gian đó, năm 1791, King trở thành một trong những giám đốc của Ngân Hàng Đệ nhất Hoa Kỳ. Năm 1795, dù được tái cử vào Thượng viện Mỹ, nhưng ông chỉ tham gia một năm, rồi được bổ nhiệm làm Đại sứ Mỹ tại Anh (1796-1803).

Những năm King giữ cương vị này là những năm khó khăn trong quan hệ ngoại giao Anh-Mỹ. Cuộc chiến tranh do Cách mạng Pháp gây ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền thương mại Mỹ bởi những vụ đụng độ trên biển giữa Pháp và Anh. Nước Anh vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Mỹ trên bờ biển quốc tế, đặc biệt là việc cưỡng bức các thủy thủ Mỹ. Mặc dù King không thể làm thay đổi chính sách, nhưng ông cố gắng xoa dịu mối quan hệ giữa hai quốc gia.

Năm 1803, King trở lại Mỹ và tham gia hoạt động chính trị. Năm 1804 và 1808, ông cùng với Charles Cotesworth Pinckney, người bạn cùng ký vào bản Hiến pháp, là ứng cử viên của Đảng Liên bang cho chức Tổng thống và Phó Tổng thống, nhưng họ hoàn toàn thất bại. Sau đó, King trở về hài lòng với cuộc sống yên bình tại khu trang trại King Manor, ở Long Island mà ông đã mua vào năm 1805.

Trong cuộc chiến tranh năm 1812, ông lại được bầu vào Thượng viện Liên bang (1813-1825) và được coi là một lãnh tụ phe chống chiến tranh. Chỉ sau khi quân Anh tấn công Thủ đô Washington năm 1814, ông mới thật sự tin rằng nước Mỹ cần phải có những hành động tự vệ và góp sức cho các nỗ lực này.

Năm 1816, Đảng Liên bang chọn King là ứng cử viên Tổng thống, nhưng James Monroe đã dễ dàng đánh bại ông. Vẫn tham gia Thượng viện, năm đó King là lãnh tụ phe chống đối dự luật thành lập Ngân hàng Đệ nhị Hoa Kỳ. Bốn năm sau, tin rằng vấn đề về nô lệ cần phải được thu xếp ổn thỏa bằng

việc thiết lập ngay một cơ chế bồi thường cho việc giải phóng nô lệ và quá trình tái thuộc địa hóa (đưa những nô lệ về lại châu Phi - ND), nên ông đã tố cáo Thỏa hiệp Missouri .

Năm 1825, do sức khỏe yếu, King rời Thượng viện về nghỉ hưu. Nhưng sau đó, Tổng thống John Quincy Adams đã thuyết phục ông chấp nhận chức Đại sứ Mỹ tại Anh. Ông đến Anh, nhưng một năm sau bị ốm và buộc phải trở về nhà. Năm 1827, ông qua đời, thọ 72 tuổi và được chôn cất trong Nghĩa trang Nhà thờ Grace Episcopal, Jamaica, Long Island, NY. Một vài người con của ông cũng rất thành đạt.

28. John Langdon (1741-1819)

Tiểu bang New Hampshire

Langdon sinh năm 1741, tại Portsmouth, NH. Tổ tiên của ông đã di cư đến Mỹ vào những năm 1660. Cha ông là một nông dân khá giả và có một gia đình đông con. Quá trình học vấn thời trẻ của ông thường bị gián đoạn. Ông tới học tại một trường ở địa phương, rồi trở thành thư ký tập sự và một thời gian ngắn làm thủy thủ. Cuối cùng, ông tự mình mở một hãng buôn và làm ăn phát đạt.

Là người tích cực ủng hộ cuộc Cách mạng, ông tham gia Ủy ban liên lạc của New Hampshire và Ủy ban tẩy chay hàng nhập khẩu, đồng thời, ông cũng tham dự nhiều cuộc họp của những người yêu nước. Năm 1774, ông có mặt trong trận tấn công pháo đài Portsmouth và thu được một lượng lớn vũ khí của quân Anh.

Một năm sau, Langdon trở thành Chủ tịch Quốc hội New Hampshire và cũng tham dự Đại hội các thuộc địa (1775-1776). Sau đó, ông được thăng chức Đại tá và đại diện cho quân đội tại Đại hội các thuộc địa trong suốt cuộc chiến tranh. Ngoài ra, ông cũng tổ chức các đội tuần tiễu để chống lại nước Anh và thu được nhiều kết quả.

Langdon cũng đóng vai trò tích cực trong các chiến dịch lớn. Năm 1777, ông tổ chức và đảm bảo hậu cần cho cuộc viễn chinh của tướng John Stark từ New Hampshire tấn công đội quân của viên tướng Anh là John Burgoyne. Sau đó, ông chỉ huy một toán quân bảo vệ thành phố Saratoga, NY, khi thành phố này bị bao vây. Sau đó, Langdon chỉ huy một biệt đội trong chiến dịch Rhode Island. Nhưng nhận thấy môi trường hoạt động tốt nhất cho mình là chính trị, nên ông rời quân đội để trở thành Chủ tịch cơ quan lập pháp bang New Hampshire từ năm 1777 đến năm 1781. Năm 1777, ông cưới Elizabeth Sherburne và họ có một người con gái.

Năm 1783, Langdon được bầu vào Quốc hội Hợp bang; một năm sau, vào Thượng viện tiểu bang; và năm sau nữa, là Thống đốc tiểu bang New Hampshire. Năm 1784, ông xây một ngôi nhà tại Portsmouth. Năm 1786-1787, ông lại trở thành Chủ tịch Nghị viện và trong thời gian này, lần thứ ba, ông tham dự Quốc hội Hợp bang.

Langdon buộc phải tự thanh toán những chi tiêu cho chuyến đi của ông và của Nicholas Gilman đến Hội nghị Lập hiến vì tiểu bang New Hampshire không thể và không muốn chi tiền cho họ. Mãi tới cuối tháng Bảy, họ mới tới Philadelphia, khi đó, nhiều công việc đã hoàn thành. Tuy nhiên, kể từ khi tới nơi, Langdon đã để lại dấu ấn quan trọng. Ông phát biểu hơn 20 lần trong các cuộc tranh luận và là thành viên của Ủy ban thỏa hiệp về vấn đề nô lệ. Nói chung, ông ủng hộ một chính quyền liên bang mạnh. Năm 1788, lại một lần nữa ông được bầu làm Thống đốc tiểu bang (1788-1789). Ông cũng tham gia Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp.

Từ năm 1789 đến năm 1801, Langdon tham gia Thượng viện Liên bang, giữ chức Chủ tịch Lâm thời đầu tiên trong nhiều buổi họp. Trong những năm này, quan điểm chính trị của ông đã có những thay đổi. Là người ủng hộ một chính quyền trung ương mạnh và từng là đảng viên của Đảng Liên bang, nhưng sau đó, ông phản đối những điều khoản của Hiệp ước Jay (1794). Tới năm 1801, ông hoàn toàn chuyển sang ủng hộ phe Cộng hòa - Dân chủ của Jefferson.

Cùng năm đó, Langdon từ chối đề nghị giữ chức Bộ trưởng Hải quân của Tổng thống Jefferson, nhưng vẫn hoạt động tích cực trong chính trường New Hampshire. Ông lại tham dự Nghị viện trong khoảng thời gian 1801-1805, hai lần giữ cương vị Chủ tịch. Năm 1805, ông lại được bầu chọn làm Thống đốc và tiếp tục giữ chức vụ này cho tới năm 1811, ngoại trừ một năm gián đoạn. Trong thời gian đó, vào năm 1805, trường Đại học Dartmouth đã trao tặng ông bằng Tiến sĩ Luật danh dự.

Trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1812, vì tuổi cao và sức khỏe yếu, Langdon từ chối làm ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Cộng hòa-Dân chủ. Ông nghỉ hưu trong 7 năm tiếp theo và qua đời năm 1819, thọ 78 tuổi. Mộ của ông được đặt tại Nghĩa trang Old North ở Portsmouth.

29. John Lansing, Jr. (1754-1829)

Tiểu bang New York

John Lansing sinh ngày 30 tháng Giêng năm 1754, tại thành phố Albany, NY, là con của ông bà Gerrit Jacob và Jannetje Lansing. Năm 21 tuổi, Lansing hoàn thành việc học luật và được phép mở văn phòng luật sư. Năm 1781, ông cưới Cornelia Ray và có 10 người con, 5 người trong số này chết từ khi còn bé. Lansing khá giàu có, ông sở hữu một vùng đất rộng lớn ở Lansingburg và nghề luật sư đem lại cho ông nhiều tiền bạc.

Từ năm 1776 đến năm 1777, Lansing là tùy tùng của Tướng Philip Schuyler, một viên tướng nổi tiếng của Quân đội Lục địa và là bố vợ của Alexander Hamilton. Sau đó, Lansing chuyển sang hoạt động chính trị và trong những năm 1780-1784, 1786 và 1788, tham gia sáu nhiệm kỳ tại Quốc hội New York. Trong hai nhiệm kỳ cuối cùng, ông là Chủ tịch Quốc hội. Trong hai năm trống giữa thời gian này, Lansing tham gia Quốc hội Hợp bang. Từ năm 1786 đến năm 1790, ông đảm đương chức Thị trưởng thành phố Albany.

Lansing đến dự Hội nghị Lập hiến ở Philadelphia với tư cách là thành viên của đoàn đại biểu New York. Tại Hội nghị, Lansing cảm thấy thất vọng vì thấy cuộc họp đã vượt quá giới hạn cho phép. Lansing cho rằng các đại biểu tập trung tại Hội nghị chỉ có mục đích đơn giản là sửa đổi Các điều khoản Hợp bang, nên cảm thấy tức giận phong trào chung lại muốn viết một bản Hiến pháp hoàn toàn mới. Sau sáu tuần tham dự, John Lansing và Robert Yates, đại biểu cùng của bang New York, rời bỏ Hội nghị. Trong một bức thư chung gửi George Clinton, Thống đốc tiểu bang New York, họ tuyên bố

chống lại bất kỳ một cách thức nào nhằm đưa tất cả các tiểu bang riêng lẻ vào một chính quyền quốc gia. Họ cũng cho rằng Hội nghị Lập hiến không nên xem xét bất kỳ một sự hợp nhất nào như vậy. Hơn nữa, Lansing và Yates cũng cảnh báo dạng mô hình của chính quyền được đề xuất tại Hội nghị Lập hiến sẽ không "đảm bảo quyền bình đẳng và tự do vĩnh viễn, là điều mà chúng tôi mong muốn". Năm 1788, là thành viên của Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở New York, lại một lần nữa, Lansing phản đối bản Hiến pháp này.

Trong chính quyền liên bang mới, Lansing làm việc tại tòa án. Năm 1790, ông bắt đầu một nhiệm kỳ dài 11 năm trong Tòa án tối cao New York. Từ năm 1798 cho tới năm 1801, ông là Chánh án tòa án này. Trong những năm 1801-1814, Lansing là Đại pháp quan của tiểu bang. Sau khi rời khỏi chức vụ này, ông vẫn tiếp tục sự nghiệp hoạt động xã hội. Năm 1817, ông được bổ nhiệm làm Ủy viên Hội đồng quản trị Trường đại học tiểu bang New York.

Cái chết của Lansing là cái chết bí hiểm nhất trong số tất cả các đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến. Năm 1829, trong một chuyến thăm thành phố New York, ông rời khách sạn để gửi một vài bức thư, nhưng sau đó, ông không trở về. Người ta không tìm thấy dấu vết nào của ông, nên coi ông đã bị giết hại.

30. William Livingston (1723-1790)

Tiểu bang New Jersey

Livingston sinh năm 1723, tại thành phố Albany, NY và được bà ngoại chăm sóc cho tới năm 14 tuổi. Sau đó, ông sống một năm với một người truyền giáo trong bộ tộc người Da Đỏ Mohawk. Ông theo học trường Yale và tốt nghiệp vào năm 1741.

Phản đối ý định của gia đình muốn ông theo nghề buôn lông thú tại Albany, chàng thanh niên Livingston quyết tâm theo đuổi học ngành luật tại thành

phố New York. Trước khi hoàn thành khóa học năm 1745, ông cưới Susanna French, con gái của một chủ đất giàu có ở New Jersey. Họ có 13 người con. Ba năm sau, Livingston được nhận vào làm tại tòa án và nhanh chóng giành được uy tín, nhờ quan điểm ủng hộ phong trào quần chúng chống lại những phần tử bảo thủ trong thành phố. Liên kết với những người theo thuyết Calvin về tôn giáo, ông chống lại sự lãnh đạo của người Anh tại thuộc địa và vận dụng ngòi bút sắc bén và châm biếm trong những bài thơ và biểu ngữ. Livingston chỉ trích những mưu toan của người Anh nhằm kiểm soát trường King's College (nay là trường Đại học Columbia). Tới năm 1758, ông trở thành lãnh tụ phe của ông. Trong một thập niên, phe ông đã giành quyền kiểm soát Quốc hội và đấu tranh chống sự can thiệp của Nghị viện Anh vào công việc nội bộ tại các thuộc địa. Livingston là nghị sĩ tại Quốc hội tiểu bang trong những năm 1759-1761.

Năm 1769, những người ủng hộ Livingston bị chia rẽ bởi các cuộc tranh luận về cách thức đáp lại chính sách thuế khóa của Anh đối với thuộc địa, nên họ đã mất quyền kiểm soát Quốc hội. Sau đó, mệt mỏi vì công việc luật pháp, nên Livingston chuyển về sống tại Elizabethtown (hiện nay là Elizabeth), NJ, trong khu trang trại ông đã mua năm 1760. Trong những năm 1772-1773, ông xây dựng khu trang trại Liberty Hall tại đây, tiếp tục làm thơ và sống một cuộc đời nhàn tản.

Nhưng cuộc Cách mạng Mỹ bùng lên đã kéo Livingston ra khỏi thời kỳ an nhàn này. Ông nhanh chóng tham gia Ủy ban Liên lạc Quận Essex, NJ. Năm 1774, ông là đại diện cho tiểu bang tại Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất và các năm 1775-1776, là đại biểu tại Đại hội các thuộc địa lần thứ hai. Tháng Sáu năm 1776, ông nhận chức Tư lệnh quân đội tiểu bang New Jersey, với cấp bậc thiếu tướng và giữ chức vụ này cho tới khi được bầu làm Thống đốc đầu tiên của tiểu bang New Jersey.

Sau cuộc chiến tranh giành Độc lập, Livingston giữ chức vụ này trong 14

năm liên tục, cho tới khi ông mất vào năm 1790. Trong thời gian ông giữ chức vụ này, hệ thống chính quyền tiểu bang được thiết lập, chiến tranh thắng lợi và New Jersey trở thành một tiểu bang độc lập. Mặc dù bị áp lực công việc cản trở, ông vẫn về nghỉ tại khu trang trại của ông bất cứ khi nào có thể, để tiến hành những thí nghiệm nông nghiệp. Ông là thành viên của Hiệp hội Thúc đẩy Nông nghiệp của Philadelphia và tích cực tham gia phong trào bãi nô.

Năm 1787, Livingston được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến, nhưng trách nhiệm Thống đốc đã buộc ông không thể tham dự tất cả các buổi họp. Ông không đến dự cho tới ngày 5 tháng Sáu và bỏ lỡ các cuộc tranh luận trong nhiều tuần lễ của tháng Bảy. Nhưng ông đã tham gia nhiều ủy ban quan trọng, đặc biệt là giữ chức Chủ tịch Ủy ban thỏa hiệp về vấn đề nô lệ. Trong quá trình tranh luận tại Hội nghị, ông ủng hộ Phương án New Jersey. Sau này, ông thúc đẩy tiểu bang New Jersey nhanh chóng phê chuẩn Hiến pháp (1787). Một năm sau, trường Đại học Yale trao tặng ông bằng Tiến sĩ Luật danh dự.

Livingston qua đời năm 1790, tại Liberty Hall, thọ 67 tuổi. Lúc đầu, ông được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà thờ Giáo hội Trưởng lão trong vùng. Nhưng một năm sau, thi hài của ông được chuyển đến khu hầm mộ, do con trai ông sở hữu, tại Nghĩa trang Trinity ở Manhattan và tới năm 1844, lại được chuyển về Nghĩa trang Greenwood ở Brooklyn.

31. James Madison (1751-1836)

Tiểu bang Virginia

Là con cả trong một gia đình mang dòng dõi quý tộc đồn điền, Madison sinh năm 1751, tại Port Conway, Quận King George, VA, trong thời gian mẹ ông đang đến thăm ông bà ngoại. Vài tuần sau, bà trở về nhà ở Quận Orange, Montpelier với đứa con trai mới sinh, và nơi này đã trở thành quê hương của

ông trong suốt cuộc đời.

Ông nhận những bài học đầu tiên từ người mẹ, từ những gia sư và tại một trường học tư trong vùng. Là một người cực kỳ thông minh dù sức khỏe kém và luôn ốm yếu trong suốt thời trai trẻ, ông đã tốt nghiệp trường Đại học New Jersey năm 1771, (nay là trường Princeton). Tại đây, ông đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực chính quyền và luật pháp, nhưng coi mục sư cũng là một nghề, nên ông ở lại học thêm một năm về thần học.

Trở lại Montpelier, vẫn chưa quyết định về nghề nghiệp, nhưng Madison sớm đã có tinh thần yêu nước. Chính trường tiểu bang và khu vực đã lôi cuốn ông. Năm 1775, ông tham gia Ủy ban An toàn quận Orange. Một năm sau, ông tham dự Hội nghị Virginia. Ngoài việc thông qua các bước mang tính cách mạng, Hội nghị này đã xây dựng bản Hiến pháp cho tiểu bang Virginia. Trong những năm 1776-1777, ông tham gia Viện dân biểu của thị xã, và trong những năm 1778-1780, tham gia Hội đồng tiểu bang, nhưng sức khỏe yếu đã ngăn cản ông tham gia quân đội.

Madison được chọn làm người đại diện cho Virginia tham dự Quốc hội Hợp bang trong giai đoạn 1780-1783 và 1786-1788. Mặc dù là đại biểu trẻ nhất, nhưng ông đã đóng một vai trò rất quan trọng trong các cuộc tranh luận tại đây. Cũng trong những năm 1784-1786, ông lại tham dự Viện đại biểu Virginia. Ông là người chỉ đạo ngầm đằng sau các cuộc họp ở Hội nghị Mount Vernon (1785), rồi tham gia Hội nghị Annapolis (1786) và có những đóng góp rất to lớn trong quá trình hội họp tại Hội nghị Lập hiến. Ông còn được mệnh danh là "Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ" vì sự đóng góp lớn lao trong việc soạn thảo văn kiện này cũng như trong quá trình thông qua sau đó. Ông cũng viết rất nhiều bài báo chỉ trích sự yếu kém của Các điều khoản Hợp bang.

Madison là một nhân vật cực kỳ xuất chúng tại Hội nghị Lập hiến. Trong khi một số đại biểu ủng hộ mô hình chính quyền tập trung mạnh; một số khác

muốn duy trì quyền tự quyết và tự chủ của tiểu bang; còn đa số có lập trường trung lập thì Madison đã biện hộ không mệt mỏi cho một chính quyền mạnh dù nhiều đề nghị của ông bị bác bỏ. Ông rất ít khi vắng mặt tại Hội nghị và Phương án Virginia mà ông là tác giả chính đã trở thành nền tảng chủ yếu cho bản Hiến pháp. Bất chấp khả năng thuyết trình kém, ông đã phát biểu tới trên 150 lần, đứng thứ ba, chỉ sau Gouverneur Morris và James Wilson. Madison là thành viên của nhiều ủy ban quan trọng như Ủy ban về các vấn đề hoãn lại và Ủy ban Văn phòng.

Madison cũng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình thông qua Hiến pháp ở Virginia. Ông đã sử dụng kiến thức uyên bác và sắc sảo của mình để bảo vệ văn kiện này chống lại sự phản đối mạnh mẽ của Patrick Henry, George Mason và Richard Henry Lee. Tại New York, trong khoảng thời gian 1787-1788, trong khi đang là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang, Madison đã hợp tác với Alexander Hamilton và John Jay, viết các bài luận Người Liên bang, tác động lớn đến việc phê chuẩn Hiến pháp của tiểu bang New York.

Tại Hạ viện Mỹ (1789-1797), Madison tham gia soạn thảo những nét chính và đảm bảo việc thông qua Tuyên ngôn nhân quyền. Ông cũng góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Năm 1792, ông và Jefferson đã thành lập Đảng Cộng hòa - Dân chủ để chống đối các chính sách tài chính – kinh tế của Hamilton và Đảng Liên bang.

Năm 1794, Madison cưới Dolley Payne Todd, một phụ nữ góa bụa, nhưng hoạt bát và sôi nổi, kém ông tới 16 tuổi. Bà đã có một con trai, nhưng sau này, họ không có người con chung nào. Trong những năm 1797-1801, Madison về nghỉ tại trang trại của ông ở Montpelier, nhưng tới năm 1798, ông viết bài luận văn Các giải pháp của Virginia, nhằm chỉ trích Các đạo luật Ngoại kiều và Chống Nổi loạn (Alien and Sedition Acts) do Đảng Liên bang ban hành. Trong thời kỳ ông đảm nhiệm chức Ngoại trưởng Liên bang

(1801-1809), vợ ông thường giữ vai trò như Đệ nhất Phu nhân cho Tổng thống Jefferson trong các buổi tiếp khách.

Năm 1809, Madison kế nhiệm Jefferson làm Tổng thống thứ tư của nước Mỹ (1809-1817). Giống như ba Tổng thống đầu tiên, Madison bị bế tắc và lúng túng với các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia ở châu Âu. Việc sử dụng các biện pháp ngoại giao đã không ngăn chặn được việc người Anh chiếm đoạt các tàu, hàng hóa và cưỡng bức thủy thủ Mỹ tại vùng biển quốc tế và sự suy thoái đang tàn phá đất nước. Madison tiếp tục dùng các biện pháp ngoại giao và trừng phạt kinh tế, nhưng không thực sự thành công. Nhưng việc người Anh tiếp tục can thiệp bằng tàu, cũng như những lời xúi giục khác, đã dẫn đến cuộc chiến tranh năm 1812.

Cuộc chiến tranh mà nước Mỹ non trẻ này chưa kịp chuẩn bị đầy đủ đã chấm dứt trong một thế bế tắc vào tháng Mười hai năm 1814, khi Hiệp ước Ghent được ký kết không đi đến một kết quả nào, hầu như chỉ khôi phục lại các điều kiện trước chiến tranh. Nhưng chủ yếu là nhờ chiến thắng tuyệt vời của tướng Andrew Jackson tại trận New Orleans (Chalmette) vào tháng Giêng năm 1815, nên hầu hết những người dân Mỹ đều tin rằng họ đã giành chiến thắng. Sau hai lần thử thách, cuối cùng nền độc lập vẫn tồn tại và một chủ nghĩa quốc gia sôi nổi, đầy hăm hở đã đánh dấu năm cuối cùng Madison tại cương vị Tổng thống. Giai đoạn này những người Cộng hòa - Dân chủ đã hoàn toàn giành được quyền thống trị chính quyền Liên bang.

Sau khi kết thúc nhiệm kỳ thứ hai ở cương vị Tổng thống, Madison về nghỉ hưu và trông coi trang trại Montpelier, nhưng ông vẫn tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Ông giành nhiều thời gian soạn thảo lại những ghi chép của ông về các cuộc họp tại Hội nghị Lập hiến. Bốn năm sau khi ông qua đời, Chính phủ Mỹ đã cho xuất bản cuốn sách này với tiêu đề Những ghi chép về Hội nghị Liên bang 1787. Đây là bản ghi chép có giá trị nhất về sự kiện này. Sau đó, ông giữ chức đồng Chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của

Virginia những năm 1829-1830 và là Hiệu trưởng Trường đại học bang Virginia trong giai đoạn 1826-1836. Cùng với việc viết những bài báo bảo vệ chính quyền Monroe, ông cũng đảm đương chức vụ cố vấn về chính sách đối ngoại cho Tổng thống Monroe.

Madison cũng liên tục lên án những tranh cãi bè phái địa phương đang nổi lên đe dọa sự tồn tại của Liên bang. Mặc dù suốt đời là chủ nô lệ, nhưng trong những năm cuối đời, ông đã tích cực tham gia vào Hiệp hội Bãi nô Hoa Kỳ, với nhiệm vụ tái định cư những người nô lệ về sống ở châu Phi. Madison mất năm 1836, thọ 85 tuổi. Khi đó, vợ và người con riêng của bà vẫn còn sống.

32. Alexander Martin (1740-1807)

Tiểu bang Bắc Carolina

Mặc dù Alexander Martin sinh năm 1740 tại quận Hunterdon, NJ., nhưng ông lại đại diện cho tiểu bang Bắc Carolina tại Hội nghị Lập hiến. Cha mẹ ông là Hugh và Jane Martin, lúc đầu định cư tại Virginia, sau đó, khi Alexander còn rất nhỏ, đã chuyển về sống tại quận Guilford, NC. Năm 1756, Martin tốt nghiệp trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton), rồi chuyển về sống tại vùng Salisbury để theo nghề nghề buôn bán. Nhưng ông nhanh chóng chuyển sang hoạt động xã hội khi trở thành thẩm phán hòa giải, rồi làm Phó chương lý của nhà Vua Anh tại thuộc địa này.

Vào tháng Chín năm 1770, trong một phiên họp của Tòa án Cao cấp tại Hillsboro, 150 người nông dân, bị kích động, đã mang theo gậy gộc tràn vào phòng xử án. Họ đòi phải có một ban hội thẩm công bằng để xác định minh bạch các khoản thuế phải nộp. Xung đột nổ ra khiến nhiều người, bao gồm cả Alexander Martin, bị đánh đập. Năm 1771, Martin ký một thỏa thuận trả lại tất cả những khoản thu bất hợp pháp cho họ và phân xử các bất đồng.

Từ năm 1773 đến năm 1774, Martin tham gia Viện binh dân của Bắc Carolina và tới năm 1775 tham gia Quốc hội khóa hai và ba của thuộc địa này. Tháng Chín năm 1775, ông được bổ nhiệm làm Trung tá trong Trung đoàn số hai của Bắc Carolina, trong Quân đội Lục địa. Martin tham dự các hoạt động quân sự tại Nam Carolina rồi được thăng chức Đại tá. Ông tham gia quân đội của Washington năm 1777, nhưng sau trận đánh ở Germantown, ông bị bắt giữ vì tội hèn nhát. Một phiên tòa quân sự được tiến hành và tuyên bố Martin trắng án, nhưng ông xin từ chức ngày 22 tháng Mười một năm 1777.

Điều rủi ro của Martin trong quân đội không ngăn cản sự nghiệp chính trị của ông. Một năm sau vụ ở tòa án quân sự, ông trở thành đại biểu tại Thượng viện Bắc Carolina trong suốt 8 năm (1778-1782, 1785 và 1787-1788) và giữ chức Chủ tịch. Từ năm 1780 đến năm 1781, ông cũng tham gia Hội đồng chiến tranh và Hội đồng đặc biệt của tiểu bang. Năm 1781, Martin được bầu chọn làm Quyền Thống đốc và từ năm 1782 cho đến 1785, ông là Thống đốc của tiểu bang này.

Sau một nhiệm kỳ tại Thượng viện Bắc Carolina, vào năm 1785, Martin đại diện cho tiểu bang tại Quốc hội Hợp bang, nhưng năm 1787, ông xin từ chức. Là một trong 5 đại biểu của Bắc Carolina tham dự Hội nghị Lập hiến, Martin là đại biểu phản đối mạnh mẽ nhất quan điểm Liên bang. Ông đóng vai trò nhỏ trong quá trình họp và rời Philadelphia vào cuối tháng Tám năm 1787, trước khi bản Hiến pháp được ký kết. Martin được đánh giá là một chính trị gia tốt, nhưng không thích hợp với các cuộc tranh luận công khai. Một đồng nghiệp của ông là Hugh Williamson, đã bình luận rằng Martin cần thời gian để lấy lại uy tín và sức mạnh "để lại sử dụng những khả năng của mình góp phần phát triển đất nước".

Dưới thể chế chính quyền liên bang mới, từ năm 1789 cho tới năm 1792, Martin lại giữ chức Thống đốc Bắc Carolina. Sau năm 1790, ông rời bỏ

Đảng Liên bang để gia nhập Đảng Cộng hòa-Dân chủ. Năm 1792, Martin được cơ quan lập pháp tiểu bang thuộc phe Cộng hòa chọn làm Thượng nghị sĩ Liên bang. Việc ông bỏ phiếu ủng hộ các đạo luật Ngoại kiều và Chống Nổi loạn đã khiến ông không được tái cử. Trở lại Bắc Carolina, năm 1804, Martin lại tham gia Thượng viện tiểu bang và năm 1805, là đại diện cho quận Rockingham tại Hạ viện và lại giữ chức Chủ tịch. Từ năm 1790 tới năm 1807, ông là ủy viên quản trị của Trường đại học Bắc Carolina.

Martin không lấy vợ. Ông mất ngày 2 tháng Mười một năm 1807, thọ 67 tuổi và được chôn cất tại khu đồn điền "Danbury" của ông ở quận Rockingham.

33. Luther Martin (1748-1826)

Tiểu bang Maryland

Giống như nhiều đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến, Luther Martin vào học tại trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton) và tốt nghiệp năm 1766, với bằng danh dự. Mặc dù sinh sống tại quận Brunswick, NJ., nhưng sau khi nhận bằng tốt nghiệp, Martin đã chuyển đến sống ở tiểu bang Maryland và dạy học ở đây trong ba năm. Sau đó, ông bắt đầu học luật và năm 1771, được nhận vào làm việc tại Tòa án Virginia.

Martin là người ủng hộ nền độc lập Mỹ ngay từ những ngày đầu. Mùa thu năm 1774, ông tham gia Ủy ban yêu nước Quận Somerset và vào tháng Mười hai, ông tham dự cuộc họp của những người yêu nước, tổ chức tại thành phố Annapolis, Maryland. Hội nghị này là nơi đã đưa ra lời kêu gọi triệu tập Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất. Đầu năm 1778, tiểu bang Maryland bổ nhiệm Luther Martin làm Tổng chương lý của tiểu bang. Tại cương vị này, việc Martin kết tội những người trung thành với mẫu quốc, khi số lượng những người này ở nhiều vùng là khá đông đảo đã dẫn đến cuộc nổi dậy và gây ra xung đột ở nhiều nơi. Trong khi vẫn là Tổng chương lý,

Martin tham gia tiểu đoàn kỵ binh nhẹ của Baltimore. Tháng Bảy năm 1781, đơn vị của ông sát nhập với lực lượng của Hầu tước Lafayette ở gần Fredericksburg, VA. Nhưng Martin được Thống đốc triệu hồi nhằm khởi tố một vụ phản quốc.

Martin cưới Maria Cresap vào ngày lễ Giáng sinh năm 1783. Trong số năm người con của họ, ba người con gái đã sống đến tuổi trưởng thành. Nghề luật sau chiến tranh của ông là một nghề lớn nhất và phát đạt nhất trong toàn quốc. Năm 1785, Martin được bầu vào Quốc hội Hợp bang, nhưng sự bổ nhiệm này chỉ mang tính hình thức vì ông không tới thành phố Philadelphia để tham dự, bởi bận rộn với trách nhiệm cá nhân trong các vụ kiện.

Tại Hội nghị Lập hiến, Martin phản đối ý tưởng về một chính quyền trung ương mạnh. Khi ông đến ngày 9 tháng Sáu năm 1787, ông thể hiện sự nghi ngờ đối với việc áp đặt cơ chế bí mật trong quá trình họp Hội nghị. Ông đứng về phía các bang nhỏ và bỏ phiếu chống lại Phương án Virginia. Ngày 27 tháng Sáu, Martin đã phát biểu hơn ba tiếng đồng hồ phản đối điều khoản qui định quyền đại diện theo tỷ lệ dân số ở cả hai Viện trong cơ quan lập pháp của Phương án Virginia và tham gia Ủy ban tìm kiếm sự thỏa hiệp về quyền đại diện. Tại đây ông ủng hộ giải pháp bình đẳng quyền đại diện cho mọi tiểu bang, ít nhất tại một Viện. Trước khi Hội nghị kết thúc, ông và John Francis Mercer, một đại biểu khác của Maryland, đã bỏ ra về.

Trong bài phát biểu tại Viện đại biểu Maryland vào năm 1787 và trong nhiều bài báo, Martin công kích mô hình chính quyền mới và tiếp tục đấu tranh phản đối việc thông qua Hiến pháp trong suốt năm 1788. Ông lên án việc chính quyền quốc gia quá lấn át quyền của các tiểu bang và sự bất bình đẳng trong việc đại diện tại Quốc hội. Martin chống lại việc tính đến nô lệ trong vấn đề xác nhận tỷ lệ đại diện và tin rằng việc thiếu một ban bồi thẩm tại Tòa án tối cao sẽ đe dọa nghiêm trọng quyền tự do. Việc các đại biểu ủng hộ xu hướng thiết lập nhà nước quốc gia và sử dụng khái niệm "Liên bang"

(federal) cũng làm Martin bực bội. Nhưng đến năm 1791, Martin đã quay sang ủng hộ Đảng Liên bang do mối thù oán cá nhân đối với Thomas Jefferson.

Trong năm đầu tiên của thế kỷ XIX, Martin là luật sư bào chữa trong hai vụ kiện gây nhiều tranh cãi trên toàn quốc. Trong vụ thứ nhất, Martin giúp một người bạn thân của ông là Samuel Chase, Thẩm phán Tòa án tối cao, được trắng án, trong vụ luận tội ông này năm 1805. Hai năm sau, năm 1807, Martin lại là một trong những luật sư bào chữa cho Aaron Burr khi Burr bị xét xử vì tội phản quốc.

Sau kỷ lục 28 năm liên tục làm Tổng chưởng lý tiểu bang, tháng Mười hai năm 1805, Luther Martin xin từ chức. Năm 1813, Martin trở thành Chánh án Tòa Đại hình và Phúc thẩm của quận Baltimore. Năm 1818, ông được tái bổ nhiệm làm Tổng chưởng lý bang Maryland và năm 1819, ông cãi cho Maryland trong vụ McCulloch kiện tiểu bang Maryland tại Tòa án tối cao. Nguyên đơn do Daniel Webster, William Pinckney và William Wirt đại diện đã giành phần thắng khi Tòa án Tối cao phán quyết là các tiểu bang không thể buộc tội các thể chế liên bang.

Gia tài của Martin bị tổn hại nghiêm trọng vào những năm cuối đời khi chứng nghiện rượu nặng, bệnh tật và cảnh bần cùng đã cướp đi mọi thứ. Chứng đột quỵ, từng xảy ra năm 1819, buộc ông phải từ chức Tổng chưởng lý Maryland vào năm 1822. Năm 1826, Luther Martin qua đời ở tuổi 78, trong ngôi nhà của Aaron Burr tại thành phố New York và được chôn cất trong một nghĩa trang vô danh của Nhà thờ St. John.

34. George Mason (1725-1792)

Tiểu bang Virginia

George Mason sinh năm 1725, là con của George và Ann Thomson Mason. Vì người cha mất khi ông mới 10 tuổi nên việc dạy dỗ George được giao cho

người bác là John Mercer. Kiến thức của vị luật sư tương lai Mason chủ yếu được hình thành nhờ thư viện có tới 1500 cuốn của người bác này, trong số đó, một phần ba liên quan đến ngành luật.

Mason đã tự phấn đấu để trở thành một nhân vật quan trọng trong cộng đồng. Ông là một chủ đồn điền giàu có nhất ở Virginia khi quản lý vùng đất Gunston Hall. Năm 1750, ông cưới Anne Eilbeck và trong 23 năm hôn nhân, họ đã có 5 con trai và 4 con gái. Năm 1752, ông cũng giành được nhiều lợi tức từ Công ty Ohio, chuyên đầu cơ đất ở miền Tây. Năm 1773, khi Vua Anh rút quyền sở hữu của công ty này với tư cách là thủ quỹ của công ty này, Mason đã viết tác phẩm quan trọng đầu tiên của mình Trích dẫn những hiến chương của Virginia (Extracts from the Virginia Charters) để phản bác những qui định này.

Trong thời gian này, Mason cũng theo đuổi những mối quan tâm chính trị. Ông là thẩm phán tại Tòa án quận Fairfax và trong khoảng thời gian từ năm 1754 đến năm 1779, Mason là ủy viên quản trị thành phố Alexandria. Năm 1759, ông được bầu vào Viện dân biểu Virginia. Khi Đạo luật Thuế tem năm 1765 gây nên sự căm phẫn trong các thuộc địa, George Mason đã viết một bức thư ngỏ trình bày địa vị và tình trạng của các thuộc địa đến các nhà buôn ở London để kêu gọi họ ủng hộ.

Năm 1774, Mason lại nổi bật trong những sự kiện chính trị khi ông góp phần soạn thảo Những kiến nghị của quận Fairfax (Fairfax Resolves) làm nền tảng pháp lý cho các thuộc địa chống lại Đạo luật cấm vận Cảng Boston. Bản Tuyên bố về các quyền của Virginia, chủ yếu do Mason phác thảo năm 1776, được các thuộc địa khác áp dụng rộng rãi và là hình mẫu cho Jefferson viết phần đầu bản Tuyên ngôn Độc lập và cũng làm nền tảng cho Tuyên ngôn nhân quyền của Hiến pháp Liên bang sau này. Ngoài ra, nhiều văn kiện khác cũng chịu ảnh hưởng từ công trình Trích dẫn những hiến chương của Virginia của ông, như Hiệp ước Hòa bình ký với Anh năm 1783. Hiệp ước

này xác định đường biên giới Anh-Mỹ tại Vùng Hồ lớn thay cho sông Ohio.

Những năm từ 1776 đến 1780 chứng kiến những hoạt động lập pháp vĩ đại trên khắp nước Mỹ. Việc thiết lập một chính quyền độc lập với nước Anh cần đến những người có khả năng như George Mason. Ông ủng hộ việc xóa bỏ vai trò của nhà thờ trong chính quyền và tích cực tham gia các hoạt động quân sự, đặc biệt là ở miền Tây. Sau ngày độc lập, Mason phác thảo Phương án chuyển nhượng các vùng đất miền Tây của Virginia cho Liên bang.

Tuy nhiên, đến đầu những năm 1780, ở Mason xuất hiện những tư tưởng khác biệt với quan điểm chung về các vấn đề xã hội, nên ông xin nghỉ hưu. Năm 1780, ông cưới vợ lần hai, bà Sarah Brent. Năm 1785, ông tham gia cuộc họp ở Mount Vernon. Đây là bước dạo đầu cho Hội nghị Annapolis một năm sau đó. Nhưng bất chấp việc được bổ nhiệm, ông không đến Annapolis.

Tại Hội nghị Lập hiến ở Philadelphia năm 1787, Mason là một trong năm nhà hùng biện xuất sắc nhất. Dù có ảnh hưởng lớn đối với Hội nghị, nhưng trong hai tuần cuối cùng, ông đã quyết định không ký vào bản Hiến pháp.

Sự từ chối của Mason khiến nhiều người ngạc nhiên vì tên của ông gắn với phong trào xây dựng thể chế ở Mỹ. Ông tuyên bố lý do chủ yếu nhất khi từ chối ký là bản Hiến pháp này thiếu Tuyên ngôn nhân quyền. Sau đó, ông thảo luận việc sửa đổi Hiến pháp từng điểm một, bắt đầu với phần về Hạ viện và chỉ trích rằng Hạ viện không thật sự đại diện cho quốc gia, còn Thượng viện thì có quá nhiều quyền lực. Ông cũng tuyên bố rằng quyền lực của nhánh tư pháp liên bang sẽ phá hủy nền tư pháp tiểu bang nên không thể đạt được sự công bằng, làm cho người giàu chiếm ưu thế và chèn ép người nghèo. Những nỗi lo sợ này đã dẫn Mason đến kết luận rằng chính quyền mới sẽ có số phận hoặc là trở thành một nền quân chủ hoặc rơi vào tay một nhóm quý tộc tham nhũng và tàn bạo .

Hai mối lo ngại nhất của Mason là sự thiếu chặt chẽ trong bản Hiến pháp, nhưng Tuyên ngôn nhân quyền đã giải quyết mối lo ngại cơ bản của ông và Tu chính án thứ 11 đã đáp ứng các chỉ trích của ông về bộ máy tư pháp .

Trong suốt sự nghiệp hoạt động, Mason được dẫn dắt bởi niềm tin về sức mạnh của lẽ phải, coi đó là trung tâm của những quyền tự nhiên của con người. Ông tiếp cận vấn đề một cách bình tĩnh, lý trí và khách quan. Để ghi nhận những thành tựu và cống hiến của ông đối với nước Mỹ trong “Kỷ nguyên của Lẽ phải” (The Age of Reason), Mason được tôn sùng là "Hiện thân Mỹ của Sự Khai Sáng" (American manifestation of the Enlightenment).

Mason qua đời ngày 7 tháng Mười năm 1792 và được chôn cất tại trang trại Gunston Hall của ông.

35. James McClurg (1746-1823)

Tiểu bang Virginia

James McClurg sinh năm 1746 ở Hampton, VA và tốt nghiệp trường William và Mary năm 1762. Sau đó, McClurg học ngành y tại trường đại học Edinburgh nước Anh và nhận bằng tốt nghiệp vào năm 1770. Ông tiếp tục theo đuổi việc học ngành y ở Paris và London. Năm 1772, ông công bố công trình Những thí nghiệm về mật của người và Những nhận xét về sự bài tiết của mật tại London. Các công trình và các bài viết của ông được cộng đồng y khoa chào đón và đánh giá cao. Chúng cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Năm 1773, McClurg trở lại Virginia, làm bác sĩ phẫu thuật của quân đội tiểu bang trong thời kỳ Cách mạng.

Trước khi chiến tranh kết thúc, năm 1779, trường đại học William và Mary bổ nhiệm McClurg làm giáo sư môn giải phẫu và y khoa. Cùng năm đó, ông cưới bà Elizabeth Seldon. Uy tín của James McClurg tiếp tục tăng cao và ông được coi như một trong những nhà phẫu thuật xuất sắc nhất tại Virginia. Những năm 1820 và 1821, ông là Chủ tịch Hội đồng y khoa tiểu bang.

Ngoài nghề y, McClurg còn theo đuổi sự nghiệp chính trị. Năm 1782, James Madison đã bảo vệ và biện hộ cho sự bổ nhiệm McClurg làm Thư ký Hợp bang, phụ trách các vấn đề đối ngoại (tương tự như chức Ngoại trưởng sau này), nhưng không thành công. Năm 1787, khi Richard Henry Lee và Patrick Henry từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến, McClurg được yêu cầu tham dự đoàn đại biểu của Virginia. Tại Philadelphia, McClurg tán thành quan điểm về nhiệm kỳ Tổng thống suốt đời và tranh luận về nguy cơ chính quyền liên bang sẽ phá vỡ luật pháp của các tiểu bang. Thậm chí, khi một số đại biểu tại Hội nghị lo ngại rằng việc trao quá nhiều quyền lực cho Tổng thống thì McClurg lại tán thành tính độc lập hơn nữa của nhánh hành pháp và muốn nó phải tách khỏi nhánh lập pháp hơn nữa. Tuy nhiên, ông rời Hội nghị đầu tháng 8 và không ký vào bản Hiến pháp.

Sự nghiệp chính trị của James McClurg không chấm dứt với Hội nghị này. Trong chính quyền của Tổng thống George Washington, McClurg tham gia Hội đồng Hành pháp tiểu bang Virginia. Ông mất ngày 9 tháng Bảy năm 1823, tại Richmond, VA.

36. James McHenry (1753-1816)

Tiểu bang Maryland

McHenry sinh năm 1753, tại Ballymena, Quận Antrim, Ai len. Ông tiếp nhận nền giáo dục cổ điển tại Dublin và năm 1771, sang Mỹ định cư tại thành phố Philadelphia. Một năm sau, gia đình ông cũng chuyển đến sống tại thuộc địa này và mở một hãng buôn nhập khẩu hàng hóa ở Baltimore. Trong năm đó, James tiếp tục học tại Học viện Newark ở Delaware và hai năm sau, ông vào học ngành y với Giáo sư, Tiến sĩ, nhà bác học Benjamin Rush, một người rất nổi tiếng ở Philadelphia, người tham gia ký vào bản Tuyên ngôn Độc lập.

Trong Cuộc chiến tranh giành Độc lập, McHenry là một bác sĩ phẫu thuật

trong quân đội. Cuối năm 1776, ông bị quân Anh bắt tại Pháo đài Washington, NY. Được thả vào tháng Ba năm 1778, nhưng ông trở lại ngay đơn vị và được giao nhiệm vụ đến Thung lũng Forge, PA. Tháng Năm, ông trở thành sĩ quan tùy tùng cho tướng George Washington. Vào thời gian này, McHenry đã từ bỏ nghề y để tập trung vào sự nghiệp hoạt động chính trị và do gia tài giàu có của mình, ông không bao giờ quay lại nghề này.

McHenry là sĩ quan tùy tùng của Washington cho tới năm 1780, khi ông tham gia binh đoàn của Hầu tước De Lafayette và giữ cương vị này cho tới khi tham gia Thượng viện Maryland (1781-1786). Trong giai đoạn này, ông cũng là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang (1783-1786). Năm 1784, ông cưới bà Margaret Allison Caldwell.

McHenry bỏ lỡ nhiều cuộc họp tại Hội nghị Philadelphia và dù có mặt, thì ông cũng chỉ giữ vai trò nhỏ trong các cuộc tranh luận. Nhưng cuốn nhật ký mà ông viết trong những ngày này rất có ích cho các thế hệ sau. Ông vận động không mệt mỏi cho việc phê chuẩn Hiến pháp và tham gia Hội nghị phê chuẩn ở Maryland.

Từ năm 1789 đến năm 1791, McHenry tham gia Quốc hội bang và trong những năm 1791-1796, lại tham gia Thượng viện. Là một đảng viên trung thành của Đảng Liên bang, ông chấp nhận đề nghị của Washington làm Bộ trưởng Chiến tranh và tiếp tục giữ chức vụ này trong chính quyền của John Adams. Nhưng McHenry tin rằng Hamilton có khả năng lãnh đạo tốt hơn Adams, nên ông hợp tác với Hamilton để ngăn cản hoạt động của chính quyền. Tổng thống Adams dần dần bất bình với cách thức làm việc của McHenry và đến năm 1800, khi không còn tin tưởng vào động cơ chính trị của ông, Tổng thống Adams đã buộc ông phải từ chức. Sau đó, phe Dân chủ-Cộng hòa lại buộc ông tội điều hành kém, nhưng một ủy ban của Quốc hội đã minh oan cho ông.

McHenry về nghỉ hưu tại ngôi nhà của mình gần Baltimore. Ông vẫn là một

Đảng viên Liên bang trung thành và phản đối Cuộc chiến tranh năm 1812. Ông cũng giữ chức Chủ tịch Hiệp hội Kinh thánh. Ông mất năm 1816, thọ 62 tuổi, và được chôn cất tại Nghĩa trang Westminster của Giáo hội Trưởng lão, ở Baltimore. Sau này, Pháo đài McHenry ở Baltimore được đặt theo tên của ông.

37. John Francis Mercer (1759-1821)

Tiểu bang Maryland

Mercer sinh ngày 17 tháng Năm năm 1759, tại quận Stafford, VA, là con thứ năm trong số chín người con của ông bà John và Ann Mercer. Ông theo học trường William và Mary, rồi năm 1776 tham gia trung đoàn bộ binh số ba của Virginia. Năm 1778, Mercer trở thành sĩ quan tùy tùng của tướng Charles Lee, nhưng tháng Mười năm 1779, sau khi tòa án quân sự kết tội Tướng Lee hèn nhát, Mercer xin từ chức. Ông dành trọn một năm sau đó học luật tại trường William và Mary, rồi quay lại quân đội trong một thời gian ngắn, dưới sự chỉ huy của Hầu tước Lafayette.

Năm 1782, Mercer được bầu vào Viện đại biểu Virginia, rồi đại diện cho tiểu bang Virginia tham dự Quốc hội Hợp bang. Sau đó, năm 1785 và 1786, ông trở lại Viện đại biểu Virginia. Năm 1785, Mercer cưới bà Sophia Sprigg và chuyển đến sống ở quận Anne Arundel, MD. Ông tham gia Hội nghị Lập hiến với tư cách là thành viên của phái đoàn Maryland, khi chỉ mới 28 tuổi, là đại biểu trẻ thứ hai tại Philadelphia. Mercer kịch liệt phản đối sự tập trung hóa và bỏ phiếu chống lại Hiến pháp. Ông và đại biểu Luther Martin cùng tiểu bang Maryland rời Hội nghị trước khi kết thúc.

Sau Hội nghị Lập hiến, Mercer tiếp tục tham gia các hoạt động chính quyền. Ông liên minh với những người Cộng hòa và tham gia Viện đại biểu Maryland trong những năm 1778-1789, 1791-1792, 1800-1801 và 1803-1806. Từ năm 1791 đến năm 1794, ông đại diện cho Maryland tại Hạ viện

Liên bang, rồi được chọn làm Thống đốc tiểu bang trong hai nhiệm kỳ 1801-1803. Trong nhiệm kỳ Tổng thống của Thomas Jefferson, Mercer rời bỏ Đảng Cộng hòa để tham gia Đảng Liên bang.

Bệnh tình đã hành hạ ông suốt những năm cuối đời. Năm 1821, Mercer đến Philadelphia để chữa bệnh, nhưng ông qua đời tại đây ngày 30 tháng Tám, thọ 62 tuổi. Thi hài của ông được chôn cất tạm tại một hầm mộ của nhà thờ St. Peter ở Philadelphia và sau đó được chuyển về khu trang trại Cedar Park của ông ở Maryland.

38. Thomas Mifflin (1744-1800)

Tiểu bang Pennsylvania

Là thành viên thế hệ thứ tư của một gia đình theo giáo phái Quaker ở Pennsylvania, những người đã di cư từ Anh sang Mỹ, Mifflin sinh năm 1744 tại Philadelphia, là con trai của một nhà buôn giàu có và là một chính khách địa phương. Ông học tại một trường học của giáo phái Quaker, sau đó tại trường Philadelphia (nay là một phần của trường Đại học Pennsylvania) và nhận bằng đại học khi mới 16 tuổi.

Trong 4 năm sau đó, Mifflin làm việc tại một phòng thu thuế của Philadelphia. Năm 1764, ông sang châu Âu, rồi một năm sau về làm cho một hãng buôn ở Philadelphia cùng người anh trai. Năm 1767, ông cưới bà Sarah Morris. Mặc dù công việc kinh doanh của ông phát đạt, lĩnh vực chính trị vẫn cuốn hút ông.

Tại cơ quan lập pháp Pennsylvania (1772-1776), Mifflin ủng hộ các thuộc địa chống lại Nhà Vua Anh. Từ năm 1774 đến năm 1776, ông tham gia Đại hội các thuộc địa. Trong lúc đó, ông cũng góp phần tổ chức các đội quân và tháng Năm năm 1775, ông được bổ nhiệm làm thiếu tá trong Quân đội Lục địa, nhưng sự kiện này đã làm cho ông bị trục xuất khỏi giáo phái Quaker.

Mùa hè năm 1775, ông trở thành sĩ quan tùy tùng cho Washington, rồi phụ trách hậu cần cho Quân đội Lục địa. Cuối năm 1775, ông được thăng chức Đại tá và tháng Năm năm 1776 là thiếu tướng. Do ham mê các công việc hành pháp, nên sau một thời gian, ông bắt đầu thi hành chiếu lệ trách nhiệm quản lý hậu cần. Tuy nhiên, ông từng tham dự các trận đánh ở Long Island, NY, Trenton và Princeton, NJ. Đây là những trận đánh quyết định chiến thắng của quân đội các thuộc địa. Hơn nữa, nhờ tài thuyết khách, ông đã thuyết phục nhiều binh sĩ không đào ngũ.

Năm 1777, Mifflin giành được chức trung tướng, nhưng bất mãn với các chỉ trích về hoạt động hậu cần của mình, Mifflin xin từ chức. Cùng lúc đó, ông liên quan đến âm mưu vận động nhằm đưa tướng Horatio Gates lên thay Washington chỉ huy Quân đội Lục địa, nhưng sau này ông trở thành một người bạn của Washington. Năm 1777-1778, Mifflin tham gia Hội đồng Chiến tranh của Quốc hội. Năm 1778, ông quay lại quân đội một thời gian ngắn, nhưng những chỉ trích liên tục về tư cách của ông về công tác hậu cần trước đây đã sớm buộc ông phải từ chức một lần nữa.

Ngay sau đó, Mifflin trở lại chính trường, tham gia Nghị viện tiểu bang (1778-1779), Quốc hội Hợp bang (1782-1784) và từ tháng Mười hai năm 1783 đến tháng Sáu năm 1784, ông là Chủ tịch cơ quan này. Năm 1787, được cử tới Hội nghị Lập hiến, ông tham dự đều đặn, nhưng không phát biểu gì và không đóng vai trò quan trọng nào.

Mifflin tiếp tục tham gia cơ quan lập pháp (1785-1788 và 1799-1800), kế nhiệm Franklin làm Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao (1788-1790), Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của tiểu bang (1789-1790), rồi lại làm Thống đốc tiểu bang Pennsylvania (1790-1799). Trong thời gian này, ông đứng về phe Cộng hòa - Dân chủ.

Mặc dù từng có một gia sản lớn, nhưng Mifflin lại là một người chi tiêu hoang tàn. Vào cuối đời, áp lực của các chủ nợ buộc ông phải rời

Philadelphia vào năm 1799 và ông qua đời tại Lancaster một năm sau ở tuổi 56. Tiểu bang Pennsylvania phải thanh toán chi phí cho đám tang ông tại Nhà thờ Trinity Lutheran ở địa phương.

39. Gouverneur Morris (1752-1816)

Tiểu bang Pennsylvania

Mang dòng dõi cả Pháp và Anh, Morris sinh năm 1752, tại trang trại Morrisania, quận Westchester (hiện nay là Bronx), NY. Gia đình ông là một gia đình giàu có với truyền thống nhiều năm tham dự chính quyền. Anh trai cùng cha khác mẹ với ông là Lewis Morris, người đã tham gia ký bản Tuyên ngôn Độc lập.

Gouverneur Morris theo học các trường học tư và tại một trường theo đạo Tin lành ở New Rochelle. Khi còn trẻ, ông bị gãy một chân trong một tai nạn xe ngựa. Ông học trường King's College (nay là trường Đại học Columbia) ở thành phố New York, và tốt nghiệp năm 1768 khi mới 16 tuổi. Ba năm sau, ông được chấp nhận vào làm việc tại tòa án New York.

Morris bắt đầu quan tâm đến các hoạt động chính trị từ khi cuộc Cách mạng mới chớm xuất hiện. Tuy nhiên, do tính bảo thủ, đầu tiên, ông e ngại phong trào này sẽ chỉ mang lại quyền lực cho đám đông dân thường. Một vài thành viên trong gia đình và nhiều người bạn ông đều là những người trung thành với mẫu quốc. Nhưng đến năm 1775, ông đã đứng về phía những người thuộc phe Whig. Cùng năm đó, thay mặt cho quận Westchester, ông giành một ghế trong Quốc hội Cách mạng tỉnh New York (1775-1777). Năm 1776, khi mới 24 tuổi, ông cùng với John Jay và Robert R. Livingston soạn thảo bản Hiến pháp đầu tiên của tiểu bang và sau đó, tham gia Hội đồng An ninh của tiểu bang này (1777).

Những năm 1777-1778, Morris tham gia Nghị viện tiểu bang và trong giai

đoạn 1778-1779, ông tham gia Đại hội các thuộc địa. Tại đây, ông là một trong những đại biểu trẻ tuổi nhất, nhưng xuất chúng nhất. Trong thời kỳ này, ông đã ký vào Các điều khoản Hợp bang và phác thảo các chỉ thị cho Benjamin Franklin, lúc này đang ở Paris, để đàm phán những điều khoản làm nền tảng cho hiệp định chấm dứt Chiến tranh giành Độc lập. Morris cũng là người bạn thân của Washington và một trong những người ủng hộ Washington mạnh mẽ nhất tại Quốc hội.

Bị đánh bại trong cuộc đua tái cử vào Quốc hội năm 1779, do sự chống đối của phe Thống đốc George Clinton, Morris trở về sống ở Philadelphia, rồi quay lại nghề luật sư. Giai đoạn này ông tạm rời xa chính trường, nhưng năm 1781, ông lại tham gia hoạt động xã hội, khi trở thành phụ tá chính cho Robert Morris, người đảm nhiệm cương vị Giám sát tài chính cho nước Mỹ trong suốt bốn năm.

Morris nổi bật là một nhà lãnh đạo hàng đầu trong Hội nghị Lập hiến. Các bài phát biểu của ông, hùng biện hơn bất cứ một đại biểu nào, đã lên tới con số 173. Mặc dù đôi khi trình bày với cách thức hài hước nhẹ nhàng, những bài phát biểu này thường rất quan trọng. Là người nhiệt thành ủng hộ chủ nghĩa quốc gia và các tư tưởng quý tộc, ông tham gia nhiều ủy ban, bao gồm Ủy ban về các vấn đề hoãn lại và Ủy ban Văn phong, có đóng góp lớn tại những thời điểm quan trọng của Hội nghị và chính ông là người đã chấp bút viết bản Hiến pháp. Văn phong của ông rất trong sáng, rõ ràng và chặt chẽ, khác hẳn với bản Các điều khoản Hợp bang trước đây, được viết rất cầu kỳ và rối rắm.

Kết thúc Hội nghị, Morris chuyển sang nghề buôn bán. Sau đó, năm 1789, Gouverneur cùng với Robert Morris sang Pháp. Tại đây, ông đã chứng kiến giai đoạn đầu của cuộc Cách mạng Pháp. Năm 1790-1791, ông đảm nhiệm công tác ngoại giao tại London cố gắng đàm phán một số vấn đề phức tạp giữa Mỹ và Anh. Mặc dù công việc thất bại, nhưng tới năm 1792, Tổng

thống Washington đã bổ nhiệm ông làm Công sứ tại Pháp, thay cho Thomas Jefferson. Hai năm sau, Morris được triệu hồi, nhưng ông không trở về Mỹ mà đi du lịch khắp châu Âu trong hơn bốn năm. Trong thời gian này, ông điều hành các công việc kinh doanh phức tạp và trù liệu các tình huống chính trị rắc rối sẽ nảy sinh.

Năm 1800, một năm sau khi trở lại Mỹ, Morris lại được bầu vào Thượng viện Liên bang. Là một người liên bang quá nhiệt thành, ông bị đánh bại trong lần tái tranh cử năm 1802.

Morris về Morrisania nghỉ hưu, sau một cuộc đời hoạt động rục rờ và xây dựng một cuộc sống mới. Năm 1809, ông cưới Anne Cary (Carey) Randolph ở Virginia và có một người con trai. Trong năm cuối đời, ông tiếp tục phát ngôn chống lại phe Cộng hòa - Dân chủ và phản đối mạnh mẽ cuộc chiến tranh năm 1812. Trong những năm 1810-1813, ông là Chủ tịch Ủy ban Kênh đào Erie.

Morris qua đời tại Morrisania năm 1816, thọ 64 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo St. Anne ở Bronx, New York.

40. Robert Morris (1734-1806)

Tiểu bang Pennsylvania

Morris sinh năm 1734, tại Liverpool, Anh. Khi 13 tuổi, ông di cư đến Maryland và làm việc cho hãng xuất khẩu thuốc lá của cha ông tại Oxford, MD. Sau một thời gian ngắn học tại Philadelphia, chàng thanh niên trẻ tuổi Robert Morris được nhận vào làm việc trong hãng vận tải - ngân hàng nổi tiếng là ‘Thomas và Charles Willing’. Năm 1754, ông trở thành một cộng sự và trong suốt bốn thập kỷ sau đó, ông là một trong những giám đốc của công ty này, cũng như là một công dân có ảnh hưởng lớn lao tại thành phố Philadelphia. Cưới bà Mary White ở tuổi 35, ông là cha của 5 người con trai và hai người con gái.

Trong vụ rối loạn Đạo luật Thuế tem năm 1765, Morris cùng với những nhà buôn khác tham gia chống đối, nhưng tới gần 10 năm sau, ông mới hoàn toàn công hiến cho các hoạt động Cách mạng. Năm 1775, Đại hội các thuộc địa ký hợp đồng với hãng của ông để nhập khẩu vũ khí và đạn dược, rồi ông được bầu chọn vào Hội đồng An ninh Pennsylvania (1775-1776), Ủy ban liên lạc (1775-1776), cơ quan lập pháp tiểu bang (1776-1778), Đại hội các thuộc địa (1775-1778). Tại Đại hội các thuộc địa, ngày 1 tháng Bảy năm 1776, ông bỏ phiếu chống lại nền độc lập vì cá nhân ông coi việc này là chưa chín muồi. Nhưng ngày hôm sau, ông cố tình vắng mặt để tạo thuận lợi cho lá phiếu chấp thuận của đoàn đại biểu tiểu bang quê hương.

Morris là một nghị sĩ chủ chốt của Đại hội các thuộc địa, chuyên về các vấn đề tài chính và mua bán vũ khí. Mặc dù hãng của ông kiếm lợi rất nhiều từ công việc này, nhưng nếu thiếu công lao đóng góp của ông thì có lẽ Quân đội Lục địa sẽ phải giải tán. Ông rất thân thiết với Tướng Washington, quyên góp tiền bạc và lương thực từ các tiểu bang, vay mượn tiền để đương đầu với những khó khăn và đôi khi còn vay mượn của cá nhân để đóng góp cho quân đội. Sau khi rời Đại hội các thuộc địa, Morris tham gia thêm hai nhiệm kỳ tại Nghị viện Pennsylvania (1778-1781). Trong thời gian này, Thomas Paine và những người khác chỉ trích ông dữ dội trong việc đầu cơ trục lợi, dù sau đó, Đại hội đã điều tra và minh oan cho ông, nhưng uy tín của ông cũng bị suy giảm.

Thời kỳ sự nghiệp nổi bật nhất của Morris là giai đoạn ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-1784). Quốc hội Hợp bang nhận thấy tình trạng nguy hiểm của nền tài chính quốc gia và tầm quan trọng của vấn đề này đã ban cho ông quyền lực tối cao và chấp thuận điều kiện cho phép các hãng buôn tư nhân của ông tiếp tục cung cấp lương thực và vũ khí cho quân đội. Ông cắt giảm chi tiêu cho quân sự và cho chính quyền, giảm việc mua sắm vũ khí cá nhân và tiếp tế cho hải quân, thắt chặt khâu chi tiêu, buộc các bang phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền bạc và lương thực. Khi cần thiết, ông

cũng sử dụng danh tiếng cá nhân, bằng cách ban hành tiền giấy có chữ ký của ông, hoặc vay mượn bạn bè.

Để tài trợ cho chiến dịch Yorktown của Washington năm 1781, ngoài những công việc trên, Morris đã vay được một khoản tiền của Pháp. Ông sử dụng một phần số tiền này, cùng với tiền của riêng ông để lập ra Ngân hàng Bắc Mỹ, có hiệu lực từ tháng Mười hai năm đó. Đây là ngân hàng đầu tiên có sự hợp tác của chính quyền Mỹ và đã đóng góp tài chính rất lớn cho cuộc chiến tranh.

Mặc dù Morris được tái cử vào Nghị viện Pennsylvania trong giai đoạn 1785-1786, song công việc đầu tư cá nhân chiếm phần lớn thời gian của ông. Một năm sau, ông tham gia Hội nghị Annapolis và năm sau nữa tham gia Hội nghị Lập hiến. Tại Hội nghị này, ông thông cảm với Đảng Liên bang, nhưng đã im lặng một cách đáng ngạc nhiên. Mặc dù tham dự tất cả các cuộc họp, ông chỉ phát biểu hai lần trong các cuộc tranh luận và không tham gia bất cứ ủy ban nào. Năm 1789, ông từ chối sự bổ nhiệm làm Bộ trưởng Tài chính đầu tiên của Washington, để giữ một ghế trong Thượng viện Liên bang (1789-1795).

Trong những năm tiếp theo, Morris rất liêu lĩnh vay nợ để đầu cơ đất ở miền Tây và ngay tại thủ đô Washington, DC. Ngoài ra, năm 1794, ông bắt đầu xây dựng trên phố Chestnut ở Philadelphia một tòa lâu đài do Pierre Charles L'Enfant thiết kế. Sau đó, Morris tìm cách trốn khỏi các chủ nợ, bằng cách về sống ẩn dật tại vùng Những quả đồi (The Hills), khu trang trại dọc theo sông Schuylkill, ngoại ô Philadelphia, được ông mua năm 1770.

Do đơn kiện của các chủ nợ năm 1798 và buộc phải từ bỏ việc hoàn thành tòa lâu đài mà sau này được gọi là "Sự điên rồ của Morris", Morris bị những người cho vay bắt giữ ở Philadelphia và bị đối xử rất thậm tệ. Ông được thả năm 1801, nhưng căn cứ theo luật phá sản liên bang, tất cả tài sản của ông đều bị tịch thu. Sức khỏe giảm sút và tinh thần suy sụp, ông phải sống trong

cảnh đói nghèo và chẳng ai biết đến trong một ngôi nhà đơn sơ ở Philadelphia, nhờ số tiền trợ giúp của vợ và Gouverneur Morris, người đồng nghiệp cùng ký tên vào bản Hiến pháp.

Robert Morris qua đời năm 1806, ở tuổi 73 và được chôn cất trong Nghĩa trang Nhà thờ Thiên Chúa giáo.

41. William Paterson (1745-1806)

Tiểu bang New Jersey

William Paterson (Patterson) sinh năm 1745, tại Quận Antrim, Ireland. Khi ông mới hai tuổi, gia đình đã di cư đến New Castle, DE. Năm 1750, gia đình ông tới định cư ở Princeton, NJ.. Tại đây, ông trở thành nhà buôn và nhà sản xuất hàng hóa bằng thiếc. Tài sản giàu có đã giúp ông vào học trường tư ở địa phương và trường Đại học New Jersey (nay là trường Princeton). Ông nhận bằng Cử nhân văn chương năm 1763 và 3 năm sau, nhận bằng Thạc sĩ văn chương.

Paterson học luật tại thành phố Princeton, dưới sự hướng dẫn của Richard Stockton, người sau này ký vào bản Tuyên ngôn Độc lập. Gần cuối thập niên này ông bắt đầu mở văn phòng luật tại New Bromley, quận Hunterdon. Chẳng bao lâu sau, ông chuyển đến South Branch, tại quận Somerset và rồi năm 1779 lại về sống gần New Brunswick, tại khu đồn điền Raritan.

Khi Chiến tranh giành Độc lập bùng nổ, Paterson tham gia đội quân yêu nước của New Jersey. Ông tham gia Quốc hội của tiểu bang (1775-1776), Hội nghị Lập hiến (1776), Hội đồng Lập pháp (1776-1777) và Hội đồng An ninh (1777). Từ năm 1776 đến năm 1783 ông là Tổng chương lý của New Jersey. Một năm trước, ông đã cưới Cornelia Bell và bà đã sinh cho ông ba người con trước khi mất năm 1783. Hai năm sau khi bà qua đời, ông lấy một người vợ mới là bà Euphemia White.

Từ năm 1783, khi ông chuyển đến sống tại thành phố New Brunswick, cho tới năm 1787, Paterson cống hiến toàn bộ sức lực cho ngành luật và không tham gia các hoạt động xã hội. Sau đó, dù được chọn làm đại diện cho New Jersey tại Hội nghị Lập hiến, nhưng mãi cuối tháng Bảy, ông mới tới dự. Tuy nhiên, ông đã ghi chép rất cẩn thận nội dung những cuộc thảo luận diễn ra tại đây. Ông cũng là nhân vật quan trọng vì tích cực ủng hộ và là tác giả của Phương án New Jersey, đòi quyền cho các bang nhỏ phải bình đẳng với các bang lớn. Ông trở lại Hội nghị chỉ để ký vào văn bản cuối cùng. Sau khi nỗ lực ủng hộ quá trình thông qua Hiến pháp ở New Jersey, ông bắt đầu sự nghiệp trong chính quyền mới.

Năm 1789, Paterson được bầu vào Thượng viện Liên bang (1789-1790). Tại đây, năm 1789, ông giữ vai trò quyết định trong việc phác thảo Đạo luật Tư pháp. Chức vụ tiếp theo của ông là Thống đốc tiểu bang quê nhà (1790-1793). Trong thời gian đó, ông bắt đầu viết một cuốn sách mà sau này, trở thành các bộ luật của tiểu bang New Jersey (1800). Ông cũng tham gia phê duyệt các bộ luật và các qui định hoạt động thực tiễn của tòa án công lý và tòa án dân sự.

Trong thời gian 1793-1806, Paterson là Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang. Ông chủ tọa một số phiên tòa lớn trong điều kiện giống như các thẩm phán liên bang khác thời ấy là phải di chuyển rong ruổi với toàn bộ thành phần của Tòa đến các địa điểm xử án khác nhau.

Tháng 9 năm 1806, khi đã 60 tuổi, do sức khỏe giảm sút nghiêm trọng, Paterson dự định đến Ballston Spa, NY, để tìm cách chữa bệnh. Nhưng ông chết dọc đường, ở thành phố Albany, trong ngôi nhà của người con gái. Lúc đầu, Paterson được chôn cất gần hầm mộ gia đình Van Rensselaer, nhưng sau đó thi hài của ông được chuyển về nghĩa trang Albany Rural, Menands, NY.

42. William Leigh Pierce (1740-1828)

Tiểu bang Georgia

Cuộc đời niên thiếu của William Pierce rất ít được biết đến. Có lẽ ông sinh ra tại Georgia năm 1740, nhưng lại lớn lên ở Virginia. Trong cuộc Cách mạng Mỹ, Pierce là sĩ quan tùy tùng của Tướng Nathanael Greene và được thăng chức Thiếu tá. Do thành tích ở trận đánh Eutaw Springs, Quốc hội đã tặng ông một thanh gươm danh dự.

Năm 1783, Pierce cưới Charlotte Fenwick, người tiểu bang Nam Carolina. Họ có hai người con trai, một người bị chết khi còn nhỏ. Pierce xây nhà tại Savannah và buôn bán tại đây. Đầu tiên, năm 1783, ông thành lập một công ty xuất nhập khẩu, Công ty Pierce, White & Call, nhưng một năm sau, công ty này buộc phải giải thể. Sau đó, nhờ hồi môn của vợ, ông dựng nên công ty mới William Pierce & Company. Năm 1786, ông là thành viên của Hạ viện Georgia rồi được bầu vào Quốc hội Hợp bang.

Tại Hội nghị Lập hiến, Pierce không giữ vai trò lớn, dù có một số ảnh hưởng và tham dự vào vài cuộc tranh luận. Ông ủng hộ việc đại diện tại Hạ viện liên bang theo dân số và Thượng viện bình đẳng cho mọi tiểu bang; ủng hộ nhiệm kỳ ba năm thay cho nhiệm kỳ bảy năm tại Thượng viện. Vì cho rằng Các điều khoản Hợp bang không có hiệu quả, ông đề nghị tăng quyền lực chính quyền liên bang, bằng cách giảm bớt những quyền của tiểu bang, miễn là các đặc ân của tiểu bang không bị hủy bỏ hoàn toàn. Pierce chấp thuận bản Hiến pháp, nhưng phải rời Hội nghị trước khi kết thúc, do sự suy thoái của thị trường gạo châu Âu đã ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của ông. Sau khi trở lại Savannah, ông bị phá sản và "chẳng thu được kinh nghiệm buôn bán mà cũng chẳng dành dụm được chút tiền nào". Chỉ hai năm sau, ngày 10 tháng Mười hai năm 1789, Pierce qua đời tại Savannah, thọ 49 tuổi, để lại một món nợ khổng lồ.

Năm 1828, những ghi chép của Pierce về quá trình của Hội nghị được công bố ở Savannah Georgian. Trong đó, ông đã viết những bình luận ngắn, sắc

sảo và rất thú vị về các đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến.

43. Charles Pinckney (1757-1824)

Tiểu bang Nam Carolina

Charles Pinckney sinh năm 1757, tại Charleston, SC, là anh em con chú con bác với Charles Cotesworth Pinckney, người cùng ký vào bản Hiến pháp. Cha ông, đại tá Charles Pinckney là luật sư và chủ đất giàu có, sau khi qua đời năm 1782 đã để lại cho ông trang trại Snee Farm. Pinckney học tại Charleston, rồi mở văn phòng luật sư tại đây năm 1779.

Sau khi Chiến tranh giành Độc lập bắt đầu, chàng thanh niên Pinckney gia nhập Quân đội Lục địa, nhưng cha ông thì rất lo ngại về cuộc Cách mạng này. Ông được thăng chức trung úy rồi tham dự trận vây hãm Savannah (từ tháng Chín đến tháng Mười năm 1779). Một năm sau, khi thành phố Charleston bị rơi vào tay quân Anh, ông bị bắt làm tù binh và tới tháng Sáu năm 1781, ông mới được thả.

Pinckney bắt đầu sự nghiệp chính trị bằng cách tham gia Quốc hội Hợp bang (1777-1778 và 1784-1787) và cơ quan lập pháp tiểu bang (1779-1780, 1786-1789 và 1792-1796). Là người theo chủ nghĩa quốc gia, ông hoạt động tích cực trong Quốc hội để giành quyền thám hiểm vùng đất Mississippi cho liên bang và tăng cường sức mạnh của Quốc hội.

Vai trò của Pinckney trong Hội nghị Lập hiến gây nhiều tranh cãi. Dù là một trong những đại biểu trẻ nhất, sau này ông được coi là người có ảnh hưởng nhất, nhiều người cho rằng ông đã đệ trình một dự thảo làm nền tảng cho bản Hiến pháp sau cùng, nhưng hầu hết các nhà sử học đã bác bỏ luận điểm này, mặc dù họ công nhận ông là một trong những lãnh tụ của Hội nghị. Ông tham gia từ đầu tới cuối, thường xuyên phát biểu có hiệu quả và có đóng góp rất lớn cho văn bản cuối cùng, cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh tại

Hội nghị. Ông cũng góp cho việc phê chuẩn Hiến pháp ở tiểu bang Nam Carolina (1788). Cùng năm đó, ông cưới Mary Eleanor Laurens, con gái một nhà buôn giàu có và nhiều quyền lực chính trị ở Nam Carolina; bà sinh được 3 người con.

Sau đó, Pinckney thành công rực rỡ trong sự nghiệp. Từ năm 1789 đến năm 1792, ông là Thống đốc tiểu bang Nam Carolina và năm 1790, ông là chủ tịch Hội nghị Lập hiến tiểu bang này. Trong thời gian đó, ông liên minh với Đảng Liên bang và cùng với người bà con Charles Cotesworth Pinckney, trở thành những lãnh tụ của đảng này. Nhưng về sau, quan điểm của ông bắt đầu thay đổi. Năm 1795, ông chỉ trích sự ủng hộ của Đảng Liên bang với Hiệp ước Jay và dần dần quay sang phe Cộng hòa - Dân chủ, chống lại giới quý tộc miền Đông. Năm 1796, lại một lần nữa, ông trở thành Thống đốc và năm 1798, những người thuộc đảng Cộng hòa-Dân chủ đã giúp ông giành một ghế tại Thượng viện Liên bang. Tại đây, ông kịch liệt chống đối đảng cũ của ông. Trong cuộc tranh cử năm 1800, ông là Chủ tịch Ủy ban tranh cử của Thomas Jefferson tại Nam Carolina.

Sau khi trúng cử Tổng thống, Jefferson bổ nhiệm Pinckney làm Đại sứ tại Tây Ban Nha (1801-1805). Ở cương vị này, dù dững cảm đấu tranh, ông cũng không giành lại vùng đất Florida và không thuyết phục được Tây Ban Nha chấp nhận việc Pháp chuyển giao vùng đất Louisiana cho Mỹ vào năm 1803.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ngoại giao, tư tưởng của ông tiến gần hơn đến phe dân chủ, Pinckney trở lại Charleston và là lãnh tụ Đảng Cộng hòa - Dân chủ tại tiểu bang. Ông tham gia cơ quan lập pháp năm 1805-1806 và rồi lại được bầu chọn làm Thống đốc (1806-1808). Với cương vị này, ông ủng hộ việc phân chia lại nhánh lập pháp, tạo điều kiện cho các quận nông thôn có quyền đại diện tốt hơn và bảo vệ quyền bầu cử của tất cả người da trắng trưởng thành. Ông lại tham gia cơ quan lập pháp tiểu bang từ năm 1810 đến

năm 1814, rồi tạm thời về nghỉ. Năm 1818, sau khi trúng cử vào Hạ viện Liên bang, ông đấu tranh chống lại thỏa hiệp Missouri.

Năm 1821, sức khỏe giảm sút buộc Pinckney phải rút khỏi chính trường. Ông qua đời năm 1824, ở tuổi 67 và được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo St. Philip tại Charleston.

44. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825)

Tiểu bang Nam Carolina

Charles Cotesworth Pinckney sinh năm 1746, tại Charleston, là con trai cả của một chủ đồn điền nổi tiếng và một người mẹ xuất chúng, người đã giới thiệu và thúc đẩy văn hóa chàm (indigo culture) vào tiểu bang Nam Carolina. Chỉ 7 năm sau, ông cùng người cha, khi đó vừa được bổ nhiệm làm người đại diện cho thuộc địa Nam Carolina, sang sống ở nước Anh. Do vậy, chàng thanh niên Pinckney được tiếp nhận một nền giáo dục của châu Âu.

Pinckney học tại trường dòng ở Oxford, London, với nhà luật pháp xuất sắc là Ngài William Blackstone và tốt nghiệp năm 1764. Sau đó, Pinckney tiếp tục học luật tại Middle Temple ở London và được nhận vào làm tại tòa án Anh vào năm 1769. Tiếp đó, ông đi du lịch vòng quanh châu Âu, học ngành hóa, khoa học quân sự và cả ngành thực vật học với các giáo sư hàng đầu của châu Âu.

Cuối năm 1769, Pinckney trở về nhà và một năm sau mở văn phòng luật sư tại Nam Carolina. Ông bắt đầu sự nghiệp chính trị vào năm 1769, khi được bầu vào Quốc hội tiểu bang. Năm 1773, ông là Tổng chương lý cho nhiều thị trấn của thuộc địa này. Tới năm 1775, ông đồng cảm với phong trào yêu nước và tham gia Quốc hội thuộc địa. Một năm sau, ông được bầu vào Ủy ban An toàn và là chủ tịch Ủy ban soạn thảo mô hình chính quyền lâm thời của Nam Carolina.

Pinckney đã là một sĩ quan trung thành từ năm 1769 và tham dự nhiều hoạt động quân sự. Năm 1775, khi Nam Carolina tổ chức lực lượng dân quân tiểu bang ông tham gia trung đoàn thứ nhất Nam Carolina và giữ Đại úy. Ông nhanh chóng được phong chức đại tá và chiến đấu ở miền Nam để bảo vệ Charleston và ở miền Bắc tại trận đánh ở Brandywine, PA và Germantown, PA. Ông chỉ huy một toán quân trong chiến dịch chống quân Anh ở Floridas và tại cuộc bao vây Savannah, năm 1778. Khi Charleston thất thủ năm 1780, ông bị bắt làm tù binh và bị giam giữ cho tới năm 1782. Sau khi được tha, ông được phong chức thiếu tướng. Sau chiến tranh, Pinckney trở lại nghề luật sư và quản lý khu trang trại ở vùng Charleston, nhưng vẫn tiếp tục hoạt động xã hội. Trong thời gian chiến tranh, ông từng tham dự Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang (1779).

Pinckney là một trong những người lãnh đạo tại Hội nghị Lập hiến. Ông thường xuyên có mặt tại tất cả các phiên họp và hoàn toàn ủng hộ một chính quyền quốc gia mạnh. Đề nghị của ông, về việc các Thượng nghị sĩ phải phục vụ không lương, không được chấp nhận, nhưng ông có ảnh hưởng lớn trong việc hình thành điều khoản qui định mọi hiệp định phải được Thượng viện thông qua. Ông cũng có công lớn trong việc dàn xếp thỏa hiệp bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ trên toàn quốc. Sau Hội nghị, ông góp sức cho quá trình phê chuẩn Hiến pháp ở Nam Carolina.

Trong chính quyền mới, Pinckney là một Đảng viên Liên bang trung thành. Trong những năm 1789 và 1795, Tổng thống Washington đề nghị ông giữ các chức Tổng chỉ huy Quân đội Mỹ, Thẩm phán Tòa án tối cao, Bộ trưởng chiến tranh và Bộ trưởng ngoại giao, nhưng ông đều từ chối. Tuy nhiên, tới năm 1796, ông chấp nhận vị trí Đại sứ tại Pháp. Nhưng bị phe nổi dậy của cuộc Cách mạng Pháp khước từ, nên ông buộc phải sang làm Đại sứ tại Hà lan. Một năm sau, ông trở lại Pháp, khi được bổ nhiệm làm Đặc sứ với nhiệm vụ khôi phục quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Pháp. Trong vụ XYZ, ông đã từ chối khoản hối lộ mà một đại diện Pháp đòi nhằm làm quá trình

nhANH hơn và tuyên bố: "Không! Không! Một xu cũng không có!"

Trở lại Mỹ năm 1798, Pinckney được bổ nhiệm làm Đại tá trong lực lượng Mỹ ở miền Nam và giữ chức vụ đó cho tới năm 1800, khi mối đe dọa chiến tranh chấm dứt. Cũng năm đó, ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang. Các năm 1804 và 1808, ông là ứng cử viên Tổng thống, nhưng cả ba lần đều thất bại.

Trong suốt cuộc đời còn lại, Pinckney tham gia các hoạt động luật pháp, nhiều lần tham gia Nghị viện và tiến hành các hoạt động từ thiện. Ông là thành viên đặc biệt của Hội đồng quản trị trường Đại học Nam Carolina (nay là Trường Tổng hợp Nam Carolina), Chủ tịch đầu tiên của Hiệp hội Kinh Thánh Charleston (Charleston Bible Society) và là Giám đốc điều hành Hiệp hội Thư viện Charleston. Ông cũng giành được uy tín cao trong Hiệp hội Cincinnati, tổ chức của những cựu binh trong Chiến tranh giành Độc lập.

Cuối đời, Pinckney về nghỉ tại trang trại Belmont của mình và tham gia giới thượng lưu ở Charleston. Ông lập gia đình hai lần: lần đầu với Sarah Middleton, năm 1773 và sau khi bà mất năm 1786, ông cưới Mary Stead. Ông qua đời tại Charleston năm 1825, thọ 79 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo St. Michael.

45. Edmund Randolph (1753-1813)

Tiểu bang Virginia

Edmund Randolph sinh ngày 10 tháng Tám năm 1753, tại Tazewell Hall, Williamsburg, VA., là con của ông bà John Randolph và Ariana Jennings. Edmund theo học tại trường William và Mary và sau đó, tiếp tục học luật dưới sự dạy bảo của người cha.

Khi cuộc Cách mạng bùng nổ, cha con ông đi theo những hướng khác nhau. Năm 1775, là một người bảo hoàng, John Randolph đã theo Thống đốc của

thuộc địa là Bá tước Dunmore trở về Anh. Còn Edmund sống với người bác là Peyton Randolph, một chính trị gia nổi tiếng ở Virginia. Trong chiến tranh, Edmund là tùy tùng của tướng Washington và là thành viên trẻ nhất tại Hội nghị phê chuẩn bản Hiến pháp đầu tiên của tiểu bang Virginia vào năm 1776, khi ông mới 23 tuổi. Randolph cưới Elizabeth Nicholas năm 1776.

Randolph tiếp tục thăng tiến trên con đường hoạt động chính trị. Ông trở thành thị trưởng Williamsburg và là Tổng chương lý Virginia. Năm 1779, ông được bầu vào Quốc hội Hợp bang và tháng Mười một năm 1786, Randolph trở thành Thống đốc Virginia, rồi cũng tham dự Hội nghị Annapolis.

Bốn ngày sau khi Hội nghị Lập hiến khai mạc, ngày 29 tháng Năm năm 1787, Edmund Randolph trình bày Phương án Virginia đề xuất một mô hình chính quyền trung ương mạnh cấu thành bởi ba nhánh: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mô hình này cho phép nhánh lập pháp có quyền phủ quyết các dự luật của tiểu bang và sử dụng lực lượng quân sự chống lại các tiểu bang không thực hiện bổn phận của mình. Sau nhiều cuộc tranh luận và sửa đổi, Phương án Virginia đã trở thành nền tảng chính của bản Hiến pháp.

Mặc dù chính Randolph giới thiệu Phương án Virginia, song quan điểm của ông dao động giữa ủng hộ chủ trương liên bang và chống chủ trương liên bang. Ông tham gia Ủy ban chi tiết xây dựng bản dự thảo Hiến pháp, nhưng đến khi được chấp thuận, Randolph lại từ chối ký vào văn bản này. Ông cảm thấy văn bản này không đủ tính cộng hòa và đặc biệt lo ngại về thể chế hành pháp một người. Ông ủng hộ một hội đồng ba người bởi ông coi "một sự đơn nhất trong nền Hành pháp" là "mầm mống của nền quân chủ". Trong một bức thư viết về Hiến pháp Liên bang, ngày 10 tháng Mười năm 1787, Randolph trình bày chi tiết những bất đồng đối với bản Hiến pháp này. Ông đồng ý rằng Các điều khoản Hợp bang trước đây là không phù hợp, nhưng phương án mới về Hợp chúng quốc lại chứa quá nhiều sai sót. Randolph

manh mẽ yêu cầu cần có các sửa đổi vì ông sợ rằng nếu Hiến pháp được thông qua mà không cho phép các bang có quyền sửa chữa thì văn bản này có thể bị bác bỏ và như vậy, sẽ cáo chung cho tất cả các hy vọng về một mô hình nào khác của Hợp chúng quốc. Tuy nhiên, ông hy vọng các tu chính án sẽ được phép và Hội nghị lần hai sẽ được triệu tập để bổ sung những thay đổi này.

Nhưng vào thời điểm Hội nghị của Virginia thông qua Hiến pháp, Randolph quay sang ủng hộ Hiến pháp và nỗ lực đóng góp cho sự thông qua Hiến pháp tại tiểu bang này. Ông tuyên bố lý do cho sự thay đổi này là "Sự thông qua chỉ của tám bang sẽ làm hạ thấp những cân nhắc cẩn thận của chúng ta tại Hội nghị về một câu hỏi duy nhất: có Liên bang hoặc không có Liên bang".

Dưới chính quyền của Tổng thống Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chưởng lý Liên bang. Sau khi Thomas Jefferson từ chức Ngoại trưởng, Randolph giữ vị trí này trong thời kỳ 1794-1795. Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập. Sau khi rời bỏ chính trường, năm 1795, Randolph quay lại nghề luật sư và được coi là luật sư hàng đầu trên toàn quốc. Trong thời gian nghỉ hưu, ông viết một cuốn sách về lịch sử tiểu bang Virginia. Khi Aaron Burr bị xét xử vì tội phản quốc năm 1807, Edmund Randolph là luật sư bào chữa chính cho Burr.

Năm 1813, ở tuổi 60 và ốm nặng do bệnh tật, Randolph chết trong khi đến thăm Nathaniel Burwell, một người bạn ở Carter Hall và được chôn cất tại nghĩa trang một nhà thờ nhỏ gần đây.

46. George Read (1733-1798)

Tiểu bang Delaware

Mẹ của Read là con gái của một điền chủ xứ Wales. Người cha ông, sinh tại Dublin, là một chủ đất giàu có. Ngay sau khi sinh George năm 1733, ở gần

làng Đông Bắc, quận Cecil, MD, gia đình ông chuyển đến New Castle, DE. Ông học tại Chester, PA và Học viện của Đức cha Francis Alison ở New London, PA. Khoảng 15 tuổi, ông bắt đầu học với một luật sư người Philadelphia.

Năm 1753, ông được nhận vào làm tại tòa án. Nhưng một năm sau, ông trở lại New Castle để mở văn phòng luật sư và nhanh chóng có được một hệ thống khách hàng trải rộng đến tận Maryland. Trong thời kỳ này, ông sống tại New Castle, nhưng vẫn giữ trang trại Stonum, một vùng hẻo lánh gần thành phố. Năm 1763, ông cưới Gertrude Ross Till, chị gái góa chồng của George Ross, người sau này cùng với Read ký vào bản Tuyên ngôn Độc lập. Bà sinh 4 người con trai và một con gái.

Trong thời gian đảm nhiệm cương vị Tổng chương lý cho ba hạt Lower (ngày nay là tiểu bang Delaware) vào những năm 1763-1774, Read đã chống lại Đạo luật Thuế tem. Năm 1765, ông bắt đầu tham gia cơ quan lập pháp thuộc địa và làm ở đây trong hơn 10 năm. Là một người thuộc phe Whig ôn hòa, ông ủng hộ các biện pháp tẩy chay hàng nhập khẩu và các biện pháp chống đối cải lương. Ông ít tham dự Đại hội các thuộc địa (1774-1777) và cũng như người đồng nghiệp John Dickinson, ông sẵn sàng bảo vệ quyền của các thuộc địa, nhưng nghi ngờ chủ nghĩa yêu nước cực đoan. Ông bỏ phiếu chống lại nền độc lập ngày 2 tháng Bảy năm 1776, người duy nhất ký vào Tuyên ngôn Độc lập đã làm như vậy, có thể do ông chịu ảnh hưởng của quan điểm phe Tory mạnh mẽ ở Delaware, hoặc tin rằng có thể hòa giải với nước Anh.

Cũng năm đó, Read ưu tiên cho các trách nhiệm ở tiểu bang. Ông là Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Delaware và là chủ tịch Ủy ban soạn thảo Hiến pháp. Sau đó, ông bắt đầu một nhiệm kỳ làm Chủ tịch Hội đồng lập pháp, và làm Phó Thống đốc bang. Tiếp theo, Read giành được chức Thống đốc và giữ cho tới mùa xuân năm 1778. Trở lại Hội đồng lập pháp, năm 1779, ông yêu

cầu các đại biểu Delaware tại Quốc hội Hợp bang ký vào bản Các điều khoản Hợp bang. Năm 1779, do sức khỏe yếu, Read rút khỏi Hội đồng Lập pháp và từ chối việc đề cử vào Quốc hội Hợp bang để về nghỉ tại trang trại của mình. Trong thời gian những năm 1782-1788, ông quay lại tham dự Hội đồng này, đồng thời kiêm chức Thẩm phán tòa Thượng thẩm.

Năm 1784, Read tham gia ủy ban hòa giải vụ tranh cãi vùng lãnh thổ giữa New York và Massachusetts. Năm 1786, ông tham gia Hội nghị Annapolis. Một năm sau, khi được cử tham dự Hội nghị Lập hiến, ông đã đóng góp tích cực vào quá trình hội họp và ủng hộ quyền của các bang nhỏ. Nhưng đồng thời, ông cũng chấp nhận quan điểm của Hamilton, tán thành một nền hành pháp mạnh. Sau đó, ông lãnh đạo phong trào phê chuẩn Hiến pháp ở Delaware, tiểu bang đầu tiên thông qua văn bản này.

Dù được bầu, nhưng Read rất ít khi có mặt tại Thượng viện Mỹ (1789-1793). Tại đây, ông thường về phe với Đảng Liên bang, rồi từ chức để đảm nhận vị trí Chánh án Tòa án tiểu bang Delaware và giữ chức vụ này cho tới khi mất ở New Castle vào năm 1798, thọ 65 tuổi. Mộ của ông được đặt tại Nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo Immanuel.

47. John Rutledge (1739-1800)

Tiểu bang Nam Carolina

John Rutledge, sinh năm 1739, gần Charleston, SC., trong một gia đình đông con. Người anh trai của ông là Edward Rutledge đã từng tham gia ký bản Tuyên ngôn Độc lập. Ông học những bài học đầu tiên từ người cha - một người Ai Len và là một bác sĩ phẫu thuật di cư, rồi học với một mục sư người Anh và một gia sư. Sau đó, năm 1760, ông học luật tại Middle Temple ở London, rồi được phép hành nghề luật sư tại Anh.

Ngay sau đó, ông trở lại Charleston để bắt đầu một sự nghiệp luật sư thành

đạt và tích lũy một tài sản lớn về đất đai và nô lệ. Ba năm sau, ông cưới Elizabeth Grimke. Họ có tất cả 10 người con và chuyển vào sống tại một thị trấn nhỏ. Ông sống hầu hết thời gian còn lại trong cuộc đời tại thị trấn này.

Năm 1761, Rutledge bắt đầu các hoạt động chính trị. Năm đó, đại diện cho Giáo xứ Nhà thờ Kito, ông được bầu vào Quốc hội tỉnh và giữ chức vụ này cho tới chiến tranh giành Độc lập. Trong 10 tháng đầu năm 1764, ông tạm giữ cương vị Tổng chương lý của tỉnh. Khi những rắc rối với Anh càng trở nên căng thẳng do Đạo luật Thuế tem năm 1765, Rutledge hy vọng duy trì chính quyền tự quản cho các thuộc địa nên tìm cách tránh việc tách khỏi nước Anh và giữ một quan điểm ôn hòa. Tuy nhiên, ông là chủ tọa Ủy ban Đạo luật Thuế tem của Quốc hội tiểu bang, để soạn thảo một đơn thỉnh cầu đến Viện quý tộc Anh.

Năm 1774, được cử tham dự Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất. Tại đây, Rutledge tiếp tục theo đuổi quan điểm ôn hòa. Sau một năm tham dự Đại hội các thuộc địa lần thứ hai, ông trở lại Nam Carolina để góp sức xây dựng chính quyền tiểu bang này. Năm 1776, ông tham gia Ủy ban An toàn và góp phần soạn thảo Hiến pháp tiểu bang. Năm đó, ông cũng trở thành Chủ tịch Hạ viện cho tới năm 1778. Trong thời gian này, chính quyền mới đã gặp nhiều thách thức nghiêm trọng.

Năm 1778, do quan điểm bảo thủ và thất vọng với các sửa đổi dân chủ trong Hiến pháp tiểu bang, Rutledge xin từ chức. Tuy nhiên, một năm sau, ông được bầu làm Thống đốc. Đó là một thời kỳ khó khăn, quân Anh chiếm Nam Carolina và tình hình chiến tranh là cực kỳ nguy ngập. Đầu năm 1780, khi cơ quan lập pháp phải tạm dừng hoạt động, Charleston bị bao vây. Tháng Năm, thành phố này thất thủ, nhiều người Mỹ bị bắt làm tù binh. Quân Anh đã tịch thu tài sản của Rutledge, còn ông trốn đến Bắc Carolina và cố gắng tổ chức lực lượng nhằm chiếm lại Nam Carolina. Năm 1781, được Tướng Nathanael Greene và một lực lượng Quân đội Lục địa tới hỗ trợ, ông tổ chức lại chính

quyền của tiểu bang. Tháng Giêng năm 1782, ông từ chức Thống đốc để giành một ghế tại Hạ viện. Ông không bao giờ khôi phục lại được tài sản bị mất trong thời gian chiến tranh.

Năm 1782-1783, Rutledge là đại biểu tham dự Quốc hội Hợp bang. Sau đó, ông tham gia Tòa công lý tiểu bang (1784), rồi quay lại Hạ viện (1784-1790). Là một trong những đại biểu có ảnh hưởng nhất tại Hội nghị Lập hiến, ông duy trì một quan điểm quốc gia ôn hòa, giữ chức Chủ tịch Ủy ban chi tiết, tham gia tất cả các buổi họp, thường xuyên phát biểu có hiệu quả và tham gia năm ủy ban khác. Giống như các đại biểu Nam Carolina, ông mạnh mẽ ủng hộ lợi ích của các bang miền Nam.

Chính quyền mới theo Hiến pháp đã sớm lôi cuốn Rutledge. Ông là đại cử tri bầu Tổng thống năm 1789. Sau đó, Washington đã bổ nhiệm ông làm Thẩm phán Tòa án tối cao Mỹ, nhưng ông chỉ phục vụ một thời gian ngắn. Năm 1791, ông trở thành Chánh án Tòa án tối cao Nam Carolina. Bốn năm sau, Washington lại bổ nhiệm ông làm Chánh án Tòa án tối cao Mỹ, thay cho John Jay. Nhưng sự chống đối thẳng thắn của Rutledge đối với Hiệp ước Jay (1794) và sự suy sụp tinh thần sau cái chết của vợ ông vào năm 1792, đã khiến Thượng viện, do Đảng Liên bang chiếm đa số, phủ quyết việc bổ nhiệm này và chấm dứt sự nghiệp hoạt động xã hội của ông.

Rutledge qua đời năm 1800, ở tuổi 60 và được chôn cất tại Nhà thờ Tân giáo St. Michael ở Charleston.

48. Roger Sherman (1721-1793)

Tiểu bang Connecticut

Năm 1723, khi Sherman mới hai tuổi, gia đình ông chuyển từ Newton, MA, nơi ông sinh, đến Dorchester (hiện nay là Stoughton). Khi còn là một cậu bé, ông đã bị thôi thúc bởi ham muốn được học và đọc thật nhiều trong thời gian rảnh rỗi để bổ sung cho kiến thức hạn chế của mình. Nhưng ông cũng dành

nhiều thời gian giúp người cha làm những công việc đồng áng và học nghề chữa giấy. Năm 1743, hai năm sau cái chết của người cha, Sherman đến sống cùng với anh trai ở New Milford, CT.

Với việc mua một cửa hàng, trở thành viên chức giám sát trong quận và giành chiến thắng trong những cuộc tranh cử vào các chức vụ trong chính quyền thành phố, Sherman đã giành được quyền lãnh đạo cộng đồng. Năm 1749, ông cưới Elizabeth Hartwell và họ có 7 người con. Mặc dù không được hưởng nền giáo dục chính thống, nhưng năm 1754, ông vẫn được nhận vào làm việc tại tòa án, rồi tạo được một uy tín là một thẩm phán và một chính trị gia xuất chúng. Trong giai đoạn 1755-1761, ngoại trừ một thời gian ngắn, ông giữ chức nghị sĩ trong cơ quan lập pháp thuộc địa và các chức vụ khác như thẩm phán hòa giải và thẩm phán quận. Thật ngạc nhiên là chính ông cũng dành thời gian để công bố các bài viết của mình về lý thuyết tiền tệ, một loạt các cuốn niên giám của riêng ông về các quan sát thiên văn học và cả các bài thơ.

Năm 1761, Sherman từ bỏ nghề luật và chuyển đến New Haven, CT. để quản lý hai cửa hiệu, một cung cấp thực phẩm cho các sinh viên trường Đại học Yale và một cửa hiệu khác gần Wallingford. Ông cũng trở thành một người bạn thân thiết và là một ân nhân của trường Yale. Nhiều năm liền, ông giữ chức vụ quản lý tài chính của trường này. Năm 1763, ba năm sau cái chết của người vợ đầu, ông cưới bà Rebecca Prescott và có 8 người con.

Trong lúc đó, sự nghiệp chính trị của Sherman phát triển mạnh. Từ chức vụ thẩm phán hòa giải của quận, ông được bổ nhiệm vào chức Thẩm phán Tòa án tối cao Connecticut và là nghị sĩ ở cả hai Viện của Quốc hội tại thuộc địa này. Mặc dù chống lại những người cực đoan nhưng ông nhanh chóng tham gia cuộc đấu tranh đầu tiên chống lại nước Anh. Ông ủng hộ các biện pháp tẩy chay hàng nhập khẩu và là Chủ tịch Ủy ban liên lạc của New Haven.

Sherman là một thành viên kỳ cựu và có ảnh hưởng lớn tại Đại hội các thuộc

địa trong thời kỳ 1774-1781 và 1783-1784. Ông là thành viên của các Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập và Các điều khoản Hợp bang, cũng như các vấn đề liên quan đến người Da Đỏ và tài chính cho quân đội. Để giải quyết các vấn đề kinh tế ở cả tầm quốc gia và tiểu bang, ông ủng hộ chính sách thuế cao và phản đối việc vay mượn quá mức hoặc ban hành quá nhiều tiền giấy.

Trong thời gian tham gia Quốc hội Hợp bang, Sherman vẫn tiếp tục tích cực hoạt động chính trị ở tiểu bang và khu vực, giữ chức vụ thẩm phán ở tòa án tối cao Connecticut, cũng như là thành viên của Hội đồng An toàn (1777-1779). Năm 1783, ông tham gia xây dựng các bộ luật của tiểu bang Connecticut. Một năm sau, ông được bầu làm Thị trưởng thành phố New Haven (1784-1786).

Mặc dù đứng bên bờ của sự phá sản do những tổn thất trong cuộc chiến tranh, Sherman vẫn không thể cưỡng lại được lòng say mê phụng sự đất nước. Năm 1787, ông đại diện cho tiểu bang mình tại Hội nghị Lập hiến và tham gia tất cả các cuộc họp. Ông không chỉ tham gia Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại mà còn góp phần phác thảo Phương án New Jersey và đề xuất bước tiến ban đầu cho Thỏa hiệp Connecticut (hay còn gọi là Thỏa hiệp lớn). Thỏa hiệp này đã phá vỡ thế bế tắc giữa các bang lớn và nhỏ về vấn đề quyền đại diện tại Quốc hội. Ngoài ra, ông cũng tích cực đóng góp vào quá trình thông qua Hiến pháp ở Connecticut.

Sherman chấm dứt sự nghiệp hoạt động với việc tham gia Hạ viện (1789-1791) và Thượng viện Liên bang (1791-1793), nơi ông tán thành và ủng hộ Đảng Liên bang. Ông mất năm 1793, tại New Haven, thọ 72 tuổi và được chôn cất tại Nghĩa trang Grove Street.

49. Richard Dobbs Spaight, Sr. (1758-1802)

Tiểu bang Bắc Carolina

Spaight sinh năm 1758 tại New Bern, NC. trong một gia đình dòng dõi Anh-Ai len nổi tiếng. Ông mồ côi năm 8 tuổi và những người bảo trợ đã gửi ông đến Ireland. Tại đây, ông thu nhận một nền giáo dục tuyệt vời. Ông tốt nghiệp trường Đại học Glasgow ở Scotland, rồi quay trở về Bắc Carolina vào năm 1778.

Vào thời gian này, cuộc Chiến tranh giành Độc lập bùng nổ và kiến thức tuyệt vời của Spaight đã nhanh chóng giúp ông gặt hái thành công. Ông trở thành sĩ quan tùy tùng cho viên tư lệnh quân đội tiểu bang và năm 1780, tham gia trận đánh ở Camden, SC. Một năm trước đó, ông được bầu chọn vào Hạ nghị viện của cơ quan lập pháp tiểu bang. Năm 1781, Spaight rời quân đội để cống hiến toàn bộ thời gian cho các trách nhiệm lập pháp, khi được cử làm người đại diện cho Quận New Bern và Craven (1781-1783 và 1785-1787). Năm 1785, ông trở thành Chủ tịch Nghị viện tiểu bang, rồi tham gia Quốc hội Hợp bang (1783-1785).

Năm 1787, ở tuổi 29, Spaight tham gia đoàn đại biểu của Bắc Carolina đến dự Hội nghị Philadelphia. Ông không phải là một nhà lãnh tụ nổi bật, nhưng phát biểu nhiều lần và là một trong những người tham dự tất cả các phiên họp. Sau Hội nghị, ông vận động cho quá trình phê chuẩn Hiến pháp ở tiểu bang quê nhà. Năm 1787, Spaight thất bại trong cuộc tranh cử chức Thống đốc và chức Thượng nghị sĩ liên bang hai năm sau đó. Từ đó cho tới năm 1792, sức khỏe yếu đã buộc ông phải rời bỏ các hoạt động xã hội. Trong thời gian này, ông đi thăm vùng Tây Ấn, rồi giành được chức Thống đốc (1792-1795). Năm 1793, ông là đại cử tri bầu Tổng thống. Hai năm sau, ông cưới Mary Leach và có ba người con. Năm 1798, là một người thuộc phe Cộng hòa - Dân chủ, Spaight tham gia Hạ viện liên bang và giữ vị trí này cho tới năm 1801. Trong thời gian đó, ông ủng hộ việc bãi bỏ Các đạo luật Ngoại kiều và Chống nổi loạn và bỏ phiếu cho Jefferson trong cuộc bầu chọn Tổng thống năm 1800. Một năm sau, Spaight được bầu chọn tham gia Hạ viện, rồi vào Thượng viện Bắc Carolina.

Năm 1802, khi mới 44 tuổi, Spaight bị bắn hạ trong cuộc đấu súng tại New Bern với John Stanly, một chính trị gia đối lập thuộc Đảng Liên bang. Vụ đấu súng này đã chấm dứt sự nghiệp đầy triển vọng của một nhà lãnh đạo hàng đầu của tiểu bang. Ông được chôn cất tại khu mộ của gia đình, trong trang trại Clermont, gần New Bern.

50. Caleb Strong (1745-1819)

Tiểu bang Massachusetts

Strong sinh ngày 9 tháng Một năm 1745, tại Northampton, MA, là con của Caleb và Phebe Strong. Ông theo học trường Đại học Harvard và tốt nghiệp năm 1764 với bằng danh dự cao nhất.

Giống như nhiều đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến, Strong chọn nghề luật sư và được nhận vào làm việc tại tòa án năm 1772. Từ năm 1774 cho đến hết cuộc Cách mạng, Strong là thành viên của Ủy ban An toàn quận Northampton. Năm 1776, ông được chọn vào Tòa án cao cấp của Massachusetts và giữ chức Tổng chương lý quận Hampshire trong 24 năm. Năm 1783, ông từ chối đề nghị giữ chức thẩm phán tại Tòa án Tối cao của tiểu bang.

Tại Hội nghị Lập hiến, Strong ủng hộ mô hình chính quyền trung ương mạnh. Ông vận động thành công điều khoản qui định Hạ viện là nơi khởi xướng các dự luật về thuế, hay liên quan đến tiền tệ. Ông cũng tham gia Ủy ban soạn thảo Hiến pháp. Mặc dù tán thành hệ thống bầu cử chung cho cả hai Viện, nhưng ông đã bỏ phiếu ủng hộ việc cân bằng đại diện tại Thượng viện và bầu theo tỷ lệ ở Hạ viện. Strong phải rời Hội nghị vì người con bị ốm, nên bỏ lỗ cơ hội ký vào bản Hiến pháp. Tuy nhiên, sau này, ông giữ một vai trò quan trọng trong Đảng Liên bang và vận động mạnh mẽ cho quá trình thông qua Hiến pháp tại Hội nghị phê chuẩn của Massachusetts.

Năm 1789, tiểu bang Massachusetts chọn Strong là một trong hai Thượng nghị sĩ đầu tiên của tiểu bang tham gia Thượng viện Liên bang. Trong bốn năm ở Thượng viện, ông tham gia nhiều ủy ban và góp phần xây dựng Đạo luật Tòa án. Caleb Strong một lòng một dạ ủng hộ chính quyền hành pháp của Washington. Năm 1793, ông thúc giục chính quyền gửi phái đoàn tới Anh và ủng hộ Hiệp ước Jay, khi hiệp ước này gặp sự chống đối.

Là ứng cử viên của Đảng Liên bang, năm 1800, Caleb Strong đã đánh bại Elbridge Gerry để trở thành Thống đốc bang Massachusetts. Bất chấp sự lớn mạnh của Đảng Cộng hòa - Dân chủ tại tiểu bang này, Strong lại được tái cử cho tới năm 1807. Năm 1812, ông giành lại chức Thống đốc, một lần nữa lại vượt qua Gerry và giữ chức này cho tới khi nghỉ hưu vào năm 1816. Trong cuộc chiến tranh năm 1812, Strong chống lại quyết định của Bộ trưởng Bộ Chiến tranh đòi quân đội Massachusetts phải tham gia lực lượng liên bang. Strong phản đối cuộc chiến tranh này và chấp thuận báo cáo của Hội nghị Hartford, Hội nghị tập hợp những đảng viên Liên bang ở New England phản nộ với những chính sách của những người ủng hộ Jefferson.

Strong qua đời ngày 7 tháng Mười một năm 1819 và được chôn cất tại Nghĩa trang Bridge Street ở Northampton.

51. George Washington (1732-1799)

Tiểu bang Virginia

George Washington sinh năm 1732, trong một gia đình quý tộc nhỏ, nhưng sở hữu nhiều đất đai ở đồn điền Wakefield, VA. Ông là người con đầu trong số 6 anh chị em của cha ông với người vợ thứ hai. Cho tới năm 16 tuổi, ông đã sống tại đây và tại nhiều đồn điền khác dọc theo sông Potomac và sông Rappahannock, kể cả khu đất sau này là Mount Vernon. Chỉ được học hành rất sơ sài, nhưng ông cố gắng học cách quan sát và lập bản đồ. Sau khi cha mất, lúc ông 11 tuổi, ông được một anh em cùng mẹ khác cha, tên là

Lawrence, khi đó, đang tham gia Hải quân Hoàng gia chăm sóc. Vì thế, ông dự định gia nhập Hải quân, nhưng mẹ ông không khuyến khích ông theo nghề này.

Năm 1748, khi mới 16 tuổi, Washington tham gia một nhóm trắc địa, do Nam tước Fairfax gửi đến thung lũng Shenandoah. Trong một vài năm sau đó, Washington làm nghề trắc địa tại Virginia và tại vùng đất hiện nay là tiểu bang Tây Virginia. Năm 1751-1752, ông cũng đi cùng với người anh Lawrence đến Barbados, Tây Ấn. Do sức khỏe yếu, người anh của ông đã qua đời sau chuyến đi này.

Năm sau, Washington bắt đầu tham gia quân đội, khi Thống đốc Hoàng gia bổ nhiệm ông làm sĩ quan phụ tá với quân hàm Thiếu tá. Cùng năm đó, với tư cách là phái viên của Thống sứ, ông cùng một người dẫn đường đến Pháo đài Le Boeuf, PA, ở thung lũng sông Ohio để gửi một bản tối hậu thư, yêu cầu quân Pháp chấm dứt việc xây dựng các pháo đài và rút khỏi vùng lãnh thổ của Anh. Trong chuyến đi này, ông cố gắng xây dựng mối quan hệ tốt hơn giữa các bộ lạc Da Đỏ và người Anh.

Năm 1754, được thăng chức Trung tá và rồi Đại tá, Washington chỉ huy một lực lượng quân Anh đương đầu với quân Pháp giành quyền kiểm soát vùng thung lũng sông Ohio, nhưng bị đánh bại tại pháo đài Necessity, PA. Đây là sự kiện gây ra cuộc chiến tranh Pháp và người Da Đỏ trong thời kỳ 1754-1763. Cuối năm 1754, bất bình bởi việc mất bớt quyền hạn, ông xin từ chức. Cùng năm đó, ông cho thuê trang trại Mount Vernon mà ông được thừa kế năm 1761.

Năm 1755, Washington quay lại quân đội với chức Thượng tá, làm tùy tùng cho Tướng Edward Braddock. Ông suýt chết khi quân Pháp đánh bại viên tướng này tại trận Monongahela, PA. Nhưng được khen thưởng vì lòng dũng cảm. Sau đó, Washington giành lại chức Đại tá và là chỉ huy lực lượng dân quân Virginia có nhiệm vụ bảo vệ biên giới. Cuối năm 1758, hoặc đầu năm

1759, thất vọng với sự vô trách nhiệm của chính quyền đối với quân đội và tức giận vì không được thăng chức, ông xin từ chức và trở lại Mount Vernon.

Sau đó Washington cưới Martha Dandridge Custis, một người đàn bà góa bụa giàu và đã có hai đứa con. Cuộc hôn nhân này không có đứa con chung nào, nhưng Washington chăm sóc những đứa con riêng của vợ như là con của ông. Trong thời gian 1759-1774, ông quản lý đồn điền của mình và tham gia Viện dân biểu Virginia. Ông ủng hộ những cuộc phản đối đầu tiên chống lại chính sách của Anh; tham gia tích cực trong phong trào chống nhập khẩu ở Virginia. Lúc này, chủ yếu nhờ kinh nghiệm quân sự, ông trở thành một lãnh tụ phe Whig.

Những năm 1770, mối quan hệ của các thuộc địa với mẫu quốc trở nên căng thẳng. Cảm thông sâu sắc với quan điểm phe Whig và phản nộ với những cấm đoán và bóc lột thương mại của người Anh, Washington đại diện cho Virginia tại Đại hội các thuộc địa lần thứ nhất và thứ hai. Năm 1775, sau vụ đổ máu tại Lexington và Concord, Quốc hội bổ nhiệm ông làm Tổng tư lệnh quân đội các thuộc địa. Vượt qua những khó khăn khắc nghiệt, nhất là vấn đề hậu cần, ông đã xây dựng được một quân đội có tính kỷ luật cao và được huấn luyện tốt.

Chiến lược quân sự được Washington sử dụng là liên tục quấy rối quân Anh và tránh các cuộc đụng độ lớn. Mặc dù đội quân của ông bị mất nhiều vùng đất và thua một số trận, song họ vẫn duy trì được sự cân bằng trên chiến trường trong suốt mùa đông đen tối năm 1777-1778, ở thung lũng Forge, PA và thị trấn Morristown, NJ. Đó là thời kỳ tồi tệ nhất của Cuộc chiến tranh giành Độc lập. Cuối cùng, nhờ sự giúp đỡ của quân Pháp, ông đã giành chiến thắng vĩ đại tại trận Yorktown, VA, vào năm 1781, buộc toàn bộ quân Anh phải đầu hàng.

Hai năm sau, trong khi vẫn chỉ huy Quân đội Lục địa, nhưng không được trả

lương và lương thực được cung cấp cực kỳ tồi tệ, Washington đã bác bỏ những lời vu khống rằng quân đội đang chiếm chính quyền, và cả những lời đồn đại rằng ông sẽ được quân đội tôn làm Vua. Washington ủng hộ đề nghị của quân đội đòi Đại hội các thuộc địa phải đối xử với họ tốt hơn. Ngay sau khi Hiệp ước Paris (1783) được ký kết, ông xin từ chức và trở về Mount Vernon. Những mất mát trong thời gian chiến tranh và sự vắng mặt quá lâu, cũng như các khoản cho bạn bè vay, đã làm suy giảm gia tài của ông, chủ yếu bao gồm các trang trại, các nô lệ và vùng đất ở miền Tây. Vì thời gian nghỉ rất ngắn ngủi nên ông hầu như không thể khôi phục lại được cơ nghiệp này.

Bất đồng với quá trình phát triển chậm chạp của đất nước theo Các điều khoản Hợp bang, Washington muốn một mô hình chính quyền trung ương mạnh hơn. Ông là chủ nhà của Hội nghị Mount Vernon (1785), nhưng không trực tiếp tham gia thảo luận. Dù cảm thông với mục tiêu của Hội nghị Annapolis (1786), song ông đã không tới dự. Nhưng một năm sau, do nhiều bạn bè thuyết phục, ông chấp nhận cương vị Chủ tịch Hội nghị Lập hiến. Sự thành công của Hội nghị này một phần là nhờ sự có mặt và uy tín lớn của Washington. Năm 1788, sau khi thông qua Hiến pháp mới cho chính quyền, các đại cử tri đã nhất trí bầu ông làm Tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Ngày 30 tháng Tư năm 1789, sau chuyến đi khảo hoàn từ Mount Vernon tới New York, Washington chính thức tuyên thệ nhậm chức Tổng thống tại Tòa nhà Liên bang (Federal Hall). Trong hai nhiệm kỳ Tổng thống của mình, ông điều hành với lòng tự trọng cao và sự kiềm chế. Ông đã mang lại sự ổn định và quyền lực cho đất nước vừa hình thành, mang lại giá trị cho bản Hiến pháp, hòa giải các phe phái xung đột và bác bỏ các chính sách gây bất đồng trong chính quyền. Mặc dù không phản đối việc thực thi quyền lực của Tổng thống, nhưng ông tôn trọng vai trò của Quốc hội và không vi phạm đặc quyền của cơ quan này. Ông cũng cố gắng duy trì sự hòa thuận giữa Ngoại

trưởng Thomas Jefferson và Bộ trưởng Tài chính Alexander Hamilton. Sự khác biệt về quan điểm của họ là ví dụ điển hình cho quá trình hình thành hệ thống các đảng phái, nhưng đó là điều Washington muốn tránh xa.

Thường nghiêng theo quan điểm của Hamilton, Washington ủng hộ kế hoạch Liên bang sẽ đảm nhiệm phần nợ của các tiểu bang, phê chuẩn dự luật hợp hiến về việc thành lập Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ và ủng hộ việc ban hành các đạo luật về thuế của Quốc hội, nhằm xây dựng ngân sách cho chính phủ liên bang và bảo hộ việc sản xuất trong nước. Washington thi hành nhiều biện pháp để củng cố chính quyền, bao gồm cả việc dập tắt Vụ nổi loạn Whisky (1794). Để thống nhất đất nước, ông đi khắp miền Bắc năm 1789 và miền Nam năm 1791. Năm 1790, chính quyền liên bang chuyển từ New York về Philadelphia. Sau đó, năm 1793, Washington giám sát việc xây dựng thủ đô ở Quận Columbia.

Trong các vấn đề ngoại giao, bất chấp sự chống đối của Thượng viện, Washington luôn luôn thể hiện quyền lực áp đảo. Ông ký các hiệp ước với Anh và Tây Ban Nha để giành lợi thế cho nước Mỹ ở các vùng đất Bắc Mỹ. Nhưng khi đất nước vững mạnh hơn, ông nhấn mạnh vào việc cần thiết duy trì tính trung lập và khi cuộc Cách mạng Pháp nổ ra dẫn tới cuộc chiến tranh giữa Pháp và Anh, ông phớt lờ cuộc biểu tình ủng hộ Pháp của phe Jefferson và ủng hộ Anh của phe Hamilton.

Mặc dù nhiều người vận động ông làm thêm một nhiệm kỳ thứ ba, nhưng cảm thấy mệt mỏi về các vấn đề chính trị, nên Washington đã từ chối. Trong Diễn văn mãn chức năm 1796, ông thúc giục nhân dân từ bỏ các tư tưởng đảng phái hay địa phương chủ nghĩa và tránh sa lầy trong những cuộc chiến tranh và chính sách đối nội của các nước khác.

Washington chỉ nghỉ hưu được hơn một năm tại Mount Vernon. Thậm chí năm 1798, khi quốc gia đang đứng trên bờ miệng vực cuộc chiến tranh với Pháp, ông bày tỏ lòng sẵn sàng phục vụ và hy sinh cho đất nước.

Washington mất năm 1799, thọ 67 tuổi. Theo di chúc, tất cả các nô lệ của ông đều được trả tự do. Thi hài ông được chôn cất tại Nghĩa trang dòng họ Washington ở Mount Vernon.

52. Hugh Williamson (1735-1819)

Tiểu bang Bắc Carolina

Người thanh niên uyên bác Williamson có dòng dõi Xcốtlen – Ailen, sinh năm 1735, tại Tây Nottingham, PA. Ông là con trai cả trong một gia đình đông con làm nghề dệt vải. Với hy vọng ông trở thành một mục sư của Giáo hội trưởng lão, cha mẹ ông đã giáo dục ông theo hướng này. Sau khi tham dự khóa học dự bị tại New London Cross Roads và tại Newark, DE, ông vào học trường Đại học Philadelphia (nay là một phần trường Đại học Pennsylvania) và nhận bằng năm 1757. Hai năm sau, Williamson góp phần ổn định trang trại của người cha tại Shippensburg, PA. Tiếp đó, ông học làm mục sư tại Connecticut, rồi trở thành người thuyết giáo. Ông đã được Giáo hội trưởng lão cấp chứng chỉ, nhưng chưa bao giờ được phong chức. Cũng thời gian này, ông giữ chức Giáo sư toán tại trường Đại học Philadelphia.

Năm 1764, Williamson quay sang học nghề y tại Edinburgh, London và tại Utrecht. Cuối cùng, ông được trường Đại học Utrecht cấp bằng. Trở lại Philadelphia, ông bắt đầu làm nghề y, nhưng vì chán ngán và mệt mỏi với công việc này nên ông chuyển sang theo đuổi các mối quan tâm về khoa học. Năm 1768, ông là thành viên Hiệp hội Triết học Mỹ. Một năm sau, ông tham gia ủy ban nghiên cứu về sự dịch chuyển của sao Kim và sao Thủy. Năm 1771, ông viết Luận văn về các hành tinh, trình bày nhiều ý tưởng độc đáo. Nhờ đó, trường Đại học Leyden đã tặng ông bằng Tiến sĩ danh dự.

Năm 1773, Williamson tiến hành một chuyến đi thăm vùng Tây Ấn, rồi tới châu Âu. Lên thuyền ở Boston, ông chứng kiến vụ lô Chè ở Boston và mang tin tức về sự kiện này đến London. Khi Hội đồng Privy Anh gọi ông đến làm

chúng về những điều ông nhìn thấy, ông cảnh báo họ rằng các thuộc địa có thể sẽ nổi loạn nếu nước Anh không thay đổi chính sách của mình. Trong khi ở Anh, ông bắt đầu một tình bạn thân thiết với nhà khoa học là Benjamin Franklin. Họ đã hợp tác trong các thí nghiệm về điện.

Năm 1775, Williamson xuất bản cuốn sách nhỏ Lời biện hộ cho các Thuộc địa (The Plea of the Colonies) mà ông viết trong thời gian sống ở Anh. Cuốn sách này đã thu hút sự ủng hộ của phe Whig ở Anh đối với các sự kiện ở Mỹ. Khi Mỹ tuyên bố độc lập, thì Williamson đang ở Hà Lan, nên ông vội vàng trở lại Mỹ. Lúc đầu, ông sống tại Charleston, SC và sau đó, chuyển đến thành phố Edenton, NC. Tại đây, ông là một nhà buôn rất thành công trong các hoạt động thương mại với Pháp, Tây Ấn và lại một lần nữa mở phòng khám. Sau đó, Thống đốc Bắc Carolina sớm phát hiện ra tài năng của ông và đưa ông trở thành bác sĩ phẫu thuật chính trong quân đội tiểu bang. Trong trận đánh ở Camden, SC, ông băng qua tên đạn chăm sóc các thương binh. Ông cũng phòng chống bệnh tật trong quân đội bằng cách cải thiện các điều kiện vệ sinh, thực phẩm.

Sau chiến tranh, Williamson bắt đầu sự nghiệp chính trị. Năm 1782, ông được bầu vào Hạ viện tiểu bang, rồi vào Quốc hội Hợp bang. Ba năm sau, ông rời Quốc hội và trở lại Nghị viện bang. Năm 1786, ông được cử làm đại biểu tiểu bang tại Hội nghị Annapolis, nhưng đến quá muộn. Một năm sau, ông lại tham dự Quốc hội (1787-1789) và được chọn làm đại biểu tham dự Hội nghị Lập hiến. Tham gia đều đặn và thể hiện khả năng tranh luận xuất sắc, ông tham dự năm Ủy ban, đáng kể nhất là Ủy ban về các vấn đề bị hoãn lại, đóng vai trò quan trọng trong quá trình hội họp, đặc biệt là Thỏa hiệp lớn về quyền đại diện.

Sau Hội nghị này, Williamson tích cực tham gia quá trình thông qua Hiến pháp ở Bắc Carolina. Năm 1788, ông được chọn làm người thu xếp những tranh chấp tiền bạc giữa chính quyền tiểu bang và liên bang. Một năm sau,

ông được bầu vào Hạ viện Mỹ khóa đầu tiên và phục vụ trong hai nhiệm kỳ. Năm 1789, ông cưới Maria Apthorpe. Bà đã sinh cho ông hai người con trai.

Năm 1793, Williamson chuyển đến thành phố New York để thúc đẩy các hoạt động văn học và từ thiện. Trong nhiều năm, ông xuất bản nhiều tác phẩm chính trị, giáo dục, kinh tế, lịch sử và khoa học, nhưng được đánh giá cao nhất là những tác phẩm khoa học. Trường Đại học Leyden đã trao tặng ông một bằng Tiến sĩ danh dự. Ngoài ra, ông cũng là Ủy viên quản trị của trường Đại học Bắc Carolina và sau đó giữ cương vị quản trị tại trường Y khoa và trường Đại học tiểu bang New York. Ông cũng là một người sáng lập Hiệp hội văn học và Triết học New York và là một thành viên nổi bật của Hiệp hội Lịch sử New-York.

Năm 1819, Williamson qua đời tại thành phố New York, thọ 83 tuổi và được chôn cất tại Nhà thờ Ba ngôi ở Trinity.

53. James Wilson (1741-1797)

Tiểu bang Pennsylvania

Wilson sinh năm 1741 hoặc 1742 tại Carskerdo, gần St. Andrews, Scotland và học tại các trường đại học ở St. Andrews, Glasgow và Edinburgh. Sau đó, ông di cư sang Mỹ đúng vào thời điểm lộn xộn đầy kích động của Đạo luật Thuế tem, năm 1765. Đầu năm sau, được nhận làm giáo sư tiếng Latin tại trường Đại học Philadelphia, nhưng ông xin nghỉ việc để học luật với John Dickinson.

Năm 1768, một năm sau khi được nhận vào làm việc tại tòa án Philadelphia, Wilson mở văn phòng luật tại Reading, PA. Hai năm sau, ông chuyển đến khu định cư Xcôtlen - Ailen ở Carlisle và năm 1771, ông cưới Rachel Bird. Ông chuyên sâu về luật đất đai và xây dựng một mạng lưới khách hàng rộng lớn, rồi tham gia đầu cơ bất động sản. Ông cũng tham gia giảng dạy văn học

Anh tại trường Philadelphia, và được trường này cấp bằng Thạc sĩ văn chương danh dự năm 1766.

Wilson bắt đầu tham gia các hoạt động chính trị Cách mạng. Năm 1774, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Liên lạc của Carlisle, tham gia Quốc hội đầu tiên của tỉnh và hoàn thành cuốn nghiên cứu về Bản chất và sự phát triển quyền hành pháp của Nghị viện Anh. Tiểu luận này được đăng rộng rãi tại cả Anh và Mỹ đã đưa ông trở thành một lãnh tụ của phe Whig.

Năm sau đó, Wilson được bầu chọn vào cả Quốc hội tỉnh và Đại hội các thuộc địa, nơi ông chủ yếu tham gia các ủy ban quân sự và Người Da Đỏ. Năm 1776, thể hiện những mong muốn của mình, ông tham gia phe ôn hòa trong Quốc hội. Ngày 7 tháng Sáu, ông bỏ phiếu hoãn lại ba tuần việc xem xét Các giải pháp Độc lập của Richard Henry Lee. Nhưng trong cuộc bỏ phiếu ngày 1 và 2 tháng Bảy, ông bỏ phiếu tán thành và tham gia ký vào bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng Tám.

Năm 1776, vì kịch liệt phản đối bản Hiến pháp cộng hòa của Pennsylvania, nên một năm sau, Wilson bị loại khỏi Quốc hội tiểu bang. Để tránh bị công kích, ông chuyển tới sống tại Annapolis trong mùa đông năm 1777-1778 và rồi định cư tại Philadelphia. Wilson thể hiện quan điểm chính trị mới bằng cách xác định mình gần gũi với nhóm quý tộc và nhóm cộng hòa bảo thủ, rồi kiếm được rất nhiều tiền từ công việc kinh doanh và thúc đẩy những vụ mua bán đất. Ông cũng giữ chức Tổng Biện lý cho nước Pháp ở Mỹ (1779-1783). Sau đó, ông tham gia các vấn đề thương mại và hàng hải và bảo vệ những người bảo hoàng.

Mùa thu năm 1779, trong cuộc khủng hoảng lương thực và lạm phát, một đám đông binh lính và nông dân có vũ khí, do những phần tử cực đoan kích động, đã tấn công những nhà lãnh đạo phe cộng hòa mà Wilson là mục tiêu hàng đầu. Trong một cuộc xung đột, nhiều người của cả hai bên đã bị chết và bị thương. Tồn thất này đã làm nguôi đi cảm xúc tức giận lúc đó và các bên

đều bày tỏ sự tiếc nuối với vụ việc này, nhưng những tranh luận chính trị chủ yếu về bản Hiến pháp vẫn còn tồn tại. Năm 1781, Quốc hội bổ nhiệm Wilson tham gia ban giám đốc Ngân hàng Bắc Mỹ, vừa được người đồng sự gần gũi của ông là Robert Morris thành lập. Năm 1782, khi những người bảo thủ giành lại quyền lực, thì Wilson được tái cử vào Quốc hội trong giai đoạn 1785-1787.

Wilson đạt đến đỉnh cao trong sự nghiệp hoạt động tại Hội nghị Lập hiến (1787). Tại đây, có lẽ ảnh hưởng của ông chỉ đứng thứ hai sau Madison và chỉ có Gouverneur Morris mới phát biểu nhiều hơn ông. Hầu như không bỏ lỡ cuộc họp nào, ông tham gia Ủy ban soạn thảo chi tiết và bằng nhiều cách, áp dụng những kiến thức tuyệt vời về lý thuyết chính trị, để giải quyết những vấn đề bất đồng trong Hội nghị. Cùng năm đó, Wilson lãnh đạo quá trình thông qua Hiến pháp tại Pennsylvania, tiểu bang thứ hai tán hành bản Hiến pháp. Bản Hiến pháp mới của tiểu bang Pennsylvania năm 1789-1790, được soạn thảo chủ yếu nhờ công sức của Wilson. Văn bản này đã thể hiện đỉnh cao của ông trong cuộc đấu tranh suốt 14 năm chống lại bản Hiến pháp năm 1776.

Dù Wilson muốn được làm Chánh án, nhưng năm 1789, Tổng thống Washington chỉ bổ nhiệm ông làm Thẩm phán Tòa án tối cao. Năm đó, ông được chọn làm Giáo sư luật đầu tiên tại trường Đại học Philadelphia. Hai năm sau, ông bắt đầu viết một tập san chính thức các bộ luật của Pennsylvania, nhưng không thể hoàn thành vì hết tiền. Wilson chỉ đưa ra một vài kiến nghị và không đạt được thành công tại Tòa án tối cao, dù tài năng và kiến thức rất hứa hẹn. Những năm 1792 và 1795, ông cũng đầu tư rất nhiều vào các vùng đất phía tây New York và Pennsylvania, cũng như ở Georgia, liên quan đến một lượng đầu tư khổng lồ từ châu Âu, cho việc tuyển người châu Âu tới định cư tại miền Tây, nhưng gặp rất nhiều rủi ro. Năm 1793, sau khi góa bụa với sáu đứa con, ông cưới bà Hannah Gray. Họ có với nhau một người con trai duy nhất, nhưng đã chết khi còn bé.

Bốn năm sau, để tránh bị bắt vì nợ nần, Wilson quản trí chuyển từ Philadelphia về Burlington, NJ. Một năm sau, trong khi vẫn phải hầu tòa án Liên bang tại Edenton, NC. vì những vụ phá sản, nhưng căn bệnh mất trí nhớ đã buộc ông phải về sống nhờ trong ngôi nhà của James Iredell, một thẩm phán Tòa án tối cao.

Vài tháng sau, ông qua đời tại đây. Lúc đầu, thi hài ông được chôn cất tại trang trại Hayes gần Edenton, nhưng sau đó, được đưa về Nghĩa trang của Nhà thờ Christ tại Philadelphia.

54. George Wythe (1726-1806)

Tiểu bang Virginia

George Wythe là con thứ hai trong số ba người con của ông Thomas và bà Margaret Wythe. Ông sinh năm 1726, tại khu đồn điền của gia đình, trên bờ sông Back, ở quận Elizabeth City, VA. Cha mẹ ông đều mất từ khi ông còn nhỏ và ông lớn lên dưới sự chăm sóc và bảo ban của người anh trai là Thomas. Mặc dù việc học hành chính qui của ông rất ít, nhưng Wythe đã trở thành một quan tòa và một nhà giáo xuất sắc. Ông học tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp từ người mẹ và có một thời gian, theo học tại trường William và Mary.

Sau đó, anh trai của Wythe gửi ông đến Quận Prince George để học luật, dưới sự trông nom của một người bác. Năm 1746, ở tuổi 20, ông tham gia tòa án, rồi chuyển đến Quận Spotsylvania và trở thành phụ tá cho một luật sư ở đây. Năm 1747, ông cưới em gái của một đối tác là Ann Lewis, nhưng một năm sau, bà qua đời. Năm 1754, Thống đốc Robert Dinwiddie bổ nhiệm ông làm Tổng chương lý của thuộc địa này. Một năm sau, vì người anh trai mất, nên ông được thừa hưởng toàn bộ tài sản của gia đình. Tuy nhiên, ông thích sống trong ngôi nhà ở Williamsburg do người bố vợ, một kiến trúc sư, đã thiết kế và xây dựng cho ông và người vợ mới cưới, là bà Elizabeth

Taliaferro. Họ cưới nhau năm 1755. Người con duy nhất của họ đã chết từ khi còn bé.

Tại Williamsburg, Wythe tiếp tục tự nghiên cứu các tác phẩm kinh điển và các sách về luật, rồi được nhận vào làm tại Tòa án tối cao của thuộc địa này. Ông tham gia Viện đại biểu Thị xã từ năm 1755 cho tới năm 1775, và từng giữ chức Thư ký. Năm 1768, ông trở thành Thị trưởng Williamsburg và một năm sau, ông tham gia Ủy ban thanh tra trường đại học William và Mary. Trong những năm này, ông hướng dẫn nhiều sinh viên trẻ, đáng chú ý là Thomas Jefferson. Wythe và Jefferson duy trì một tình bạn lâu dài, lúc đầu là quan hệ thầy trò và sau này, là các đồng minh chính trị.

Wythe thể hiện khuynh hướng Cách mạng đầu tiên vào năm 1764, khi Nghị viện Anh gợi ý bóng gió với các thuộc địa sẽ áp đặt Đạo luật Thuế tem. Khi đó, thay mặt cho Viện đại biểu thị xã, ông đã soạn thảo một bản kháng thư gửi đến Nghị viện Anh. Nhưng giọng văn cay đắng và mãnh liệt của ông buộc các đồng nghiệp phải sửa đổi, trước khi văn bản này được gửi đi. Wythe là một trong những người đầu tiên muốn tách các thuộc địa khỏi vương quốc Anh. Khi chiến tranh bùng nổ, Wythe tình nguyện tham gia quân đội, nhưng lại được cử đến Đại hội các thuộc địa. Mặc dù có mặt từ năm 1775, Wythe chỉ có ảnh hưởng nhỏ và ký vào Tuyên ngôn Độc lập sau lễ ký chính thức tháng Tám năm 1776. Sau đó, Wythe, Jefferson và Edmund Pendleton bắt đầu một dự án kéo dài ba năm, phê duyệt lại các bộ luật của Virginia. Năm 1777, Wythe là chủ tọa và là Chủ tịch Viện đại biểu Virginia. Năm 1778, ông được bổ nhiệm làm một trong ba thẩm phán của tòa án cao cấp của Virginia. Wythe cũng soạn giáo trình cho ngành luật ở Virginia và là một thành viên đương nhiên của Tòa án Tối cao tiểu bang.

Nhưng tình yêu thật sự của Wythe là dạy học. Năm 1779, Jefferson và các viên chức khác của trường William và Mary lập ra chức danh giáo sư luật cao cấp và bổ nhiệm Wythe vào chức vụ này. Đây là chức danh cao cấp đầu

tiên tại một trường của Mỹ. Nhờ đó, ông đã đào tạo những luật sư xuất sắc cho nước Mỹ như John Marshall và James Monroe, sau này là Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825). Năm 1787, ông tham gia Hội nghị Lập hiến, nhưng vai trò không lớn và sớm rời Hội nghị vì cái chết của người vợ, nên không ký vào bản Hiến pháp. Tuy nhiên, sau đó, ông là một trong những lãnh tụ của phe Liên bang tại Hội nghị phê chuẩn ở Virginia. Năm 1791, một năm sau khi Wythe rút khỏi chức giáo sư, trách nhiệm công lý đã buộc ông phải chuyển về Richmond, thủ phủ của tiểu bang. Ông miễn cưỡng phải từ bỏ nghề dạy học, nhưng rồi ông lại mở một trường luật sư. Một trong những sinh viên cuối cùng và có nhiều triển vọng nhất của ông là chàng thanh niên Henry Clay .

Năm 1806, Wythe qua đời tại Richmond, thọ 80 tuổi, trong một hoàn cảnh bí hiểm, có thể bị George Wythe Sweeney, người cháu trai và là người thừa kế của ông, đầu độc. Suốt cuộc đời căm ghét chế độ nô lệ, trong di chúc, Wythe đã tuyên bố trả tự do cho mọi nô lệ của mình. Mộ ông được đặt trong nghĩa trang Nhà thờ Tân giáo St. John ở Richmond.

55. Robert Yates (1738-1801)

Tiểu bang New York

Là con trai của ông Joseph và bà Maria Yates, Robert Yates sinh ngày 27 tháng Một năm 1738, tại Schenectady, NY. Ông tiếp nhận một nền giáo dục cổ điển tại thành phố New York và sau đó, học luật với William Livingston. Năm 1760, Yates được bổ nhiệm vào Tòa án New York rồi chuyển tới sống tại Albany.

Trong thời kỳ 1771-1775, Yates tham dự Hội đồng thành phố Albany. Từ trước Cách mạng, Yates đã tự đứng về phe Whig cực đoan, chống tham nhũng và đòi tự do cho các thuộc địa. Khi Cách mạng bùng nổ, Yates tham gia Ủy ban An toàn của Albany và đại diện cho hạt này trong bốn nhiệm kỳ

tại Quốc hội tiểu bang. Tại Hội nghị của tiểu bang tổ chức trong thời gian 1775-1777, ông tham gia ủy ban soạn thảo văn bản Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang New York. Ngày 8 tháng Năm năm 1777, Yates được bổ nhiệm vào Tòa án tối cao New York và làm Chủ tịch tòa án này từ năm 1790 tới năm 1798. Trong thời kỳ giữ cương vị này, ông bị chỉ trích do đối phó yếu ớt với những người bảo hoàng. Những nhiệm vụ khác của ông là ổn định biên giới tranh chấp với Massachusetts và Vermont.

Trong những năm 1780, Robert Yates được xem là một lãnh tụ có uy tín của phe chống Liên bang. Ông chống đối lại bất kỳ sự nhượng bộ quyền của tiểu bang cho Quốc hội liên bang, như quyền thu thuế nhập khẩu, điều có thể phá hoại chủ quyền của các tiểu bang. Khi ông đến dự Hội nghị Lập hiến ở Philadelphia, ông nghĩ rằng các đại biểu sẽ chỉ đơn giản là thảo luận và sửa đổi lại Các điều khoản Hợp bang đang tồn tại. Yates tham gia Ủy ban về quyền đại diện tại cơ quan lập pháp và sớm nhận thấy Hội nghị có ý định đi xa hơn việc sửa đổi mô hình liên bang hiện nay. Ngày 5 tháng Bảy, khi Ủy ban này đệ trình báo cáo của mình, Yates và John Lansing rời bỏ Hội nghị. Trong một bức thư chung gửi Thống đốc George Clinton của New York, họ đưa ra các lý do cho việc sớm rời bỏ Hội nghị. Họ cảnh báo những mối nguy hiểm về sự tập trung hóa quyền lực và kêu gọi chống đối bản Hiến pháp này. Yates tiếp tục chỉ trích bản Hiến pháp trong một loạt các bài báo được ký tên là "Brutus" và "Sydney", bỏ phiếu chống Hiến pháp tại Hội nghị phê chuẩn của New York, tổ chức tại Poughkeepsie. Trong suốt Hội nghị, Yates kịch liệt chống đối quan điểm của Hamilton.

Năm 1789, Yates tham gia tranh cử chức Thống đốc New York, nhưng thất bại. Ông qua đời ngày 9 tháng Chín năm 1801, ba năm sau rời Tòa án tối cao tiểu bang. Khi đó vợ ông, bà Jannetje Van Ness Yates và 4 trong số 6 người con của ông vẫn còn sống. Mặc dù ban đầu có thu nhập rất cao, nhưng vốn liếng của ông đã cạn dần.

Năm 1821, những ghi chép của ông về Hội nghị Lập hiến được xuất bản dưới tiêu đề "Những bí mật trong quá trình nhóm họp và trong các cuộc tranh luận tại Hội nghị xây dựng Hiến pháp cho Hợp chúng quốc". Đây cũng là một ghi chép rất có giá trị về Hội nghị Lập hiến.



Lễ ký Tuyên ngôn Độc lập của 13 tiểu bang Bắc Mỹ

(Ngày 4 tháng Bảy năm 1776)

Phụ lục: HỆ THỐNG VĂN BẢN HIẾN PHÁP MỸ

Tôi muốn nói là tôi hoàn toàn tán thành Ngài Montessquieu rằng mỗi chính quyền phải phù hợp với từng quốc gia, như thể mỗi chiếc áo hợp với mỗi cá nhân. Vì thế, điều có thể là tốt đẹp ở Philadelphia có thể sẽ là thứ tồi tệ ở Paris, hay trở nên lố bịch ở Saint Petersburg.

Thư của Hamilton gửi Hầu tước Lafayette

Ngày 6 tháng Giêng năm 1799.

CÁC ĐIỀU KHOẢN HỢP BANG

Sau khi tuyên bố độc lập, ngày 11 tháng Sáu năm 1776, Đại hội các thuộc địa đã bổ nhiệm Ủy ban soạn thảo Hiến pháp cho liên minh 13 tiểu bang độc lập. Văn bản này được Đại hội các thuộc địa phê chuẩn ngày 15 tháng Mười

một năm 1776. Mô hình này chỉ thiết lập một cơ quan duy nhất điều hành mọi hoạt động là Quốc hội Hợp bang, với đại biểu do các tiểu bang bổ nhiệm, có nhiệm kỳ một năm. Các tiểu bang có quyền triệu hồi các đại biểu của mình và số lượng các đại biểu cũng không bị cố định mà tùy thuộc vào chính quyền tiểu bang.

Mô hình chính quyền này của Hợp bang rất nhiều khiếm khuyết, đặc biệt là việc kết hợp mọi quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp vào tay Quốc hội Hợp bang. Ngoài ra, điều khoản đòi hỏi phải có đủ sự chấp thuận của cả 13 tiểu bang để ban hành bất cứ đạo luật nào, đã cản trở rất nhiều hoạt động của chính quyền khiến nền kinh tế và chính trị Mỹ hầu như bị tê liệt trong giai đoạn 1781-1789. Những khiếm khuyết của mô hình này dần dần bộc lộ trong những năm hòa bình. Những trục trặc không thể sửa chữa của hệ thống chính quyền Hợp bang Mỹ đã dẫn tới nhu cầu cấp thiết xây dựng một thể chế chính quyền mới. Đó là mục tiêu mà Quốc hội Hợp bang đã tổ chức Hội nghị Lập hiến vào năm 1787.

Vì văn bản này rất quan trọng trong việc nghiên cứu bản Hiến pháp Mỹ, tôi dịch toàn văn kèm để các độc giả dễ so sánh với bản Hiến pháp 1787 về mô hình chính quyền Mỹ trong hai thời kỳ này. Tuy nhiên, văn phong của Các điều khoản Hợp bang khá dài dòng, kiểu cách và khó hiểu hơn nhiều so với bản Hiến pháp năm 1787. Chi tiết các cuộc tranh luận liên quan đến Các điều khoản Hợp bang và Tuyên bố chính thức của Quốc hội Hợp bang được trình bày trong cuốn Elliot's Debates tập I, xuất bản năm 1861 và nhiều nguồn tài liệu khác. Ngoài ra, độc giả có thể truy cập văn bản này ở dạng on-line trong Thư viện Quốc hội Mỹ.

Các điều khoản Hợp bang

(The Articles of the Confederation)

Chúng tôi, những đại biểu của các tiểu bang ký tên tại văn bản này gửi lời

chào tới mọi công dân Mỹ. Các đại biểu của Hợp chúng quốc Mỹ tại Quốc hội, nhóm họp ngày 15 tháng Mười một năm 1777, tức là năm thứ hai của nền Độc lập Mỹ, đã đồng ý về Các điều khoản Hợp bang và Liên minh vĩnh viễn giữa các tiểu bang New Hampshire, Vịnh Massachusetts, Rhode Island và các khu đồn điền, Connecticut, New York, New Jersey, Pennsylvania, Delaware, Maryland, Virginia, Bắc Carolina, Nam Carolina và Georgia theo các điều khoản sau, với tên là "Các điều khoản cho Hợp bang và Liên minh vĩnh viễn giữa các tiểu bang New Hampshire, Vịnh Massachusetts, Rhode Island và các khu đồn điền, Connecticut, New York, New Jersey, Pennsylvania, Delaware, Maryland, Virginia, North Carolina, South Carolina và Georgia".

Điều I.

Mô hình Hợp bang này có tên là "Hợp chúng quốc Hoa Kỳ" (The United States of America).

Điều II.

Mỗi tiểu bang vẫn duy trì chủ quyền, sự tự do và nền độc lập của mình và mọi quyền khác không giao phó cho Quốc hội của Hợp chúng quốc.

Điều III.

Bằng các điều khoản này, các tiểu bang đã nói ở trên, sẽ gia nhập một liên minh vững chắc và thân thiện, vì sự phòng thủ chung, để đảm bảo sự tự do và vì những lợi ích và thịnh vượng chung, ràng buộc với nhau để giúp đỡ nhau, chống lại mọi kẻ thù tấn công bất kỳ tiểu bang nào về tôn giáo, chủ quyền, thương mại, hay bất kỳ một lĩnh vực nào khác.

Điều IV.

Để đảm bảo sự an toàn và duy trì tốt hơn tình thân thiện, mang lại lợi ích

chung và sự giao thiệp giữa dân chúng của các tiểu bang trong liên minh, các công dân tự do của bất kỳ tiểu bang nào, trừ những người nghèo khổ, những kẻ vô công rồi nghề, những kẻ ăn bám và những kẻ tội phạm, đều được hưởng những đặc ân và sự miễn trừ như các công dân tự do trong mọi tiểu bang khác. Dân chúng của bất kỳ tiểu bang nào đều có quyền vào ra bất kỳ tiểu bang nào khác và được hưởng mọi đặc ân về thương mại và buôn bán, cùng chịu một mức thuế hải quan, các khoản phí và các qui định chung như đối với các công dân của tiểu bang này, miễn là những qui định đó không ngăn cấm việc đưa các tài sản đã được nhập khẩu vào một tiểu bang sang bất kỳ một tiểu bang nào khác mà người chủ sở hữu của tài sản này là công dân. Không tiểu bang nào được quyền thu thuế, hay hạn chế bất kỳ tài sản và các bất động sản nào của Hợp chúng quốc, hoặc bất cứ của tiểu bang nào trong Hợp chúng quốc.

Nếu bất kỳ ai có tội, hay bị kết tội phản bội, hoặc trọng tội, tại bất kỳ tiểu bang nào, chạy trốn khỏi sự thực thi của luật pháp, nhưng bị tìm thấy tại bất kỳ đâu trong Hợp chúng quốc, thì phải trao nộp người này, theo lệnh của Thống đốc, hay của cơ quan hành pháp tiểu bang nơi họ bỏ trốn, về tiểu bang nơi có quyền hạn xét xử sự phạm tội của người này.

Mọi phán quyết, cũng như quá trình tố tụng tư pháp tại tòa án, của cơ quan hành pháp tất cả các bang, đều phải được tôn trọng.

Điều V.

Để quản lý các lợi ích chung của Hợp chúng quốc hiệu quả hơn, các đại biểu sẽ được bổ nhiệm hằng năm, theo cách thức do các cơ quan Lập pháp tiểu bang qui định, để nhóm họp tại Quốc hội vào ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Mười một hằng năm. Các tiểu bang được quyền triệu hồi bất kỳ đại biểu nào của tiểu bang mình, vào bất kỳ thời điểm nào trong năm và cử người khác thay thế trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm đó.

Không có tiểu bang nào có ít hơn hai hay nhiều quá bảy đại biểu tại Quốc hội. Không một ai được quyền làm đại biểu nhiều hơn ba năm trong bất kỳ giai đoạn sáu năm nào. Không một ai, khi trở thành đại biểu Quốc hội, lại được giữ bất kỳ chức vụ nào trong các cơ quan của Hợp chúng quốc, hay được nhận bất kỳ mức lương, trợ cấp hay bất kỳ khoản tiền nào.

Mỗi tiểu bang phải trả lương cho các đại biểu của mình trong các cuộc họp của các tiểu bang hay trong khi họ đang là thành viên một ủy ban của Hợp bang.

Để quyết định những vấn đề của Hợp chúng quốc, trong kỳ nhóm họp của Quốc hội, mỗi tiểu bang sẽ có quyền bỏ một lá phiếu.

Tự do phát biểu và tranh luận trong Quốc hội sẽ không bị luận tội hay chất vấn tại bất kỳ tòa án nào, hay bất kỳ một nơi nào khác ngoài Quốc hội.

Trong thời gian họ tham dự Quốc hội, tất cả các thành viên của Quốc hội được bảo vệ khỏi mọi cuộc bắt bớ, hay tổng giam, ngoại trừ những tội phạm quốc, tội giết người hay phá vỡ hiệp ước hòa bình.

Điều VI.

Không tiểu bang nào, nếu không có sự chấp thuận của Quốc hội, có quyền cử hay đón tiếp bất kỳ viên đại sứ nào, hay tham gia bất kỳ Hội nghị, hay thỏa thuận bất cứ hiệp ước nào, với bất kỳ nhà vua, hoàng tử hay quốc gia nào. Không một viên chức nào, khi giữ chức vụ liên quan đến tiền bạc hay sự ủy nhiệm của Hợp chúng quốc, được quyền nhận bất kỳ món quà, khoản tiền lương, chức vụ hay danh hiệu nào, từ bất kỳ nhà vua, hoàng tử hay quốc gia nào. Quốc hội Hợp chúng quốc, hoặc bất kỳ đại biểu Quốc hội nào, cũng không có quyền ban thưởng bất kỳ danh hiệu quý tộc nào.

Hai hay nhiều tiểu bang không cho phép được tham gia bất kỳ hiệp ước, liên minh hay hợp bang nào giữa họ, nếu không có sự đồng ý của Quốc hội Hợp

chúng quốc và cần qui định chính xác mục đích và thời hạn của những hiệp ước này.

Mọi tiểu bang đều không có quyền đặt và thu bất kỳ loại thuế nào, nếu chúng cản trở bất kỳ điều khoản nào của các Hiệp ước, do Quốc hội Hợp chúng quốc ký với bất kỳ nhà vua, hoàng tử hay quốc gia nào; cũng không được theo đuổi bất cứ Hiệp ước nào do Quốc hội tiến hành đối với triều đình Pháp hay Tây Ban Nha.

Mọi tiểu bang đều không được xây dựng và duy trì bất cứ tàu chiến nào, trừ con số được Quốc hội Hợp chúng quốc thấy là cần thiết cho việc phòng thủ và bảo vệ của tiểu bang đó hay cho việc buôn bán của tiểu bang đó. Không tiểu bang nào được quyền thiết lập và duy trì bất cứ đội quân nào, trừ con số được Quốc hội Hợp chúng quốc thấy là cần thiết cho việc phòng thủ và bảo vệ các pháo đài của tiểu bang đó, hay cho việc buôn bán của tiểu bang đó. Nhưng tất cả các tiểu bang phải luôn luôn duy trì một lực lượng dân quân có kỷ luật và luyện tập thường xuyên, được trang bị đầy đủ, và phải thường xuyên lưu giữ một số lều bạt và đồ quân trang, vũ khí, đạn dược và đồ cắm trại thích hợp, trong các kho công cộng, để sẵn sàng cho việc sử dụng.

Không một tiểu bang nào được tham gia bất kỳ cuộc chiến tranh nào, nếu không có sự chấp thuận của Quốc hội Hợp chúng quốc, trừ phi tiểu bang đó thực sự bị kẻ thù tấn công, hay nhận được tin tức nhất định về một quyết định của một số bộ lạc Da Đỏ nhằm xây dựng một đạo quân tấn công tiểu bang đó và mỗi nguy hiểm đó quá cấp thiết, tới mức không thể trì hoãn, cho tới khi Quốc hội của Hợp chúng quốc được hỏi ý kiến. Không có bất kỳ tiểu bang nào có quyền điều bất kỳ tàu chiến nào tham gia chiến tranh, hay ban hành các giấy trưng thu và tịch thu, trừ phi Quốc hội đã ban hành tuyên bố chiến tranh, nhưng chỉ chống lại vương quốc đó hay quốc gia đó và chỉ chống lại cuộc chiến tranh vừa được tuyên bố đó, và phải tuân theo mọi điều khoản do Quốc hội Hợp chúng quốc thiết lập, trừ những tiểu bang bị bện

cướp biển tấn công, khi đó các tàu chiến là cần thiết, nhưng chỉ kéo dài khi mối nguy hiểm đó còn tồn tại, hay cho tới khi Quốc hội Hợp chúng quốc ban hành một quyết định khác.

Điều VII.

Khi các lực lượng trên bộ được bất kỳ tiểu bang nào thành lập vì mục đích phòng thủ chung, mọi sĩ quan dưới cấp bậc đại tá sẽ do cơ quan lập pháp của tiểu bang đó bổ nhiệm, hay theo một cách thức do tiểu bang đó qui định và mọi việc bổ nhiệm sau này đều do tiểu bang này bổ nhiệm, giống như với lần đầu tiên.

Điều VIII.

Mọi chi phí chiến tranh và các khoản chi phí khác, phát sinh vì mục tiêu phòng vệ chung, hay lợi ích chung và được phép của Quốc hội Hợp chúng quốc, sẽ lấy từ ngân khố chung, do các tiểu bang đóng góp, theo tỷ lệ giá trị đất đai trên toàn tiểu bang đó ban cấp hay giao phó cho bất kỳ người nào, cũng như bất kỳ đồn điền, các công trình xây dựng hay nâng cấp nào ước tính giá trị theo cách thức do Quốc hội Hợp chúng quốc qui định. Các khoản thuế phải nộp theo tỷ lệ đó, sẽ do thẩm quyền của cơ quan lập pháp của các tiểu bang ban hành trong phạm vi thời hạn được Quốc hội Hợp chúng quốc chấp thuận.

Điều IX.

Quốc hội Hợp chúng quốc là cơ quan duy nhất có quyền tuyên bố chiến tranh và hòa bình, trừ những trường hợp qui định trong Điều 6; có quyền tiếp nhận và cử các đại sứ; có quyền gia nhập và ký kết các hiệp ước hay liên minh, miễn là không có hiệp ước thương mại nào được thiết lập để hạn chế quyền của các cơ quan lập pháp tiểu bang trong việc đánh thuế hàng nhập khẩu của nước ngoài và người phải gánh chịu là dân chúng các tiểu bang;

hay ngăn cấm việc xuất nhập khẩu bất kỳ loại hàng hóa nào; có quyền thiết lập các qui tắc phán quyết mọi trường hợp bất giữ trên bộ hay trên biển là hợp pháp hay không và để phân chia hợp lý các chiến lợi phẩm chiếm được trên bộ, hay trên biển của Hợp chúng quốc; có quyền gửi các bức thư trưng thu và tịch thu trong thời bình; quyền bổ nhiệm các quan tòa cho các vụ xét xử tội cướp bóc và các trọng tội trên vùng biển quốc tế; quyền thiết lập các tòa án để nhận và đưa ra phán quyết cuối cùng trong mọi trường hợp bất giữ, miễn là không có thành viên nào của Quốc hội được bổ nhiệm làm thẩm phán của bất kỳ tòa án nào được nói ở trên.

Quốc hội Hợp chúng quốc là nơi cuối cùng phán quyết mọi tranh chấp và khác biệt phát sinh giữa hai, hay nhiều tiểu bang có chung biên giới, sự phán quyết, hay bất kỳ hình thức phân định nào khác trong đó thẩm quyền sẽ được tiến hành theo cách thức sau: Bất cứ khi nào cơ quan lập pháp, hay hành pháp, hay đại diện hợp pháp của tiểu bang có tranh cãi với tiểu bang khác đệ trình kiến nghị lên Quốc hội, tuyên bố vấn đề và cầu xin được điều trần, thì một thông báo được ban ra do quyết định của Quốc hội cho cơ quan lập pháp, hay hành pháp của tiểu bang có liên quan tới tranh chấp này, vào một ngày qui định, với sự có mặt của các bên liên quan bởi các đại diện hợp pháp. Những người này khi đó sẽ chỉ định các thẩm phán do các bên chấp thuận, nhằm thiết lập một tòa án để điều trần và phán quyết vấn đề này. Nhưng nếu họ không đạt được sự đồng ý, Quốc hội sẽ bổ nhiệm ba người của mỗi tiểu bang, và từ danh sách những người này, mỗi bên lần lượt gạch bỏ tên một người và bên khởi kiện bắt đầu trước, cho đến khi còn số này chỉ còn 13 và khi đó, Quốc hội sẽ chọn ra không nhiều quá 9 và không ít hơn 7 người trong số này, và với sự hiện diện của họ, Quốc hội sẽ rút thăm ra 5 người sẽ là các thẩm phán để nghe và phán quyết cuối cùng, sao cho đa số các thẩm phán này sẽ nghe và đồng ý với quyết định. Nếu bên nào từ chối có mặt tại ngày chỉ định mà không trình bày lý do được Quốc hội phán quyết là chính đáng, hay có mặt, nhưng từ chối gạch tên trong việc bầu chọn thẩm phán, thì Quốc hội sẽ tiến hành đề cử mỗi tiểu bang ba người, và viên thư ký

của Quốc hội sẽ gạch thay cho bên vắng mặt, hay từ chối thực hiện. Việc xét xử và lời phán quyết của tòa án này sẽ thực hiện như nói ở trên, và sẽ là quyết định duy nhất và cuối cùng. Nếu bất kỳ bên nào từ chối chấp nhận phán quyết của tòa án này, hay bảo vệ quan điểm và lý do của mình, thì tòa án sẽ tiến hành thông báo phán quyết, và đó sẽ là phán quyết cuối cùng. Lời phán quyết này và các tiến trình xét xử khác, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng phải trình lên Quốc hội, và lưu giữ thành các đạo luật của Quốc hội, để đảm bảo an toàn cho các bên có liên quan. Mọi viên chức được ủy quyền này [tức là các thẩm phán xét xử phiên tòa], trước khi tham gia quá trình xét xử, sẽ phải tuyên thệ với một trong những viên thẩm phán tòa án tối cao, hay tòa án cao cấp của tiểu bang đó, nơi xét xử vụ án này: "nghe một cách trung thực và chuẩn xác để quyết định vấn đề đưa ra, căn cứ vào sự phán xét tốt nhất của tôi, không hề thiên vị, hay bị tác động bởi lòng trông đợi được ban thưởng". Nhưng không có tiểu bang nào bị lấy đi vùng lãnh thổ, để đổi lấy lợi ích cho Hợp chúng quốc.

...

Quốc hội Hợp chúng quốc là cơ quan duy nhất có quyền qui định trị giá của đồng tiền và các loại vàng bạc do cơ quan này ban hành, hay do các tiểu bang tương ứng ban hành; quyền ấn định các tiêu chuẩn về khối lượng và đo lường trên khắp Hợp chúng quốc; quyền qui định thương mại và quản lý mọi việc liên quan đến người Da Đỏ, khi không thuộc phạm vi kiểm soát của bất kỳ tiểu bang nào, miễn là quyền lập pháp của các tiểu bang trong lãnh thổ của mình không bị vi phạm và xâm chiếm; quyền thiết lập và điều hành các sở bưu điện trên khắp lãnh thổ Hợp chúng quốc và qui định khoản bưu phí trên các giấy tờ chuyển qua những bưu cục này để thanh toán chi phí của các sở bưu điện; quyền bổ nhiệm mọi viên chức trong lực lượng lục quân của Hợp chúng quốc, ngoại trừ các sĩ quan trung đoàn; quyền bổ nhiệm mọi sĩ quan của hải quân và chỉ đạo mọi hoạt động của viên chức Hợp chúng quốc; quyền ban hành những qui định cho chính phủ và các lực lượng hải quân và

lục quân, và chỉ đạo sự hoạt động của họ.

Quốc hội Hợp chúng quốc có quyền thiết lập một ủy ban, hoạt động trong thời gian Quốc hội ngừng họp, có tên là "Ủy ban của các tiểu bang", mỗi tiểu bang có một đại biểu; có quyền bổ nhiệm những ủy ban khác và các viên chức dân sự cần thiết cho việc điều hành công việc chung của Hợp chúng quốc theo sự chỉ đạo của các ủy ban này và bổ nhiệm một trong số họ làm chủ tịch, miễn là không có người nào được phép giữ chức vụ chủ tịch quá một năm trong một khoảng thời gian ba năm; có quyền xác định chính xác số tiền cần thiết phải thu cho các hoạt động của Hợp chúng quốc và sử dụng số tiền này cho việc thanh toán các khoản chi tiêu của cộng đồng; có quyền vay mượn tiền, hay phát hành tiền giấy của Hợp chúng quốc; và cứ nửa năm thông báo cho các tiểu bang tương ứng khoản tiền cần vay mượn hay cần phát hành; có quyền xây dựng và trang bị cho hạm đội; có quyền phê chuẩn số lượng lục quân và qui định số binh lính các tiểu bang phải đóng nộp theo tỷ lệ dân số da trắng của tiểu bang đó. Các yêu cầu này là bắt buộc và theo đó, cơ quan lập pháp mỗi tiểu bang sẽ bổ nhiệm các viên sĩ quan cấp trung đoàn, sẽ tuyển quân và cung cấp quân phục, vũ khí và trang bị họ thành những người lính bằng chi phí của Hợp chúng quốc. Những sĩ quan và binh lính được trang bị vũ khí và quần áo đó phải hành quân về một địa điểm chỉ định, trong khoảng thời gian Hợp chúng quốc yêu cầu. Nhưng nếu Quốc hội Hợp chúng quốc, khi xem xét hoàn cảnh, phát hiện thấy tiểu bang nào không tuyển mộ quân đội, hay tuyển mộ không đủ số lượng qui định, hay tiểu bang nào đó tuyển quá mức qui định, thì số lượng tăng thêm, số sĩ quan, quần áo và vũ khí cũng phải trang bị như những người lính theo qui định của tiểu bang đó, trừ phi cơ quan lập pháp của tiểu bang đó phán quyết rằng số tăng thêm này không thể an toàn, nếu không trang bị đúng như qui định. Những sĩ quan và binh lính được trang bị quần áo, vũ khí, và các đồ dùng khác đó cũng phải hành quân đến địa điểm qui định, theo thời gian do Quốc hội Hợp chúng quốc qui định.

Quốc hội Hợp chúng quốc không bao giờ cam kết về một cuộc chiến tranh, hay ban hành những giấy trưng thu và tịch thu trong thời bình, hay ký kết các hiệp ước hay liên minh, hay các loại tiền đồng, hay qui định giá trị của nó, cũng không được thu tiền và chi phí cần cho việc phòng vệ và thịnh vượng của Hợp chúng quốc hay của bất kỳ tiểu bang, không được ban hành tiền giấy, không được vay mượn tiền bằng tín dụng của Hợp chúng quốc, cũng không được chiếm dụng các khoản tiền, cũng không được ấn định số lượng tàu chiến được đóng hay được mua, không được tuyển mộ lực lượng lục quân hay hải quân, cũng không bổ nhiệm viên Tổng chỉ huy lục quân hay hải quân, trừ phi được chín tiểu bang đồng ý; cũng không được chất vấn về bất kỳ một điểm nào khác ngoài việc được hoãn họp các buổi họp, trừ phi được đa số phiếu thuận trong Quốc hội.

Quốc hội Hợp chúng quốc có quyền hoãn họp tới bất kỳ thời điểm nào trong năm và tới bất cứ địa điểm nào trên nước Mỹ, nhưng thời gian hoãn đó không được dài quá 6 tháng và hàng tháng, phải công bố Biên bản các buổi họp của Quốc hội, ngoại trừ những phần liên quan đến các hiệp ước, liên minh hay các hoạt động quân sự mà họ cho là cần phải bí mật. Sự chấp thuận hay bác bỏ của đại biểu các tiểu bang về bất kỳ vấn đề nào cũng phải đưa vào trong Biên bản khi có bất kỳ đại biểu nào yêu cầu. Các đại biểu của một tiểu bang hay bất kỳ ai trong số họ, nếu có yêu cầu phải được nhận Bản báo cáo này, ngoại trừ những phần đã nói ở trên, để đệ trình lên cơ quan lập pháp của các tiểu bang.

Điều X.

"Ủy ban của các tiểu bang", hay bất kỳ 9 tiểu bang nào, có quyền điều hành trong thời gian Quốc hội nghỉ họp, với những quyền lực đã ban cho Quốc hội Hợp chúng quốc, nếu có sự chấp thuận của 9 tiểu bang, đồng ý rằng những quyền đó là phù hợp, miễn là không có quyền nào ủy nhiệm cho "Ủy ban của các tiểu bang" để điều hành những công việc mà Các điều khoản

Hợp bang qui định phải cần được sự chấp thuận của 9 tiểu bang trong Quốc hội Hợp chúng quốc.

Điều XI.

Việc Canada gia nhập liên minh và tham gia các hoạt động của Hợp chúng quốc sẽ được chấp nhận và được hưởng mọi ưu đãi của liên minh này. Nhưng không một thuộc địa nào khác được chấp nhận như vậy, trừ phi được sự đồng ý của 9 tiểu bang.

Điều XII.

Mọi khoản tiền giấy đã được ban hành, các khoản tiền được vay mượn và các khoản nợ được ký kết bởi thẩm quyền của Quốc hội, trước khi Hợp chúng quốc được thiết lập, để phục vụ mục đích xây dựng liên minh này, sẽ được coi là các khoản nợ mà Hợp chúng quốc phải thanh toán. Sự cam kết với dân chúng phải được tôn trọng một cách trang nghiêm.

Điều XIII.

Mọi tiểu bang phải tuân thủ mọi quyết định của Quốc hội Hợp chúng quốc về tất cả mọi vấn đề do Liên minh qui định. Không tiểu bang nào có quyền vi phạm bộ luật Các điều khoản Hợp bang này. Liên minh của chúng ta là vĩnh cửu, không thể thay thế bất cứ điều khoản nào, tại bất kỳ thời điểm nào, trừ phi được sự chấp thuận của Quốc hội Hợp chúng quốc và sau đó, phải được các cơ quan lập pháp của tất cả tiểu bang phê chuẩn.

Bản Hiến pháp này sẽ làm hài lòng Đáng tối cao và thực hiện được mong ước của các cơ quan lập pháp mà chúng ta là người đại diện tại Quốc hội, những cơ quan chấp thuận và ủy quyền cho chúng ta ký kết Các điều khoản Hợp bang và Liên minh vĩnh viễn. Chúng tôi, những người đặt chữ ký tại đây, nhờ đức hạnh và sự cao cả của quyền lực ban cho xin thực hiện vì mục tiêu đó. Chúng tôi, những người có mặt ở đây, đại diện và thay mặt cho

những người đã cử chúng tôi đến, hoàn toàn xác nhận mọi điều khoản trong bản Các điều khoản cho Hợp bang và Liên minh vĩnh viễn đã trình bày ở trên và về mọi điều nhắc đến trong văn bản này. Chúng tôi xin trang trọng tuyên thệ đã làm theo mọi niềm tin mà những người đã cử chúng tôi đến đây giao phó và họ cũng sẽ tôn trọng mọi quyết định của Quốc hội Hợp chúng quốc về mọi vấn đề do Liên minh quyết định. Những điều khoản này sẽ không bị các tiểu bang vi phạm mà chúng tôi là người đại diện và liên minh này sẽ tồn tại mãi mãi. Chúng tôi xin tuyên thệ về những hành động chúng tôi đã làm tại Quốc hội.

Được làm tại thành phố Philadelphia của tiểu bang Pennsylvania vào ngày thứ Chín của tháng Bảy năm 1778 và là năm thứ Ba của nền Độc lập Mỹ.

Tiểu bang New Hampshire

JOSIAH BARTLETT

JOHN WENTWORTH JUNR.

Ngày 8 tháng Tám năm 1778

Tiểu bang Massachusetts

JOHN HANCOCK

SAMUEL ADAMS

ELBRIDGE GERRY

FRANCIS DANA

JAMES LOVELL

SAMUEL HOLTEN

Tiểu bang Rhode Island

WILLIAM ELLERY

HENRY MARCHANT

JOHN COLLINS

Tiểu bang Connecticut

ROGER SHERMAN

SAMUEL HUNTINGTON

OLIVER WOLCOTT

TITUS HOSMER

ANDREW ADAMS

Tiểu bang New York

JAMES DUANE

FRANCIS LEWIS

WM DUER

GOUV MORRIS

Tiểu bang New Jersey,

Ngày 26 tháng Mười một năm 1778

JNO WITHERSPOON

NATHANIEL SCUDDER

Tiểu bang Pennsylvania

ROBT MORRIS

DANIEL ROBERDEAU

JOHN BAYARD SMITH.

WILLIAM CLINGAN

JOSEPH REED

Ngày 22 tháng Bảy năm 1778

Tiểu bang Delaware

THO McKEAN

Ngày 12 tháng Hai năm 1779

JOHN DICKINSON

Ngày 5 tháng Năm năm 1779

NICHOLAS VAN DYKE,

Tiểu bang Maryland

JOHN HANSON

Ngày 1 tháng Ba năm 1781

DANIEL CARROLL do

Tiểu bang Virginia

RICHARD HENRY LEE

JOHN BANISTER

THOMAS ADAMS

JNo HARVIE

FRANCIS LIGHTFOOT LEE

Tiểu bang Bắc Carolina

JOHN PENN

Ngày 21 tháng Bảy năm 1778

CORNs HARNETT

JNo WILLIAMS

Tiểu bang Nam Carolina

HENRY LAURENS

WILLIAM HENRY DRAYTON

JNo MATHEWS

RICHD HUTSON

THOs HEYWARD Junr

Tiểu bang Georgia

JNo WALTON

Ngày 24 tháng Bảy năm 1778

EDWD TELFAIR

EDWD LANGWORTHY

HIẾN PHÁP HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

Chúng tôi, nhân dân Hợp chúng quốc, với mục đích xây dựng một Liên Bang hoàn hảo hơn, thiết lập công lý, đảm bảo an ninh trong nước và sự phòng thủ chung, thúc đẩy sự thịnh vượng trong liên minh, giữ vững nền tự do cho bản thân và các thế hệ mai sau, quyết định xây dựng và ban hành bản Hiến pháp này cho Hợp chúng quốc Mỹ châu.

ĐIỀU 1

Khoản 1. Mọi quyền lập pháp được bản Hiến pháp này thừa nhận được trao cho Quốc hội Hợp chúng quốc, bao gồm Thượng viện và Hạ viện.

Khoản 2. Hạ viện sẽ gồm các thành viên được dân chúng ở các bang bầu ra cứ hai năm một lần. Cử tri ở mỗi bang phải có phẩm chất cần thiết như phẩm chất của cử tri ở bang có cơ quan lập pháp đồng đẳng nhất.

Những người được bầu làm Hạ nghị sĩ phải trên 25 tuổi và phải là công dân của Hợp chúng quốc ít nhất bảy năm và vào thời điểm được bầu phải là cư dân ở bang mà người đó được lựa chọn.

Hạ nghị sĩ và các loại thuế trực thu sẽ được phân bổ cho các bang trong Liên minh theo dân số của mỗi bang. Số dân của các bang sẽ xác định bằng cách tính tổng số gồm những người tự do, kể cả những viên chức nhà nước và 3/5 số những người còn lại, không tính những người da đỏ không nộp thuế.

Việc kiểm tra dân số sẽ được tiến hành trong vòng ba năm, sau kỳ họp đầu tiên của Quốc hội Hợp chúng quốc và sau đây, cứ 10 năm tiến hành một lần theo cách thức do Quốc hội qui định. Cứ 30.000 người lại có một đại biểu. Cho tới khi lần kiểm tra đầu tiên được tiến hành, Hạ viện sẽ bao gồm 65 đại biểu: New Hampshire sẽ được quyền bầu ba, bang Massachusetts bầu tám,

bang Rhodes Island và các đồn điền Quan phòng bầu một, bang Connecticut bầu năm, bang New York bầu sáu, bang New Jersey bầu bốn, bang Pennsylvania bầu tám, bang Delaware bầu một, bang Maryland bầu sáu, bang Virginia bầu mười, bang Bắc Carolina bầu năm, bang Nam Carolina bầu năm và bang Georgia bầu ba đại biểu.

Khi khuyết ghế đại biểu ở bất cứ bang nào thì cơ quan hành pháp của bang đó sẽ ban hành những sắc lệnh định đoạt thể thức cuộc bầu cử, để bổ sung những chỗ trống đó.

Hạ viện sẽ bầu ra Chủ tịch và các quan chức khác của Viện và là Viện duy nhất có quyền luận tội các quan chức.

Khoản 3. Thượng viện Hợp chúng quốc sẽ gồm hai Thượng nghị sĩ của mỗi bang, do cơ quan lập pháp ở đó chọn lựa, với nhiệm kỳ sáu năm và mỗi Thượng nghị sĩ có một phiếu bầu.

Ngay sau khi nhóm họp lần đầu tiên, các Thượng nghị sĩ sẽ được chia đều thành ba nhóm. Thượng nghị sĩ nhóm một sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ hai, Thượng nghị sĩ nhóm hai sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ tư, Thượng nghị sĩ nhóm ba sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào cuối năm thứ sáu. Sao cho, cứ sau hai năm, sẽ bầu lại một phần ba số Thượng nghị sĩ. Nếu có những ghế trống do từ chức hoặc nguyên nhân nào khác trong thời gian ngừng họp của cơ quan lập pháp ở bất cứ bang nào, thì cơ quan hành pháp của bang đó có quyền tạm thời bổ nhiệm người vào ghế trống đó cho đến khi Nghị viện tiểu bang đó nhóm họp và quyết định bổ sung vào chỗ trống.

Những người được bầu làm Thượng nghị sĩ phải trên 30 tuổi và có ít nhất chín năm là công dân Hợp chúng quốc, đồng thời khi được bầu, phải là cư dân của bang mà người đó được tuyển chọn.

Phó tổng thống Hợp chúng quốc sẽ là Chủ tịch Thượng viện, nhưng không

có quyền bỏ phiếu, trừ trường hợp số phiếu chống ngang nhau khi biểu quyết.

Thượng viện sẽ lựa chọn những viên chức khác cho Viện mình và một vị quyền Chủ tịch khi Phó Tổng thống Hợp chúng quốc vắng mặt hoặc khi Phó Tổng thống đảm nhận chức vụ Tổng thống Hợp chúng quốc.

Thượng viện là nơi duy nhất có quyền xét xử mọi vụ luận tội. Khi nhóm họp để xét xử các vụ án này, các Thượng nghị sĩ phải tuyên thệ. Trong trường hợp xét xử Tổng thống, Chánh án Tòa án Tối cao sẽ là chủ tọa phiên tòa. Không ai bị kết án nếu không được 2/3 số Thượng nghị sĩ có mặt đồng ý.

Mức án áp dụng trong những vụ buộc tội này không vượt quá sự cách chức và tước quyền của bị cáo đang đảm nhận một chức tước danh dự hoặc có lợi lộc trong chính quyền Hợp chúng quốc. Tuy nhiên, họ vẫn có thể bị truy tố, xét xử, kết án và trừng phạt theo luật định.

Khoản 4. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành bầu cử Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ của tiểu bang nào, sẽ do cơ quan lập pháp của bang đó qui định. Nhưng vào bất cứ lúc nào, Quốc hội Liên bang cũng có quyền ban hành luật, hoặc thay đổi các qui định đó, trừ qui định về địa điểm bầu Thượng nghị sĩ.

Quốc hội sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và các kỳ họp này phải bắt đầu vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng Mười hai, trừ trường hợp Quốc hội qui định một ngày khác, bằng một đạo luật.

Khoản 5. Mỗi viện có quyền qui định thể lệ cuộc bầu cử của mình, về kết quả của cuộc bầu cử đó và về những điều kiện cần thiết của các nghị sĩ. Đa số trong mỗi Viện có quyền thành lập một ủy ban điều hành công việc, còn thiểu số có quyền trì hoãn phiên họp và có quyền buộc những thành viên vắng mặt phải tới họp theo đúng thể thức và phải nhận một hình thức kỷ luật

theo qui chế của mỗi Viện.

Mỗi Viện có quyền quy định những qui chế của Viện mình, thi hành kỷ luật những thành viên có hành vi sai phạm và khai trừ thành viên với sự nhất trí của 2/3 số thành viên.

Mỗi Viện có quyền giữ một cuốn sổ ghi những hoạt động của Viện và theo định kỳ, phải công bố những điều đã ghi, ngoại trừ những việc mà Viện đó cho là cần phải giữ bí mật. Những phiếu thuận và phiếu chống của các thành viên thuộc hai Viện về mọi vấn đề phải được ghi vào cuốn sổ này nếu có yêu cầu của một phần năm các thành viên có mặt.

Trong thời gian Quốc hội họp, không Viện nào được nghỉ họp quá ba ngày hoặc chuyển địa điểm khác với địa điểm mà hai Viện đã quyết định, nếu không được sự đồng ý của Viện kia.

Khoản 6. Các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ được nhận một khoản trợ cấp cho công việc của mình do luật định và được thanh toán bằng Ngân khố của Hợp chúng quốc. Trong mọi trường hợp, trừ tội phản quốc, trọng tội và tội phá rối an ninh, họ được hưởng đặc quyền không bị bắt giam trong thời gian tham dự khóa họp của Viện, trong khi tới dự cuộc họp và trở về nhà từ cuộc họp. Mọi những lời phát biểu và tranh luận của họ trong cả hai Viện này đều không bị chất vấn tại bất kỳ nơi nào khác.

Trong nhiệm kỳ được bầu của mình, không Thượng nghị sĩ hoặc Hạ nghị sĩ nào được bổ nhiệm vào một chức vụ dân sự trong chính quyền Hợp chúng quốc, lương bổng của họ cũng không được tăng trong thời gian đó. Không một ai khi đang đảm nhiệm bất kỳ chức vụ dân sự trong chính quyền Hợp chúng quốc lại được bầu vào bất cứ Viện nào của Quốc hội.

Khoản 7. Mọi dự luật về lợi tức đều phải do Hạ viện khởi xướng, nhưng Thượng viện có quyền đề nghị hoặc chấp thuận những điều sửa đổi trong các

dự luật này như với những dự luật khác.

Mọi đạo luật phải được thông qua bởi Hạ viện và Thượng viện, nhưng trước khi trở thành luật, phải gửi cho Tổng thống của Hợp chúng quốc phê chuẩn. Nếu tán thành, Tổng thống sẽ thể hiện sự đồng ý của mình bằng việc ký vào đạo luật đó. Nhưng nếu thấy việc phê chuẩn đạo luật này là không chính đáng, Tổng thống sẽ trả lại Viện đã khởi xướng đạo luật này cùng với ý kiến không tán thành. Viện này sẽ ghi chép tường tận những ý kiến không tán thành của Tổng thống vào sổ ghi chép của Quốc hội và tiến hành xem xét lại dự luật. Nếu sau khi xem xét, 2/3 thành viên của Viện đó đồng ý thông qua, bất chấp sự phản bác của Tổng thống, thì dự luật sẽ được gửi cho Viện kia, kèm theo ý kiến không tán thành của Tổng thống, để Viện này xem xét. Nếu được 2/3 thành viên của Viện đó phê chuẩn, thì dự luật này sẽ trở thành đạo luật. Nhưng trong mọi trường hợp, cuộc biểu quyết của mỗi Viện được định đoạt bởi các phiếu thuận và chống. Tên của những nghị sĩ tán thành và không tán thành dự luật đó phải được ghi vào cuốn sổ hoạt động của mỗi Viện. Những dự luật mà Tổng thống không gửi trả lại trong vòng 10 ngày (không kể ngày Chủ Nhật) sau ngày đệ trình lên Tổng thống sẽ trở thành đạo luật, như trường hợp Tổng thống đã phê chuẩn, trừ trường hợp vì Quốc hội nghỉ họp nên Tổng thống không thể gửi trả lại cho Quốc hội được. Trong trường hợp đó, dự luật này sẽ không trở thành đạo luật.

Mọi mệnh lệnh, nghị quyết hoặc biểu quyết cần sự chấp thuận của Thượng viện và Hạ viện (trừ trường hợp Quốc hội nghỉ họp), đều phải đệ trình lên Tổng thống Hợp chúng quốc. Trước khi có hiệu lực, chúng phải được Tổng thống phê chuẩn. Nếu Tổng thống không chấp thuận, cần phải có sự chấp thuận lần thứ hai của cả hai Viện với 2/3 thành viên của mỗi Viện, theo đúng các qui chế và giới hạn được qui định cho các trường hợp về dự luật.

Khoản 8. Quốc hội có quyền đặt và thu các khoản thuế để thanh toán các khoản nợ và chi phí cho công cuộc phòng thủ và phúc lợi chung của Hợp

chúng quốc. Nhưng mọi khoản thuế quan và thuế môn bài đều phải thống nhất trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc.

[Có quyền]:

- Vay tiền theo tín dụng của Hợp chúng quốc.
- Quy định việc thương mại với ngoại quốc, giữa các bang và với các bộ lạc Da Đỏ.
- Ban hành những đạo luật thống nhất việc nhập quốc tịch và luật phá sản trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc.
- Đúc và in tiền, qui định giá trị của đồng tiền trong nước và đồng tiền nước ngoài, qui định các tiêu chuẩn đo lường.
- Trừng phạt những vụ làm giả trái phiếu và đồng tiền đang lưu hành ở Hợp chúng quốc.
- Xây dựng các trạm bưu điện và mạng lưới bưu điện.
- Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và các nghề hữu ích bằng cách đảm bảo quyền sở hữu của các tác giả và nhà phát minh đối với các tác phẩm và phát minh trong thời gian hạn định.
- Thiết lập các tòa án cấp dưới của Tòa án tối cao.
- Xác định và trừng phạt các tội cướp biển và trọng tội xảy ra trên biển và những vi phạm luật pháp quốc tế.
- Tuyên chiến, ban hành các văn bản tịch thu và trưng thu để trừng phạt kẻ thù và qui định các thể thức chiếm dụng tài sản trên bộ và mặt biển.

- Thiết lập và nuôi dưỡng một đội quân, nhưng không một khoản ngân sách nào cho vấn đề này được kéo dài quá hai năm.
- Thiết lập và duy trì hải quân.
- Ban hành các luật lệ và các qui chế về lực lượng lục quân và hải quân.
- Trù liệu việc xây dựng lực lượng dự bị nhằm thực thi luật pháp của Liên bang, trấn áp các cuộc phiến loạn và đẩy lùi xâm lăng.
- Trù liệu sự tổ chức, vũ trang và duy trì kỷ luật các lực lượng dự bị của các bang, và chỉ đạo các lực lượng, khi được huy động để phục vụ liên bang Hợp chúng quốc, nhưng vẫn dành cho các bang quyền bổ nhiệm sĩ quan và quyền huấn luyện lực lượng dự bị của mỗi bang, theo kỷ luật do Quốc hội quy định.
- Thực thi độc quyền lập pháp trong mọi trường hợp đối với một vùng đất (không rộng quá 10 dặm vuông) mà các tiểu bang thỏa thuận nhượng lại cho Quốc hội. Sau khi được Quốc hội Liên bang chấp thuận, vùng đất này sẽ trở thành trụ sở của chính quyền liên bang; thi hành quyền lực của liên bang tại tất cả những nơi được mua lại với sự thỏa thuận của cơ quan lập pháp tiểu bang đó, để xây dựng các pháo đài, kho vũ khí, xưởng chế tạo vũ khí, quân cảng và các cơ sở cần thiết khác.
- Ban hành mọi đạo luật cần thiết để thực thi những quyền nói trên, cũng như tất cả những quyền lực khác, được Hiến pháp này trao cho chính phủ Hợp chúng quốc, hoặc cho bất cứ cơ quan nào, hay một quan chức nào của Hợp chúng quốc.

Khoản 9. Nếu một trong các tiểu bang hiện tại xét có thể chấp thuận cho người nào đó được di trú hoặc nhập cảnh, Quốc hội không thể cấm đoán sự di trú hay nhập cảnh này trước năm 1808. Nhưng một khoản thuế không quá 10 đô la cho mỗi người nhập cư có thể được đánh vào sự nhập cư đó.

Đặc ân được xét xử theo đạo luật Habeas Corpus sẽ không bị tước đoạt, trừ trường hợp có phiến loạn và xâm lược, hoặc do yêu cầu nhằm đảm bảo nền an ninh chung đòi hỏi.

Không được thông qua bất cứ đạo luật nào trừng phạt một con người mà không thông qua xét xử. Không được ban hành bất cứ đạo luật hồi tố nào.

Không được ban hành bất cứ loại thuế thân hoặc các loại thuế trực thu khác, nếu không tương ứng với cuộc điều tra dân số kể trên trong điều này.

Không một loại thuế nào được đánh vào các hàng hóa xuất khẩu từ bất cứ bang nào.

Trong những quy chế về thương mại và thu nhập, không hải cảng của bất cứ bang nào được ưu tiên hơn so với hải cảng của những bang khác. Tàu thuyền đến, hay đi từ một bang nào đó, sẽ không bị bắt buộc phải cập bến, phải chịu sự kiểm tra hay phải nộp thuế ở một bang khác.

Không một khoản tiền nào được lấy từ ngân khố Liên bang nếu không có một đạo luật cho phép. Bản báo cáo tài chính thường kỳ về những khoản tiền thu chi của công quỹ phải được công bố thường xuyên.

Hợp chúng quốc không ban tặng bất cứ danh hiệu quý tộc nào. Nếu không được sự đồng ý của Quốc hội, những người đảm nhận những chức vụ có lợi tức, hoặc tín nhiệm của Hợp chúng quốc, không được phép nhận bất cứ quà tặng, lương bổng, hoặc bất cứ danh hiệu, tước vị nào do vua chúa, hoặc chính phủ ngoại quốc ban tặng.

Khoản 10. Không tiểu bang nào có quyền ký kết một hiệp ước, gia nhập liên minh, hoặc liên hiệp nào; không được phép cấp giấy phép trưng thu hay trưng dụng, không được bắt giữ tàu thuyền nước ngoài; không được đúc tiền, hoặc phát hành trái phiếu, nếu không dựa trên bản vị vàng bạc để thanh toán các khoản nợ; không được thông qua các đạo luật gây tổn hại đến dân quyền,

không được ban hành các đạo luật trừng phạt con người về một hành vi không vi phạm pháp luật, hoặc một đạo luật phương hại đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng; không được ban tặng các tước hiệu quý tộc.

Nếu không được sự đồng ý của Quốc hội, không tiểu bang nào được đặt ra thuế và thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu và xuất khẩu, trừ trường hợp tối cần thiết cho việc thực hiện các điều luật về thanh tra. Mọi thu nhập nhờ hệ thống thuế đánh vào hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu, do một bang nào đó đặt ra, đều thuộc quyền sử dụng của Ngân khố Hợp chúng quốc. Đồng thời, mọi điều luật này đều phải đệ trình lên Quốc hội xét duyệt và kiểm soát.

Nếu không được sự đồng ý của Quốc hội, không tiểu bang nào có quyền được đánh thuế tài, duy trì các đội quân và tàu chiến trong thời bình, ký kết hiệp định hoặc thỏa ước với một bang khác hoặc với lực lượng nước ngoài, hoặc tham gia vào cuộc chiến tranh, trừ trường hợp thực sự bị xâm lược, hoặc lâm vào tình trạng cấp bách không thể trì hoãn.

ĐIỀU 2

Khoản 1. Quyền hành pháp sẽ được trao cho một vị Tổng thống Hợp chúng quốc. Tổng thống giữ chức vụ của mình trong nhiệm kỳ bốn năm. Tổng thống và Phó Tổng thống, cũng được bầu ra theo nhiệm kỳ đó, được chọn lựa theo thể thức sau đây:

Theo thể thức do cơ quan lập pháp tiểu bang đó qui định, mỗi bang sẽ cử ra một số đại cử tri bằng tổng số Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ của bang đó tại Quốc hội Liên bang. Nhưng không một Thượng nghị sĩ, Hạ nghị sĩ hoặc một quan chức nào đang đảm nhiệm chức vụ có lợi tức, được chọn làm đại cử tri.

Các đại cử tri sẽ họp ở bang của mình để bỏ phiếu bầu hai người và ít nhất một trong hai người không phải là cư dân trong cùng một bang với người kia. Họ sẽ lập bản danh sách về những người đi bầu và số phiếu bầu của mỗi

người, ký và xác nhận vào danh sách, gắn xi niêm phong và chuyển lên trụ sở của chính phủ Hợp chúng quốc, gửi cho Chủ tịch Thượng viện. Với sự có mặt của Thượng viện và Hạ viện, Chủ tịch Thượng viện sẽ mở các văn bản nói trên và đếm số lượng phiếu bầu. Người nhận được nhiều phiếu bầu nhất sẽ là Tổng thống, nếu như số phiếu bầu này chiếm đa số trong tổng số các đại cử tri được bầu ra. Nếu có từ hai người trở lên có đa số phiếu bầu và có số phiếu bầu bằng nhau, thì Hạ viện sẽ bỏ phiếu để chọn một trong những người đó làm Tổng thống. Nếu không người nào có đa số phiếu bầu, thì Hạ viện cũng theo thể thức như vậy, chọn trong 5 người có số phiếu bầu nhiều nhất trong danh sách để bầu ra Tổng thống. Nhưng trong việc bầu Tổng thống, công việc bầu cử tiến hành theo tiểu bang, mỗi nhóm nghị sĩ của một bang chỉ có một phiếu bầu. Để tiến hành công việc này, cần có mặt 2/3 số tiểu bang, mỗi tiểu bang có một hoặc nhiều đại biểu nhưng đa số của tất cả các tiểu bang mới đủ quyền quyết định. Trong mọi trường hợp, sau khi bầu Tổng thống, người có số phiếu nhiều nhất do các đại cử tri bầu sẽ là Phó Tổng thống. Nhưng nếu vẫn có hai người trở lên có số phiếu bầu bằng nhau, thì Thượng viện sẽ bỏ phiếu chọn trong số đó một người làm Phó Tổng thống.

Quốc hội quyết định thời gian chọn lựa các đại cử tri và ngày các đại cử tri bỏ phiếu chọn Tổng thống phải thống nhất trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc.

Không một người nào có quyền được bầu làm Tổng thống, nếu không phải là công dân sinh ra trên đất Mỹ hoặc đã là công dân Hợp chúng quốc tại thời điểm bản Hiến pháp này được chấp thuận, phải từ 35 tuổi trở lên và có trên 14 năm cư trú trên lãnh thổ Hợp chúng quốc.

Trong trường hợp Tổng thống bị cách chức hoặc tạ thế, từ chức, hoặc không đủ năng lực thực thi quyền lực và nhiệm vụ của chức vụ này, mọi quyền lực và nhiệm vụ Tổng thống sẽ được chuyển giao cho Phó Tổng thống. Quốc hội

có quyền, bằng một đạo luật, bổ nhiệm một quan chức vào ghế trống trong các trường hợp truất quyền, tử vong, từ chức, hoặc không đủ năng lực của cả Tổng thống và Phó Tổng thống. Viên công chức thay quyền Tổng thống hoặc Phó Tổng thống sẽ thi hành nhiệm vụ cho đến khi tình trạng không đủ năng lực của Tổng thống, hoặc Phó Tổng thống, bị xóa bỏ, hoặc khi một Tổng thống mới được bầu ra.

Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống sẽ được nhận một khoản tiền lương trả cho công việc của mình, khoản tiền này sẽ không tăng và cũng không giảm trong suốt nhiệm kỳ. Tổng thống không có quyền được nhận bất cứ một khoản tiền nào khác của Hợp chúng quốc, hoặc bất cứ một bang nào.

Trước khi nhậm chức, Tổng thống phải tuyên thệ như sau: "Tôi trân trọng tuyên thệ rằng tôi sẽ giữ chức vụ Tổng thống Hợp chúng quốc với lòng trung thành và bằng tất cả khả năng của mình, duy trì, giữ gìn và bảo vệ Hiến pháp Hợp chúng quốc."

Khoản 2. Tổng thống sẽ là Tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân Hợp chúng quốc và các lực lượng dân quân của các tiểu bang, khi số dân quân này được triệu tập để phục vụ Hợp chúng quốc. Tổng thống có thể yêu cầu các quan chức của các bộ đề xuất ý kiến bằng văn bản về bất cứ vấn đề nào liên quan tới nhiệm vụ của họ. Tổng thống có quyền hủy bỏ bản án, hoặc ân xá những tội chống lại Hợp chúng quốc, trừ những trường hợp bị luận tội.

Theo thỏa thuận và sự đồng ý của Thượng viện, Tổng thống có quyền ký kết các điều ước với điều kiện được 2/3 số Thượng nghị sĩ có mặt đồng ý. Theo thỏa thuận và đồng ý của Thượng viện, Tổng thống sẽ bổ nhiệm các đại sứ, các công sứ, lãnh sự, các thẩm phán của Tòa án tối cao và mọi quan chức khác của Hợp chúng quốc không qui định theo bản Hiến pháp này, miễn là những việc bổ nhiệm này không trái với những qui định và phải bằng một đạo luật. Nhưng Quốc hội có thể trao cho Tổng thống toàn quyền bổ nhiệm

các quan chức cấp dưới trong các tòa án, hoặc các vụ viện, nếu họ cho là phù hợp.

Tổng thống có quyền bổ sung vào những chỗ trống xảy ra trong thời gian Thượng viện nghỉ họp bằng cách cấp giấy ủy nhiệm hết hạn vào cuối khóa họp tới của Thượng viện.

Khoản 3. Thỉnh thoảng, Tổng thống phải thông báo cho Quốc hội biết về tình hình của Liên bang và đề nghị Quốc hội xem xét những biện pháp mà Tổng thống thấy cần thiết và thích hợp. Trong những trường hợp bất thường, Tổng thống có quyền triệu tập cuộc họp của hai Viện hoặc một trong hai Viện. Nếu hai Viện bất đồng về thời gian hoãn họp, Tổng thống sẽ quyết định về thời gian hoãn họp đến thời điểm mà Tổng thống cho là thích hợp.

Tổng thống sẽ tiếp kiến các đại sứ và các công sứ. Tổng thống phải đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn và giao phó nhiệm vụ cho tất cả các quan chức của Hợp chúng quốc.

Khoản 4. Tổng thống, Phó Tổng thống và các quan chức dân sự của Hợp chúng quốc sẽ bị cách chức khi bị buộc tội phản quốc, tội nhận hối lộ, hoặc những tội nghiêm trọng khác.

ĐIỀU 3

Khoản 1. Quyền lực tư pháp của Hợp chúng quốc sẽ được trao cho Tòa án tối cao và những tòa án cấp dưới mà Quốc hội có thể thiết lập trong một số trường hợp. Các quan tòa của Tòa án tối cao và các tòa án cấp dưới sẽ giữ chức vụ của mình suốt đời, nếu luôn luôn có hành vi chính đáng. Trong thời gian đã nêu trên, họ được nhận khoản tiền lương cho công việc của mình và khoản tiền này sẽ không bị giảm đi trong suốt thời gian đó.

Khoản 2. Quyền lực tư pháp theo bản Hiến pháp này sẽ có hiệu lực đối với tất cả các vụ việc trên phương diện luật pháp và công lý, phát sinh theo Hiến

pháp của Hợp chúng quốc, theo các hiệp ước đã hoặc sẽ ký dưới thẩm quyền của Hợp chúng quốc; với mọi trường hợp liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự; với mọi trường hợp liên quan tới luật pháp hàng hải và hải quân; với những vụ tranh chấp mà Hợp chúng quốc là một bên liên quan; với các tranh chấp giữa hai bang trở lên, giữa một bang với các công dân của bang khác, giữa các công dân của các bang khác nhau, giữa các công dân trong một bang tranh chấp đất đai do các bang khác nhau cấp, hay giữa một bang hoặc các công dân của bang đó với nước ngoài hoặc các công dân và đối tượng nước ngoài.

Trong các trường hợp liên quan tới các đại sứ, các công sứ và các lãnh sự, và trong những vụ mà một bang là một bên của vụ kiện thì Tòa án tối cao có quyền tài phán sơ thẩm. Trong những trường hợp khác, Tòa án tối cao có quyền tài phán phúc thẩm, về pháp lý cũng như thực tế, trừ những ngoại lệ do Quốc hội qui định.

Mọi toán án xét xử các vụ trọng tội, trừ những trường hợp bị luận tội, phải được xét xử theo thể thức bồi thẩm đoàn. Những phiên tòa xét xử đó phải mở tại bang đã xảy ra vụ việc phạm tội. Nhưng nếu vụ việc không xảy ra trong bất cứ bang nào, phiên tòa sẽ họp ở một nơi hay những nơi mà Quốc hội qui định bằng một đạo luật.

Khoản 3. Sẽ chỉ coi là tội phản quốc chống lại Hợp chúng quốc đối với mọi hành động gây chiến tranh tấn công các tiểu bang, hoặc ủng hộ kẻ thù, hay trợ giúp và úy lạo chúng. Không ai bị kết tội phản quốc nếu không có hai người làm chứng về hành vi phạm tội, hoặc bị cáo thú tội công khai trước tòa.

Quốc hội có quyền định hình phạt cho tội phản quốc. Nhưng không một sự tra tấn, hành hình hay việc tịch thu tài sản lại được thực hiện đối với người đó mà chỉ thực hiện đối với bản thân họ mà thôi.

ĐIỀU 4

Khoản 1. Mỗi bang đều phải tin tưởng tuyệt đối vào các điều luật, hồ sơ và thủ tục tố tụng của các bang khác. Quốc hội, bằng những đạo luật thông thường, quy định thể thức chứng thực các điều luật, hồ sơ và thủ tục tố tụng đó, cũng như hiệu lực của chúng.

Khoản 2. Công dân của mỗi bang sẽ được hưởng mọi đặc quyền và quyền bất khả xâm phạm như công dân của mọi tiểu bang khác.

Cá nhân bị truy tố về tội phản quốc, trọng tội hoặc một tội nào khác mà trốn tránh pháp luật nếu bị tìm thấy ở một bang khác, khi có yêu cầu của cơ quan hành pháp của bang mà người đó chạy trốn, sẽ bị trao trả lại và dẫn độ về bang có thẩm quyền xét xử.

Không một cá nhân nào, nếu bị câu thúc phải lao động, hay làm việc theo như luật pháp ở bang này, bỏ trốn sang bang khác, lại có thể dựa vào luật lệ và qui chế ở bang này, để trốn tránh những hình phạt nói trên sẽ phải được trao trả lại theo yêu cầu của tiểu bang mà cá nhân đó buộc phải làm việc và lao động.

Khoản 3. Những bang mới có thể được Quốc hội chấp nhận cho gia nhập Liên bang. Nhưng không một bang mới nào được thành lập, hoặc xây dựng nên dưới thẩm quyền của bất cứ bang nào khác. Cũng không một bang nào được thành lập bằng cách sáp nhập hai bang trở lên, hoặc những vùng lãnh thổ của các tiểu bang, nếu không được sự đồng ý của cơ quan lập pháp ở các bang có liên quan, cũng như của Quốc hội.

Quốc hội có quyền sử dụng hoặc quyền ban hành mọi đạo luật và qui chế cần thiết liên quan tới lãnh thổ hoặc các tài sản khác thuộc Hợp chúng quốc. Không một điều khoản nào trong Hiến pháp này được giải thích gây tổn hại đến bất cứ tuyên bố nào của Hợp chúng quốc hay của bất cứ một tiểu bang

nào.

Khoản 4. Hợp chúng quốc đảm bảo cho mỗi bang trong Liên bang này một chính thể cộng hòa và bảo vệ mọi tiểu bang chống lại sự xâm lược theo lời yêu cầu của cơ quan lập pháp, hoặc hành pháp (khi cơ quan lập pháp không thể nhóm họp), để chống lại tình trạng bạo động nội bộ trong tiểu bang đó.

ĐIỀU 5

Khi 2/3 thành viên của cả hai Viện xét thấy cần thiết sẽ đưa ra những tu chính án đối với Hiến pháp này, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan lập pháp ở 2/3 các bang, Quốc hội sẽ triệu tập một Hội nghị để đề xuất những tu chính án. Trong cả hai trường hợp, những tu chính án này đều có hiệu lực như một bộ phận của Hiến pháp, nếu được các cơ quan lập pháp của 3/4 các bang, hoặc Hội nghị của 3/4 các bang, phê chuẩn, theo thể thức phê chuẩn do Quốc hội đề nghị, với điều kiện là không một tu chính án nào được chấp thuận trước năm 1808 nếu có ảnh hưởng thay đổi đoạn 1 và đoạn 4 trong khoản 9 của Điều 1. Không một bang nào, nếu không có sự đồng thuận của bang đó, lại bị tước đoạt quyền bỏ phiếu bình đẳng trong Thượng viện.

ĐIỀU 6

Mọi khoản nợ đã ký kết và những cam kết ký trước khi bản Hiến pháp này được thông qua, vẫn có hiệu lực đối với Hợp chúng quốc được thành lập theo bản Hiến pháp này, cũng như đối với Liên minh cũ.

Hiến pháp này, các đạo luật của Hợp chúng quốc được ban hành theo Hiến pháp này, mọi điều ước đã, hoặc sẽ được ký kết dưới thẩm quyền của Hợp chúng quốc, sẽ là bộ luật tối cao của quốc gia. Quan tòa ở mọi tiểu bang đều phải tuân theo những luật tối cao này. Bất cứ điều khoản nào trong Hiến pháp, hoặc luật pháp của các bang trái ngược với Hiến pháp Liên bang, đều không có giá trị.

Các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ, các thành viên của cơ quan lập pháp các bang, các quan chức trong cơ quan hành pháp và tư pháp của liên bang và tiểu bang, đều phải tuyên thệ ủng hộ Hiến pháp này. Nhưng không một điều kiện tôn giáo nào bị coi là bắt buộc, như tiêu chuẩn cần thiết, để bổ nhiệm vào bất cứ chức vụ, hoặc cơ quan nào trong chính quyền Hợp chúng quốc.

ĐIỀU 7

Sự phê chuẩn do các hội nghị tiểu bang của 9 tiểu bang sẽ được coi là đủ điều kiện cần thiết để các bang tham gia phê chuẩn thiết lập bản Hiến pháp cho Liên bang.

Làm tại Hội nghị Lập hiến với sự đồng thanh chấp thuận của các tiểu bang có mặt vào ngày 17 tháng Chín năm Thiên chúa Giáng sinh thứ 1787, và là năm độc lập thứ 12 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Để chứng thực, chúng tôi, những người có mặt tại đây, đã đồng ý và ký tên.

Go. Washington,

Chủ tịch Hội nghị,

Đại biểu Bang Virginia

BANG NEWHAMPSHIRE

John Langdon

Nicholas Gilman

BANG MASSACHUSETTS

Nathaniel Gorham

Rufus King

BANG CONNECTICUT

Wm. Saml. Johnson

Roger Sherman

BANG NEW YORK

Alexander Hamilton

BANG NEW JERSEY

Wil: Livingston

David Brearley.

Wm. Paterson.

Jona: Dayton

BANG PENNSYLVANIA

B Franklin

Thomas Mifflin

Robt Morris

Geo. Clymer

Thos. FitzSimons

Jared Ingersoll

James Wilson

Gouv Morris

BANG DELAWARE

Geo: Read

Gunning Bedford jun

John Dickinson

Richard Bassett

Jaco: Broom

BANG MARYLAND

James McHenry

Dan of St Thos. Jenifer

Danl Carroll

BANG VIRGINIA

John Blair–

James Madison Jr.

BANG Bắc CAROLINA

Wm. Blount

Richd. Dobbs Spaight

Hu Williamson

BANG NAM CAROLINA

J. Rutledge

Charles Cotesworth Pinckney

Charles Pinckney

Pierce Butler

BANG GEORGIA

William Few

Abr Baldwin

William Jackson - Thư ký

Kiến nghị của Hội nghị Lập hiến gửi Quốc hội Hợp bang về bản Hiến pháp vừa được soạn thảo.

Làm tại Hội nghị Lập hiến

Thứ Hai, ngày 17 tháng Chín năm 1787

Với sự có mặt của đại biểu các bang: New Hampshire, Massachusetts, Connecticut, New York, New Jersey, Pennsylvania, Delaware, Maryland, Virginia, Bắc Carolina, Nam Carolina và Georgia

Hội nghị này, đề nghị đệ trình bản Hiến pháp, được gửi kèm theo đây, lên Quốc hội Hợp bang và sau đó, sẽ được gửi đến Hội nghị của các tiểu bang, do dân chúng các tiểu bang bầu ra, theo đề nghị của cơ quan lập pháp bang đó, để xem xét và phê chuẩn. Hội nghị ở mỗi bang, sau khi đồng ý và phê

chuẩn Hiến pháp, sẽ chuyển ý kiến lên Quốc hội Hợp bang.

Theo ý kiến của Hội nghị này, đề nghị rằng ngay sau khi có đủ sự phê chuẩn của 9 bang, Quốc hội Hợp bang sẽ ấn định thời gian, để các bang đã thông qua Hiến pháp chỉ định các đại cử tri và ấn định thời gian để đại cử tri họp bầu Tổng thống, qui định thời gian và địa điểm để tiến hành các thủ tục khác theo bản Hiến pháp này.

Sau khi Hiến pháp được công bố, các đại cử tri đã được chỉ định, các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ đã được bầu ra, các đại cử tri sẽ tập họp tại ngày qui định, để bầu chọn Tổng thống và chuyển các phiếu bầu của họ, được họ chứng nhận, ký tên, gắn xi niêm phong, lên cho Thư ký của chính phủ Hợp chúng quốc tại Quốc hội. Các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ sẽ được triệu tập họp vào thời gian và địa điểm đã định. Các Thượng nghị sĩ sẽ lựa chọn một Chủ tịch của Thượng viện với mục đích nhận, mở và đếm phiếu bầu Tổng thống. Sau khi đã lựa chọn được Tổng thống, Quốc hội sẽ cùng với Tổng thống, không chút trì hoãn, thực thi bản Hiến pháp này.

Tuân theo ý chí thống nhất của Hội nghị.

Go. Washington — Chủ tịch

W Jackson - Thư ký

Thư của Chủ tịch Hội nghị Lập hiến gửi Chủ tịch Quốc hội Hợp bang, đề trình bản Hiến pháp.

Làm tại Hội nghị Lập hiến.

Ngày 17 tháng Chín năm 1787

Thưa Ngài,

Bây giờ, chúng tôi có vinh dự đề trình bản Hiến pháp lên Quốc hội Hợp

bang mà theo chúng tôi là thích hợp nhất.

Những người ủng hộ chính quyền của chúng ta đã từ lâu mong ước và trông đợi rằng quyền tuyên bố chiến tranh và hòa bình, quyền thu thuế và điều hành thương mại, và các thẩm quyền hành pháp và tư pháp tương xứng phải được trao hoàn toàn vào tay chính quyền liên bang. Nhưng rõ ràng việc trao các quyền lực lớn lao như vậy chỉ vào một cơ quan là không thích đáng, nên cần phải có một hệ thống khác.

Việc thiết lập một chính quyền liên bang của các tiểu bang, đảm bảo mọi chủ quyền độc lập của các tiểu bang, nhưng vẫn đảm bảo lợi ích và an toàn chung cho liên bang, là một điều rất khó khăn. Khi các cá nhân gia nhập xã hội, họ phải chấp nhận hy sinh một phần tự do để bảo đảm những quyền còn lại. Tính chất trọng yếu của sự hy sinh này phải tùy thuộc vào tình huống và môi trường, cũng như phụ thuộc vào mục đích cần đạt được. Rất khó khăn để dựng ra được một đường ranh giới chính xác cho những quyền phải hy sinh và những quyền cần giữ lại. Đối với bối cảnh hiện nay của nước Mỹ, khó khăn này tăng lên bởi sự khác biệt giữa các tiểu bang về vị trí địa lý, môi trường, phạm vi, phong tục, tập quán và những mối quan tâm khác.

Trong mọi cuộc thảo luận tại Hội nghị, chúng tôi kiên quyết theo đuổi lợi ích lớn lao nhất cho mọi người dân Mỹ, củng cố vững chắc liên minh của chúng ta, đảm bảo thịnh vượng, hạnh phúc, an toàn, và có có lẽ cả sự tồn tại của quốc gia này. Chúng tôi luôn xem xét các vấn đề quan trọng này, với suy nghĩ sâu sắc và nghiêm túc rằng mỗi tiểu bang cần giảm bớt những đòi hỏi cứng nhắc và cố chấp mang tính địa phương. Bản Hiến pháp, như chúng tôi có hiện nay, là kết quả của tình bằng hữu thân ái, của sự cần thiết phải phụ thuộc và nhượng bộ lẫn nhau do sự khác biệt quan điểm chính trị.

Không thể trông đợi một bản Hiến pháp được tất cả các tiểu bang chấp thuận. Nhưng mỗi tiểu bang cần cân nhắc thật thận trọng rằng nếu chỉ vì lợi ích của riêng mình, thì sẽ không thể được các bang khác chấp thuận và có

thể sẽ gây hại cho các tiểu bang khác. Và dù có một vài đại biểu không chấp thuận như mong đợi, chúng tôi vẫn hy vọng và tin tưởng rằng bản Hiến pháp này sẽ thúc đẩy sự thịnh vượng vĩnh viễn trên đất nước yêu quý của chúng ta, đảm bảo tự do và hạnh phúc trên mảnh đất này. Đó là ước muốn mãnh liệt và nồng nàn nhất của hết thảy mọi người.

Chúng tôi, với lòng kính trọng nhất, xin được gửi tới Ngài,

George Washington,

Chủ tịch Hội nghị.

TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

(The Bill of Rights)

Bản Tuyên ngôn nhân quyền bao gồm 10 tu chính án đầu tiên, được Quốc hội Mỹ thông qua ngày 25 tháng Chín năm 1789, và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng Mười hai năm 1791, khi được Virginia là tiểu bang cần thiết cuối cùng, theo Điều 5 của Hiến pháp, phê chuẩn.

Lời mở đầu của bản Tuyên ngôn nhân quyền (Tu chính án số 1 đến số 10)

Quốc hội Hợp chúng quốc bắt đầu nhóm họp tại thành phố New York vào ngày thứ Tư lần thứ tư của tháng 3, năm 1791.

Vào thời gian phê chuẩn bản Hiến pháp này, Hội nghị của một số tiểu bang, đã thể hiện lòng mong ước ngăn chặn những sai trái hay lạm dụng quyền lực của bản Hiến pháp này, cho rằng cần phải bổ sung một tuyên bố rõ ràng hơn về các quyền của dân chúng và có những điều khoản hạn chế quyền của chính phủ, để tăng niềm tin của dân chúng vào chính quyền và để đảm bảo tốt nhất những mục đích tốt đẹp của thể chế này.

Theo quyết định của Thượng viện và Hạ viện của Hợp chúng quốc, 2/3 đại

biểu của cả hai Viện đã đồng ý rằng những điều khoản sau đây sẽ gửi đến các cơ quan lập pháp tiểu bang, như những tu chính án cho bản Hiến pháp Hợp chúng quốc. Tất cả, hay bất kỳ một điều khoản nào ở đây, khi được 3/4 các cơ quan lập pháp tiểu bang, đã nói ở trên, phê chuẩn, sẽ có giá trị về mọi ý nghĩa và mục đích như một phần của bản Hiến pháp.

Các điều khoản bổ sung này và các bản tu chính án của Hiến pháp Hợp chúng quốc, được Quốc hội đề xuất và được các cơ quan lập pháp tiểu bang thông qua, tuân theo đúng qui định tại điều 5 của bản Hiến pháp.

ĐIỀU I

Quốc hội sẽ không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo, hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng, hạn chế tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền của dân chúng được hội họp ôn hòa và kiến nghị lên chính phủ các điều thỉnh cầu, để bày tỏ những nỗi bất bình của họ.

ĐIỀU II

Vì lẽ một đội dân quân được tổ chức nghiêm chỉnh là rất cần thiết cho nền an ninh của một quốc gia tự do, nên quyền của dân chúng được giữ và sử dụng vũ khí sẽ không bị vi phạm.

ĐIỀU III

Không một quân nhân nào, trong thời bình, lại được đóng quân trong bất cứ nhà dân nào, nếu không được sự đồng ý của chủ nhà và ngay cả trong thời chiến, cũng phải tuân theo qui định của luật pháp.

ĐIỀU IV

Quyền của con người được đảm bảo về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản khỏi mọi sự khám xét, tịch thu và bắt giam vô lý, sẽ không được vi phạm.

Không một lệnh, trát nào được cấp, nếu không có lý do xác đáng căn cứ vào lời tuyên thệ, hoặc sự xác nhận, đặc biệt cần miêu tả chính xác địa điểm khám xét và chỉ rõ người và đồ vật phải bắt giữ.

ĐIỀU V

Không một ai bị buộc phải trả lời về một trọng tội, hay một tội xấu xa khác, nếu không có một cáo tội trạng hay tố cáo trạng do bồi thẩm đoàn đưa ra, trừ những trường hợp xảy ra trong lục quân, hải quân, hoặc trong lực lượng dân quân dự bị, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến, hoặc trong tình trạng báo động. Không một ai sẽ bị kết án hai lần về cùng một tội có nguy hại đến tính mạng và thân thể. Không một ai bị ép buộc phải làm chứng chống lại bản thân mình trong một vụ án hình sự và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản, nếu không qua một quá trình xét xử theo đúng luật. Không một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được bồi thường thích đáng.

ĐIỀU VI

Trong mọi trường hợp truy tố hình sự, bị cáo có quyền được xét xử một cách nhanh chóng và công khai bởi một bồi thẩm đoàn công bằng của bang hoặc khu vực nơi tội trạng xảy ra, nơi đã được pháp luật chỉ định trước. Bị cáo có quyền được biết về tính chất và lý do buộc tội, được đối chất với các nhân chứng chống lại mình, được quyền triệu tập những nhân chứng để biện minh và được nhận sự giúp đỡ của luật sư bào chữa.

ĐIỀU VII

Trong những vụ kiện tụng theo thông luật, nếu giá trị tranh chấp quá 20 đôla, quyền được xét xử bằng bồi thẩm đoàn phải được tôn trọng. Không một vụ việc nào, sau khi đã được Bồi thẩm đoàn xét xử, lại bị xem xét một lần nữa ở bất cứ tòa án nào của Hợp chúng quốc mà phải căn cứ theo các quy tắc của

thông luật.

ĐIỀU VIII

Không được đòi hỏi những khoản tiền bảo lãnh quá cao, không được áp đặt những khoản tiền phạt quá mức và không được áp dụng những hình phạt dã man và khác thường.

ĐIỀU IX

Việc liệt kê một số quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp những quyền khác của người dân.

ĐIỀU X

Những quyền không được Hiến pháp trao cho Liên bang và không bị ngăn cấm đối với các bang đều thuộc về các bang hoặc dành cho dân chúng.

Lưu hành trực tuyến: Chuyên trang
Học luật trực tuyến (hocluat.vn)



fb.com/hocluat.vn



tailieu@hocluat.vn



Nên chia sẻ để học tập, không nên thương mại hóa